

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI - VIỆN SỬ HỌC

**KHƠI NGHĨA TRÀ BÔNG  
VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI  
SỰ KIỆN VÀ Ý NGHĨA**

SỰ KIỆN VÀ Ý NGHĨA



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI



**KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG  
VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI  
SỰ KIỆN VÀ Ý NGHĨA**

2000

*959.704 897 53*

*KH 462/897  
Kinh biên:*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI - VIỆN SỬ HỌC

**KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG  
VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI  
SỰ KIỆN VÀ Ý NGHĨA**

*700-208 036  
885*

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI



## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tháng 8 năm 1959, một sự kiện quan trọng trong phong trào cách mạng của nhân dân miền Nam đã nổ ra trên vùng núi rừng Nam Trung Bộ: tại Trà Bồng, một huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi, nhân dân đã nổi dậy chống lại ách thống trị của chính quyền Sài Gòn ở địa phương. Bộ máy chính quyền Sài Gòn ở địa phương bị phá bỏ, chính quyền cách mạng dưới hình thức Ủy ban Nhân dân tự quản được thành lập.

Từ Trà Bồng, cuộc khởi nghĩa đã nhanh chóng lan ra các huyện miền núi khác như Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long... Nhân dân ở đây cũng đã nổi dậy đập tan ách thống trị tàn bạo của chính quyền Sài Gòn, lập chính quyền cách mạng. Phối hợp với cuộc nổi dậy của quần chúng, các đơn vị vũ trang cách mạng của tỉnh Quảng Ngãi và các nhóm vũ trang tuyên truyền ở các huyện đã mở nhiều đợt tiến công quân sự, chống lại sự phản kích của quân đội Sài Gòn, bảo vệ thành quả của cuộc khởi nghĩa, tạo ra thế đứng vững chắc của các lực lượng cách mạng tại vùng núi rừng Nam Trung Bộ nối liền với các căn cứ cách mạng ở địa bàn Tây Nguyên.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi có ý nghĩa lịch sử to lớn, đã mở đầu thời kỳ đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, góp phần đẩy mạnh cao trào khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền ở địa phương của nhân dân miền Nam trong những năm 1959-1960. Thắng lợi này không chỉ chứng minh sự đúng đắn trong chiến lược của Đảng ta về đấu tranh vũ trang và khởi nghĩa vũ trang được thể hiện trong Nghị quyết lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, không chỉ cung cấp những kinh nghiệm quý báu cho việc vận dụng Nghị quyết 15 vào thực tiễn cách mạng ở Quảng Ngãi và các địa phương khác ở miền Nam, mà còn là kết quả của sự chủ động, sáng tạo của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ngãi trong sự nghiệp cách mạng vẻ vang của nhân dân ta.

Để làm rõ thêm về ý nghĩa lịch sử thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, trong 2 ngày 25 và 26 tháng 8 năm 2004, UBND tỉnh Quảng Ngãi phối hợp với Viện Sử học đã tổ chức thành công Hội thảo khoa học tại thành phố Quảng Ngãi. Sau Hội thảo, tác giả các tham luận đã bổ sung, sửa chữa để trong dịp này, kỷ niệm 50 năm khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, Nhà xuất bản Khoa học xã hội phối hợp với UBND tỉnh Quảng Ngãi và Viện Sử học xuất bản cuốn sách: “*Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi – sự kiện và ý nghĩa*”.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách quý cùng bạn đọc.

Tháng 8 năm 2009

**NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI**



## LỜI GIỚI THIỆU

Nhân kỷ niệm 45 năm cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi (28.8.1959 – 28.8.2004) Viện Sử học cùng với tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức Hội thảo khoa học về sự kiện và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa này.

Hơn 50 bản tham luận của các đồng chí nguyên là lãnh đạo hoặc trực tiếp tham gia cuộc khởi nghĩa, các nhân chứng lịch sử, các nhà khoa học, nhà nghiên cứu đã khẳng định ý nghĩa, tầm vóc, vị trí, vai trò của cuộc khởi nghĩa trong giai đoạn chuyển hướng chiến lược từ đấu tranh chính trị đơn thuần, nghiêm chỉnh thực hiện Hiệp định Giơnevơ sang đấu tranh chính trị có hỗ trợ của vũ trang theo tinh thần Nghị quyết 15 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá II.

Những bài viết, những ý kiến đóng góp đó đã làm sáng tỏ ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa, là tài sản vô giá góp phần tô đậm thêm truyền thống cách mạng của địa phương và cũng là sự mong đợi của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi.

Hầu hết các tham luận của đại biểu đã làm nổi bật cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là sự kiện mở đầu cho khởi nghĩa vũ trang ở Nam Trung bộ nhằm thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng lúc bấy giờ và nó là một trong những ngọn cờ đầu trong phong trào đồng khởi ở miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Quảng Ngãi là một tỉnh có bề dày truyền thống cách mạng, vùng tự do trong kháng chiến chống Pháp. Các huyện miền núi Quảng Ngãi là địa bàn chiến lược quan trọng và là căn cứ địa cách mạng trong kháng chiến chống Pháp, có khởi nghĩa Ba Tơ (11.3.1945) mở đầu cao trào Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Chính vì vậy nên từ khi đặt

*chân lên đất Quảng Ngãi, Mỹ - Diệm đã ra sức khủng bố, đàn áp hòng làm nhụt tinh thần cách mạng của nhân dân và đánh bắt Đảng ra khỏi quần chúng.*

*Từ những năm tháng gian khổ, ác liệt đó, Tỉnh ủy Quảng Ngãi và đại bộ phận các Huyện ủy trong tỉnh vẫn tồn tại, liên tục lãnh đạo quần chúng đấu tranh, xây dựng được căn cứ địa ở miền núi, bám dân xây dựng thực lực ở đồng bằng.*

*Qua thực tế và kinh nghiệm lãnh đạo, Tỉnh ủy Quảng Ngãi lúc bấy giờ đã thấy được con đường phát triển của cách mạng miền Nam không thể chỉ thực hiện phương châm đấu tranh chính trị đơn thuần, mà phải có sự hỗ trợ của vũ trang. Nhận thức đó đã được chứng minh từ những năm 1956 - 1957, ở một số địa phương trong tỉnh quần chúng đã bí mật diệt một số tên tè ngụy ác ôn, tạo điều kiện cho phong trào những nơi này phát triển. Nhiều địa phương ở miền núi Quảng Ngãi đã tổ chức các nhóm vũ trang theo phong tục đồng bào dân tộc ít người để “đòi trả đầu” người thân bị Mỹ - Diệm sát hại. Qua đó diệt một số tên ngoan cố trong bộ máy ngụy quyền làm cho chúng hoang mang lo sợ, mở thế kìm kẹp cho quần chúng.*

*Trong khi Nghị quyết 15 của Trung ương chưa ra đời, nhưng Quảng Ngãi đã mạnh dạn cử cán bộ trực tiếp xin ý kiến của Khu ủy V cho xây dựng lực lượng vũ trang và tiến hành khởi nghĩa khi có điều kiện. Hồi đó phải có gan và nhiệt tình cách mạng thật cao mới dám đề xuất ý kiến này với cấp trên vì đây là vấn đề chấp hành đường lối. Chính lòng tin và sự kiên trì nên đã tập trung chuẩn bị các điều kiện cần thiết như lương thực, súng đạn,... và khi có Nghị quyết 15 của Trung ương ra đời, Tỉnh ủy đã chớp thời cơ thành lập ngay lực lượng vũ trang với 3 đơn vị tập trung của tỉnh.*

*Do bị áp bức dồn nén lâu ngày nên khi có điều kiện quần chúng đã đồng loạt nổi dậy đánh trống mõ, đốt đuốc, truy bắt tè ngụy thành lập chính quyền cách mạng. Từ Trà Bồng, cuộc khởi nghĩa đã lan sang*

các huyện miền núi khác và từ nó đã hình thành một cuộc khởi nghĩa vũ trang trên một phạm vi năm huyện miền núi Quảng Ngãi.

Kết quả cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là ta đã mở ra một vùng giải phóng rộng lớn gồm 40 xã nối liền từ Bắc đến Nam tỉnh Quảng Ngãi và quan trọng là vùng căn cứ này vẫn giữ vững cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, là hậu cứ vững chắc cho tỉnh Quảng Ngãi và Khu V trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Các đại biểu cũng khẳng định đây là cuộc khởi nghĩa vũ trang có sự chỉ đạo, chỉ huy chặt chẽ của cấp ủy Đảng, là kết quả của sự quyết tâm, táo bạo, sáng tạo, tinh thần đoàn kết nhất trí của Tỉnh ủy lúc đó đã tạo thành yếu tố quan trọng dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa. Tỉnh Quảng Ngãi chân thành cảm ơn các đại biểu, các nhà nghiên cứu, các nhà khoa học đã đóng góp nhiều ý kiến quan trọng mang tính khoa học gắn liền lý luận và thực tiễn nhằm làm sáng tỏ thêm ý nghĩa và tầm vóc cuộc khởi nghĩa.

Nhân kỷ niệm 50 năm cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, Viện Sử học cùng tỉnh Quảng Ngãi phát hành tập sách: **Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi - sự kiện và ý nghĩa**.

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu đến các đồng chí và bạn đọc gần xa.

**Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi**



**PHÁT BIỂU CHÀO MỪNG CỦA ĐỒNG CHÍ  
HỒ NGHĨA DŨNG BÍ THƯ TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI  
TẠI HỘI THẢO KHOA HỌC “CUỘC KHỞI NGHĨA  
TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI”\***

*Kính thưa các vị đại biểu!*

*Thưa các vị khách quý!*

Trước hết, cho phép tôi thay mặt lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi nhiệt liệt chào mừng sự có mặt của các đồng chí và các vị tại Hội thảo, đặc biệt là các đồng chí đại diện Viện Sử học cùng các nhà nghiên cứu, các nhà khoa học đến từ Thủ đô Hà Nội và các địa phương trong cả nước. Sự có mặt của các đồng chí và các vị tại Hội thảo cũng như các ý kiến tham luận mà các đồng chí và các vị sẽ trình bày là một nội dung rất quan trọng của các hoạt động kỷ niệm 45 năm cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi.

*Thưa các đồng chí và các vị!*

Đã 45 năm trôi qua kể từ ngày ngọn lửa quật khói hào hùng của nhân dân các dân tộc anh em bùng lên ở vùng đất quê Trà Bồng và khắp miền Tây Quảng Ngãi, và gần 30 năm sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Cùng với những sự kiện lịch sử diễn ra trên mảnh đất Quảng Ngãi trước và sau đó như khởi nghĩa Ba Tơ, chiến thắng Ba Gia, chiến thắng Vạn Tường, cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã trở

---

\* Đồng chí Hồ Nghĩa Dũng hiện nay là Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

thành một dấu son ngời sáng, một tài sản vô giá của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, góp phần tô điểm những trang sử cách mạng hào hùng của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Có thể nói rằng, ngay từ sau thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, đặc biệt là trong Đại hội Đại biểu Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi tháng 2 năm 1960, có sự tham dự và chỉ đạo của đồng chí Võ Chí Công – nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Bí thư Khu ủy V – lúc bấy giờ, cũng đã có sự phân tích về nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của cuộc khởi nghĩa này. Từ đó đến nay, nhiều bài viết, nhiều tác phẩm, công trình nghiên cứu được xuất bản ở Trung ương, Quân khu V và Quảng Ngãi, ở những mức độ và yêu cầu khác nhau đã đề cập và phân tích những vấn đề đặt ra từ thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, vị trí của cuộc khởi nghĩa này trong bối cảnh cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Quảng Ngãi, nhân dân các tỉnh Nam Trung Bộ và cả miền Nam giai đoạn 1954 – 1960, giai đoạn khó khăn nhất của Cách mạng miền Nam.

Những bài học kinh nghiệm từ cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, đặc biệt là vai trò lãnh đạo của Đảng – nhân tố có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta; tính chủ động, sáng tạo trong lãnh đạo quần chúng đấu tranh phù hợp với từng giai đoạn cách mạng cụ thể; sự kiên định của tư tưởng cách mạng tiến công và con đường bạo lực cách mạng; tư tưởng dựa vào quần chúng, vì quyền lợi của quần chúng để tập hợp và tổ chức lực lượng; phương pháp kết hợp

đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang... đã được Tỉnh ủy Quảng Ngãi nghiên cứu, vận dụng tích cực, góp phần vào thắng lợi to lớn của quân và dân Quảng Ngãi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng tinh thần, cùng cả nước và với cả nước làm nên Đại thắng Mùa Xuân năm 1975 lịch sử.

### *Kính thưa các đồng chí và các vị!*

Trong giai đoạn hiện nay, đứng trước yêu cầu phát triển mới của đất nước, việc phát huy truyền thống cách mạng của quân và dân ta trong đó có lịch sử đấu tranh cách mạng của quân và dân Quảng Ngãi, đặc biệt là yêu cầu về xây dựng và củng cố khối Đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân vững mạnh, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu gây chia rẽ, mất đoàn kết của kẻ thù, bảo vệ thành quả của sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, thì nhiều sự kiện quan trọng diễn ra trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, trong đó có cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi tháng 8 năm 1959, cần được tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu một cách toàn diện và có hệ thống để đi đến những kết luận chính xác vừa có tính khái quát cao lại vừa giàu ý nghĩa thực tiễn.

Tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi cũng như những chiến công xuất sắc của quân và dân Quảng Ngãi trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc cũng đồng thời góp phần bổ sung, hoàn thiện những tri thức về khoa học quân sự trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về an ninh quốc phòng - xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

Tìm hiểu, nghiên cứu về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi cũng là tìm hiểu, nghiên cứu về truyền thống yêu nước - cách mạng, truyền thống văn hóa của các dân tộc anh em sống trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, góp phần vào sự nghiệp giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần yêu nước, ý thức đoàn kết, hợp quần cho các thế hệ người Quảng Ngãi, nhất là thế hệ trẻ.

Trên tinh thần đó, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Quảng Ngãi đánh giá cao sự quan tâm và rất coi trọng những bài viết, những công trình nghiên cứu khoa học về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi của các vị lão thành cách mạng, các nhà khoa học, các nhà báo, nhà văn đã, đang và sẽ được thực hiện, đặc biệt là những ý kiến, tham luận tại Hội thảo lần này.

Nhân đây, tôi đề nghị Ban tổ chức Hội thảo và Viện Sử học cần kịp thời tổng hợp các ý kiến, các nội dung tham luận để sớm công bố Kỷ yếu về Hội thảo nhằm góp phần khẳng định tầm vóc, ý nghĩa và tác động của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi tháng 8 năm 1959 trong cao trào đồng khởi ở Nam Trung bộ và miền Nam những năm 1959 – 1960.

Một lần nữa, thay mặt lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi, tôi chân thành cảm ơn sự có mặt cũng như các ý kiến, các tham luận của các đồng chí đại biểu và các nhà khoa học sẽ trình bày tại Hội thảo lần này; cảm ơn Viện Sử học cùng các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở Trung ương, các địa phương trong cả nước và của tỉnh Quảng Ngãi đã góp phần công sức quý báu để Hội thảo được tiến hành đúng theo kế hoạch, đáp ứng nguyện vọng của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi.

*Chúc các đồng chí và các vị dồi dào sức khỏe, chúc Hội thảo của chúng ta thành công.*

*Xin trân trọng cảm ơn!*

# BÁO CÁO ĐỀ DẪN HỘI THẢO KHOA HỌC VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI

NGUYỄN KIM HIỆU\*

*Kính thưa các đồng chí đại biểu,*

*Kính thưa các đồng chí và các bạn,*

Đã 45 năm trôi qua, kể từ khi nổ ra cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi. Thời gian không những không làm phai nhạt đi mà còn làm cho mỗi người Việt Nam chúng ta nhận thức sâu sắc hơn về bối cảnh, diễn biến, kết quả, ý nghĩa lịch sử và những bài học kinh nghiệm của cuộc khởi nghĩa ấy.

*Kính thưa các vị đại biểu,*

Như chúng ta biết, cuối tháng 8 năm 1959, trong khí thế cách mạng sôi sục thể hiện ý chí quyết tâm chiến đấu chống lại sự đàn áp dã man của kẻ thù, bảo vệ xóm làng, bảo vệ quyền sống của mình, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, hơn 16.000 đồng bào các dân tộc huyện Trà Bồng có lực lượng tự vệ vũ trang làm nòng cốt, được Trung đội vũ trang 339 của tỉnh hỗ trợ, đã nổi dậy đánh đổ chính quyền tay sai của Mỹ - Diệm ở địa phương, xây dựng quyền làm chủ của mình.

Ngọn lửa cách mạng từ Trà Bồng đã nhanh chóng lan truyền ra các vùng xung quanh; ngay sau đó, phong trào khởi nghĩa đã liên tiếp nổ ra ở Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ và cả các huyện miền núi thuộc miền Tây Quảng Ngãi. Tại đây, các Ủy

---

\* Tiến sĩ, Phó bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

ban tự quản nhân dân được thành lập để thay thế bộ máy chính quyền của Mỹ - Diệm.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi làm nức lòng nhân dân cả nước và làm kẻ thù khiếp sợ. Thắng lợi ấy đã mở đầu trang sử đấu tranh chính trị và vũ trang song song, là đỉnh cao nhất của phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi lúc bấy giờ... Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi có giá trị lớn, vì đã cung cấp được nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc vận dụng Nghị quyết 15/TƯ không chỉ ở Quảng Ngãi mà ở trong toàn Khu V.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi chẳng những thúc đẩy phong trào Khu V mà còn góp phần cổ vũ phong trào cách mạng trên toàn miền Nam, chứng minh sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và tinh thần yêu nước, tinh thần bất khuất, kiên cường của nhân dân ta trước mũi súng quân thù.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là một trong những mốc son quan trọng mở đầu cho phong trào Đồng khởi long trời lở đất ở miền Nam trong những năm 1959 – 1960.

*Kính thưa các vị đại biểu,*

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi tháng 8 năm 1959 có vị trí quan trọng trong lịch sử phát triển của phong trào cách mạng miền Nam. Trong một số Văn kiện cũng như trong nhiều sách báo và các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước đều có đề cập đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng

Ngãi. Song, cho đến nay, chưa có điều kiện nên chúng ta chưa nghiên cứu được một cách đầy đủ, có hệ thống và toàn diện về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, cũng như ý nghĩa to lớn của nó đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của dân tộc ta.

Nhân dịp kỷ niệm 45 năm sự kiện đầy ý nghĩa này, trong hai ngày 25 và 26 tháng 8 năm 2004, UBND tỉnh Quảng Ngãi phối hợp với Viện Sử học Việt Nam tổ chức Hội thảo khoa học về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi với các nội dung chính sau đây:

1. Bối cảnh lịch sử dẫn đến cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi. Tương quan lực lượng địch – ta và sự chỉ đạo của Đảng nhằm đối phó với âm mưu và các thủ đoạn của kẻ thù.
2. Diễn biến, quy mô và kết quả cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi .
3. Ý nghĩa lịch sử, vai trò, vị trí của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta ở miền Nam.
4. Sự lãnh đạo của Đảng, vai trò của các tầng lớp nhân dân, của lực lượng vũ trang cách mạng trong cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi.
5. Những bài học kinh nghiệm rút ra từ thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, trong đó nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của Đảng và sức mạnh của khối đoàn kết các dân tộc ở miền Tây Quảng Ngãi.

Mặc dù thời gian chuẩn bị cho cuộc Hội thảo không được dài, nhưng cho đến nay, với nhiệt tình của nhiều nhà nghiên cứu

và các nhân chứng lịch sử, chúng tôi đã nhận được 34 bản báo cáo của nhiều tác giả gồm các Giáo sư, Tiến sĩ ở các Viện nghiên cứu, trường Đại học ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương khác, của các đồng chí cán bộ lãnh đạo các ngành, địa phương trong tỉnh. Đặc biệt, chúng tôi còn nhận được các báo cáo khoa học của một số đồng chí cán bộ lão thành cách mạng đã từng tham gia trực tiếp cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi...

Chúng tôi hy vọng rằng, trong cuộc Hội thảo này, qua các báo cáo được trình bày tại Hội trường và các ý kiến thảo luận, sẽ góp phần khẳng định một cách sâu sắc và toàn diện hơn về thắng lợi và ý nghĩa to lớn của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi.

Chúc Hội thảo thành công tốt đẹp. Chúc sức khỏe các vị đại biểu, các đồng chí và các bạn.

Xin trân trọng cảm ơn!

# MIỀN ĐẤT VÀ CON NGƯỜI QUẢNG NGÃI TRONG LỊCH SỬ – MỘT SỐ SỰ KIỆN TIÊU BIỂU

NGUYỄN ĐỨC NHUẬT\*

## 1. Vài nét về diên cách Quảng Ngãi thời Trung đại

Nguồn sử liệu trong các thư tịch cổ của nước ta như *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn (thế kỷ XVIII), *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn, *Sử học bị khảo* của Đặng Xuân Bảng; *Đại Việt địa dư toàn biên* của Nguyễn Văn Siêu (thế kỷ XIX)... đều thống nhất xác định: Địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ngày nay nguyên xưa là đất Việt Thường thị, đời Trần thuộc Tượng quận, đời Hán là quận Nhật Nam, đời Đường là Lâm Ấp, đời Tống là đất động Cổ Lũy...

Sau sự kiện Hồ Hán Thương đem đại quân đi đánh Chiêm Thành vào tháng 7 năm Nhâm Ngọ (1402) buộc chúa Chiêm là Ba Đích Lại dâng nộp đất Chiêm Động và Cổ Lũy để xin rút quân thì miền đất Quảng Nam và Quảng Ngãi ngày nay về danh nghĩa đã được sáp nhập vào lãnh thổ Đại Việt. Nhà Hồ chia đất ấy làm 4 châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa, rồi lại đặt lộ Thăng Hoa (tức đất Chiêm Động cũ), đặt chức An phủ sứ và An phủ phó sứ để cai trị. Hai châu Tư, Nghĩa (tức đất Cổ Lũy cũ - nay là địa bàn tỉnh Quảng Ngãi), nhà Hồ giao cho người Chiêm Thành là Hiệu Chính hầu Chế Ma Nô Đà Nan làm Cổ Lũy huyện thượng hầu trấn giữ vỗ về dân chúng người Chiêm, còn ở lộ Thăng Hoa hầu hết dân Chiêm Thành đã rời khỏi đất cũ đi theo chúa Chiêm về nước, những người ở lại thì bỏ làm quân. Mặc dù sau đó gần 7

---

\* Tiến sĩ, Viện Sử học.

thập kỷ, các triều Hồ, Lê sơ, thường xuyên tổ chức những đợt di dân lớn vào vùng đất mới, khai khẩn, tạo dựng thôn ấp..., nhưng nhà nước phong kiến Đại Việt vẫn không hoàn toàn kiểm soát được miền đất này.

Như vậy, trên thực tế, cho đến trước năm Hồng Đức thứ 2 (1471) Thăng Hoa, Tư Nghĩa vẫn là vùng đất “cơ mi”, “sổ sách chỉ chép tên không, thực ra đất ấy vẫn bị người Chiêm Thành chiếm cứ”. Khi cuộc kháng chiến chống Minh của nhà Hồ thất bại (1407), Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương cùng triều thần bị bắt, nhân cơ hội ấy “Chiêm Thành lại chiếm Thăng Hoa, rồi sang cướp Hóa Châu...” hoặc “đuổi dân di cư”. Mặc dù, từ năm Vĩnh Lạc thứ 12 (1414), quân Minh đã xâm chiếm được toàn bộ đất nước ta, sắp xếp lại các đơn vị hành chính ở Giao Chỉ, đặt 4 châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa lệ thuộc vào phủ Thăng Hoa, nhưng đó cũng chỉ là đặt khống chứ chúng chưa bao giờ chiếm giữ được. Chính *Hoàng Minh thực lục* đã chép vào tháng 11 năm Vĩnh Lạc 13 (1415) “vua nước Chiêm Thành... lại xâm đoạt đất 4 châu 11 huyện thuộc phủ Thăng Hoa, đuổi cướp nhân dân”.

Tác giả Cao Hùng Trưng khi chép về tông thuế ở Giao Châu trong *An Nam chí (nguyên)* - Quyển 2 - cũng phải thừa nhận việc thu tông thuế ở Thăng Hoa (tức gồm 4 châu) là không thể thực hiện được.

Trong mấy đời vua đầu triều Lê (Thái Tổ, Thái Tông, Nhân Tông), nhà nước Trung ương vẫn chưa áp đặt được quyền lực thực tế của mình đối với miền đất từ Thăng Hoa trở vào, (đặc biệt là ở 2 châu Tư, Nghĩa).

Năm 1435 thời Lê Thái Tông, nhân dịp sứ thần Chiêm Thành sang, vua Lê đã sai Lê Nhữ Lãm chất vấn họ: “Đồng ruộng các xứ Chiêm Động và Cổ Lũy của nước Chiêm vốn là đất

của ta, các ngươi nhân lúc nước ta nhiều biến cố cướp lấy để tự  
võ béo mình, tới nay vẫn không trả lại, lệ cống hàng năm lại  
không nộp là làm sao?"<sup>(1)</sup>.

Do Chiêm Thành thường xuyên lấn cướp vùng biên nên năm Thái Hòa thứ 4 (1446), Lê Nhân Tông sai Lê Thụ, Trịnh Khả và Lê Khắc Phục chỉ huy 60 vạn quân tiến đánh, phá thành Chà Bàn, bắt được chúa Chiêm là Bí Cai nhưng vẫn không quản lý được đất đai cũ, bộ máy chính quyền ở đây vẫn chưa được xếp đặt ổn thỏa.

Năm Hồng Đức thứ 2 (1471), vua Lê Thánh Tông thân chinh cầm quân đi đánh Chiêm Thành, bắt được vua Chiêm là Trà Toàn, mở rộng đất đai đến núi Thạch Bi, Lê Thánh Tông cho người Chiêm đầu hàng là Ba Thái làm Đồng Tri châu, Đa Thủy làm Thiêm Tri châu châu Đại Chiêm và ban cho lời dụ: "Hai châu Đại Chiêm và Cổ Lũy trước là đất của ta, đời gần đây bị mất vào đất Chiêm, nay lấy được hết, đặc cách sai bọn các ngươi trấn giữ, có kẻ nào không chịu theo cho giết rồi tâu sau". Nhưng chỉ sau đó ít ngày Lê Thánh Tông cử quan lại triều đình đến hiệp sức cùng trấn giữ, Đỗ Tử Quy làm Đồng Tri châu châu Đại Chiêm, Lê Ý Đà làm Đồng Tri châu Cổ Lũy.

Tháng 6 năm Tân Mão, Hồng Đức thứ 2 (1471) trên cơ sở đất 2 châu Đại Chiêm (Chiêm Đông cũ) và Cổ Lũy, Lê Thánh Tông cho lập Thừa tuyên Quảng Nam gồm 3 phủ, 9 huyện trong đó phủ Tư Nghĩa lĩnh 3 huyện là Nghĩa Giang, Bình Sơn và Mộ Hoa tức gồm phần lớn địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ngày nay. Đồng thời Lê Thánh Tông cho xây dựng bộ máy hành chính ở Thừa tuyên Quảng Nam gồm 3 ty: Đô chỉ

<sup>(1)</sup> Ngô Sĩ Liên và sử thần triều Lê: *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1985.

huy sứ ty, Thừa chính sứ ty và Hiến sát sứ ty phụ trách công việc quân, dân, chính trong toàn hạt.

Việc tổ chức trọn vẹn 3 ty ở các Thừa tuyên với trách nhiệm riêng của từng ty đã góp phần ngăn ngừa khuynh hướng cát cứ địa phương và tăng cường quyền lực cho chính quyền Trung ương. Sự ổn định đất đai, dân cư, hoàn thiện bộ máy chính quyền cơ sở với sự kiểm soát chặt chẽ của chính quyền Trung ương đã chính thức tạo nền vững chắc cho vùng đất này mở mang và phát triển vững mạnh trong những thế kỷ sau.

Như vậy, từ một vùng “đệm” còn diễn ra nhiều tranh chấp giữa Đại Việt và Chiêm Thành trong suốt một thời gian dài từ sau năm 1402 đến năm 1471 với tên gọi và diên cách dựng đặt luôn thay đổi từ Cổ Lũy (trước thế kỷ XIV) đến các châu Tư, Nghĩa thuộc lộ Thăng Hoa thời Hồ; thuộc phủ Thăng Hoa thời thuộc Minh; rồi trở lại với địa danh Cổ Lũy đầu thời Lê, đến năm 1471 vùng đất này trở thành một phần của Thừa tuyên Quảng Nam - một đơn vị hành chính ổn định; một tổ chức chính quyền được xây dựng khá hoàn chỉnh chịu sự quản lý chặt chẽ của chính quyền Trung ương.

Thời Lê - Mạc, năm 1558 Đoan Quốc công Nguyễn Hoàng được cử làm Trần thủ Thuận Hóa, sau đó kiêm Trần thủ Quảng Nam bèn đổi phủ Tư Nghĩa làm phủ Quảng Ngãi, thuộc dinh Quảng Nam (năm 1602)<sup>(2)</sup>. Ở phủ, Nguyễn Hoàng cho đặt các chức Tuần phủ và Khám lý để cai quản quân dân. *Tên gọi Quảng Ngãi chính thức xuất hiện từ lúc này*. Năm Bính Ngọ (1786), nghĩa quân Tây Sơn chiếm được Quảng Ngãi, đổi tên phủ Quảng Ngãi làm phủ Hòa Nghĩa. Địa bàn từ Hòa Nghĩa trở

---

<sup>(2)</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí*, tập II (tỉnh Quảng Ngãi), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1970, tr.352.

vào năm do Nguyễn Nhạc cai quản, từ Thăng Hoa, Điện Bàn (thuộc Quảng Nam) trở ra do Nguyễn Huệ cai quản. Năm Tân Dậu (1801), Nguyễn Ánh từ Gia Định kéo quân ra tiến đánh nhà Tây Sơn, chiếm lại Quảng Ngãi, đổi đặt là dinh Quảng Ngãi, ở dinh đặt chức Lưu thủ, Cai bạ và Ký lục. Năm Gia Long thứ 8 (1807), đổi dinh Quảng Ngãi thành trấn Quảng Ngãi, lại đổi chức Lưu thủ thành Trấn thủ. Năm Minh Mệnh thứ 8 (1827), để thống nhất hệ thống quan chức trong cả nước, nhà Nguyễn đổi các chức Cai bạ và Ký lục thành Hiệp trấn và Tham hiệp. Năm thứ 13 (1832), trấn Quảng Ngãi đổi thành tỉnh Quảng Ngãi, ở tỉnh đặt hai ty Bố chính và Án sát, dưới quyền điều khiển chung của Tổng đốc Nam - Ngãi (Quảng Nam - Quảng Ngãi). Năm Minh Mệnh thứ 15 (1834), Quảng Ngãi được gọi là tỉnh Nam trực. Tỉnh Quảng Ngãi gồm 1 phủ Tư Nghĩa, kiêm lý huyện Chương Nghĩa, thống hạt 2 huyện Bình Sơn và Mộ Hoa (sau là Mộ Đức), bao gồm 18 tổng, 444 xã thôn, phường, ấp. Huyện Chương Nghĩa, nguyên đời Lê gọi là huyện Nghĩa Giang, sau đổi là Chương Nghĩa, lĩnh 6 tổng, 112 xã thôn, phường, ấp; huyện Bình Sơn, thời Hồ gọi là huyện Trì Bình, đời Lê đổi gọi là Bình Dương, sau đổi là Bình Sơn, lĩnh 6 tổng, 159 xã thôn, phường, ấp; huyện Mộ Đức nguyên có tên là Mộ Hoa từ thời Lê, năm Thiệu Trị thứ nhất đổi là Mộ Đức, lĩnh 6 tổng, 175 xã thôn, phường, ấp. Thời Pháp thuộc, năm Thành Thái thứ 2 (1890) đặt 3 châu Sơn Tịnh, Nghĩa Hành và Đức Phổ thuộc Nghĩa Định sơn phòng. Năm Thành Thái thứ 11 (1899), triệt bỏ 3 châu sơn phòng mà đổi làm 3 huyện. Ngày nay, tỉnh Quảng Ngãi gồm có 14 huyện, thị xã là thị xã Quảng Ngãi và các huyện là: Lý Sơn, Bình Sơn, Trà Bồng, Tây Trà, Sơn Tịnh, Sơn Tây, Sơn Hà, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Minh Long, Mộ Đức, Đức Phổ và Ba Tơ với dân số gần 1,3 triệu người.

## 2. Một số nét khái quát về phong trào yêu nước của đồng bào các dân tộc Quảng Ngãi từ trước đến Cách mạng tháng Tám năm 1945

Từ xưa, Quảng Ngãi là địa bàn sinh sống của nhiều cộng đồng dân tộc anh em, đông nhất là người Việt, người Hrê, người Cor và người Xơđăng. Phong tục tập quán của từng dân tộc khác nhau, bản lĩnh tộc người thể hiện không giống nhau nhưng tất cả đều có một đặc điểm chung bao trùm và xuyên suốt trong trường kỳ lịch sử, đó là: tinh thần yêu quê hương, đất nước, kiên cường bất khuất đấu tranh chống ngoại xâm và cường quyền bạo lực. Bề dày truyền thống yêu nước của đồng bào các dân tộc Quảng Ngãi được củng cố và vun đắp theo thời gian. Đặc biệt, trong các thế kỷ XVIII, XIX và nửa đầu thế kỷ XX, tinh thần yêu nước đấu tranh chống ngoại xâm của đồng bào các dân tộc Quảng Ngãi diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau, trên những phương diện khác nhau, được thể hiện ra đầy đủ và rõ nét nhất qua những sự kiện lịch sử tiêu biểu.

1. Trong những thập niên cuối thế kỷ XVIII, cuộc khởi nghĩa nông dân Tây Sơn bùng nổ và nhanh chóng trở thành cơn bão táp lật đổ chính quyền phong kiến của các chúa Nguyễn ở Đà Nẵng và chính quyền Lê Trịnh ở Đà Nẵng Ngoài. Vương triều Tây Sơn ra đời với vị vua anh hùng khai sáng là Quang Trung Nguyễn Huệ mặc dù tồn tại chưa đầy 2 thập kỷ nhưng đã ghi những mốc son chói lọi vào trang sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc ta bằng trận đại thắng trên sông Rạch Gầm - Xoài Mút năm 1785, tiêu diệt 5 vạn quân Xiêm và cuộc tiến công thần tốc làm nê Xuân lửa Đống Đa năm Kỷ Dậu (1789), tiêu diệt 29 vạn quân xâm lược Mãn Thanh. Thắng lợi của phong trào nông dân Tây Sơn trước hết là nhờ vào sức mạnh của

nhân dân cả nước, trong đó đồng bào các dân tộc Quảng Ngãi đã cống hiến một phần công sức đáng kể trong sự nghiệp chung ấy. Trong bài *Hịch truyền quan lại*, quân dân hai phủ Quảng Ngãi, Quy Nhơn năm 1792, vua Quang Trung đã khẳng định: “Tất cả các người lớn nhỏ, từ hơn hai chục năm qua, đều luôn chịu ơn đức của nhà Tây Sơn ta. Sự thật, trong mấy chục năm qua, Trẫm đã chiến thắng tất cả trong Nam, ngoài Bắc. Trẫm nhận thấy rằng, có được những chiến thắng ấy chính là nhờ có sự phù trợ hết lòng của nhân dân hai phủ. Hai phủ đã tiến cử lên Trẫm nhiều người hiền tài, trung Dũng để giúp lập triều đình...”. Thời điểm này, phủ Quảng Ngãi thuộc quyền cai quản của Trung ương Hoàng đế Nguyễn Nhạc. Nhằm tránh sự rạn nứt, chia rẽ trong nội bộ phong trào, vua Quang Trung kêu gọi: “... nhân dân lớn nhỏ hai phủ hãy ủng hộ Hoàng gia, trung thành với Hoàng đại huynh, chờ đợi quân ta vào quét sạch miền Gia Định, lấy lại đất về ta. Tiếng thơm của hai phủ các ngươi sẽ mãi mãi lưu truyền sử sách...”<sup>(3)</sup>.

2. Ngày 1 tháng 9 năm 1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng đánh chiếm đảo Sơn Trà - Đà Nẵng mở đầu cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của chủ nghĩa tư bản phương Tây. Sau sự kiện này lịch sử nước ta bước sang một chương mới đầy bi tráng. Đánh giá một cách khách quan và công bằng thì trong thời kỳ đầu, triều đình Huế tỏ thái độ chống Pháp khá kiên quyết. Quan quân triều đình phối hợp chặt chẽ cùng dân binh các địa phương tổ chức nhiều trận huyết chiến với quân Pháp ngay trên chiến trường Đà Nẵng, buộc chúng phải bỏ ý định chiếm đóng nhanh Đà Nẵng mà

---

<sup>(3)</sup> Nguyễn Lương Bích - Phạm Ngọc Phụng: *Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ*. NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1971, tr.423.

chuyển hướng tấn công vào Gia Định (2.1859). Tại Gia Định, chúng cũng gặp phải sự kháng cự rất quyết liệt của quân dân ta, nhất là trong giai đoạn từ 1859 đến trước khi triều đình Huế ký Hiệp ước Nhâm Tuất (1862) giao trọn 3 tỉnh miền Đông Nam Bộ cho Pháp. Tiêu biểu cho phong trào kháng Pháp lúc bấy giờ ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ là cuộc khởi nghĩa của Trương Định nổ ra từ tháng 1 năm 1861, hoạt động trên một địa bàn rộng lớn từ Gia Định, Tân An đến Gò Công.

Trương Định, người huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, là con Lãnh binh Trương Cầm, lúc bấy giờ giữ chức Phó quản cơ, đã chiêu mộ nghĩa binh đóng quân ở Thuận Kiều tổ chức đánh Pháp nhiều trận. Khi Đại đồn Chí Hòa thất thủ (2.1861), Trương Định đem quân về Tân Hòa, Gò Công chiêu mộ thêm nghĩa binh, quân số lên đến 6.000 người, tự “đúc thêm súng để phòng bị”. Hoạt động của nghĩa quân Trương Định đã gây cho quân Pháp nhiều tổn thất. Thanh thế của nghĩa quân và tiếng tăm của Trương Định ngày càng vang dội, được triều đình Huế trọng vọng. Sử nhà Nguyễn từng chép: “Phó quản cơ Gia Định là Trương Định (người huyện Sơn Tịnh, Quảng Ngãi, con viên Lãnh binh Trương Cầm) chiêu mộ những người thủ dũng, có nhiều người đi theo. Thường cùng quân Tây dương chống đánh nhau đắc lực, thụ Tuần phủ là Đỗ Quang đem việc tâu lên. Vua cất nhắc cho làm Quản cơ, rồi linh chức Phó lãnh binh. (Khi ấy, Đỗ Quang chiêu vỗ Trương Định mộ thành 6 cơ, gần hơn 6.000 người)”<sup>(4)</sup>. Nghĩa quân Trương Định hoạt động khắp vùng Gò Công, Tân An, Mỹ Tho, Gia Định, Chợ Lớn, lan sang cả hai bên bờ sông Vàm Cỏ đến tận Đồng Tháp Mười. Đến tháng 3.1862, triều đình Huế cử Trương Định kiêm chức Tổng chỉ huy đầu mục

<sup>(4)</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên* - Đệ tứ kỷ, tập XXIX, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974, tr. 321, 322.

Gia Định, cai quản toàn bộ số quân mộ nghĩa ở Gia Định, được phiên chế thành 18 cơ. Trương Định đem quân đến đóng đại bản doanh ở xứ Gò Thượng (thuộc huyện Tân Hòa) thường ra đánh úp quân Pháp, cướp súng giặc tự trang bị cho nghĩa quân.

Tháng 8.1862, sau khi đã ký Hiệp ước nhường 3 tỉnh miền Đông cho Pháp, vua Tự Đức hạ lệnh cho nghĩa quân đình chỉ mọi cuộc tấn công và điều Trương Định về Phú Yên, nhưng Trương Định cương quyết kháng chỉ. Ông công nhiên tuyên bố: “Triều đình nghị hòa thì cứ nghị hòa, còn việc của Định thì Định cứ làm... Định thà đắc tội với triều đình chứ không nỡ ngồi nhìn giang sơn này chìm đắm...”<sup>(5)</sup>. Nhân dân ứng nghĩa ở Gia Định, Định Tường, Biên Hòa đã tập hợp nhau lại đồng tâm suy tôn Trương Định lên làm Bình Tây đại nguyên soái, Tổng chỉ huy lực lượng kháng chiến và kiến nghị về triều đình xin tiếp tục đánh giặc. Triều đình Huế nhiều lần xuống sắc chỉ và cử các quan đại thần đi phủ dụ Trương Định bãi binh nhưng ông kiên quyết kháng mệnh. Tháng 3 năm 1862, Phan Thanh Giản lại xin Tự Đức ra sắc chỉ gọi Trương Định về và giải tán nghĩa quân nhưng không đạt kết quả. Trương Định cùng nghĩa binh Nam Kỳ lục tỉnh tiếp tục cuộc kháng chiến chống Pháp cho đến lúc bị hy sinh (năm 1864). Sau khi Trương Định mất, con ông là Trương Quyền đưa nghĩa quân lên Đồng Tháp Mười qua Tây Ninh gây dựng cơ sở kháng chiến, sát cánh cùng nhân dân Khmer đánh Pháp.

Trương Định xứng đáng được coi là một tấm gương tiêu biểu nhất cho tinh thần yêu nước, kiên quyết chống ngoại xâm của đồng bào các dân tộc Quảng Ngãi thời cận đại. Mặc dù cuộc khởi nghĩa chống Pháp do ông lãnh đạo không diễn ra trên đất

---

<sup>(5)</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên*, sđd, tr. 345, 346.

Quảng Ngãi, nhưng ông - người con ưu tú của Sơn Tịnh, Quảng Ngãi là linh hồn của cuộc khởi nghĩa ấy. Tinh thần yêu nước cũng như ý chí và bản lĩnh của ông chẳng phải đã được tôi luyện, hun đúc nêu chính từ truyền thống yêu nước của quê hương Quảng Ngãi đó sao.

3. Hiệp ước Pa-tơ-nốt giữa triều đình Huế và Pháp ký tại Kinh thành Huế ngày 6 tháng 6 năm 1885 đã chính thức đặt nước ta dưới quyền bảo hộ của thực dân Pháp (Nam Kỳ là xứ thuộc địa, Bắc Kỳ và Trung Kỳ là hai xứ bảo hộ). Tại Huế, thời điểm này nội bộ triều chính diễn biến rất phức tạp và hình thành nên 2 phái chủ chiến và chủ hòa. Phe chủ chiến đứng đầu là Tôn Thất Thuyết ủng hộ vị vua trẻ là Hàm Nghi chủ trương đánh Pháp nên đã bí mật tập trung lực lượng xung quanh Kinh thành Huế chờ cơ hội để tấn công quân Pháp. Cuộc phản công diễn ra bắt đầu từ khoảng 1 giờ sáng ngày 5 tháng 7 năm 1885 và kéo dài đến khoảng 9 giờ sáng hôm ấy thì quân Pháp chiếm lại được Hoàng thành. Lực lượng của phe chủ chiến kéo ra vùng ngoại ô. Tôn Thất Thuyết hộ giá vua Hàm Nghi lên sơn phòng Tân Sở, Quảng Trị. Tại đây, ngày 13 tháng 7 năm 1885, thay mặt vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết ra chiếu Cần Vương lần thứ nhất. Ngay sau khi chiếu Cần Vương được phát đi, tầng lớp văn nhân, sĩ phu ở khắp các địa phương đã nhiệt liệt hưởng ứng, phát động nhân dân, tập hợp lực lượng đứng lên chống Pháp.

Tại Quảng Ngãi, khi được tin vua Hàm Nghi xuất bôn hạ chiếu Cần Vương, Cử nhân Lê Trung Đình (Chánh quản Hương binh); Tú tài Nguyễn Tự Tân (Phó quản Hương binh), Vũ Hội (Phó quản Hương binh) và Nguyễn Văn Hoành (Thương biện) đã kéo đến Tỉnh thành để nghị tỉnh cấp khí giới và lương thực để chuẩn bị kháng chiến. Quan tỉnh lúc ấy là Lê Duy Thụy

(quyền Bố chính) và Nguyễn Văn Dụ (quyền Án sát) lấy cớ rằng Hương binh chỉ có nhiệm vụ canh phòng làng xóm chứ không như quân tỉnh nên không cấp khí giới cho họ. Bởi vậy, nhóm Lê Trung Đình đã đem hơn 3.000 Hương binh chia làm 3 đạo tấn công Tỉnh thành, bắt giam Lê Duy Thụy và Nguyễn Văn Dụ, tịch thu ấn triện, thả tù phạm, mở kho vũ khí tự trang bị cho nghĩa quân, trừng trị bọn giáo dân ngoan cố. Trong trận tấn công này, Hương binh đã được Thành thủ úy Nguyễn Côn và Hiệp quản Trần Tu hưởng ứng làm nội ứng. Nghĩa quân làm chủ Tỉnh thành trong một thời gian ngắn. Ngày 15 tháng 8 năm 1885, triều đình Huế sai quyền Tiểu phủ sứ Sơn phòng Nghĩa Định là Nguyễn Thân cùng Đề đốc Đinh Hội đem quân đàn áp. Bảy thủ lĩnh của nghĩa quân đã hy sinh trong chiến đấu, trong đó có Nguyễn Tự Tân. Lê Trung Đình bị sa vào tay giặc và bị xử chém ngay<sup>(6)</sup>. Cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình được coi là mở đầu cho phong trào Cần vương Quảng Ngãi. Lực lượng tham gia khởi nghĩa là đông đảo quần chúng nhân dân, các sĩ tử Quảng Ngãi đang dự kỳ thi Hương ở trường thi Bình Định bỏ về... trong đó nòng cốt là Hương binh do Lê Trung Đình làm Chánh quản. Tuy chỉ kéo dài chưa đầy 1 tuần lễ nhưng cuộc khởi nghĩa mang một ý nghĩa to lớn, vì nó là sự mở đầu cho phong trào Cần Vương cả nước, mở đầu cho truyền thống yêu nước chống Pháp của nhân dân Quảng Ngãi trong 60 năm thuộc Pháp (từ 1885 đến 1945) ở tỉnh nhà<sup>(7)</sup>.

---

<sup>(6)</sup> Tham khảo: Dương Kinh Quốc: - *Việt Nam những sự kiện lịch sử* (1858 - 1918), Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2001.

- Vũ Huy Phúc (chủ biên): *Lịch sử Việt Nam (1858 - 1896)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003.

<sup>(7)</sup> Lê Trung Đình và phong trào Cần Vương Quảng Ngãi (Kỷ yếu Hội thảo Khoa học), Sở Văn hóa Thông tin Quảng Ngãi, 1997.

Tuy bị tổn thất lớn, nhiều thủ lĩnh nghĩa quân hy sinh nhưng phong trào Cần Vương Quảng Ngãi vẫn diễn ra rất sôi nổi. Dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Bá Loan, Tôn Tường, Nguyễn Hạnh, Nguyễn Tấn Kỳ... nghĩa quân Cần Vương Quảng Ngãi không ngừng được củng cố và phát triển lực lượng, mở rộng phạm vi hoạt động trên các địa bàn: sơn phòng, tinh thành và các huyện lỵ, đồng thời phối hợp chặt chẽ với phong trào Cần Vương Quảng Nam, Bình Định tổ chức nhiều trận đánh Pháp rất quyết liệt. Năm 1888, phong trào Cần Vương do Nguyễn Bá Loan lãnh đạo dần sa sút thì trên địa bàn Quảng Ngãi vẫn còn duy trì các cuộc khởi nghĩa của Thái Thú (năm 1894), cuộc vận động cứu nước của Trần Du (năm 1895 - 1896)... và thực sự chấm dứt vào những năm cuối của thế kỷ XIX trong bối cảnh chung của phong trào Cần Vương cả nước bị thất bại. Sự hy sinh của các nghĩa sĩ Cần Vương Quảng Ngãi một lần nữa chứng minh và khẳng định tinh thần quật khởi của người dân Quảng Ngãi trước sự tồn vong của quốc gia dân tộc. Tinh thần ấy được thể hiện qua câu nói đầy khí phách của Tú tài Nguyễn Tự Tân: “Tây chưa tới, nhưng triều đình đã theo Tây, dâng cả nước ta cho giặc rồi... nếu ta không giành lấy mảnh đất này làm chỗ đứng chung để chống lại chúng thì còn đợi chờ gì nữa...”<sup>(8)</sup>

4. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, trên khắp ba miền Bắc, Trung, Nam hình thành nhiều xu hướng vận động cứu nước. Tiêu biểu cho phong trào yêu nước thời kỳ này là phong trào Đông Du (người khởi xướng là Phan Bội Châu) và phong trào Duy Tân ở Trung Kỳ do Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp lãnh đạo.

---

<sup>(8)</sup> Lê Trung Đình và phong trào Cần Vương Quảng Ngãi (Kỷ yếu Hội thảo Khoa học), Sở Văn hóa Thông tin Quảng Ngãi, 1997.

Cuộc vận động cải cách Duy Tân ở miền Trung được triển khai trước tiên ở Quảng Nam, sau phát triển mạnh mẽ ra các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Nghệ An, Thanh Hóa... và diễn ra trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, văn hóa xã hội... bao gồm những hoạt động rất đa dạng, từ việc lập hội buôn bán, hội canh nông, mở trường học đến việc bài trừ phong tục tập quán hủ bại, đồng thời truyền bá những tư tưởng về dân chủ, vận động đời sống mới như cắt tóc ngắn, mặc áo ngắn, v.v... Tuy nhiên hoạt động của Duy Tân hội bị thực dân Pháp kiểm soát rất chặt chẽ. Và đến năm 1908 thì bị cấm đoán hẳn. Tuy thất bại nhưng ảnh hưởng của Duy Tân hội đã tạo tiền đề cho phong trào chống sưu thuế ở Trung Kỳ diễn ra rầm rộ vào đầu năm 1908.

Tin tức về cuộc đấu tranh chống sưu thuế ở Quảng Nam đã nhanh chóng lan đến các tỉnh phía nam. Chỉ sau hơn 2 tuần, khi phong trào ở Quảng Nam bùng nổ thì tại các xã, thôn thuộc các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa tỉnh Quảng Ngãi không khí bắt đầu sôi sục. Từ chiều ngày 28 tháng 3, phong trào bắt đầu bùng lên. Nhân dân Bình Sơn cùng với 25 hào lý các xã kéo đến dinh Công sứ xin giảm sưu thuế với yêu cầu:

Giảm thuế thân xuống 1\$20; bỏ sưu dịch, thuế chợ; trả lại ruộng muối cho dân xã; tăng thuế rượu và thuế thuốc phiện để bù vào ngân sách thiếu hụt; trừng trị bọn quan lại tham nhũng, v.v... Những yêu cầu trên không được giải quyết, trái lại viên Công sứ còn ra lệnh bắt giam một số người cầm đầu và sai lính đòn áp đoàn biểu tình. Dân chúng kéo đến ngày càng đông, đòi thả những người bị bắt, chặn xe của Tây Thương chính (thuế quan) bắt phải vào can thiệp với viên Công sứ thực hiện yêu sách. Trong khi ở thị xã Quảng Ngãi sôi sục đấu tranh thì ở các phủ huyện tình hình căng thẳng không kém. Nhân dân tỏa đi

bủa vây nhà của bọn quan tàn ác đã từng đàm áp phong trào Cần Vương theo Pháp, như nhà của Nguyễn Thân, buộc cả gia đình Nguyễn Thân phải chạy trốn. Để trấn áp phong trào ngày càng phát triển mạnh mẽ, tháng 4 năm 1908, thực dân Pháp huy động nhiều đội lính khố đỏ từ Bắc Kỳ vào đàm áp, phong trào mới dần dịu xuống.

Trong khi các địa phương miền xuôi Quảng Ngãi đang rộ lên với phong trào Duy Tân, phong trào Chống sưu thuế thì trên địa bàn miền núi Tây Quảng Ngãi, nơi sinh sống của đồng bào các dân tộc ít người, phong trào vũ trang đánh Pháp diễn ra sôi nổi, đặc biệt là người Hrê.

Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp sau khi dập tắt phong trào Cần Vương ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ, bắt đầu tập trung lực lượng chinh phục miền cao nguyên phía Tây, từ miền Tây Quảng Trị đến hết Nam Trung Bộ. Tuy nhiên, ngay từ đầu, chúng đã vấp phải sự kháng cự quyết liệt của đồng bào các dân tộc thiểu số. Tại Quảng Ngãi, tháng 2 năm 1901, thực dân Pháp bị người Hrê tấn công ở huyện Mộ Đức. Dựa vào núi rừng hiểm trở, người Hrê lúc ẩn lúc hiện, tổ chức những trận đánh mai phục gây cho quân Pháp những thiệt hại đáng kể. Tháng 11 năm 1901, nghĩa quân Hrê lại tổ chức phục kích quân Pháp ngay cạnh đồn địch, giết chết 1 tên Phó quản khố xanh tại cổng đồn.

Tháng 9 năm 1903, một toán nghĩa quân Hrê do Tia Các lãnh đạo đột nhập Huấn Phong (địa bàn giáp giới giữa Quảng Ngãi và Bình Định). Giám binh Haghê (haguet) cùng với tên đội Phunê (Founé) dẫn lính khố xanh đi đàm áp. Nghĩa quân Hrê đã giao chiến nhiều trận với quân Pháp ở đồn Mang Gia, Làng Mít, Mu Lang, Nước Vo. Sang đầu tháng 10, phong trào tạm lắng xuống để rồi bùng lên vào tháng 2 năm sau (1904) ở đèo Đá

Chát và Đá Đen. Tại đây, nghĩa quân Hrê tổ chức nhiều trận đánh quyết liệt với quân Pháp ở thung lũng sông Nước Dinh. Tháng 4 năm 1907, hàng nghìn nghĩa quân Hrê xuất hiện ở Yên Phước tiến đánh đồn Đức Phổ. Quân Pháp đem lính khổ xanh đến đàn áp, bị nghĩa quân tiêu diệt 1 tên đội và làm bị thương 1 tên khác. Sau trận này địch tăng cường thêm quân cho đồn Đức Phổ để phòng giữ và ngăn chặn nghĩa quân tràn xuống đánh phá. Tháng 9 năm 1911, nghĩa quân Hrê dưới sự chỉ huy của Tổng Ren tấn công chiếm đồn Đồng Mít ở vùng thượng lưu sông An Lão. Quân Pháp ở đồn Liệt Sơn kéo lên. Trận đánh giữa 2 bên diễn ra quyết liệt ở đèo Ái. Sau đó nghĩa quân lại tổ chức tấn công đồn Đức Phổ rồi rút về. Đầu tháng 11 năm 1911, Pháp đưa quân tới càn quét ở vùng thượng An Lão, căn cứ của Tổng Ren, bị nghĩa quân chống cự kịch liệt, giết chết viên đội khổ xanh và 1 viên đội người Pháp bị thương. Phong trào đấu tranh chống Pháp của người Hrê tạm thời lắng xuống vào cuối năm 1911<sup>(9)</sup>.

5. Trong thập niên 20 (thế kỷ XX), trên phạm vi cả nước, phong trào đấu tranh chống Pháp tạm lắng xuống. Một cuộc khởi nghĩa được coi là có quy mô lớn nhất, có tiếng vang nhất là cuộc vận động khởi nghĩa do Thái Phiên và Trần Cao Vân chủ xướng, có sự tham gia của vua Duy Tân, diễn ra vào năm 1916. Các yếu nhân của Quảng Ngãi tham gia cuộc vận động khởi nghĩa này có Lê Ngung, Nguyễn Thụy, Lê Triết, Nguyễn Công Mậu, Nguyễn Công Phương. Ở Quảng Ngãi, phần lớn lính khổ xanh ủng hộ phong trào và sẵn sàng nổi dậy. Tại vùng trung du và thượng du Quảng Ngãi đã xây dựng được một số căn cứ rộng

---

<sup>(9)</sup> Tham khảo thêm: *Lịch sử Việt Nam (1897 - 1918)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1999.

lớn ở Ba Tơ, Minh Long, Giá Vụt, Mang Đen, An Lão. Tuy nhiên ở thị xã và các huyện lỵ, chưa có cơ sở vững chắc trong lực lượng binh lính người Việt. Đây là một hạn chế lớn của phong trào. Để trang bị vũ khí và quân nhu cho nghĩa quân, nhiều thợ rèn giỏi đã được đưa về các căn cứ Ba Tơ, Minh Long để rèn đúc vũ khí. Nhiều công nhân ở mỏ vàng Bồng Miêu, mỏ than Nông Sơn, ở đồn điền Tùng Sơn, Đức Phú tự động bỏ việc về nhà tham gia ứng nghĩa.

Theo kế hoạch, đêm ngày 3 tháng 5 năm 1916 cuộc khởi nghĩa sẽ diễn ra tại Huế. Bộ chỉ huy cuộc khởi nghĩa gồm có Thái Phiên, Trần Cao Vân và các yếu nhân phụ trách từng địa phương. Lực lượng nổi dậy ở Quảng Ngãi do Lê Ngung phụ trách. Tham gia phong trào chủ yếu là lính mìn sắp bị đưa sang Pháp, lực lượng phục quốc quân tại chỗ và từ Quảng Nam kéo ra hỗ trợ, tấn công Trấn Bình Đà (đồn Mang Cá). Sau khi nghe pháo lệnh ở Kinh thành Huế phát nổ, lửa hiệu trên đèo Hải Vân đốt lên thì quân khởi nghĩa các tỉnh khác sẽ nổi dậy bao vây và đánh chiếm tỉnh đường và các phủ, huyện đường. Do cơ mưu bị bại lộ nên thực dân Pháp đã nắm được kế hoạch khởi nghĩa trước đó 2 ngày và có sự phòng bị cẩn mật. Ở các địa phương quan trọng như Quảng Nam, Quảng Ngãi và Huế, thực dân Pháp ban lệnh giới nghiêm và tước vũ khí toàn bộ binh lính người Việt.

Tại Quảng Ngãi, nhân dân tập trung đông đảo kéo về tinh li nhưng chờ không thấy hiệu lệnh đánh phải giải tán. Ngày hôm sau, thực dân Pháp thẳng tay đàn áp phong trào. Lê Ngung tự sát trước khi bị địch bắt còn bị chúng chém đầu đem bêu ở làng Cam Lộ. Các thủ lĩnh nghĩa quân như Nguyễn Thụy, Trần Thiểm, Võ Cẩn, Mai Tuấn, Hứa Thọ... đều bị bắt và bị quân Pháp sát hại, nhiều người khác bị đi đày ở Lao

Bảo hoặc Côn Lôn. Đến đây, về cơ bản cuộc khởi nghĩa đã hoàn toàn thất bại<sup>(10)</sup>.

6. Từ năm 1930 trở đi, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, phong trào đấu tranh của quần chúng công nông trên phạm vi cả nước nói chung và trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nói riêng chuyển sang một giai đoạn mới. Sau khi cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh bị thực dân Pháp đàn áp đẫm máu, khắp nơi trong cả nước nổ ra một phong trào đấu tranh sôi nổi với khẩu hiệu ủng hộ công nông Nghệ Tĩnh. Tại Quảng Ngãi, phong trào nổi lên rất rầm rộ. Một số nơi, chính quyền địch chỉ còn trên danh nghĩa. Ngày 8 tháng 10 năm 1930, hơn 5.000 nông dân huyện Đức Phổ biểu tình có vũ trang tự vệ kéo đến huyện lỵ, đập phá công đường, thiêu hủy sổ sách, mở cửa nhà lao, làm chủ tình hình ở huyện lỵ. Hưởng ứng cuộc đấu tranh của nông dân huyện Đức Phổ, nông dân huyện Sơn Tịnh hai lần mít tinh biểu tình vào ngày 31 tháng 10 năm 1930 và 19 tháng 1 năm 1931, kéo lên huyện lỵ phản đối đế quốc Pháp và đưa yêu sách<sup>(11)</sup>. Sau thời kỳ Xô viết Nghệ Tĩnh bị địch khủng bố đàn áp, cơ quan Xứ ủy Trung Kỳ chuyển vào Quảng Ngãi càng tạo điều kiện cho phong trào đấu tranh của quần chúng công nông Quảng Ngãi phát triển mạnh mẽ hơn. Ngày 1 tháng 5 năm 1931, hòa cùng phong trào đấu tranh của quần chúng công nông Nghệ Tĩnh, Bến Tre, Vĩnh Long, công nông Quảng Ngãi lại tổ chức biểu tình đấu tranh, hô vang khẩu hiệu cách mạng. Tinh thần yêu nước của đồng bào các dân tộc Quảng Ngãi được phát huy đến cao độ trong những ngày Tiền khởi nghĩa và trong Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân tháng 8 năm 1945.

---

<sup>(10)</sup> Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập I, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1981, tr.129.

<sup>(11)</sup> Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập I, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1981, tr.129.

Ngày 11 tháng 3 năm 1945, cuộc khởi nghĩa Ba Tơ bùng nổ. Ba Tơ là một chảo miền núi của tỉnh Quảng Ngãi. Tại đây, thực dân Pháp xây dựng một đồn sơn phòng và một trại giam tù chính trị. Ngay sau khi được tin Nhật đảo chính Pháp, ngày 10 tháng 3 năm 1945, tổ chức Đảng ở địa phương đã phát động quần chúng nhân dân nổi dậy và lập ra Ủy ban Khởi nghĩa để vạch kế hoạch hành động, lãnh đạo quần chúng đứng lên giành chính quyền. Chiều ngày 11 tháng 3, một cuộc biểu tình lớn đã được tổ chức tại sân vận động địa phương rồi nhanh chóng biến thành một cuộc tuần hành thị uy kéo đến vây đồn Ba Tơ. Bọn chỉ huy địch bỏ chạy, binh lính trong đồn đầu hàng. Ngày 12 tháng 3, Ban lãnh đạo khởi nghĩa tổ chức một cuộc mít tinh quần chúng và tuyên bố thành lập Chính quyền cách mạng nhân dân. Ngày 12 tháng 3, Đội du kích Ba Tơ chính thức được thành lập gồm 28 chiến sĩ, được trang bị 24 khẩu súng. Đây là đội vũ trang thoát ly đầu tiên do Đảng ta tổ chức và chỉ huy ở miền Trung Trung Bộ. Cũng trong ngày hôm ấy, gần 100 lính Nhật và lính khổ xanh từ Mộ Đức kéo lên Ba Tơ. Lực lượng cách mạng tạm thời rút khỏi Ba Tơ, tập trung ở Hang Én biên chế thành trung đội du kích gồm 3 tiểu đội. Đầu tháng 5 năm 1945, Đội du kích Ba Tơ chuyển về hoạt động ở vùng giáp ranh giữa miền thượng du và miền xuôi, tiếp tục xây dựng và củng cố lực lượng. Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã cử đồng chí Nguyễn Chánh, Phạm Kiệt và Nguyễn Đôn trực tiếp chỉ huy<sup>(12)</sup>.

Từ tháng 7 năm 1945 trở đi, phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi phát triển rộng khắp. Lực lượng tự vệ, du kích đã

---

<sup>(12)</sup> Xem thêm: Dương Trung Quốc: *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1945)*, tập IV: 1936-1945, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1989, tr 227.

Viện Sử học: *Cách mạng tháng Tám 1945 - Những sự kiện lịch sử*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000.

phát triển lên đến hơn 2.000 người, lực lượng quần chúng đông tới 11 vạn người. Chiều 14.8.1945, sau khi được tin phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh, thời cơ đã đến, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi lập tức phát lệnh Tổng khởi nghĩa. Trong vòng 2 ngày quân khởi nghĩa đã làm chủ được thị xã và các huyện lỵ mặc dù quân Nhật kháng cự rất ngoan cố. Ngày 17 tháng 8 năm 1945, Ủy ban Nhân dân Cách mạng tỉnh Quảng Ngãi được thành lập, tiếp tục lãnh đạo nhân dân bước vào cuộc đấu tranh mới không kém phần gian khổ: củng cố xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ trước mọi âm mưu phá hoại của kẻ thù. Một trang sử mới của đồng bào các dân tộc Quảng Ngãi nói riêng và của dân tộc Việt Nam nói chung đã mở ra kể từ thời khắc lịch sử trọng đại: Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam hoàn toàn độc lập.

**SUY NGHĨ VỀ  
CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ  
MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI**

**PHẠM THANH BIỀN\***

Tôi năm nay được 83 tuổi đori, gần 60 năm tuổi Đảng, được tỉnh mời dự hội thảo, là nhân chứng lịch sử và là một cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh có tham gia lãnh đạo cuộc khởi nghĩa vào mùa thu năm 1959 ở miền Tây Quảng Ngãi. Tôi rất mừng vì đây là vinh dự lớn của tôi, sau 30 năm chiến tranh và cũng gần 30 năm hòa bình xây dựng đất nước, các đồng chí như tôi được Đảng bố trí ở lại miền Nam chống Mỹ, trong đó có một số đồng chí trực tiếp tham gia cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và đồng khởi toàn miền Tây Quảng Ngãi, nay hầu hết đã hy sinh, đã từ trần vì bệnh tật, thương tích và tuổi tác. Ban Tỉnh ủy buổi đầu thời chống Mỹ nay chỉ còn 3 người. Bí thư các Khu (tương đương huyện) trong thời kỳ Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi chỉ còn 1/8 đồng chí, đồng chí ấy 81 tuổi, cũng đã quá yếu.

Đôi điều tôi nói trên để chỉ ra là tổ chức cuộc hội thảo của sự kiện nói trên có phần muộn màng. Năm 1989, kỷ niệm 30 năm ngày khởi nghĩa, vì mới chia tách tỉnh chưa đầy 2 tháng, công việc bận rộn, không tổ chức hội thảo được, nhưng tổ chức lễ hội và cuộc mít tinh có quy mô lớn, sôi động, có biểu diễn văn hóa, văn nghệ các dân tộc đã lôi kéo số người khá đông ở thị xã và các huyện đồng bằng, miền núi về dự hội, có làm sống lại một chừng mức hào khí của cuộc khởi nghĩa và đồng khởi

---

\* Nguyên Khu ủy viên Khu V, Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

mùa Thu năm 1959. Đến kỷ niệm 40 năm (ngày 28.8.1999) là lúc có đầu tư, có điều kiện để hội thảo khoa học về cuộc khởi nghĩa, nhưng tỉnh không tổ chức được tọa đàm, hội thảo. Lẽmit tinh cũng lớn nhưng vẫn chưa làm nổi bật vị trí, vai trò lịch sử của cuộc đồng khởi “lừng lẫy” của miền Tây Quảng Ngãi mùa thu 1959.

Từ tình hình ấy, tôi có viết một bài báo đăng trong đặc san kỷ niệm lần thứ 40 cuộc Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, với tiêu đề: “Nghĩ về Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi”. Năm tháng trôi qua không làm phai mờ được thắng lợi, mà trái lại, khi dân trí càng cao, trình độ lý luận khoa học cách mạng về chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh càng phát triển thì lớp người hiện tại càng có điều kiện đánh giá đầy đủ về vị trí, vai trò, ảnh hưởng của sự kiện Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đối với cách mạng Quảng Ngãi và cách mạng cả nước.

Một lần nữa tôi lại rất mừng. Mừng vì một ý nghĩ đơn sơ và vài lời mộc mạc mà tôi viết trong một đặc san “Trà Bồng – 40 năm một chặng đường (28.8.1959 – 28.8.1999)”. Nay lại là một chuyện thật. Một cuộc hội thảo khoa học về “Cuộc Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi”, một cuộc hội thảo khoa học về sự kiện tôi vừa nói lại đến sớm hơn mơ ước của tôi. Cái đến sớm hơn ý nghĩ của tôi hồi tháng 8.1999 thì vào ngày 16.11.2000, tại hội trường Ba Đình, Hà Nội có hội đủ đại biểu của 54 dân tộc anh em cả nước, Tổng bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu có đọc bài phát biểu quan trọng, có đoạn phát huy thành tích các dân tộc ít người, các tôn giáo, các nhân sĩ, trí thức tiêu biểu. Trong đoạn nói về các dân tộc, Tổng bí thư Lê Khả Phiêu có nêu “dân tộc

Cor có cuộc khởi nghĩa Trà Bồng lừng lẫy và anh hùng Hồ Thanh Lâm...”, lời phát biểu trong cuộc họp trọng thể này đã chứng minh hùng hồn sự đánh giá rất cao của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân cả nước, của 54 dân tộc anh em, của Nhà nước và Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam. Cuộc hội thảo lần này có cơ sở, chứng cứ lịch sử cả phía ta và phía bên kia. Tuy nhiên, các tài liệu, lời phát biểu của các đồng chí cấp cao nhất của Đảng, của Nhà nước và Mặt trận, các sách báo đã có, nhưng chưa phổ cập mang tính toàn quốc như các cuộc khởi nghĩa từng phần khác ở thế kỷ XX, chưa ngang tầm với cuộc khởi nghĩa và đồng khởi mùa thu năm 1959 ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, mà chính nó đã có.

Lịch sử đang đón chờ cuộc hội thảo này, nhân dân và Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi đang theo dõi với lòng mong muốn sự thành công của cuộc hội thảo khoa học lịch sử này. Riêng tôi, với tư cách là người trong cuộc ở thời ấy, xin chân thành cảm ơn cơ quan lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận đương thời của tỉnh, Viện Sử học, các nhà khoa học và tất cả quý vị, quý đồng chí tham gia cuộc hội thảo, có công nghiên cứu, phát biểu đóng góp để đáp lại lòng mong ước của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi.

Sau đây tôi xin phát biểu một số sự việc để giúp các đồng chí rõ thêm, để các đồng chí nghiên cứu.

*1. Vì sao mà chúng tôi viết tập sách về: “Cuộc Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi”?*

Ý nghĩ ấy có từ chiến trường. Cuộc kháng chiến chống Mỹ ngày càng ác liệt quá, cái chết thật vô chừng. Vào mùa đông năm 1971, Thường vụ Khu ủy V thấy tôi sức khỏe quá suy sụp,

cho tôi về Hà Nội chữa bệnh và đồng chí Lê Tấn Tỏa Phó bí thư thay tôi làm Bí thư. Tôi quyết cố gắng ra đi với hy vọng ra miền Bắc cùng một số đồng chí viết một số sự việc để lại đời sau, như lời đồng chí Phạm Văn Đồng căn dặn tôi từ Tết Nguyên đán Giáp Thìn (1964). Tôi mang theo một số tài liệu. Mùa hè năm 1972, tôi và đồng chí Nguyễn Hữu Nghĩa (Nguyễn Công Say, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi từ năm 1962 – 1963) tập họp khá đông anh chị em đang chữa bệnh ở các K về dự họp tại một gia đình vắng, gần chân đồi chùa Tây Phương, xã Cần Kiệm, huyện Thạch Thất (Hà Tây), nhờ vào đồng chí quê Quảng Ngãi công tác ở ngành Tuyên giáo Trung ương chấp bút, họp nhiều lần, viết đi viết lại nhiều lần. Ban phụ trách là những đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy, ban cán sự và 8 huyện, khu ở miền Tây trước, trong và sau cuộc Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, gồm 16 người đại diện, có tên trong tập sách do hai đồng chí Phạm Thanh Biền và Nguyễn Hữu Nghĩa (chủ biên). Chứng cứ của sách thì đầy đủ, sự việc có nhiều nhưng chưa đủ vì bị rút gọn và chuyển thể từ văn hóa sang quân sự. Hôm nay, các đồng chí cần gì thì hỏi chúng tôi xin đáp ứng. Theo tôi, tập sách mà tôi và đồng chí Nghĩa làm chủ biên là đáng tin cậy, viết theo lời kể của tất cả nhân chứng sống và sự kiện lịch sử xảy ra đến ngày sách xuất bản chỉ mới 13 năm (1959 – 1972).

Nhân đây tôi xin nói thêm vài lời: ra sách thời ấy khó lăm, cả khâu duyệt và phương tiện in ấn, giấy, bìa,...

Sách đáng lẽ xuất bản năm 1973, chứ không phải đến năm 1975. Bộ trưởng Bộ Văn hóa Hoàng Minh Giám và tổ chức Đảng, đoàn của Bộ nhận in đầu năm 1973, sang tham khảo Ủy ban thống nhất Trung ương, Chủ nhiệm Ủy ban Nguyễn Thọ Chân và Phó chủ nhiệm Ủy ban Lê Toàn Thư nói: “Chưa được,

vì Bến Tre tuy đồng khởi sau, nhưng là một tỉnh đồng bằng chưa ra sách. Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi dừng lại đã". Sang năm 1974, Tổng cục Chính trị đã đồng ý cho xuất bản nhưng phải viết theo kiểu tổng kết quân sự, phải viết gọn và ít lại, đành vậy. Tuy thiệt thòi nhưng xuất bản được còn hơn là cất vào lưu trữ, mong các đồng chí thông cảm.

2. *Cuộc Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi có phải là một cuộc chuẩn bị trước, lâu dài, tương đối đủ nhiều mặt, có sự lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp, chặt chẽ, kịp thời, hay là một cuộc nổi dậy tự phát, manh động của một số xã, thôn ở Trà Bồng?*

Theo thực tế lịch sử, tôi thấy rằng lời nhận xét của đồng chí Võ Chí Công, Bí thư Khu ủy khu V, trong Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ nhất (2.1960) đã ghi nhận trong tập *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 – 1975*, trong các tập sách lịch sử Đảng từ Trung ương đến tỉnh, huyện, ngành của tỉnh, của Quân khu, của Khu là đã rõ, còn viết dài, nói rõ thì có tập sách *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)* (tập 2, chuyển chiến lược) của Viện Lịch sử Quân sự, Bộ Quốc phòng và quyển sách mà tôi đã nói ở điểm 1.

Về vấn đề này tôi xin bổ sung vài điều cụ thể.

a. Việc cảnh giác với sự tráo trở của địch, việc đề phòng và cách đối phó địch để bảo vệ phong trào cách mạng của Đảng bộ, việc xây dựng căn cứ, nơi đóng cơ quan lãnh đạo tỉnh, huyện đã đặt ra từ đâu, từ cuộc Hội nghị Tỉnh ủy đầu tiên ngày 25.10.1954 của Ban Tỉnh ủy chuyển vào bí mật tại xóm phía đông cầu Cây Bứa (huyện Tư Nghĩa), lúc ấy đồng chí Phạm Xuân Hòa quyền Bí thư Tỉnh ủy chủ trì Hội nghị, đồng chí Trương Quang Giao, Bí thư Liên khu ủy khu V về dự chỉ đạo.

b. Sau khi các xã, huyện đồng bằng bị bể vỡ, Tỉnh ủy đã sớm thấy Mỹ - Diệm cố phá Hiệp định Giơnevơ, Tỉnh ủy rút lên miền Tây, tổ chức cuộc họp Tỉnh ủy lần đầu trên miền Tây ở nóc ông Tơ, xã Trà Bùi (huyện Trà Bồng) vào ngày 25.10.1955 do đồng chí Nguyễn Quang Lâm, Bí thư và đồng chí Phạm Xuân Hòa, Phó bí thư, chủ trì Hội nghị. Cuộc họp đã quyết định nhiều vấn đề lớn rất quan trọng, trong đó bàn rất kỹ việc xây dựng căn cứ địa cách mạng ở miền Tây và chọn khu trung tâm tỉnh, xây dựng tự vệ hợp pháp ở xóm, nóc....

c. Giữa năm 1957, khi nhận được tài liệu *Bàn về cách mạng miền Nam* do đồng chí Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính trị khởi thảo từ Nam Bộ gởi ra, tỉnh Quảng Ngãi khẩn trương chuẩn bị mọi mặt về xây dựng lực lượng chính trị, quân sự, kinh tế, mua sắm muối, vải, thuốc chữa bệnh, nông cụ, các nhu yếu phẩm khác cho cơ quan lực lượng vũ trang tập trung và cho nhân dân, dự trữ hai năm, giúp mua hàng hóa cho tỉnh bạn như Kon Tum, giúp thanh niên người dân tộc ít người vào các trại trong rừng để sản xuất, học tập văn hóa, chính trị, luyện tập quân sự và tăng cường bồi phòng....

d. Chính những ngày Tết Nguyên đán năm Mậu Tuất (1958), Tỉnh ủy họp mở rộng tại thôn Di Ngâu, xã Trà Trung (huyện Trà Bồng). Tham gia cuộc họp có các Bí thư các huyện miền núi, đồng bằng và các cán bộ cơ quan văn phòng Tỉnh ủy dự với mục đích là để kiểm điểm mọi việc, đánh giá tình hình địch, ta và việc kiểm tra công tác chuẩn bị cho vũ trang khởi nghĩa là trọng tâm của cuộc họp. Giữa cuộc họp, Tỉnh ủy cử đồng chí Biền, ủy viên Thường vụ và đồng chí Mười (Mô), Tỉnh ủy viên lên đường sáng ngày 2 Tết về Khu ủy V đóng tại huyện Hiên (Tây Quảng Nam) để báo cáo tình hình chung, báo cáo

việc chuẩn bị cho vũ trang khởi nghĩa đã cơ bản hoàn thành và thỉnh thị ý kiến của Thường vụ Khu V.

e. Hai đồng chí Biền và Mười làm việc với Thường trực Khu V gần nửa tháng (vì cơ quan Khu ủy di dời từ vùng giáp ranh lên vùng cao). Đồng chí Hai Hậu (Trần Nam Trung), Bí thư Khu ủy và các đồng chí Thường trực Khu ủy, nghe đại diện Tỉnh ủy Quảng Ngãi báo cáo tình hình và nhiệm vụ đến, nghe và phê chuẩn phương án chuẩn bị tích cực cho khởi nghĩa vũ trang và phương án khởi nghĩa từng phần ở miền núi do hai đồng chí Biền và Mười dự thảo. Đồng chí Bí thư Khu ủy V dặn: “Khu ủy cho phép Quảng Ngãi thực hiện nổi dậy khởi nghĩa từng phần, xóa chính quyền địch và lập chính quyền cách mạng ở cơ sở thôn, xã; việc khởi nghĩa lật đổ chính quyền ở cấp quận, huyện thì phải thỉnh thị ý kiến của Thường vụ Khu ủy; việc lập đơn vị vũ trang tập trung cũng phải xin ý kiến Khu ủy cho phép mới được làm”.

g. Vì đường dây đi lại rất khó khăn, vất vả và lúc cơ quan Khu ủy V dời đi nên hai đồng chí Biền và Mười đi về và làm việc mất gần 3 tháng (từ 19.2 đến 18.5.1958). Từ ngày 20 đến 25.5.1958, tại nóc ông Cương, xã Trà Bùi (Trà Bồng), Tỉnh ủy họp lần thứ 11 để nghe phổ biến các quyết định của Khu ủy, thông qua phương án mà Thường trực Khu ủy đã duyệt, bàn kế hoạch và biện pháp thực hiện, kiện toàn Ban Thường vụ Tỉnh ủy đủ 3 người, cử đồng chí Biền làm Phó bí thư Tỉnh ủy, phụ trách Trưởng Ban Quân sự tỉnh và Bí thư Ban Cán sự Đảng bộ miền Tây (trực thuộc Tỉnh ủy), chấn chỉnh tổ chức chỉ đạo miền Tây, từ 4 huyện chia thành 8 khu, lập Ban Quân sự tỉnh đến các khu, các xã vùng căn cứ. Ban Quân sự tỉnh và Ban Cán sự miền Tây có cơ quan riêng.

Sau Hội nghị Tỉnh ủy, việc triển khai rất mạnh, không khí phấn khởi tràn ngập như “mở cờ trong bụng” trong cán bộ, đảng viên, cơ sở và trong quần chúng tích cực. Triển khai xây dựng toàn diện ở miền núi và nỗ lực xây dựng cơ sở, xây dựng giao thông liên lạc hợp pháp và bất hợp pháp ở đồng bằng, xúc tiến công tác binh, tề vận trong các mặt công tác, việc quan tâm thường trực là vấn đề cảnh giác cách mạng, có nhiều biện pháp nhằm xây dựng và bảo vệ căn cứ miền Tây rất tích cực. Năm 1958, tất cả thanh niên vùng trung tâm căn cứ được chuyển vào sống bất hợp pháp với địch; xây dựng, giáo dục, tập luyện quân sự cho tự vệ và thanh niên nam, nữ trong các thôn, xóm, nóc; tích cực bố phòng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong Đảng, trong quần chúng; mở Đại hội đại biểu nhân dân các dân tộc ở miền Tây: Hrê, Cor, Ca Dong và Kinh. Đại hội có gần 200 người tham dự từ ngày 7.7 đến ngày 10.7.1958 tại Gò Rô (Trà Bồng). Sang mùa đông năm 1958, rút thanh niên từ cơ sở ở các huyện đồng bằng lên căn cứ, để cùng thanh niên thoát ly ở miền núi học tập, luyện tập quân sự và sản xuất để thành lập 3 đơn vị tập trung và các đội công tác ở đồng bằng, vùng sát địch ở miền núi, đào các ổ súng mà bộ đội chủ lực quân khu V đi tập kết đã chôn, giấu để trang bị cho các đơn vị tập trung sắp thành lập. Rút thợ rèn, thợ may, thợ mộc, thợ làm gốm, thợ sửa chữa và một số nông dân giỏi làm cơ sở lên căn cứ để sản xuất và giúp thanh niên dân tộc làm ruộng, làm nghề thủ công,... Tại trung tâm căn cứ, từ cuối năm 1958 đến 1959, thanh niên tham gia sản xuất, chuẩn bị khởi nghĩa đồng đảo và hết sức náo nhiệt.

h. Sang năm 1959, du kích và tự vệ đã có đều ở các vùng xa đồn quân địch, có tự vệ mật trong lòng địch, các đơn vị vũ

trang tập trung lần lượt ra đời 339, 89, 299, và sau đó là V9, V12 đều được trang bị khá (so với thời kỳ ấy). Việc diệt ác, trừ gian đã có từ cuối năm 1954 ở Sơn Hà và đến năm 1958 đã được thực hiện ở miền núi và vào mùa đông năm 1958 đã làm ở đồng bằng.

Cuộc họp Tỉnh ủy lần thứ 13 (kể từ lúc Tỉnh ủy chuyển hướng) tổ chức tại vùng rừng gần nóc già làng Con (xã Trà Bùi, huyện Trà Bồng) vào giữa tháng 6.1959 để học tập văn bản chính thức Nghị quyết 15 Trung ương khóa II (tháng 1.1959), do đồng chí Nguyễn Quang Lâm, Bí thư Tỉnh ủy đi dự ở Khu về truyền đạt, học tập thông suốt, mau thẩm nhuần hơn các nghị quyết trước đó. Phần nhiệm vụ cho cả tỉnh có nhiều và đã bàn xong. Phần đột xuất có việc chống địch bầu cử Quốc hội. Việc này có bàn kỹ đối với thị xã, các huyện đồng bằng và các huyện miền núi, có chủ trương chung và riêng cho từng vùng cao, xa địch và vùng sát địch. Vùng xa địch đều chống phá bầu cử Quốc hội nhưng mức độ, phương pháp, thái độ, biện pháp thì khác nhau. Riêng vùng cao, nằm xa địch ở miền Tây thì bất hợp tác, phương pháp bất hợp pháp là chủ yếu, có bàn sâu là nhân cơ hội xóa bỏ chính quyền địch, lập chính quyền cách mạng, thực hiện khởi nghĩa từng phần như Thường vụ Khu ủy V cho phép, nhưng sự diễn biến sau đó thì bàn không sâu.

i. Có mấy nguyên nhân cuộc khởi nghĩa bùng nổ trước ở vùng cao Trà Bồng (nay là huyện Tây Trà):

- Truyền thống dân tộc Cor vùng này là quen sống bất hợp tác chống Pháp suốt đời này qua đời khác cho đến Cách mạng tháng Tám năm 1945. Ngay thời xa xưa cũng ở đây người Cor đã theo Đại Đô đốc Nguyễn Thăng Long tham gia khởi nghĩa Tây Sơn. Sau khi nhà Tây Sơn thất bại, ông Long cũng về sống

ẩn dật và đã qua đời chính tại đây. Thời Nước Xu đỏ do Phó Mục Gia lãnh đạo, tại đây có trận đánh lớn của người dân tộc Cor do Chân chỉ huy đã tiêu diệt nhiều lính khố xanh, khố đỏ của Pháp.

- Từ ngày học tập Nghị quyết Trung ương lần thứ 15 khóa II đến ngày 27 và 28.8.1959, toàn bộ vùng cao Trà Bồng (cũ), dân vùng căn cứ đã xôn xao, núi rừng như chờ ngày hội lớn, chờ sự đổi mới, chờ sự bùng nổ. Dân nói: “Đã có lệnh trên cho đánh Mỹ rồi, Đảng cho đánh rồi, hãy sẵn sàng”. Cả vùng cao Trà Bồng gần như là xứ sở của lau sậy, còn vạt rừng xanh nào, thì trong đó là lớp học, là cuộc họp, là nơi luyện tập, rải rác đâu đâu cũng thấy bộ đội đơn vị 339 xác súng đi tuần tra. Vùng căn cứ lúc ấy như cá tức trứng chờ một cơn mưa, có nước là cá tràn lên đồng để đẻ.

- Dịch động đến dây cháy chậm cháy sát ngòi nổ. Khởi nghĩa bùng phát, loang nhanh cả vùng, cả huyện. Bên cạnh dân có lực lượng du kích và đơn vị 339 phân nhỏ từng tổ 3/3 hỗ trợ khởi nghĩa vũ trang bằng sức mạnh quần chúng, bạo lực cách mạng của nhân dân quật khởi đối đầu với bạo lực phản cách mạng, cọ xát quyết liệt với sự mất cồn, sống chết của toàn miền Tây đồng khởi.

k. Tỉnh ủy Ban Cán sự miền Tây ra lệnh và quy định địa điểm mở đột phá khẩu quy định ngày N giờ G không?

Không, mà có, Ban Cán sự có dự kiến và báo với Thường vụ Tỉnh ủy là vào Thu Đông năm 1959, khởi nghĩa sẽ nổ ra ở miền Tây nhưng chưa rõ nơi nào. Chủ trương tẩy chay bầu cử Quốc hội địch đối với vùng cao các huyện miền Tây có thể nổ ra quyết liệt ở Trà Bồng, Sơn Tây, Sơn Hà nhưng chưa xác định được địa điểm. Dự kiến là có thể, do đó phân công hai đồng chí

trực theo dõi; đồng chí Nghĩa (Say), Ủy viên Thường trực Tỉnh ủy và đồng chí Khang, Tỉnh ủy viên, Ủy viên Thường trực Ban Cán sự miền Tây. Đồng chí Bí thư ốm, đồng chí Mười công tác ở Sơn Hà, đồng chí Biền đi Khu VII (Sơn Tây) thành lập đơn vị 89 ở Tà Ngôm (xã Sơn Lập). Xong đồng chí đi Đức Phổ công tác về đến nơi tạm trú của lực lượng thanh niên tập trung chờ thành lập đơn vị thứ 3 tại Gọi Lát thì ngày 29.8.1959, được Thường trực Tỉnh ủy báo tin là Trà Bồng đã khởi nghĩa ngày 28, mời về họp Thường vụ. Chiều 31.8.1959, tại Gọi Lát giáp huyện Ba Tơ, Minh Long và Sơn Hà, đơn vị 299 được thành lập (không kịp chờ đến ngày 2.9, vẫn lấy tên là 299, vì trong quyết định Tỉnh ủy ký đã đặt tên là 299). Chiều ngày 31.8, sau khi thành lập xong đơn vị mới, tôi ra lệnh bằng miệng cho 4 huyện có Bí thư và Phó bí thư dự lễ thành lập đơn vị là Ba Tơ, Sơn Hà, Minh Long, Sông Hre về phát động quần chúng nổi dậy lật đổ chính quyền địch, đánh trả lại địch, đẩy mạnh công tác binh vận để tiếp ứng với Trà Bồng. Trưa ngày 2.9.1959, tôi về đến Khu VII (Sơn Tây) gặp Ban Cán sự Đảng bộ khu VII, cấp tốc họp bàn quyết định phát động quần chúng khởi nghĩa. Các địa phương đều chấp hành, toàn miền Tây đều đồng khởi từ ngày 28.8 đến 5.9.1959 thắng lợi.

Tôi về đến nhà ông Giao (ngã ba Nước Riềng) gặp các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy. Sáng ngày 4.9.1959, tại nóc ông Vinh, thôn Trà Dục (xã Trà Lãnh, Tây Trà), mở Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy mở rộng (Liên tịch gồm Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Cán sự miền Tây, Ban Quân sự tỉnh và mời một số Tỉnh ủy viên làm việc ở gần tỉnh, các bí thư khu (tương đương huyện), cán bộ cơ quan văn phòng dự. Buổi họp do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy chủ trì. Cuộc họp nhanh chóng thống nhất nhận định về tình hình địch, ta trước mắt, thống nhất việc “đồng khởi

toàn miền Tây”, việc liên tục tiến công địch về cả ba mặt: vũ trang, đấu tranh chính trị và đẩy mạnh công tác binh tề vận khắp toàn tỉnh; về quân sự ở miền Tây phát triển mạnh chiến tranh du kích (chiến tranh nhân dân địa phương), vận động toàn dân, già, trẻ, gái, trai đều tham gia chống địch bằng mọi hình thức, bố phòng bằng chông, mang cung, bẫy đá khắp núi rừng không để địch có lối đi, đánh bằng bố phòng, bằng vũ khí truyền thống, bằng súng, tên thuốc độc, phóng lao,... Ở vùng sát đồn quân địch thuộc miền Tây và đồng bằng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, vận động binh lính địch đi càn quét miền Tây bằng đủ cách, hù dọa, đào ngũ, chống lệnh,... Liên tục cho các đội công tác thọc sâu vào lòng địch diệt ác, trừ gian, giam chân địch ở lại bớt đồng bằng. Nhân sự náo nức, phấn khởi, ra sức móc nối, xây dựng cơ sở, tổ chức để vận động dân chi viện lương thực, muối và các nhu yếu phẩm cho đồng bào căn cứ. Dân vùng cao ở Trà Bồng và Sơn Tây (Khu VII) vận động xuống ven sông, suối vỡ nà làm ruộng đất, giữ nửa rừng lại cho nhu cầu quân sự cho chiến tranh. Cho các thôn, xã thành lập chính quyền cách mạng (tự quản...)

Buổi trưa nội dung cuộc họp được điện về Khu ủy, buổi chiều Hội nghị tiếp tục họp, vừa chờ Khu trả lời. Chiều hôm ấy, đồng chí Võ Chí Công thay mặt Thường vụ Khu ủy điện trả lời: “Thường vụ Khu ủy nhất trí với các nội dung của cuộc họp Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi mở rộng. Nhắc tỉnh ủy phải đề cao cảnh giác thường xuyên với âm mưu và hành động của địch, hết sức quan tâm đến đời sống, tính mạng, tài sản, nơi ăn ở của nhân dân. Tỉnh ủy phải thường xuyên báo cáo tình hình, sự diễn biến của cuộc khởi nghĩa, Thường vụ Khu ủy sẽ phái đoàn cán bộ xuống Trà Bồng để theo dõi, kiểm tra và sơ kết kinh nghiệm.

Thường vụ Khu ủy sẽ chỉ đạo cho các tỉnh trong Khu hoạt động phối hợp và hỗ trợ cho Trà Bồng". Hội nghị hoàn toàn nhất trí các nghị quyết của cuộc họp, rất tin tưởng, phấn khởi ra về, lách địch mà đi, trong lúc chúng càn quét, đánh phá ác liệt sát địa điểm hội nghị, địch vấp phải sự đánh trả của dân và du kích bố phòng, bằng vũ khí thô sơ, chúng bị chết, bị thương nhiều, phải khiêng xác chết và bọn bị thương về dưới đồng bằng.

Từ cuộc họp Thường vụ Tỉnh ủy mở rộng ngày 4.9.1959 đến Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất (2.1960), địch càn quét, đánh phá dai dẳng, ác liệt với qui mô vừa và lớn. Núi rừng Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi xơ xác, nhiều khó khăn mới phát sinh, đời sống nhân dân gặp nhiều vất vả, đói, đau, lạc, muối... nhưng về chính trị thì rất tốt: Lòng dân vững vàng, một lòng đi theo Đảng làm cách mạng, tiến hành chiến tranh cách mạng. Địch bị tổn thất to lớn và liên tiếp, căn cứ địa toàn miền Tây được giữ vững, chiến tranh du kích phát triển cao chưa từng có (kể cả những năm chống Pháp). Nhờ sự viện trợ của đồng bằng căn cứ, nhân dân đầy mạnh sản xuất rau màu, các tỉnh có hoạt động hỗ trợ nên đời sống nhân dân, lực lượng vũ trang tập trung, cán bộ cơ quan dần dần ổn định. Cuộc khởi nghĩa giành được thắng lợi lớn bước đầu.

Tuy nhiên cuộc họp Khu ủy V kéo dài cả tháng, tháng 4.1960 tại vùng Ngọc La (Trà My) triệu tập mỗi tỉnh hai người và cán bộ cấp Khu dự, số dự họp có đến 80 người. Nội dung là bàn biện pháp tích cực để thực hiện Nghị quyết 15 Trung ương khóa II. Thường vụ Khu ủy bảo Tỉnh ủy Quảng Ngãi báo cáo cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi.

Trong hai ngày Tỉnh ủy Quảng Ngãi bị lãnh đạo một số tỉnh và một số Khu ủy viên phê phán kịch liệt, phân tích quy tội

cho Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Tôi là báo cáo viên, có đồng chí Võ, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy cũng đi dự, nhưng được sự ủng hộ tích cực của đồng chí Bí thư Khu ủy và một số các đồng chí Thường vụ và Khu ủy viên, một số đồng cán bộ nghiên cứu của Khu ủy, một số tỉnh như Gia Lai, Bình Thuận, Quảng Trị. Giữa Hội nghị, đồng chí Năm Công nhận được điệm của Thường trực Bộ Chính trị, đồng chí Bí thư Khu ủy V kết luận cuộc Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi như kết luận trong cuộc đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi tháng 2.1960. Đồng chí phân tích rất sâu, rất kỹ. Cả cuộc họp đều các đồng chí Khu ủy, có đều đại diện các tỉnh từ Quảng Trị đến Bình Thuận và 3 tỉnh Tây Nguyên, rất nhiều cán bộ cao cấp công tác ở cơ quan khu, không có một ý kiến gì phản đối nữa. Xong họp, ai cũng vui vẻ ra về để chuẩn bị đối phó với địch, thực hiện nhiệm vụ mới.

Cả đồng bằng và miền núi toàn Khu V bước vào thực hiện Nghị quyết 15 Trung ương, thực hiện chuyển hướng chiến lược cách mạng miền Nam Việt Nam.

#### \* Một vài đặc điểm để nghiên cứu:

##### *I. Vấn đề xây dựng căn cứ địa cách mạng*

Cuộc hội nghị Tỉnh ủy ngày 25.10.1959 tại chân núi Cà Đam, như tôi đã viết trong mục 1, điểm b, bàn và quyết định nhiều việc quan trọng, riêng việc xây dựng căn cứ và chọn nơi đóng cơ quan chỉ đạo cấp tỉnh bước đầu và lâu dài về sau có tính kỹ về tình hình địch, ta, việc chỉ đạo các huyện bằng đường dây hợp pháp và bất hợp pháp, học, vận dụng về “thiên thời, địa lợi, nhân hòa”, học vận dụng cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và 9 năm chống Pháp.

Xin nêu vài chi tiết đã suy nghĩ và đã bàn thời ấy:

a. Các đồng chí chi bộ và cán bộ Cảng An trí Ba Tơ tháng 3.1945 rất dũng cảm, rất sáng tạo, rất tài năng, dám nghĩ dám làm, trong lúc rất xa Trung ương và chưa có tiền lệ ở vùng Nam Trung Bộ trong thời ấy, khởi nghĩa thắng lợi là thành lập đội Du kích Ba Tơ (lực lượng vũ trang tập trung), xây dựng căn cứ du kích vùng rừng sâu (Cao Muôn) và kịp thời phát động quần chúng miền núi, đồng bằng, chuyển lực lượng vũ trang tập trung xuống vùng giáp ranh (Núi Lớn, Vĩnh Tuy) để phát triển, du kích tự vệ xóm làng, hỗ trợ cho phong trào chính trị và bạo lực quần chúng.

b. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thời kỳ đầu 1955-1958 có khác. Đế quốc Mỹ là kẻ chưa từng chiến bại, trực tiếp xâm lược miền Nam Việt Nam, bọn tay sai Ngô Đình Diệm là con nuôi của đế quốc Mỹ, nhưng không phải bù nhìn, con nôm rơm như các triều vua Khải Định, Bảo Đại. Chúng có hệ tư tưởng đổi lập, sống mái với cách mạng, với toàn dân tộc, chúng còn có mối thù riêng với cộng sản, cố tiêu diệt cho kỳ được những người cộng sản. Đảng Cộng sản là Đảng cách mạng duy nhất lãnh đạo nhân dân, dân tộc Việt Nam làm kháng chiến giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, thực hiện chủ nghĩa cộng sản.

Tỉnh Quảng Ngãi bước vào thời kỳ chống Mỹ lại có mấy tình huống phức tạp, rất khó khăn và bất lợi cho cách mạng.

So với các tỉnh khác, tỉnh Quảng Ngãi người đông, đất không rộng, ít có núi rừng liên hoàn, trùng điệp, núi tranh đối trọc là chủ yếu, tuyệt đại đa số dân tộc Hrê, Kinh làm ruộng. Địa hình tương đối tốt, đủ ba tiêu chuẩn “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” gồm các vùng ở phía Bắc huyện Sơn Hà, Trà Bồng và Sơn Tây. Tuy là đồi lau, núi trọc nhưng được thế liên hoàn với vùng

núi rừng Tây Nam Quảng Nam và Đông Bắc tỉnh Kon Tum. Nếu đến lúc xây dựng lực lượng vũ trang và hoạt động vũ trang, bộ đội miền Bắc vào thì có nơi che khuất, là vùng căn cứ rất tốt: “Tiến có thể công, lui có thể giữ”.

Miền Tây Quảng Ngãi có vụ Sơn Hà (1.1950), Mỹ - ngụy đưa bọn ác ôn và lính Hrê về Sơn Hà, tây Ba Tơ từ tháng 12.1954, cả binh lính và vợ con lính có đến trên 3.000 người. Chúng về với âm mưu chiếm cứ vùng dân tộc Hrê, đại bộ phận là vùng ruộng, chiếm phần lớn dân số và đất đai, cơ động thuận lợi, về để trả thù nhân dân và những người kháng chiến. Chúng rất tàn bạo, đánh phá, giết người không ghê tay.

Đồng bằng thì có các đảng phái như: Quốc Dân Đảng, Đại Việt và các lực lượng chống đối khác.

Một số huyện có quá nhiều cán bộ đi tập kết (có cả cán bộ thôn, xóm), dẫn đến bỏ trống vị trí lãnh đạo quần chúng.

c. Tỉnh ủy chọn các xã phía Bắc huyện Sơn Hà và phía Nam Trà Bồng làm trung tâm căn cứ là rất thích hợp. Có 3 yếu tố thuận lợi nói trên, chỉ có một điều là nơi nghèo, lại đói thường xuyên, vật chất phải dựa vào vùng thấp Sơn Hà, mua sắm nhu cầu thì có thị trấn Đồng Ké. Các thuận lợi lớn ban đầu là thông tin liên lạc lên Khu ủy V không bao giờ bị đình đốn, liên lạc giữa sự lãnh đạo của Tỉnh ủy với tất cả các huyện đồng bằng, miền núi đều thuận tiện, liên lạc hợp pháp thì thị trấn Đồng Ké đi về thị xã bằng các phương tiện đường bộ, đường sông lên, xuống chỉ một buổi.

## 2. *Vấn đề khởi nghĩa vũ trang*

Đặc điểm ở Quảng Ngãi, các cuộc nổi dậy, vũ trang khởi nghĩa đều nổ ra tại nơi cơ quan đầu não của tỉnh đóng: Cuộc nổi

dậy cướp huyện đường Đức Phổ năm 1930 (ở Đức Phổ), cuộc khởi nghĩa Ba Tơ tháng 3.1945 (ở cảng An Trí Ba Tơ). Cuộc khởi nghĩa tháng 8.1945 ở Quảng Ngãi (ở Thị Phố, Mộ Đức). Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi (cơ quan Tỉnh ủy và Ban Cán sự miền Tây ở Trà Bồng), v.v...

### *3. Truyền thống bạo lực cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi*

Nhân dân Quảng Ngãi từ khi Pháp xâm lược nước ta đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, phổ biến là dùng bạo lực quần chúng để chống kẻ thù, rất nhiều cuộc khởi nghĩa vũ trang nổ ra như thời Càn Vương có Cử Đình, Tú Tân dùng nghĩa quân và nhân dân đánh lấy thành tỉnh Quảng Ngãi thắng lợi. Thời vua Duy Tân có cuộc khởi nghĩa rộng do Tú Ngung, Cử Thủ là cán bộ của Trung ương Việt Nam Quang phục Hội lãnh đạo, đánh thành năm 1917. Cuộc vây hãm thành Quảng Ngãi của Cử Vịnh, Thái Thú. Cuộc bạo động chống sưu thuế do nhiều nhà trí thức lãnh đạo, cầm đầu là Ấm Loan, Bố Khiết..

Từ khi có Đảng Cộng sản lãnh đạo, cách mạng Việt Nam ở Quảng Ngãi có phong trào khá cao và mạnh, sau Xô viết Nghệ Tĩnh, có cuộc nổi dậy cướp quận đường Đức Phổ do Tỉnh ủy và Bí thư đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi Nguyễn Nghiêm lãnh đạo, chỉ huy, giành thắng lợi bước đầu, đã thúc đẩy phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi phát triển và duy trì về sau. Lúc Nhật – Pháp đánh nhau (ngày 9.3.1945) thì chi bộ Đảng và các đồng chí tù chính trị Cảng an trí Ba Tơ kịp thời lãnh đạo, chỉ huy lực lượng sẵn có khởi nghĩa cướp đồn và chầu ly Ba Tơ thắng lợi; lập Đội du kích Ba Tơ, lực lượng vũ trang tập trung đầu tiên của Quảng Ngãi và miền Nam Trung Bộ; lập chính quyền cách

mạng cơ sở, tiến về đồng bằng phát động quần chúng làm nên cuộc khởi nghĩa tháng Tám, một trong một số tỉnh khởi nghĩa đầu tiên trong cả nước (14.8.1945).

Tiến hành kháng chiến chống Pháp chín năm, Quảng Ngãi là vùng tự do đã cùng với Bình Định, Nam Quảng Nam, Phú Yên là hậu phương lớn, trực tiếp cho toàn bộ chiến trường Liên khu V.

Thời kháng chiến chống Mỹ, trong lúc chính quyền Sài Gòn, tay sai đế quốc Mỹ, ở vào thế mạnh, thế ổn định nhất của nó (từ 1957 đến 1959), khi luật 10/59 của chế độ Ngô Đình Diệm ra đời và tuyên bố lập sông Bến Hải, khi Trung ương Đảng ra Nghị quyết 15 (tháng 1.1959), thì ở Quảng Ngãi cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi nổ ra, lan nhanh trong một vùng rộng chiếm phần lớn lãnh thổ tỉnh Quảng Ngãi. Lúc đầu, cuộc khởi nghĩa nổ ra như một hòn đảo nhỏ nằm trong mặt biển có màu xanh mênh mông. Nhân dân và Đảng bộ gồng lưng chịu mọi khó khăn và vô cùng gian khổ, cực kỳ ác liệt trong 411 ngày, đêm mới được giải vây. Đặc biệt cuộc Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi tuy bị chiến tranh tàn phá cực kỳ khốc liệt, nhưng Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi nói chung và nhân dân miền Tây nói riêng đã xây dựng được căn cứ địa vững mạnh về mọi mặt, giữ vững thành quả cuộc khởi nghĩa đến ngày toàn tỉnh được giải phóng hoàn toàn (24.3.1975). Vùng trung tâm mở đầu cuộc khởi nghĩa là huyện Tây Trà ngày nay, vùng cao nguyên huyện Trà Bồng, huyện Sơn Tây và vùng núi rừng các huyện Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà là vùng tự do từ cuộc khởi nghĩa thành công mùa thu năm 1959. Nói chung toàn miền Tây Quảng Ngãi là cửa cách mạng, chỉ trừ các quận lỵ là còn có địch.

Ngay từ buổi đầu của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, trong Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (2.1960), đồng chí Võ Chí Công, Bí thư Khu ủy V đã đánh giá, kết luận: “Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã nổ ra kịp thời, có chuẩn bị, có lãnh đạo và chỉ huy chặt chẽ, đi đúng đường lối cách mạng, thực hiện đúng Nghị quyết 15 Trung ương, đóng góp những kinh nghiệm quý báu cho việc thực hiện Nghị quyết 15 ở Nam Trung bộ”.<sup>(1)</sup>

---

<sup>(1)</sup> Dẫn theo *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945-1975*. Nxb Chính trị quốc gia, tr.268.

# CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI TRONG MỐI QUAN HỆ PHỨC TẠP VIỆT NAM VÀ QUỐC TẾ

PHÙNG ĐỨC THẮNG<sup>\*</sup> - TRẦN MINH TRƯỞNG<sup>\*\*</sup>

Sau khi kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc luôn luôn là nỗi lo âu, trăn trở của Trung ương, của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó cũng là mục tiêu sống còn của nhân dân ta phải phấn đấu, hy sinh. Từ đầu năm 1957, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có chủ trương soạn thảo văn kiện chính thức làm nội dung chỉ đạo đường lối cách mạng miền Nam. Là người lãnh đạo cao nhất từ chiến trường Nam Bộ trở về, đồng chí Lê Duẩn được giao nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo công việc soạn thảo văn kiện cho Hội nghị Trung ương Đảng bàn về cách mạng miền Nam. Nhưng trước những biến động phức tạp về tình hình quốc tế, nhất là quan hệ giữa các cường quốc, nên đối với con đường cách mạng giải phóng miền Nam, ngay cả trong Trung ương cũng có những ý kiến khác nhau. Bài viết của chúng tôi muốn từ bối cảnh lịch sử phức tạp trong quan hệ quốc tế và trong nước để góp phần trong việc nghiên cứu, làm rõ hơn tinh thần yêu nước của đồng bào các dân tộc, về sự nhạy bén, tính sáng tạo cách mạng của Trung ương và nhất là của các cấp ủy Đảng ở địa phương trong khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi.

---

<sup>\*</sup> Phó giáo sư, Tiến sĩ

<sup>\*\*</sup> Tiến sĩ

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Về bối cảnh trong nước và quốc tế đối với cách mạng miền Nam lúc đó, trước hết phải khẳng định là chúng ta đang đứng trước thuận lợi rất cơ bản. Vì có như vậy cách mạng miền Nam mới tồn tại, phát triển và giành được thắng lợi. Trong bài viết này chúng tôi chỉ đề cập đến những mối quan hệ phức tạp, nhất là với Liên Xô và Trung Quốc mà chúng tôi cho rằng cũng rất cơ bản. Đối với Việt Nam, mối quan hệ Hà Nội - Bắc Kinh - Mátxcơva mặc nhiên trở thành mối quan hệ mấu chốt. Vấn đề Việt Nam đã không còn bó hẹp trong phạm vi quốc gia hay khu vực, mà đang có xu hướng bị quốc tế hóa bởi sự có mặt của các quốc gia đại diện cho quyền lực của thế giới.

Đối với Liên Xô, từ sau Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô lần thứ XX (1956), Nikita Khorútsốp chính thức lên nắm quyền, đưa ra kế hoạch nhanh chóng hoàn thành xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa cộng sản trong vòng 20 năm. Để thực hiện mục tiêu đó, N.Khorútsốp chủ động đề nghị với Mỹ giảm bớt chạy đua vũ trang, giữ nguyên hiện trạng châu Âu, chấp nhận sự tồn tại của hai nhà nước Đức và đề ra khẩu hiệu: "Thi đua hòa bình", "Chung sống hòa bình" để tập trung lực lượng xây dựng kinh tế. Đối với phong trào cách mạng thế giới, Liên Xô chủ trương đấu tranh giành chính quyền bằng phương pháp hòa bình.

Mặc dù bản chất hiếu chiến nhưng Mỹ lúc này cũng đang đứng trước tình thế khó khăn do khủng hoảng kinh tế (1957 - 1958) gây ra phản ứng mạnh mẽ trong dân chúng. Mặt khác, về quân sự Mỹ đã mất ưu thế về vũ khí hạt nhân, cho nên đề nghị của Liên Xô được Mỹ chấp nhận tạm thời và xem như phù hợp với lợi ích của hai quốc gia. Nhưng dẫu sao, hậu quả của cuộc chạy đua vũ trang đã khiến nền kinh tế Mỹ

lâm vào tình trạng suy thoái cục bộ, vô tình tạo điều kiện cho kinh tế Tây Âu và Nhật Bản phát triển thành hai trung tâm kinh tế mới, quay trở lại cạnh tranh gay gắt với Mỹ trên thương trường thế giới và khu vực.

Trong khi đó, mâu thuẫn ngầm ngầm giữa Liên Xô và Trung Quốc, hai nước lớn nhất trong phe Xã hội chủ nghĩa bắt đầu bộc lộ bất đồng công khai kể từ sau chuyến thăm Bắc Kinh của N. Khơrútsốp (năm 1954). Mặc dù những người cộng sản đã cố gắng xóa đi mối bất hòa giữa họ bằng việc tổ chức hai hội nghị các Đảng Cộng sản và Công nhân (1957 và 1960), có tới hơn 80 Đảng và tổ chức Công nhân tham dự, nhưng như lời tuyên bố của N. Khơrútsốp: “Cuộc xung đột với Trung Quốc là không thể tránh khỏi”. Ngoài ra, sự rạn nứt Trung - Xô, quan hệ giữa Nam Tư với Liên Xô đã xấu đi từ thời I.V.Xtalin, lúc này lại càng đáng lo ngại hơn với việc Anbani công khai đứng về phía Trung Quốc để đả kích Liên Xô, gây bất đồng sâu sắc trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Sự chia rẽ trong nội tình phe Xã hội chủ nghĩa chẳng những làm suy yếu lực lượng cách mạng thế giới, mà còn làm phức tạp hóa quan hệ quốc tế, gây bất lợi cho phong trào giải phóng dân tộc và phong trào đấu tranh vì hòa bình hữu nghị giữa các dân tộc. Tình hình đó đặc biệt gây khó khăn cho cách mạng Việt Nam. Như vậy, ngẫu nhiên Việt Nam trở thành điểm nóng của thế giới, hơn thế nữa còn là nơi tập trung những mâu thuẫn của hai hệ thống xã hội, đồng thời là đối tác chiến lược liên quan đến quyền lợi ba cường quốc Liên Xô - Trung Quốc và Mỹ. Điều đáng chú ý là dù không muốn đối đầu trực tiếp với Mỹ nhưng Liên Xô và Trung Quốc lại đều muốn thâu tóm lực lượng trong phe Xã hội chủ nghĩa và Phong trào không liên kết về

phía mình. Do đó, Liên Xô và Trung Quốc không thể không ủng hộ giúp đỡ Việt Nam, một nước đang giương cao ngọn cờ hòa bình, độc lập dân tộc, đang có nhiều uy tín đối với các quốc gia đang trỗi dậy. Vả lại, trong quan hệ với Mỹ, Việt Nam chính là vấn đề quan trọng mà hai nước Xô - Trung đều muốn có trong các cuộc thương thuyết bí mật vì quyền lợi của họ. Liên Xô đóng vai trò trụ cột của phe Xã hội chủ nghĩa kể từ sau chiến tranh thế giới thứ II. Nhưng sau khi I.V.Xtalin mất (1953), và nhất là sau khi N. Khorutsốp lên nắm quyền thì đường lối chiến lược của Liên Xô đã có sự thay đổi lớn. Trên cương vị Bí thư thứ nhất Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, N. Khorutsốp đã chỉ đạo đường lối của Đảng theo hướng hòa hoãn với Mỹ và thân phương Tây. Liên Xô hi vọng khi tập trung mọi nguồn lực vào phát triển kinh tế sẽ đuổi kịp và vượt Mỹ trên lĩnh vực này. Xác định trọng tâm chiến lược của mình ở châu Âu và Trung cận đông, Liên Xô coi nhẹ việc ủng hộ, giúp đỡ phong trào giải phóng dân tộc ở các châu lục khác, nhất là ở những nơi có mặt của người Mỹ thì hầu như Liên Xô đều có ý né tránh.

Về mặt quan hệ quốc tế, N. Khorutsốp chủ trương đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao nhằm thiết lập mối quan hệ gần gũi với các nước tư bản phương Tây: ký hiệp ước bình thường hóa quan hệ với Tây Đức (1955), với Nhật Bản (1956). N. Khorutsốp đi thăm Mỹ (1959). Trong khi tăng cường hợp tác với phương Tây và Mỹ, N. Khorutsốp còn tìm cách thuyết phục các Đảng Cộng sản ở các nước khác cũng phải đi theo chiều hướng đó. Vì thế đã có nhiều phản ứng từ phía Trung Quốc. Tất nhiên, lý do thực sự để dẫn tới xung đột Trung - Xô nằm ở bên trong vấn đề quyền lợi của mỗi nước chứ không chỉ do mâu thuẫn về tư tưởng, nhưng việc Liên Xô buông lơi phong trào giải phóng

dân tộc vào thời điểm này đã gây ảnh hưởng lớn đến các nước đồng minh, trong đó có Việt Nam.

Việt Nam và Đông Dương vốn không phải là khu vực được ưu tiên quan tâm của Liên Xô. Mặc dù quan hệ ngoại giao Việt - Xô được thiết lập chính thức từ đầu năm 1950, những mãi đến tháng 11 - 1954, Liên Xô mới cử đại sứ đến Hà Nội. Thời gian cuối thập niên 50, Liên Xô tập trung viện trợ cho một số nước. Ở châu Á có Ấn Độ, Indônêxia, ở châu Phi có Ai Cập, ở châu Mỹ có Cu Ba... Liên Xô coi các nước này là những đồng minh chiến lược quan trọng. Còn đối với Việt Nam, Liên Xô tự đặt vị trí của mình chỉ như là một quan sát viên, bởi vai trò này phục vụ cho chiến lược cùng tồn tại hòa bình, tránh đụng đầu với Mỹ. Trong năm 1955, N. Khơrútsốp lần lượt đi thăm các nước châu Á: Ấn Độ, Miến Điện, Apganistan (12.1955), thăm Trung Quốc 2 lần (trong 2 năm 1954-1955), nhưng không đến Việt Nam. Các nhà lãnh đạo Xô Viết như Võrôsilốp, Bunganin, Micôian cũng đến thăm nhiều nước châu Á trước khi đến Việt Nam. Các khoản viện trợ cho Việt Nam lúc đầu cũng rất nhỏ giọt. Với tư cách là đồng Chủ tịch Hội nghị Giơnevơ nhưng Liên Xô hầu như không có phản ứng gì trước sự phá hoại nghiêm trọng của Mỹ - Diệm đối với các điều khoản chính trị quy định hiệp thương tuyển cử. Nghiêm trọng hơn là vào đầu năm 1957, trên cương vị thành viên Hội đồng bảo an, Liên Xô đề nghị kết nạp cả hai thành viên chính phủ ở hai miền của Việt Nam vào Liên hiệp quốc. Điều đó chứng tỏ trên thực tế, chủ trương hòa hoãn Xô - Mỹ buộc Liên Xô thừa nhận khu vực ảnh hưởng của Mỹ ở châu Á. Cuộc viếng thăm của Micôian, Phó chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô đến Việt Nam (4.1956) thực chất là chuyến công du mang nặng vai trò làm thuyết khách, đề nghị Việt

Nam chấp nhận tình trạng chia cắt hiện thời theo ý đồ của Mỹ. Lê tất nhiên, để đổi lại, Mỹ sẽ phải nhường lại một số quyền lợi về kinh tế, chính trị cho Mátxcơva. Một lý do nữa khiến Liên Xô e ngại trong quan hệ với Việt Nam vì sợ Việt Nam theo Trung Quốc chống lại mình. Nhưng bao trùm lên hết thảy là tư tưởng ngại Mỹ.

Nhìn lại đường lối chiến lược của Liên Xô thời kỳ này, dường như họ không lường hết được xu hướng phát triển của thế giới, trong đó sự bùng nổ của phong trào giải phóng dân tộc, và sự hình thành lực lượng “Thế giới thứ ba” v.v... Chính điều đó buộc các nhà lãnh đạo Liên Xô phải xem xét lại đường lối chiến lược khi họ muốn có được lực lượng hậu thuẫn từ phía Đảng Cộng sản Việt Nam. Dù muốn hay không Liên Xô phải ủng hộ Việt Nam, một đồng minh trong hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa. Thực tế lịch sử cho thấy, sự thay đổi quan điểm của Liên Xô trong quan hệ với Việt Nam diễn ra một cách chậm chạp, gấp phải nhiều trở lực ngăn cản từ phía Mỹ.

Đối với Trung Quốc, vị trí của Việt Nam ngay từ đầu đã được xác định là một mắt xích trọng yếu để thực thi chiến lược của Bắc Kinh. Do hoàn cảnh lịch sử, tuy là một nước lớn nhưng Trung Quốc thực sự ở thế yếu trước hai cường quốc Xô - Mỹ, đại diện cho hai thế lực thao túng hai hệ thống thế giới. Để khẳng định vị thế của mình, một mặt Trung Quốc tích cực tham gia vào các diễn đàn chính trị quốc tế: giải quyết vấn đề Triều Tiên (1953), Đông Dương (1954), mặt khác tập trung vào xây dựng kinh tế, với tham vọng “Đại nhảy vọt” để đuổi kịp rồi vượt Liên Xô và Mỹ. Mặc dù đạt được một số thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế, nhưng phong trào đại nhảy vọt đã làm chết tới 30 triệu người. Cùng với việc tăng cường tiềm lực kinh

tế, quốc phòng và mở rộng phạm vi ảnh hưởng, Trung Quốc đưa ra học thuyết: “Chia ba thế giới” và tự coi mình là thủ lĩnh của “Thế giới thứ ba”. Để tạo ra đối trọng với hai siêu cường Xô - Mỹ, đường lối chiến lược của Trung Quốc là tập hợp quanh mình các quốc gia mới giành được độc lập, nhất là các nước Á - Phi và Mỹ Latinh. Trung Quốc cùng với một số nước khác đề ra “Năm nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình”, lấy đó làm mục tiêu đấu tranh và tuyên truyền lôi kéo lực lượng thế giới thứ ba đi theo quỹ đạo riêng do Trung Quốc vạch ra.

Trên con đường tập hợp lực lượng, Trung Quốc chủ trương lấy vấn đề ủng hộ Việt Nam làm khẩu hiệu thu phục nhân tâm. Bởi Việt Nam là nước đi đầu trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, giúp đỡ Việt Nam, mặc nhiên Trung Quốc giành được thiện cảm của các quốc gia mới trỗi dậy. Có thể xem như việc giúp đỡ Việt Nam đồng thời cũng là đòn phản công vào người anh em Xô Viết khi đó đang chủ trương hòa hoãn với Mỹ và thân phương Tây. Mặt khác, ủng hộ Việt Nam và các nước Đông Dương để các nước này có khả năng trở thành một lực lượng đối đầu với Mỹ, thực chất Trung Quốc muốn tạo ra khu đệm an toàn ở biên giới phía nam, đẩy chiến tranh ra xa biên giới.

Nhìn trên tổng thể, theo quan điểm “Thuyết ba thế giới” của Trung Quốc, Việt Nam đang là đối tác trung gian tốt nhất để có thể đưa ra đàm phán thương lượng với Mỹ và Liên Xô khi cần thiết. Nhưng để khống chế được Việt Nam, Trung Quốc cho rằng cần phải để Việt Nam ở tình trạng chia cắt lâu dài, do đó lời khuyên của họ là trường kỳ mai phục, không muốn giúp Việt Nam tiến hành chiến tranh với Mỹ ở miền Nam. Điều đáng lo ngại đối với Việt Nam là trong quá trình thu phục thế giới,

Trung Quốc ra mặt đối địch với Liên Xô, coi người anh cả của mình trước đây là chủ nghĩa đế quốc hiện đại, đồng thời quay sang bắt tay với Mỹ - kẻ thù trực tiếp của Việt Nam. Qua cuộc tiếp xúc ở Giơnevơ (8.1955) giữa Mỹ và Trung Quốc, con hổ giấy đế quốc Mỹ (theo cách gọi của Trung Quốc) đang là kẻ thù số 1 của nhân dân thế giới, được Trung Quốc đưa xuống hàng thứ 2 sau Liên Xô.

Đến năm 1957, Tổng bí thư Đặng Tiểu Bình, trưởng đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Trung Quốc tại diễn đàn Hội nghị các Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế (ở Mátxcơva) đã công khai phản đối vai trò lãnh đạo của Liên Xô đối với các nước xã hội chủ nghĩa và đề nghị ghi ý kiến đó vào nội dung bản tuyên bố của hội nghị. Tổng bí thư Đặng Tiểu Bình còn thẳng thắn tỏ rõ quan điểm về vấn đề chống chủ nghĩa giáo điều, bè phái là một nội dung thảo luận trong hội nghị chỉ là vấn đề đấu tranh nội bộ của mỗi đảng, do chưa nấm vững chủ nghĩa Mác - Lê nin. Theo ông, phải nêu mục tiêu đấu tranh hàng đầu của phong trào cộng sản và công nhân lúc này là chống chủ nghĩa xét lại (chỉ Liên Xô). Ông nói: "Còn vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại là vấn đề cần làm ngay, vì tư tưởng xét lại là tư tưởng tư sản". Do đó, đấu tranh chống xét lại là cuộc đấu tranh giai cấp, mang tính một mất một còn, những vấn đề khác chỉ là đấu tranh nội bộ. Tuy rằng sau đó ý kiến của đoàn đại biểu Trung Quốc không được sự tán đồng của toàn thể hội nghị, nhưng cũng nhận được sự hưởng ứng của một số đảng khác như Ba Lan, Anh, Nam Tư... Kể từ đây, mâu thuẫn trong nội bộ phong trào cộng sản ngày càng sâu sắc. Điều mà Việt Nam không hề mong muốn đã bộc lộ công khai.

Việc Trung Quốc ra mặt công kích chống Liên Xô đã đặt Việt Nam vào tình thế vô cùng khó xử trong quan hệ với người anh em Xô Viết. Bởi hơn lúc nào hết, nhân dân Việt Nam cần đến sự ủng hộ rộng rãi của phe Xã hội chủ nghĩa mà trong đó Liên Xô đóng vai trò trụ cột. Nhưng Việt Nam cũng không thể chối bỏ nước láng giềng đầy quyền uy chung đường biên giới, và vì sự hậu thuẫn của gần một tỷ nhân dân Trung Quốc anh em. Tình hình đó đã tác động đến cuộc đấu tranh tư tưởng ở Việt Nam nói chung và cả sự chỉ đạo của Xứ ủy Nam Bộ tại chiến trường B2 và Khu ủy Khu V tại Khu V trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Tại Nam Bộ, Xứ ủy có thiếu sót là dựa vào những điều khoản của Hiệp định Giơnevơ chủ trương đấu tranh bằng phương pháp hòa bình quá dài mà không kịp thời đề ra những khẩu hiệu đấu tranh đòi quyền dân sinh dân chủ, rồi tổ chức lực lượng vũ trang tuyên truyền. Cuối năm 1956 đầu năm 1957, Xứ ủy Nam Bộ họp hội nghị lần thứ hai mở rộng tại Phnôm Pênh (Campuchia) để thảo luận về tài liệu *Đường lối cách mạng miền Nam* do đồng chí Lê Duẩn soạn thảo và bàn về phương pháp đấu tranh của cách mạng miền Nam. Đồng chí Lê Duẩn chủ trì hội nghị. Hội nghị đã họp kéo dài hàng tháng trời, vừa nghiên cứu những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin về chiến tranh cách mạng, vừa căn cứ vào tình hình thực tiễn của chiến trường Nam Bộ để tìm ra phương châm, phương pháp đấu tranh. Hội nghị vẫn chưa tìm ra được phương hướng đúng đắn về phương pháp đấu tranh. Hội nghị Trung ương cục miền Nam tháng 10.1961 nhận định: "Nghị quyết của hội nghị Xứ ủy lúc ấy có nêu vấn đề vũ trang nhưng lại đánh giá việc xây dựng lực lượng vũ trang là để chuẩn bị đối phó khi chiến tranh tái phát và sở dĩ nêu ra là ở miền Nam có lực lượng vũ trang chống Mỹ của các giáo phái

chứ chưa thấy rõ vũ trang là một bộ phận của cách mạng miền Nam, xuất phát từ quy luật cách mạng của miền Nam”<sup>(1)</sup>.

Sau đó Xứ ủy Nam Bộ vẫn chủ trương duy trì phương pháp đấu tranh hòa bình, đòi địch phải thi hành Hiệp định Giơnevơ và cho rằng cách mạng miền Nam vẫn có thể phát triển theo đường lối đấu tranh chính trị hòa bình, chúng ta vẫn có khả năng dùng lực lượng chính trị của quần chúng buộc địch phải thi hành dân chủ, buộc chính quyền Sài Gòn cải tổ để cho những người tiến bộ tham gia rồi dần dần làm chuyển biến hệ thống chính quyền đó để tiến tới bầu cử lại Quốc hội, tổ chức lại chính phủ... Từ chủ trương như vậy, cho nên Xứ ủy Nam Bộ đã không tổ chức đấu tranh vũ trang. Cuối năm 1957, tại Mỹ Tho, quần chúng tiêu diệt một quan trưởng chính quyền Sài Gòn. Chiến công đó không những không được biểu dương mà đồng chí Bí thư Tỉnh ủy còn bị Liên Tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ và Xứ ủy phê bình, chấn chỉnh. Vũ khí, đạn dược chôn giấu không được sử dụng trở nên rỉ sét. Tháng 8.1958, Xứ ủy Nam Bộ họp hội nghị lần thứ ba. Vấn đề vũ trang được nêu ra tích cực hơn nhưng Hội nghị vẫn xác định con đường cách mạng miền Nam phải tiến theo con đường “tương đối hòa bình”<sup>(2)</sup>.

Hội nghị lần thứ nhất Trung ương Cục miền Nam họp tháng 10.1961 đã nghiêm khắc kiểm điểm sai lầm hữu khuynh của Xứ ủy Nam Bộ thời kỳ đó như sau: “Thực tế trong lãnh đạo hàng ngày, Xứ ủy thường nặng về ngăn chặn tư tưởng vũ trang, đả kích nặng về tư tưởng này, buộc những người có tư tưởng này là chống lại đường lối của Đảng. Ngay khi ta có lực lượng vũ trang, Xứ ủy vẫn chủ trương giữ bí mật trong Đảng. Khuynh

---

<sup>(1),(2)</sup> Kết luận của Xứ ủy Nam Bộ về báo cáo tình hình từ hòa bình lập lại cho đến giữa năm 1961 trong Hội nghị Trung ương Cục miền Nam lần thứ nhất (11.1961), tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu 113/6/11. 5.

hướng chủ đạo chung là kìm hãm vũ khí trong tổ chức cũng như hoạt động”<sup>(1)</sup>.

Vậy là, về quan hệ quốc tế, đường lối chiến lược của hai nước Xô - Trung đã đặt Việt Nam vào tình thế phải chịu sức ép rất lớn trong hoàn cảnh vừa thiếu về thực lực, lại vừa có nhu cầu nhận được viện trợ giúp đỡ toàn diện của cả Liên Xô và Trung Quốc. Nhất là khi mối quan hệ này thường xuyên bị tác động, chỉ phôi bởi một tác nhân có thế lực và đầy mưu mô là đế quốc Mỹ. Mâu thuẫn Xô - Trung đã lập tức được đế quốc Mỹ tập trung khai thác nhằm phá hoại phong trào cộng sản quốc tế, đồng thời trên cơ sở khoét sâu ngăn cách Trung - Xô, với hy vọng sẽ hạn chế được sự giúp đỡ của những nước này đối với Việt Nam, một nước đang đối đầu với Mỹ. Và người Mỹ đã điều khiển chính quyền độc tài phát xít Ngô Đình Diệm đẩy mạnh cường độ đánh phá phong trào cách mạng miền Nam bằng những thủ đoạn dã man và tàn bạo hơn.

Tháng 5.1957, Ngô Đình Diệm ban hành luật “đặt những người cộng sản ra ngoài vòng pháp luật” nhằm mục tiêu tiêu diệt đến người cộng sản cuối cùng. Phong trào cách mạng miền Nam đang rơi vào tình trạng đen tối. Tổ chức Đảng và các cơ sở cách mạng bị tổn thất nặng nề. Tại miền Tây Nam Bộ, sau khi ký Hiệp định Giơnevơ có hơn 30.000 đảng viên, đến năm 1959, chỉ còn 2.200 đảng viên bao gồm 700 đảng viên sinh hoạt trong 200 chi bộ và 1.500 đảng viên sinh hoạt đơn tuyến. Tại các tỉnh miền Trung Nam Bộ, lực lượng cách mạng cũng chịu những tổn thất vô cùng to lớn. Tỉnh Bến Tre có 2.519 cán bộ đảng viên và quần chúng nòng cốt bị giết hại, 17.000

---

<sup>(1)</sup> Kết luận của Xứ ủy Nam Bộ về báo cáo tình hình từ hòa bình lập lại cho đến giữa năm 1961 trong Hội nghị Trung ương Cục miền Nam lần thứ nhất (11.1961), tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu 113/6/11. 5.

người bị tù đày, cơ sở nội tuyến bị tổn thất đến 80, 90%, trong số trên 100 xã chỉ còn 15 xã có chi bộ đảng. Tỉnh Định Tường (Mỹ Tho và Gò Công) có hơn 5.000 cán bộ đảng viên bị hy sinh, đảng viên ở cơ sở chỉ còn lại 92 người. Tỉnh Gia Định ở miền Đông Nam Bộ chỉ còn 2 chi bộ ở huyện Thủ Đức và huyện Củ Chi. Tại huyện Củ Chi có đến 75% cán bộ đảng viên hy sinh, 500 người bị địch mổ bụng moi gan, lấy mật, 600 người bị bỏ vào bao bối, cột đá ném xuống sông, 150 người bị cột vào xe kéo lết trên đường... Tính chung trên toàn Nam Bộ có đến 70.000 cán bộ đảng viên và những người yêu nước bị địch giết hại, gần 900.000 người bị bắt bớ, tù đày, gần 200.000 bị tra tấn thành tật. Trong số 50.000 đảng viên của Nam Bộ đến năm 1959 chỉ còn 7.000 đồng chí, trong đó chỉ có 3.000 còn bám được cơ sở, số còn lại phải chạy dạt đi nơi khác.

Ở tỉnh Quảng Trị, sau tập kết, ta còn 8.400 đảng viên với hàng trăm chi bộ, đến đầu 1957, ở đồng bằng chỉ còn 7 chi bộ với 106 đảng viên (trong đó có 71 đảng viên hoạt động đơn tuyến), ở miền núi còn 70 đảng viên (nhưng 2 huyện Cam Lộ và Hải Lăng, không còn đảng viên nào). Còn Thừa Thiên, sau khi chấn chỉnh tổ chức còn 300 đảng viên, đến 1957 ở đồng bằng còn vài chi bộ, miền núi chỉ còn lại duy nhất 1 chi bộ.

Tại các tỉnh Khu V, tiếp theo những cuộc thảm sát Chợ Được, Vĩnh Trinh, Mỹ - Diệm càng tăng cường đàn áp quần chúng cách mạng, triệt phá cơ sở kháng chiến cũ, gây ra những tội ác vô cùng dã man với những nạn nhân tiêu biểu như các chị Trần Thị Vân, Trần Thị Lý... Đến cuối năm 1957, đã có 70% cấp ủy xã, 60% huyện ủy viên, 40% tỉnh ủy viên ở các tỉnh đồng bằng bị bắt, bị giết. Nhiều huyện, xã không còn cán bộ lãnh đạo. Ở Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng, hòa bình lập lại có 35.000 đảng viên, đến cuối năm 1958 còn dưới 100 đồng chí

hoạt động đơn tuyến. Tỉnh khá nhất của Khu V cũng chỉ còn 10 chi bộ, 12 huyện không còn cơ sở Đảng.

Trong lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đó là những năm tháng đen tối của phong trào cách mạng. Trong bài *Đồng chí Lê Duẩn - nhà lãnh đạo tài năng, tinh tế, có những quyết sách chiến lược, táo bạo và chính xác của Đảng ta*, đại tướng Mai Chí Thọ viết: “Trong thời kỳ đen tối từ năm 1954 đến năm 1959, do chủ trương đơn thuần đấu tranh chính trị dẫn đến tình hình bế tắc...”<sup>(1)</sup>.

Trước yêu cầu bức xúc của tình hình chiến trường, cuối năm 1957, Xứ ủy Nam Bộ cử các đồng chí Phan Văn Đáng (Hai Văn) và Phạm Văn Xô (Hai Già), Khu ủy Khu V cử các đồng chí Trần Lương, Võ Chí Công ra Hà Nội báo cáo tình hình và xin ý kiến Trung ương về chủ trương đường lối cách mạng miền Nam. Tại Hà Nội, cứ mỗi tháng một lần, các đồng chí Phan Văn Đáng và Phạm Văn Xô lại gặp đồng chí Lê Duẩn để đề nghị Trung ương triệu tập hội nghị bàn về cách mạng miền Nam. Vì những biến động phức tạp của tình hình trong nước và thế giới, trong Trung ương cũng còn những ý kiến khác nhau, nên Hội nghị Trung ương bàn về cách mạng miền Nam chưa triệu tập ngay được. Đồng chí Võ Chí Công kể lại: “Cuối năm 1957, Khu ủy Khu V cử tôi ra Hà Nội để xin ý kiến Bộ Chính trị, trong lúc đó đồng chí Lê Duẩn ở Nam Bộ cũng đã ra Hà Nội để bàn với Bộ Chính trị về đường lối cách mạng miền Nam.

Buổi sáng tôi mới đến Hà Nội, thì chiều đến gặp đồng chí Lê Duẩn ngay. Hai anh em nói chuyện tâm sự thoải mái và anh

---

<sup>(1)</sup> Mai Chí Thọ: *Đồng chí Lê Duẩn - nhà lãnh đạo tài năng, tinh tế, có những quyết sách chiến lược, táo bạo và chính xác của Đảng ta*. Trong sách *Lê Duẩn, một nhà cách mạng lỗi lạc, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 141.

rất xúc động nghe tôi báo cáo về thiệt hại của cách mạng ở vùng đồng bằng. Nhưng ở miền núi, đồng bào ta có sự lãnh đạo của Đảng, dùng vũ khí thô sơ chống địch khủng bố, nên chúng không làm gì được, phong trào cách mạng của ta ở đây được củng cố và phát triển trở thành căn cứ vững chắc. Nhân dân Khu V mong muốn có đấu tranh vũ trang. Tôi trình bày ý kiến của tôi là ở miền Nam muốn phát triển phong trào cách mạng, phát triển thế và lực đi đến đánh đổ địch là phải dùng bạo lực, phát động quần chúng nổi dậy, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, xây dựng vùng rừng núi rộng lớn cả miền Nam thành căn cứ địa cách mạng, đồng thời có sự chi viện của miền Bắc.

Đồng chí Lê Duẩn tỏ thái độ đồng ý, nhưng nói cần nghiên cứu phương pháp chiến lược, hình thức kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang trong ba vùng thế nào? Đồng chí dặn tôi đây là vấn đề phức tạp cần khéo léo”<sup>(1)</sup>.

Nhưng cũng phải hơn một năm sau Trung ương mới họp hội nghị bàn về cách mạng miền Nam. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 (khóa II) họp bàn về đường lối cách mạng miền Nam đã được triệu tập vào tháng 1.1959. Đây là hội nghị Trung ương mở rộng có đại biểu của Xứ ủy Nam Bộ, Khu ủy Khu V và Ban cán sự Đảng Nam Trung Bộ, Xứ ủy Nam Bộ có các đồng chí Phan Văn Đáng và Phạm Văn Xô. Khu ủy Khu V có các đồng chí Trần Lương và Võ Chí Công. Phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam được Trung ương thảo luận rất kỹ và đều có tính toán đến tình hình thế giới, tình hình trong phe Xã hội chủ nghĩa. Vấn đề đặt ra là ta có tiến hành trường kỳ mai

---

<sup>(1)</sup> Võ Chí Công: *Đồng chí cố Tổng bí thư Lê Duẩn, nhà chiến lược kiệt xuất, nhà lãnh đạo lỗi lạc của cách mạng Việt Nam*. Trong sách *Lê Duẩn, một nhà cách mạng lỗi lạc, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam*. Sđd, tr. 45.

phục, lấy nông thôn bao vây thành thị, tiến lên dùng lực lượng quân sự giải phóng miền Nam hay không? Còn nếu tiến hành đấu tranh vũ trang thì dù mức độ như thế nào cuối cùng cũng dẫn đến chiến tranh cách mạng, ta có chấp nhận chiến tranh cách mạng không và như vậy kết quả đến đâu, thế giới thế nào?

Quá trình thảo luận trong Hội nghị có 3 loại ý kiến khác nhau: Loại ý kiến thứ nhất, đề nghị vũ trang, tiến hành chiến tranh du kích, xây dựng căn cứ. Loại ý kiến thứ hai, không đồng tình vũ trang mà phải dựa vào Hiệp định đấu tranh hòa bình. Loại ý kiến thứ ba, là phải khởi nghĩa, nhưng làm từng bước... Sau 10 ngày thảo luận sôi nổi, Hội nghị Trung ương lần thứ 15 chưa thống nhất được những nội dung quan trọng về phương pháp đấu tranh của cách mạng miền Nam và cũng chưa thông qua nghị quyết. Vì vậy, Hội nghị Trung ương lần thứ 15 họp đợt 1 chỉ có biên bản nhưng nội dung cơ bản đã được điện cho các địa phương ở miền Nam. Đồng chí Lê Duẩn viết: “Hồi ấy, có đồng chí đề nghị không nên đấu tranh vũ trang vì sợ rằng dùng lực lượng vũ trang sẽ có hại cho việc đấu tranh đòi các quyền tự do, dân chủ”<sup>(1)</sup>.

Sau đợt 1, Hội nghị Trung ương lần thứ 15, các đồng chí Phan Văn Đáng và Phạm Văn Xô trở lại chiến trường Nam Bộ. Các đồng chí Trần Lương, Võ Chí Công trở lại Khu V. Từ những kinh nghiệm thực tế chiến trường, nhất là sau khi chính quyền Ngô Đình Diệm tiếp tục đẩy mạnh những hoạt động chống phá phong trào cách mạng miền Nam, tàn sát dã man đồng bào yêu nước, Hội nghị Trung ương họp đợt 2 vào tháng 7.1959 và nhất trí thông qua *Nghị quyết 15* (có tài liệu viết là tháng 5.1959).

---

<sup>(1)</sup> Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 32.

Để tranh thủ ý kiến và sự giúp đỡ của các nước anh em, Đảng ta đã gửi văn bản Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Trung ương Đảng cho Đảng Cộng sản Liên Xô và Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đầu năm 1960, đồng chí Lê Duẩn dẫn đầu phái đoàn của Đảng sang Liên Xô, Trung Quốc trao đổi về công việc chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III Đảng Lao động Việt Nam. Tại Liên Xô, Bí thư thường trực Đảng Cộng sản Liên Xô Kuxđonen tiếp và làm việc với đoàn. Trước khi trao đổi về công việc chuẩn bị Đại hội III của Đảng ta, đồng chí Kuxđonen thông báo là Đảng Cộng sản Liên Xô không đồng tình với chủ trương của Đảng ta về con đường cách mạng miền Nam nêu trong Nghị quyết 15. Các đồng chí Liên Xô cho rằng phải củng cố, xây dựng miền Bắc vững mạnh để qua đó thống nhất đất nước bằng con đường hòa bình, không tiến hành khởi nghĩa vũ trang. Lúc này giữa Liên Xô và Trung Quốc mâu thuẫn đã gây gắt. Khi đoàn ta sang Trung Quốc, Tổng bí thư Đặng Tiểu Bình cho biết Trung Quốc đồng ý phương hướng chung của Đảng ta về cách mạng miền Nam đã đề ra trong Nghị quyết 15. Nhưng bạn đề nghị hoạt động vũ trang chỉ nên phát triển đến quy mô đại đội. Như vậy, Trung Quốc mới chỉ ủng hộ cầm chừng sự nghiệp của nhân dân ta đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ra đời trong hoàn cảnh khó khăn và phức tạp như vậy chứng tỏ kinh nghiệm dày dạn và sự trưởng thành của Đảng ta cả về lý luận và thực tiễn đường lối và phương pháp cách mạng. Nó thể hiện rõ đường lối độc lập, tự chủ và sách lược mềm dẻo của Đảng, phù hợp với tình hình quốc tế và trong nội bộ lãnh đạo của Đảng lúc bấy giờ, đáp ứng được nguyện vọng bức thiết của cán bộ, đảng viên đang đấu

tranh ở miền Nam và quảng đại quần chúng nhân dân. Nghị quyết 15 là mốc lịch sử quan trọng của cách mạng miền Nam, phù hợp với tình hình thực tế cho nên đã tạo bước nhảy vọt cho phong trào. Tuy nhiên, do Nghị quyết nhấn mạnh đến đấu tranh chính trị, vũ trang phải phục tùng chính trị, đã làm cho cấp ủy ở một số địa phương miền Nam nhận thức không đầy đủ tinh thần cơ bản của Nghị quyết, thực hiện máy móc, lúng túng, dẫn đến phong trào đấu tranh ở đó phát triển chậm, có nơi tổn thất.

Phân tích mối quan hệ phức tạp của tình hình quốc tế và trong nước như vậy, chúng tôi hy vọng sẽ góp phần vào việc có những đánh giá toàn diện hơn khi nghiên cứu về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, nhất là tinh thần yêu nước của nhân dân các dân tộc Quảng Ngãi và tính chủ động, sáng tạo của các cấp ủy Đảng ở địa phương.

# ĐỂ CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI MÃI MÃI LÀ DI SẢN QUÝ BÁU CỦA ĐẢNG BỘ, QUÂN VÀ DÂN QUẢNG NGÃI

PHẠM ĐÌNH KHỐI \*

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi diễn ra cách nay đúng 45 năm; chỉ còn 5 năm nữa là tròn nửa thế kỷ, đã có một độ lùi nhất định, đã có đủ những tiền đề cần thiết để việc tìm hiểu, nghiên cứu, đánh giá nó một cách đầy đủ, toàn diện mà cuộc hội thảo khoa học của chúng ta hôm nay sẽ góp một phần quan trọng. 45 năm qua, đã có nhiều sách, báo, nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến cuộc khởi nghĩa. 45 năm, với 16 năm đầu tiếp tục cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược và gần 30 năm xây dựng đất nước, đã quá đủ thời gian và thực tiễn để chiêm nghiệm lại sự kiện lịch sử này. Những cán bộ chủ chốt và cán bộ, chiến sĩ, nhân dân tham gia cuộc khởi nghĩa đến nay nhiều người đã qua đời, nhưng cũng còn nhiều người dù tóc bạc, sức yếu vẫn nhớ tưởng tận về những sự kiện trọng đại diễn ra ngày ấy, đó là những nhân chứng sống quý giá. 45 năm, không quá sớm, nhưng cũng chưa quá muộn để tổ chức một cuộc hội thảo quy mô, có tính chất như một sự đúc kết của những người nghiên cứu ở Quảng Ngãi và các nhà khoa học trong nước, đối với cuộc khởi nghĩa.

Là những người được Đảng phân công hoạt động trên lĩnh vực văn hóa - tư tưởng, được tiếp cận, tìm hiểu, nghiên cứu về

---

\* Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

Hiện nay là Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

lịch sử cách mạng của cả nước nói chung, của quê hương Quảng Ngãi nói riêng, chúng tôi rất đỗi tự hào vì trên quê hương mình đã có nhiều sự kiện lịch sử trọng đại, trong số đó không ít sự kiện mà ý nghĩa của nó vượt ra ngoài phạm vi của địa phương, có sức lan tỏa trong cả miền, cả nước. Ngay từ khi Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi được thành lập, Quảng Ngãi dấy lên cao trào cách mạng 1930 - 1931 mà theo đánh giá của Trung ương Đảng hồi bấy giờ “tuy phong trào chưa bằng Nghệ Tĩnh, nhưng cũng là mạnh nhất Trung Kỳ”. Quảng Ngãi là nơi nổ ra cuộc khởi nghĩa Ba Tơ ngày 11.3.1945, thành lập đội Du kích Ba Tơ, lực lượng vũ trang cách mạng đầu tiên ở Nam Trung bộ và cuộc tổng khởi nghĩa 14.8.1945 trên toàn tỉnh, đều là những sự kiện lịch sử lớn, mang tính tiên phong, khởi đầu trong phong trào cách mạng của cả miền, cả nước. Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp xâm lược, Quảng Ngãi tự hào là cái nôi của vùng tự do Liên khu V, kiên cường đánh địch, giữ vững tự do, vừa dốc sức “kiến quốc” bồi bổ thực lực cách mạng, vừa góp phần tích cực vào cuộc kháng chiến của toàn miền mà đỉnh cao là chiến dịch Bắc Tây Nguyên 1953 -1954, bẻ gãy cuộc hành quân lớn của địch, giải phóng toàn tỉnh Kon Tum. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Quảng Ngãi lại một lần nữa đi đầu với cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây của tỉnh (28.8.1959) và có những chiến thắng có tầm quan trọng đặc biệt: chiến thắng Ba Gia 31.5.1965 kết liễu chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của địch, tiếp đó (chỉ chưa đầy ba tháng sau) là có chiến thắng Vạn Tường 18.8.1965, trận thắng lớn đầu tiên của quân chủ lực giải phóng trước đội quân viễn chinh Mỹ hùng hậu và được trang bị hiện đại, củng cố niềm tin vào khả năng đánh thắng giặc Mỹ xâm lược của quân và dân miền Nam.

Mặt khác, Quảng Ngãi cũng là nơi chịu đựng vô vàn hy sinh gian khổ trải qua hai cuộc kháng chiến kéo dài 30 năm.

Trong kháng chiến chống Pháp, trong thế vây ép từ nhiều phía của kẻ thù, đời sống nhân dân Quảng Ngãi vô cùng khó khăn, lại phải chịu đựng nhiều hy sinh khi kẻ địch luôn rình rập, xâm nhập, đột kích, đánh phá, tàn sát từ vùng biển và dùng máy bay ném bom bừa bãi bằng đường không. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Quảng Ngãi là địa bàn trọng điểm đánh phá của địch ngay từ khi chúng đến tiếp quản. Khi chiến tranh lan rộng và lên đến đỉnh điểm thì gần như toàn tỉnh là một bãi chiến trường. Kẻ địch đã trút bom đạn, chất độc hóa học, gây ra nhiều vụ thảm sát kinh hoàng ở Khánh Giang - Trường Lệ, Diên Niên - Phước Bình, Bình Hòa... nhất là vụ thảm sát Sơn Mỹ làm chấn động cả dư luận thế giới và lương tâm loài người. Đảng bộ, quân và dân Quảng Ngãi đã phải gồng mình chịu đựng những hy sinh mất mát để dốc sức vào cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi. Ngày 24.3.1975, Quảng Ngãi được giải phóng, là tỉnh duyên hải đầu tiên ở Nam Trung bộ hoàn toàn sạch bóng quân thù - có tác dụng chia cắt, cô lập vùng I chiến thuật của địch và làm rung động cả hệ thống chính quyền, quân đội ngụy quyền.

Trong gần 30 năm hòa bình thống nhất vừa qua, một nhiệm vụ trọng tâm đồng thời cũng là niềm trăn trở không nguôi của Đảng bộ, quân và dân Quảng Ngãi là làm sao để chế ngự mọi khó khăn thách thức, làm sao để phát huy cao độ tinh thần cách mạng tiên phong trong kháng chiến vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay. Với chúng tôi, những người được phân công công tác tư tưởng - văn hóa, một công tác được xác định là “đi trước một bước”, niềm trăn trở ấy cũng luôn hiện diện; trách nhiệm ấy cũng rất nặng nề. Vừa rất đỗi tự hào với truyền thống của quê hương, chúng tôi vừa rất lo phải làm gì để xứng đáng với truyền thống cách mạng kiên cường của quê hương.

Riêng đối với cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, qua các công trình nghiên cứu của Trung ương, của

Khu V và của tỉnh, chúng tôi cho rằng đây là một khâu trong một chuỗi sự kiện quan trọng nói lên tinh thần cách mạng, tiên phong của Đảng bộ, quân và dân Quảng Ngãi, có sức lan tỏa, cổ vũ lớn lao đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong toàn miền. Nó là một trong những cuộc khởi nghĩa sớm, có quy mô lớn và sau khi thắng lợi đã giữ vững được thành quả, là tiếng pháo khởi đầu cho công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước mãi về sau. Nó là di sản tinh thần quý báu của Quảng Ngãi và cả miền, cả nước; không chỉ gắn bó với hành trình 16 năm kháng chiến tiếp đó mà còn hiện diện trong suốt gần 30 năm xây dựng và còn tiếp tục là niềm cổ vũ trong tương lai.

Dưới ánh sáng các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương V về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, các nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, ý thức được tầm vóc, ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa trong suốt thời gian qua với khả năng và chức trách của mình, chúng tôi và các ban, ngành hữu quan trong tỉnh đã cố gắng bằng tất cả tình cảm và trách nhiệm của mình; trước hết là tìm hiểu, nghiên cứu để tiến tới nhận thức đầy đủ những giá trị, tầm vóc, ý nghĩa mà cuộc khởi nghĩa để lại. Sau khi một số cuốn sách về: *Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi* của các tác giả Phạm Thanh Biên - Nguyễn Hữu Nghĩa (NXB Quân đội nhân dân, 1975), sách *Tìm hiểu phong trào đồng khởi ở miền Nam Việt Nam* của các tác giả Cao Văn Lượng, Phạm Quang Toàn, Quỳnh Cư (NXB Khoa học xã hội, 1981) ra đời, chúng tôi cũng đã cố gắng góp phần để nghiên cứu, biên soạn về cuộc khởi nghĩa này trong các công trình *Lịch sử Đảng bộ Quảng Ngãi 1945-1975* (NXB Chính trị quốc gia, 1999), *Lịch sử Đảng bộ huyện Trà Bồng* và lịch sử Đảng bộ các huyện khác trong tỉnh. Đó là chưa kể các tập sách, các tạp chí, các chuyên san về cuộc khởi nghĩa. Tỉnh chúng tôi cũng đã xây dựng Nhà Bảo tàng

khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, điều tra, lập hồ sơ xếp hạng, tôn tạo các di tích của cuộc khởi nghĩa. Ngày 28.8 hàng năm đã trở thành ngày truyền thống, ngày hội của huyện Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi nói riêng, của toàn tỉnh nói chung. Các cơ quan truyền thông đại chúng trong tỉnh thường xuyên có những chương trình tuyên truyền về cuộc khởi nghĩa. Tỉnh chúng tôi cũng có những công trình nghiên cứu về đất và người Trà Bồng và miền Tây tỉnh, đã dựng phim về cuộc khởi nghĩa. Tuy nhiên, chúng tôi cũng nhận thức rất rõ ràng, trong hoàn cảnh của mình, những nỗ lực của chúng tôi, của tỉnh nhà, dù rất lớn và rất đáng ghi nhận, cũng chưa thể gọi là đủ so với yêu cầu và chưa thật tương xứng với tầm vóc, ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa. Bởi vậy, chúng tôi rất vui mừng khi cuộc hội thảo này được tổ chức. Chúng tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn đối với các cơ quan Trung ương và các nhà nghiên cứu, các vị đại biểu, và hy vọng rằng sẽ được nghe những đúc kết, những phát hiện mới soi sáng giá trị của cuộc khởi nghĩa.

Điều mà chúng tôi xin được nhấn mạnh thêm ở đây là vấn đề địa bàn miền núi Quảng Ngãi với các dân tộc anh em, những người đã có những đóng góp quan trọng vào cuộc khởi nghĩa nói riêng và các cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc nói chung. Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ (11.3.1945) diễn ra ở địa bàn miền núi, với sự tham gia tích cực của đồng bào Kinh - Hrê. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi 28.8.1959 cũng diễn ra ở địa bàn miền núi với sự tham gia của đồng bào các dân tộc, trước hết là dân tộc Cor. Điều đó cho thấy địa bàn miền núi Quảng Ngãi và vai trò của các dân tộc anh em ở đây có một ý nghĩa chiến lược như thế nào. Hiểu rõ điều đó, chúng tôi vẫn luôn quan tâm đến sự phát triển của miền núi đến việc nâng cao đời sống vật chất - tinh thần của đồng bào các dân tộc

và đã đạt được nhiều kết quả to lớn. Tình trạng nghèo đói từng bước được đẩy lùi. Đồng bào miền núi nhiều nơi đã có sách báo để đọc, có máy thu thanh, thu hình, con em đồng bào các dân tộc đều được đến trường, việc khám chữa bệnh rất được quan tâm, v.v... Tuy nhiên, do lịch sử để lại, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, kể cả do các tập tục trong sinh hoạt và sản xuất, mà ở miền núi Quảng Ngãi vẫn còn nhiều khó khăn, đời sống vật chất của đồng bào các dân tộc nhìn chung còn thấp, đời sống tinh thần nhìn chung còn nghèo. Rõ ràng chúng tôi vẫn còn phải trăn trở rất nhiều để làm sao phát huy cao độ những di sản tinh thần quý báu của cuộc khởi nghĩa vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay trên địa bàn miền núi và trong toàn tỉnh. Song song với những nỗ lực thực hiện nhằm phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, những công việc cụ thể có thể nhìn thấy được, chúng tôi sẽ phải không ngừng chăm lo sự phát triển đời sống văn hóa tinh thần góp phần xây dựng cuộc sống ở miền núi Quảng Ngãi không chỉ no ấm mà còn phong phú, vui tươi, lành mạnh, tiếp tục xứng đáng là vùng căn cứ địa của tỉnh nhà thiết thực thực hiện quan điểm của Đảng được ghi trong Nghị quyết Trung ương V: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển”.

Lịch sử là một dòng chảy liên tục, không đứt đoạn. Trong dòng lịch sử không ngừng nghỉ ấy, thì di sản tinh thần đã có trong quá khứ phải được tận dụng thành nội lực, để biến thành một sức mạnh vật chất, để bằng hành động, chúng ta viết tiếp dòng lịch sử vẻ vang cho hôm nay và mai sau. Với ý nghĩa ấy, chúng tôi hy vọng cuộc hội thảo này sẽ là nguồn cổ vũ lớn tiếp thêm sức mạnh cho chúng tôi tiến lên giành những thành quả mới trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay.

# VÀI NÉT VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY CHÍNH QUYỀN NGÔ ĐÌNH DIỆM Ở TỈNH QUẢNG NGÃI TRONG NHỮNG NĂM 1954 - 1959

DƯƠNG QUỐC ĐÔNG\*

Cách đây 45 năm, vào ngày 28.8.1959, nhân dân Trà Bồng và các huyện miền Tây Quảng Ngãi phối hợp với lực lượng vũ trang đã nổ súng tấn công vào hệ thống đồn bốt địch ở miền núi Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, giải phóng 54 xã.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi tiêu biểu cho cao trào cách mạng của miền Nam, là một mốc son của cách mạng miền Nam trong thời kỳ chuyển từ giữ gìn lực lượng sang thế tiến công tiêu diệt kẻ thù. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi tạo thế và lực mới cho phong trào cách mạng toàn tỉnh, là điểm khởi đầu cho sự nổi dậy toàn miền Tây Quảng Ngãi trong những năm 1959 - 1960.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi dựa trên nhiều nhân tố. Trong đó, sự yếu kém, mất lòng dân của hệ thống chính quyền tay sai địa phương của địch và chủ trương đúng đắn của Tỉnh ủy Quảng Ngãi nhằm đối phó với bộ máy kìm kẹp đó, là một yếu tố quan trọng của quân và dân Quảng Ngãi tại thời điểm lịch sử 1959 - 1960. Trong bài viết này, chúng tôi tìm hiểu về tổ chức bộ máy chính quyền Ngô Đình Diệm tại tỉnh Quảng Ngãi và sự chủ động, sáng suốt của Tỉnh ủy Quảng Ngãi trong việc chống lại việc thành lập chính

---

\* Viện Sử học.

quyền tay sai các cấp và từng bước giành quyền lực về tay chính quyền cách mạng.

Quảng Ngãi là một vùng đất giàu truyền thống cách mạng. Nhân dân Quảng Ngãi đã sớm đoàn kết bên nhau để giành được chính quyền về tay nhân dân trong cuộc Cách mạng tháng Tám. Mỹ - Diệm sớm nhận ra đây là một vùng đất có truyền thống đấu tranh bất khuất chống thực dân, đã thành lập được căn cứ địa cách mạng từ kháng chiến chống thực dân Pháp, nên chúng diệt cuồng phá hoại phong trào cách mạng ở đây. Tháng 10.1954, Mỹ - Diệm bắt đầu tiếp quản tỉnh Quảng Ngãi. Với một vùng đất gồm nhiều huyện miền núi như Quảng Ngãi, chúng chia làm ba đợt: đợt đầu tiếp quản bắc sông Trà Khúc gồm các huyện Sơn Tịnh, Bình Sơn, Sơn Hà, Trà Bồng trong 80 ngày. Đợt 2: 100 ngày gồm các huyện Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Minh Long và thị xã Quảng Ngãi (nam sông Trà Khúc đến bắc Sông Vệ). Đợt 3: 300 ngày từ nam Sông Vệ trở vào Bình Định gồm các huyện Mộ Đức, Đức Phổ và Ba Tơ.

Ở Quảng Ngãi, chính quyền Ngô Đình Diệm đã xây dựng bộ máy chính quyền tay sai hòng ngăn chặn và đè bẹp phong trào cách mạng ở đây. Chính quyền Diệm sử dụng lại bộ máy cai trị của nền thống trị thực dân cũ, dựa vào bọn địa chủ phản động, bọn phản động đội lốt tôn giáo và một số đảng phái phản động khác như Quốc dân đảng, đảng Đại Việt và bọn bất mãn chế độ ta để xây dựng bộ máy chính quyền tay sai.

Ngày 24.10.1956, Ngô Đình Diệm ký sắc lệnh số 147a/TTP chia Trung phần ra làm hai (Cao nguyên Trung phần và Trung nguyên Trung phần), xếp tỉnh Quảng Ngãi vào Trung nguyên Trung phần. Theo Dự số 57-a ngày 24.10.1956, tỉnh Quảng Ngãi do một viên Tỉnh trưởng cai trị. Trước khí thế cách

mạng ở miền Nam ngày càng dâng cao và do bản chất chế độ của chính quyền Ngô Đình Diệm nên khi tiếp quản Quảng Ngãi, chính quyền Diệm không thể kiểm soát được tình hình an ninh ở vùng đất này. Do vậy, chức vụ Tỉnh trưởng thường do các sĩ quan quân đội Việt Nam Cộng hòa phụ trách (chủ yếu là sĩ quan cấp tá). Đây cũng là một đặc điểm thể hiện rõ nét tính chất quân phiệt, phát xít của chế độ Diệm trong việc tổ chức và điều hành bộ máy cai trị.

Nhìn chung, Tỉnh trưởng phụ trách các phần việc thuộc về: **Hành chính** (Tỉnh trưởng đại diện cho chính quyền Trung ương tại tỉnh; Thi hành luật lệ, có quyền lập qui trong phạm vi khu vực tỉnh; điều hành các công sở, thuỷ chuyển nhân viên; giúp đỡ các đại diện của Bộ trong tỉnh; ngoài ra còn có quyền trình với Tổng thống các đề nghị về mặt quân sự, duy trì trật tự và an ninh); **Tài chính** (Tỉnh trưởng lập dự án ngân sách tỉnh, chuẩn chi ngân sách tỉnh, phê chuẩn ngân sách xã dưới 500.000 đồng); **Tư pháp** (Tỉnh trưởng phụ tá Biện lý với danh nghĩa nhân viên tư pháp cảnh lại, kiêm nhiệm chức Quản đốc trung tâm cải huấn tỉnh, quản trị các công việc giáo huấn, nuôi nấng, phóng thích tù nhân).

Văn phòng Tỉnh trưởng gồm những nhân viên giúp việc Tỉnh trưởng, được tổ chức theo nghị định số 217-NBV/NC ngày 25.3.1961. Các nhân viên đó là một hay nhiều Phó tỉnh trưởng và các nhân viên giúp việc Tòa Hành chính tỉnh. Tại tỉnh Quảng Ngãi, phụ tá chính cho Tỉnh trưởng là hai Phó tỉnh trưởng:

Phó tỉnh trưởng Hành chính phụ tá Tỉnh trưởng về các vấn đề hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Phó tỉnh trưởng Nội an giúp việc cho Tỉnh trưởng công việc về chính trị và an ninh.

Các nhân viên Tòa Hành chính tỉnh: gồm những người đặt dưới quyền điều khiển trực tiếp và kiểm soát của Tỉnh trưởng và Phó tỉnh trưởng thuộc ngạch Đốc sự, Tham sự, Thư ký hành chính...

Dưới cấp tỉnh là cấp quận. Quận trưởng là đại diện của Tỉnh trưởng tại quận. Các vị Quận trưởng đều do Tổng thống chính quyền Sài Gòn bổ nhiệm theo đề nghị của Tỉnh trưởng.

Tính đến trước thời điểm nổ ra cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi có 10 quận: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ (quận trung châu), Trà Bồng, Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ (quận thượng). Đa phần Quận trưởng ở Quảng Ngãi là do các sĩ quan quân đội Sài Gòn đảm nhiệm.

Cấp quận chỉ là khu vực hành chính, không có tính cách pháp nhân, không có tài sản riêng, ngân sách riêng.

Quận trưởng có các nhiệm vụ chính gồm: **Hành chính và chính trị** (Quận trưởng thi hành luật lệ, kiểm soát và phối hợp các hoạt động của các tổng và các xã, có quyền chỉ huy các lực lượng bán quân sự như: Bảo an đoàn, dân vệ, cảnh sát, hiến binh). **Tài chính** (Quận trưởng kiểm soát việc lập ngân sách các xã và đệ trình lên Tỉnh trưởng phê chuẩn, kiểm soát việc thu thuế và nộp thuế vào kho bạc, kiểm soát việc thu và chi ấn định trong ngân sách xã), **Tư pháp** (Quận trưởng có nhiệm vụ điều tra và truy tìm tội phạm, thu thập bằng cứ và đưa tội phạm ra Tòa, báo cáo cho các nhà chức trách về các hành vi phạm pháp trong phạm vi quận, Quận trưởng xác nhận chữ ký của viên chức lập chứng thư và hộ tịch).

Giúp việc cho các Quận trưởng của tỉnh Quảng Ngãi là các Quận phó. Ngoài ra, Quận trưởng các quận còn có các nhân

viên hành chính khác giúp việc tập trung tại các phòng sau: Văn phòng, Phòng Hành chính, Phòng Tài chính, Phòng Kinh tế xã, Phòng Thuế vụ, Phòng Tư pháp.

Dưới cấp quận là cấp xã. Xã khác với quận là có tính cách pháp nhân, có ngân sách, tài sản riêng.

Hội đồng xã gồm thành viên do Tỉnh trưởng bổ nhiệm và kiêm nhiệm chức vụ quyết nghị và chấp hành. Đầu Hội đồng xã là Đại diện xã. Các nhân viên khác trong Hội đồng xã gọi là hội viên.

Hội đồng xã gồm từ 3 đến 5 hội viên, các hội viên chính là Đại diện, Phó đại diện xã, Hội viên tài chính, Hội viên cảnh sát, Hội viên thanh niên. Tại các xã lớn có thêm chức Hội viên hộ tịch. Chính quyền Ngô Đình Diệm cũng quy định các điều kiện trong việc tuyển chọn các viên chức cấp xã như: Sinh quán và trú quán tại làng; Có “thành tích” chống cộng và phiến loạn; Trung thành với Chính phủ Cộng hòa; Hoạt động cương quyết<sup>(1)</sup>. Các hội viên có quyền biểu quyết bằng nhau và chịu trách nhiệm chung về công việc của xã. Tuy nhiên mỗi hội viên cũng có những nhiệm vụ riêng của mình.

Để điều hành nền hành chính xã được dễ dàng, chính quyền Diệm thường chia xã thành nhiều thôn, ấp, khóm, liên gia tương trợ và đoàn nhân dân tự vệ. Đây là các tổ chức không có tính cách pháp nhân, không có ngân sách, tài sản riêng, hoạt động chủ yếu là trợ giúp cho công việc của xã trên các phương diện an ninh, xã hội, kinh tế.

Đến cuối năm 1955, về cơ bản, chính quyền Ngô Đình Diệm đã thiết lập xong bộ máy chính quyền tay sai. Xét về bản

---

<sup>(1)</sup> Bùi Quang Khánh: *Tổ chức chính trị và hành chính Việt Nam*, Sài Gòn, 1963, tr.274.

chất thì bộ máy chính quyền tay sai các cấp tại Quảng Ngãi mang nặng tính quân phiệt, nặng về khủng bố và đàn áp, không có cơ sở xã hội vững chắc, không đại diện được cho quyền lợi của nhân dân. Mỹ - Diệm âm mưu dùng chính quyền này để kìm kẹp nhân dân, tách quần chúng nhân dân ra khỏi ảnh hưởng của cách mạng, hòng chống phá lại các lực lượng cách mạng yêu nước Quảng Ngãi đang ngày một lớn mạnh.

Giữa năm 1955, sau khi tiếp quản xong Quảng Ngãi, Mỹ - Diệm tiến hành chiến dịch “tố cộng” dãm máu, tăng cường khống chế kìm kẹp nhân dân, tàn sát cán bộ cách mạng gây nhiều tổn thất to lớn cho phong trào cách mạng trong tỉnh. Trước hoàn cảnh đó, ngày 25.10.1955, Tỉnh ủy Quảng Ngãi sau khi rút vào hoạt động bí mật đã họp ở khu căn cứ nam Trà Bồng, chân núi Cà Đam, để khẳng định lại một số chủ trương công tác lớn, trong đó đã đề cập đến việc đẩy mạnh công tác binh vận, tranh thủ những người làm trong ngụy quyền, bố trí người của ta vào hoạt động trong các cơ quan hành chính các cấp của chính quyền địch, đưa thanh niên vào nguy quân để sau này nắm quân đội; bố trí người vào hoạt động trong các đảng phái, tôn giáo ngụy để hạn chế tính chất phản động của các tổ chức này.

Ngay sau hội nghị, Tỉnh ủy đã cử cán bộ triển khai về các huyện hoạt động và phổ biến chủ trương. Tại Trà Bồng, lúc đầu Mỹ - Diệm dùng mọi thủ đoạn tranh thủ đưa những người có uy tín trong những tầng lớp trên, chỉ định họ đứng ra lập bộ máy cai trị. Nhân dân Trà Bồng dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, đã lợi dụng tính chất tự do, dân chủ giả hiệu của địch, để cử người của mình ra làm. Ở các xã, địch cưỡng ép nhân dân phải lập chính quyền xã, thì họ chỉ báo cáo một danh sách hội đồng xã lấy lệ, quyết không để cho chính quyền Diệm có thể hoạt động được. Trong thực tế, ở các xã vùng cao Trà Bồng, một

số xã khác ở vùng cao Sơn Hà, các xã Ba Lế, Ba Lục, Ba Nam, Ba Bích ở Ba Tơ, ta đã đấu tranh kiên quyết không cho chúng lập bộ máy kìm kẹp<sup>(1)</sup>.

Nhìn chung, từ năm 1954 đến năm 1957, Tỉnh ủy Quảng Ngãi chủ trương đấu tranh chính trị, nhưng ở miền núi, nhất là vùng cao, Tỉnh ủy lại dùng một cách hợp pháp các hình thức tự vệ của nhân dân, đồng thời tiến hành việc diệt ác ôn, chống lại việc địch thiết lập ngụy quyền. Tỉnh ủy chỉ đạo cho nhân dân đẩy mạnh công tác binh vận, tăng cường tranh thủ cảm tình những viên chức hay binh lính và sĩ quan trong bộ máy chính quyền địch. Các hình thức đấu tranh cũng rất đa dạng, từ sáng tác những bài hát Cà-lêu Xàru kêu gọi những người theo Mỹ - Diệm trở về đến tranh thủ các buổi lễ tế thần để ca ngợi công ơn cách mạng...

Chính nhờ các hình thức đấu tranh mềm dẻo, kiên trì đó mà ở Trà Bồng và các huyện miền núi khác, chỉ trừ một số xã thôn sát các quận lỵ, còn thì bộ máy ngụy quyền lập ra vẫn do ta khống chế. Nhiều xã khác vẫn do dân làm chủ. Thậm chí có nơi chính quyền cấp quận ở Quảng Ngãi vẫn có người của ta đưa ra làm.

Cuối năm 1956, nhất là từ 1957 trở đi, sau khi tạm củng cố được bộ máy chính quyền tay sai ở vùng đồng bằng, Mỹ - Diệm tập trung lực lượng tiến công lên miền Tây Quảng Ngãi. Lần này chúng quyết tâm thực hiện chính sách khủng bố ác liệt, nhằm tiêu diệt cho bằng được các lực lượng cách mạng Quảng Ngãi.

Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã nhanh chóng kịp thời chuyển hướng đấu tranh, chỉ thị cho các huyện, xã phải vận dụng và kết

---

<sup>(1)</sup> Cao Văn Lượng, Phạm Quang Toàn, Quỳnh Cư: *Tìm hiểu phong trào Đồng khởi ở miền Nam Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981, tr. 142.

hợp chặt chẽ cả ba hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp, bất hợp pháp, đồng thời chú ý đến việc sử dụng hình thức đấu tranh có tính chất vũ trang tự vệ một cách đúng mức.

Tháng 2.1958, sau khi nhận được tài liệu “Bàn về cách mạng miền Nam” của đồng chí Lê Duẩn, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp tại trung tâm căn cứ Trà Bồng kiểm điểm lại tình hình sau khi đã áp dụng một số cuộc đấu tranh vũ trang có tính chất tự vệ. Hội nghị khẳng định rằng trước sự phát triển các hoạt động vũ trang của nhân dân Quảng Ngãi, chính quyền địch đang hoang mang co lại, khí thế đấu tranh của nhân dân ngày một lên cao. Từ nhận thức ấy, Hội nghị chủ trương, đối với các huyện miền núi như Trà Bồng, Ba Tơ, Sơn Hà cần tổ chức các đội vũ trang tự vệ ở các xã, bằng mọi cách vô hiệu hóa chính quyền tay sai ở các địa phương. Còn đối với vùng địch tạm chiếm đóng, chính quyền địch còn mạnh, Tỉnh ủy chủ trương đưa người vào nắm chính quyền với phương châm giữ thế hợp pháp cho quần chúng, đẩy mạnh đấu tranh chính trị.

Thời kỳ này mặc dù ta không còn chính quyền, mặc dù Mỹ - Diệm trong thực tế đã thiết lập được bộ máy đàn áp từ thôn xã đến Trung ương, nhưng cùng với việc lãnh đạo nhân dân chống lại các chiến dịch tố cộng, diệt cộng, Tỉnh ủy Quảng Ngãi vẫn triển khai cuộc đấu tranh chống lại việc thiết lập chính quyền cơ sở của ngụy. Bằng cách vận dụng các hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp, bất hợp pháp, từ chối trì hoãn không cho địch thiết lập chính quyền trong thôn xã, buộc chúng phải để cho nhân dân cử người của mình tham gia ngụy quyền, thực hiện chính quyền 2 mặt, tiến tới khống chế hoặc xóa bỏ chính quyền địch một số nơi ở miền núi, nhân dân Quảng Ngãi đã từng bước phá tan âm mưu củng cố chính quyền địch, tiến tới thành lập chính quyền nhân dân cách mạng.

Một số xã bộ máy chính quyền tay sai được lập ra nhưng hoạt động không có hiệu quả, mang tính chất “tạm thời”. Chính quyền ấy chỉ có tính hình thức, nặng về đàn áp và khủng bố, kìm kẹp để duy trì thể chế của mình.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là kết quả tất yếu của một quá trình đấu tranh gay go, quyết liệt chống lại ách thống trị Mỹ - Diệm của nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi trong những năm 1954 - 1959. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa bắt nguồn từ nhiều nhân tố, trong đó quan trọng nhất phải kể đến là sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Trong cuộc đấu tranh quyết liệt này, Tỉnh ủy sớm nhận thức được rằng muốn thắng lợi phải dựa vào quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang để đánh đổ chính quyền địch.

Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã biết lợi dụng chính quyền địch chưa thật sự mạnh và ổn định để cài người của cách mạng vào làm việc, hoặc tranh thủ những người trong chính quyền địch có cảm tình với cách mạng để tuyên truyền, giác ngộ họ làm việc cho cách mạng. Đến trước cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, một số chính quyền cấp xã đều có người của cách mạng tham gia, đặc biệt là các xã miền núi.

Tuy chính quyền Ngô Đình Diệm lập ra cả một bộ máy tổ chức đồ sộ từ cấp tỉnh đến xuống cấp xã với đầy đủ các “ban bệ”, song bộ máy chính quyền tay sai nặng về đàn áp này đã không nấm được dân, lại hun đúc thêm lòng yêu nước, căm thù Mỹ - Diệm ngày càng cao trong nhân dân, tạo điều kiện cho quần chúng đứng lên dưới sự lãnh đạo của Đảng khi có thời cơ. Đây là một trong những nguyên nhân khiến cho cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã nổ ra và giành thắng lợi nhanh chóng.

# BỨC XÚC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI DỒN NÉN DẪN ĐẾN CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI

ĐINH THỊ THU CÚC\*

*1. Một cuộc Tổng tuyển cử như mong đợi đã không diễn ra nhưng lại diễn ra liên miên các cuộc khủng bố của chính quyền Ngô Đình Diệm*

Những ai quan tâm đến miền Nam Việt Nam những năm đầu sau khi Hiệp định Giơnevơ có hiệu lực đều nhận thấy tình hình là: đế quốc Mỹ cùng hệ thống chính quyền thân Mỹ ở miền Nam đã thế chân được thực dân Pháp. Với tư cách là một bên thi hành Hiệp định Giơnevơ, Pháp đã lẩn tránh trách nhiệm và để mất dần vai trò ở miền Nam Việt Nam. Các thế lực chính trị thân Pháp đã bị quân đội của Ngô Đình Diệm đập vỡ từng mảng, dần tan rã và hầu như bị tiêu diệt hẳn. Đến thời điểm lẽ ra phải tổ chức Tổng tuyển cử (tháng 7 năm 1956) thì về cơ bản chính quyền Ngô Đình Diệm thân Mỹ đã nắm được toàn bộ miền Nam.

Về phía mình, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa và nhân dân Việt Nam tỏ rõ thiện chí, nghiêm chỉnh thực hiện Hiệp định. Ngày 31.7.1954, Ban Bí thư Trung ương Đảng Lao động Việt Nam chỉ thị:

*"Mục tiêu đấu tranh của ta hiện nay là phản đối âm mưu phá hoại đình chiến của đế quốc Mỹ, hiếu chiến Pháp và chống những hành động phá hoại đình chiến của bọn việt gian tay sai*

---

\* Phó giáo sư, Tiến sĩ, Viện Sử học.

của Mỹ và hiếu chiến Pháp..., nhưng không được dùng vũ lực hoặc tổ chức những cuộc mít tinh, biểu tình rầm rộ vì như thế sẽ xảy ra xung đột, bọn phá hoại sẽ nhân cơ hội đó khiêu khích, làm trở ngại cho việc thực hiện đình chiến..."<sup>(1)</sup>.

Phía ta chủ trương không bộc lộ lực lượng, bảo tồn lực lượng, chỉ tiến hành đấu tranh chính trị đòi thực hiện Hiệp định Giơnevơ, yêu cầu tiến hành hiệp thương Tổng tuyển cử để thống nhất đất nước. Người Mỹ nhận xét: "Từ năm 1954 đến 1956, Nam Việt Nam tương đối yên ổn vì cán bộ cộng sản được bố trí ở lại miền Nam chỉ chú tâm đến "đấu tranh chính trị..."<sup>(2)</sup>.

Trong khi đó, phía đối phương ngang nhiên tráo trả, tráng trộn phá hoại Hiệp định. Trước hết, Chính quyền Ngô Đình Diệm mở chiến dịch thanh trừng, tiêu diệt về cơ bản lực lượng vũ trang của các giáo phái và tổ chức chính trị mà họ thấy trước là không thể hợp tác được. Bằng nhiều thủ đoạn vừa thâm độc, tinh vi, vừa dã man, chính quyền Ngô Đình Diệm gạt bỏ dần được các phe phái đối lập ra khỏi bộ máy chính quyền. Tiếp đến là tiêu diệt các lực lượng yêu nước ở miền Nam. "Diệt cộng" được coi là "quốc sách" của chính quyền Diệm.

Một bộ máy kìm kẹp, cài dày đặc mạng lưới mật thám, được thiết lập từ cơ sở đến Trung ương. Tại Hội nghị BCH TƯ Đảng Lao động Việt Nam lần thứ 15 (1.1959), báo cáo của Bộ Chính trị nhận xét: "Chính quyền Mỹ - Diệm được duy trì trên một chế độ cảnh sát và mật thám"<sup>(3)</sup>.

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng*, *Toàn tập*, tập 15 (1954). Nxb Chính trị quốc gia, H., 2001, tr. 251 - 252.

<sup>(2)</sup> *Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam*. Thông tấn xã Việt Nam phát hành 8.1971. Tập I, tr. 75.

<sup>(3)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện đảng*, *Toàn tập*, *đã dẫn*, tập 20 (1959), tr. 3.

Song song với việc xây dựng các hệ thống đồn bốt, chính quyền Ngô Đình Diệm thành lập các khu dinh điền, đồn dân vào đó để dễ kiểm soát, nhằm tách rời dân với lực lượng cách mạng. Họ nuôi dưỡng, khuyến khích những phần tử từng có mối thù với cách mạng và những phần tử lưu manh cộng tác trong việc chỉ điểm và giết hại những người yêu nước. Họ thực thi chính sách chia rẽ, gây hận thù giữa đồng bào các dân tộc, tìm cách tạo mối nghi kỵ trong nhân dân, mua chuộc những người nhẹ dạ cả tin, những người ham muốn quyền lực và tiền bạc...

Quân đội của Ngô Đình Diệm liên tiếp mở các chiến dịch khủng bố trên khắp miền Nam. Trọng điểm càn quét là những vùng căn cứ kháng chiến cũ, những vùng tự do trong kháng chiến. Các tỉnh Trung Bộ được chọn làm vùng thí điểm đánh phá ngay từ đầu năm 1955. Có thể kể một số chiến dịch khủng bố tiêu biểu của Diệm ở Trung Bộ như *chiến dịch Phan Chu Trinh* (tháng 2.1955) tập trung chủ yếu đánh phá Quảng Ngãi, *chiến dịch Giải phóng* (tháng 4.1955) đánh phá Bình Định và Quảng Ngãi, *chiến dịch Trịnh Minh Thế* (tháng 5.1955) đánh rộng ra toàn bộ các tỉnh ở Khu V, v.v... .

Không chỉ những người kháng chiến cũ, những người cộng sản nằm vùng, mà rất nhiều người chỉ mới bị nghi cũng bị chúng giết hại một cách dã man theo phương châm “giết nhầm còn hơn bỏ sót”!. Cơ sở Đảng, cơ sở cách mạng bị thiệt hại nghiêm trọng. Một số thống kê (chắc chắn là chưa đầy đủ) cho thấy mức độ tổn thất ghê gớm của phong trào cách mạng miền Nam từ năm 1955 đến năm 1958: khoảng 68000 đảng viên, cán bộ bị giết; khoảng 466000 người bị bắt, nhiều người bị thương tật; khoảng 400000 người bị giam giữ trong các nhà tù. Ở các tỉnh Khu V, cấp ủy xã có khoảng 70%, cấp ủy huyện có khoảng 60%, cấp ủy tỉnh có khoảng 40% cán bộ bị bắt và phần lớn trong

số họ đã bị giết hại. Nhiều huyện ở đồng bằng các cơ sở đảng gần như bị xóa sạch<sup>(1)</sup>. Tại Quảng Ngãi, các đơn vị lính Chính phủ và các đơn vị lính người dân tộc Hrê (khoảng hơn một ngàn người) được chính quyền Diệm tổ chức, huấn luyện, cùng hợp sức đánh phá các vùng người Kinh sinh sống, sau đó đánh lấn lên cả vùng cao các huyện miền núi bắt bớ, giết hại dân lành, không kể là người dân tộc nào.

## 2. *Bức xúc chính trị - xã hội dồn nén dân đến khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi*

Một không khí đau thương, uất ức và nghẹt thở bao trùm lên đời sống các tầng lớp nhân dân. Tại các vùng cao thuộc các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận, Ninh Thuận, nơi cộng đồng dân cư bao gồm nhiều dân tộc sinh sống, đồng bào đã không thể chịu đựng nổi chính sách thống trị tàn bạo của Mỹ - Diệm. Mọi sinh hoạt dân chủ đều bị bóp nghẹt. Chính quyền Diệm kiểm soát từng người, từng gia đình, theo dõi họ từ cách ăn mặc đến lời nói, đến hành vi và bắt cứ lúc nào cũng có thể bắt bớ, giam cầm bất cứ một người dân nào thấy có dấu hiệu nghi ngờ. Hầu như hàng ngày đồng bào (dân tộc Kinh, Xơ Đăng, Hrê, Êđê, Chăm, Giarai, Mơnông, Cor, Cơ ho, Xtiêng, v.v...) phải chứng kiến các vụ bắt bớ, thảm sát man rợ. Đây là những năm đen tối, đau thương, mất mát đến tột cùng, khó có bút mực nào diễn tả hết được.

Phong trào nổi dậy phá khu dồn dân, chống địch càn quét, diệt ác ôn, giành quyền làm chủ của nhân dân... diễn ra rải rác và bắt đầu phát triển mạnh ở một số nơi.

---

<sup>(1)</sup> Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: *Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ ở Việt Nam*. Nxb Quân đội nhân dân, H, 1991, tr. 31.

Tại Quảng Ngãi, quá trình vừa tìm cách bảo toàn, củng cố lực lượng, vừa xây dựng thêm để có thể chuyển phương thức đấu tranh khi tình thế đòi hỏi và cho phép, đã được cấp ủy Đảng chuẩn bị một cách âm thầm nhưng ráo riết. Riêng vị thế của Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, cả về phương diện căn cứ địa cũng như về truyền thống yêu nước, cách mạng trong các giai đoạn trước, đã cho phép những người lãnh đạo phong trào chống Mỹ - Diệm có thể nghĩ đến việc động viên quần chúng làm “một điều gì đó” để xoay chuyển tình hình.

Việc xuất hiện liên tiếp các nhóm vũ trang tự vệ<sup>(1)</sup>, và các nhóm này giúp quần chúng nổi dậy phá khu tập trung thắng lợi, đã tiếp thêm sức mạnh và lòng tin vào cách mạng cho đồng bào các dân tộc. Tình thế cho thấy phương thức “ứng xử” theo kiểu tránh xung đột rõ ràng đã không còn thích hợp nữa. Tình thần cuộc *Đại hội nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi* (hợp ngày 7.7.1958 tại Gò Rô, xã Trà Phong) với lời kêu gọi tích cực chuẩn bị lực lượng vũ trang, sẵn sàng nổi dậy giành chính quyền luôn luôn được nhắc nhở. Ngày 3.3.1959, tại xã Trà Thọ, huyện Trà Bồng, đơn vị lực lượng vũ trang đầu tiên của Quảng Ngãi (mang tên đơn vị 339, lấy chữ cuối của ngày, tháng, năm thành lập), gồm 43 cán bộ và chiến sĩ, phần đông là người dân tộc Cor. Tiếp sau đơn vị 339 còn có 2 đơn vị nữa được thành lập là đơn vị 89 và đơn vị 229. Từ khi có Nghị quyết 15 của Trung ương thì không khí chuẩn bị hành động càng khẩn trương.

Có thể nói, vào thời điểm cuối hè đầu thu năm 1959, trên cơ sở có sự chuẩn bị ở một mức độ nhất định về tổ chức và lực lượng vũ trang, cuộc sống ngột ngạt đến mức đỉnh điểm của các

---

<sup>(1)</sup> Như các nhóm ở Vối Quýt, Phó Nia (Sơn Hà), nhóm Lang, nhóm Cả Trươm (Trà Bồng), nhóm Hoi (Ba Tơ), v.v...

tầng lớp nhân dân các dân tộc ở Quảng Ngãi là điều kiện thuận lợi để cho một thái độ quyết đoán, chủ động của những người lãnh đạo ở Quảng Ngãi thể hiện. Thái độ chủ động, quyết đoán này cho đến nay, sau 45 năm, vẫn còn là “đề tài” được bàn đến. Điều chúng ta muốn nói ở đây là, cuộc khởi nghĩa ở Trà Bồng nổ ra ngày 28 tháng 8 năm 1959, và sau đó ảnh hưởng của nó lan rộng ra miền Tây Quảng Ngãi, và còn lan xa hơn nữa, chính là sự “cởi nút” cho những bức xúc về chính trị - xã hội của đồng bào các dân tộc ở miền núi tỉnh Quảng Ngãi trong những năm đầu sống dưới ách thống trị tàn bạo của chính quyền Ngô Đình Diệm. Các cuộc khởi nghĩa này như một sự thức tỉnh và hướng đồng bào vào những cuộc đấu tranh mới, theo phương thức mới, ngày càng quyết liệt hơn, nhằm mục tiêu quét sạch đế quốc Mỹ xâm lược, lật đổ chính quyền tay sai của Mỹ, giành lại chính quyền trên toàn miền Nam, thực hiện thống nhất đất nước.

# ĐIỀU KIỆN BÙNG NỔ CỦA CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI

VŨ QUANG HIẾN<sup>\*</sup> - LÊ QUỲNH NGA<sup>\*\*</sup>

Trà Bồng (Quảng Ngãi), cùng Bác Ái (Ninh Thuận), Vĩnh Thạnh (Bình Định), An Khê (Gia Lai)... là những nơi khởi nguồn của phong trào Đồng khởi ở miền Nam từ những năm 1958 - 1959, mà thực chất là khởi nghĩa từng phần, với sự kết hợp lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang, đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Có thể khẳng định dứt khoát rằng Trà Bồng là một trong những *Quê hương Đồng khởi*. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là ngọn cờ tiêu biểu cho sức quật khởi của nhân dân ta ở miền Nam.

Bài viết này chỉ góp phần bàn thêm mấy vấn đề về điều kiện bùng nổ của cuộc khởi nghĩa.

## 1. Chính sách khủng bố tàn bạo của Mỹ - Điểm tất yếu dẫn đến phong trào đấu tranh của quần chúng

Việc ký kết và thi hành Hiệp định Giơnevơ làm cho vùng tự do Khu V nói chung và Quảng Ngãi nói riêng trở thành địa bàn kiểm soát của đối phương. Pháp rút dần khỏi miền Nam, Mỹ vào thay thế. Theo luật sư Pháp L.A.Benletxa (Lauri Anne Bellessa), “do phải rút lui khỏi miền Nam mà không được xóa bỏ cam kết, nên giới hạn hoạt động của Pháp rất hạn chế. Các

---

<sup>\*</sup> Tiến sĩ.

<sup>\*\*</sup> Thạc sĩ.

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

luật gia Pháp đã đưa ra nguyên tắc, theo đó trách nhiệm thực thi các điều khoản chính trị, bao gồm cả việc tổ chức tổng tuyển cử, thuộc về chính quyền miền Nam Việt Nam. Pháp chỉ có trách nhiệm với các điều khoản quân sự<sup>(1)</sup>. Giữa năm 1955, chính phủ Pháp tuyên bố chấm dứt chế độ Cao ủy ở miền Nam Việt Nam, từ bỏ trách nhiệm một bên phải thực hiện các điều khoản của Hiệp định Geneva.

Thực hiện chiến lược “lắp chỗ trống”, Mỹ ép Pháp đưa Ngô Đình Diệm thay cho Bửu Lộc giữ chức Thủ tướng chính quyền ngụy, mở đầu sự thay thế chủ nghĩa thực dân cũ của Pháp bằng chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Mỹ - Diệm ngang nhiên tổ chức “trưng cầu dân ý”, đưa Diệm lên làm Tổng thống của cái gọi là Việt Nam Cộng hòa, rồi tiến hành “bầu cử Quốc hội” riêng rẽ ở miền Nam. Trong hai năm đầu sau khi Hiệp định hòa bình được ký kết, thực hiện việc tiếp quản, Mỹ - Diệm thi hành một loạt biện pháp để áp đặt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân mới.

Sau khi tiêu diệt về cơ bản lực lượng vũ trang của các giáo phái, Mỹ - Diệm ra sức thực hiện mục tiêu “diệt cộng” bằng nhiều thủ đoạn khác nhau.

Về chính trị, chúng tiếp tục sử dụng những thế lực phản động được tạo ra từ nền thống trị thực dân cũ, khẩn trương xây dựng bộ máy kìm kẹp từ liên gia trở lên, gạt bỏ các phe phái đối lập trong bộ máy cai trị; rải một mạng lưới mật thám dày đặc khắp nơi; loại bỏ những người không trung thành với chúng khỏi bộ máy chính quyền. Cùng với việc xây dựng hệ thống đồn bốt, ngăn chặn các đường giao thông, chúng tiến hành chính sách

---

<sup>(1)</sup> Laury-Anne Bellessa. *Vấn đề quyền lực và pháp lý trong việc thực hiện Hiệp định Geneva tại Việt Nam 1954 - 1956*. Báo cáo tại Hội thảo Quốc tế Điện Biên Phủ 50 năm nhìn lại.

dồn dân, lập các khu dinh điền, tách rời nhân dân với phong trào cách mạng. Những phần tử lưu manh, phản động ngốc đầu dày tiếp tay cho quân đội ngụy đánh phá cơ sở cách mạng. Chúng thi hành chính sách chia rẽ để cai trị, gây sự hằn thù dân tộc nhằm đẩy người kinh và người thương sát hại lẫn nhau; điều động binh lính người Nùng do Pháp đưa từ Bắc vào để phô trương lực lượng; sử dụng hàng ngàn lính người Hrê từ Tây Nguyên về khống chế nhân dân; mua chuộc tù trưởng, già làng...; ép dân treo ảnh Diệm, treo cờ ba que; tổ chức những cuộc họp bắt nhân dân tố cáo cán bộ cách mạng.

Về quân sự, chúng liên tiếp mở các chiến dịch khủng bố: chiến dịch Phan Châu Trinh (2.1955), đánh phá thí điểm các tỉnh Trung Bộ, trọng điểm là Quảng Ngãi; chiến dịch “Giải phóng” (4.1955) đánh phá Quảng Ngãi và bắc Bình Định; chiến dịch Trịnh Minh Thế (5.1955) đánh phá toàn diện các tỉnh Liên khu V. Thực hiện “tiêu diệt cán bộ nằm vùng, tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa cộng sản”, “giết nhầm hơn bỏ sót”, Mỹ ngụy cho quân đánh phá điên cuồng, giết hại những người yêu nước, những người kháng chiến cũ, kể cả những người bị tình nghi. Từ cuối năm 1956, chúng tập trung lực lượng mở chiến dịch “đồng tâm diệt cộng” với những thủ đoạn tàn bạo chưa từng thấy nhằm xóa bỏ các cơ sở cách mạng. Tại Trà Bồng, bên cạnh các đơn vị lính Cộng hòa, chúng huy động thêm lính, tập trung đánh từng tổng, từng xã, chiếm các xã người Kinh, đánh rộng ra xung quanh quận lỵ, rồi dùng bọn lưu manh phản động dẫn đường, tiến quân lên các xã vùng cao, bắn giết, tàn phá dữ dội, gây chấn chất oán thù.<sup>(1)</sup>

---

<sup>(1)</sup> Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam phát hành, 8.1971, t1, tr. 72.

Chúng tăng quân cho các quận lỵ, xây dựng đồn bốt khắp nơi, bịt chặt các ngả đường, kiểm soát ngặt nghèo việc đi lại; đẩy mạnh hoạt động gián điệp, chỉ điểm, phục kích các đường hẻm để bắt cán bộ.

Chúng tiến hành những vụ thảm sát đẫm máu, gây không khí hoảng loạn trong nhân dân hòng đè bẹp ý chí phản kháng của họ. Ở nhiều xã hàng trăm người bị bắt, hàng loạt người bị chém giết với những thủ đoạn man rợ thời trung cổ: chôn sống, bêu đầu, phơi thây, mổ bụng,... khắp Quảng Ngãi, nhà tù mọc lên như nấm. Từ xã đến tỉnh đều có trại giam. Nhà lao Quảng Ngãi thường xuyên giam giữ hàng nghìn người.

Cảnh tượng lùng bắt, tra tấn, chặt đầu, chôn sống cán bộ và dụ dỗ, mua chuộc những người cách mạng diễn ra hàng ngày. Chúng điều động bọn công dân vụ, các đoàn “xây dựng nông thôn” đi lập danh sách từng nhà, chụp ảnh từng người, bắt dân làm thẻ căn cước. Địch thường xuyên lục soát gùi, giỏ, mái tranh, góc nhà... để tìm tài liệu; tịch thu giáo mác, cung nỏ...

Hai cuộc càn quét qui mô lớn của sư đoàn 22 lên Trà Bồng vào các tháng 5 và 7.1959, vụ đàn áp biếu tình của quần chúng (13.8.1959), hành động dùng vũ lực bắt ép nhân dân đi bỏ phiếu bầu cử quốc hội bù nhìn, lời tuyên bố trắng trợn “Ai không đi bầu cử sẽ bị giết, nhà bị đốt” phơi bày tất cả tính chất độc tài phát xít quân phiệt của chế độ Mỹ - Diệm.

Về kinh tế, chúng đòi dân trả lại những tài sản được cách mạng chia trước đây; ra sức đốt phá nhà cửa, cướp tài sản như trâu bò, chiêng ché, quế; tiến hành bắt lính, bắt thanh niên nam nữ các dân tộc đi đắp đường, xây đồn bốt. Dân Trà Bồng phải đi phu, đi xâu ở đồn Na Hom, Trà Cù, Trà Xinh, Trà Khe, Đá Líp, Eo Reo...

*Về văn hóa, xã hội, chúng cấm đoán những nếp sống tiến bộ được xây dựng trong thời kỳ kháng chiến như ăn cơm bằng bát đũa, cắt tóc ngắn, nằm chiếu, học chữ, ca hát, ăn ở vệ sinh...; chà đạp phong tục tập quán của đồng bào, ngang nhiên lùng sục cả vào bếp núc, buồng cũ; nghiêm cấm mang cơm ra nướng rãy, sưởi lửa ban đêm, tụ tập đông người...*

Cách mạng cả miền Nam nói chung, Quảng Ngãi nói riêng lâm vào một thời kỳ đen tối, hầu hết các cơ sở cách mạng bị đánh phá, cán bộ, đảng viên bị truy lùng, khủng bố, nhân dân phải sống trong tình cảnh ngộ ngạt. Mỹ - Diệm tuy có khống chế được gần hầu hết các vùng ruộng, vùng rãy, thiết lập bộ máy kìm kẹp tới tận cơ sở nhưng sự tàn bạo của kẻ thù không thể nào khuất phục được quần chúng. Mặc dù chiếm được đất, nhưng chúng không thể chiếm được tinh thần yêu nước của nhân dân các dân tộc Trà Bồng, mà càng làm cho họ vô cùng căm phẫn, sẵn sàng vùng dậy đấu tranh.

Theo tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ, “chiến tranh nói chung bắt đầu như một cuộc nổi loạn ở miền Nam chống lại chế độ thối nát và ngày càng có tính chất đàn áp của Ngô Đình Diệm”<sup>(1)</sup>.

*Những chính sách thống trị tàn bạo của kẻ thù làm cho mâu thuẫn giữa đồng bào các dân tộc ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi với chính quyền Mỹ - Diệm ngày càng sâu sắc, không thể điều hòa được, và tất yếu dẫn đến phong trào đấu tranh quyết liệt của quần chúng theo quy luật “có áp bức có đấu tranh”. Đó chính là nguyên nhân sâu xa dẫn tới cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi.*

---

<sup>(1)</sup> Dẫn theo Cao Văn Lượng, Phạm Quang Toàn, Quỳnh Cử: *Tìm hiểu phong trào Đồng khởi ở miền Nam Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981, tr 159 - 160.

## *2. Lực lượng cách mạng ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi được bảo tồn và phát triển qua thực tiễn đấu tranh là cơ sở đưa phong trào cách mạng tiến lên*

Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi vốn là căn cứ cách mạng từ những giai đoạn trước, tựa lưng vào phía Bắc Trường Sơn, với địa thế hiểm trở, là nơi sinh sống của đồng bào các dân tộc Hrê, Cor, Cà Dong, Kinh... Họ gắn bó, đoàn kết với nhau trong trường kỳ lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc. Tại nơi đây, những cán bộ cách mạng ở Cảng an trí, cùng nhân dân các dân tộc tiến hành cuộc khởi nghĩa Ba Tơ (3.1945), giành chính quyền từ tay phát xít Nhật, xây dựng căn cứ Ba Tơ và Đội du kích Ba Tơ, lực lượng vũ trang cách mạng đầu tiên ở Trung Bộ. Sau Cách mạng tháng Tám, dưới chế độ dân chủ cộng hòa, đồng bào miền Tây Quảng Ngãi tích cực tham gia kháng chiến, xây dựng miền Tây thành căn cứ kháng chiến vững mạnh. Nhân dân được giáo dục tinh thần yêu nước, đoàn kết giữa người Kinh và người dân tộc, một lòng một dạ theo Đảng và Bác Hồ.

Từ khi Mỹ - Diệm đặt chân tới thiết lập bộ máy kìm kẹp, dưới sự lãnh đạo của đảng bộ địa phương, phong trào đấu tranh của nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi diễn ra với nhiều hình thức khác nhau: lợi dụng chiêu bài “tự do, dân chủ” của địch để cử người của ta vào chính quyền; lập danh sách hội đồng xã trên danh nghĩa; binh vận, địch vận bằng các bài thơ, bè, dân ca, không cho địch kiểm soát địa bàn... Chính vì vậy, ngoài một số thôn xã nầm sát quận lỵ, còn lại nhân dân vẫn giữ quyền làm chủ hoặc khống chế được bộ máy ngụy quyền.

Nhiều phong tục tập quán cổ truyền được nhân dân sử dụng như những phương sách chống Mỹ - Diệm: biến các buổi đâm trâu ăn thề trung thành với “Ngô Tống thống” thành những

buổi sinh hoạt, ca ngợi công ơn cách mạng; không thực hiện việc lập danh sách gia đình, làm thẻ căn cước, treo ảnh Diệm, treo cờ ba que trong nhà, với lý do “tránh tà ma bắt chết cả nhà”; vin vào lệ kiêng cũ để chống địch lùng sục vào thôn bản bắt cán bộ, bắt thanh niên đi lính...

Từ những hình thức *đấu tranh chính trị* đơn thuần, dưới sự lãnh đạo của các cấp bộ Đảng ở Quảng Ngãi, phong trào đấu tranh của nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi sớm phát triển thành phong trào *đấu tranh chính trị có vũ trang tự vệ*.

Khi địch đang ra sức bình định vùng đồng bằng, các huyện miền Tây thực hiện chủ trương củng cố và phát triển cơ sở chính trị quần chúng. Nhiều cán bộ, thanh niên tạm lánh vào rừng, hình thành nên các *trại bí mật*, sống bất hợp pháp. Thanh niên được tổ chức thành nhóm học văn hóa, chính trị, được sự giáo dục, giác ngộ trực tiếp của cán bộ cách mạng; làm nhiệm vụ liên lạc, trinh sát, bảo vệ cơ quan, cán bộ lãnh đạo, tổ chức vận động quần chúng. Họ còn được học quân sự và trang bị vũ khí thô sơ. Đó là cơ sở để tiến lên xây dựng lực lượng vũ trang.

Trong phong trào bảo vệ thôn xóm, nương rẫy, thanh niên được vận động thoát ly để chống chính sách bắt lính của địch. Họ nhanh chóng được tổ chức thành các nhóm vũ trang tự vệ với danh nghĩa là các nhóm “trả đầu” (một tập quán lạc hậu vốn có ở đồng bào các dân tộc ở Trà Bồng trong lịch sử).

Ở nhiều thôn bản, nhân dân tự vũ trang tiêu diệt địch, cướp súng, tự đốt làng chạy lên núi, bất hợp tác với địch. Tiếng súng chống lại lực lượng ngụy quân đã phát nổ từ các nhóm vũ trang “trả đầu”. Họ cắm chông, đào hầm, gài bẫy ở những trục đường giao thông quan trọng, chủ động phục kích và tập kích vào các đồn lẻ của giặc.

Các nhóm vũ trang tự vệ Vối Quýt (Sơn Hà), nhóm Lang (Trà Bồng), nhóm Hoi (Ba Tơ) là tập hợp của nhiều nhóm nhỏ, ngày càng mở rộng hoạt động khắp miền Tây. Việc xuất hiện các nhóm vũ trang, những nhóm kháng chiến cũ mang lại cho nhân dân nguồn sức mạnh mới.

Sự ra đời và hoạt động của các nhóm vũ trang gây hoang mang lo sợ đối với ngụy quân, ngụy quyền, làm cho bọn ác ôn, ngoan cố bớt hung hăn. Nhiều nơi địch phải co lại, không dám đàn áp nhân dân như trước. Căn cứ cách mạng được mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ đảng viên hoạt động.

Ngày 7.7.1958, *Đại hội nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi* họp tại Gò Rô, xã Trà Phong với 200 đại biểu các dân tộc 4 huyện miền Tây. Nhiều già làng, vốn là những nghĩa quân trước Cách mạng tháng Tám, khi Diệm đến, đã chạy vào rừng sâu sống bất hợp pháp, nay trở về dự đại hội, tỏ lòng trung thành với cách mạng.

Đại hội ra lời kêu gọi “các dân tộc anh em phải đoàn kết xung quanh Bác Hồ, đồng lòng hợp sức để đánh đổ Mỹ - Diệm. Mọi người không phân biệt dân tộc, già trẻ, gái trai phải tham gia lực lượng vũ trang, luyện tập quân sự, làm vũ khí... sẵn sàng nổi dậy giành chính quyền”<sup>(1)</sup>.

Đại hội Gò Rô thể hiện tinh thần đoàn kết nhất trí và quyết tâm cách mạng của nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi. Sự kiện đó chứng tỏ quần chúng nhân dân không thể chịu đựng được ách thống trị của Mỹ - Diệm nữa, và đã đến lúc phải đưa phong trào cách mạng tiến lên hình thức cao hơn.

---

<sup>(1)</sup> Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954 - 1975*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 245.

Trong không khí cách mạng sôi động ở Trà Bồng, Ngày 3.3.1959, tại xã Trà Thọ, đơn vị vũ trang đầu tiên của Quảng Ngãi, đơn vị 339 được thành lập.

Tiếp đó, Trà Bồng đã mở *Đại hội thanh niên toàn huyện* để cổ vũ và động viên thanh niên các dân tộc phát huy vai trò xung kích trong quá trình chuẩn bị khởi nghĩa. Hoạt động của các tổ chức phụ nữ ở thôn xóm, nóc bản tập trung vào việc sản xuất tự túc, làm công tác binh vận, địch vận cũng được đẩy mạnh. Kết quả của những hoạt động đó làm cho khối đoàn kết nhân dân các dân tộc ngày càng phát triển và củng cố.

Qua thực tiễn đấu tranh, *lực lượng chính trị được duy trì và phát triển, lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng được xây dựng lại*. Đó là điều kiện chủ quan, có ý nghĩa quyết định để tiếp tục đưa phong trào đấu tranh cách mạng miền Tây Quảng Ngãi tiến lên. Không có lực lượng đó, không thể có sự bùng nổ của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi.

3. *Đảng bộ Quảng Ngãi có phương hướng đấu tranh cách mạng đúng đắn trong quá trình xây dựng lực lượng và cuộc khởi nghĩa*

### 3.1. *Chủ động xác định chủ trương phù hợp tình hình thực tiễn*

Giữa tháng 6.1959, khi tiếp thu tinh thần Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng “Các đồng chí lãnh đạo Quảng Ngãi rất vui mừng vì đối chiếu chủ trương của tỉnh từ trước tới giờ, căn bản đi đúng đường lối của Trung ương. Nghị quyết 15 giúp cho lãnh đạo Quảng Ngãi nhận thức sâu sắc về mối quan hệ, tác động giữa phong trào ở địa phương với toàn quốc, giữa Việt Nam với quốc tế, làm sáng tỏ nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của cách mạng Việt Nam ở miền Nam, cũng như phương pháp cách mạng và sách lược cách mạng của Đảng. Các đồng chí lãnh đạo

Quảng Ngãi hoàn toàn yên tâm, tin tưởng, nỗi băn khoăn, lo ngại trước đây được giải quyết”<sup>(1)</sup>.

Vì sao trước đó các đồng chí Quảng Ngãi lại có sự “*băn khoăn, lo lắng*”(?) . Đó là vì trước đó Đảng bộ địa phương tự động chỉ đạo phong trào theo tình hình cụ thể của địa phương, chưa có sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương.

Vậy chủ trương của tỉnh Quảng Ngãi trước đó thế nào?

Ở vào thời điểm chuyển giai đoạn cách mạng, thông thường có nhiều khó khăn, đòi hỏi sự chỉ đạo cụ thể, sự nhạy bén sáng tạo nắm bắt chính xác yêu cầu thực tiễn và chủ động quyết đoán chính xác. Từ chỗ là vùng tự do chuyển thành vùng kiểm soát của đối phương, các tỉnh Khu V và Quảng Ngãi không tránh khỏi những bỡ ngỡ ban đầu.

Việc thực hiện Hiệp định Giơnevơ làm so sánh lực lượng thay đổi không có lợi cho phong trào cách mạng miền Nam nói chung và Quảng Ngãi nói riêng. Vì thế việc chuyển hướng đấu tranh là yêu cầu bắt buộc, phải từ đấu tranh vũ trang trong kháng chiến chống Pháp sang đấu tranh chính trị. Thực hiện chủ trương chung, Đảng bộ Quảng Ngãi đã phát động phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng nhằm đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử và các quyền tự do, dân chủ khác.

Trước sự khủng bố tàn bạo của Mỹ - Diệm, các đồng chí lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi chủ trương gấp rút chuyển hướng chỉ đạo đấu tranh và công tác tổ chức quần chúng cho thích hợp với tình hình mới.

---

<sup>(1)</sup> Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954 - 1975*, tập 2, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1996, tr. 241.

Tháng 1.1955, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp hội nghị rút kinh nghiệm các cuộc đấu tranh tự phát, diệt ác ôn hồi cuối năm 1954 ở một số xã, huyện, đề ra chủ trương xây dựng một số khu căn cứ.

Ngày 25.10.1955, Tỉnh ủy họp bí mật dưới chân núi Cà Đam và chủ trương: duy trì, giữ vững phong trào ở cả 3 vùng: miền núi, nông thôn, đồng bằng và thành thị, đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, hiệp thương tổng tuyển cử, đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ và cứu đói ở miền Tây; củng cố các tổ chức, cơ quan lãnh đạo bí mật và bí mật xây dựng lực lượng trung kiên nòng cốt, phục hồi và phát triển các tổ chức biến tướng hợp pháp; đẩy mạnh công tác binh vận, địch vận, tranh thủ những người làm trong ngụy quyền, bố trí người vào hoạt động trong các bộ máy của địch; xác định việc xây dựng căn cứ địa cách mạng ở miền Tây và căn cứ lõm ở đồng bằng, quyết định lập các xã phía nam huyện Trà Bồng (trước đây là các xã người Cor thuộc Sơn Hà) làm trung tâm căn cứ của tỉnh.

Chủ trương của Tỉnh ủy phù hợp với tình hình, làm cho phong trào cách mạng được duy trì. Cán bộ bám sát quần chúng. Vì thế, mặc dù địch khủng bố dữ dội, căn cứ cách mạng ở đây vẫn được gầy dựng, phát triển, đồng bào và cán bộ đoàn kết, tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng, tạo nên sức mạnh chính trị vô cùng to lớn.

Giữa năm 1956, tỉnh Quảng Ngãi học tập Cương lĩnh chuyển hướng đấu tranh của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Cương lĩnh đề ra: cấm nổ súng, cấm hoạt động vũ trang, không gọi địch là đối phương đã làm cho lãnh đạo Quảng Ngãi lúng túng, chần chờ<sup>(1)</sup>. Vì thế, cuối năm 1956, đầu năm 1957, Mỹ - Diệm đánh

---

<sup>(1)</sup> Theo Báo cáo của đồng chí Phạm Thanh Biền, Nguyên Phó bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi thời kỳ 1958 - 1961. Dẫn theo *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954 - 1975*, tập 2, sđd, tr. 241.

phá ác liệt, hòng tiêu diệt các khu căn cứ ở miền núi, củng cố ách thống trị của chúng ở đồng bằng, phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi chịu nhiều tổn thất lớn.

Trước tình hình đó Tỉnh ủy quyết định chuyển hướng đấu tranh, chỉ thị cho các huyện, xã phải vận dụng và kếp hợp chặt chẽ các hình thức nửa hợp pháp, hợp pháp và bất hợp pháp, đồng thời chú ý đúng mức việc sử dụng hình thức vũ trang tự vệ. Xu hướng thiên về đấu tranh vũ trang trong cán bộ, đảng viên, kể cả các đồng chí lãnh đạo bộc lộ rất rõ, bởi họ là những người được tôi luyện trong đấu tranh, lăn lộn, bám sát dân, trực tiếp chứng kiến và chịu sự khủng bố tàn khốc của kẻ thù.

Tháng 2.1958, Tỉnh ủy họp tại Trà Trung, Trà Bồng bàn về bản *Đề cương cách mạng miền Nam* và ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương. Tỉnh ủy hoàn toàn nhất trí với quan điểm bạo lực cách mạng. Hội nghị kiểm điểm tình hình sau khi áp dụng một số hình thức đấu tranh có tính chất tự vệ. Tỉnh ủy nhận thấy khi địch tập trung đánh phá các vùng căn cứ, nếu không đẩy mạnh các hình thức vũ trang tự vệ trong đấu tranh chính trị thì không thể bảo toàn được cơ sở, thúc đẩy phong trào phát triển. Chính vì vậy, việc chuyển hướng đấu tranh vũ trang, ngăn chặn sự đàn áp của kẻ thù đã nhanh chóng bén rễ trong phong trào quần chúng. Từ thực tế đó, hội nghị chủ trương: Đối với miền núi: Đẩy mạnh việc xây dựng căn cứ du kích, mà trung tâm là căn cứ Trà Bồng, Ba Tơ, Sơn Hà; động viên, tổ chức các đội vũ trang tự vệ ở các xã, bằng mọi cách “vô hiệu hóa” chính quyền ngụy, kết hợp ba hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và bất hợp pháp. Tỉnh đồng ý cho các địa phương thành lập lực lượng vũ trang, rút thanh niên lên vùng cao, cho đào súng, lấy súng, cho các đơn vị bố phòng ở miền núi, tổ chức thêm các tổ vũ trang diệt ác, trừ gian với danh nghĩa hợp pháp ở vùng sâu

vùng núi, vùng giáp ranh đồng bằng. Đối với đồng bằng: ra sức xây dựng, phục hồi các cơ sở cách mạng, xây dựng căn cứ lõm; xây dựng hành lang đồng bằng - miền núi. Tỉnh ủy nhấn mạnh cần rút thanh niên lên để tổ chức các tổ công tác thọc sâu, diệt ác ôn. Đối với vùng địch tạm chiếm đóng, gồm những quận ly miền núi và những xã vùng thấp, chính quyền địch còn mạnh, tinh chủ trương đưa người vào nắm chính quyền với phương châm giữ thế hợp pháp cho quần chúng, đẩy mạnh đấu tranh chính trị. Về kinh tế: Tỉnh ủy đặt vấn đề tự túc, xây dựng cơ sở vật chất, thành lập những đội nông binh, dự trữ muối, gạo, vải trước khi tiến hành khởi nghĩa.

Từ những quyết sách kể trên, có thể xem Hội nghị Tỉnh ủy tháng 2.1958 là hội nghị phát động phong trào chuẩn bị xây dựng lực lượng vũ trang. Sau đó, vấn đề đấu tranh vũ trang luôn được chú trọng và phát triển, tạo thế và lực, chuẩn bị đón thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền. Bỉ thư Khu ủy khu V Trần Nam Trung đánh giá nhận định của tỉnh là đúng. Đứng trước kẻ thù tàn bạo đang dùng bạo lực để tiêu diệt cách mạng, không tiến hành đấu tranh bằng bạo lực cách mạng của quần chúng, không từng bước kết hợp giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, thì không thể giữ vững và phát triển phong trào<sup>(1)</sup>.

Ngày 25.5.1958. Tỉnh ủy họp tại Trà Bùi (Trà Bồng) nghe phổ biến ý kiến của Khu ủy, ra nghị quyết về các mặt công tác. Hội nghị đề cập tới việc uốn nắn lại tư tưởng nôn nóng, nặng về đấu tranh vũ trang, xem nhẹ đấu tranh chính trị, nhất là các hành động tự phát, manh động ở một số địa phương. Hội nghị quyết định mau chóng phục hồi các tổ chức quần chúng, thành lập Ban Quân sự tỉnh để giúp Tỉnh ủy chỉ đạo việc xây dựng lực lượng

---

<sup>(1)</sup> Dẫn theo Cao Văn Lượng..., Sđd, tr. 156 - 157.

vũ trang và đấu tranh vũ trang. Vấn đề xây dựng căn cứ địa được đề cập cụ thể về các mặt: thành lập các chiến khu, xây dựng làng chiến đấu, việc bố trí lực lượng của nhân dân, việc thành lập các đội cảm tử diệt ác ôn...<sup>(1)</sup>.

Ngày 20.6.1958, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng, Tỉnh ủy đề ra được phương hướng cụ thể, tạo nên sự nhất trí về tư tưởng, hành động trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, làm cho lực lượng cách mạng và phong trào đấu tranh của quần chúng ngày càng phát triển.

Thực tiễn ở miền Nam nói chung và Quảng Ngãi nói riêng cho thấy kẻ thù đã ngang nhiên xé bỏ Hiệp định Giơnevơ, đã thẳng tay dùng bạo lực đàn áp cách mạng, gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất, nhất là trong hai năm 1957 và 1958. Đáng lẽ cần có một sự chỉ đạo chuyển hướng đấu tranh sớm hơn. Nghị quyết 15 ra đời có phần chậm so với yêu cầu thực tế, do “ta có sai lầm trong chỉ đạo chiến lược, chậm chỉ đạo chuyển hướng đấu tranh, chỉ nhấn mạnh đấu tranh chính trị khi địch đã dùng bạo lực phản cách mạng thẳng tay giết hại cán bộ, nhân dân”<sup>(9)</sup>. Tuy nhiên nó vẫn còn tác dụng chỉ đạo phong trào cách mạng miền Nam. Các đồng chí Khu V và Quảng Ngãi đã có những chủ trương đi trước một bước so với nghị quyết này. Hắn đây là lý do làm cho các đồng chí “băn khoăn, lo lắng” vì sợ sai so với chỉ đạo của Trung ương. Khi được học tinh thần của Nghị quyết, tâm tư đó mới được giải tỏa.

*3.2. Phương hướng chỉ đạo cách mạng đúng đắn của Đảng bộ Quảng Ngãi trực tiếp dẫn tới cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi.*

---

<sup>(1)</sup> Kết luận của Bộ Chính trị, ngày 23.4.1994 về Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước - Thành lợi và bài học.

Tháng 6.1959, Nghị quyết 15 của Trung ương đến Quảng Ngãi, Tỉnh ủy đã triệu tập hội nghị mở rộng tại chân núi Cà Đam, xã Trà Bùi, huyện Trà Bồng để học tập và bàn biện pháp thực hiện. Việc học tập Nghị quyết diễn ra trong lúc địch đang càn quét dữ dội.

Vào thời điểm tháng 8.1959, để chuẩn bị cho cuộc bầu cử Quốc hội bù nhìn, Mỹ - Diệm huy động lực lượng quân sự càn quét, hỗ trợ cho các đoàn “chiến tranh chính trị” tuyên truyền, bắt dân đi bỏ phiếu. Ở miền Tây Quảng Ngãi, địch dùng sư đoàn 22 càn quét đánh phá ác liệt, gây không khí rất căng thẳng. Khẩu hiệu được Tỉnh ủy nêu ra lúc ấy là “Chống bầu cử”. Quần chúng có nguyện vọng và sẵn sàng vùng dậy. Cuốn *Sơ thảo lịch sử Đảng bộ huyện Trà Bồng* viết: “Nhân dân đòi cán bộ cho cầm vũ khí khởi nghĩa cướp chính quyền”.

“Đại diện Ban cán sự Khu IX cùng Huyện ủy Trà Bồng thỉnh thị ý kiến cấp trên và được Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo: tìm đủ mọi cách cho nhân dân tránh né không đi bầu cử và tránh xô xát với địch, triệt để lợi dụng sơ hở của địch để *chuẩn bị đầy đủ hơn cho cuộc khởi nghĩa vũ trang rộng lớn*. Nếu địch lấn tới khủng bố quần chúng thì kiên quyết lãnh đạo nhân dân cầm vũ khí đánh trả lại, giữ vững khí thế của quần chúng. Riêng đối với Khu II, vùng trung tâm căn cứ, thì bất luận thế nào cũng không cho địch xâm nhập, phải trừng trị chúng ngay khi chúng mới đặt chân lên”<sup>(1)</sup>.

Cuốn sách *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước* (tập 2) cho biết: “Gần đến ngày bầu cử, nổ ra cuộc biểu tình chống

---

<sup>(1)</sup> *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước*, tập 2, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1996, tr. 248.

Diệm của nhân dân xã Trà Thủy, Trà Giang *ngoài dự kiến của lãnh đạo*. Đồng chí Tám Tú, Bí thư Tỉnh ủy cho người xuống giải tán không cho biểu tình, để tiếp tục học tập, chuẩn bị, mặt khác cố tránh hành động quá khích, kích động địch phản ứng, sẽ gây khó khăn cho ta. Nhưng khi cán bộ đến nơi thì cuộc khởi nghĩa đã nổ ra”<sup>(1)</sup>.

Như vậy, Tỉnh ủy Quảng Ngãi chưa có chủ trương phát động ngay cuộc khởi nghĩa vào thời điểm ấy. Sự bùng nổ của cuộc khởi nghĩa trước hết là tinh thần chủ động cách mạng của quần chúng. Khi khởi nghĩa nổ ra, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Cán sự miền Tây đã kịp thời phân công nhau xuống cơ sở lãnh đạo huyện và các chi bộ trực tiếp lãnh đạo phong trào, giải quyết các vấn đề phát sinh, đưa cuộc khởi nghĩa đến thắng lợi.

Vai trò của Đảng bộ địa phương trong trườngh hợp này không phải là ở chỗ đã sớm xác định phương hướng cơ bản là cách mạng bạo lực, khẳng định con đường vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền, nỗ lực chỉ đạo chuẩn bị lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa cách mạng, thúc đẩy thời cơ khởi nghĩa mau tới. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng, xét từ một phương diện nào đó, có phần rất lớn từ sự sáng tạo của quần chúng cách mạng được Đảng giác ngộ và tổ chức, một minh chứng hùng hồn điều Lênin từng nói: lịch sử nói chung và lịch sử cách mạng nói riêng luôn luôn diễn ra một cách phong phú hơn, nhiều vẻ hơn, nhiều mặt hơn, sinh động hơn, “tài giỏi hơn” so với sức tưởng tượng của các chính Đảng ưu tú nhất, của các đội tiên phong giác ngộ nhất, của các giai cấp tiên tiến nhất.

*Đảng bộ Quảng Ngãi nói chung, Đảng bộ Trà Bồng và các huyện miền Tây Quảng Ngãi nói riêng đã xác định đúng phương*

---

<sup>(1)</sup> Lê Duẩn. *Tuyển tập, tập I*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 460.

*hướng cho phong trào quần chúng phát triển, trực tiếp dẫn tới cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi. Đúng như đồng chí Lê Duẩn từng khẳng định:*

“...Trong cách mạng, nhiều khi chỉ cần người lãnh đạo nắm chắc được trước chiêu hướng phát triển cơ bản, một số nhân tố và điều kiện cơ bản và dám táo bạo hành động; trong khi làm, sự vật sẽ bộc lộ cho thấy đầy đủ các khả năng và chiêu hướng phát triển của nó, đồng thời sức sáng tạo vô tận của quần chúng, những người làm ra lịch sử, sẽ giúp ta phương hướng và cách thức giải quyết tất cả mọi vấn đề cụ thể”<sup>(1)</sup>.

---

<sup>(1)</sup> *Sơ thảo Lịch sử Đảng bộ huyện Trà Bồng, Ban chấp hành Đảng bộ huyện Trà Bồng xuất bản, 1994, tr. 128*

# NHỮNG YẾU TỐ CƠ BẢN TẠO NÊN CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI

HỒNG NHÂN\*

Lúc còn công tác tại Hà Nội tôi đã được nghe về cuộc khởi Nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi do đồng chí Nguyễn Quang Lâm, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi, ra dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III thông báo vắn tắt.

Cuối năm 1964, tôi trở về chiến trường Quảng Ngãi, được nhiều đồng chí quê hương cho biết thêm và trong quá trình công tác tuyên huấn hàng chục năm, tôi đã tìm hiểu học tập được nhiều điều khá lý thú về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi.

Trên vùng đất Quảng Ngãi từ ngàn xưa đã có các cộng đồng cư dân Cor, Hrê, Cà Dong sinh cơ lập nghiệp. Cuối thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XV, người Việt (thường gọi là người Kinh) từ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ chuyển cư lòn chung lỵ đấu cật cung với các dân tộc anh em khai sơn, phá thạch, cải tạo thiên nhiên, đấu tranh với xã hội bất công, xây dựng nên truyền thống oanh liệt của Quảng Ngãi anh hùng ngày nay.

Trong đấu tranh với tự nhiên và xã hội, con người là yếu tố cơ bản nhất. Vì vậy nói về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và cả miền Tây Quảng Ngãi vào mùa thu năm 1959, trước hết, chúng ta cần nghiên cứu về người Cor, tộc người chiếm đại đa số trong cộng đồng cư dân Trà Bồng.

---

\* Nguyên Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Quảng Ngãi.

Đã từ bao đời bên các ống rượu đúc đậm đà, các bếp lửa bập bùng trên nhà sàn, người già kể cho người trẻ, ông bà cha mẹ truyền lại cho con cháu nhiều truyền thuyết mang tính huyền thoại của dân tộc Cor ở Trà Bồng. Như chuyện Đhông Đhac Tố đánh thắng thủy thần Ma Huýt, giữ vững vùng đất của dân tộc Cor. Ngày nay còn hòn đá có tên Đhông Đhac Tố nằm bên sông Tà Ích, đoạn thuộc xã Trà Lãnh mà đồng bào cho là phần xương cốt vĩnh hằng của Đhông Đhac Tố. Lại có chuyện thần Sam Rạ, vị tướng Cor khổng lồ có tài chỉ huy binh lính Cor đánh bọn chuyên áp bức, ức hiếp người nghèo. Sam Rạ cưỡi ngựa sắt nhảy từ đỉnh núi này sang đỉnh núi khác, hai tay nhấc bổng các hòn đá to lia vào đầu bọn cướp. Sam Rạ đến đâu, bọn mặt người dạ thú tan tác đến đó. Sau chiến thắng, Sam Rạ phi ngựa bay về trời. Những hôm mây hồng vẫn vũ trên đỉnh Cà Đam, nhạc ngựa reo vang, đồng bào cho là Sam Rạ về thăm dân làng, năm ấy Trà Bồng nhất định được mùa. Lại có chuyện Ba Linh, nữ chúa rừng xanh, cầm đầu hàng ngàn binh lính Cor cùng với người Kinh và hàng đàn voi trắng, hổ vàng, ong tím kéo xuống vùng biển đánh thắng hàng trăm trận ở cửa Sa Kỳ, Cổ Lũy, Sơn Trà tiêu diệt khá nhiều lũ giặc tóc đỏ, mũi lõ, mắt xanh dùng thuyền vượt biển vào xâm lược quê ta. Ở xã Trà Thủy hiện còn đền thờ Ba Linh.

Nếu loại bỏ phần truyền thuyết thần thánh hóa của những câu chuyện trên, ta có thể chắt lọc được cốt cách của dân tộc Cor, đó là lòng yêu nước nồng nàn, chí cùm thù địch cao độ, dám săn sàng xả thân cứu dân độ thế. Đây là một trong những yếu tố cơ bản, là ngọn nguồn sức mạnh tạo nên hiện thực lịch sử của Trà Bồng xưa và nay.

Từ cuối thế kỷ XVIII, chủ động Cà Đam Đinh Thung đã tập hợp nghĩa quân Cor tham gia phong trào khởi nghĩa nông

dân Tây Sơn, giải phóng dân nghèo, lập nên triều đại Tây Sơn với bao chiến công diệt nội phản, chống ngoại xâm thời ấy. Dưới các triều vua Nguyễn, nhân dân Thượng, Kinh ở Trà Bồng và ở Quảng Ngãi đã bền bỉ đấu tranh chống lại thảm cảnh “cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan”. Nhà Nguyễn phải đắp “Tịnh Man trường lũy” giữa miền núi và đồng bằng, từ Nam Quảng Ngãi đến Bắc Bình Định để ngăn chặn những cuộc tiến công của người Thượng.

Từ ngày thực dân Pháp xâm lược nước ta, thuế xâu càng thêm chồng chất. Riêng ở Trà Bồng, chúng bắt mỗi xuất định hàng năm phải nộp 375 cân thóc, hoặc 50 cân hạt cau khô, hay một tạ quế vỏ và một cây gỗ to, 100 tấm tranh, 40 cây tre, một tạ củi... phải tự mang gạo, muối của nhà theo ăn để làm xâu hết tháng này đến tháng khác, phục dịch việc xây đồn binh, làm trại lính, dựng nhà quan... Không cam chịu áp bức bóc lột, người Cor ở Trà Bồng cùng nhân dân cả huyện, cả tỉnh vùng lèn trong phong trào “kháng thuế, cự sưu”. Ông Đinh Boóc (ở vùng Nà Niêu ngày nay) đã cầm đầu nhân dân Trà Bồng chống sưu thuế, chống thực dân Pháp suốt 25 năm (1900 - 1925). Có lần tên Trùm Ba, tay sai của Pháp, dẫn lính lùng bắt ông Đinh Boóc, đến Nước Riềng bị quân Đinh Boóc diệt một số; Trùm Ba bị Đinh Boóc đậm trọng thương, chạy trốn vào nhà bà Út Thon, bị bà dùng mưu giết chết.

Khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, ở Trà Bồng đã xuất hiện những đảng viên cộng sản đầu tiên ở miền Tây Quảng Ngãi vào tháng 10.1930. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phối hợp với toàn tỉnh và toàn quốc, các dân tộc anh em ở Trà Bồng đã phát cao cờ Đảng trong hàng chục cuộc xuống đường tuần hành thị uy với các khẩu hiệu:

- Đả đảo đế quốc Pháp và Nam triều phong kiến!

- Việt Nam độc lập!
- Chính quyền về tay công nông binh!
- Ruộng đất về tay dân cày!
- Miễn thuế đinh, thuế chợ, giảm thuế điền, hoãn đi xâu!
- Ủng hộ Nghệ An đỏ! Ủng hộ Liên bang Xô Viết!

Những hạt giống đỏ của Đảng nẩy mầm, đậm chồi, sinh nhánh trên đất Trà Bồng. Hàng ngàn con người sống trong cảnh mình trần thân trụi, đất đỏ gò tranh, đã vùng lên rùng rùng như thác lũ, quyết đi theo ngọn cờ của Đảng, chống đế quốc, phong kiến đến cùng. Người này ngả xuống, lớp lớp người khác đứng lên. Cuộc chiến đấu của nhân dân Trà Bồng chống Pháp vẫn không dừng.

Vào những năm 1937 - 1938, ở Trà Bồng lại nổi lên phong trào “Nước xu đỏ” dưới sự chỉ huy của các thủ lĩnh Phó Mục Gia, Đinh Chân, Đinh Tài. Từ tin vào nước thánh nước thần có thể chống được súng thép đạn đồng của Pháp lang - sa, nghĩa quân “Nước xu đỏ” dựa vào rừng núi Cà Đam hùng vĩ đã tiến hành một cuộc chiến tranh du kích đánh Pháp và tay sai suốt bảy, tám năm liền. Có trận đã diệt cả tên La Boter - Quan hai người Pháp là Đồn trưởng Trà Bồng.

Tất cả các phong trào yêu nước của người Cor và nhân dân Trà Bồng đã phối hợp nhịp nhàng với các phong trào cách mạng ở Trung Châu, tạo nên thế liên hoàn “Đông có mày, Tây có tao”, làm cho thực dân Pháp, phát xít Nhật và bọn tay sai ở Quảng Ngãi luôn phải đối phó lúng túng, bị động và cuối cùng đành chịu thất bại. Quảng Ngãi là một tỉnh đã giành được chính quyền sớm nhất trong Cách mạng tháng Tám 1945, có phần góp công to lớn, xứng đáng của người Cor và nhân dân Trà Bồng.

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Trà Bồng đã lập nhiều thành tích trong sản xuất, chiến đấu, học chữ, nâng cao dân trí, góp phần xây dựng và bảo vệ tỉnh Quảng Ngãi tự do. Quân Pháp và bọn “chí xẻng” (tiếng Hrê: chí xẻng là loài rau đắng), tay sai của Pháp chưa bao giờ dám mò đến Trà Bồng.

Sau Hiệp định Giơnevơ 1954, Mỹ hất cẳng Pháp, thực hiện mưu đồ đặt ách thống trị thực dân kiểu mới ở miền Nam Việt Nam và chia cắt lâu dài đất nước ta.

Núi rừng Trà Bồng lại một phen mây mù bao phủ. Địch bắt con phải tố cáo cha mẹ, vợ phải ly khai chồng, thanh niên phải cầm súng để chống lại dân làng. Quế, chiêng, ché, nồi đồng, của quý bị cướp đoạt. Người dân bị lùa nhốt vào ấp chiến lược như thân phận con sâu, cái kiến. Hàng loạt người kháng chiến cũ, người yêu nước, gia đình có người tập kết ra Bắc, bị bắt bớ, tra tấn, tù đày, giết hại. Có người bị cột theo sau xe Jeep, cho xe chạy lôi ngã nhào xuống đất, cứ thế kéo từ nơi bị bắt về đến quận, chỉ còn là một cái xác nát nhừ.

Với truyền thống bất khuất của người Cor và nhân dân các dân tộc anh em Trà Bồng, đồng bào đã từng đứng lên chống Mỹ - Diệm.

Không biết từ bao giờ người Cor tự ví mình như loài chim síp-blít (chim chèo bέo) ưa tự do, hiên ngang đầy khí phách. Trên đầu tra nhà sàn, trên đỉnh cây nêu đậm trâu trong các hội làng, lúc nào cũng có một con chim chèo bέo (được tạc bằng gỗ rồng rất đẹp) luôn canh gác cho sự bình yên của dân làng. Trong nhiều bài xà ru, a giới (dân ca dân tộc Cor), đồng bào thường hát bằng:

*“Chèo béo mà đánh qua den,  
Sức ta tuy bé, chí ta không hèn,  
Đeo dai chiến đấu, qua den phải lùi”.*

Với cốt cách ấy, với tinh thần ấy, khi địch bày trò bắt dân “tri ân Ngô Tống thống” ở thì tri ân. Đồng bào dùng cháo loãng, cơm nhão bôi phía sau mắt, mũi, miệng “cụ Ngô” và bôi bốn góc, dán trên vách chuồng gia súc, đầu chuí xuống đất để khỏi lầm với ma quỷ, để cho heo, gà tri ân. Loài gián rất kém lẽ nghĩa, cứ nhè những chỗ có bột gạo mà ăn, nên “cụ Ngô” phải chịu mất mắt, mất mũi, mất miệng. Để chống đám gián vô lễ chỉ còn cách đem hình “cụ Ngô” đặt lên giàn bếp xông khói.

Dù chèo béo phải tạm đứng chung cành với lũ quạ, diều hâu, nhưng chèo béo vẫn là chèo béo. Người Cor và nhân dân Trà Bồng dù bị Mỹ - Diệm khủng bố, đàn áp, vẫn một bụng hướng về Đảng và Bác Hồ, mặt trời trong lòng đồng bào. Toàn dân Trà Bồng hát lên bài ca mặt trời, bài ca hy vọng, động viên nhau giữ vững niềm tin ở mặt trời:

*“Này đồng bàoơi!  
Này thanh niên ơi,  
Mặt trời ngày xưa vẫn đợi.  
Ta không thể có hai mặt trời”.*

Tiếng chim chèo béo gọi đòn, làm rung động lương tri những ai cạn nghĩ lạc lối lầm đường:

*“Này thanh niên ơi!  
Hãy lắng nghe đây, nghe cho kỹ:  
Đừng ham ka ki mà lầm âm mưu Mỹ,  
Chớ mê vải phin mà bỏ làng theo Mỹ,  
Rãy quế nó buồn vị đan của ai!”.*

Những bài xà ru, a giới vừa kêu gọi tha thiết, vừa cảnh cáo  
khá nghiêm khắc với những người lõi lầm theo Mỹ - Diệm, vừa  
thể hiện tấm lòng vị tha của dân làng:

“Suối nước Trà Bồng có bóng anh trong đó,  
Rừng núi Trà Bồng có dấu chân anh trong đó.  
Vì thương anh, nhiều lần dân chỉ rõ:  
Thống nhất nước nhà anh sẽ đi đâu!  
Anh nấp bụi lách, bụi lách cũng trống!  
Anh rúc bụi tre, bụi tre cũng kêu!  
Anh chui xuống nước, nước Trà Bồng trong lầm!  
Anh bay lên trời, anh nào phải con diều hâu!  
Anh sẽ ở đâu khi nhân dân ta còn đó...  
Đầu người không mọc đến hai lần.  
Mỹ thua, Mỹ về nước Mỹ,  
Diệm thua, còn đường chạy theo Mỹ.  
Mỹ - Diệm thua, anh chạy đi đâu!  
Bởi ai lõi, ai lầm, hãy mau tinh lại!  
Để lúc mặt trời lên, còn thấy được câu mời mọc ai ơi!”.

Khi những cán bộ Cụ Hồ mở Hội nghị Gò Rô chỉ rõ con  
đường chống Mỹ, cứu nước, cứu nhà, khắp các làng nóc Trà  
Bồng chiêng cồng hòa nhịp với những bài ca thống thiết:

“Hỡi đồng bào ơi!  
Mỹ - Diệm muốn làm ta chết đói.  
Đã đói cơm, đói muối mấy năm rồi.  
Mỹ - Diệm muốn đẩy ta theo ma quỷ!  
Chết nhiều rồi, phải đứng dậy đồng bào ơi!  
Mỹ có đánh chết chân, ta vẫn còn đầu.  
Diệm có đánh gãy tay, ta vẫn còn miệng.  
.....”.

và những lời kêu gọi mọi người vùng lên:

“Đồng bàoơi!

Hãy đoàn kết một dạ đứng lên bố phòng!

Hãy đoàn kết một lòng đứng lên tranh đấu!

Đâu chúng ta rời, phải bắt chúng trả đâu!

Hiện nay nhân dân miền Nam ta không còn ai sợ Mỹ,

Hiện nay chiến sĩ miền núi ta chẳng còn ai sợ Diệm.

Hãy đoàn kết chặt chẽ như năm ngón tay trên bàn tay.

Hãy đứng lên! Những ai muốn mặt trời xưa trở về”.

Giỏi quá! Đồng bào đã biến những nội dung cơ bản của Hội nghị Gò Rô thành những bài xà ru, a giới đầy chất sử thi.

Rồi Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) ra đời chỉ rõ con đường đưa cách mạng miền Nam đi đến thắng lợi. Rồi binh ông Trươn, ông Khang ở miền Bắc trở về. Đảng cho đánh Mỹ - Diệm rồi. Cả núi rừng Trà Bồng mừng vui khôn xiết. Tình thế cách mạng xuất hiện: nhân dân không còn chịu nổi ách cai trị, áp bức bóc lột của Mỹ - Diệm. Đội tiền phong lãnh đạo cách mạng đã có đường lối đúng. Đơn vị 339, lực lượng vũ trang giải phóng đầu tiên của Quảng Ngãi ra đời, phần lớn chiến sĩ là thanh niên người Cor. Bạo lực cách mạng của quần chúng đã sẵn sàng.

Từng nóc, từng làng tổ chức lễ đâm trâu ăn thề, nhảy múa ca hát quanh cây nêu, động viên nhau “sống thơm, chết thơm”, dám hy sinh vì sự sống còn của non sông đất nước này, của dân tộc này. Khi đâm lưỡi mác thề vào thân trâu, đồng bào cất cao giọng hát bài cà lu mới (tức là điệu ca tế thần xưa):

*“Trâu này là trâu của đồng bào,  
Núi, nước đã nuôi trâu khôn lớn.  
Trâu ăn cỏ núi. Cỏ núi mang ánh sáng mặt trời.  
Trâu uống nước suối. Nước suối luôn sáng ánh mặt trời.  
Ta nhớ ơn trời, khắc sâu trong lòng.  
Sâu hơn sẹo trên sừng trâu.  
Ta thương ông trời - Đội ơn trời nhiều lắm,  
Nhiều hơn lông trên mình trâu.  
Núi, nước, nhân dân chỉ có một mặt trời.  
Mặt trời nay đã về,  
Ta vẫn cố giết hết lũ diều hâu... ”.*

Binh lính Diệm sục vào từng làng từng nóc cưỡng ép nhân dân bầu cử quốc hội bù nhìn. Tiếng vọng cà lu vang khắp núi rừng, cổ vũ mọi người giáo mác lăm lăm, quấn khăn đỏ trên cổ, đeo băng đỏ trên tay (để khỏi đâm, bắn lầm nhau), đốt đuốc đỏ rực, nhầm đồn thù xông tới.

Khởi nghĩa Trà Bồng ngày 28.8.1959 và miền Tây Quảng Ngãi vào mùa thu năm ấy đã triệt hạ ngụy quyền do Mỹ - Diệm đặt ra, lập nên chính quyền tự quản, mở ra một vùng giải phóng rộng lớn gồm 40 xã từ giáp giới Tây Nam Quảng Nam đến Tây Bắc Bình Định.

Từ 45 năm trước, đàn chim chèo béo Trà Bồng đã làm sứ mệnh của chim báo bão. Báo tố cách mạng miền Nam đã nổi lên chuyển hẳn sang thế tấn công, phá thế ổn định tạm thời của chế độ Mỹ - Diệm. Từ đó, các chiến thắng Nà Niêu, Đổ Xá, Mang Xinh của quân dân ta trên đất Trà Bồng, đánh bại chiến thuật trực thăng vận của Mỹ; đánh bại tất cả cuộc càn quét liên quân Mỹ - ngụy hòng đánh vào cơ quan đầu não kháng chiến

của Khu V, của tỉnh Quảng Ngãi ở Trà Bồng; những nhân tài vật lực của Trà Bồng cung cấp cho các lực lượng kháng chiến của khu, của tỉnh ta, của tỉnh bạn, huyện bạn đồn trú tại Trà Bồng và còn chi viện cho các chiến trường trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trận quyết chiến cuối cùng từ Trà Bình đến Dốc Phú ngày 19.3.1975, đã tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ lực lượng ngụy quân, ngụy quyền, giải phóng hoàn toàn huyện Trà Bồng. Toàn bộ miền Tây được giải phóng, góp phần đưa Quảng Ngãi trở thành một trong những tỉnh được giải phóng sớm nhất ở miền Nam Việt Nam vào Mùa Xuân năm 1975.

Trực tiếp đối đầu với chính sách chống cộng điên cuồng của Mỹ - ngụy, nhiều đảng viên, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân thuộc các dân tộc Kinh, Cor, Hrê, Cà Dong đã hy sinh anh dũng, xứng đáng với sự tôn vinh của nhân dân “sống thơm, chết thơm” như rừng quế trên đại ngàn Trà Bồng. Nhưng kẻ địch nào có tiêu diệt được cộng sản trên đất này. Đảng bộ Trà Bồng năm 1955 có gần 100 đảng viên, đến ngày chiến thắng Mùa Xuân năm 1975 đã có gần 600 đảng viên. Hàng loạt cán bộ trẻ, nữ, người dân tộc thiểu số đã trưởng thành. Đây chính là lực lượng nòng cốt, tiên phong tổ chức và lãnh đạo nhân dân đánh giặc, bảo vệ căn cứ sản xuất, phục vụ kháng chiến, góp sức cùng toàn tỉnh, toàn miền, toàn quốc đập tan chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, chôn vùi uy danh của đế quốc Mỹ, tên đế quốc sừng sỏ nhất trong thế kỷ XX.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi vào mùa thu năm 1959, cũng như thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta, chính là thắng lợi của đường lối cách mạng nói chung và đường lối cách mạng miền Nam nói riêng của Đảng ta, là thắng lợi của sự lãnh đạo và chỉ đạo kịp thời của Khu ủy khu V, của Tỉnh ủy

Quảng Ngãi, của Đảng bộ Trà Bồng và các Đảng bộ miền núi khác trong tỉnh, là thắng lợi của tinh thần yêu nước nồng nàn, lòng căm thù địch cao độ và ý chí chiến đấu kiên cường quả cảm của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân các dân tộc anh em đã sớm hình thành nên bạo lực cách mạng hùng hậu trên địa bàn chiến lược miền Tây Quảng Ngãi. Đó cũng chính là những yếu tố cơ bản tạo nên thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi. Và như trên đã trình bày, truyền thống văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc cũng là một trong những yếu tố quan trọng góp phần giáo dục, cổ vũ nhân dân xông lên tiêu diệt kẻ thù, giành lại độc lập thống nhất cho Tổ quốc và tự do dân chủ cho nhân dân. Hợp chúng quốc Hoa Kỳ mới có hơn 200 năm hình thành và phát triển văn hóa của mình. Còn Việt Nam đã có 4.000 năm văn hiến; riêng vùng đa sắc tộc Quảng Ngãi cũng đã có hàng ngàn năm văn hiến. Chính Mắc Namara, người đã từng một thời điều binh khiển tướng xâm lược miền Nam và đánh phá miền Bắc nước ta, trong hồi ký của mình đã thú nhận: Mỹ thua Việt Nam chính vì Mỹ không hiểu rõ Việt Nam, tức là không hiểu rõ nền văn hiến Việt Nam.

Từ đại thắng mùa xuân 1975 đến nay, phát huy truyền thống của khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, nhân dân các dân tộc anh em trên địa bàn chiến lược quan trọng này đã ra sức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước Trung ương và địa phương, nỗ lực xây dựng lại quê hương, giữ vững ổn định chính trị, trật tự và an ninh, ra sức khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, từng bước cải thiện đời sống nhân dân.

Tuy kinh tế - xã hội của Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi phát triển còn chậm, một bộ phận nhân dân đời sống còn khó khăn, nhưng chúng ta có quyền tin tưởng rằng với đường lối

đổi mới của Đảng, với sự quan tâm lãnh đạo, chăm sóc của các cấp bộ Đảng, chính quyền, mặt trận từ tỉnh đến xã, các dân tộc anh em sẽ phát huy mạnh mẽ hơn nữa truyền thống anh hùng của khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, vượt nắng, thăng mưa, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi trong thời gian không bao lâu nữa.

# XÂY DỰNG LỰC LUỢNG CHÍNH TRỊ - LỰC LUỢNG VŨ TRANG VỮNG MẠNH LÀM NÒNG CỐT CHO KHỞI NGHĨA GIÀNH THẮNG LỢI

HUỲNH MINH GIỮ\*

Trong bối cảnh của các cuộc đấu tranh và nổi dậy ở miền núi Khu V nổi bật lên có cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi được coi như là cuộc nổi dậy rộng lớn, mạnh mẽ nhất, và là đỉnh cao trong những cuộc nổi dậy ở vùng căn cứ miền Nam Trung Bộ, được xem như cái mốc lịch sử trong phong trào cách mạng Quảng Ngãi từ xây dựng lực lượng đấu tranh chính trị chuyển sang đấu tranh chính trị kết hợp với xây dựng lực lượng đấu tranh vũ trang. Đây là cuộc khởi nghĩa có lãnh đạo, có tổ chức chặt chẽ, có chuẩn bị chu đáo, và giành được thắng lợi, đánh dấu giai đoạn chuyển mình của cách mạng miền Nam của năm 1959 đầu năm 1960.

Cuối năm 1956 nhất là từ năm 1957 trở đi, sau khi tạm củng cố được chính quyền tay sai ở đồng bằng Mỹ - Diệm tập trung lực lượng tiến lên miền Tây Quảng Ngãi. Một chiến dịch tố cộng mới lấy tên là chiến dịch “đồng tâm diệt Cộng” nhằm đánh mạnh vào các huyện miền núi. Hơn ai hết, Mỹ - Diệm hiểu rõ, chính các huyện miền núi Quảng Ngãi là nơi đứng trụ của các cơ quan lãnh đạo tỉnh, là nơi mà chúng đã tiêu hao bao

---

\* Đại tá.

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Ngãi.

nhiều tiền của vẫn không dập tắt được phong trào cách mạng. Bởi vậy lần này tiến lên miền núi Mỹ - Diệm thực hiện chính sách khủng bố ác liệt, tàn bạo chưa từng thấy, quyết nhổ sạch cơ sở cách mạng chiếm cho kỳ được địa bàn quan trọng tiêu diệt các lực lượng cách mạng. Riêng Trà Bồng bên cạnh cả trung đoàn lính, chúng còn tung thêm lính Hrê để tăng cường đòn áp, khống chế nhân dân.

Từ thực tiễn phong trào của tỉnh nhà kết hợp với Đề cương bàn về cách mạng miền Nam, tháng 2 năm 1958 Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp tại trung tâm căn cứ Trà Bồng đã kiểm điểm tình hình sau khi áp dụng một vài hình thức đấu tranh vũ trang có tính chất tự vệ, Tỉnh ủy nhận thấy khi địch tập trung đánh phá các vùng căn cứ cán bộ và nhân dân thấy rõ nếu không đẩy mạnh các hình thức tự vệ trong khi đấu tranh chính trị thì không thể bảo toàn được cơ sở, thúc đẩy phong trào tiến lên. Nhân dân miền núi đã hợp thức hóa tục “trả đầu” để trừng trị những kẻ đã gây nợ máu với nhân dân, chính vì vậy việc chuyển qua đấu tranh vũ trang sống mái với quân thù của đồng bào các dân tộc có nhiều thuận lợi. Trong thực tế từ khi phát động các tổ chức bất hợp pháp có tính chất vũ trang trong thôn xã địch hoang mang co lại, khí thế đấu tranh của nhân dân được nâng lên và việc diệt ác được đẩy mạnh thành phong trào. Từ nhận thức ấy trong hội nghị lần này Tỉnh ủy đã chủ trương:

- Đối với miền núi: Đẩy mạnh việc xây dựng căn cứ du kích mà trọng tâm căn cứ là Trà Bồng, Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây, động viên tổ chức các đội vũ trang tự vệ ở các xã bằng mọi cách “vô hiệu hóa” chính quyền ngụy ở địa phương kết hợp ba hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và bất hợp pháp. Riêng những thôn xã vùng cao khi tình hình thuận lợi có thể tiến hành khởi nghĩa.

- Về xây dựng lực lượng vũ trang tinh đồng ý cho các địa phương thành lập lực lượng vũ trang, rút thanh niên lên vùng cao, cho đào súng đã chôn lúc bộ đội đi tập kết để trang bị cho du kích. Cho các đơn vị tự vệ bố phòng ở miền núi, tổ chức thêm các tổ vũ trang diệt ác, trừ gian với danh nghĩa hợp pháp ở vùng sâu, vùng núi, vùng giáp ranh đồng bằng.

- Đối với đồng bằng: Ra sức xây dựng phục hồi các cơ sở cách mạng thuần khiết, xây dựng căn cứ lõm ở đồng bằng, xây dựng hành lang đồng bằng miền núi, đưa thanh niên lên núi bổ sung cho lực lượng vũ trang, đồng thời tìm mọi cách mua và đưa hàng hóa quý lên căn cứ dự trữ. Ngược lại, chọn một số cán bộ có kinh nghiệm trên căn cứ miền núi bổ sung cho đồng bằng để tổ chức các tổ công tác thọc sâu diệt ác ôn.

- Đối với vùng địch tạm chiếm đóng gần những quận lỵ miền núi và những vùng xã thấp, chính quyền địch còn mạnh, tinh chủ trương đưa người vào nắm chính quyền với phương châm giữ thế hợp pháp cho quần chúng đẩy mạnh đấu tranh chính trị.

- Về kinh tế: Tỉnh ủy đặt vấn đề tự túc xây dựng cơ sở vật chất chuẩn bị lương thực dự trữ lâu dài ít nhất 3 năm.

Có thể xem Hội nghị Tỉnh ủy tháng 2.1958 là hội nghị mở đầu cho việc chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa. Bởi vì từ sau hội nghị này vấn đề khởi nghĩa giành chính quyền đã được đẩy mạnh, các địa phương chuẩn bị mọi mặt để đón thời cơ khởi nghĩa.

Bên cạnh các hoạt động chuẩn bị mọi mặt cho vũ trang khởi nghĩa các huyện miền núi cũng dấy lên một phong trào tăng gia sản xuất. Những “rãy cách mạng” để nuôi cán bộ và các tổ chức vũ trang ở đâu cũng có.

Từ nhu cầu tiến tới vũ trang khởi nghĩa vấn đề thành lập đơn vị vũ trang tập trung của tỉnh khẩn thiết được đặt ra. Nói cách khác chính trong cao trào chuẩn bị tiến tới vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền để hỗ trợ phong trào cho nhân dân có hiệu lực tạo điều kiện ép địch, bảo vệ vùng căn cứ. Được Khu ủy Khu V nhất trí, Tỉnh ủy Quảng Ngãi quyết định thành lập đơn vị vũ trang đầu tiên vào ngày 3.3.1959 đặt tên là đơn vị 339. Ngay sau khi thành lập, đơn vị 339 đã phân tán về các xã xung yếu, làm tròn nhiệm vụ vũ trang, đi đầu trong phong trào chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa làm nòng cốt trong việc xây dựng lực lượng vũ trang toàn dân đánh giặc của tỉnh.

Giữa năm 1959 Mỹ - Diệm huy động một lực lượng lớn của sư đoàn 22 lên càn quét miền núi Quảng Ngãi. Riêng Trà Bồng hơn một trung đoàn tăng cường của địch chia làm 4 cánh tiến đánh nhiều lần trong nhiều ngày gây ra những tội ác ghê tởm và xúc phạm nghiêm trọng phong tục tập quán địa phương.

Trước các hoạt động chống phá điên cuồng bao hàm sự thách thức của địch nhân dân Trà Bồng và các huyện miền núi sôi sục chuẩn bị nổi dậy. Để hỗ trợ cho nhân dân đấu tranh và làm nòng cốt cho nhân dân nổi dậy khởi nghĩa. Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trương phân tán đơn vị 339 thành nhiều tiểu đội đi về các xã xung yếu, phối hợp hoạt động với địa phương đang khẩn trương đẩy mạnh công tác bảo vệ thôn xóm. Các nhóm vũ trang của huyện cũng được điều về vùng thấp, quanh quận lỵ Trà Bồng để vũ trang tuyên truyền, phá rối, diệt ác, sẵn sàng tấn công vào trụ sở bầu cử, hỗ trợ cho nhân dân chống phá bầu cử.

Do tình hình khẩn trương tinh thần gấp rút cho thành lập tiếp một đơn vị vũ trang thứ hai. Ngày 19.8.1959 đơn vị 89 ra đời.

Tiếp đến ngày 02.9.1959 đơn vị vũ trang thứ 3 của tỉnh cũng làm lễ tuyên thệ lấy tên là 299.

Chúng ta có thể khẳng định rằng để làm nòng cốt cho việc xây dựng lực lượng vũ trang của địa phương và cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở miền Tây Quảng Ngãi cả 3 đơn vị vũ trang tập trung được tổ chức chặt chẽ, huấn luyện tốt. Sự xuất hiện thêm lực lượng vũ trang và những hoạt động có hiệu lực của nó đã thổi ngọn lửa quật khởi của nhân dân Trà Bồng và ngọn lửa đó đã bùng lên vào ngày 28.8.1959.

Trong khí thế khởi nghĩa như ngày hội lớn của nhân dân Trà Bồng, đơn vị 339, các nhóm vũ trang, các đội du kích từ các trại bí mật cũng được lệnh xuất kích. Các chiến sĩ quàng khăn đỏ, túi quàng vai vừa nhập trận đã bắt tay ngay vào việc cắm chông, gài bẫy truy kích địch. Sự có mặt của lực lượng vũ trang thực sự tạo thêm sức mạnh cho lực lượng cách mạng. Phụ nữ, trẻ em cũng tham gia vào mạng lưới truyền tin, tiếp tế, phá đường, khắp các xã rộn rã niềm vui thắng trận. Cuộc lùng bắt tàn quân diễn ra sôi nổi khắp nơi. Nhân dân vừa truy lùng bọn địch chạy trốn, vừa nhanh chóng bố phòng trên tất cả các đường để chuẩn bị đánh địch phản kích. Khí thế cách mạng dâng lên khiến cho nhiều người Cor làm trong ngụy quyền đều tham gia vào cuộc khởi nghĩa. Lực lượng khởi nghĩa lại dùng công tác binh vận để phân hóa bọn địch ngay cả khi truy lùng. Kinh hoàng khiếp sợ trước sức mạnh của quân dân Trà Bồng, quân địch không dám chạy về đồn, ở hai đồn Đá Líp và Tà Lạt lính ngụy hốt hoảng, bỏ trại, bỏ cả hòm phiếu trống không chạy về quận lỵ. Lực lượng khởi nghĩa thừa thắng xông lên tiến tới bao vây những hang ổ của bộ máy ngụy quyền, đập tan hòm phiếu, lấy tài sản của chúng cướp trả lại cho những người bị mất.

Chiều ngày 28.8.1959 hầu hết các trụ sở ngụy quyền cơ sở bị đập phá. Địch ở 2 đồn Tầm Rừng, Nước Vót cũng rút chạy. Ngày khởi nghĩa đầu tiên đã thắng lợi. Tất cả các cơ quan ngụy quyền xã bị đốt phá: 63 tên đại diện công an, cảnh sát, dân vệ bị bắt.

Nhin chung trong huyện Trà Bồng trong ngày 28.8.1959 địch chỉ còn cố thủ trong 3 đồn Eo Reo, Eo Chim và quận ly.

Bước sang ngày 29.8.1959 nhân dân và các lực lượng vũ trang có đơn vị 339 làm nòng cốt đã tiến hành vây các đồn Eo Reo, Eo Chim, đồng thời chuẩn bị đánh quân tiếp viện. Hàng nghìn nhân dân được trang bị bằng vũ khí tự tạo, bí mật bao vây đồn trong đêm 29.8, dự định đến sáng hôm sau sẽ nổ súng cướp đồn. Nhưng kế hoạch đã không thực hiện như ý định, đồn Eo Reo, do bị lô địch bắn ra làm một số người bị thương. Nhân dân lập tức đốt đuốc, nổi chiêng trống, lực lượng vũ trang nổ súng đánh trả, vòng vây càng siết chặt lấy đồn địch. Địch hoang mang mở đường máu tháo chạy. Nhân dân cùng lực lượng vũ trang tràn vào đồn tổ chức truy kích. Địch tháo chạy về Eo Chim, nhưng chúng đã bị lực lượng ta chặn đánh giết chết và làm bị thương nhiều tên địch. Số còn lại tháo chạy về đồn Tà Lạt. Tàn quân địch phải tháo chạy về quận ly Trà Bồng. Ở đồn Eo Chim binh lính địch, số đông là đám tay sai của hai tên là Đinh Ngô và Đinh Ênh đã ngoan cố chống lại lực lượng cách mạng. Trận chiến đấu ở đây diễn ra gay go và quyết liệt. Tại đây địch dựa vào công sự, cố kéo dài cuộc chiến đấu để chờ quân tiếp viện. Quân khởi nghĩa một mặt siết chặt vòng vây mặt khác phải phá nguồn nước uống, tắm thuốc độc, và dùng thân cây chuối làm công sự lưu động tiến sát vào đồn bắn tỉa địch.

Từ ngày 30.8, một đại đội địch từ quận ly kéo lên đòn phá vây cho đồn Eo Chim. Lực lượng vũ trang ta vừa củng cố vòng

vây, vừa tổ chức đánh quân tiếp viện. Ngay trận đầu địch đã bị giết 9 tên. Quân địch hốt hoảng rút lui. Nhân dân thắng lợi đó nhân dân cùng lực lượng vũ trang hò reo bao vây đồn, áp đảo tinh thần địch. Trước khí thế chiến thắng của lực lượng vũ trang khởi nghĩa, trưa ngày 31.8 địch mở đường tháo chạy lên Trà Bồng. Trên đường rút chạy, vấp phải trận địa chông thò quá dày không thể vượt qua được, chúng liều chết trở về Eo Chim. Nhưng đồn Eo Chim ta đã chiếm giữ. Quân địch lại tiếp tục tháo chạy. Mãi đến ngày 01.9 tàn quân địch còn lại tháo chạy về quận lỵ. Như vậy hang ổ cuối cùng ở vùng cao Trà Bồng đã bị quét sạch.

Trước tình thế nguy khốn ấy Quận trưởng, Quận phó Trà Bồng và đồng bọn đã tháo chạy về tỉnh lỵ. Quân ngụy trong đồn chỉ lo cố thủ chờ quân ứng cứu. Các lực lượng vũ trang siết chặt vòng vây và hỗ trợ các xã người Kinh nổi dậy phá ách kiềm kẹp của Mỹ - Diệm. Quận lỵ Trà Bồng đã bỏ ngỏ từ ngày 01.9 đến 5.9. Nhân dân tranh thủ cơ hội chuyển hàng hóa, lương thực, nông cụ lên ủng hộ các xã vùng cao.

Liên tục 3 ngày đêm, nhân dân Trà Bồng cùng lực lượng vũ trang đã đập tan bộ máy ngụy quyền trong thôn xã quét sạch các đồn bốt địch (trừ quận lỵ) giết chết 165 tên địch và làm bị thương hàng trăm tên khác, thiết lập chính quyền cách mạng thôn xã.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng đã nhanh chóng lan rộng sang các huyện khác thuộc miền Tây Quảng Ngãi và giành thắng lợi.

Có thể nói dẫu phải chịu đựng muôn vàn khó khăn trong hoàn cảnh địch bao vây tứ phía, trong một địa bàn không rộng, nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi vẫn huy động tất cả trí tuệ, sức lực vào cuộc chiến đấu hoàn toàn không cân sức để đảm bảo chiến thắng. Địch có quân đông, vũ khí tối tân, có

máy bay, đại bác hỗ trợ nhưng khi tiến đến Trà Bồng chúng đã vấp phải sự chống cự quyết liệt và dần dần mất hết uy thế, mất hết tinh thần. Trong cuộc chiến tranh cực kỳ gay go và gian khổ, nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi lợi dụng địa thế thuận lợi của núi rừng, dựa vào vũ khí thô sơ, bám đánh địch liên tục, giữ vững vùng mới giải phóng.

Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi buổi đầu chỉ như ngọn lửa nhỏ đã nhanh chóng thổi bùng lên thành đám cháy lớn, liên tục quật bão lửa vào quân thù. Căn cứ địa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã có vai trò hết sức lớn lao trong công cuộc chiến đấu chống Mỹ cứu nước của nhân dân Quảng Ngãi, của Khu V và của nhân dân cả miền Nam. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi cùng sự phát triển nhanh chóng đã có sức động viên lớn, khích lệ nhân dân miền Nam vùng lân cận từng bước đánh thắng quân thù.

Từ cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi chúng ta có thể rút ra những bài học lịch sử quan trọng:

**Một là: Phải nắm chắc các quan điểm của Đảng, căn cứ sự phát triển của tình hình, chủ động sáng tạo vận dụng linh hoạt phù hợp với sự phát triển của cuộc đấu tranh, tích cực, chủ động chuẩn bị mọi mặt để đưa cách mạng tiến lên trong mọi tình huống.**

- Quảng Ngãi là một trong những tỉnh bị địch chọn làm trọng điểm thực hiện chính sách “tố cộng, diệt cộng” bị địch đánh phá ác liệt, lực lượng tổn thất, một số nơi gặp khó khăn. Tuy nhiên phong trào cách mạng trong toàn tỉnh vẫn được duy trì và khi có Nghị quyết 15 của Trung ương đã nhanh chóng phát triển và sớm tiến hành khởi nghĩa từng phần. Khởi nghĩa từng phần nhanh chóng phát triển thành chiến tranh du kích cục bộ

với những bước tiến vững chắc. Nguyên nhân dẫn đến thắng lợi đó là:

\* *Sớm chuẩn bị cho cuộc chiến tranh cách mạng lâu dài và toàn diện*

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, địch đã huy động lực lượng lớn mở cuộc hành quân đòn áp, đồng thời tổ chức bao vây cắt đứt mọi nguồn tiếp tế từ đồng bằng lên - Ta lập tức triển khai lực lượng đánh trả - Cuộc chiến đấu anh dũng của các đơn vị tập trung, dân quân du kích, thanh niên và nhân dân tự vệ vũ trang kết hợp với hệ thống bố phòng tổ chức sẵn đã buộc cả một lực lượng lớn địch không thể đánh sâu vào các căn cứ, không dám lùng sục sâu vào nương rẫy - Chiến tranh du kích cục bộ thật sự diễn ra. Do bị thương vong mệt mỏi nên sau một tháng đánh phá không kết quả, quân địch buộc phải rút lui, thành quả của khởi nghĩa từng phần được giữ vững, căn cứ rừng núi được mở rộng với 40 xã hoàn toàn giải phóng tạo nên thế đứng vững chắc cho phong trào cách mạng toàn tỉnh.

Vừa mới khởi nghĩa từng phần đã có thể chuyển sang chiến tranh du kích cục bộ và tiến hành chiến tranh du kích cục bộ thắng lợi, bảo vệ được thành quả khởi nghĩa từng phần, tiếp tục đưa cuộc đấu tranh phát triển trước thế áp đảo cả về quân số, vũ khí trang bị là của địch là một thành công lớn trong chỉ đạo.

\* *Qui luật của cách mạng, là đấu tranh chính trị tiến lên đấu tranh vũ trang - Khởi nghĩa từng phần gắn với chiến tranh du kích cục bộ*

Nắm vững qui luật đó trong quá trình vận động chính trị ta đã sớm chuẩn bị cho những bước tiếp theo, sớm chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh. Công tác chuẩn bị được thể hiện:

- Dựa vào thế núi rừng hiểm trở, phong tục tập quán và truyền thống đấu tranh của nhân dân từng bước tiến hành xây dựng căn cứ địa. Một năm trước khi nổ ra khởi nghĩa từng phần đã hình thành được một số khu căn cứ vững chắc, có chính quyền tự quản của nhân dân. Trong các vùng làm chủ này, lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và bán vũ trang, cơ sở sản xuất được xây dựng.

- Song song với việc xây dựng cơ sở chính trị, lực lượng chính trị, ta đã sớm từng bước xây dựng các lực lượng vũ trang, lúc đầu là các tổ chức biến tướng như các đội Tuần Sương, hội săn bắn, hội “những người kháng chiến cũ”, nhóm “trả đầu”, nhóm bảo vệ dân tộc, giữ thế hợp pháp để che mắt địch. Tuy địch biết, có cẩm đoán nhưng trước sự khôn khéo này của ta, chúng không thể thẳng tay đàn áp. Khi phong trào phát triển mạnh, nếu chỉ với các tổ chức biến tướng thì không thể phát triển nhanh được lực lượng, lãnh đạo tỉnh, huyện đã kịp thời nắm chắc số thanh niên thoát ly ra rừng, thông qua các trại bí mật tập trung giáo dục và tổ chức lực lượng thanh niên thoát ly thành lực lượng lớn vũ trang. Chính lực lượng thanh niên này đã hăng hái đi đầu trong khởi nghĩa từng phần và là lực lượng nòng cốt trong chống địch càn quét. Ta rút lực lượng tổ chức các đội vũ trang tập trung, vì vậy khi khởi nghĩa từng phần thắng lợi, khi đã có lực lượng tập trung của tỉnh, huyện và dân quân du kích xã. Lực lượng này là nòng cốt cho phong trào nhân dân các dân tộc miền núi tự vũ trang đánh địch.

Từ chỗ hướng dẫn cho nhân dân bố phòng không cho địch tự do lùng sục vào các buôn, nóc, nương rẫy đã tiến đến chỗ tổ chức được những tuyến bố phòng nhiều tầng nhiều lớp khá chặt chẽ, nhất là những nơi xung yếu, ở những vùng căn cứ quan

trọng. Thông qua hình thức bố phòng này, thế trận làng xã chiến đấu vững từng bước được xây dựng.

**Hai là: Xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang vững mạnh, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng trong từng giai đoạn là nhân tố quan trọng cho khởi nghĩa giành thắng lợi.**

Trên cơ sở phong trào quần chúng rộng rãi, chiến tranh du kích ở Quảng Ngãi hình thành từ khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây của tỉnh. Trải qua đấu tranh lâu dài, gian khổ, quyết liệt tuy cũng có lúc gặp khó khăn, nhưng lực lượng vũ trang đã đứng vững, phát triển theo kịp yêu cầu chiến đấu, luôn tạo ra được cao trào tiến công và nổi dậy diệt địch ở các điểm nút của từng giai đoạn chiến lược. Một trong những nguyên nhân thành công này là do các cấp lãnh đạo đã chú trọng trong chỉ đạo xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang.

- Nắm vững và làm thật tốt việc xây dựng lực lượng chính trị ở cơ sở là khâu cơ bản - Lực lượng chính trị là lực lượng cơ bản để đấu tranh chính trị, khởi nghĩa vũ trang và tiến hành chiến tranh du kích, là cơ sở để xây dựng lực lượng vũ trang. Không có lực lượng chính trị thì chiến tranh du kích cũng không tồn tại và phát triển, đồng đảo quần chúng nhân dân đứng lên đánh giặc cứu nước dưới sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng ở cơ sở là vấn đề cơ bản then chốt của chiến tranh du kích.

- Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi thành công giữ vững được thành quả mặc dù lúc đó lực lượng vũ trang của tỉnh đã hình thành nhưng còn nhỏ bé. Đến lúc địch tập trung lực lượng đàn áp, chính đồng đảo quần chúng nhân dân tự vũ trang nổi dậy, tự vũ trang đánh địch dưới sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng ở cơ sở là nhân tố quyết định thắng lợi.

Lực lượng chính trị đồng đảo là nhân tố quyết định thắng lợi của chiến tranh. Nhưng để có lực lượng chính trị đồng đảo trước hết đường lối và phương pháp cách mạng phải được thẩm sâu vào trong quần chúng thông qua các tổ chức Đảng, nhất là các Đảng bộ cơ sở - Đảng bám rễ chặt trong quần chúng nhân dân, giáo dục tổ chức nhân dân, đấu tranh từ thấp đến cao là bí quyết giành thắng lợi, trong cuộc đấu tranh chống khủng bố, chống “tổ cộng”, “diệt cộng” diễn ra vô cùng quyết liệt phức tạp với nhiều bước quanh co, có thành công và có thất bại. Nguyên nhân có nhiều, nhưng trước hết là:

+ Đảng phải bám sát dân, cán bộ lãnh đạo các cấp và đảng viên sống với dân để lãnh đạo và cùng với nhân dân đấu tranh chống địch. Đảng bám dân, dân bám đất, du kích và bộ đội bám địch là một bài học quý, một bí quyết giành thắng lợi của cách mạng, nó thể hiện quan điểm của Đảng, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng - Nhưng sự nghiệp đó có thể thành công khi có Đảng là người lãnh đạo, tổ chức và đội ngũ đảng viên là người gương mẫu đi đầu trọng hoạt động.

Từ thực tiễn đấu tranh bám sát dân là cán bộ đảng viên phải có mặt ở những nơi cuộc chiến đấu đang diễn ra ác liệt nhất, ở những nơi đang bị đánh phá kìm kẹp, ngặt nghèo nhất, ở những nơi mà địch đang đàm áp khủng bố dữ dội nhất. Từ kinh nghiệm này khi quân Mỹ mới đổ bộ vào. Tỉnh đã nhanh chóng tiếp tục chỉ đạo thực hiện chủ trương 3 bám (Đảng bám dân, dân bám đất, du kích bộ đội bám địch). Rõ ràng là chỉ cần có cán bộ đảng viên bám vào dân, mạnh dạn vận động, giáo dục, phát động và tổ chức cho nhân dân đấu tranh chống địch thì địch đánh phá khủng bố ác liệt đến đâu, cơ sở chính trị, lực lượng chính trị vẫn tồn tại và phát triển.

+ Không ngừng giáo dục nâng cao ý chí chiến đấu, củng cố và giữ vững quyết tâm chiến đấu.

Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt, diễn biến tư tưởng của quần chúng nhân dân cũng vô cùng phức tạp. Việc giáo dục, phát động tư tưởng quần chúng nhân dân phải làm thường xuyên liên tục thông qua các sinh hoạt thường xuyên nhằm nâng cao tinh thần yêu nước, lòng tự hào về truyền thống đấu tranh cách mạng của dân tộc, của quê hương, vạch rõ âm mưu, bản chất tội ác, chỗ mạnh chỗ yếu, thủ đoạn đánh phá của địch. Trong việc xây dựng và giữ vững khối đoàn kết các dân tộc, nhất là trong cuộc đấu tranh làm thất bại âm mưu lợi dụng một số phần tử phản động ở miền núi để chia rẽ và đánh phá căn cứ cách mạng, lãnh đạo của tỉnh và các huyện đã luôn kết hợp chặt chẽ giữa tư tưởng và tổ chức. Đi đôi với việc kiên trì giáo dục thuyết phục, vạch trần âm mưu thủ đoạn, luận điệu lừa bịp xảo quyệt của địch trong âm mưu chia rẽ dân tộc... nhờ đó ta phá được âm mưu thâm độc của địch, đã tập hợp được lực lượng dưới ngọn cờ chống Mỹ - ngụy, bảo vệ buôn làng, xây dựng và ngày càng củng cố khối đoàn kết các dân tộc.

Trong quá trình phát động tư tưởng xây dựng lực lượng chính trị phải thường xuyên quan tâm giải quyết đời sống vật chất, tinh thần cho quần chúng. Trong thực tế đã có lực lượng vũ trang, đã diệt đồn phá ấp nhưng quần chúng vẫn không nỗi dậy trở về làng cũ vì những điều kiện tối cần thiết của đời sống vật chất không đảm bảo.

- Về xây dựng lực lượng vũ trang trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, lực lượng vũ trang Quảng Ngãi được xây dựng và phát triển theo từng giai đoạn.

Từ cuối năm 1956 lực lượng vũ trang Quảng Ngãi đã được xây dựng với các tổ chức biến tướng, Đội Tuần sương, Hội Săn

bắn, nhóm giữ rẫy, nhóm "trả đầu". Tiếp theo từ phong trào đấu tranh của quần chúng lần lượt xuất hiện "Hội người kháng chiến cũ" và các "trại bí mật" với các nhóm thanh niên vũ trang. Trong cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, tỉnh đã có 3 đại đội tập trung (trong thực tế mỗi đơn vị chỉ có từ 35 - 40 cán bộ chiến sĩ) tuy lực lượng còn nhỏ nhưng đã phát huy được vai trò nòng cốt trong khởi nghĩa vũ trang, trong chống địch càn quét, góp phần cùng nhân dân giữ vững và mở rộng căn cứ địa miền núi.

Như vậy, sau 14 năm kể từ mùa Xuân năm 1945 với sự ra đời của Đội du kích Ba Tơ trong kháng chiến chống thực dân Pháp đến mùa Xuân năm 1959, đơn vị vũ trang đầu tiên trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước được thành lập lấy tên là đơn vị 339 và tiếp theo sau là đơn vị 89 và 299 cũng được thành lập trong năm 1959.

Được thành lập trong một thời điểm hết sức khó khăn, tất cả chỉ dựa vào dân, song nhờ nhiệt tình cách mạng, bầu nhiệt huyết của tuổi trẻ, niềm tin vào Đảng, vào thắng lợi trong tương lai, đơn vị 339 sau khi được thành lập đã vừa huấn luyện vừa sản xuất tự túc, sẵn sàng chiến đấu chặn đánh nhiều trận càn quét của địch vùng căn cứ, đóng góp một phần quan trọng trong cuộc khởi nghĩa Trà Bồng cùng du kích bảo vệ tốt thành quả cuộc khởi nghĩa. Người dân Trà Bồng và các huyện miền Tây Quảng Ngãi rất đỗi tự hào về các đơn vị 339, 89, 299. Các chiến sĩ cũng rất gắn bó và biết ơn nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã dùm bọc che chở, nuôi nấng họ trong những năm đen tối nhất. Song cái mà cho đến bây giờ và cả thế hệ ngày mai không thể quên đó là từ những lúc khó khăn ác liệt nhất của cuộc đấu tranh chống Mỹ, Đảng bộ Quảng Ngãi đã hình thành được tư tưởng chỉ đạo, một suy nghĩ phù hợp thực tế khách quan của cuộc cách

mạng miền Nam là: Nếu không có vũ trang hỗ trợ thì nhất định cách mạng không thể giành thắng lợi. Do vậy, vượt qua mọi khó khăn trở ngại, khi có Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng khóa II là tiến hành xây dựng ngay lực lượng vũ trang - có lực lượng vũ trang đã tạo động lực rất mạnh để đưa phong trào lên và sau đó là tiến hành cuộc khởi nghĩa vũ trang rộng lớn trước khi có phong trào đồng khởi ở miền Nam “*Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi*”. Đây là sự kiện nổi bật trong bối cảnh chung của phong trào cách mạng miền Nam dưới ánh sáng đường lối chung của Đảng.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi nổ ra sau một quá trình đấu tranh chính trị quyết liệt và tích lũy lực lượng. Đó là cả một quá trình xây dựng niềm tin tuyệt đối của nhân dân các dân tộc để có sự nhất loạt nổi dậy cùng với lực lượng vũ trang bao vây tiến công các đồn bốt của địch.

Cho nên có thể nói khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là kết quả tất yếu của một quá trình liên tục tiến công địch trên cả ba mặt Quân sự, Chính trị, Bình vận kết hợp giữa tiến công và nổi dậy giành chính quyền làm chủ, đem lại nhiều kinh nghiệm cho phong trào cách mạng miền Nam.

# VAI TRÒ CỦA BA ĐƠN VỊ VŨ TRANG TRONG CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BÔNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI

VŨ TÙNG VI\*

Nhân dân Quảng Ngãi vốn có truyền thống cách mạng ngoan cường, chống áp bức bất công. Ngay từ khi ra đời (3.1930), Đảng bộ Quảng Ngãi đã lãnh đạo nhân dân liên tục nổi dậy đấu tranh chống áp bức dã man của bọn thực dân phong kiến. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, đứng đầu là đồng chí Bí thư Nguyễn Nghiêm, nhiều cuộc biểu tình đã diễn ra khắp các huyện đòi dân sinh, dân chủ, chống sưu cao, thuế nặng... tiêu biểu nhất là cuộc biểu tình của 5.000 nông dân huyện Đức Phổ với hàng ngũ chỉnh tề, rầm rộ xông vào huyện đường, đốt giấy tờ, công văn, thu ấn tín, thả tù nhân... Tên tri huyện Phan Lang và bọn tay sai đều chạy trốn.

Từ những ngày đầu, quan điểm bạo lực cách mạng đã được Đảng bộ quán triệt, ta đã tìm diệt tên Lý trưởng Lộ Bàn thuộc xã Phổ Ninh và Xã Huề thuộc xã Phổ Văn. Phong trào cách mạng từ đây phát triển mạnh, tác động đến nhiều địa phương trong tỉnh và các tỉnh lân cận, cho dù địch khủng bố hết sức ác liệt. Nhân dân các huyện Mộ Đức, Sơn Tịnh, Bình Sơn cuối năm 1930 đầu năm 1931 đã tổ chức nhiều cuộc biểu tình có hàng ngàn người tham gia, cùng chia lửa với Xô viết Nghệ Tĩnh, làm cho địch hoang mang, lúng túng.

---

\* Nhà báo, Phó ban Liên lạc 3 đơn vị 339 - 89 - 299.

Cũng từ những năm tháng đen tối, xa sự chỉ đạo của Trung ương nhưng những người cộng sản ở Cảng an trí Ba Tơ đã vận dụng linh hoạt Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 8 (5.1941), chớp thời cơ làm nên cuộc khởi nghĩa Ba Tơ ngày 11.3.1945, thành lập Đội du kích Ba Tơ, đập tan bộ máy ngụy quyền, xây dựng chính quyền cách mạng. Đội du kích Ba Tơ trở thành lực lượng nòng cốt hỗ trợ cho phong trào quần chúng tiến hành cuộc khởi nghĩa tháng 8.1945 ở Quảng Ngãi là hạt nhân của lực lượng vũ trang Liên khu V trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Sau ngày toàn quốc kháng chiến, hàng vạn thanh niên trong tỉnh đã tham gia vào lực lượng vũ trang và có mặt khắp các chiến trường trong Khu, cực Nam Trung Bộ, Bình Trị Thiên và nhiều nơi khác. Lực lượng địa phương trong tỉnh đã cùng du kích đánh bại nhiều cuộc càn quét, đánh phá của địch, bảo vệ vững chắc vùng tự do.

Sau Hiệp định Giơnevơ, Mỹ - ngụy diên cuồng đàn áp dã man nhằm trả thù những người kháng chiến cũ. Bọn phản động đội lốt tôn giáo, bọn bất mãn, lưu manh câu kết đánh phá phong trào cách mạng, hàng trăm người bị chúng bắn giết, hàng vạn người bị bắt bớ, đánh đập, tù đày. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, nhân dân Quảng Ngãi vẫn giữ vững truyền thống cách mạng, luôn tin Đảng, Bác Hồ, tin ở thắng lợi cuối cùng đã liên tục đấu tranh đòi dân chủ, chống tổ cộng, diệt cộng, chống di dân, bắt lính... Bên cạnh các cuộc đấu tranh chính trị, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi vẫn duy trì hoạt động vũ trang ở Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ lấy danh nghĩa các cá nhân đòi nợ máu cho người thân bị Mỹ - Diệm sát hại, đã liên tục đánh địch, diệt bọn ác ôn đầu sỏ. Các hoạt động này đã hạn chế sự hung hăng, tàn bạo của địch, củng cố, động viên tinh thần cách mạng cho quần chúng. Cũng từ những hoạt động vũ trang nhỏ lẻ này, Tỉnh

Ủy Quảng Ngãi đã đúc kết nơi nào tạo được thế đưa mũi vũ trang hoạt động thì nơi đó phong trào cách mạng quần chúng phát triển mạnh và cũng từ đó quan điểm kiên trì đường lối vũ trang của Đảng bộ Quảng Ngãi càng thêm củng cố. Quan điểm đó tiếp thêm sức mạnh khi nhận được tài liệu “Bàn về cách mạng miền Nam” của đồng chí Lê Duẩn. Đây là cơ sở để Tỉnh ủy khẳng định lại quan điểm bạo lực vũ trang của mình đã nung nấu từ nhiều năm qua và đi đến quyết định: Chuẩn bị điều kiện để thành lập lực lượng vũ trang khi có thời cơ.

Mọi công tác chuẩn bị cho việc thành lập lực lượng vũ trang như: dự trữ lương thực, muối, nông cụ, thuốc men... được tiến hành, vũ khí thì tìm nơi chôn cất trước khi đi tập kết cùng với súng lấy được của địch để trang bị. Nhiều lần trực tiếp xin ý kiến của thường vụ Liên khu ủy, cho mãi đến đầu năm 1959, khi có Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 15 khóa II, Liên khu ủy mới cho phép. Ngày 3.3.1959, đơn vị vũ trang đầu tiên trong chống Mỹ ở Quảng Ngãi ra đời lấy tên là 339, đứng chân ở huyện Trà Bồng. Không dừng ở đó, Tỉnh ủy Quảng Ngãi lại tiếp tục chỉ đạo chuẩn bị tiến hành thành lập hai đơn vị nữa. Đó là đơn vị 89 vào ngày 19.8.1959 và đơn vị 299 vào ngày 2.9.1959, đơn vị 89 đứng chân ở huyện Sơn Hà, 299 đứng chân ở hai huyện Ba Tơ và Minh Long.

Như vậy là đến đầu tháng 9.1959, tỉnh Quảng Ngãi có 3 đơn vị vũ trang tập trung ở ba vùng chiến lược quan trọng của tỉnh, quân số ở mỗi đơn vị khi thành lập từ 35 đến 40 người, trong đó có 1/3 là thanh niên người Kinh, còn lại là thanh niên các dân tộc trong tỉnh.

Việc rút thanh niên Kinh từ đồng bằng lên cũng là một quá trình chuẩn bị công phu, từ năm 1957 - 1958, rải rác đã có một

số ít thanh niên ở các huyện: Đức Phổ, Bình Sơn, Sơn Tịnh thoát ly gia đình lên căn cứ. Từ đầu năm 1959 trở đi việc rút thanh niên là cơ sở cách mạng, đảng viên, đoàn viên đa phần có học thức, lần lượt thoát ly để tham gia vào lực lượng vũ trang, việc làm này có chọn lọc, ai đi trước, ai cần phải ở lại hoặc đi sau để giữ phong trào đều được tính toán kỹ. Việc rút thanh niên lên căn cứ tạo sự phấn khởi, tin tưởng trong nhân dân, vì ai cũng hiểu thanh niên lên căn cứ là để xây dựng lực lượng vũ trang, cách mạng đang ngày càng phát triển mạnh, nhất định sẽ giành thắng lợi. Hàng loạt thanh niên lên đường cũng làm kẻ địch hoang mang tìm cách ngăn chặn, đối phó. Lớp thanh niên đi trước, tuy cuộc sống rất vất vả nhưng để lại đằng sau họ là sự náo nức của nhiều thanh niên khác và lòng tin của quần chúng đối với cách mạng.

Ba đơn vị vũ trang 339, 89, 299 ra đời trong điều kiện khó khăn, quân số ngày càng phát triển đồng nghĩa với nguồn dự trữ lương thực, các nhu yếu phẩm cần thiết trước đây ngày càng ít dần. Tất cả đều phải dựa vào dân vùng căn cứ và sản xuất tự túc để có lương thực, thực phẩm đảm bảo cuộc sống. Thiếu lương thực, muối, thuốc men, quân trang là chuyện bình thường của chiến sĩ các đơn vị nhưng tất cả đều an tâm, phấn khởi vượt qua vì đa phần đều có niềm tin vào con đường họ đã chọn cộng với sự giáo dục của Đảng tại các đơn vị.

Đơn vị 339 sau khi thành lập tiếp tục bổ sung quân số, ngoài việc huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật, còn sản xuất, học sử dụng vũ khí tự tạo như: hầm chông, bẫy đá, bẫy chông, mang cung (là cái bẫy giết thú rừng rất nguy hiểm). Các đơn vị khác cũng được huấn luyện như thế.

Ở Quảng Ngãi, huyện Trà Bồng là nơi địch chọn làm thí điểm cho cuộc bầu cử Quốc hội. Tháng 8.1959, được sự chỉ đạo

của Tỉnh ủy, Huyện ủy Trà Bồng và các huyện miền Tây Quảng Ngãi chuẩn bị cho việc chống phá bầu cử Quốc hội bù nhìn Mỹ - Diệm. Nhân dân các buôn, làng được học tập, phổ biến không đi bỏ phiếu, địch lừa bắt thì lẩn tránh vào nương rẫy, cắm chông, thò, bit một số lối đi dưới dạng chống thú rừng phá hoa màu, nhằm hạn chế việc địch càn quét gom dân đi bỏ phiếu.

Tối ngày 27.8.1959, hơn một tiểu đội của đơn vị 339 đã chia làm 3 mũi tập kích vào điểm đóng quân của địch ở Làng Ngãi, nơi có gần một trung đội lính địa phương chốt dã chiến nhằm gom dân và bảo vệ cuộc bầu cử của chúng. Chủ trương của ta đánh điểm Làng Ngãi để hỗ trợ cho nhân dân chống cuộc bầu cử bù nhìn. Sau 30 phút chiến đấu, toàn bộ địch nơi đây đã bỏ chạy, ta diệt một số tên. Sáng ngày 28.8.1959, khi hay tin địch bắn chết một thanh niên ở xã Trà Phong và tin đồn Làng Ngãi đã bị quân cách mạng tiêu diệt cũng là lúc nhân dân hầu khắp các xã, huyện Trà Bồng đã đánh trống, đốt đuốc, đốt lửa la hét vang khắp rừng. Nhân dân đã nổi dậy chống bầu cử, nổ súng đánh địch, diệt ác ôn, phá tan bộ máy kìm kẹp của địch, xây dựng chính quyền cách mạng. Trước khí thế sục sôi của quần chúng, bọn ngụy quân, ngụy quyền nhiều nơi đã chạy trốn bị ta bao vây, gọi hàng, bắt sống. Đơn vị 339 cùng du kích tiếp tục triển khai đánh địch bằng súng, bằng vũ khí tự tạo. Dịch ở cứ điểm Đá Líp, Tà Lạt hoảng sợ bỏ cả đồn và thùng phiếu chạy về quận ly, bộ máy kìm kẹp ở cơ sở bị đập tan, cuộc bầu cử thất bại. Dịch tiếp tục rút bỏ 2 cứ điểm Tầm Rung, Nước Vọt, ta bao vây cứ điểm Eo Chiêm, Eo Reo bằng việc cắt đứt đường tiếp tế, bắn tên thuốc độc cắt nguồn nước uống. Ngày 30 tháng 8, chúng đưa một đại đội từ quận ly Trà Bồng lên giải vây cho đồn Eo Reo, lực lượng 339 và du kích chặn đánh diệt 9 tên, thu 6 súng, ta tiếp tục bao vây, gọi hàng đến trưa 31 tháng 8 thì chúng rút

chạy. Trước khí thế cách mạng của nhân dân, tên Quận trưởng Trà Bồng chạy trốn về tỉnh lỵ Quảng Ngãi, bộ máy kìm kẹp quận Trà Bồng hoàn toàn bị tê liệt, chính quyền cách mạng được thành lập gần hầu hết các xã trong huyện. Cùng với Trà Bồng, nhân dân nhiều xã thuộc huyện Ba Tơ, Minh Long, Sơn Tây, Sơn Hà cũng nổi dậy chống bầu cử, bố phòng chống địch, diệt bọn ác ôn, xây dựng chính quyền cách mạng.

Địch điên cuồng phản ứng, tiến hành nhiều cuộc đánh phá, càn quét hầu hết các huyện miền núi, nhằm khôi phục lại bộ máy kìm kẹp, kiểm soát lại quần chúng. Đơn vị 339 lại được phân tán thành nhiều tổ xuống các xã cùng với du kích, hướng dẫn nhân dân bố phòng, bit các lối đi, xây dựng các trận địa để đánh địch bằng vũ khí thô sơ và chất nổ.

Từ ngày 28.8 đến ngày 5.9.1959 là những ngày sôi động nhất, hùng hực khí thế cách mạng của nhân dân Trà Bồng và các huyện miền núi. Người già, trẻ con, tài sản thì đưa vào núi; người khỏe mạnh và thanh niên nam, nữ thì tham gia truy lùng bọn ngụy quân, ngụy quyền, bố phòng, sản xuất phục vụ cho chiến đấu. Có ở trong cuộc mới thấy hết cái náo nức của quần chúng, xuất phát từ lòng căm thù địch, từ mong ước giải phóng đất nước, quê hương bằng con đường bạo lực cách mạng. Đây là cuộc đồng khởi của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc đồng khởi không chỉ bó hẹp ở một làng, một xã mà từ một huyện lan ra hết các huyện miền núi ở tỉnh Quảng Ngãi lúc bấy giờ. Trong tác phẩm: “Hai cuộc chiến tranh Việt Nam từ Valuy đến Óetmolen” tác giả người Mỹ G.Sáppha viết: “...Mọi việc bắt đầu từ tháng 8 năm 1959 tại tỉnh Quảng Ngãi. Dân tộc Cor chính là những người đứng lên làm loạn, họ đã san bằng một đồn binh Quốc gia tại huyện Trà Bồng và cướp đoạt 54 súng. Sức sôi trược tấm gương của dân tộc Cor, các bộ lạc lân cận đã

liên kết với những người khởi nghĩa, một cuộc chiến tranh du kích đã thực sự diễn ra. Tin vụ biến động tại Quảng Ngãi đã truyền đến Nam Kỳ, hành vi chống đối vũ trang đầu tiên này đã có tác dụng và được coi như là một khích lệ". Đó là thông tin từ phía bên kia, Mỹ - ngụy đã cho đây là cuộc khởi nghĩa từ dân tộc Cor ở Trà Bồng lan sang các huyện khác, là một cuộc chiến tranh du kích, một hành vi chống đối vũ trang đầu tiên ở miền Nam, từ Quảng Ngãi truyền đến Nam Bộ,... những đánh giá ngắn ngủi này cũng đã nói lên sự thật, nội dung, ý nghĩa cuộc nổi dậy của nhân dân huyện Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi 45 năm trước đây.

Từ tháng 9.1959 trở đi, địch tập trung quân, liên tục tổ chức nhiều cuộc càn quét hòng chiếm lại vùng đã mất, dựng lại bộ máy kìm kẹp ở cơ sở. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, các đơn vị, địa phương đã vận động quần chúng kiên quyết chống địch, ba đơn vị vũ trang vừa khẩn trương huấn luyện vừa phối hợp với các xã bố phòng, bám đánh địch không cho chúng thọc sâu vào vùng hậu cứ của ta, giữ dân, giữ phong trào, cũng từ đây, thế trận nhân dân du kích chiến tranh đã hình thành. Lúc này, một số cán bộ quân sự đi tập kết đã lần lượt trở về miền Nam để bổ sung cho các đơn vị.

Ngày 7.9.1959, một lực lượng lớn của sư đoàn 22 ngụy tràn vào Trà Bồng và Khu VII (nay là huyện Sơn Tây) nhằm tiêu diệt lực lượng khởi nghĩa vũ trang nhưng đã bị lực lượng 339 - 89 cùng du kích chặn đánh, chúng buộc phải quay về chiếm lại các đồn cũ như: Eo Chiêm, Eo Reo, Đá Líp, Tà Lạt, Làng Ngãi, lực lượng vũ trang, bán vũ trang liên tục bao vây, bắn tỉa, chặn nguồn tiếp tế, bố phòng, địch bước ra khỏi đồn là bị chặn đánh, và cuối cùng địch không giữ nổi đành phải rút bỏ toàn bộ các điểm, ta thu hồi lại vùng đất bị lấn chiếm.

Ở Sơn Hà, ngày 2.9.1959, địch dùng một đại đội càn lên xóm anh Thiết lọt vào trận địa bốc phồng chết và bị thương một số tên, chúng rút về chi khu Sơn Hà. Để trả thù, ngày 5.9, chúng lại huy động lực lượng lớn tiếp tục càn quét, do nhận định chính xác, đơn vị 89 cùng với du kích bốc trí các nơi xung yếu chặn đánh liên tục ở nhiều nơi buộc chúng phải rút. Khu VII tráng địch, như vậy Khu VII sau là huyện Sơn Tây đã hoàn toàn giải phóng, là huyện giải phóng sớm nhất ở Quảng Ngãi từ ngày 5.9.1959 căn cứ phía tây của tỉnh được hình thành, nối liền căn cứ các huyện miền Tây Quảng Ngãi và phía đông tỉnh Kon Tum. Đơn vị 89 lúc tập trung, lúc phân tán đã liên tục chặn đánh nhiều trận càn của địch vào các xã Sơn Dung, Sơn Long, Sơn Mẫu, Sơn Bao, góp phần bảo vệ vùng mới giải phóng và căn cứ địa, thọc xuống Sơn Hà hoạt động hỗ trợ cho phong trào chính trị của quần chúng.

Ở Ba Tơ, Minh Long, đơn vị 299 sau thời gian ngắn huấn luyện, được Chỉ thị của Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức lực lượng chia thành 3 hướng: một hướng đi Minh Long đánh địch ở Long Thành, Long Mai, ép không cho chúng nống ra càn quét vùng căn cứ và giáp ranh, các xã Long Quang, Long An, Long Môn, nhân dân đã xóa bỏ ngụy quyền, các Ban tự quản thôn, xã được thiết lập.

Hướng thứ hai là Tây Ba Tơ (khu VI sau đổi tên là huyện Sông Hre), nhiệm vụ chủ yếu là đánh địch nống ra các xã căn cứ, cô địch vào dọc đường số 5 (nay là quốc lộ 24). Bộ đội đã cùng du kích các xã Ba Ngạt, Ba Tiêu, Ba Tô ngoài nhiệm vụ chống địch càn quét đã tập kích vào cứ điểm Violắc nằm án ngữ ngay tại đỉnh đèo giáp ranh hai tỉnh Quảng Ngãi - Kon Tum, trên trục đường quốc lộ 24 do một trung đội công binh chốt giữ,

làm nhiệm vụ khôi phục trực đường quốc lộ này phục vụ cho việc đánh phá nhân dân hai tỉnh Quảng Ngãi và Kon Tum.

Bị đánh bất ngờ, trên 30 tên đã đầu hàng, ta thu 2 súng Carbin, phá 1 xe GMC và một xe ủi đất. Trận đánh thắng lợi nhưng cái ý nghĩa lớn hơn là cũng từ đây, Mỹ - ngụy đã bỏ con đường chiến lược quan trọng mà thời Pháp đã tốn công xây. Bỏ con đường này, địch gặp nhiều khó khăn trong việc cơ động phục vụ cho càn quét, đánh phá vùng giáp ranh hai tỉnh. Vùng hậu cứ của ta được nối liền thành một mảng rộng lớn.

Một bộ phận hoạt động ở phía bắc Ba Tơ, đánh bọn lính bảo an ở xã Ba Gia, thu 7 súng, tập kích cơ quan Hội đồng xã Ba Sơn, Ba Lâm, giải phóng 30 tù chính trị bị địch bắt tuyên truyền chống cộng, phục kích bắn chết tên Trưởng ty Giao thông Công chánh Quảng Ngãi trên đường số 5, phá một xe Zeep...

Các hoạt động của 3 đơn vị vũ trang trong thời điểm này đều phục vụ cho việc đánh địch, bảo vệ vùng mới giải phóng, giữ vững thành quả của cuộc khởi nghĩa. Tin các huyện miền Tây nổi dậy, lực lượng cách mạng đã đánh diệt nhiều tên địch, đã bay xuống đồng bằng, vào thị trấn, thị xã, vượt qua ranh giới của tỉnh đến các tỉnh bạn và cả chính quyền Trung ương ngụy quyền Sài Gòn đã làm cho địch hoang mang, lo lắng, còn quân chúng thì nức lòng phấn khởi, hàng trăm thanh niên ở các huyện Đức Phổ, Bình Sơn, Sơn Tịnh kể cả số thanh niên đi làm ăn xa cũng về và náo nức xin thoát ly gia nhập lực lượng cách mạng. Nhiều nơi trước đó phong trào gặp khó khăn, do địch khủng bố, cơ sở bể vỡ nay cũng có điều kiện khôi phục lại.

Từ cuối năm 1959, ta đã hình thành một vùng giải phóng rộng lớn gồm hầu hết các huyện miền núi, từ xã Ba Lương huyện Ba Tơ giáp giới tỉnh Bình Định đến các xã Ba Trang, Ba

Khâm, Ba Liên huyện Ba Tơ giáp ranh huyện đồng bằng Đức Phổ, đến các xã vùng cao Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, toàn bộ Khu VII và đại bộ phận huyện Trà Bồng, hành lang của tỉnh kéo dài trên 40 xã từ Nam đến Bắc, tạo thế vững chắc để ta tiếp tục tấn công vào chi khu, quận lỵ miền núi và vùng giáp ranh đồng bằng, là chỗ dựa để phát triển lực lượng cách mạng, là hậu cứ của Quảng Ngãi cho đến ngày quê hương, đất nước được giải phóng.

Trong khi các đơn vị vũ trang hoạt động hỗ trợ cho cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi, gây được khí thế cho phong trào thì tháng 1.1960, các đơn vị được lệnh lui về phía sau để học tập Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng. Đồng chí cán bộ quân sự do tỉnh đưa về hướng dẫn học tập đã phê phán việc hoạt động vừa qua là “mạnh động” và không đúng với tinh thần Nghị quyết Trung ương mà hoạt động vũ trang chỉ với hình thức nhỏ lé, hỗ trợ cho phong trào chính trị của quần chúng khi thấy thật cần thiết?... các đơn vị cũng được lệnh cất giấu trung liên (nếu đã được trang bị), lo bổ sung quân số, huấn luyện và sản xuất tự túc. Sự thật này đã nói lên sự nhận thức và thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương lúc đó chưa phải đã nhất quán.

Khổ nhất của người lính là không được đi đánh giặc trong lúc này, cộng với gian khổ nén tư tưởng hoài nghi, dao động có xuất hiện song đơn vị đã kịp thời giáo dục, động viên, cộng với số thanh niên từ đồng bằng lên ngày một đông nên đã tạo được niềm tin. Nhiều rẫy mì, bắp, ruộng lúa của 339, 89, 299 mọc lên xanh tốt, đơn vị 299 vỡ lại toàn bộ số ruộng ở Gọi Lác mà dân đã bỏ hoang hàng chục năm về trước, nhiều dũng sĩ trong lao động sản xuất đã xuất hiện. Cùng với sản xuất, các đơn vị cũng đã phân công một bộ phận bám địch ở phía trước để nắm tình hình, chủ động đối phó kịp thời.

Tháng 6.1960, địch đưa một đại đội thuộc sư 25 Cộng hòa từ huyện Đức Phổ lên cùng với một đại đội từ Chi khu Minh Long sang càn quét vùng núi xã Ba Điền huyện Ba Tơ và xã Long Môn huyện Minh Long. Ý đồ của chúng là thọc sâu vào hậu cứ của ta để thăm dò và tiêu diệt lực lượng cách mạng. Trước tình hình đó, vấn đề đặt ra cho đơn vị 299 là đánh hay không đánh địch? Đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách phía nam tỉnh sau khi Ban chỉ huy 299 xin ý kiến đã cân nhắc; “nếu đánh thì có lộ lực lượng, vi phạm phương châm không?” Nhiều phương án đặt ra và cuối cùng đi đến quyết định phải đánh để bảo vệ khi chúng đi sâu vào núi, nhưng chỉ được sử dụng tiểu liên, súng trường và vũ khí thô sơ. Hai cánh quân của địch trong cuộc càn quét này đều bị quân ta đánh thiệt hại nặng, nhiều nhất là bị thương chông. Tên trung úy Tấn chỉ huy đại đội 4 Cộng hòa thuộc sư 25 đã bỏ mạng, cuộc càn quét thất bại.

Tháng 8.1960, do yêu cầu phát triển lực lượng từ 3 đơn vị 339, 89, 299, Tỉnh ủy chủ trương thành lập 3 đơn vị cấp đại đội là 607, 608, 609 phiên hiệu 3 đơn vị 339, 89, 299 đưa về cho các huyện Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ,... Ba đơn vị mới hầu hết là số cán bộ, chiến sĩ từ đồng bằng lên. Cũng trong thời gian này, trên 100 cán bộ, chiến sĩ 3 đơn vị đã được điều động tăng cường cho quân khu và các tỉnh Tây Nguyên.

Sau khi ổn định tổ chức và huấn luyện, tháng 10-1960, đơn vị 608 chặn đánh phục kích diệt 1 trung đội địch, thu toàn bộ vũ khí tại đèo Hoắc Liên (giáp ranh giữa huyện Sơn Hà và Khu VII), ta vô sự, vùng hậu cứ Khu VII được giữ vững.

Đêm 16.10.1960, Tỉnh ủy chỉ đạo đơn vị 607, V12 cùng với một số chiến sĩ của đơn vị 608, 609 đánh vào nhiều mục tiêu của quận ly Trà Bồng, ta làm chủ trận địa nhưng do không nắm

chắc tình hình nên ta bị phản kích, hy sinh một số chiến sĩ và chỉ huy nòng cốt, song không có ảnh hưởng lớn về chính trị.

Cũng trong thời gian này, đơn vị 608 cùng du kích huyện Sơn Hà tấn công một đại đội bảo an ngụy ở Hà Thành, diệt một số tên ác ôn.

Ba đơn vị vũ trang 339, 89, 299 sau là 607, 608, 609 ngoài nhiệm vụ cơ động đánh địch bảo vệ căn cứ lại được giao nhiệm vụ thọc sâu xuống vùng giáp ranh các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Đức Phổ, Tư Nghĩa để đánh địch, hỗ trợ cho phong trào chính trị của quần chúng, chủ trương của Tỉnh ủy là đẩy mạnh hoạt động vũ trang ở giáp ranh đồng bằng, vừa hỗ trợ cho phong trào ở đây, vừa kéo địch, bảo vệ vùng giải phóng, từng bước biến hậu phương địch thành tiền phương của ta.

Thế là sau hơn một năm tiến hành cuộc khởi nghĩa, địch cũng đã tập trung nhiều lực lượng, tổ chức nhiều cuộc càn quét, đánh phá, lấn chiếm lại vùng chúng đã mất nhưng với tinh thần bám trụ chống địch, quân, dân miền Tây Quảng Ngãi đã vững vàng đấu tranh, xây dựng các trận địa bố phòng chống địch, chúng đi đến đâu cũng bị đánh, đánh bằng súng trường, tiểu liên, sau này có cả trung liên. Nhưng cái mà chúng sợ nhất vẫn là bẫy đá, mang cung liên hoàn (có thể giết nhiều tên cùng một lúc), không có ngạnh, bị dính mang cung là không có đường sống, gấp phải bẫy đá là thương vong, gấp không có ngạnh là phải mổ mới lấy ra được, rồi tên tẩm thuốc độc và các loại vũ khí thô sơ khác... Đã đi càn là có thương vong và chúng đã kêu lên... “*Ghê quá! đá cũng biết đánh nhau, cây cũng biết giết người, ngược lên trời cũng thấy cái chết, cuí xuống đất cũng thấy cái chết...*”.

Cùng với phong trào đồng khởi ở miền núi, các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Đức Phổ ở đồng bằng đã liên tục đánh

địch, diệt ác ôn, tạo được sự phấn khởi, lòng tin của quần chúng đối với cách mạng được nâng cao, nỗi mong ước mấy năm qua đã trở thành hiện thực.

Ở các huyện miền núi, nhất là ở Sơn Hà, bọn phản động người dân tộc mà đứng đầu là Đinh Ngô, Đinh Ênh, Đinh Xếch đã từng cầm đầu lực lượng chống đối lại ta trong chống Pháp và trở thành sĩ quan quân đội Pháp. Sau Hiệp định Giơnevơ, được Mỹ - Diệm nuôi dưỡng cùng với bọn chí xẻng rất gian ác đã kìm kẹp chống phá quần chúng, chúng tự do bắn giết, cướp bóc, phạt tạ... làm cho nhân dân rất uất ức. Nhưng từ khi ta có lực lượng vũ trang, chúng đã bị đánh liên tục, nhiều tên lính đã chạy về nhà làm ăn và tháng 10.1961, trong trận càn lên Sông Tang để chiếm Khu VII do Đinh Ngô chỉ huy đã bị đơn vị 608 chặn đánh tan tác. Đinh Ngô bị thương nặng và sau đó biệt tích luôn, uy danh của Ngô, Ênh đã bị đánh bại, mở thế kẹp cho quần chúng.

Nói đến cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi không thể không nói đến ba đơn vị vũ trang đầu tiên 339, 89, 299 sau là 607, 608, 609 và ngược lại truyền thống của ba đơn vị không thể tách rời cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và các huyện miền Tây. Trong cuộc Hội thảo này, các đại biểu đã nói và sẽ nói quá trình dẫn đến cuộc khởi nghĩa, ý nghĩa, ảnh hưởng của nó trong giai đoạn mang tính lịch sử đó.

Với chúng tôi, những người lính có mặt và trực tiếp tham gia vào những ngày sôi động nhất, hào hùng, phấn khởi nhất, những người lính của ba đơn vị vũ trang đầu tiên còn sống đến ngày hôm nay có hai lần là vinh quang nhất. Đó là khi cầm súng chiến đấu, giáp mặt với kẻ thù để bảo vệ thành quả cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, cái ao ước của bao nhiêu năm làm cơ sở cách mạng trong vùng địch đã được

thực hiện. Vinh quang thứ hai của chúng tôi là có mặt tham gia những trận đánh cuối cùng để giải phóng quê hương, giải phóng miền Nam.

Chúng tôi suy nghĩ rằng, Đảng bộ Quảng Ngãi từ ngày thành lập cho đến khi giải phóng tỉnh nhà, quan điểm bạo lực cách mạng luôn xuyên suốt mà đỉnh cao là các sự kiện cướp chính quyền ở huyện đường Đức Phổ năm 1930, khởi nghĩa Ba Tơ và Đội du kích Ba Tơ, khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là một minh chứng. Riêng đối với khởi nghĩa Trà Bồng và các huyện miền núi của tỉnh đã thể hiện việc kiên trì đường lối vũ trang của Tỉnh ủy lúc bấy giờ là đào súng, dự trữ lương thực, muối, vải, thuốc men, nông cụ cho các nhóm vũ trang hoạt động lẻ tẻ, kể cả diệt một số tên ác ôn để vừa đưa phong trào chính trị lên, vừa tập dượt cho quần chúng, tập dượt để xây dựng lực lượng vũ trang tập trung chớp thời cơ khi có Nghị quyết Trung ương lần thứ 15 khóa II ra đời là xây dựng ngay lực lượng tập trung. Trong một thời gian ngắn, thành lập 3 đơn vị đứng chân ở ba vùng Bắc, Trung, Nam miền núi của tỉnh, có lực lượng tập trung đã mạnh dạn tiến hành lãnh đạo cuộc khởi nghĩa và chắc rằng cuộc khởi nghĩa sẽ không thể giữ vững nếu không có lực lượng vũ trang và phong trào nhân dân du kích chiến tranh đánh địch liên tục bảo vệ vùng mới mở ra, bảo vệ thành quả của cuộc khởi nghĩa. Đây là một chủ trương nhạy bén trong vận dụng Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, ngoài nhạy bén còn biết chọn thời cơ hành động, đó là lúc địch bầu cử Quốc hội bù nhìn, phá bầu cử của địch là nội dung chuẩn bị trước cho nhân dân các buôn làng, cho lực lượng vũ trang lúc đó, nhưng kẻ địch tiến hành nhiều cuộc càn quét, bắn chết người nên đã thổi bùng ngọn lửa căm thù. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng đã nổi dậy truy lùng

bọn ác ôn, bao vây đồn bốt, đập tan bộ máy kìm kẹp của địch, xây dựng chính quyền tự quản, bố phòng, chống càn quét, lấn chiếm của địch.

Từ năm 1955 đến năm 1959, ở miền Nam đã nổ ra nhiều cuộc đấu tranh chống địch dưới dạng này, dạng khác. Tuy địch khủng bố ác liệt, phong trào tạm lánh, nhưng chính các cuộc khởi nghĩa đó đã làm cho Mỹ - Diệm hoang mang, phong trào cách mạng của quần chúng ở nơi này, nơi khác phát triển mạnh hơn.

Riêng cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là một cuộc đồng khởi rộng lớn theo tinh thần Nghị quyết 15 Trung ương có sự chỉ đạo chặt chẽ của Tỉnh ủy, các Huyện ủy, được chuẩn bị từ nhiều năm để chờ thời cơ. Khi cuộc khởi nghĩa nổ ra, ta hoàn toàn chủ động và có sự chỉ đạo chỉ huy chặt chẽ. Đây không phải là cuộc nổi dậy tự phát của một làng, một xã hoặc vài xã. Sau khởi nghĩa có dự kiến tình huống và chỉ đạo phương hướng hoạt động tiếp theo để giữ phong trào.

Là cuộc khởi nghĩa vũ trang, quần chúng nổi dậy diệt ác ôn, đập tan bộ máy kìm kẹp của địch, xây dựng chính quyền nhân dân tự quản, lực lượng vũ trang phối hợp với dân quân tự vệ, liên tục chống càn quét, lấn chiếm, toàn dân tham gia bố phòng, đánh địch, bảo vệ vùng mới giải phóng, vùng căn cứ, tạo thành hậu cứ vững chắc từ bắc đến nam tỉnh, giữ vững phát triển cho đến đại thắng Mùa Xuân năm 1975.

Lực lượng vũ trang được xây dựng sớm, hỗ trợ tích cực cho cuộc khởi nghĩa trong điều kiện vô cùng khó khăn, nhất là về sinh hoạt, trang bị kẽ cả vũ khí, nhưng nhờ được rèn luyện, giáo dục nên đã vượt qua mọi gian khổ. Ba đơn vị đầu tiên đã trở thành nòng cốt cho lực lượng Quân giải phóng Quảng Ngãi, sau

này và cùng nhau Tỉnh ủy sớm xây dựng lực lượng vũ trang nên đã hỗ trợ cho phong trào quần chúng, bảo vệ vùng mới giải phóng, vùng căn cứ, giữ vững thành quả của cuộc khởi nghĩa.

Nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc trong tỉnh tuyệt đối tin tưởng và trung thành với Đảng - Bác Hồ, không ngại khổ, hy sinh, ác liệt, một lòng theo Đảng, chịu đói cơm, lạt muối, những lương thực cho bộ đội, cho cách mạng, vai trò quần chúng trong cuộc khởi nghĩa nói riêng, trong cuộc kháng chiến nói chung là vô cùng to lớn.

Một số nơi, nhân dân đã chạy vào rừng, nhưng sau khi được cán bộ vận động, họ đã tin vào sự lãnh đạo của Đảng ra giữ thế hợp pháp, đấu tranh chống địch càn quét, cướp phá, tranh thủ binh lính, ngụy quyền, thực hiện tốt hai chân ba mũi giáp công.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã đi vào lịch sử của địa phương, của cả nước trong kháng chiến chống Mỹ. Đây là cuộc khởi nghĩa vũ trang sớm nhất ở miền Nam, tháng 8.1959, nó không giống với những cuộc nổi dậy khác trước nó và đã được lịch sử Đảng ta công nhận (*Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập 2, 1954 - 1975*, Nxb Chính trị quốc gia, tr. 107).

Phát huy truyền thống của các thế hệ đi trước, nối tiếp cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và Đội du kích Ba Tơ. *Đảng bộ, quân và dân Quảng Ngãi đã làm nên cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi ghi dấu ấn lịch sử trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, xứng danh là quê hương của phong trào đồng khởi*. Nó là kết quả của sự hy sinh to lớn của đồng bào, đồng chí và chiến sĩ trong tỉnh, là sự kiên trì đường lối vũ trang cách mạng, biết chọn và chớp thời cơ để hoạt động, thể hiện sự

nhạy bén, táo bạo nhưng kiên quyết, linh hoạt trong vận dụng Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng khóa II của Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Từ quán triệt đường lối của Đảng đã tạo nên sự đoàn kết nhất trí, trên dưới một lòng, ý Đảng, lòng dân. Tinh thần dũng cảm hy sinh vượt qua khó khăn, để giành thắng lợi của Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh.

Hôm nay, nhân cuộc hội thảo này, chúng ta cùng nhau trao đổi một sự kiện quan trọng mang tính lịch sử của 45 năm về trước. Đây cũng là sự mong đợi của cán bộ, chiến sĩ, của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mấy chục năm qua, những người đã ngã xuống và những người còn sống đều mong có một sự đánh giá đúng mức về một cuộc nổi dậy mang tính đồng khởi rộng lớn khi có Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ra đời. Tuy thời gian đã lùi xa vào dĩ vãng nhưng thực tế của cuộc đồng khởi đó với giá trị lịch sử của nó vẫn là vấn đề mà hội thảo này cần phải bàn để góp phần làm sáng tỏ thêm. Việc vận dụng sáng tạo Nghị quyết 15 của Trung ương nhằm chuyển một giai đoạn, một hướng chiến lược quan trọng của đất nước là vấn đề nhạy cảm mà trước đó không ít cán bộ lãnh đạo chủ chốt chưa nhận thức đầy đủ. Việc quân và dân Quảng Ngãi dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy làm nên cuộc khởi nghĩa ở các huyện miền núi, trong khi chưa có kinh nghiệm nào của địa phương bạn, đó là sự quyết tâm nắm vững phương châm, đường lối của Trung ương Đảng, nó tạo bước nhảy vọt trong phát triển phong trào cách mạng ở địa phương và tác động không ít đến phong trào các địa phương khác trong khu vực.

Đồng chí Võ Chí Công, Bí thư Khu ủy V, lúc bấy giờ đã đánh giá cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi tại Đại hội Đảng bộ tỉnh (tháng 2.1960) như sau: "...Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng có giá trị lớn, vì đã cung cấp được nhiều kinh nghiệm

*quý báu trong vận dụng Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng không những ở Quảng Ngãi mà trong toàn Khu...”.*

Đánh giá của đồng chí Bí thư Khu ủy lúc đó đã tạo niềm tin vào đường lối của Đảng và được kiểm chứng qua những năm tháng đấu tranh chống Mỹ cho đến ngày đất nước sạch bóng quân thù.

Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi có quyền tự hào vì đã đổ xương máu, công sức làm nên sự kiện có ảnh hưởng lớn đối với phong trào cách mạng ở Khu V và cả miền Nam lúc bấy giờ.

Trong Hội thảo này mong các nhà khoa học, các cơ quan chức năng ở Trung ương khẳng định thêm tính lịch sử của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi. *Đây là cuộc khởi nghĩa vũ trang đầu tiên ở miền Nam trong chống Mỹ cứu nước dưới sự lãnh đạo của Đảng.*

Lâu nay cũng đã có những bài viết của một số đồng chí lãnh đạo Trung ương, một số nhà khoa học, song chưa có tiếng nói chung. *Lịch sử phải là chân lý mà chân lý thì chỉ có một.*

Xin cảm ơn Viện Sử học, Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức cuộc Hội thảo này. Tuy là chậm nhưng là điều cần phải làm.

# ĐẠI HỘI GÒ RÔ - “HỘI NGHỊ DIÊN HỒNG” CỦA ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI

ĐINH THU XUÂN\*

Với chiến thắng lẫy lừng Điện Biên Phủ, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta kết thúc thắng lợi. Chủ nghĩa thực dân cũ bị xóa bỏ, nhưng đất nước Việt Nam còn tạm thời bị chia cắt ở vĩ tuyến 17. Khát vọng độc lập dân tộc, thống nhất đất nước của nhân dân ta mới trở thành hiện thực ở miền Bắc. Theo các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ, đến tháng 7 năm 1956, trên cả hai miền của nước Việt Nam sẽ tổ chức tổng tuyển cử tự do để thống nhất đất nước. Nhưng đế quốc Mỹ đã triệt để lợi dụng việc Pháp đại bại trong cuộc chiến xâm lược Đông Dương, nhanh chóng hất cẳng Pháp, thiết lập chế độ thực dân mới ở miền Nam, để chia cắt lâu dài Việt Nam.

Cuộc đấu tranh của nhân dân ta đặt trong tình thế cực kỳ khó khăn: Mỹ là cường quốc đế quốc chi phối các nước tư bản chủ nghĩa; Liên Xô, Trung Quốc đứng đầu các nước xã hội chủ nghĩa lại thi hành chính sách đối ngoại khác, dẫn đến những quan điểm khác với đường lối cách mạng của Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định: Đây là thời kỳ khó khăn, phức tạp nhất - một thời kỳ vừa nghiên cứu tìm tòi, vừa thể nghiệm, thăm dò phản ứng và tập hợp lực lượng, để hoạch định đường lối, chủ trương, phương pháp cách mạng mới.

---

\* Trung tá, Tiến sĩ. Phòng Khoa học, công nghệ - môi trường Quân khu VII.

Đứng trước thực trạng Mỹ - Diệm đã dồn nhân dân miền Nam vào tình cảnh cực kỳ nguy hiểm, ta buộc phải đứng lên đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang để tự giải phóng mình. Thực tế đó đã được chính cơ quan tình báo Mỹ thừa nhận: “*Các chính quyền kế tiếp nhau ở Oasinhton, từ Tổng thống Kennedi tới Tổng thống Níchxơn đã dùng cách giải thích về nguồn gốc chiến tranh do Hà Nội xâm lược để biện bạch cho hành động can thiệp của Mỹ ở Việt Nam. Nhưng các nhận định của tình báo Mỹ trong những năm 1950 đã chỉ rõ chiến tranh nói chung bắt đầu như là một cuộc nổi loạn ở miền Nam chống lại chế độ thối nát và ngày càng có tính chất đàn áp của Ngô Đình Diệm*”<sup>(1)</sup>.

Cái mà tình báo Mỹ gọi là “cuộc nổi loạn ở miền Nam” chính là “*cao trào Đồng khởi vĩ đại, mở đầu cho cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược, đưa phong trào cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng, chuyển sang thế tiến công tránh được việc đưa quân từ miền Bắc vào miền Nam*”<sup>(2)</sup>. Vì lẽ đó, Đồng khởi được đánh giá như một bước tiến nhảy vọt của cách mạng Việt Nam ở miền Nam, đặt cơ sở thực tiễn cho sự ra đời của Nghị quyết Đại hội Đảng III (tháng 9 - 1960), về hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam là tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Khi nghiên cứu về cao trào tiền Đồng khởi, các nhà sử học đã khám phá ra những trùng hợp lịch sử của vùng đất “địa linh” miền Tây Quảng Ngãi - “*Nơi khai sinh Đội du kích Ba Tơ, một trong những đơn vị vũ trang tiền thân, hợp thành Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng. Cũng chính nơi đây, dưới sự lãnh*

<sup>(1)</sup> Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh Việt Nam (*The Secret history of the Vietnam War*). Thông tấn xã Việt Nam phát hành, 1971, tập 1, tr. 72.

<sup>(2)</sup> Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954 - 1975, tập 2: *Chuyển hướng chiến lược*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 417 - 418.

*đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, những cán bộ cách mạng Cảng an trí, cùng nông dân các dân tộc tiến hành cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, giành chính quyền từ tay phát xít Nhật, mở đầu cho cuộc Tổng khởi nghĩa mùa thu năm 1945 ở Nam Trung Bộ”<sup>(1)</sup>. Khi nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, miền Tây Quảng Ngãi lại mở đầu cho cao trào vũ trang khởi nghĩa - một loại hình khởi nghĩa được bắt đầu bằng tiến công quân sự, kết hợp với nổi dậy của quần chúng. Trong đó tiến công quân sự đóng vai trò “ngòi nổ” kích thích sự nổi dậy mạnh mẽ của quần chúng. Đặc biệt hơn ở miền Tây Quảng Ngãi là sự nổi dậy của đồng bào các dân tộc ít người, là lực lượng đi đầu trong cuộc nổi dậy sớm nhất ở miền Nam, diễn ra từ tháng 8 năm 1959.*

*Cuộc Đồng khởi đầu tiên ấy lại được bắt đầu từ một đại hội được đánh giá như một “Hội nghị Diên Hồng” của đồng bào các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi. Đó là **Đại hội Gò Rô**, diễn ra vào tháng 7 năm 1958.*

Gò Rô là vùng đất thuộc xã Trà Phong, huyện Trà Bồng, nằm ở miền Tây Quảng Ngãi. Nói đến miền Tây Quảng Ngãi là nói tới vùng rừng núi tựa lưng vào dãy Trường Sơn, mặt hướng ra biển Đông, với lớp lớp núi non trùng điệp như xây thành, đắp lũy, gắn liền với các địa danh Trà Bồng, Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ - Nơi đầu nguồn và hội nhập của bốn con sông Trà Bồng, Trà Khúc, Trà Câu, sông Vệ, là quê hương của trên 10 vạn đồng bào các dân tộc Hrê, Cor, Cà Dong, Kinh... cùng quần tụ sinh sống, cùng gắn bó lâu đời trong đấu tranh chống ngoại xâm. Là căn cứ của Khu ủy Nam Trung Bộ và Quảng Ngãi nên những tên đất, tên sông như Trà Bồng, Trà Khúc, sông Vệ... sớm đi vào

---

<sup>(1)</sup> Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954 - 1975, tập 2. Sđd, tr. 295.

lịch sử cuộc chiến tranh giải phóng (1945 - 1975) của dân tộc, như là biểu tượng của cuộc kháng chiến, của cách mạng. Trong muôn vàn địa danh gắn liền với lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc, Gò Rô được nhắc đến như là biểu tượng khởi đầu cho vũ trang khởi nghĩa ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi của Nam Trung Bộ, như Mỏ Cày (Bến Tre) của Tây Nam Bộ và như Tuy Hai (Tây Ninh) của miền Đông Nam Bộ. Hơn thế nữa, Gò Rô gắn liền với một sự kiện có ý nghĩa vượt ra ngoài khuôn khổ lịch sử kháng chiến của Tây Quảng Ngãi và miền Nam Trung Bộ. Đó chính là sự kiện *Đại hội nhân dân các dân tộc Trà Bồng*, nhằm tập hợp quần chúng, phát động toàn dân chuẩn bị Đồng khởi dưới hình thức vũ trang khởi nghĩa. Do thời điểm tổ chức, thành phần tham dự, hình thức tổ chức và tính chất của Đại hội nhân dân các dân tộc Trà Bồng, sự kiện Đại hội Gò Rô mang đầy âm hưởng, hào khí của một “*Hội nghị Diên Hồng*” của đồng bào các dân tộc Tây Quảng Ngãi thời chống Mỹ.

Khởi đầu của Đại hội nhân dân các dân tộc Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi xuất phát từ kết quả Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Ngãi (tháng 2 - 1958), được tổ chức tại Di Ngâu, xã Trà Trung, huyện Trà Bồng, nhằm thảo luận về nội dung bản dự thảo “*Đề cương cách mạng Việt Nam ở miền Nam*” và quán triệt chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng xác định: con đường cách mạng miền Nam chỉ có thể dùng bạo lực cách mạng của quần chúng chống lại bạo lực phản cách mạng của kẻ thù và phải dựa vào lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang của quần chúng để khởi nghĩa giành chính quyền. Hội nghị bàn bạc rất kỹ công việc chuẩn bị cho khởi nghĩa và xây dựng lực lượng vũ trang trong tỉnh. Sau Hội nghị, đồng chí Phạm Thanh Biền, ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi dẫn đầu đoàn cán bộ về

Khu ủy Nam Trung Bộ báo cáo kết quả Hội nghị và xin ý kiến chỉ đạo.

Đồng chí Trần Nam Trung (Trần Lương), ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Khu ủy miền Nam Trung Bộ, sau khi nghe Tỉnh ủy Quảng Ngãi báo cáo, đã chỉ thị: “*Nhận định của tỉnh là đúng. Đứng trước kẻ thù tàn bạo dùng lực lượng để tiêu diệt cách mạng của quần chúng, không từng bước kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang thì không thể giữ vững và phát triển phong trào. Ban lãnh đạo miền Nam Trung Bộ, ban lãnh đạo toàn miền Nam và cả Trung ương cũng nhất trí như vậy. Nay giờ phải ra sức chuẩn bị, tình thế đã đặt ra rồi... Phải vận dụng cả hai hình thức đấu tranh chính trị và vũ trang, phải mở rộng căn cứ địa hơn nữa đến vùng thấp, vùng giáp ranh và đồng bằng... Đối với vùng cao, khi có điều kiện cho phép, thì tỉnh có thể phát động quần chúng nổi dậy diệt ác ôn, xóa nguy quyền, thiết lập chính quyền nhân dân cách mạng. Nhưng phải tiến hành hết sức khéo léo, không kích thích địch có những phản ứng quyết liệt, gây tổn thất cho phong trào chung. Đây là vấn đề nghệ thuật lãnh đạo*”<sup>(1)</sup>. Quán triệt tinh thần trên, ngày 25 tháng 5 năm 1958, Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Ngãi được tổ chức tại xã Trà Bùi (Trà Bồng), để quán triệt chỉ thị của Khu ủy, ra nghị quyết về xây dựng căn cứ miền Tây, đề ra phương châm đấu tranh ba vùng. Hội nghị đồng thời quyết định củng cố và phục hồi các tổ chức quần chúng như thanh niên, phụ nữ, nông dân nhằm tập hợp đông đảo đồng bào các dân tộc và rút thanh niên lên căn cứ để xây dựng các đội vũ trang, các đội “quyết tử” diệt ác dưới danh nghĩa “trả thù nhà”, đổi tên các đội nông binh (ở Nà Niu, Nước Tang, Nước Em...) thành các “trại sản xuất”.

---

<sup>(1)</sup> Trích Báo cáo của đồng chí Phạm Thành Biền - Phó bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi từ 1958 - 1961. Lưu tại Văn phòng Trung ương Đảng, đơn vị bảo quản 98.

Ngày 20.6.1958, Tỉnh ủy Quảng Ngãi triệu tập *Hội nghị toàn miền Tây* tại làng Búp (Trà Phong, Trà Bồng), quyết định thành lập Ban Quân sự tỉnh Quảng Ngãi. Trực thuộc Ban Quân sự tỉnh có các Ban quân sự huyện, xã vùng cao. Có lực lượng vũ trang và hệ thống lãnh đạo chỉ huy rồi, cần xúc tiến công tác tập hợp lực lượng quần chúng để tiến tới vũ trang khởi nghĩa. Đó chính là mục tiêu của *Đại hội nhân dân các dân tộc Trà Bồng*, được tổ chức tại Gò Rô ngày 7.7.1958. Sau này đồng bào miền Tây Quảng Ngãi thường gọi là *Đại hội Gò Rô*.

Tham dự Đại hội có 200 đại biểu, đại diện cho đồng bào các dân tộc Hrê, Cor, Cà Dong, Kinh ở bốn huyện miền Tây Quảng Ngãi. Đại biểu cao tuổi, có các già làng yêu nước như: già Tài, già Vinh, già Triều, già Bung... vốn là những thủ lĩnh nghĩa quân trước Cách mạng tháng Tám. Khi Mỹ - Diệm thảng tay đàn áp những người kháng chiến, người yêu nước, họ đã rút vào rừng sâu, xây dựng căn cứ, chờ thời cơ nổi dậy chống Mỹ - Diệm. Khi biết chủ trương của tỉnh phát động toàn dân chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa, các già làng đã băng rừng, lội suối về dự Đại hội, để tỏ rõ tấm lòng của đồng bào với cách mạng và Cụ Hồ. Đặc biệt, già Gia - Nguyên thủ lĩnh nghĩa quân từng chỉ huy đánh Pháp tại Gò Rô (năm 1939), tham gia cướp chính quyền ở Châu ly Trà Bồng (tháng 8.1945) và nguyên là vị Chủ tịch đầu tiên của Ủy ban Kháng chiến Trà Bồng, nay cụ đã trên 100 tuổi, không về dự Đại hội được, già cử con trai là ông Noa đến đại hội này bày tỏ ý chí, quyết tâm chống Mỹ - Diệm của tộc người Cor “chưa từng khuất phục kẻ thù”. Về dự Đại hội còn có ông Phó Nía, người giàu có và uy tín nhất vùng cao Sơn Hà, nhưng suốt đời thề theo cách mạng, chống ngoại xâm, nay không quản đèo cao, đường xa, gian nan đến dự Đại hội cùng vị Bí thư Huyện ủy Sơn Hà là ông Đinh Cày và rất nhiều

đại biểu các tộc người Hrê, Cà Dong, từ Ba Tơ đến, Minh Long sang. Tất cả đã đem đến đại hội tinh thần đoàn kết, gắn bó giữa các dân tộc và quyết tâm theo cụ Hồ, theo cách mạng đánh Mỹ - Diệm đến cùng.

Tinh thần kháng chiến của đồng bào các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi được thể hiện rất cao qua ý kiến của các đại biểu. Ông Noa, con trai của già Gia, người từng bắn chết tên quan hai Pháp ở Trà Bồng thương năm xưa đã phát biểu: “*Phải đánh Mỹ - Diệm sớm chừng nào hay chừng nấy. Mỹ - Diệm như cây chùm gummies để lâu rễ mọc nhiều khó chặt. Có cách mạng, có Bác Hồ lãnh đạo, Kinh, Thượng, đoàn kết cùng đánh, thì Mỹ - Diệm sẽ thua. Không đánh Mỹ - Diệm thì không giữ được đoàn kết, vì cái lòng, cái ruột của đồng bào mình đã muốn như vậy*”<sup>(1)</sup>.

Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã trao cho đại hội lá cờ thêu chín chữ: “*Suốt đời đi theo Bác Hồ làm cách mạng*”. Già Triều, già Kiến vinh dự được đại diện cho 200 đại biểu của các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi lên nhận cờ. Già Triều rất xúc động khẳng định: “*Nhân dân Trà Bồng, người dân tộc Cor xin hứa suốt đời theo Bác Hồ làm cách mạng, dù có chết, có cực khổ đến mấy, dù phải đánh Mỹ - Diệm hết đời này qua đời khác*”<sup>(2)</sup>. Nếu như đầu thế kỷ XIII, lời thề “Sát thát” giết giặc Nguyên Mông của tổ tiên ta vang lên tại Hội nghị Diên Hồng ở bến Bình Than, thì nay vẫn mang hào khí ấy, lời thề chống Mỹ lại vang vọng núi rừng Trường Sơn hùng vĩ: “*các dân tộc anh em phải đoàn kết xung quanh Bác Hồ, đồng lòng hợp sức đánh đổ Mỹ - Diệm. Mọi người không phân biệt dân tộc, già trẻ, gái trai, phải tham gia lực lượng vũ trang, luyện tập quân sự, làm vũ khí... sẵn sàng nổi dậy giành chính quyền*”<sup>(3)</sup>.

---

<sup>(1)(2)(3)</sup> Trích *Báo cáo của Đại hội Gò Rô, ngày 7.7.1958*. Tài liệu lưu trữ tại Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng của Tỉnh ủy và Bảo tàng tỉnh Quảng Ngãi.

Nhằm phân hóa địch, Đại hội đã gửi bức thư ngỏ tới những người bị kẻ thù lợi dụng, mua chuộc thành lầm đường, lạc lối, để phân tích rõ chính, tà: “Ai chẳng căm hờn khi nhìn thấy cảnh nước non bị chia cắt, dân tộc bị dày xéo, đồng bào bị đau khổ. Ai mà không chảy nước mắt, đau lòng khi nhìn thấy cảnh tra tấn, tù dày những ông già, bà già 60, 70 tuổi, em nhỏ mới biết nói, chị em phụ nữ có thai bị đánh đập, hành hạ, nhà bị đốt, rẫy vườn bị phá. Ai mà không khổ tâm, nát cả lòng gan, đứt từng khúc ruột khi thấy đồng bào mình đau ốm, đói rách, chết chóc. Ai làm cho cha, con, vợ chồng xa nhau, làm cho đồng bào chạy vào rừng sống chui rúc khổ cực. Ai bảo lính và đồng bào Kinh gọi đồng bào Thượng là “mọi rợ”? Mỹ - Diệm hay cộng sản? Ai tốt thì đồng bào theo, ai xấu thì đồng bào chống. Bốn năm rồi, đồng bào không theo Mỹ - Diệm mà theo nguyện vọng theo lẽ phải. Nguyệt vọng và lẽ phải đó là hòa bình, thống nhất, độc lập, tự do, dân chủ, no ấm. Chính cộng sản, cách mạng, Bác Hồ làm việc tốt đó, chứ không phải Mỹ - Diệm”<sup>(1)</sup>.

Chỉ một lá thư ngỏ với lời kêu gọi mộc mạc, chân tình, thống thiết nhưng đã bao hàm cả nội dung đường lối kháng chiến chống Mỹ cứu nước của đảng ta. Riêng ở khía cạnh này cũng cho thấy ý kiến của Đại hội Gò Rô đã vượt ra khỏi khuôn khổ của Đại hội nhân dân các dân tộc Trà Bồng, để trở thành một trong những “Hội nghị Diên Hồng” của đồng bào các dân tộc thời chống Mỹ: tinh thần của Đại hội Gò Rô đã thổi bùng lên ngọn lửa quật khởi đầu tiên ở Nam Trung Bộ - cũng là điểm xuất phát của cao trào vũ trang khởi nghĩa toàn miền Nam.

---

<sup>(1)</sup> Trích Báo cáo của Đại hội Gò Rô, ngày 7.7.1958. Tài liệu lưu trữ tại Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng của Tỉnh ủy và Bảo tàng tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 28.8.1959, khi mặt trời chưa thức dậy trên dãy Trường Sơn, bỗng vang lên tiếng cồng chiêng, trống, mõ, thanh vien, tù và, tiếng thét xung phong vang dội khắp núi rừng, giục dã lợp lợp đồng bào các dân tộc xuống đường vây diệt ngụy quân, đánh đổ ngụy quyền. Trà Bồng bùng bừng khí thế quật khởi. Từ Trà Bồng thượng, cuộc khởi nghĩa lan nhanh sang các huyện Ba Tơ, Sơn Hà, Minh Long. Đến cuối tháng 10.1959, đã có 40 xã thuộc các huyện miền Tây Quảng Ngãi được giải phóng hoàn toàn, tạo thế đứng vững chắc cho cách mạng trên vùng rừng núi; từ đó phát triển thế tiến công xuống vùng đồng bằng duyên hải.

Mười năm sau (1969), khi viết về khởi nghĩa Trà Bồng, sử gia G.Saffard mô tả: “*Mọi việc khởi đầu vào tháng 8 năm 1959 tại tỉnh Quảng Ngãi, trung phần Việt Nam... Quân đội chính phủ (Diệm) đến tái chiếm vùng này và thi hành một chính sách sắt thép để trừng phạt các bộ lạc đã ủng hộ Việt Minh. Những cách đối xử dã man nhất được áp dụng, khiến người ta liên tưởng đến cách đối xử của người Mỹ đối với dân da đỏ ở thế kỷ XIX... Dân tộc Cor chính là những người đầu tiên đứng lên làm loạn. Họ đã tàn sát cả một đồn binh quốc gia trong quận Trà Bồng và cướp đoạt 54 khẩu súng...* <sup>(1)</sup>”

Có thể Saffard có lý khi nhìn nhận sự kiện Trà Bồng như là chất xúc tác dẫn đến phản ứng dây truyền với các cuộc nổi dậy ở Tây Nguyên, đồng bằng Khu V, miền Đông Nam Bộ, Trung Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ. Tại Quảng Ngãi, đồng chí Võ Chí Công - Bí thư Khu ủy V thời kỳ đó (sau này là Chủ tịch nước) đã đánh giá: Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây

---

<sup>(1)</sup> Tài liệu số VL. 1139/82. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, dịch từ sách “*Hai cuộc chiến tranh Việt Nam từ Valuy đến Oétmolen*”, tập 1, của Georges Chaffard, Paris, Lataille, ronde, 1969.

Quảng Ngãi “mở đầu trang sử đấu tranh chính trị và vũ trang song song, là đỉnh cao nhất của phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi lúc bấy giờ... cuộc khởi nghĩa Trà Bồng có giá trị lớn, vì đã cung cấp được nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc vận dụng Nghị quyết 15 không chỉ ở Quảng Ngãi mà ở toàn khu”<sup>(1)</sup>.

---

<sup>(1)</sup> Trích phát biểu của đồng chí Võ Chí Công – Bí thư Khu ủy V tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, tháng 2.1960. (Tài liệu lưu tại Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng của Tỉnh ủy Quảng Ngãi).

# TỪ BA TƠ ĐẾN TRÀ BỒNG - TRUYỀN THỐNG TIÊN PHONG TRONG ĐẤU TRANH VŨ TRANG CỦA QUẢNG NGÃI

NGUYỄN HỮU NGUYỄN\* - LÊ SƠN\*\*

Trong lịch sử Cách mạng Việt Nam, từ khi có Đảng Cộng sản lãnh đạo, ở Quảng Ngãi có hai cuộc khởi nghĩa vũ trang là khởi nghĩa Ba Tơ và khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi. Hai cuộc khởi nghĩa vũ trang này đều thắng lợi và đều có tính tiên phong, có giá trị khai mở cho những thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Tư liệu lịch sử đã ghi lại khá đầy đủ những diễn biến chính của hai cuộc khởi nghĩa này, đồng thời trong công tác nghiên cứu người ta vẫn tiếp tục sưu tầm những cứ liệu lịch sử của hai sự kiện đặc biệt quan trọng ấy. Tham luận này chỉ đặt vấn đề nghiên cứu một hướng khác là: Từ cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi tháng 8 năm 1959, nhìn lại cuộc khởi nghĩa Ba Tơ tháng 3 năm 1945 và xa hơn về trước nữa - mỗi thời kỳ, mỗi cuộc khởi nghĩa có những hoàn cảnh, điều kiện lịch sử khác nhau và diễn ra dưới hình thức khác nhau nhưng bản chất mối quan hệ bên trong của những cuộc khởi nghĩa là gì?

Để tìm hiểu vấn đề này, chúng ta phải bắt đầu từ truyền thống lịch sử, văn hóa và những con người làm nên các cuộc khởi nghĩa ấy.

---

\* Tiến sĩ

\*\* Tiến sĩ

Viện Khoa học xã hội vùng Nam bộ.

## A. Truyền thống lịch sử văn hóa của những cuộc đấu tranh vũ trang ở Quảng Ngãi

### 1. Đặc điểm thiên nhiên vùng đất Quảng Ngãi

Quảng Ngãi cũng như những tỉnh miền Nam Trung Bộ có địa thế rất đặc biệt, lưng dựa vào dãy Trường Sơn hùng vĩ, mặt nhìn ra biển Đông mênh mông, nhưng hầu như ngoài mặt Đông là biển còn mặt kia đều là núi non bao bọc.

Ở phía Bắc có những dãy núi cao như núi Chùa, núi Răng Cưa, núi Hang Bá, có độ cao hơn 1.000 mét, núi Cà Đam cao 1.650 mét hình thành ranh giới thiên nhiên với tỉnh Quảng Nam.

Ở phía Tây, những dãy núi kéo dài và là ranh giới với tỉnh Kon Tum, có những đỉnh cao tới 1.300 mét như đỉnh Mang Xin, đỉnh Ngọc Dai.

Ở phía Nam, những dãy núi thấp hơn nhưng chạy ra sát bờ biển.

Đất đai Quảng Ngãi tính từ tây sang đông có ba phần là rừng núi, một phần là dải đồng bằng hẹp ven biển. Miền Tây Quảng Ngãi là đầu nguồn của bốn con sông lớn phân bố khá đều trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, có các con sông Trà Bồng, Trà Khúc, sông Vệ và Trà Câu.

Như vậy, ở Quảng Ngãi cả ba mặt Bắc, Tây và Nam đều có thể trở thành căn cứ cho lực lượng khởi nghĩa hay kháng chiến - đó là điều kiện địa lý khá thuận lợi cho những hoạt động vũ trang.

### 2. Đặc điểm lịch sử văn hóa

Chủ nhân lâu đời nhất của vùng rừng núi Quảng Ngãi là đồng bào các dân tộc Hrê, Cor, Cà Dong, sau đó mới là người

Chăm và người Việt đến cư trú ở vùng duyên hải. Như vậy, đa số người dân Quảng Ngãi rất thông thạo địa hình và thích nghi rất cao với điều kiện sống ở vùng rừng núi.

Địa hình miền Tây Quảng Ngãi có hai vùng, vùng cao ở phía bắc, vùng thấp ở phía nam. Trà Bồng nằm ở vùng cao, là nơi cư trú của đông đảo các dân tộc Cor, Cà Dong, Hrê, nhưng người Cor chiếm đa số. Ba Tơ nằm ở vùng thấp, nơi cư trú chủ yếu của đồng bào dân tộc Hrê.

Sử liệu triều Nguyễn cho biết một điều rất ấn tượng rằng người thương du miền Tây Quảng Ngãi là một lực lượng vũ trang chống lại triều đình dai dẳng hơn bất cứ nơi nào khác. Đồng bào người dân tộc thiểu số miền Tây Quảng Ngãi suốt hàng trăm năm chưa bao giờ chịu khuất phục triều đình nhà Nguyễn, có chăng là một số lần hòa giải ngắn ngủi. Sách *Đại Nam liệt truyện tiền biên* viết:

“Mùa xuân năm Canh Ngọ (1750), Nguyễn Cư Trinh được thăng làm Tuần phủ Quảng Ngãi, lúc bấy giờ ở đó có mọi Đá Vách nhiều lần quấy phá biên giới quan quân, đánh mãi không dẹp được. Cư Trinh tới viết thư phủ dụ, chúng cũng không chịu ra hàng, bèn bàn việc tiến đánh. Nhiều người lấy việc đường núi hiểm trở xa xôi bàn lùi, nhưng Cư Trinh quyết tiến đánh, phỉ man tan vỡ chạy trốn...”.

Thế nhưng đồng bào dân tộc ở Quảng Ngãi lại ủng hộ phong trào Tây Sơn vì Tây Sơn “áo vải cờ đào” cùng chung chiến tuyến với họ chống lại triều đình nhà Nguyễn. Sự chống đối ấy kéo dài hàng trăm năm mà triều đình không bình định được, cuối cùng chúng phải xây “Lũy Bình Man” hay “Lũy Mọi” chạy dọc theo miền núi từ Nam Quảng Nam đến Bắc Bình Định (chiều dài khoảng 120 km) để ngăn chặn các cuộc nổi dậy

tràn xuống vùng đồng bằng duyên hải. Chứng tích “Lũy Bình Man” đã chứng tỏ sức chiểu đấu vũ trang rất mạnh của đồng bào các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi.

Người Việt đến sinh sống tại vùng đồng bằng duyên hải vào những năm cuối thế kỷ XV. Trước đó vào năm 1402, Hồ Quý Ly cho sửa đường sá từ Tây Đô (Thanh Hóa) đến Hóa Châu. Dọc đường lập phố xá để truyền thư gọi là đường Thiên Lý rồi sau đó cử binh đánh Chiêm Thành. Nhà Hồ chiếm được đất động Chiêm và động Cổ Lũy thành lập bốn châu: Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa. Nhưng nhà Hồ sớm sụp đổ và trước sự xâm lăng của quân Minh, nhân dân Đại Việt tập trung về phía Bắc mà thả nổi công việc phía Nam. Đến năm 1471, Lê Thánh Tông mới bình định được vùng đất từ phía nam theo đèo Hải Vân đến Thạch Bi Sơn, nhưng thực chất chỉ giữ vững được đến đèo Cù Mông. Có lẽ từ thời điểm này người Việt bắt đầu sinh sống ổn định tại vùng đất Quảng Ngãi, lúc bấy giờ Lê Thánh Tông thành lập châu Cổ Lũy và giao cho Lê Y Đa là Tri châu coi sóc việc quân dân. Về sau theo *Hồng Đức bản đồ* thì Quảng Nam thừa tuyên sứ ty quản ba phủ chín huyện, trong đó phủ Tư Nghĩa có ba huyện:

- Huyện Bình Dương (sau đổi là Bình Sơn)
- Huyện Nghĩa Giang (sau đổi là Chương Nghĩa)
- Huyện Mộ Hoa (sau đổi là Mộ Đức)

Phủ Tư Nghĩa nằm giữa Quảng Nam thừa tuyên sứ ty (tương đương cấp tỉnh ngày nay) nên là trung tâm hành chính của Thừa tuyên. Thời Lê Trung Hưng đổi thành Quảng Nam trấn do Trần Quốc công Bùi Tá Hán coi sóc việc quân dân. Năm 1568, Bùi Tá Hán qua đời, mồ mả và đền thờ nằm tại khu vực Núi Ông thị xã Quảng Ngãi. Đến năm đầu Hoằng Định phủ Tư Nghĩa đổi tên thành phủ Quảng Nghĩa.

Trong suốt hơn 500 năm hình thành và phát triển, người dân Quảng Ngãi sinh sống trong điều kiện không được thiên nhiên ưu đãi, phải lao động vật lực mới đủ sống, lại thường xuyên bị thiên tai đe dọa nên đã từng bước rèn được tính kiên trì vượt qua mọi gian lao và ý chí quật cường, đương đầu khắc phục mọi khó khăn. Bên cạnh đó họ phải gánh chịu mọi đau khổ do các cuộc chiến tranh kéo dài liên miên giữa các tập đoàn phong kiến, là nạn nhân của tầng lớp thống trị nên người dân Quảng Ngãi có tinh thần đoàn kết chống áp bức, bóc lột.

Từ cuối thế kỷ XVII, ở Quảng Ngãi đã có cuộc nổi dậy của ông Linh. Khởi nghĩa Tây Sơn thì Quảng Ngãi cùng với Quy Nhơn là cái nôi của phong trào này, cung cấp sức người sức của chủ lực cho phong trào với những danh tướng như: Trần Quang Diệu, Nguyễn Văn Danh, Nguyễn Tăng Long, Huỳnh Văn Thuận, Nguyễn Văn Huấn, Trương Đăng Đồ.

Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp bắt đầu xâm nhập vào Quảng Ngãi, chúng duy trì chế độ bóc lột của phong kiến và tròng thêm lên vai người dân Quảng Ngãi ách thực dân, thì ở Quảng Ngãi có cuộc khởi nghĩa vũ trang của Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Bá Loan, Lê Khiết, Thái Thủ, Tôn Tường, Tôn Đính, Bạch Văn Vĩnh, Nguyễn Vịnh, Trần Du.

Đến đầu thế kỷ XX, phong trào khất thuế, cự sưu nổi lên rầm rộ, hàng loạt nhân sĩ yêu nước bị giết hại, bị tù đày như: Nguyễn Đình Quản, Nguyễn Thụy, Trần Kỳ Phong, Nguyễn Tuyên, Phạm Cao Chẩn, Lê Đình Cẩn - rồi tiếp theo đó cuộc khởi nghĩa Duy Tân với Lê Ngung, Lê Đình Cơ, Phan Long Bằng.

Song song theo đó, người dân tộc thiểu số miền Tây Quảng Ngãi cùng tham gia tích cực vào phong trào “Nước xu đỏ” của

các dân tộc Bắc Tây Nguyên. Trong các phong trào đó luôn có yếu tố đấu tranh vũ trang.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930) và lãnh đạo nhân dân cả nước đấu tranh chống thực dân phong kiến thì những cuộc đấu tranh của nhân dân Quảng Ngãi có thêm sức mạnh mới. Tháng 10.1930 dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, hơn 5000 nông dân huyện Đức Phổ đã nổi dậy biểu tình bao vây huyện đường, treo cờ, khẩu hiệu, đốt tài liệu, thả tù chính trị, tên Tri huyện Đức Phổ cùng bọn lính bỏ chạy, ta làm chủ huyện đường nhiều giờ.

Năm 1931, trước sức đấu tranh quyết liệt của nhân dân Mộ Đức, Sơn Tịnh, Tây Tư Nghĩa, địch điên cuồng đàn áp bắn chết 105 người, làm bị thương hàng trăm người khác, phong trào được xem là mạnh nhất Nam Trung Bộ lúc bấy giờ, chỉ đứng sau Xô viết Nghệ Tĩnh.

Trong thời kỳ cách mạng thoái trào 1932 - 1935, thực dân Pháp đã bắt bớ hàng trăm cán bộ đảng viên ở khắp miền Trung và mọi miền của đất nước đem đi đày ải ở những nhà tù nơi rừng thiêng nước độc, trong đó có nhà lao Di Lăng và Cảng an trí Ba Tơ. Từ đó những người dân tộc thiểu số miền Tây Quảng Ngãi bắt đầu tiếp xúc với những người cộng sản và nhanh chóng được giác ngộ tinh thần yêu nước, họ nhìn rõ bộ mặt xâm lược của thực dân Pháp và tính chất hại dân hại nước của bọn phong kiến tay sai, họ nhận ra rằng người Kinh cộng sản cũng giống như họ, đều chống thực dân, phong kiến áp bức bóc lột, đồng thời họ cũng hiểu rằng người Kinh và người Thượng phải đoàn kết với nhau thì mới có sức mạnh đánh đuổi thực dân giành độc lập và đánh đổ phong kiến giành lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Từ những năm 1936, phong trào cách mạng bắt đầu hồi phục với Đông Dương đại hội và việc thành lập Mặt trận phản đế Đông Dương tập hợp các giai cấp, các dân tộc, các nhóm chính trị - xã hội và các tôn giáo khác nhau. Tổ chức các phong trào đấu tranh với khẩu hiệu đòi toàn xá tù chính trị, bỏ thuế thân, tự do nghiệp đoàn, tự do ngôn luận.

Từ giữa năm 1938, ở Trà Bồng đã bùng nổ phong trào đấu tranh chống bắt xâu, thu thuế. Phong trào này do bốn vị già làng có uy tín nhất trong vùng chỉ huy là các ông Gia, Châu, Phú, Tài. Nghĩa quân đã thành lập 4 đội vũ trang với những vũ khí thô sơ như giáo mác, súng kíp, gậy gộc... nhưng đã táo bạo tấn công vào đồn chầu ly Trà Bồng. Cuộc nổi dậy không thành vì thiếu kinh nghiệm tổ chức, thiếu vũ khí và còn ảnh hưởng của mê tín dị đoan, thực dân Pháp đã đàn áp thảng tay, bắt bớ giết chóc nhiều người và dập tắt phong trào nhưng một số người dân cùng với già làng Gia và Tài kéo nhau lên vùng núi Cà Đam và thượng nguồn sông Tang để xây dựng căn cứ chống Pháp lâu dài.

Tháng 1.1939, nghĩa quân người Cor từ cản cứ Cà Đam đã kéo xuống đánh quân Pháp ở Gò Rô. Trận đánh đã có tiếng vang lớn và quân Pháp hiểu rằng không thể tiêu diệt được nghĩa quân ở vùng rừng núi.

Đến năm 1942, khi quân Pháp kéo lên càn quét vùng cao, thì nghĩa quân lại một lần nữa kéo xuống tấn công đồn chầu ly Trà Bồng. Trận tấn công này cũng không thành và bị thiệt hại nhiều nhưng số nghĩa quân còn lại vẫn kéo lên căn cứ tiếp tục củng cố lực lượng để chống Pháp với lời thề “Thà chết rục trong núi chứ không chịu trở về đi xâu, nộp thuế”, “Người Cor không giết hại người Cor”, “Người Cor không giết hại người Kinh”.

Tháng 4.1940, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã họp hội nghị ở khu vực gần đồn chàu ly Trà Bồng để phổ biến tinh thần Nghị quyết Trung ương lần thứ 6 về con đường giải phóng dân tộc. Hội nghị đã chủ trương khôi phục tổ chức, đẩy mạnh phong trào đấu tranh trong tỉnh và bắt liên lạc với các khu căn cứ kháng chiến của đồng bào miền núi phía Tây Quảng Ngãi để xây dựng thành căn cứ kháng chiến sau này.

Cuối năm 1940, khi nhận được Nghị quyết Trung ương lần thứ 7, Tỉnh ủy đặt vấn đề dựa vào những căn cứ và phong trào chống Pháp của đồng bào miền núi để phát động khởi nghĩa vũ trang hưởng ứng khởi nghĩa Bắc Sơn.

Bước sang năm 1942 - 1943, các chiến sĩ cộng sản bị thực dân Pháp giam lỏng ở “Cảng an trí” Ba Tơ và Di Lăng đã bí mật xây dựng lực lượng để chuẩn bị khởi nghĩa và bắt liên lạc với những cơ sở kháng chiến của đồng bào người Hrê để phối hợp hành động và tăng cường lực lượng.

Sự chuẩn bị lâu dài và công phu đã dẫn đến cuộc khởi nghĩa Ba Tơ vào đêm 11.3.1945 do Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi lãnh đạo. Lực lượng khởi nghĩa gồm các chiến sĩ cách mạng ở Cảng an trí Ba Tơ, và những người kháng chiến chống Pháp thuộc các dân tộc thiểu số ở quanh vùng. Quân khởi nghĩa đã chiếm được quận lỵ Ba Tơ, thành lập chính quyền cách mạng và thành lập Đội du kích Ba Tơ, tạo động lực chiến đấu giành chính quyền và giữ vững thành quả đấu tranh cho đến ngày Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên phạm vi toàn quốc vào tháng 8.1945. Đây là cuộc khởi nghĩa từng phần, tính chất là khởi nghĩa vũ trang và nổ ra sớm nhất ở miền Trung.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Quảng Ngãi là trung tâm cách mạng của cả vùng Nam Trung Bộ và

Tây Nguyên và là vùng hoàn toàn tự do. Từ năm 1949, cơ sở Đảng đã phát triển sâu rộng vào các vùng dân tộc thiểu số, chi bộ cộng sản trong các vùng dân tộc người Cor đã thành lập. Cuộc kháng chiến 9 năm đã đào tạo ra một lớp cán bộ lãnh đạo người địa phương rất có uy tín với dân và có lòng trung thành tuyệt đối với Đảng.

Cho đến khi Hiệp định Giơnevơ, Quảng Ngãi vẫn là vùng tự do nhưng vì quyền lợi của cả nước, quân và dân Quảng Ngãi đã nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định để cho chính quyền Sài Gòn tiếp quản vào tháng 10.1954, và từ đó nhân dân Quảng Ngãi lại bắt đầu một cuộc đấu tranh mới.

Trong thời kỳ địch tiến hành chính sách “tố cộng”, tên Quận trưởng Trà Bồng đã phải thừa nhận: “Hơn một năm rưỡi tố cộng, toàn Trà Bồng không bắt được một đảng viên nào nằm vùng cả”. Ở nhiều nơi vùng cao như Ba Lế, Ba Lục, Ba Nam, Ba Bích thuộc Ba Tơ, nhân dân đấu tranh không cho địch lập chính quyền.

Để chống lại các thủ đoạn khủng bố của địch, người dân Quảng Ngãi đã nghĩ ra nhiều hình thức đấu tranh trong đó có cả đấu tranh vũ trang dưới các hình thức như chống thú rừng, chống cướp bóc - từ đó đã hình thành các đội vũ trang và tiến hành các hoạt động trừ gian diệt ác.

Từ cuối năm 1956 đầu năm 1957, tuy chưa có sự chỉ đạo cụ thể nhưng Quảng Ngãi đã chủ động tiến hành củng cố, xây dựng 3 khu vực căn cứ địa quan trọng của huyện: một là khu vực gồm 22 xã thuộc vùng cao, khu thứ hai gồm 12 xã, khu thứ ba gồm 8 xã, ngoài ra còn củng cố một số lõm căn cứ khu vực giáp ranh giữa vùng cao và vùng thấp. Những khu căn cứ này là cơ sở để xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang.

Tháng 2.1958, lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi họp hội nghị nhận định rằng những hoạt động có tính chất vũ trang đã làm cho tình hình chuyển biến tốt, đấu tranh vũ trang ngày càng hỗ trợ tốt cho đấu tranh chính trị, trên cơ sở đó Tỉnh ủy chủ trương chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa vũ trang. Chủ trương này được cấp trên đồng ý và chỉ đạo cụ thể đối với từng vùng.

Tháng 7.1958, Quảng Ngãi tổ chức Đại hội 4 dân tộc Cor, Cà Dong, Hrê, Kinh ở Gò Rô - Trà Bồng. Đại hội có hơn 200 đại biểu tham dự để biểu thị quyết tâm và tinh thần đoàn kết đấu tranh. Nguyệt vọng của nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là: “Phải đánh Mỹ - Diệm sớm chừng nào hay chừng ấy, cái ruột của nhân dân đã muốn như vậy”. Nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi còn biểu thị ý chí: “Suốt đời đi theo Bác Hồ làm cách mạng”. Sau Đại hội Gò Rô, công tác chuẩn bị mọi mặt cho khởi nghĩa vũ trang được đẩy mạnh, các hoạt động vũ trang trừ gian diệt ác cũng phát triển rộng rãi hơn.

Ngày 3.3.1959, Quảng Ngãi thành lập đơn vị vũ trang đầu tiên lấy tên là 339. Cuối tháng 8 đầu tháng 9.1959, Quảng Ngãi lại thành lập thêm 2 đơn vị vũ trang nữa (đơn vị 89 và 229). Như vậy, đến cuối năm 1959, Quảng Ngãi đã có tình thế và điều kiện để bùng nổ khởi nghĩa vũ trang.

Cuộc khởi nghĩa bắt đầu từ Trà Bồng đã nhanh chóng lan rộng ra toàn huyện, rồi sang các huyện khác của Quảng Ngãi. Đây cũng là cuộc khởi nghĩa từng phần, với tính chất vũ trang rất rõ nét và cung nổ ra sớm nhất ở khu vực miền Trung trong kháng chiến chống Mỹ.

### **B. Một số nhận định sơ bộ**

Nhìn lại quá trình lịch sử đấu tranh chống thực dân, phong kiến của nhân dân Quảng Ngãi, người ta thấy yếu tố đấu tranh

vũ trang xuất hiện sớm so với nhiều nơi ở miền Trung. Do đó, khởi nghĩa Ba Tơ cũng như Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi không phải là những hiện tượng có tính chất bột phát mà nó bắt nguồn từ dòng lịch sử truyền thống đấu tranh vũ trang của người dân Quảng Ngãi.

Cả hai cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đều nằm trong phạm trù khởi nghĩa từng phần, một quá trình tất yếu dẫn đến Tổng khởi nghĩa - đó là quy luật riêng của những cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mà Bác Hồ và Đảng ta đã vận dụng một cách sáng tạo.

Không phải ngẫu nhiên mà khởi nghĩa Ba Tơ và Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đều mang đậm nét của cuộc khởi nghĩa vũ trang và đều bùng nổ sớm hơn những nơi khác. Sự trùng lập ấy phản ánh một đặc điểm truyền thống lịch sử - văn hóa và tính cách của con người Quảng Ngãi.

Truyền thống lịch sử - văn hóa là truyền thống quật khởi chống lại mọi ách áp bức bóc lột của một cộng đồng tộc người đã qua hàng trăm năm nếm trải nhiều thử thách khắc nghiệt dưới sự cai trị của tầng lớp phong kiến, thực dân đế quốc. Trong suốt hơn 500 năm hình thành và phát triển vùng đất và con người Quảng Ngãi, thì tính chất của khởi nghĩa vũ trang xuyên suốt qua các cuộc nổi dậy của người Kinh lẫn người Thượng. Trong đó khởi nghĩa vũ trang thành công lần thứ nhất vào thời Tây Sơn và lần thứ hai dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Cả hai cuộc khởi nghĩa vũ trang thành công này đều vận dụng tốt sự đoàn kết nhất trí của cộng đồng tộc người Kinh - Thượng.

Quảng Ngãi là nơi sinh ra những danh tướng tài năng: Trần Quang Diệu, Nguyễn Văn Danh, Nguyễn Tăng Long... thời Tây Sơn; Trương Định, Võ Duy Ninh... thời đầu chống Pháp.

Cũng không phải ngẫu nhiên mà từ khi có Đảng và trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc, Quảng Ngãi đã đóng góp cho đất nước, cho quân đội ta hơn 20 vị tướng chỉ huy quân sự đầy tài năng như Nguyễn Chánh, Trần Văn Trà, Trần Nam Trung, Trần Quý Hai, Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn, Võ Thứ, Võ Bẩm... Có lẽ trên phạm vi cả nước, ít có tỉnh nào lại có nhiều nhà quân sự tài năng như Quảng Ngãi.

Từ thực tế lịch sử và từ những con người cụ thể nêu trên, có thể nói rằng mảnh đất và truyền thống lịch sử của Quảng Ngãi là một trong những nơi sản sinh ra nhiều võ tướng nhất cho đất nước.

Truyền thống đặc sắc nêu trên của Quảng Ngãi không chỉ được nhìn từ góc độ đấu tranh vũ trang hay tài năng quân sự đơn thuần, mà phải nhìn ở tầm cao hơn là tính tiên phong cách mạng của con người Quảng Ngãi. Truyền thống và đức tính ấy đã được chứng minh trong lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc. Trong thời kỳ đổi mới và đang tìm con đường phát triển kinh tế - xã hội của Quảng Ngãi ngày nay, truyền thống tiên phong cách mạng lại càng cần được phát huy để Quảng Ngãi có được những bước đột phá trong xây dựng kinh tế - xã hội. Giữ vững và phát huy truyền thống quý báu ấy là vinh dự và trách nhiệm của Đảng bộ và các thế hệ con người Quảng Ngãi ngày nay.

# YẾU TỐ CĂN CỨ ĐỊA CÁCH MẠNG TRONG CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI

ĐỖ THỊ NGUYỆT QUANG\*

**D**ưới ánh sáng Nghị quyết lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, từ cuối 1959 đầu năm 1960, nhân dân ta ở miền Nam đã vùng lên tiến hành cuộc "đồng khởi" - những cuộc khởi nghĩa từng phần thắng lợi, đập tan bộ máy cai trị của Mỹ - Diệm, lập nên chính quyền cách mạng ở những vùng đất mới trở về tay nhân dân.

Trong cao trào cách mạng đó, nổi bật nhất, tiêu biểu nhất là cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi ngày 28-8-1959. Cuộc khởi nghĩa đó đã đi vào lịch sử như một trong những cuộc khởi nghĩa từng phần đầu tiên trong giai đoạn chuyển mình của cách mạng miền Nam vào cuối năm 1959 đầu năm 1960.

50 năm đã trôi qua, đất nước ta đã có biết bao đổi thay trên bước đường xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, nhưng ngọn lửa quật khởi Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi vẫn mãi tỏa sáng.Ý chí cách mạng và tinh thần quyết chiến quyết thắng của nhân dân các dân tộc miền núi Quảng Ngãi vẫn còn âm vang mãi. Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã tô thắm thêm truyền thống yêu nước, cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi anh hùng.

---

\* Tiến sĩ, Viện Sử học.

Thắng lợi vang của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi được bắt nguồn từ nhiều nhân tố quan trọng và đã góp phần vào kho tàng kinh nghiệm quý báu trong cuộc chiến tranh nhân dân ở nước ta. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ đi sâu vào phân tích một trong các yếu tố đã góp phần vào thắng lợi của cuộc khởi nghĩa, đó là: *Yếu tố căn cứ địa cách mạng trong cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi*.

Hậu phương vững chắc luôn là nhân tố quan trọng quyết định thắng lợi của mọi cuộc chiến tranh. Đó là quy luật của các loại chiến tranh từ xưa đến nay. Nắm vững quy luật đó, kế thừa và phát huy truyền thống đánh giặc ngoại xâm của dân tộc và căn cứ vào kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng căn cứ địa hậu phương trên cơ sở xây dựng chế độ mới, làm chỗ dựa vững chắc cho cuộc chiến tranh cách mạng lâu dài. Để đi tới chiến thắng của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng (1959), dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy và quân dân các dân tộc Quảng Ngãi đã tích cực phá thế bao vây của địch, xây dựng hậu phương kháng chiến ngày càng vững mạnh.

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, trong 6 năm (1954-1960), nhân dân ta ở miền Nam phải đương đầu với biết bao khó khăn, thử thách trong cuộc "chiến tranh một phía" của kẻ thù. Cuộc "chiến tranh một phía" bắt đầu từ 1954 và trở nên cực kỳ tàn bạo trong những năm 1957-1959 sau khi Mỹ - Diệm tạm thời củng cố được bộ máy chính quyền và quân sự của chúng. Trong những năm này, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai Diệm - Nhu đã không từ một thủ đoạn dã man, tàn bạo nào để thành lập ở miền Nam Việt Nam một chế độ thực dân mới điển hình,

hòng đè bẹp phong trào cách mạng ở miền Nam và thực hiện cuồng vọng tiến công ra miền Bắc. Trước hành động đàn áp khủng bố điên cuồng của địch, cách mạng miền Nam đã bị tổn thất nặng nề.

Trong hoàn cảnh chung đó, Quảng Ngãi vốn là một địa phương có truyền thống yêu nước và cách mạng. Trong 9 năm kháng chiến, Quảng Ngãi là vùng tự do, căn cứ của cách mạng cho nên đã trở thành mục tiêu đánh phá hàng đầu của Mỹ - Diệm. Từ sau khi Mỹ - Diệm tiếp quản Quảng Ngãi và lần lượt chiếm đóng các huyện miền Tây Quảng Ngãi. Ở miền Trung Trung Bộ, tên Ngô Đình Cẩn lớn tiếng gào thét "tiêu diệt cộng sản". Chúng tổ chức phối hợp các hoạt động của bộ máy chính quyền, các tổ chức chính trị, tôn giáo phản động để đánh phá ác liệt phong trào. chúng lấy Quảng Ngãi làm trọng điểm. Ngay sau đó chúng tiến hành những chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng" đẫm máu đối với những người yêu nước và kháng chiến cũ. Ngay từ đầu, chúng đã trùm lên Quảng Ngãi một bộ máy cai trị phản động làm tay sai cho đế quốc Mỹ mang đầy tính phục thù giai cấp, dùng mọi thủ đoạn để thiết lập chính quyền ở huyện, xã... Từ giữa 1955 trở đi, nhất là từ 1956, cuộc khủng bố trấn của chế độ Diệm đạt tới quy mô, hệ thống dã man chưa từng có. Bộ máy ngụy quyền phản động gồm những tên ác ôn mang nặng thù hận với cách mạng đã được dựng lên ở Quảng Ngãi. Những cuộc lùng ráp của chúng diễn ra từ đồng bằng đến miền núi. Khắp tỉnh Quảng Ngãi nhà tù mọc lên như nấm, xã nào, thôn nào cũng có trại giam. Nhà lao Quảng Ngãi thường xuyên giam đến 5.000 người. Từ cuối năm 1955 và trong các năm 1957, 1958, 1959 chúng tích cực thực hiện những chính sách vô cùng phản động hòng củng cố chế độ độc tài phát xít mới được dựng lên. Có thể nói Quảng Ngãi đã trải qua một thời kỳ khó khăn

nhất. Cơ sở Đảng, cơ sở quần chúng cách mạng nhiều nơi bị vỡ, bị đứt liên lạc.

Tháng 7-1959, Mỹ - Diệm tung cả Sư đoàn 22 lên càn quét miền núi Trà Bồng. Chúng bắn phá, giết chóc, cướp phá mùa màng, phong tỏa kinh tế. Riêng Trà Bồng, hơn 1 trung đoàn tăng cường của địch chia làm 4 cánh tấn công đánh khắp cả 3 khu của huyện.

Tiếp theo các cuộc càn quét, đánh phá, địch mở nhiều cuộc hành quân "dân vận", dụ dỗ, mua chuộc nhân dân để thực hiện âm mưu củng cố chính quyền Ngô Đình Diệm, nhưng bị nhân dân tẩy chay.

Theo thống kê, phần lớn cán bộ cách mạng ở Quảng Ngãi bị bắt hoặc phải "điều lảng" đi nơi khác. Ở huyện Mộ Đức, toàn bộ cán bộ đã bị bắt. Huyện Tư Nghĩa bị mất 95% cán bộ. Các huyện khác như Bình Sơn, Sơn Tịnh 80% cán bộ bị sa vào tay giặc. Thậm chí ở miền núi, số cán bộ bị bắt cũng lên tới 20%<sup>(1)</sup>

Trước sự chống phá ác liệt của Mỹ - Diệm, nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã tìm mọi cách để bảo tồn lực lượng vốn được xây dựng từ trong kháng chiến chống Pháp, đồng thời tìm cách xây dựng và phát triển lực lượng mới, nhất là xây dựng cơ sở Đảng. Sau khi đánh giá hết những khó khăn, thuận lợi của phong trào cách mạng trong tỉnh, Tỉnh ủy đã gấp rút chuyển hướng các tổ chức lãnh đạo và tổ chức quần chúng cho thích hợp với tình hình mới để duy trì bằng được cơ sở cách mạng. Một trong những chủ trương lớn mà Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi đặc biệt quan tâm và kiên trì thực hiện là: Vấn đề

---

<sup>(1)</sup> Cao Văn Lượng, Phạm Quang Toàn, Quỳnh Cư: *Từng bước phát triển đồng khởi ở miền Nam*. Nxb Khoa học xã hội, H. 1981, tr. 135.

xây dựng căn cứ địa cách mạng - một trong những yếu tố quan trọng dẫn đến sự thành công của mọi cuộc cách mạng.

Vì muốn giữ vững được phong trào, không thể không có những nơi đứng chân an toàn cho các cơ quan lãnh đạo, cho các cán bộ hoạt động bí mật trong lòng địch, là nơi trú quân hoặc là cơ sở hậu cần... để từ đó có thể phát triển phong trào ra cả tỉnh. Trong khi chú trọng phong trào và phát triển cơ sở ở thị xã và thị trấn, một số khu an toàn được xây dựng cho tỉnh, cho các huyện ở cả nông thôn và đồng bằng, miền núi.

Sau đợt "tổ cộng" đầu tiên của Mỹ - Diệm, trước sự tàn bạo của kẻ thù, việc xây dựng và củng cố căn cứ địa an toàn đã trở thành một yêu cầu bức thiết. Căn cứ vào những đặc điểm riêng của miền núi, vận dụng địa thế hiểm trở của Trà Bồng và miền Tây Quang Ngãi, Ban lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi đã chủ trương chọn vùng cao Trà Bồng và Sơn Hà làm trung tâm căn cứ địa của tỉnh. Trong khi đó, Tỉnh ủy vẫn tích cực duy trì và phát triển các khu an toàn ở đồng bằng và giáp ranh.

Trong cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954), vùng tự do Liên khu V nói chung và Quảng Ngãi nói riêng, là một hậu phương kháng chiến vững chắc và có vị trí rất quan trọng. Bởi vậy, dù bị địch đánh phá ác liệt, vùng tự do Liên khu V vẫn đứng vững và ngày càng phát triển vững mạnh, đánh bại nhiều cuộc hành quân lấn chiếm của địch, hoàn thành tốt nhiệm vụ của hậu phương ở chiến trường miền Tây Đông Dương.

Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là một vùng có địa thế hiểm trở, có nhiều thuận lợi cho ta trong tác chiến du kích cũng như tác chiến chính quy. Đây thực sự là một căn cứ địa bất khả xâm phạm của cách mạng. Đồng bào các dân tộc ở đây có

truyền thống yêu nước cách mạng, một lòng tin tưởng, trung thành với Đảng và Bác Hồ. Giờ đây, trong cuộc đấu tranh chống Mỹ - Diệm, dựa vào vùng rừng núi, ta có thể xây dựng căn cứ địa vững chắc, tích lũy và phát triển lực lượng, đứng vững và chiến đấu lâu dài ngay trong những lúc khó khăn nhất. Khi phong trào ở đồng bằng bị địch khủng bố, nhiều cán bộ, đảng viên và quần chúng trung kiên đã lánh lên miền núi, dựa vào đồng bào các dân tộc để sống và hoạt động. Đó cũng chính là nguồn lực lượng cán bộ bổ sung làm nòng cốt cho phong trào cách mạng miền núi.

Cách mạng miền Nam đã trải qua thời kỳ khó khăn nhất. Trong thời kỳ này, nhân dân ta không thể "rút về phòng ngự", "trường kỳ mai phục" mà phải tiến hành chiến lược cách mạng tiến công. Quán triệt tư tưởng bạo lực cách mạng, tinh thần cách mạng tiến công, nên ngay trong "những năm đen tối" (1954-1959), Đảng ta đã tích cực chuẩn bị lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, xây dựng cơ sở Đảng, cơ sở cách mạng..., chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết để khi thời cơ đến đâu, phong trào tiến lên thành cao trào cách mạng.

Ngay từ cuộc kháng chiến chống Pháp, trên vùng đất này, tỉnh đã tạo dựng được hệ thống căn cứ địa vững chắc. Sự tái lập các khu căn cứ địa trên vùng đất của những căn cứ địa kháng chiến thời kỳ chống Pháp và sự tạo lập căn cứ địa mới đã tạo được điểm tựa và thế phát triển mới của phong trào.

Xuất phát từ nhận thức cho rằng xây dựng và củng cố căn cứ địa an toàn ở miền núi là một yêu cầu cấp thiết của Khu V và tỉnh Quảng Ngãi, trong giai đoạn từ 1954 đến 20-7-1956, Ban lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi đã tiến hành bốn cuộc hội nghị Tỉnh ủy bàn về vấn đề này. Cuộc họp đầu tiên được tổ chức vào

tháng 1-1955 ở xã Đức Minh, huyện Mộ Đức, bàn về việc xây dựng một số căn cứ như căn cứ Đá Sơn, căn cứ Phổ Cường, căn cứ Cà Đam (Trà Bồng) và vùng giữa Minh Long - Ba Tơ để kháng chiến lâu dài. Sau đó là cuộc họp ở Hoài Nhơn tháng 4-1955 để kiểm điểm tình hình và bổ sung cán bộ và tiếp đến ngày 25-10-1955, Tỉnh ủy Quảng Ngãi sau khi rút về hoạt động bí mật đã họp tại khu căn cứ Nam Trà Bồng ở chân núi Cà Đam đã khẳng định một số chủ trương lớn, trong đó nêu rõ: "Xác định việc xây dựng căn cứ địa cách mạng ở miền Tây và các căn cứ lõm ở đồng bằng, quyết định hợp các xã phía Nam huyện Trà Bồng (trước đây là các xã người Cor ở Sơn Hà) làm trung tâm căn cứ của tỉnh. Và, đến cuộc họp Tỉnh ủy ngày 27-5-1956, vấn đề căn cứ địa miền núi được đưa ra bàn rất kỹ, và khẳng định miền núi trước kia cũng như lúc này là căn cứ cách mạng tốt nhất, là nơi đứng chân của cơ quan lãnh đạo, nơi phát huy ảnh hưởng cách mạng để vận động quần chúng.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, nhờ nấm vũng đrowsing lối, phương châm của cách mạng, chấp hành nghiêm chỉnh chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, cán bộ và nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã mạnh dạn dựa vào sức mình là chính, giải quyết nhiều vấn đề trong công tác xây dựng và củng cố căn cứ địa cách mạng để giành thắng lợi. Ngay trong những ngày đen tối nhất, nhân dân các dân tộc Trà Bồng đã sáng tạo ra nhiều hình thức và phương pháp đấu tranh đạt hiệu quả nhất.

Ngay sau các Hội nghị nêu trên, cán bộ đảng viên đã tỏa về cơ sở, vận động, lãnh đạo nhân dân thực hiện các chủ trương của Tỉnh ủy. Vì thế, ngay trong những năm tháng đen tối, cách mạng vẫn xây dựng được niềm tin tuyệt vời vào thắng lợi cuối

cùng cho cán bộ và nhân dân. Chính sự gắn bó giữa cách mạng và quần chúng tạo nên một sức mạnh chính trị to lớn. Chính nhờ vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, tỉnh Quảng Ngãi đã hạn chế được những tổn thất, không những thế còn sắp xếp lại lực lượng quần chúng, củng cố được một số căn cứ cách mạng ở miền núi và đồng bằng. Vì thế mà khi phong trào ở đồng bằng tạm thời gặp khó khăn, tỉnh đã có chỗ đứng tương đối an toàn ở miền núi, lấy đó làm chỗ xuất phát điểm gây dựng và phát triển phong trào ra khắp tỉnh.

Trong giai đoạn đầu của việc xây dựng căn cứ địa, Đảng bộ đã chú trọng đặt vấn đề phải xây dựng căn cứ địa một cách toàn diện trên cả ba mặt: chính trị, quân sự và kinh tế, trong đó mặt chính trị có tầm quan trọng đặc biệt. Trong thời gian này lực lượng cách mạng miền núi cơ bản vẫn được giữ vững. Nhiều nơi ở miền Tây Quảng Ngãi như Trà Bồng, Ba Tơ địch không lập được ngụy quyền thôn xã. Một số hình thức đấu tranh có tính chất tự vệ của quần chúng được duy trì dưới những hình thức như tổ chức "tuần sương", "tráng đoàn" để trừ giặc bợn mật thám, thám báo và những tên ác ôn ra mặt khủng bố nhân dân.

Mặc dù có nhiều thủ đoạn tinh vi và rất tàn bạo nhằm tiêu diệt phong trào cách mạng ở Tây Nguyên và miền núi, nhưng trong những năm này địch không tạo được cơ sở của chúng trong đồng bào các dân tộc. Trong các đợt "tổ cộng", không có người dân nào ở miền Tây Quảng Ngãi khai báo với giặc. Nhân dân Cor đã biến những buổi lễ tổ cộng thành lễ nhắc nhớ công lao của Đảng. Bằng nhiều cách họ khẳng định Đảng đã bảo vệ nhân dân sản xuất, trồng quế, bỏ mê tín, dạy học văn hóa, ăn ở vệ sinh... Nhân dân lợi dụng một số hình thức sinh hoạt mang tính chất dân chủ giả hiệu của Mỹ - Diệm, để cử người của mình vào bộ máy cai trị của địch. Đối với việc địch thiết lập chính quyền

phản động trong thôn xã, cán bộ phải về cơ sở thực hiện 3 cùng một cách triệt để, để lãnh đạo quần chúng. Để chống lại các hình thức khủng bố của địch, vận động nhân dân các dân tộc dựa vào phong tục tập quán cổ truyền để chống lại các hình thức đàn áp, không cho địch lập ngụy quyền.

Nhờ các hình thức đấu tranh linh hoạt của các lực lượng cách mạng, mà ở Trà Bồng và các huyện miền núi khác, chỉ trừ một số xã sát các quận, lỵ, còn bộ máy ngụy quyền lập ra vẫn do ta khống chế. Nhiều xã vẫn do dân làm chủ. Trong các căn cứ địa đó, nhân dân miền núi Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Quảng Ngãi đã chống lại quyết liệt những thủ đoạn tàn bạo của địch trong những năm 1954-1956. Điều đáng chú ý, để chống lại âm mưu tiêu diệt lực lượng cách mạng của địch, nhiều nơi đã xuất hiện những hình thức vũ trang tự vệ, tiêu diệt ác ôn, trừu trị phản động bằng nhiều hình thức sáng tạo hợp với nhân dân miền núi.

Như trên đã nói, việc áp dụng một số hình thức đấu tranh chính trị và vũ trang có tính chất tự vệ khiến cho phong trào ở các huyện miền núi có những bước phát triển đáng phấn khởi. Sau khi hòa bình được lập lại, nhân lúc địch tập trung đánh phá ở đồng bằng, chưa bình định miền núi, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã tích cực củng cố và phát triển các cơ sở quần chúng. Bởi vậy, vai trò lãnh đạo của Đảng được tăng cường ở các xã miền núi.

Dựa vào địa thế hiểm trở của miền núi, theo chủ trương của Tỉnh ủy, số đông thanh niên được lánh ra rừng, ra rẫy. Các trại bí mật, sống bất hợp pháp của thanh niên được phát triển ở Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long. Ở đó thanh niên đã bám sát quê hương, tham gia sản xuất để tự túc cuộc sống. Họ được tổ chức thành đoàn nhỏ, gồm những thanh niên hoàn toàn tự nguyện. Ở những trại này, họ được sự lãnh đạo trực tiếp của cán

bộ, tổ chức thành đội ngũ để học văn hóa, chính trị. Họ trở thành lực lượng xung kích trong phong trào ở thôn xã, đảm nhận việc liên lạc, trinh sát, bảo vệ cơ quan, cán bộ, di vận động quần chúng. Họ tổ chức cắm chông, cài bẫy ngăn địch lùng sục, đồng thời là nòng cốt trong việc bảo vệ thôn xã. Cũng chính tại các trại bí mật này, thanh niên được học quân sự và dần dần được trang bị vũ khí thô sơ. Họ trở thành nguồn bổ sung cho lực lượng vũ trang cách mạng. Chính sự ra đời của lực lượng này đã làm tăng thêm sức mạnh đấu tranh bằng bạo lực của quần chúng, tăng thêm uy lực khiến cho kẻ thù phải chùn tay. Chính vì thế, các huyện miền núi Quảng Ngãi, nhất là Trà Bồng có nhiều thuận lợi để chuyển sang tiến hành vũ trang sống mái với quân thù ở giai đoạn sau.

Dựa trên sự đoàn kết của quần chúng nhân dân các dân tộc, dưới sự lãnh đạo của cơ sở Đảng, có thể nói, qua các đợt "tổ cộng" của địch, một đội ngũ cán bộ người dân tộc được đào tạo và thử thách.

Từ đầu năm 1957, các tổ chức lãnh đạo cơ sở ở Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ đều phát triển, kết nạp được những phần tử ưu tú trong thanh niên, vai trò lãnh đạo được tăng cường.

Để bảo vệ các khu căn cứ của miền núi chống sự đánh phá ác liệt của Mỹ - Diệm, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã nhanh chóng kịp thời chuyển hướng đấu tranh, chỉ thị cho các huyện, xã nhanh chóng vận dụng và kết hợp 3 hình thức đấu tranh: hợp pháp, nửa hợp pháp, bất hợp pháp. Các cấp ủy Đảng đã hướng dẫn nhân dân việc tổ chức và bảo vệ nương rẫy, thôn xóm theo cách nửa hợp pháp, vận động thanh niên thoát ly thôn xóm vừa để bảo vệ họ chống giặc bắt lính, vừa xây dựng lực lượng lâu dài để dần dần từng bước đưa phong trào theo hướng đấu tranh vũ trang mạnh mẽ. Ở nhiều xã đã hình thành

các đội vũ trang dưới hình thức các nhóm "trả đầu"; áp dụng những hình thức đấu tranh vũ trang có tính chất tự vệ của dân tộc. Nhiều xã ở Trà Bồng, phụ nữ và trẻ em cũng rủ nhau đi tiếp tế cho các nhóm vũ trang. Những vụ diệt ác, trừ gian nổ ra lẻ tẻ tự phát hoặc có lãnh đạo.

Trong quá trình đấu tranh một mất, một còn với địch, một số thôn, nóc hình thành những "khu bất hợp pháp" lúc đầu gồm những thanh niên lánh ra rừng để tránh sự lùng sục, khủng bố của địch, dần dần tổ chức thành những căn cứ chống lại các cuộc càn quét của chúng. Đây cũng chính là chỗ đứng chân đầu tiên của cán bộ, đảng viên. Miền Tây Quảng Ngãi cùng với Phú Yên là nơi có nhiều "khu bất hợp pháp" và là nơi hình thành căn cứ đứng chân sớm nhất của lãnh đạo huyện trong các tỉnh đồng bằng Khu V.

Cùng với sự ra đời của các "khu bất hợp pháp", nhiều nơi xuất hiện hình thức làm "rẫy cách mạng". Đây là hình thức tổ chức của cán bộ và quần chúng cách mạng nhằm tập hợp lực lượng lại để cùng nhau sản xuất và đấu tranh chống địch. "Rẫy cách mạng" thực chất là căn cứ, là chỗ đứng chân của cách mạng ở miền núi Khu V trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, dựa vào điều kiện địa hình rừng núi để giữ gìn, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng.

Các nhóm kháng chiến cũ, vũ trang tự vệ ở Vối Quýt, Phó Nia, Sơn Hà, các nhóm Lang, Cả Trươm (Trà Bồng), Hoi (Ba Tơ) là nơi tập hợp nhiều nhóm nhỏ, từ đó tạo thành một phong trào ngầm ngầm nhưng nhanh chóng lan rộng khắp miền Tây. Nhờ những hoạt động của các đội vũ trang mà bọn ác ôn ngoan cố bớt hung hăng, những người làm trong giới ngụy quân bắt đầu lo sợ. Căn cứ cách mạng vì thế được mở rộng nhanh chóng.

Từ cuối năm 1957-1958 trở đi, sau khi củng cố được chính quyền tay sai ở đồng bằng, Mỹ - Diệm tập trung lực lượng càn quét, khủng bố miền núi, xây dựng và củng cố bộ máy kìm kẹp của chúng ở các thôn bản miền Tây Quảng Ngãi. Lần này, Mỹ - Diệm thực hiện chính sách khủng bố ác liệt, tàn bạo, chia từng mảng, quyết nhổ sạch các cơ sở cách mạng, phá cho kỳ được địa bàn quan trọng và tiêu diệt các lực lượng cách mạng. Riêng Trà Bồng, bên cạnh cả trung đoàn lính, chúng còn tung thêm 12.000 lính Hrê để tăng cường đòn áp, khống chế.

Sau khi thành lập được chính quyền tay sai ở một số xã, huyện miền núi Quảng Ngãi, Mỹ - Diệm tìm cách kìm kẹp, khống chế nhân dân rất chặt chẽ. Chúng thực hiện chính sách di dân, tách nhân dân khỏi vùng kháng chiến cũ, tăng cường lập đồn bốt, bắt thanh niên đi đắp đường, xây đồn bốt... Cùng với hệ thống đồn bốt cũ, hình thành một hệ thống đồn bốt bao vây Trà Bồng, chặn các ngả đường giao thông, tiếp tế...

Trước sức đòn áp khốc liệt của kẻ thù, phong trào cách mạng các huyện miền núi bị tổn thất nặng nề. Nhưng địch càng khủng bố ác liệt thì phong trào cách mạng càng được tôi luyện và trưởng thành. Âm mưu của chúng là biến Tây Nguyên và miền Tây Liên khu V thành căn cứ quân sự lớn nhằm khống chế cách mạng Đông Dương và cả vùng Đông Nam Á.

Ở vùng cao Trà Bồng, Minh Long, Sơn Hà, Ba Tơ và vùng đầu nguồn sông Re nhờ dựa vào địa thế tự nhiên tốt, nên mặc dù địch đánh phá ác liệt, lực lượng lãnh đạo, cơ sở quần chúng chẳng những được bảo vệ an toàn mà còn được tăng cường.

Để bảo tồn khu căn cứ cách mạng và phong trào cách mạng của quần chúng trước sự đánh phá ác liệt của kẻ thù, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã nhanh chóng và kịp thời chuyển hướng đấu

tranh, chỉ thị cho các huyện, xã phải vận dụng kết hợp chặt chẽ ba hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và bất hợp pháp, mọi hình thức đấu tranh sẵn có để bảo vệ khu căn cứ và đưa phong trào cách mạng tiến lên.

Những chủ trương sáng suốt trên được nhân dân các dân tộc Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi hưởng ứng nhiệt liệt. So với giai đoạn trước, vấn đề xây dựng căn cứ địa ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi được tiến hành một cách toàn diện hơn: vừa xây dựng căn cứ địa vừa xây dựng hậu phương tại chỗ cho phong trào cách mạng của tỉnh.

Đặc biệt, từ giữa năm 1955 trong chỉ thị về công tác dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, Trung ương Đảng đã nêu lên vị trí quan trọng của Tây Nguyên và vạch rõ âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mỹ đối với Tây Nguyên và đã nêu phương hướng xây dựng căn cứ Tây Nguyên trước hết là củng cố vùng giải phóng (trong kháng chiến chống Pháp) và vùng du kích ở phía Bắc, phía Nam. Mùa thu năm 1958, Trung ương Đảng ra chỉ thị "Về nhiệm vụ trước mắt ở Tây Nguyên", chính thức giao cho Đảng bộ và nhân dân Liên khu V "Xây dựng Tây Nguyên thành căn cứ địa của ta ở miền Nam, phá tan âm mưu xây dựng trung tâm căn cứ của Mỹ - Diệm, tạo điều kiện, đón thời cơ tranh thủ chủ động trong mọi tình thế.

Chỉ thị nói trên của Trung ương Đảng đã đặt cơ sở quan trọng cho sự phát triển của cách mạng Khu V trong những năm 1954-1959. Quán triệt chỉ thị của Trung ương Đảng, mùa thu năm 1958, Khu ủy Khu V đã họp Hội nghị kiểm điểm tình hình, phân tích những nguyên nhân, thiếu sót chủ quan làm cho cách mạng gặp khó khăn tổn thất nặng nề và sự cẩn thiết về xây dựng căn cứ địa miền núi. Khu cũng chủ trương phát triển một cách phổ biến hình thức vũ trang tự vệ của quần chúng vừa đấu

tranh hoạt động du kích ở những nơi có địa thế thuận tiện, đi đôi với đẩy mạnh phong trào cách mạng Tây Nguyên, với đồng bằng Khu V và phong trào Nam Bộ.

Nhờ có những chủ trương đúng đắn và dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, lực lượng cách mạng ở miền núi Khu V đã phát triển nhanh chóng. Theo thống kê, đến cuối năm 1958, các khu "bất hợp pháp" đã phát triển thành những khu căn cứ đứng chân vững chắc của cách mạng như: Tung Bảng, Cô Sia, Tân Túc, Đắc Min... (Công Tum); Huyện 2, Huyện 7 (An Khê); Nam - Bắc đường 9 (Trị Thiên) và đặc biệt là Sơn Hà, Trà Bồng, Ba Tơ (Quảng Ngãi).

Chính trong lúc Quảng Ngãi có nhiều tổn thất nặng nề trước sự tấn công điên cuồng của địch với các chiến dịch "tố cộng", "đồng tâm diệt cộng", thì Tỉnh ủy nhận được tài liệu "*Bàn về cách mạng miền Nam*" do đồng chí Lê Duẩn soạn thảo. Văn kiện lịch sử đó đã chỉ rõ con đường của cách mạng miền Nam là: Chỉ có thể dùng con đường bạo lực cách mạng chống quân thù thì mới bảo vệ được mình và tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Tháng 2-1958, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã họp tại trung tâm căn cứ Trà Bồng, nhanh chóng và kịp thời bàn việc chuyển trọng tâm công tác, chỉ thị cho các huyện xã phải vận dụng và kết hợp chặt chẽ cả ba hình thức đấu tranh: hợp pháp, bất hợp pháp và nửa hợp pháp để từng bước đưa phong trào lên theo hướng đấu tranh vũ trang mạnh mẽ.

Cuộc đấu tranh quyết liệt của nhân dân Trà Bồng chống các thủ đoạn đàn áp của địch trong những năm 1957-1958 chủ yếu bằng các hình thức vũ trang tự vệ: cắm mìn, gài chông bảo vệ buôn rẫy hạn chế sự đe doạ càn quét của địch. Đánh giá về

các hình thức hoạt động này, Tỉnh ủy cho rằng sau khi áp dụng một số hình thức đấu tranh vũ trang có tính chất tự vệ của nhân dân như tục "trả đũa"... khí thế đấu tranh của nhân dân được nâng cao hơn, và việc diệt các đồn được đẩy mạnh lên. Vì vậy, để bảo vệ căn cứ địa không thể không đẩy mạnh các hình thức đấu tranh tự vệ cùng với đấu tranh chính trị của quần chúng.

Cùng với toàn miền núi Liên khu V, tại Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng phát triển mạnh và nội dung chống bắt lính, bắt xâu, chống thuế, chống phá hoại mùa màng, chống bọn công vụ đi lùng sục. Nổi bật là các phong trào đòi tự do đi làm, đòi đi lại đồng bằng để mua gạo, muối, vải. Phong trào này có tác dụng tạo điều kiện tiếp tế cho cán bộ cách mạng và cung cấp lương thực dự trữ để kháng chiến lâu dài. Tất cả những hoạt động "cầm chông", "gài bẫy", tục "trả đũa"... từ 1956 trở về trước diễn ra lẻ tẻ. Từ 1957 trở đi và nhất là từ khi hình thành các tổ chức bất hợp pháp có tính chất vũ trang trong thôn xóm, khí thế đấu tranh trong việc diệt ác trừ gian được thường xuyên hơn.

Ở giai đoạn này hình thức đấu tranh chính trị kết hợp chặt chẽ với đấu tranh vũ trang bằng vũ khí thô sơ để tự vệ đã nảy sinh trong quần chúng. Nhiều nơi đã tổ chức ra tự vệ nhân dân và du kích mật làm nòng cốt cho phong trào vũ trang quần chúng. Trong những tháng đầu năm 1959, quần chúng nhân dân nổi dậy chống đồn dân, phá đồn giặc... Chính những cuộc nổi dậy đầu tiên đó đã mở rộng và củng cố hơn nữa căn cứ cách mạng.

Từ nhận thức đó, Tỉnh ủy đưa ra chủ trương cụ thể: Đối với miền núi, đẩy mạnh việc xây dựng vùng căn cứ du kích, mà trung tâm là Trà Bồng, Ba Tơ, Sơn Hà, động viên tổ chức vũ

trang tự vệ cách mạng... Không những thế, Tỉnh ủy còn đặt vấn đề xây dựng cơ sở vật chất, thành lập đội nông binh, chuẩn bị lương thực dự trữ để kháng chiến lâu dài.

Có thể xem Hội nghị Tỉnh ủy tháng 2-1958 là Hội nghị mở đầu cho việc vũ trang khởi nghĩa ở Quảng Ngãi. Bởi vì, sau Hội nghị này, vấn đề khởi nghĩa giành chính quyền đã được đẩy mạnh, các địa phương chuẩn bị mọi mặt để đón thời cơ khởi nghĩa. Đặc biệt, ngày 25-8-1958, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp ở Trà Bùi (Trà Bồng), kiểm điểm tình hình và thảo luận phương hướng, thực hiện chỉ thị của Liên khu ủy Khu V: chuẩn bị và tiến hành vũ trang khởi nghĩa ở Quảng Ngãi. Trong điều kiện mới của cách mạng, Tỉnh ủy đặc biệt quan tâm đến vấn đề phát động tư tưởng với cán bộ và nhân dân, việc củng cố tổ chức, đồng thời đẩy mạnh sản xuất tự túc trong nhân dân, thành lập các trạm sản xuất, dự trữ muối, vải...". Cụ thể: Lập các Đội quyết tử để diệt ác ôn với danh nghĩa cá nhân, tránh mũi dùi phản công càn quét của giặc. Giữ được thế hợp pháp. Chú ý phát huy truyền thống, tập quán của đồng bào các dân tộc, đặc điểm của núi rừng. Kết hợp việc đẩy mạnh chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa cùng với việc thực hiện chính sách dân tộc.

Tiếp đó, ngày 2-6-1958 Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng gồm cả các cán bộ miền Tây nghe Nghị quyết của Tỉnh ủy và bàn biện pháp thực hiện. Tám mươi đại biểu của 8 khu đã về dự. Các đại biểu nhất trí với chủ trương thành lập các Ban quân sự của các khu, các xã vùng cao và chuẩn bị cho người tham gia vào lực lượng vũ trang của tỉnh.

Để mở đầu cho việc phát động nhân dân chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa và nhằm xây dựng hậu phương căn cứ địa vững mạnh

toàn diện, tạo thành một thế trận phòng thủ vững chắc, trong năm 1958, Tỉnh ủy liên tiếp mở các cuộc đại hội, hội nghị của các tầng lớp nhân dân ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi nhằm củng cố khối đại đoàn kết nhất trí với các dân tộc trong sự nghiệp cách mạng, nhằm làm cho họ hiểu rõ đường lối cách mạng và kêu gọi họ đứng hẳn về phía nhân dân. Khởi đầu, ngày 7-7-1958, tại Gò Rô (xã Trà Phong), vùng cao Trà Bồng, Đại hội nhân dân Trà Bồng khai mạc. Về dự Đại hội có 200 đại biểu của 4 dân tộc Cor, Cà Dong, Kinh, Hrê. Tiếp đó, Trà Bồng còn mở nhiều hội nghị khác như Hội nghị các già làng thôn nóc ở từng xã, từng khu; Hội nghị thanh niên toàn huyện... Các hội nghị trên đã thúc đẩy những người yêu nước đi theo cách mạng, cô lập bọn phản động và góp phần xây dựng, củng cố khu căn cứ về mặt chính trị, tư tưởng, giác ngộ quần chúng nhân dân. Cả Trà Bồng sôi sục khí thế chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền. Khí thế đấu tranh chống Mỹ - Ngụy sôi nổi chưa từng thấy.

Đầu năm 1959, Hội nghị Trung ương ra Nghị quyết 15 đã vạch ra đường lối cách mạng miền Nam. Dưới ánh sáng đường lối của Đảng, phong trào cách mạng của nhân dân miền Nam phát triển mạnh mẽ, tạo ra những chuyển biến nhảy vọt. Quan điểm của Đảng ta trong việc xây dựng căn cứ địa được nêu lên rất cụ thể và toàn diện. Vì vậy, tháng 8-1959, Bộ Chính trị ra Chỉ thị "Về việc xây dựng căn cứ địa cách mạng ở Tây Nguyên".

Bộ Chính trị vạch rõ: "Việc xây dựng thành công căn cứ địa Tây Nguyên chẳng những có tác dụng rất lớn đối với cách mạng ở miền Nam mà còn có tác dụng to lớn bảo vệ miền Bắc, đồng thời ảnh hưởng vô cùng quan trọng đối với cách mạng Lào và Campuchia". Bộ Chính trị xác định rõ: Tây Nguyên là căn cứ chính của cách mạng ở miền Nam, tạo thế mạnh cho cách mạng

miền Nam chuyển sang tấn công địch và góp phần tích cực bảo vệ miền Bắc.

Quán triệt Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng và Chỉ thị của Bộ Chính trị, Khu ủy cũng như Tỉnh ủy Quảng Ngãi cùng các tỉnh bạn trong khu đã quan tâm đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng, phát triển phong trào cách mạng nói chung, đặc biệt là xây dựng và củng cố căn cứ địa miền núi làm chỗ dựa lâu dài cho cách mạng, đồng thời tạo ra những địa bàn đứng chân ở đồng bằng để tiến hành khôi phục cơ sở, xây dựng lực lượng ở đồng bằng.

Nhiệm vụ của Khu V lúc ấy là tập trung lực lượng chỉ đạo các cuộc khởi nghĩa từng phần ở miền núi (bao gồm Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh đồng bằng). Do được chuẩn bị từ trước, phong trào mở rộng giành quyền làm chủ đã trở thành cao trào khởi nghĩa, phát triển mạnh mẽ và rộng rãi trên toàn miền núi Khu V từ sau khi có Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng.

Như đã phân tích, từ giữa năm 1956 trở đi, địch củng cố được bộ máy cai trị ở các huyện đồng bằng và đánh phá làm thiệt hại nặng các cơ sở cách mạng ở đây, vì vậy cán bộ, đảng viên còn sống sót phải chạy dạt lên rừng. Ở vùng cao Trà Bồng, Minh Lương, Ba Tơ, Sơn Hà và vùng đồn sông Re, nhờ dựa vào địa thế tự nhiên tốt, nên mặc dù địch đánh phá các tỉnh, lực lượng lãnh đạo, cơ sở quần chúng chẳng những được bảo vệ an toàn mà còn được tăng cường sức chiến đấu. Đến khi có Nghị quyết 15, phong trào đồng bằng mới dần dần hồi phục để đến cuối năm 1959, huyện Bình Sơn có 16 chi bộ, Tư Nghĩa có 3 chi bộ, Nghĩa Hành có 2 chi bộ, Mộ Đức có 1 chi bộ, huyện Đức Phổ có 18 chi bộ. Ở miền núi phong trào phát triển nhanh và mạnh, 20 xã của Trà Bồng và 10 xã của Sơn Hà đều có chi bộ.

Các huyện Ba Tơ, Minh Long hầu hết các xã có chi bộ. Đây là một trong những điều kiện cơ bản để cuộc khởi nghĩa Trà Bồng nổ ra sớm, và nhanh chóng giành thắng lợi<sup>(1)</sup>

Trong thời kỳ chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa, cán bộ và nhân dân ở đây không ngừng sáng tạo, phát huy truyền thống yêu nước, phát huy điểm mạnh của dân tộc mình để dần dần chuyển hướng phong trào phối hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang. Về mặt quân sự, tỉnh đã thực hiện vũ trang toàn dân ở một trình độ cao, xây dựng và phát triển làng chiến đấu. Trên cơ sở các tổ chức du kích bí mật, thanh niên thoát ly bí mật, các nhóm vũ trang dưới nhiều hình thức, Tỉnh ủy đã tích cực xây dựng các đơn vị bộ đội độc lập. Cụ thể, ngày 3-3-1959, tại thôn Nước Xoay - Cà Dong, xã Trà Thọ, huyện Trà Bồng, đã khai sinh đơn vị vũ trang đầu tiên: Đơn vị 339 gồm 33 người, trong đó có 22 chiến sĩ dân tộc Cor, 10 người Kinh và 1 Hrê. Sau khi thành lập, các chiến sĩ trong đơn vị đã phân tán về các xã xung yếu làm nòng cốt trong việc xây dựng lực lượng vũ trang của tỉnh.

Tiếp sau đó, cũng tại khu căn cứ Trà Bồng, ngày 19-8-1959, tại thôn Tà Ngôn, xã Sơn Lập, Sơn Hà, đơn vị 89 cũng chính thức ra đời. Trung đội có 36 người gồm 4 người Kinh, còn lại là người Hrê và Cà Dong... Và ngày 2-9-1959, đơn vị tập trung 3 thứ quân của tỉnh cũng làm lễ tuyên thệ tại thôn Xà Siêng, ở biên giới 2 huyện Minh Long và Ba Tơ.

Như vậy, để làm nòng cốt cho công cuộc chuẩn bị, cho việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương và cho cuộc khởi nghĩa

---

<sup>(1)</sup> Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975), tập II. Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 297.

cướp chính quyền sê nổ ra, ở miền Tây Quảng Ngãi đã có 3 đơn vị vũ trang tập trung được huấn luyện, tổ chức chặt chẽ và trang bị đầy đủ.

Mặt khác, tại khu căn cứ, tỉnh và huyện cũng rất quan tâm xây dựng hậu phương tại chỗ về mặt kinh tế nhằm biến núi rừng thành nơi cung cấp sức người, sức của lâu dài và gian khổ của cuộc kháng chiến, đồng bào các dân tộc đã phát nương làm rẫy, thi đua tích trữ lương thực, thực phẩm cho cách mạng và giải quyết từng bước nạn đói, nạn thiếu muối cho nhân dân.

Đặc biệt, khi được sự đồng ý của cấp trên, ngày 25-5-1958, Tỉnh ủy họp tại xã Trà Bàn nghe phổ biến ý kiến của Khu ủy, ra Nghị quyết xây dựng căn cứ miền Tây và đề ra phương châm đấu tranh ba vùng ở miền núi. Trong Hội nghị này, Tỉnh ủy cũng quyết nghị củng cố phục hồi các tổ chức thanh niên, phụ nữ, nông dân, phụ lão để tập hợp các phần tử tích cực trong các tầng lớp nhân dân các dân tộc, rút thanh niên lên núi lập các đơn vị vũ trang, lập các đội quyết tử diệt ác ôn với danh nghĩa "trả thù nhà", đổi tên các đội nông binh đã xây dựng ở Nà Niu, Nước Tang, Nước Em và các huyện giáp ranh thành "trại sản xuất". Bên cạnh các hoạt động chuẩn bị mọi mặt cho vũ trang khởi nghĩa, các huyện miền núi cũng dấy lên một phong trào tăng gia sản xuất. Những "rẫy cách mạng" để nuôi cán bộ và các tổ chức vũ trang nơi đâu cũng có; nhiều tổ đổi công, vần công được thành lập. Việc tích trữ muối, vải, nông cụ được thực hiện khẩn trương. Đồng bào Kinh giúp đồng bào Thượng, vùng đồng bằng tương trợ miền núi có đủ nhu yếu phẩm tự túc trong 3 năm.

Việc hình thành và củng cố căn cứ địa miền núi Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã có một vai trò hết sức quan trọng không những trong thời kỳ chuẩn bị khởi nghĩa chống lại Mỹ -

Diệm, mà cả trong suốt quá trình 21 năm chống lại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Ngày 28-8-1959, với những điều kiện thuận lợi mang tính chủ quan và khách quan trong đó có điều kiện về căn cứ địa cách mạng, cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã giành được thắng lợi hết sức to lớn. Thắng lợi này đã có sức động viên lớn phong trào toàn tỉnh. Từ Trà Bồng, ngọn lửa đồng khởi nhanh chóng lan rộng toàn miền núi Khu V. Những cuộc nổi dậy từng phần đó đã tạo ra nhiều vùng giải phóng ở miền núi Khu V. Cho đến cuối năm 1959 đầu 1960, miền núi Khu V đã xuất hiện thành thế cài răng lược. Vùng giải phóng - vùng căn cứ cách mạng, ngày càng mở rộng. Phạm vi chiếm đóng, kìm kẹp của địch ngày càng bị thu hẹp. Và có thể khẳng định, phong trào khởi nghĩa từng phần của quân và dân ta đến những năm 1959-1960 tiêu biểu khắp miền Nam giành được thắng lợi trong đó vai trò của hệ thống căn cứ địa là nhân tố và bộ phận trọng yếu trong đường lối phát triển của cách mạng miền Nam. Sự hình thành và phát triển của hệ thống căn cứ địa ở miền núi trong những năm 1954-1959 đã khẳng định rõ ràng nhận định này. Nó đã có vai trò tác dụng rất lớn trong việc bảo tồn, tích lũy lực lượng, tạo điều kiện cho phong trào đấu tranh cách mạng phục hồi và phát triển mạnh mẽ.

# CHIẾN THẮNG TRÀ BỒNG VÀ PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI Ở MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI VÀ BẮC TÂY NGUYÊN

NGUYỄN TUẤN TRIẾT\*

**T**rong lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi (nổ ra vào ngày 28.8.1959) là một trong những sự kiện rất nổi bật. Bốn mươi lăm năm qua, chiến thắng Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã được đề cập trong nhiều sách báo và nói chung diễn biến của sự kiện này đã được tái hiện khá rõ. Tuy nhiên, thực tế cho thấy vẫn cần phải tiếp tục nghiên cứu, đặt sự kiện này trong bối cảnh lịch sử rộng lớn hơn, xem xét toàn diện hơn vai trò của các lực lượng tham gia khởi nghĩa, làm rõ thêm các quan hệ và tác động của chiến thắng Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi với phong trào cách mạng trên toàn vùng để đánh giá đúng tầm vóc và thấy hết những bài học kinh nghiệm quý báu.

Với cách đặt vấn đề như vậy, tham luận này góp phần tìm hiểu chiến thắng Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi trong phong trào đồng khởi ở miền Tây Quảng Ngãi và Bắc Tây Nguyên.

Trong quá khứ, miền Tây Quảng Ngãi và Bắc Tây Nguyên đã có mối quan hệ đặc biệt về môi trường địa lý và không gian lịch sử - văn hóa. Đặc biệt, vào năm cuối của kháng chiến chống Pháp, vùng giải phóng miền Tây Quảng Ngãi và Bắc Tây

---

\* Tiến sĩ. Giám đốc Trung tâm nghiên cứu Tây Nguyên, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

Nguyên đã thể hiện rõ tầm quan trọng trong tiến trình cách mạng không chỉ đối với khu V, mà còn có những đóng góp rất tích cực, kịp thời vào thắng lợi trên chiến trường toàn quốc và chiến trường phối hợp ba nước Đông Dương.

Chính vì vậy, tháng 7.1954, sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta kết thúc thắng lợi, đế quốc Mỹ và bọn tay sai Ngô Đình Diệm ra sức phá hoại Hiệp định Giơnevơ, tìm mọi cách để thay thực dân Pháp thống trị miền Nam Việt Nam bằng chủ nghĩa thực dân kiểu mới. Chúng lập ra hệ thống tổ chức bộ máy ngụy quyền, ráo riết triển khai các hoạt động nhằm quản lý lãnh thổ, kiểm soát dân cư, tìm diệt đảng viên Đảng Cộng sản, khủng bố những người yêu nước, hòng xóa bỏ những thành quả cách mạng mà nhân dân ta đã giành được từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 và trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, v.v... Chúng đặc biệt chú ý đến việc đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân ta, tìm mọi thủ đoạn phá hoại khôi đoàn kết các dân tộc, mà miền Tây Quảng Ngãi – Bắc Tây Nguyên là một trong những địa bàn trọng điểm. Đặc biệt, từ năm 1958, Mỹ - Diệm mở chiến dịch “Thượng du vận”, ráo riết thi hành chính sách gom xúc đồng bào các dân tộc ít người từ miền Tây các tỉnh khu V lên Tây Nguyên, tập trung vào các khu dinh điền mà chúng đặt cho cái tên hoa mĩ là “Trung tâm phát triển điền địa” để mị dân, v.v...

Vào thời gian này, ở miền Tây Quảng Ngãi – Bắc Tây Nguyên có nhiều cán bộ người Kinh cùng cán bộ các dân tộc ít người đi về các buôn làng, thực hiện “ba cùng” với đồng bào, ngăn chặn những thủ đoạn phá hoại của địch, phát động nhân dân đoàn kết xây dựng phong trào cách mạng.

Mỹ - Diệm ra sức tăng cường lực lượng quân sự cho chiến dịch “Thượng du vận”. Quân ngụy thẳng tay trấn áp những nơi nào chống lệnh chúng.Ầu không khí tang thương uất hận trùm lên khắp rừng núi miền Tây Quảng Ngãi – Bắc Tây Nguyên. Đồng bào các dân tộc buộc phải cầm vũ khí thô sơ và công cụ sản xuất để chống bọn ác ôn gom dân đốt buôn phá rẫy, đồng thời tổ chức lực lượng và sáng tạo nhiều hình thức che giấu, bảo vệ cán bộ cách mạng.

Lúc này, trong số những cán bộ, đảng viên được điều chuyển địa bàn, có một số đồng chí từ miền Tây Quảng Ngãi lên hoạt động ở Tây Nguyên. Ở đây, lòng nhân hậu, tình thương cao cả, sự hy sinh, chịu đựng vô bờ bến của đồng bào các dân tộc trên vùng núi rừng miền Tây Quảng Ngãi – Bắc Tây Nguyên đã có ý nghĩa quyết định đối với việc bảo vệ và nuôi giấu cán bộ, đảng viên trước lưỡi lê, họng súng và máy chém của quân thù. Nếu như vào thời gian này ở Đất Mũi – Cà Mau xuất hiện những “Làng Rừng” thì ở miền Tây Quảng Ngãi – Bắc Tây Nguyên, đồng bào các dân tộc đã tổ chức di dời làng cũ, lập ra những buôn làng mới có bố phòng vũ trang tự vệ bằng vũ khí thô sơ để khẳng định sự bất hợp tác với địch, xây dựng những trại bí mật của thanh niên, lập ra các tổ chức vũ trang tự vệ theo hình thức nhóm với những tên gọi khác nhau, như “nhóm trả đầu”, “tổ bảo vệ dân tộc”, “tổ bảo vệ thanh niên”... Đó là cơ sở để hình thành những căn cứ cách mạng ở miền Tây Quảng Ngãi có liên hệ mật thiết với Bắc Tây Nguyên.

Lần đầu tiên trong cách mạng miền Nam có một hình thức khởi nghĩa vũ trang kết hợp với phong trào chính trị của quần chúng. Trước khi cuộc khởi nghĩa nổ ra quân ngụy đã mở nhiều cuộc hành quân quy mô hòng đánh phá khu căn cứ miền Tây

Quảng Ngãi, trọng điểm là Trà Bồng. Vào thời gian này, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp Hội nghị mở rộng để nghiên cứu học tập Nghị quyết Trung ương lần thứ 15, quán triệt chủ trương đẩy mạnh công việc chuẩn bị, sẵn sàng phát động quần chúng đứng lên khởi nghĩa khi có thời cơ và điều kiện đảm bảo thắng lợi<sup>(1)</sup>.

Trà Bồng đã tích cực chuẩn bị và đang đứng trước ngưỡng cửa của một cuộc khởi nghĩa.

Thời cơ đến, ngày 28.8.1959, khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi bùng nổ. Trước khí thế nổi dậy mãnh liệt của quần chúng, hàng loạt đồn bốt địch bị bao vây, phần lớn binh sĩ ngụy quân bỏ đồn bốt, tháo chạy về quận lỵ; bộ máy ngụy quyền ở hầu hết các xã tan rã. Ở một số vị trí mà quân địch ngoan cố, lực lượng 339 đã kịp thời hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy uy hiếp, bức hàng và bức rút đồn bốt địch.

Để giữ vững thành quả đã giành được và phát huy thắng lợi của khởi nghĩa ở Trà Bồng, Tỉnh ủy Quảng Ngãi chỉ đạo các địa phương tích cực tổ chức lực lượng, kiên quyết chống lại địch. Các đơn vị vũ trang tập trung của tỉnh (lúc này có các đơn vị 339, 89, 299) được lệnh phân tán về các địa bàn trọng điểm hỗ trợ cho nhân dân nổi dậy.

Từ đêm 29.8.1959, làn sóng khởi nghĩa lan nhanh ra các huyện miền núi Tây Quảng Ngãi. Đồng bào các dân tộc trên khắp các địa bàn này nhất tề nổi dậy, được sự hỗ trợ kịp thời của

---

<sup>(1)</sup> Hội nghị đã quyết định khẩn trương phát triển lực lượng vũ trang tập trung để kịp thời hỗ trợ cho quần chúng trong tỉnh nổi dậy đồng khởi. Sau Hội nghị này, đại đội vũ trang tập trung thứ hai của tỉnh Quảng Ngãi là Đại đội 89 được thành lập vào ngày 19-8-1959 tại Trà Ngôn (Sơn Lập, Sơn Hà), lúc đầu có 39 cán bộ và chiến sĩ. Tiếp đó, Đại đội 299 được thành lập tại Xà Riêng (nơi giáp ranh hai huyện Ba Tơ và Minh Long) vào ngày 2-9-1959.

các đơn vị vũ trang, đã bao vây bức hàng, bức rút hàng loạt đồn bốt địch và làm tan rã hệ thống bộ máy chính quyền địch ở địa phương, kịp thời thành lập chính quyền tự quản của nhân dân, xây dựng xã ấp chiến đấu liên hoàn, lập lực lượng vũ trang tại chỗ, v.v... Cùng với các xã thuộc huyện Trà Bồng, trên 40 xã thuộc các huyện miền núi Tây Quảng Ngãi được giải phóng, hình thành một dải căn cứ liên hoàn nối liền với các khu căn cứ đang hình thành ở Bắc Tây Nguyên.

Như vậy, chỉ trong thời gian ngắn, lửa khởi nghĩa từ Trà Bồng đã lan ra khắp các huyện miền Tây Quảng Ngãi, trở thành cuộc khởi nghĩa lớn trên địa bàn rộng, giành thắng lợi vẻ vang.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi diễn ra vào thời điểm đặc biệt, đã chứng tỏ là một hình thức độc đáo, có sáng tạo mang tính chiến lược, thực sự có tác động to lớn và quan trọng, trực tiếp cổ vũ phong trào đồng khởi ở Nam Trung Bộ và Bắc Tây Nguyên phát triển mạnh mẽ.

*Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là cuộc khởi nghĩa có quy mô rộng, giành được thắng lợi lớn đầu tiên ở miền Nam từ khi có Nghị quyết Trung ương lần thứ 15 của Đảng ta. Thắng lợi này là thực tiễn sinh động khẳng định sự đúng đắn về chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng ta, nhằm hoàn thiện phương thức đấu tranh vũ trang giải phóng miền Nam.*

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là mốc lịch sử báo hiệu sự mở đầu cho phong trào đồng khởi ở miền Nam Trung Bộ và Bắc Tây Nguyên, trở thành một trong những sự kiện rất tiêu biểu, một nét son trong lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước của tỉnh Quảng Ngãi, của khu V và của toàn miền Nam.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã diễn ra cách đây 45 năm, nhưng tinh thần của chiến thắng mãi ngời sáng, có ý nghĩa to lớn về giáo dục truyền thống và để lại bài học kinh nghiệm quý báu cho chúng ta vận dụng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

# **TẦM VÓC CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NÓ TRONG CUỘC ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN TA Ở MIỀN NAM**

**NGUYỄN VĂN MINH\***

**45** năm trước, vào ngày 28.8.1959, cuộc Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi bùng nổ, đánh một đòn chí mạng vào chính quyền tay sai Mỹ không chỉ riêng ở Quảng Ngãi mà cả miền Nam Việt Nam. Sự kiện này như là hồi chuông báo trước cơn bão táp cách mạng của nhân dân miền Nam nhất định sẽ nổ ra.

Cuộc Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi nổ ra trong bối cảnh phong trào cách mạng miền Nam bị dìm trong biển máu bằng các chiến dịch “tố cộng, diệt cộng”, “Luật 10/59” và bằng những trận càn quét, khủng bố liên miên của quân đội, cảnh sát chính quyền Sài Gòn. Các cơ sở cách mạng bị địch phá hoại làm cho một số cán bộ, đảng viên và quần chúng hoang mang, dao động, trong khi đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam chưa được xác định rõ ràng và cụ thể. Cán bộ, đảng viên, quần chúng bị áp bức cùng cực muốn vùng lên đánh đổ Mỹ - Diệm, nhưng không tìm được lối đi, lại sợ cấm trên phê bình, bắt tội. Trên thế giới, các nước xã hội chủ nghĩa đang thực thi con đường cùng tồn tại hòa bình, giữ cách mạng trong thế thủ. Liên Xô, Trung Quốc lại bất đồng về đường lối, mâu thuẫn phát sinh ngày càng gay gắt giữa hai nước lớn. Họ khuyên ta

---

\* Đại tá. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam.

nên thi đua xây dựng hòa bình giữa hai miền, chờ đợi thời cơ... Có thể nói đây là thời kỳ khó khăn nhất của phong trào cách mạng ở miền Nam từ sau Hiệp định Giơnevơ và đây cũng là thời kỳ khủng hoảng về đường lối và phương hướng cách mạng ở miền Nam.

Tình hình Quảng Ngãi cũng tương tự như vậy, trong các năm 1956, 1957, 1958 đảng viên và các tổ chức Đảng ở các huyện đồng bằng bị địch phá hoại, cán bộ cốt cán bị sát hại, phong trào đấu tranh bị dập tắt. Những đảng viên, cán bộ còn sống sót sau những trận khủng bố thì nằm im không hoạt động được, số khác phải chạy dạt lên miền núi dựa vào địa thế hiểm trở để bảo toàn lực lượng và gây dựng phong trào. Ở bốn huyện miền Tây Quảng Ngãi địch đã lập được chính quyền tay sai cấp huyện, quận và bắt đầu xây dựng chính quyền cấp xã xung quanh các quận lỵ, thiết lập hệ thống đồn bốt, tháp canh để không chế kiểm soát nhân dân. Mặc dù vậy, cán bộ, đảng viên hoạt động ở bốn huyện miền Tây vẫn bám sát quần chúng, sát phong trào nên lãnh đạo giải quyết kịp thời những bức xúc của nhân dân trong đấu tranh, trong xây dựng căn cứ miền Tây và xây dựng lực lượng. Trong hoàn cảnh ấy, lực lượng lãnh đạo ở bốn huyện này chẳng những được bảo toàn, chi bộ Đảng được củng cố, mà còn được tăng cường về số lượng, chất lượng từ các huyện đồng bằng lên.

Cuối năm 1958, sau cơn khủng bố trắng của địch, ở các huyện đồng bằng chi bộ đảng nhiều nơi dần dần được phục hồi, riêng miền núi 20 xã của Trà Bồng, 10 xã của Sơn Hà đều có chi bộ Đảng. Các huyện Ba Tơ, Minh Long hầu hết các xã có chi bộ Đảng. Đây là điều kiện cơ bản của cách mạng được Đảng bộ Quảng Ngãi mà trước hết là Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh tạo ra một cách bất ngờ trong tình hình mà khủng bố, chém giết

những người dân vô tội được coi là nhiệm vụ chủ yếu của kẻ cầm quyền. Đánh đổ một chế độ độc tài, phát xít như vậy dù là ở phạm vi một địa phương cũng không phải dễ dàng. Bởi vì chế độ tay sai Mỹ ở miền Nam, ở cấp trung ương hay địa phương cũng đều tập hợp chung quanh nó những tên tư sản mại bản thân Mỹ, những thế lực địa chủ phong kiến và những phần tử công giáo phản động chống lại nhân dân, thì những người cách mạng không được chủ quan, coi thường mà phải tỉnh táo, chuẩn bị kỹ càng trước về mọi mặt để khi có thời điểm thích hợp (thời cơ) thì phát động quần chúng vào cuộc tiến công không được sớm một phút vì như vậy sẽ bỏ lỡ thời cơ. Lãnh đạo Quảng Ngãi ý thức được điều này đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc Quảng Ngãi chuẩn bị kỹ càng về mọi mặt, sẵn sàng đón trước thời cơ hành động. Bởi vậy, trong nhiều nơi ở miền Nam còn lúng túng về phương châm, phương pháp đấu tranh chống đế quốc Mỹ thì Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã biết dựa vào *quần chúng, tin tưởng quần chúng và vì quyền lợi của quần chúng* để tập hợp lực lượng, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi.

Hội nghị Gò Rô tháng 7.1958 là một minh chứng cho tư tưởng lớn đó. Tại Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ VI (ngày 25.5.1958) thông qua kế hoạch xây dựng căn cứ miền Tây, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã tìm ra được *phương châm đấu tranh ba vùng ở miền núi là vùng cao, vùng thấp, vùng giáp ranh đồng bằng và phương pháp đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang*. Đó là một sáng tạo xuất sắc về phương châm, phương pháp cách mạng của Quảng Ngãi để chỉ đạo cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi mà mãi sau này trong nghị quyết tháng 1.1961 của Bộ Chính trị khi bàn về “phương hướng, nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam”, Đảng ta mới xác định phương châm

đấu tranh 3 vùng và chính trị song song với vũ trang (vùng rừng núi, vùng nông thôn đồng bằng, vùng đô thị). Sở dĩ Tỉnh ủy Quảng Ngãi sớm nhận ra và chủ trương đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang trên cả 3 vùng là vì cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi được chuẩn bị khá kỹ trong thời gian 4 năm 10 tháng kể từ Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Ngãi đầu tiên sau Hiệp định Giơnevơ được ký kết, đồng thời kế thừa kinh nghiệm cuộc khởi nghĩa Ba Tơ năm 1945 và 9 năm kháng chiến chống Pháp. Trong Hội nghị tháng 10.1954, Tỉnh ủy bàn sắp xếp lại tổ chức và phương châm, phương pháp đấu tranh mới và xác định con đường giải phóng Quảng Ngãi phải là con đường bạo lực cách mạng. Từ Hội nghị đầu tiên đến cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, Tỉnh ủy Quảng Ngãi tiến hành 10 cuộc hội nghị và *dều kiên định tư tưởng cách mạng tiến công và con đường bạo lực cách mạng*, trong đó Hội nghị tháng 2.1958, ở xóm Di Ngâu bàn về việc chuẩn bị tích trữ vật chất, đẩy mạnh sản xuất tự túc, xây dựng lực lượng vũ trang được coi là Hội nghị mở đầu cho chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi.

Thời gian là sức mạnh, 4 năm 10 tháng là quãng thời gian không dài nhưng cũng không ngắn cho một quá trình cách mạng ở một vùng rừng núi đa số là đồng bào dân tộc ít người không biết chữ, sống du canh, du cư, ý thức được khả năng của mình mà chuyển từ “tự phát” sang “tự giác” tự nguyện đứng vào hàng ngũ cách mạng của nhân dân, chiến đấu chống kẻ thù xâm lược và áp bức. Trong thời gian đó, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã giắc ngộ, vận động thanh niên các dân tộc ít người thành lập 4 đơn vị vũ trang trước, trong và sau cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, mò mẫm trong rừng sâu, vượt qua đồn bốt của địch

tìm súng chôn giấu trước khi tập kết lực lượng ra Bắc để trang bị cho các đơn vị; Xây dựng căn cứ, tích trữ lương thảo, chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức, bố trí sắp xếp lực lượng cho cuộc khởi nghĩa. Đó là một kỳ công trong công tác chuẩn bị của toàn Đảng bộ và toàn dân trước khi cuộc khởi nghĩa nổ ra, không thể một sớm một chiều mà làm được như vậy.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi nổ ra lúc kẻ thù xâm lược là đế quốc Mỹ mạnh nhất thế giới, là một siêu cường chưa từng bị thua trận trong các cuộc chiến tranh trước đó, nên rất hung hăng, xảo quyệt. Chính quyền Ngô Đình Diệm tay sai của Mỹ được xây dựng, củng cố trở thành một chính quyền độc tài, phát xít, có một đội quân 10 sư đoàn chính quy, trang bị hiện đại, được chúng liệt vào loại mạnh nhất, nhì Đông Nam Á. Xe tăng, máy bay, tàu chiến Mỹ trang bị cho quân ngụy hàng ngày làm chủ mặt đất, bầu trời, mặt biển miền Nam Việt Nam, yểm trợ cho quân lính hành quân, càn quét tàn phá làng mạc, ruộng vườn, giết người, cướp của, nhưng không gặp một sự kháng cự nào đáng kể. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi bùng nổ vào lúc 5 giờ sáng, đúng thời cơ, khi quân thù chưa kịp đối phó. Đó là *cuộc chiến công chọc trời có ý nghĩa chiến lược, là trận đột phá khẩu xuất sắc* của quân chúng cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng vào khâu yếu nhất của chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Bất ngờ và kinh ngạc bởi lần đầu tiên nhân dân các dân tộc Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đập tan ách thống trị của Mỹ - Diệm, giành quyền làm chủ trên một vùng rộng 3.600 km<sup>2</sup> có tầm chiến lược quan trọng bằng 2/3 diện tích của toàn tỉnh, chọc thủng một mắt xích trọng yếu trong hệ thống cai trị của Mỹ - ngụy. Một cuộc khởi nghĩa có tầm vóc to lớn và ý nghĩa thời đại sâu sắc.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi có thể ví như một đương lượng nổ cực mạnh làm rung chuyển chính quyền ngụy ở nhiều tỉnh, thành phố, có tác động tích cực đến phong trào đấu tranh chống Mỹ - Diệm không chỉ ở Quảng Ngãi mà cả Trung Trung bộ, góp phần thúc đẩy phong trào đấu tranh cách mạng trên toàn miền Nam. Sau cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, nhân dân các dân tộc làng Xung Ia O ở An Khê, Mang Khênh (Kon Tum), Buôn Sâm (Đắc Lắc) nổi dậy diệt ác, giành quyền làm chủ và một phong trào vũ trang diệt ác nổi lên khắp các tỉnh đồng bằng khu V.

Ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ như Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận các đội vũ trang công tác đã thọc sâu được xuống đồng bằng, diệt ác ôn ở Ba Ngòi (Khánh Hòa), Dư Khánh (Ninh Thuận), Năm Chân (Bình Thuận), xây dựng cơ sở có kết quả. Khí thế của quần chúng cách mạng đang nhen nhóm lại được thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng cổ vũ, quân dân Ninh Thuận đã đánh bại cuộc càn quét của 6 tiểu đoàn chủ lực ngụy vào căn cứ Bắc Ái mang tên "Tây Khánh Bắc Ninh"; Quân dân Quảng Ngãi đã đánh bại cuộc càn của Sư đoàn 22 quân Cộng hòa lên miền Tây Quảng Ngãi, bảo vệ thắng lợi căn cứ Trà Bồng... Tác động cuộc khởi nghĩa Trà Bồng có sức lan tỏa rộng và sâu trên toàn miền Nam. G.Sappa (Georges Chaffar) nghiên cứu hai cuộc chiến tranh Việt Nam (từ Valuy đến Westmoreland) ghi nhận rằng: Mọi việc khởi đầu từ tháng 8.1959 tại tỉnh Quảng Ngãi, dân tộc Cor là người đầu tiên đứng lên khởi nghĩa, tiêu diệt một đồn binh quốc gia trong quận Trà Bồng và lấy đi 54 khẩu súng. Nơi gương dân tộc Cor các bộ lạc lân cận đã liên kết với những người khởi nghĩa chống Diệm. Tin vụ biến động tại Quảng Ngãi đã truyền đến Nam Kỳ, ở khắp nơi những cán bộ Việt Minh thoát khỏi các cuộc đàn áp của Diệm

đã họp nhau lại bàn tán tin này. Và cuộc chống đối vũ trang đầu tiên của nhân dân các dân tộc Trà Bồng đã tác động và được coi như một khích lệ. Họ liên bàn nhau tìm cách tập hợp lực lượng chống Diệm.

Nhân lúc Mỹ - Diệm lo đổi phó với cách mạng ở Quảng Ngãi, Bình Định, Ninh Thuận những tháng cuối năm 1959, hoạt động vũ trang chống Diệm nổi lên ở các tỉnh Cà Mau, Kiến Phong, Kiến Tường, An Xuyên, Bến Tre, Long An, Cần Thơ... Tháng 12.1959, trong một báo cáo tóm tắt về tình hình Quân khu V (lúc này là các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long), Bộ Tổng tham mưu ngụy đã ghi nhận như sau: “Tình hình đặc biệt nghiêm trọng, bởi ngoài các vụ khủng bố, ám sát thường xuyên, hoạt động vũ trang của Việt cộng gia tăng. Nhiều vụ phục kích các toán tuần tiễu của ta (ngụy) và đột nhập vào các cơ sở hương thôn, Việt cộng còn tấn công cả ban ngày bằng súng máy và phóng lựu đạn vào Châu Thành, tỉnh Kiến Tường. Rõ ràng Việt cộng tiếp tục theo đuổi chủ trương tập trung như vụ biển ở Quảng Ngãi và cố gắng tạo thế chủ động với các hoạt động táo bạo như chấp nhận giao tranh... nhất là ở các tỉnh Kiến Phong, Kiến Tường, An Xuyên, Kiên Giang...”<sup>(1)</sup>. Chúng ta không cho rằng cuộc khởi nghĩa Trà Bồng đã tác động làm cho phong trào đấu tranh ở Nam Bộ bột khởi. Nam Bộ có đặc điểm riêng, nhưng cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đối với Nam Bộ có thể ví như một chất xúc tác làm cho quá trình phản ứng hóa học nhanh hơn. Đó là sự tác động qua lại tất yếu của các phong trào đấu tranh cách mạng giữa các vùng, miền cùng chung kẻ thù, cùng chung mục đích.

---

<sup>(1)</sup> Tóm tắt tình hình Quân khu V trong tháng 12-1959 của Bộ Tổng tham mưu quân đội Việt Nam Cộng hòa. Tài liệu đánh máy, lưu trữ tại Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam – Bộ Quốc phòng.

Từ cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, chúng ta có thể rút ra một số bài học hữu ích sau đây:

*Một là*, những người lãnh đạo bất kể trong hoàn cảnh nào phải luôn kiên định tư tưởng chiến lược tiến công và quán triệt quan điểm bạo lực cách mạng. Ngày nay, trong xây dựng hòa bình, tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thì tư tưởng cách mạng tiến công và bạo lực cách mạng là “cái chìa khóa” để giữ gìn an ninh, trật tự và an toàn xã hội, giữ gìn biên cương của Tổ quốc và lãnh thổ của từng vùng, miền. Kẻ thù luôn phá ta trên nhiều mặt từ cục bộ đến toàn cục, nếu ta thỏa hiệp, nhân nhượng thì địch sẽ lấn tới. Tình hình sau Hiệp định Paris do không nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công và quan điểm bạo lực cách mạng, thậm chí có nơi lãnh đạo còn chỉ thị thực hiện “5 cấm chỉ”, nên mất đất, mất dân, cách mạng gặp muôn vàn khó khăn, chỉ khi có Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương thì tình hình mới chuyển biến.

*Hai là*, Đảng phải dựa vào dân, tin dân, vì quyền lợi của nhân dân và dân tộc mà phục vụ. Dựa được vào dân, người lãnh đạo phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Từ xa xưa, ông cha ta đã có quan điểm “Tịnh vi dân, động vi binh”, ngày nay, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng thì cấp ủy các địa phương cần phải dựa vào dân, tin dân, phải chăm lo đời sống cho dân, chăm lo xây dựng, củng cố mặt trận đoàn kết mà nòng cốt là liên minh công-nông-trí thức. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã minh chứng cho sức mạnh Đảng dựa vào dân, tin dân và phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong bàn định chủ trương, trong chuẩn bị vật chất, tinh thần, lực lượng cho cuộc khởi nghĩa.

Ba là, kiên quyết chống tham ô, trừ độc, trừ tham, trừ bạo ngược, làm trong sạch nội bộ Đảng và chính quyền, làm lành mạnh các mối quan hệ xã hội. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi cho thấy rõ cán bộ, đảng viên rất kiên quyết, trong sáng, lăn lộn trong phong trào cùng ăn, cùng ở, cùng làm và cùng suy nghĩ, lo toan với dân, nên đã quy tụ được các dân tộc vào một khối đoàn kết thống nhất, kiên quyết chiến đấu chống kẻ thù chung dù có khổ cực cũng chịu đựng. Đảng, nhân dân một ý chí, một hành động, v.v...

Những bài học từ cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi để lại cho chúng ta hôm nay vẫn là những giá trị bền vững có thể vận dụng trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng vào bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi mãi mãi là niềm tự hào của nhân dân Quảng Ngãi và cả nước.

# SỰ KẾT HỢP GIỮA LỰC LƯỢNG QUẦN CHÚNG VÀ VŨ TRANG KHỞI NGHĨA TRONG CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI

LÊ TẤN TỎA \*

Cuộc Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đến nay đã tròn 45 năm (28.8.1959 - 28.8.2004), nhưng việc đánh giá đúng vai trò, vị trí, tầm cõi của nó chưa thật đầy đủ, chưa xứng đáng với sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, giải phóng tinh nhà, cũng như đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Cuộc Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là cuộc khởi nghĩa vũ trang huy động được mọi tầng lớp nhân dân nổi dậy lật đổ chính quyền độc tài phát xít, tay sai của đế quốc Mỹ được trang bị đầy đủ vũ khí đạn dược và các phương tiện hiện đại, lập nên chính quyền tự quản của nhân dân, tiếp theo là chiến đấu kiên cường chống lại sự phản kích của địch, giữ vững thành quả cách mạng từ 28.8.1959 mãi đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30.4.1975).

Ở đây cần thấy rõ tương quan lực lượng địch - ta lúc bấy giờ, đánh giá đúng vai trò lãnh đạo của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, vai trò quần chúng nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi.

Tôi xin ghi lại một số nội dung về nhận định, đánh giá của Tỉnh ủy Quảng Ngãi trong các cuộc Hội nghị Tỉnh ủy để thấy

---

\* Nguyễn Khu ủy viên Khu V - Nguyễn Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Nghĩa Bình.

rằng sự chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã được chuẩn bị kỹ từng bước.

Hiệp định Giơnevơ (1954) được ký kết, thực dân Pháp phải công nhận nước Việt Nam độc lập, tự do, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, nhưng tạm thời chia làm hai miền: từ vĩ tuyến 17 ra Bắc hoàn toàn giải phóng, từ vĩ tuyến 17 vào Nam còn do thực dân Pháp và chính quyền Bảo Đại tạm thời quản lý, chờ hai năm tổng tuyển cử sẽ thống nhất nước nhà.

Trước thất bại của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ tìm mọi cách để can thiệp và dần dần hất cẳng thực dân Pháp, độc chiếm miền Nam Việt Nam. Đế quốc Mỹ ép Pháp đưa Ngô Đình Diệm - một tên tay sai do Mỹ nuôi dưỡng, đào tạo về làm Thủ tướng chính phủ bù nhìn, mệnh danh là chính phủ Việt Nam Cộng hòa.

Sau khi hoàn thành tập kết chuyển quân, chính quyền Ngô Đình Diệm thanh trừng nội bộ, đàn áp tiêu diệt các giáo phái như Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng, trả thù những người kháng chiến, thực hiện chính sách "tố cộng", hòng tiêu diệt cho hết lực lượng cộng sản ở miền Nam Việt Nam với khẩu hiệu "giết nhầm còn hơn bỏ sót" gây nên một không khí khủng bố, bắn giết, tàn sát khủng khiếp, rùng rợn bao trùm cả miền Nam.

Ở Quảng Ngãi đến tháng 5.1959, ta đã hoàn thành việc tập kết chuyển quân, bàn giao cho chính quyền Sài Gòn quản lý.

Quảng Ngãi từ một tỉnh tự do suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp, nhân dân được hưởng cuộc sống tự do dân chủ, được hưởng nhiều quyền lợi như giảm tô, giảm tức, được chia cấp ruộng đất, được học hành, được tự do đi lại làm ăn, nay lại sống dưới chế độ đàn áp, bóc lột, khủng bố của địch đã

gây ra một không khí lo âu, buồn tủi, luyến tiếc bao trùm trong quần chúng nhân dân. Thôn xóm vắng tiếng ca, tiếng hát, tiếng cười của thanh thiếu niên, ban đêm làng xóm tối đen chỉ có tiếng chó sủa, tiếng mõ cầm canh của bọn mật vụ do thám đi rình mò, bắt bớ những người cách mạng. Đúng như nhà thơ Nguyễn Bính mô tả:

*“Ru con mà dạ pháp phồng  
Đường thôn loạn bước, chúng lùng bắt dân”.*

Về phần Đảng, cán bộ đảng viên, một số đi tập kết, số còn lại phần nhiều là hoạt động công khai, lộ mặt chưa có kinh nghiệm hoạt động trong vùng địch, nay chuyển hướng hoạt động bí mật nên rất bỡ ngỡ, lúng túng. Tuy Tỉnh ủy có lập Ban chuyển hướng hoạt động bí mật, nhưng chưa có kinh nghiệm, chỉ nghe các đồng chí cũ kể lại một số kinh nghiệm hoạt động công khai hợp pháp thời Pháp thuộc, nên rất lúng túng trong bố trí, sắp xếp cán bộ, lúng túng về phương pháp, phương thức đấu tranh chống địch.

Quảng Ngãi lại có vấn đề lịch sử để lại, ở đồng bằng có vụ xử trị Cao Đài hồi Cách mạng tháng Tám 1945, ở miền núi có vụ Sơn Hà. Năm 1955, bọn ác ôn Đinh Ngô, Đinh Ênh kéo quân về tìm cách trả thù.

Chính quyền Ngô Đình Diệm dựa vào bọn Quốc dân Đảng phản động, bọn bất mãn trong 9 năm kháng chiến, ngóc đầu dậy tìm mọi cách “tố cộng, diệt cộng” trả thù cán bộ kháng chiến, chúng bắt bớ, tra tấn, đánh đập, giết chóc không cần luật pháp. Nhà tù, trại giam mọc lên như nấm, mỗi thôn xã đều có nhà giam, phòng tra tấn, đêm đêm vang lên tiếng kêu khóc thảm thương của người dân vô tội.

Trước tình hình không cân sức, một bên có chính quyền, có quân đội, có bộ máy đàn áp trang bị đầy đủ vũ khí đạn dược, có mạng lưới tình báo dày đặc, một bên là nhân dân tay không chỉ dựa vào pháp lý Hiệp định Giơnevơ, đấu tranh hợp pháp bằng lý lẽ một chiêu khó lòng thắng được kẻ địch.

Nhiều ý kiến của nhân dân và cơ sở, đề nghị cho diệt một số tên ác ôn ở địa phương, để chặn bàn tay gian ác của kẻ địch. Lãnh đạo của tỉnh và huyện cũng thấy bức xúc, đồng tình nhưng không dám quyết, sợ vi phạm Hiệp định Giơnevơ, sợ sai đường lối đấu tranh hòa bình của Đảng, nên kiên trì giải thích, chịu đựng, “sức tích lực lượng chờ thời cơ”. Có một số cơ sở quá uất ức đề nghị cán bộ cho họ ra miền Bắc gặp Bác Hồ, gặp Trung ương, xin phép cho đánh, chứ để thế này không sao chịu nổi. Có một số cụ già giải thích: “Thằng địch nó mới đến như cái cây mới trồng, ta nhổ sớm đi thì tốt, để lâu nó mọc rễ cái, rễ con làm sao nhổ nổi, Đảng phải thấy và lo trước thì hơn”.

Các cuộc họp của Huyện ủy, Tỉnh ủy đều nêu ý kiến thắc mắc của cơ sở và nhân dân nhưng chưa ai có ý kiến giải đáp.

Đến tháng 7.1956, Mỹ - Diệm tuyên bố xóa bỏ Hiệp định Giơnevơ, để quốc Mỹ hất cẳng thực dân Pháp, thực hiện chính sách thực dân kiểu mới ở miền Nam Việt Nam. Chúng tăng cường viện trợ cho chính quyền Ngô Đình Diệm, như Ngô Đình Diệm đã từng tuyên bố: “Biên giới Hoa Kỳ kéo dài đến Vĩ tuyến 17”. Chúng thực hiện chế độ độc tài gia đình trị, thẳng tay tàn sát những người cộng sản, đàn áp phong trào cách mạng. chúng tổ chức bộ máy kìm kẹp rất chặt chẽ sát thon ấp, tổ chức liên gia, thập gia, liên bảo để “tố cộng, diệt cộng”. Chúng lập ra các ấp chiến lược khu dồn cố đẩy cán bộ, đảng viên, lực lượng cách mạng ra khỏi quần chúng theo kinh nghiệm chống cộng ở Mã Lai: “Tát nước, bắt cá”.

Chúng tổ chức hệ thống tình báo mật vụ dày đặc, theo dõi giám sát chặt chẽ các cơ sở cách mạng chúng tình nghi, gây một không khí căng thẳng trong quần chúng. Chúng phao tin kẻ này khai người kia chỉ điểm, tạo ra một không khí ngờ vực lẫn nhau, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, làm cho cha không tin con, anh không tin em, vợ không tin chồng, không ai dám liên hệ bàn bạc cùng nhau.

Do đó, từ năm 1956 đến giữa năm 1957, các cơ sở của ta bị bể vỡ, các cán bộ thoát ly bị bắt, bị giết, bị tù đày, các nhà lao quận, tỉnh đầy ắp cơ sở cách mạng, có nơi tổn thất gần 90 đến 100% cán bộ thoát ly. Có huyện như Mô Đức, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành không còn cán bộ lãnh đạo, cơ sở bị đứt liên lạc không móc nối được.

Ở miền núi, bọn Đinh Ngô, Đinh Ênh kéo quân về tàn sát hàng loạt quần chúng, chúng giết chết đồng chí Đinh Chiêu, Huyện ủy viên huyện Sơn Hà. Một số ác ôn, cà rá phản động ở Sơn Hà dựa vào bọn Ngô, Ênh đánh phá, trả thù cách mạng một cách dã man. Một số xã ở vùng thấp Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long, chúng lập được chính quyền phản động. Các xã vùng cao Sơn Hà (Khu 7 Sơn Tây) và vùng cao Trà Bồng, quần chúng đấu tranh trì hoãn không chịu cử người ra lập chính quyền của địch cho nên cơ sở Đảng và đoàn thể các xã này còn duy trì sinh hoạt được. Một số bọn ác ôn ở Sơn Hà lúc đầu còn hung hăng táo tợn gây nhiều tội ác với nhân dân, nhưng một thời gian thấy vắng bóng. Tìm hiểu các tên này có nhiều tội ác nên nhân dân căm thù, họ tìm cách trừu trị bí mật rồi đổ cho đi núi bị cọp ăn, bị rắn độc cắn chết, qua suối bị chết trôi..., cán bộ huyện, tỉnh đồng tình làm ngơ.

Trong thời gian này ở đồng bằng ta tổ chức một số cuộc đấu tranh quần chúng kéo vào quận lỵ, thị trấn, thị xã, đòi địch

thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi Tổng tuyển cử thống nhất nước nhà, chống di dân và đòi tự do đi lại làm ăn, chống khủng bố, chống bắn giết, đi lính, đòi dân sinh, dân chủ nhưng không ngăn chặn được bàn tay đẫm máu của Mỹ - Diệm.

Trước tình hình cơ sở bị bể vỡ hàng loạt, cán bộ thoát ly bị bắt, bị giết, tù dày, khí thế phong trào cách mạng quần chúng bị trùt dài, tư tưởng dao động, bi quan xuất hiện trong một số cán bộ. Tỉnh ủy quyết định triệu tập cuộc hội nghị vào ngày 18.2.1958 tại thôn Di Ngâu, xã Trà Thọ (Trà Bồng) để kiểm điểm, đánh giá lại tình hình địch, ta, đánh giá phong trào chung trong tỉnh, kiểm điểm kỹ cơ sở của từng huyện, số cán bộ thoát ly của mỗi huyện ai còn, ai mất, thấy tổn thất chung rất nặng nề. Ở miền núi các xã vùng cao cơ sở Đảng và quần chúng còn giữ được, một số xã vùng thấp của Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long nơi nào ta tranh thủ trấn áp được bọn ác ôn, ngụy quyền xã thôn thì ta giữ được cơ sở, quần chúng ít bị kìm kẹp, cán bộ ít bị tổn thất, thấy tác dụng của quần chúng bí mật trị bọn ác ôn gian ác. Ở đồng bằng trừ một số nơi ác liệt, cơ sở bị bể vỡ, còn một số xã, thôn ta tranh thủ nắm được ngụy quyền xã, thôn thì ta duy trì được cơ sở như một số xã ở các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Đức Phổ.

Cuộc họp này được đồng chí Tám Tú, Bí thư Tỉnh ủy truyền đạt nghị quyết Khu ủy và thảo luận bản Đề cương về cách mạng miền Nam của đồng chí Lê Duẩn nói về bạo lực cách mạng, về khởi nghĩa vũ trang. Cả Tỉnh ủy như tiếp được luồng sinh khí mới, đáp ứng được nguyện vọng lâu nay mong ước, ai nấy đều hồn hởi, phấn khởi, tin tưởng, nhưng đồng chí Tám Tú dặn là chưa có ý kiến Trung ương và Khu ủy nên phải chờ cấp trên.

Tỉnh ủy cử hai đồng chí Phạm Thanh Biền và Đinh Mô về Khu trình bày ý kiến Tỉnh ủy và xin chỉ thị.

Sau cuộc họp Tỉnh ủy lần thứ 5 được tiếp thu một số quan điểm mới về bạo lực cách mạng nêu cán bộ, đảng viên bám sát vào quần chúng, vận động, giáo dục quần chúng, tìm mọi biện pháp tranh thủ bọn ngụy quyền xã, thôn, gửi thư cảnh cáo số lùng chừng, trấn áp số xấu, tìm, mòi nỗi lại một số cơ sở bị đứt, số cơ sở ở tù ra, sau một thời gian cơ sở quần chúng được phục hồi ở một số xã, một số chi bộ Đảng thôn, xã được củng cố như ở Bình Sơn, Sơn Tịnh, Đức Phổ. Một số xã ta xây dựng được cơ sở, thuần khiết được nội bộ quần chúng, nắm được ngụy quân, ngụy quyền, tạo được chỗ đứng cho cán bộ thoát ly đi lại hoạt động dễ dàng gọi là căn cứ lớn như Đồng Lớn, An Diêm - Bình Chương (Bình Sơn), Thanh Sơn, Nga Mân - Phổ Cường (Đức Phổ), Tịnh Thọ, Tịnh Trà (Sơn Tịnh) gọi là căn cứ lõm trong vùng địch...

Tìm bắt mối liên lạc lại số cơ sở bị đứt ở Mộ Đức, Tư Nghĩa và Nghĩa Hành, đường dây liên lạc của tỉnh và huyện được thông suốt. Ở miền núi, cơ sở các xã vùng cao vẫn giữ được sinh hoạt bình thường, các xã vùng thấp như Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà cũng phát triển và mở rộng.

Sau khi đồng chí Phạm Thanh Biền và Mười Mô đi họp về, có ý kiến chỉ đạo của Thường vụ Khu ủy, Tỉnh ủy triệu tập cuộc họp lần thứ 6 vào ngày 25.5.1958 tại nóc ông Cương xã Trà Bùi, chân núi Cà Đam.

Hội nghị học tập thảo luận kỹ đường lối, phương hướng cách mạng miền Nam và ý kiến chỉ đạo của Thường vụ Khu ủy, liên hệ đối chiếu tình hình trong tỉnh, Tỉnh ủy nhận thấy tình hình địch có nhiều thủ đoạn gian ác, nhưng nếu ta kiên quyết bám sát dân, liên tục tấn công địch bằng cả hai mặt pháp lý và bạo lực có thể đẩy lùi âm mưu đánh phá của địch. Qua kinh nghiệm rút ra từ Hội nghị lần thứ V của Tỉnh ủy, thấy tình hình

trong tinh có một sự chuyển biến rõ rệt. Vì vậy, muốn đẩy phong trào tinh nhà tiến lên, phải khắc phục tư tưởng hữu khuynh, co thủ theo kiểu “ổ kén”, mà phải có tư tưởng tấn công, phải có bạo lực. Muốn thế phải có căn cứ mạnh, phải đẩy hoạt động trên cả ba vùng hỗ trợ nhau: miền núi, nông thôn, đồng bằng, thị trấn, thị xã,...

Qua kinh nghiệm thực tế ở một số xã của Sơn Hà, quần chúng tự động diệt một số ác ôn, thì bọn địch bớt hung hăng, quần chúng bớt bị khủng bố, cán bộ thoát ly đi lại dễ dàng, ít bị tổn thất, ở đồng bằng nơi nào ta biên thư, rải truyền đơn hoặc đột nhập vào nhà các tên ngụy quyền gian ác cảnh cáo, sau đó chúng bớt gian ác.

Tỉnh ủy đã bàn bạc và thông qua phương án xây dựng căn cứ địa ở miền Tây Quảng Ngãi, toàn diện cả về kinh tế, chính trị và vũ trang. Căn cứ chia làm 3 vùng, khu trung tâm căn cứ (an toàn khu) gồm các xã vùng cao của Sơn Hà, Trà Bồng, Ba Tơ, phương châm đấu tranh là bất hợp pháp, không thừa nhận chính quyền địch, nơi nào địch lập được chính quyền thì tìm cách xóa bỏ, vô hiệu hóa. Vùng đệm giáp căn cứ thì đấu tranh nửa hợp pháp, vùng thấp có chính quyền địch giữ thì thế hợp pháp và nửa hợp pháp, giữ quan hệ đi lại buôn bán làm ăn với vùng địch.

Thông qua kế hoạch xây dựng vùng giáp ranh, các huyện đồng bằng giáp miền núi, kế hoạch phát triển cơ sở ở vùng thị trấn, quận lỵ, thị xã.

Bàn việc huy động rút thanh niên đồng bằng và miền núi thoát ly để đào tạo thành cán bộ và xây dựng lực lượng.

Rút kinh nghiệm diệt ác ôn ở một số xã. Tỉnh ủy cho tổ chức Đội quyết tử để diệt ác ôn với danh nghĩa trả thù nhà đền nợ nước, với khẩu hiệu “Máu kêu trả máu, đầu kêu trả đầu”.

Cuộc họp cũng bàn kế hoạch phát triển kinh tế vùng căn cứ, giải quyết đời sống nhân dân, huy động đồng bào sản xuất mì, bắp để tự túc, bàn trống và thu hái thuốc nam chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, dạy chữ, chú ý nam nữ thanh niên. Thời kỳ này cán bộ hoạt động ở miền núi vừa là cán bộ dân vận, vừa là giáo viên dạy chữ, vừa là y tá chăm lo sức khỏe cho dân, vừa là cán bộ xử việc cho dân, vừa là hòa giải thắc mắc trong thôn xóm, gia đình, nhân dân rất tin tưởng nuôi giấu bảo vệ.

Hội nghị còn bàn xây dựng các cơ sở sản xuất tự túc nuôi cán bộ, bộ đội, lập các trại sản xuất lương thực, điều động đồng chí Nguyễn Quang Giao – Phó bí thư Huyện ủy Ba Tơ lên phụ trách sản xuất, phát triển các cơ sở sản xuất Nà Nêu, Nước Riềng, sau này mở thêm lò rèn nông cụ, sản xuất giấy, làm đồ gốm, chǎm nón...

Đặc biệt, cuộc họp lần này có bàn: Nên xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang, xây dựng làng chiến đấu ngụy trang, bảo vệ nương rẫy, chống thú rừng, cấm chông các đường lớn vào làng, giài mang cung, bẫy đá hạn chế bọn tinh báo, gián điệp của địch giả danh thương lái đi dò xét tình hình. Đẩy mạnh hoạt động ở đồng bằng cho thí điểm diệt ác, đồng ý cho Bình Sơn, Sơn Tịnh làm trước để xem phản ứng của địch.

Sau cuộc họp Tỉnh ủy có cuộc họp miền Tây mở rộng do đồng chí Phạm Thanh Biền chủ trì, bàn biện pháp cụ thể về xây dựng căn cứ và xây dựng lực lượng. Mở Hội nghị Gò Rô từ ngày 7.7.1958 đến 10.7.1958, gồm các bô lão ở Trà Bồng và đại biểu ở các huyện Ba Tơ, Sơn Hà, Minh Long về dự bàn kế hoạch, có cắt máu ăn thề suốt đời theo Đảng và Bác Hồ. Hội nghị Gò Rô gọi là Hội nghị Diên Hồng miền núi. Phong trào miền núi phát triển mạnh mẽ sôi nổi hẳn lên. Nhiều thanh niên dân tộc thoát

ly, các trại sản xuất bí mật mọc lên đều ở các huyện Trà Bồng, Sơn Tây, có một số nóc xây dựng nóc mới trong núi để sản xuất và đề phòng địch đánh phá. Phát triển được thêm nhiều tổ chức thanh niên, phụ nữ, thiếu nhi. Chuẩn bị dự trữ muối, lương thực, nông cụ, thuốc men để sử dụng lâu dài, chống bao vây của địch.

Nhân dân miền núi mang chè, que, lâm thổ sản xuống đồng bằng bán, đổi lấy muối, gạo, nông cụ, thuốc men đem về dự trữ, có gia đình làm kho cất giấu hàng trăm ang muối.

Một số cơ sở ở giáp ranh như Đồng Ké (Tỉnh Giang), Nước Mặn (Bình Nguyên) tạo điều kiện giúp đỡ chuyển hàng hóa lên tiếp cho căn cứ.

Ở đồng bằng, thực hiện Nghị quyết lần thứ 5 của Tỉnh ủy, các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Đức Phổ đã phát động quần chúng đấu tranh chống địch mạnh hơn, tiến hành diệt một số ác ôn như Sơn Tịnh diệt tên Võ Hoàng – Quận phó Ba Tơ, về thăm nhà tháng 8.1959. Tiếp sau đó ngày 5.9.1958, Đội công tác Bình Sơn diệt tên Phạm Đình Trực – đại diện xã Bình Chương và đêm ngày 6.9.1958 diệt tiếp tên Cửu Dược – đại diện xã Bình Nguyên. Qua mấy cuộc diệt ác ôn ở đồng bằng đã làm cho bộ máy ngụy quyền xã, thôn rung động, nhiều tên lo sợ tìm đến thanh minh với cơ sở, hứa không dám gian ác nữa. Một số ngoan cố, ban đêm trốn lên quận hoặc vào đồn lính ngủ, ban ngày mới dám mò về, nhờ đó mà thế kìm kẹp của quần chúng lỏng ra, quần chúng được đi lại làm ăn dễ dàng hơn, tiếp xúc với cán bộ cách mạng, tuyên truyền khí thế cách mạng, uy hiếp hù dọa bọn ác ôn, vận dụng một số thanh niên thoát ly lên căn cứ tham gia cách mạng, có huyện lấy một vài chục thanh niên thoát ly như Bình Sơn càng làm cho địch hoang mang lo sợ. Phong trào đồng bằng được mở rộng, cơ sở phát triển khá.

Tại cuộc họp Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 6 (12.1958), kiểm tra lại việc thực hiện Nghị quyết 5 của Tỉnh ủy, thấy căn cứ được xây dựng tốt, phong trào thực lực cách mạng ở đồng bằng phát triển mạnh, có một số đồng thanh niên miền núi và đồng bằng thoát ly, lên căn cứ tham gia cách mạng. Tỉnh ủy thấy đủ điều kiện xây dựng lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh và các đội vũ trang tuyên truyền ở các huyện đồng bằng.

Ngày 3.3.1959 tại thôn Nước Xoay - xã Trà Thọ (Trà Bồng), đơn vị vũ trang đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi ra đời lấy tên 339. Đơn vị được tổ chức học tập chính trị, huấn luyện về quân sự, học văn hóa, tăng gia sản xuất, canh gác bảo vệ căn cứ giúp dân bồi phòng chống địch.

Tiếp đó nhân kỷ niệm Cách mạng tháng Tám 1945, Tỉnh ủy cho thành lập một đơn vị mới ở Sơn Hà lấy tên là 89, đến Quốc khánh 2.9 lập thêm một đơn vị nữa là 299. Như vậy, giữa năm 1959, toàn tỉnh có 3 đơn vị vũ trang tập trung.

Tại cuộc họp Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 8 (6.1959), tại nóc ông già làng Côn (Trà Bùi) để học tập Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Tám Tú – Bí thư Tỉnh ủy họp ở khu về truyền đạt. Hội nghị học tập thảo luận, quán triệt Nghị quyết 15, liên hệ kiểm điểm đánh giá tình hình trong tỉnh, đổi chiếu một số chủ trương của Tỉnh ủy qua các kỳ họp, phù hợp với đường lối, phương hướng của Nghị quyết đề ra.

Lúc này địch chủ trương bầu cử Quốc hội ở miền Nam Việt Nam. Chúng huy động mọi lực lượng, cố thực hiện cho được cuộc bầu cử. Chủ trương của ta là kiên quyết tẩy chay cuộc bầu cử, phát động quần chúng kiên quyết không đi bầu cử.

Ở Trà Bồng, chúng huy động lính bảo an dân vệ, bọn ngụy quân, ngụy quyền xã thôn lên vây nóc bắt dân đi bầu, dân

không chịu đi, chúng phá nóc, chặt quế, phá chè. Trước sự thúc ép tàn bạo của địch, quần chúng vô cùng căm phẫn, uất ức, một số làng, nóc bỏ làng cũ chạy vào rừng bất hợp pháp chống lại địch như một số xóm ở Trà Lanh, Trà Khê nóc Ông Lang, Ông Đinh, Ông Chiêm.

Tại cuộc họp Hội nghị Tỉnh ủy đã học tập, quán triệt Nghị quyết 15 có bàn và thảo luận điều kiện, thời cơ, tình thế có thể nổ ra khởi nghĩa vũ trang. Qua học tập, tất cả các cán bộ đảng viên đều nô nức muốn khởi nghĩa chống địch. Do đó, trước sự đàm áp khủng bố của địch, lại có sự chuẩn bị về tư tưởng, có đơn vị vũ trang 339, có căn cứ địa, nên nhân dân Trà Bồng nhân cơ hội chống bầy cừ của địch đã đồng loạt nổi dậy vũ trang diệt bọn ngụy quân, ngụy quyền ở xã, lật đổ chính quyền Mỹ - Diệm, thành lập chính quyền nhân dân tự quản. Chỉ trong mấy ngày (từ 28.8.1959 đến 30.8.1959), cuộc khởi nghĩa lan ra khắp cả huyện, bọn địch bỏ huyện lỵ Trà Bồng chạy về tỉnh, nhân dân làm chủ, bao vây bức rút các đồn Eo Chim, Eo Reo, Tà Lạc. Cuộc khởi nghĩa lan sang Sơn Hà, Sơn Tây, Ba Tơ, Minh Long và ra cả các xã Riềng, Cót, Nú, Dút của Trà My.

Sau cuộc khởi nghĩa giành được thắng lợi, địch thất bại thảm hại, chúng huy động lực lượng lớn từ Huế, Đà Nẵng kéo vào đàm áp hòng tiêu diệt cuộc khởi nghĩa. Chỉ trong mấy ngày, nhiều nhà cửa, vườn tược của đồng bào bị thiêu rụi. Tính chung có gần 300 cuộc càn quét lớn nhỏ của địch, từ cấp đại đội đến cấp sư đoàn, nhưng với tinh thần đã chuẩn bị sẵn từ trước, nhân dân được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang tỉnh đã kiên cường bám trụ thôn, xóm, dựa vào núi rừng hiểm trở chiến đấu ngoan cường, gây cho địch nhiều tổn thất, chúng đành phải rút chạy. Vũ khí đạn dược tối tân không sao chiến thắng được hầm chông cạm bẫy, mang cung, bẫy đá của du kích và nhân dân miền núi.

Để chia lửa với Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, các huyện đồng bằng cũng đẩy mạnh đấu tranh diệt ác, phá kìm. Ở Bình Sơn, đội vũ trang tuyên truyền đã đánh đồn dân vệ ở Vĩnh An – Bình Thạnh ngày 10.12.1959. Trận đánh vũ trang đầu tiên ở đồng bằng thắng lợi, nhân dân mít tinh, rải truyền đơn tuyên truyền cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là một cuộc khởi nghĩa vũ trang huy động được toàn dân tham gia, duy trì, giữ được thành quả cách mạng từ ngày khởi nghĩa 28.8.1959 đến ngày 30.4.1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Cuộc Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là một trong những sự kiện lịch sử quan trọng đối với sự nghiệp giải phóng Quảng Ngãi, cũng như Liên khu V, mở đầu cho phong trào khởi nghĩa vũ trang trong toàn miền. Cuộc khởi nghĩa đó làm sáng tỏ tinh thần Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng về đánh giá địch – ta, về bạo lực vũ trang cách mạng, góp phần vào công cuộc chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Đúng như nhận xét đánh giá của đồng chí Võ Chí Công – Bí thư Khu ủy Khu V tại Đại hội lần thứ nhất của Đảng bộ Quảng Ngãi: Sự chỉ đạo của Tỉnh ủy đã phát động vũ trang phối hợp tiến hành du kích chiến tranh chống địch, vừa giữ được hợp pháp đấu tranh chính trị của quần chúng, vừa bảo vệ được thành quả cách mạng. Đồng chí Bí thư Khu ủy đánh giá cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi có giá trị lớn về việc vận dụng Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, không những đối với Quảng Ngãi mà còn đối với Liên khu V.

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI

PHẠM NHỚ\*

Cuộc Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi diễn ra thắng lợi đến nay đã 45 năm, gần nửa thế kỷ, trước cuộc đồng khởi toàn miền Nam mà cuộc khởi nghĩa Bến Tre đã cấm mốc đầu tiên.

Như tôi biết, đến nay nhiều cơ quan nghiên cứu lịch sử (Lịch sử Đảng, Lịch sử dân tộc, Lịch sử Quân đội) đã có nhiều sách viết về cuộc khởi nghĩa này. Một số nhà khoa học cũng đã viết về sự kiện này. Tác giả Quỳnh Cư, Tiến sĩ sử học, đã viết thành sách. Bản thảo đã đưa đến Tỉnh ủy Nghĩa Bình, lúc này do đồng chí Nguyễn Quang Lâm làm Bí thư (lại là Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi trực tiếp tham gia lãnh đạo cuộc khởi nghĩa) để tham gia ý kiến. Tôi, lúc bấy giờ là Trưởng Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Nghĩa Bình đã đọc và chuẩn bị ý kiến cho Tỉnh ủy tham gia, đồng thời cung cấp thêm tư liệu cho đề tài. Sách được xuất bản sau đó.

Người bạn học cùng làng với tôi, đồng chí Nguyễn Hồ vào những năm 1962 - 1963, ở trong Ban Tuyên huấn Cục Chính trị Quân khu V đã được phân công đi cùng Đoàn công tác của Trung Quốc vào Khu V quay một bộ phim có tên “Lửa hận rừng dừa”, đã có một thời gian dài ở Trà Bồng để tham gia góp ý kiến cho

---

\* Nguyễn Trưởng Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Nghĩa Bình (cũ).

phim đó. Đồng chí Nguyễn Hồ đã tìm hiểu rất sâu về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi và đã viết dưới hình thức văn học một quyển sách với tên: “Bão lửa Trà Bồng”. Bản thảo do người vợ của anh ở Đà Nẵng lưu giữ khi anh chẳng may vì một tai nạn qua đời. Sách được Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Quảng Ngãi xuất bản năm 1989, anh Nguyễn Hồ còn chuyển thể thành một tập thơ.

Nhiều đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy Quảng Ngãi lúc bấy giờ gồm các đồng chí: Phạm Thanh Biền, Nguyễn Hữu Nghĩa, Nguyễn Phú Soại, Võ Phấn, Lê Chí Thống, Hồ Ngọc Khang và nhiều đồng chí Bí thư các khu (huyện) ở miền Tây Quảng Ngãi tham gia viết về sự kiện này thành tập sách: *Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi*. Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1975.

Tập *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 – 1975)*, tập 2 đã được Nhà xuất bản Chính trị quốc gia cho ra mắt bạn đọc năm 1999; tập sách *Nam Trung bộ kháng chiến 1945 – 1975* do các đồng chí lãnh đạo ở Liên khu V, VI chủ trì; tập *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập 2 (1954 – 1975)* được xuất bản năm 1995 dành những trang tương xứng cho cuộc khởi nghĩa này.

Có lẽ vì thế mà không còn ai có thể phủ nhận về sự kiện này, về vai trò, tác động của nó đối với phong trào đấu tranh chống Mỹ trong thời kỳ vô cùng khó khăn, gian khổ mà đồng chí, đồng bào phải tốn biết bao máu và nước mắt.

Các tập sách Lịch sử Đảng bộ các huyện Trà Bồng, Minh Long, Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây đã có nhiều chi tiết cụ thể sinh động hơn.

Từ cuối năm 1956, sau các cuộc đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà, đòi quan hệ bình thường Nam – Bắc... không được chính quyền Mỹ - Diệm hưởng ứng, tư

tưởng chỉ đạo của Đảng bộ Khu V không biểu hiện rõ nét, lại thiên về hướng tiêu cực. Cán bộ và đảng viên, nhân dân đang hết sức lo lắng và chưa rõ phải tiến lên bằng cách nào. Trong nhân dân, ngay từ đầu đã không tin địch sẽ thi hành Hiệp định Giơneva; nhiều nơi đòi dùng bạo lực chống lại và thực tế đã xảy ra nhiều vụ dùng bạo lực như sự kiện Tịnh Thiện ngày 21.11.1954, đội Tuần sương của ta cùng nhân dân nổi dậy diệt 8 tên địch rồi loan tin “nội bộ chúng đánh nhau” để làm lạc hướng địch; Sự kiện Bình Dương từ ngày 22 đến ngày 24.11.1954, nhân dân nổi dậy đẩy lùi cuộc vây ráp của một đại đội địch và cùng loan tin là do nội bộ chúng mâu thuẫn đánh nhau...

Lúc này ở đồng bằng Quảng Ngãi, địch đã tiến hành tổ công, trả thù những người kháng chiến rất khốc liệt. Nhà tù mọc lên như nấm. Không khí khủng bố bao phủ lên từng thôn xóm. Địch tiếp tục mở những chiến dịch đánh phá lên các huyện miền núi Quảng Ngãi.

Cuối năm 1956, Khu ủy khu V chủ trương đưa một bộ phận cán bộ, đảng viên ra sống hợp pháp để tổ chức hệ thống lãnh đạo công khai bên ngoài, kết hợp với “bất hợp pháp” bên trong. Tôi biết rõ từ tháng 11 đến tháng 12 năm 1956, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã có nhiều cuộc họp để bàn về vấn đề này nhưng chưa có sự thống nhất cao, chưa thông suốt nên đã kiến nghị với Khu ủy nên cho “khôi phục bạo lực, khôi phục lực lượng vũ trang”. Nhưng Khu ủy V không cho phép. Trong khi đó ở Nam Bộ, dưới hình thức các giáo phái, các lực lượng vũ trang ta đã đánh địch. Từ cuối năm 1956 đã có phương hướng lãnh đạo phải dùng bạo lực để tiến lên. Sự lãnh đạo và chỉ đạo của Xứ ủy Nam Bộ đã thích ứng khá sớm với tình hình đòi hỏi của cách mạng miền Nam. Nhưng ở Khu ủy V từ cuối năm 1956 cho đến năm 1958 chưa có

lực lượng vũ trang ra đời và nếu ở đây có dùng những hình thức bạo lực quá mức cho phép thì sẽ bị kỷ luật.

Từ cuối năm 1956, tôi đã được Tỉnh ủy Kon Tum phân công cùng đồng chí Bùi Anh (tức Bùi Tiềm) ra hoạt động “hợp pháp”. Mặc dù, tôi không thông suốt (lúc này tôi đang làm Bí thư huyện), tôi vẫn không tích cực thi hành chủ trương này mà chỉ cho thí điểm đưa ra một Bí thư Ban Cán sự quần chúng thì liền bị bắt. Sau đó, tôi và đồng chí Tiềm cũng không được đưa ra “hợp pháp” nữa. Về vấn đề này, trong những cuộc hội nghị chuyên đề khoa học ở ngành lịch sử Đảng, có một đồng chí ca tụng đây là một chủ trương sáng suốt của ta. Tôi đã cực lực phản đối, vì thực tế nhiều đồng chí đưa ra sống hợp pháp bị địch bắt phải trở lại hoạt động bí mật. Tất nhiên ở các thành phố lớn, những tỉnh mà trước đây nằm trong vùng bị chiếm thời kỳ chống Pháp có thuận lợi hơn khi đưa cán bộ ra hoạt động “hợp pháp”. Ở Quảng Ngãi và nhất là các tỉnh vùng tự do Liên khu V, số cán bộ được bố trí ở lại thì nhân dân và bọn phản động địa phương đều hiểu rõ từ chân tơ kẽ tóc. Đài phát thanh của Mỹ - Diệm cứ chiều thứ Bảy có buổi phát thanh gọi tên “Bọn đầu sỏ Việt cộng nằm vùng” để hăm dọa, đặt cọc ai bắt được sẽ được khen thưởng...

Mùa hè năm 1959, có Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng chỉ rõ con đường tiến lên của cách mạng miền Nam là phải dùng bạo lực để lật đổ chính quyền địch, bằng con đường khởi nghĩa có thể diễn biến thành cuộc chiến tranh cách mạng, chiến tranh lâu dài bằng hai lực lượng chính trị và vũ trang.

Có thể nói rằng: tư tưởng trong các Đảng bộ miền Nam và nhất là nhân dân – những người sống ở tuyến đầu máu lửa đã sớm có sự nhất trí trước, nên khi nghe hơi thở về con đường bạo lực để đánh đổ Mỹ - Diệm thì nhân dân, cán bộ, đảng viên đều

hết sức vui mừng. Ý Đảng đã hợp với lòng dân – mặc dù lòng dân có trước, ý Đảng có sau, đó cũng là một mặt của quy luật: bao giờ thực tiễn cũng có trước chủ trương. Dân đã nói lên điều đó khá rõ: “Đảng đã cho đánh rồi”.

Lúc này, đồng chí Trần Kiên - Bí thư Tỉnh ủy Kon Tum<sup>(1)</sup> đang đi họp ở trên để tiếp thu Nghị quyết. Tôi thường trực đã đưa cơ quan ra đường dây “Bắc – Nam” để đón đồng chí Bí thư Liên khu III. Đó là đồng chí Trương Quang Tuân<sup>(2)</sup> đi họp ở Trung ương về. Chúng tôi đã chuẩn bị cho cuộc hội nghị mở rộng của Tỉnh ủy Kon Tum để được nghe phổ biến Nghị quyết này.

Khi các đồng chí Tỉnh ủy, Bí thư các huyện về họp thì đã nghe tin có cuộc nổi dậy của nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, sau đó có điện của Khu ủy cho các tỉnh báo tin về sự kiện này. Bản tin cũng không phải để thúc các tỉnh phải làm theo mà là có tính chất làm cho tỉnh phải thấy đây là một việc chưa phù hợp vì ta đang tích cực chuẩn bị theo phương hướng khởi nghĩa lớn có tính chất toàn miền. Có tin nhân dân Trà Bồng đang phải tháo chạy dạt vào núi bất hợp pháp, địch sẽ lên đàn áp, khó khăn rất nhiều. Các tỉnh hãy tìm cách góp phần giải quyết khó khăn, v.v.. và v.v..

Khi được tin này, không mấy ai phấn khởi mà suy nghĩ và lo lắng nhiều hơn cho Quảng Ngãi. Trong khi đó, tôi được các đồng chí ở trên chỉ định đi miền Bắc để thực hiện một số việc của tỉnh. Trên đường đi ra Bắc, tôi đã đi qua con đường Bắc – Nam Trà Bồng, trong vùng vừa mới khởi nghĩa. Các đồng chí dẫn đường bảo chúng tôi phải nhất thiết đi theo bước chân của

---

<sup>(1)</sup> Trần Kiên, Nguyên Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng.

<sup>(2)</sup> Đồng chí Trương Quang Tuân lúc này là Bí thư Liên khu III là các tỉnh Tây Nguyên.

các đồng chí vì hai bên đường chông thì dày đặc. Nếu sai bước chân có thể bị vướng chông. Trên đường đi, tôi đã gặp nhiều đoàn cán bộ từ Trung ương liên tiếp về các địa phương để tăng cường lực lượng cho miền Nam. Nhiều thông tin mới càng tăng thêm không khí náo nức chuẩn bị cho phương hướng tiến lên của các Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, trong huyện.

Lúc này cuộc Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã giành được thắng lợi và đã lan ra một số huyện của tỉnh Kon Tum.

Việc đánh giá, phân tích nó lúc này cũng không phải dễ dàng, nhất trí trong cơ quan lãnh đạo cấp tỉnh, cấp khu trong tỉnh và các đồng chí lãnh đạo ở Liên khu V. Vì sao? Vì, đây là một cuộc nổi dậy khá rộng trong phạm vi toàn huyện Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi trong khi đang phải tập trung sức tranh thủ các điều kiện hợp pháp để chuẩn bị các mặt vật chất, tinh thần, lực lượng để tiến lên làm cuộc khởi nghĩa to lớn có tính chất toàn miền. Nó được xem như một cuộc nổi dậy đột xuất. Nhiều ý kiến lo ngại rằng đã là đột xuất thì địch sẽ đưa quân tập trung lên đòn áp thì bị tổn thất và khó đứng vững.

Trong cuốn *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 – 1975* có viết: “Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng nổ ra, lúc đầu một số đồng chí ở Khu và tỉnh có băn khoăn, sợ “làm non” vì muốn có thêm thời gian chuẩn bị để phát động nổi dậy cùng một lúc trong phạm vi rộng hơn. Nhưng thực tế cho thấy, cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và các huyện miền Tây Quảng Ngãi đã nổ ra và đứng vững được”.

*Trà Bồng và các huyện miền Tây Quảng Ngãi nổi dậy; các tỉnh bạn cũng đẩy mạnh cuộc đấu tranh vũ trang chống địch; rồi cuộc càn quét lớn của địch lên Trà Bồng để đòn áp phong trào bị đánh lui. Tiếp theo là cuộc đồng khởi của toàn miền, khởi đầu từ*

cuộc khởi nghĩa Bến Tre vào ngày 17.01.1960 giải phóng được 22 xã, 29 xã diệt ác vây đồn giải phóng nhiều ấp. Tiếp đến là Tây Ninh, Mỹ Tho, Tân An, Bạc Liêu, Rạch Giá, Cà Mau, Châu Đốc, Long Xuyên, Sóc Trăng, Cần Thơ, Kiến Phong, Kiến Tường và hầu hết các tỉnh Nam Bộ đồng loạt nổi dậy làm chủ 2/3 số ấp, xã gồm 865 xã trong tổng số 1.193 xã và 3.200 thôn trong tổng số 5.721 thôn toàn Nam Bộ.

Có thể nói, sau khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi thì ở Nam Bộ, các lực lượng vũ trang đã tiến hành đánh những trận khá lớn. Tiêu biểu như “Đêm 24.9.1959, đơn vị vũ trang Rạch Giá diệt gọn địch ở khu Xeo Rô, giải phóng tù chính trị dấy lên phong trào nổi dậy trong tỉnh và miền Tây”; “Ngày 26.9.1959, lực lượng vũ trang của ta đã đánh địch ở Gò Quản Cung tỉnh Kiến Phong (nay là Đồng Tháp) diệt một tiểu đoàn ngụy và bắt sống 105 tên địch, có 1 tên đại úy tiểu đoàn trưởng, v.v.. và v.v...”<sup>(1)</sup>. Những sự kiện đó cho thấy địch đã vô cùng bối rối, hoang mang, khó đối phó với phong trào nổi dậy của toàn miền Nam sau khi có Nghị quyết 15 của Trung ương - “Đảng đã cho đánh rồi”. Nguy cơ sụp đổ của ngụy quyền đã gần kề, phải tính đến việc thay đổi chiến lược và quan thầy Mỹ phải nhanh tay góp sức.

Tất nhiên cũng nhờ đó mà cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi có những thuận lợi để đứng vững và phát triển cùng với sự nỗ lực đối phó của nhân dân trong tỉnh và sự lãnh đạo, chỉ đạo khôn khéo, sát đúng của Tỉnh ủy và các cấp ủy trong tỉnh Quảng Ngãi.

---

<sup>(1)</sup> Các câu chữ có ngoặc kép là của các sách *Lịch sử Đảng tập 2, Nam Trung Bộ kháng chiến* của Liên khu V đã được xuất bản như đã nói ở trên.

Phải đến gần nửa năm sau (tháng 2.1960), trong Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ Quảng Ngãi, đồng chí Võ Chí Công lúc này là Bí thư Khu ủy Khu V, mới có phát biểu chính thức về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi: “*Cuộc Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã nổ ra kịp thời, có chuẩn bị, có lãnh đạo và chỉ huy chặt chẽ, đi đúng đường lối cách mạng, thực hiện đúng Nghị quyết 15, đóng góp những kinh nghiệm quý báu cho việc thực hiện Nghị quyết 15 ở Nam Trung Bộ*”.

*Có thể nói, từ đây cuộc Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi mới được kết luận đánh giá đúng, tạo sự nhất trí trong toàn Đảng bộ trong tỉnh và trong toàn miền Nam Trung Bộ, gây được niềm tin vào sự lãnh đạo và sự phán khởi trong các lực lượng cách mạng, nhất là lực lượng đã tham gia vào sự kiện này. Và cũng từ đây, Đảng bộ Quảng Ngãi tiếp tục phát triển tinh thần tấn công xuống đồng bằng, xúc tiến mạnh hơn nữa công cuộc chuẩn bị cơ sở vật chất, xây dựng lực lượng vũ trang để tiến lên theo phương hướng mà Nghị quyết 15 đã đề ra và đối phó với chiến lược mới của Mỹ - ngụy.*

Từ cuộc Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi tháng 8.1959 cho đến nay đã gần nửa thế kỷ. Rõ ràng đây là một sự kiện có ý nghĩa rất đáng được khẳng định, rất có giá trị đối với truyền thống đấu tranh của nhân dân trong tỉnh và có tác động lớn đến phong trào cách mạng trong khu trong buổi ban đầu chuyển hướng đấu tranh theo tinh thần Nghị quyết 15.

Cho đến nay, chắc không còn ai phủ nhận nó, vì đây là một cuộc nổi dậy rất có ý thức, rất tự giác, có sự lãnh đạo của Đảng trong lúc mà nhân dân không thể sống như cũ để kẻ địch đè đầu, cưỡi cổ, bắn giết bất kỳ ai, khi bản thân kẻ địch cũng không thể dùng chính sách cai trị như cũ mà phải dùng luật 10/59 để tàn sát

nhân dân, bất chấp luật lệ đúng sai. Việc vùng lên của nhân dân để phá bỏ cuộc bầu cử Quốc hội bù nhìn của địch, đạp đổ toàn bộ ngụy quyền, diệt ác ôn, lập chính quyền cách mạng mà không gọi là khởi nghĩa thì gọi là gì nữa.

Tuy nhiên, cuộc khởi nghĩa diễn ra không thể dự đoán trước được vào ngày nào và ở mức độ nào, vì yêu cầu của lãnh đạo lúc bấy giờ là phải phá cho được cuộc bầu cử của địch mà thôi, với những hình thức đấu tranh nhất định, có tính hợp pháp là chủ yếu. Nhưng địch đã dùng đến bạo lực vũ trang để vây bắt quần chúng và quần chúng bị dồn nén đã lâu rồi nên không còn cách nào khác phải vùng lên như bão táp diễn ra ngoài ý muốn của lãnh đạo. Cuộc khởi nghĩa bắt đầu từ Trà Bồng với những hình thức hết sức quyết liệt của đồng đảo quần chúng, có lực lượng vũ trang tập trung 339 tham gia, không những lật đổ chính quyền địch ở thôn, xã mà còn đánh và bức rút các đồn địch – nơi chúng đem quân đi đàn áp phong trào, nuôi dưỡng và trú ngụ các tên ngụy quyền ác ôn của chúng, làm cho bộ máy cai trị của quận Trà Bồng phải bỏ nhiệm sở chạy về tỉnh. Ở các huyện khác của miền tây Quảng Ngãi cũng hưởng ứng đánh địch, lật đổ ngụy quyền thôn, xã nhưng tính chất ít quyết liệt hơn vì có thể nói rằng hầu hết ngụy quyền thôn, xã do ta cầm nắm, nhiều nơi không có, hoặc có chỉ là hình thức mà thôi.

Cuộc khởi nghĩa này diễn ra ở miền núi, khác với cuộc khởi nghĩa ở Bến Tre diễn ra ở đồng bằng. Miền núi Quảng Ngãi là nơi có địa thế thiên hiềm, từng làm căn cứ cho các cuộc khởi nghĩa Tây Sơn với Tây Sơn tả đạo, căn cứ cho các cuộc khởi nghĩa Càn Vương; nơi diễn ra liên tục các cuộc đấu tranh của nhân dân với vua chúa nhà Nguyễn, với sự kiện Đá Vách – nơi Đội du kích Ba Tơ sau khởi nghĩa cướp chính quyền chầu ly,

đánh đồn Ba Tơ rồi chuyển quân lên vùng Cao Muôn xây dựng căn cứ rồi chuyển về đồng bằng phát triển lực lượng tham gia Cách mạng tháng Tám năm 1945. Miền núi Quảng Ngãi còn là căn cứ cho tỉnh, cho Liên khu V trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Sở dĩ Tỉnh ủy Quảng Ngãi lấy Trà Bồng làm căn cứ vì ở đây có thể núi, lại có dân tộc Cor, một dân tộc rất đỗi trung kiên với Đảng và đã từng với các dân tộc trong miền từ Quảng Ngãi đến Kon Tum, Gia Lai dấy lên hưởng ứng phong trào Nước xu đỏ từ 1937, đánh đồn Trà Bồng năm 1940. Dân tộc Cor lại có truyền thống rằng mình với dân tộc Kinh là hai anh em một mẹ, một cha sinh ra, kẻ lên núi, người xuống đồng bằng theo sự phân công của gia đình mà làm ăn sinh sống theo khả năng của mỗi người: người bơi lội giỏi, người săn bắn giỏi. Nơi Tỉnh ủy đóng lại cũng rất gần với Khu ủy Khu V rất thuận lợi cho việc liên lạc để nhận sự chỉ đạo.

Nhưng một điều đáng nói là ở Quảng Ngãi thường diễn ra trong thực tiễn là nơi có cơ quan lãnh đạo ở sát liền bên dân, cũng giống như phong trào 1930-1931, hay như cuộc khởi nghĩa Ba Tơ thường sớm nhận được sự chỉ đạo của Đảng, tạo sự nhất trí nhanh giữa Đảng và quần chúng nên thường là đi trước một bước, thực hiện chủ trương của Đảng, làm nên những sự kiện rất có ý nghĩa đối với lịch sử và truyền thống của Đảng bộ và nhân dân tỉnh nhà.

Tôi cũng thấy một điểm nữa là Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi tiến hành cuộc khởi nghĩa này cũng giống như cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945. Đó chính là tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và cuộc khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 diễn ra khi chưa tiếp nhận được mệnh lệnh của Đảng, chỉ căn cứ vào

tinh thần Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 8 mà vận dụng và khi có thời cơ thì Đảng bộ huy động quần chúng vùng lên tiến hành giành thắng lợi.

Cuộc Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi diễn ra chưa hẳn đã có lệnh chỉ đạo trực tiếp, chỉ khi có thời cơ thì vận dụng tinh thần của phương hướng tiến lên bằng con đường bạo lực của Đảng, mà Đảng bộ tỉnh chỉ đạo quần chúng tiến hành.

Như đã nêu ở trên, lúc này còn phải dùng con đường đấu tranh chính trị là chủ yếu, còn phải tiến hành các mặt chuẩn bị cho phương hướng trên, tránh gây những lộ liễu để địch phát hiện được ý đồ của ta. Một số hoạt động của đơn vị vũ trang, một số đơn vị, địa phương có tính chất lộ liễu đã bị kiểm điểm. Có thể nói tư tưởng chỉ đạo của Liên khu V rất nghiêm khắc về vấn đề trên, mà từ những năm đầu tiên sau khi ký Hiệp định Giơnevơ đến khi có Nghị quyết 15 đã thể hiện rõ như: Quá nhấn mạnh đến tính chất pháp lý của Hiệp định, buộc các lực lượng cán bộ, đảng viên, quần chúng phải chấp hành nghiêm chỉnh, trong lúc địch ra mặt ngay từ đầu tổ cộng, tàn sát những đảng viên, quần chúng của ta. Tư tưởng chỉ đạo còn ảnh hưởng khá nhiều với Nghị quyết 20 của Đảng Cộng sản Liên Xô: “Đấu tranh bằng phương pháp hòa bình”, trong lúc quần chúng đòi phải dùng bạo lực, không tin đấu tranh chống địch “bằng cái miệng”. Chỉ đến cuối năm 1957 mới có chủ trương tiến hành diệt ác, trong khi đó nhiều nơi, quần chúng của ta đã bí mật diệt nhiều tên ác ôn, nhiều tổ chức dưới hình thức này hay hình thức khác như “nhóm trả đầu”, để đấu tranh bằng bạo lực, “mày chặt đầu tao thì tao chặt đầu mày”.

Dòng tư tưởng chỉ đạo ở Liên khu V trong thời kỳ này còn quá gò bó làm ảnh hưởng đến các cuộc đấu tranh có tính chất

quyết liệt mà quần chúng, đảng viên, nhiều Đảng bộ địa phương muốn tiến hành và đề nghị được tiến hành.

Tiến hành cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi trong thời kỳ này với dòng tư tưởng chỉ đạo như trên không phải là dễ, mà Đảng bộ Quảng Ngãi và nhân dân đã dám làm, thật là một sự dũng cảm đáng tự hào.

Sở dĩ phải nói những điều mà tôi đã biết, đã nghe, đã thấy trong những vấn đề có liên quan đến sự kiện này vì vị trí công tác của tôi có quan hệ xa, gần, gián tiếp hay trực tiếp, sâu hay cạn để nói lên những cảm nghĩ của mình về “Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi” với khả năng có hạn của mình, góp vài tư liệu để các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu có thêm những gì may ra có ích mà lâu nay trong các sách “viết lách” về sự kiện này đã xuất bản “có sự né tránh cần thiết” đồng thời đi sâu phân tích thêm về tính chất đặc thù của cuộc khởi nghĩa này trong mối tương quan với phong trào chung toàn miền Nam và sự chỉ đạo của các cấp Đảng bộ ở Liên khu V và tỉnh Quảng Ngãi.

# VAI TRÒ CỦA QUẦN CHÚNG TRONG CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI

NGUYỄN HỮU ĐẠO\*

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là một cuộc khởi nghĩa lớn, tiêu biểu cho tinh thần quật cường của nhân dân miền núi Liên khu V vào cuối năm 1959. Cuộc khởi nghĩa chỉ nổ ra trong thời gian ngắn, trên địa bàn rộng gần 5.000 km<sup>2</sup> gồm 4 huyện là Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long và Sơn Hà, chủ yếu có 4 dân tộc anh em sinh sống là Hrê, Cà Dong, Cor và Kinh. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa đã đánh dấu bước nhảy vọt quan trọng trong quá trình phát triển cách mạng miền núi Trung Trung Bộ; chuyển phong trào cách mạng ở Liên khu V sang thế tiến công; gây cho Mỹ - ngụy thất bại to lớn chấn động những về lực lượng, trang thiết bị mà còn về tư tưởng và uy tín chính trị. Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là một dấu son thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta. Thắng lợi to lớn đó bắt nguồn từ nhiều nhân tố, trong đó nổi bật là vai trò của quần chúng nhân dân.

Như chúng ta đã biết, sau Hiệp định Giơnevơ (7-1954) đất nước ta tạm thời bị chia cắt thành hai miền Nam-Bắc. Ở miền Nam, Mỹ hất cẳng Pháp lập chính quyền bù nhìn thân Mỹ, do Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng kiêm Tổng trưởng Quốc phòng. Ngày 8-9-1954 Mỹ lập "Hiệp ước Đông Nam Á", đặt miền Nam Việt Nam, Lào, Campuchia trong ô bảo hộ của Mỹ. Tháng 4 năm

---

\* Viện Sử học.

1955, Mỹ đưa các đoàn cố vấn quân sự vào miền Nam. Từ đó, Mỹ-Diệm ra sức phá hoại Hiệp định Giơnevơ, đàn áp đẫm máu phong trào cách mạng của nhân dân miền Nam.

Đến tháng 7 năm 1956, qua hai năm phá hoại có hệ thống Hiệp định Giơnevơ, Mỹ-Diệm cho đây là giai đoạn ổn định để xây dựng, củng cố bộ máy ngụy quân, ngụy quyền. Chúng tiến hành phát xít hóa bộ máy chính quyền, nâng “tổ cộng” thành quốc sách; hô hào “lắp sông Bến Hải” và “Bắc tiến”. Đồng bào miền Nam, cách mạng miền Nam đã bước vào thời kỳ cực kỳ khó khăn, gian khổ, đầy thử thách và hy sinh.

Nhân dân Quảng Ngãi cũng rơi vào cảnh sống cùng cực như nhân dân các địa phương khác ở miền Nam. Qua hai đợt Mỹ-Diệm mở chiến dịch “tổ cộng”, mà mục tiêu của chúng là: “truy tróc cho hết cộng sản”, bần cúng hóa mọi giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động. Trước sự đàn áp tàn bạo của kẻ thù, Đảng bộ Liên khu V và tổ chức Đảng ở Quảng Ngãi bị tổn thất nặng nề. Riêng các huyện đồng bằng Liên khu V, 70 % chi ủy viên, 60% huyện ủy viên, 40% tỉnh ủy viên bị bắt, giết; 12 huyện không còn cơ sở Đảng<sup>(1)</sup>. Còn ở Quảng Ngãi, Mỹ-Diệm ra sức rà soát cộng sản đến từng thôn, xóm. Nhiều tổ chức đảng ở Quảng Ngãi đã bị tổn thất nặng nề. Trong các trại giam của địch đều chật ních đảng viên, cán bộ và quần chúng cách mạng. Trước sự đàn áp tàn khốc, dã man của Mỹ-Diệm đã có nơi, có lúc, cán bộ, đảng viên và quần chúng hoang mang.

Trước cảnh sống cùng cực như vậy, để tránh khỏi nạn nước mất, nhà tan, nhân dân Quảng Ngãi cũng như “nhân dân ta ở

---

<sup>(1)</sup> Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (1954-1975), tập 2. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 95.

miền Nam chỉ có một con đường là vùng lèn chống lại Mỹ-Diệm để cứu nước và tự cứu mình. Đó là con đường cách mạng. Ngoài con đường đó không có con đường nào khác”<sup>(2)</sup>.

Là nơi giàu truyền thống cách mạng, từ sau Hiệp định Giơnevơ, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã sớm nhận thức được rằng: Cuộc đấu tranh chống Mỹ-Diệm là rất gay go, quyết liệt và gian khổ. Để có được thắng lợi phải biết dựa vào quần chúng, phải từng bước xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và tiến tới dùng lực lượng vũ trang của quần chúng để tiến hành đấu tranh vũ trang nhằm đánh đổ chính quyền địch, xác lập bộ máy chính quyền mới-chính quyền cách mạng của nhân dân. Từ nhận thức đó, ở Quảng Ngãi, ngay từ khi Mỹ-Diệm đặt ách thống trị, tỉnh ủy đã lãnh đạo nhân dân, đặc biệt là nhân dân các dân tộc miền núi dựa vào thế rừng núi hiểm trở để sử dụng các hình thức đấu tranh bạo lực, trong đó có đấu tranh bạo lực theo phong tục để chống địch, giữ gìn và phát triển lực lượng. Đặc biệt, Quảng Ngãi đã luôn chú trọng đến việc củng cố các tổ chức quần chúng bí mật, phục hồi các tổ chức biến tướng, hợp pháp; đẩy mạnh công tác binh vận, bố trí cán bộ, đảng viên, quần chúng cách mạng trung kiên vào hoạt động trong hàng ngũ địch; xây dựng, củng cố các căn cứ cách mạng ở miền núi, các căn cứ lõm ở đồng bằng, củng cố căn cứ cách mạng, các cơ quan của tỉnh, v.v..

Trước sự đánh phá ác liệt của Mỹ-Diệm đối với phong trào cách mạng, tỉnh ủy Quảng Ngãi đã nhanh chóng và kịp thời chuyển hướng đấu tranh. Tỉnh đã chỉ thị cho các huyện, xã phải vận dụng và kết hợp chặt chẽ cả ba hình thức đấu tranh: hợp pháp, nửa hợp pháp và bất hợp pháp; đồng thời sử dụng đúng mức môt

---

<sup>(2)</sup> Lê Duẩn: *Về chiến tranh nhân dân Việt Nam*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 101.

số hình thức đấu tranh tự vệ đã có như: diệt ác, trừ gian... Tỉnh ủy còn vận động thanh niên thoát ly thôn, xóm với mục đích vừa bảo vệ họ khỏi bị bắt đi lính, vừa để chuẩn bị cho việc thành lập các lực lượng vũ trang sau này của nhân dân.

Do sự lãnh đạo sáng suốt, nhạy cảm, sắc bén của tỉnh ủy như vậy, ngay từ những năm đầu dưới chế độ Mỹ-Diệm, tại Quảng Ngãi các cuộc đấu tranh của quần chúng vẫn liên tiếp nổ ra ở nhiều nơi như: Đức Phổ, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Bình Sơn, v.v.. Đặc biệt là phong trào đấu tranh của nông dân ở nhiều nơi trong tỉnh. Họ đã đoàn kết đứng lên chống lại chế độ hà khắc của Mỹ-Diệm. Tiêu biểu là phong trào đấu tranh của nông dân phản đối đạo dụ số 57 về cải cách địa đia của Mỹ-Diệm. Họ đồng lòng cùng nhau không ký vào bản "khế ước lĩnh canh" bất công của bọn địa chủ.

Đáng lưu ý là, trong khi phong trào đấu tranh của quần chúng ở các huyện đồng bằng gặp nhiều khó khăn, tổn thất, thì tại các huyện miền núi phong trào vẫn duy trì, giữ vững và phát triển. Từ đấu tranh chính trị, phong trào đấu tranh của quần chúng đã dần kết hợp với đấu tranh tự vệ thích hợp. Việc trừng trị bọn ác ôn, chỉ điểm thắng lợi ở nhiều nơi đã mang lại cho quần chúng một luồng sinh khí mới và đã làm cho địch hoang mang, dao động, không dám khống bố dã man như trước nữa. Chính nhờ sự kết hợp các hoạt động chính trị với hoạt động vũ trang tự vệ thích hợp kể trên mà nhiều cơ sở đảng, cơ sở cách mạng, căn cứ cách mạng được giữ vững, phát triển. Xu hướng đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh tự vệ của quần chúng đã dần khẳng định thắng lợi của phong trào cách mạng. Qua sự kết hợp các hình thức hoạt động nêu trên mà cán bộ, đảng viên được đào tạo, rèn luyện để bám sát phong trào hơn. Và, ngược lại sự bám sát phong trào của đảng viên, cán bộ khiến phong

trào đấu tranh của quần chúng được phát triển, mở rộng, có tổ chức, hiệu quả hơn.

Do phong trào đấu tranh của quần chúng lên cao đã khiến thời kỳ tạm ổn định của chế độ bù nhìn Ngô Đình Diệm ở miền Nam đã chấm dứt. Chế độ Mỹ-Diệm ở miền Nam chuyển sang thời kỳ khủng hoảng nghiêm trọng về nhiều mặt. Một luồng sinh khí mới của cách mạng miền Nam đã bắt đầu. Điều này đã được đồng chí Lê Duẩn- cố Tổng bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam khẳng định: “*Cuối năm 1959 đầu năm 1960, chế độ thống trị ở miền Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng. Tuy ở thành thị địch còn tương đối mạnh, nhưng trong nhiều vùng nông thôn rộng lớn, địch không thể cai trị nhân dân một cách bình thường được nữa. Bộ máy nguy quyền từng phần đã suy yếu và bất lực. Còn quần chúng nhân dân, đặc biệt là đông đảo nông dân thì sôi sục cách mạng, đã tỏ ra kiên quyết và sẵn sàng chiến đấu sống chết với quân thù. Đó là những điều kiện chín muồi cho phép phát động quần chúng nhân dân nông thôn nổi dậy khởi nghĩa từng phần đập tan khâu yếu nhất trong hệ thống cai trị của địch*”<sup>(3)</sup>.

Năm vững quan điểm bạo lực cách mạng của Đảng và căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương mình, từ năm 1958, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã bắt đầu xúc tiến việc chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong toàn tỉnh Quảng Ngãi. Các Hội nghị tỉnh ủy tháng 2 năm 1958, tháng 5 năm 1958 và cuộc Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng ngày 20-6-1958 đã khẳng định rằng: *cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do dân*

---

<sup>(3)</sup> Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành những thắng lợi mới*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 51.

và vì dân. Nếu không có nhân dân tham gia thì cách mạng khó giành được thắng lợi; cần quán triệt quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng và để tập hợp quần chúng, phát động quần chúng chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa giành và xây dựng chính quyền. Các Hội nghị trên còn chú trọng đến một số công tác như: phát động tư tưởng của cán bộ nhân dân nhằm có sự nhất trí cao về chính trị, tư tưởng, uốn nắn những lệch lạc trong đấu tranh; củng cố tổ chức Đảng, đoàn thể từ tỉnh đến xã, thôn; thành lập Ban Quân sự tỉnh; xây dựng các căn cứ; phát động đấu tranh vũ trang; áp dụng các hình thức đấu tranh,... Đặc biệt, các Hội nghị của Tỉnh ủy còn thảo luận và quyết định cụ thể phương châm đấu tranh giữa các vùng: miền núi, trung tâm căn cứ, vùng đệm, vùng có nguy quyền xã, thôn; xây dựng, đẩy mạnh phong trào đấu tranh ở các vùng giáp ranh, đồng bằng, vùng sâu và thành thị.

Ngày 7-7-1958, Tỉnh ủy Quảng Ngãi tổ chức Đại hội nhân dân các dân tộc Trà Bồng tại Gò Rô (xã Trà Phong, huyện Trà Bồng). Đại hội có 200 đại biểu thuộc 4 dân tộc Cor, Hrê, Cà Dong, Kinh tham dự. Đó là những cán bộ cách mạng, quần chúng trung kiên, những già làng yêu nước... tiêu biểu cho sự quật khởi, sự đoàn kết chống Mỹ-Diệm của nhân dân. Đại hội đã đạt kết quả tốt đẹp và nhất trí: mọi người không phân biệt dân tộc, già, trẻ, gái, trai phải tham gia lực lượng vũ trang, luyện tập quân sự, chuẩn bị vũ khí, sẵn sàng đứng lên đánh đổ Mỹ-Diệm giành quyền làm chủ về tay nhân dân.

Từ sau Đại hội Gò Rô, tại Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã sục sôi một khí thế cách mạng mới. Ở nhiều thôn, xã nhiều tổ chức cách mạng của quần chúng được củng cố và mở rộng. Đó là phong trào thanh niên tham gia xây dựng lực lượng vũ

trang và phát huy vai trò xung kích của mình trong việc bảo vệ thôn, xã. Các già làng, trưởng thôn đã động viên con cháu tùy theo sức mình tham gia đánh giặc; đẩy mạnh sản xuất, tích trữ lương thực, thuốc men và vũ khí để chống giặc, lập công. Tổ chức Hội Phụ nữ ở khắp nơi được củng cố với nhiệm vụ tập hợp lực lượng, đẩy mạnh sản xuất, đấu tranh chống càn quét; đẩy mạnh công tác binh vận và sẵn sàng chiến đấu. Đặc biệt là các căn cứ miền núi được củng cố thêm một bước; công tác xây dựng lực lượng vũ trang được đẩy mạnh hơn.

Với khí thế sôi động của phong trào cách mạng của quần chúng, ngày 3-3-1959, tại xã Trà Thọ, huyện Trà Bồng, đơn vị vũ trang đầu tiên của Quảng Ngãi đã được thành lập, mang tên 339. Lúc đầu, đơn vị vũ trang 339 có 33 cán bộ, chiến sĩ, chỉ vài ngày sau đã lên tới 43 người. Họ chủ yếu là con em dân tộc ít người, có tinh thần chống Mỹ-Diệm cao, được trang bị vũ khí và rèn luyện quân sự.

Bằng phong trào đấu tranh sôi nổi của quần chúng và sự ra đời của lực lượng vũ trang 339 đã thúc đẩy mạnh mẽ phong trào cách mạng ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi. Các hoạt động cách mạng phong phú của quần chúng và lực lượng vũ trang đã làm tê liệt ngụy quyền ở nhiều xã, nhiều đồn bốt địch phải rút bỏ, nhiều ác ôn, gián điệp đã phải đền mạng; hàng ngũ ngụy quân, ngụy quyền tỏ ra hoang mang, sợ hãi.

Khi phong trào cách mạng ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đang sục sôi, đứng trước bước ngoặt mới thì địa phương được đón nhận và học tập Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15. Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xác định con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam và chỉ ra rằng: "...Con đường đó là lấy sức mạnh

*quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ chính quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân”.*

Quán triệt Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, vận dụng một cách sáng tạo, chủ động những nội dung cơ bản của Nghị quyết ấy trong điều kiện cụ thể ở địa phương mình, tỉnh ủy Quảng Ngãi đề ra các phương châm, hình thức và phát động phong trào đấu tranh trong toàn tỉnh và đã giành những thắng lợi to lớn.

Ngày 28-8-1959, nhân việc tẩy chay cuộc bầu cử Quốc hội bù nhìn của Ngô Đình Diệm, cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã bùng nổ. Khởi đầu là nhân dân và lực lượng thanh niên vũ trang các xã Trà Phong, Trà Lanh, Trà Sơn... nổi dậy, vây diệt bọn ác ôn, uy hiếp tinh thần binh lính địch. Trước khí thế quật khởi của nhân dân, nhiều binh lính địch đã vội vã bỏ đồn bốt, thậm chí cả hòm phiếu chạy về quận lỵ. Kết hợp với quần chúng, các đơn vị vũ trang, các đội du kích từ các “trại sản xuất” bí mật tiến đánh quân địch tháo chạy. Tiếp theo, nhân dân khắp nơi đã cắm chông, cài bẫy, rào đường và cùng với lực lượng vũ trang truy lùng bọn ác ôn bỏ trốn, đập phá các trụ sở ngụy quyền. Phụ nữ, trẻ em, kể cả các cụ già thì tiếp tế lương thực, vũ khí, thuốc men, nuôi dưỡng thương, bệnh binh và kêu gọi binh lính địch trở về với cách mạng.

Trước khí thế quật khởi của quần chúng nhân dân, chỉ trong 4 ngày, bộ máy ngụy quân, ngụy quyền ở Trà Bồng đã bị tê liệt. Nhân dân Trà Bồng đã quét sạch ngụy quyền ở 16 xã, bức rút 7 đồn, diệt 161 tên địch, làm bị thương hàng trăm tên, trừu trị 61 tên tặc, ngụy ác ôn. Chính quyền cách mạng đã được thành lập ở

hầu hết các xã, thôn trong huyện. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng thắng lợi đã lan nhanh sang nhiều địa phương khác của tỉnh Quảng Ngãi. Sau khởi nghĩa Trà Bồng, nhân dân các huyện: Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long... đã đứng lên xóa bỏ bộ máy ngụy quyền, thành lập chính quyền tự quản của nhân dân. Và, để bảo vệ thành quả của cuộc khởi nghĩa, đông đảo quần chúng nhân dân đã tham gia xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng tự vệ; phát triển và mở rộng các đoàn thể quần chúng cách mạng. Công tác xây dựng, củng cố chính quyền, ra sức sản xuất, tổ chức bố phòng đánh địch đã trở thành nhiệm vụ của toàn dân. Với ý thức ấy, quần chúng nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi được lực lượng vũ trang hỗ trợ đã chiến đấu anh dũng giành thắng lợi chống cuộc hành quân càn quét của sư đoàn 22 ngụy.

Chính thắng lợi vang dội này đã mang lại niềm tin về sự tất thắng của cách mạng ở Quảng Ngãi, ở Liên khu V nói riêng và cả miền Nam nói chung trong các chặng đường cách mạng tiếp theo.

Đánh giá thắng lợi của khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (tháng 2-1960), đồng chí Võ Chí Công, Bí thư Khu ủy khu V đã khẳng định: "... *Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng mở đầu trang sử đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang song song, đó là đỉnh cao nhất của phong trào đấu tranh của cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi, trong thời kỳ bấy giờ, nó là thắng lợi đầu lòng và đột xuất cổ vũ phong trào chung trong tỉnh, trong khu phát triển mạnh mẽ... Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng có giá trị lớn vì đã cung cấp được nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc vận dụng Nghị quyết 15 không những ở Quảng Ngãi mà ở trong toàn khu*"<sup>(4)</sup>.

---

<sup>(4)</sup> Tạp chí Cờ hồng. Nxb Giải phóng, Quảng Ngãi 10-1968, tr. 15.

Rõ ràng, cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là cuộc khởi nghĩa của toàn dân mà nổi bật hơn cả là vai trò to lớn của quần chúng nhân dân. Cuộc khởi nghĩa đã thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia, bao gồm các cụ già, các thanh niên nam, nữ các dân tộc và mọi giai tầng xã hội khác. Từ những ngày khởi nghĩa, bốn dân tộc anh em Cor, Hrê, Cà Dong, Kinh đã hòa vào với nhau là một, cùng đứng lên đánh đổ Mỹ-Diệm. Đặc biệt những người khỏe mạnh trong dân tộc Cor đã ra trận không sót một ai. Chính sự tham gia đông đảo của quần chúng và sự cống hiến, hy sinh hết mình của họ khiến cuộc khởi nghĩa diễn ra trên địa bàn rộng, kết hợp được các hình thức và phương thức đấu tranh: đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang; nổi dậy của quần chúng với tiến công của lực lượng vũ trang; khởi nghĩa giành chính quyền với xây dựng và bảo vệ chính quyền,... diễn ra nhanh chóng và giành thắng lợi to lớn.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi mãi mãi là niềm tự hào của nhân dân Quảng Ngãi và của cả dân tộc Việt Nam.

Ngày nay, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bài học huy động, phát huy vai trò của quần chúng vẫn giữ nguyên giá trị, là một trong những nhân tố thường xuyên quyết định mọi thắng lợi của cách mạng nước ta./.

# VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI

DUY THỊ HẢI HƯỜNG\*

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi nổ ra vào tháng 8 năm 1959 là một cuộc khởi nghĩa lớn, tiêu biểu cho sức quật khởi của đồng bào các dân tộc miền núi Nam Trung Bộ. Cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử quan trọng. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa đã góp phần mở đầu cho phong trào đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang tại địa phương và toàn miền Nam; minh chứng sớm cho tư tưởng chiến lược đúng đắn của Đảng ta về đấu tranh vũ trang và khởi nghĩa vũ trang được thể hiện trong Nghị quyết lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Để có được thắng lợi và ý nghĩa to lớn đó, bên cạnh sự lãnh đạo tài tình của Đảng; sự chủ động, sáng tạo của Đảng bộ và chính quyền tỉnh Quảng Ngãi, là sự đóng góp to lớn của các tầng lớp nhân dân, trong đó nổi bật lên vai trò của phụ nữ.

Tháng 7 năm 1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết. Nước Việt Nam tạm thời bị chia làm hai miền Nam, Bắc. Theo Hiệp định thì hai năm sau, đến tháng 7 năm 1956, hai miền sẽ Tổng tuyển cử, thống nhất đất nước. Để thực hiện mục tiêu đó, chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã nhiều lần gửi công hàm cho

---

\* Viện Sử học.

nhà đương cục miền Nam (chính quyền Sài Gòn) hiệp thương nhằm tổ chức cuộc Tổng tuyển cử theo quy định của Hiệp định. Song đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn lại ra sức phá hoại Hiệp định, từ chối thực hiện cuộc Tổng tuyển cử của nhân dân ta, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Chúng tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng chính quyền thực dân mới. Chúng dùng “chiến tranh đơn phương” để tiêu diệt lực lượng cách mạng miền Nam; tiến hành các chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng”, mở các cuộc càn quét quy mô lớn để đàn áp nhân dân ta, tiêu diệt lực lượng cách mạng của ta. Vì vậy, từ năm 1954 đến năm 1960, phong trào cách mạng ở miền Nam gặp rất nhiều khó khăn, lực lượng cách mạng bị tổn thất nặng nề. Riêng ở Liên khu V, đến cuối năm 1957, hầu hết các tổ chức Đảng ở Liên khu đều bị tan vỡ: 70% số đảng uỷ viên xã, 60% huyện uỷ viên, 40% tỉnh uỷ viên và đại bộ phận đảng viên bị bắt và bị giết hại. Các cơ sở đảng ở đồng bằng hầu như không còn. Nếu tính cả miền núi và đồng bằng, thì tỉnh có phong trào khá nhất cũng chỉ còn 10 chi bộ, mỗi chi bộ 3 đảng viên, tỉnh yếu chỉ còn lại 2 đến 3 chi bộ<sup>(1)</sup>. Còn ở Quảng Ngãi, Mỹ - Diệm ra sức càn quét, rà sát cộng sản đến từng thôn xóm. Khắp nơi trong tỉnh nhà tù mọc lên như nấm. Nhà lao Quảng Ngãi thường xuyên giam đến 5.000 người. Cơ sở Đảng, cơ sở quần chúng cách mạng nhiều nơi bị vỡ, bị đứt liên lạc. Theo thống kê, phần lớn cán bộ cách mạng ở Quảng Ngãi bị bắt hoặc phải “điêu lăng” đi nơi khác. Ở huyện Mộ Đức, toàn bộ cán bộ đã bị bắt. Huyện Tư Nghĩa bị mất 95% cán bộ. Các huyện khác như Bình Sơn, Sơn Tịnh 80% cán bộ bị sa vào tay giặc, thậm chí ở miền núi, số cán bộ bị bắt cũng lên tới 20%<sup>(2)</sup>.

---

(1) Cao Văn Lương: *Lịch sử cách mạng miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1960*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr. 86, 87.

(2) Cao Văn Lượng, Phạm Quang Toàn, Quỳnh Cư: *Từng bước phát triển đồng khởi ở miền Nam*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981, tr. 135.

Trước sự đàm áp của Mỹ-Diệm đối với phong trào cách mạng, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã nhanh chóng và kịp thời chuyển hướng đấu tranh. Tỉnh đã chỉ thị cho các huyện, xã phải vận dụng và kết hợp chặt chẽ cả ba hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và bất hợp pháp đồng thời sử dụng một số hình thức đấu tranh tự vệ, như diệt ác, trừ gian, ... Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng ngay những năm đầu dưới chế độ Mỹ-Diệm, tại Quảng Ngãi nhiều cuộc đấu tranh của quần chúng vẫn liên tiếp nổ ra ở nhiều nơi, như Đức Phổ, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Trà Bồng, v.v... Tại huyện Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, nhân dân trong đó có lực lượng rất đông là chị em phụ nữ đã vận dụng sáng tạo nhiều hình thức đấu tranh để bảo tồn, duy trì, thậm chí phát triển lực lượng cách mạng. Trong giai đoạn từ 1954 đến 1960, cùng với bà con, các mẹ, các chị đã tham gia rất nhiều hình thức hoạt động để chống lại chính sách cai trị tàn bạo của Mỹ-Diệm. Họ đã bảo vệ, nuôi dưỡng và che chở cho cán bộ, tham gia “phong trào ù lì”, đấu tranh chống chính sách “cải cách điền địa”, “tố cộng”, “diệt cộng”, đặc biệt là phong trào diệt ác của các nhóm “trả đầu”, trừu trị bọn ác ôn có nợ máu với nhân dân, v.v..

Như chúng ta đều biết, từ sau Hiệp định Giơnevơ, Mỹ-Diệm tiếp quản Quảng Ngãi, việc đầu tiên chúng thực hiện là ra sức xây dựng chính quyền tay sai ở các huyện đồng bằng. Đến năm 1957, chúng tập trung lực lượng tiến công lên Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, thực hiện chính sách khủng bố ác liệt hòng tiêu diệt cơ sở và lực lượng cách mạng ở địa phương. Vì theo chúng, Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là vùng căn cứ cách mạng, có truyền thống đấu tranh bất khuất, kiên cường; là nơi đứng chân của lãnh đạo tỉnh. Tuy nhiên, mọi hành động khủng bố của chúng dù có tàn bạo, dã man đến đâu cũng không ngăn cản được ý chí đấu tranh giải phóng quê hương, thống nhất

đất nước của đồng bào, của phụ nữ các dân tộc ở đây. Trong lúc cách mạng gấp khó khăn, có những người mẹ, người chị đã mưu trí che mắt địch, khôn khéo lợi dụng khả năng đấu tranh hợp pháp để hoạt động cách mạng. Nhiều chị đã đào hầm giấu cán bộ, ngày bí mật mang cơm, gạo lên vùng cao, rừng núi để nuôi cán bộ. Đêm đến, các chị lại chuyển tài liệu hoặc dẫn đường cho cán bộ về xuôi hoạt động, v.v... Nhờ các hoạt động tài tình và khéo léo của các mẹ, các chị mà nhiều cơ sở cách mạng của địa phương vẫn được giữ vững.

Cùng với hành động khủng bố, đàn áp các cơ sở cách mạng, lực lượng cán bộ địa phương, Mỹ-Diệm còn ra sức bắt ép thanh niên nam, nữ các dân tộc đi đắp đường, xây dựng đồn bốt; bắt bà con đóng hàng trăm thứ thuế do chúng đặt ra<sup>(1)</sup> làm cho đời sống của nhân dân ngày càng đói khổ. Để đối phó với những hành động bắt ép vô lý của chính quyền địch, cùng với bà con trong thôn bản, các mẹ, các chị đã không quản gian khổ, khó khăn, vẫn anh dũng, kiên quyết bám đất, bám làng để chống lại chúng. Nhiều hình thức đấu tranh đã xuất hiện, tiêu biểu nhất là “phong trào ù lì” không đóng thuế, không đi xâu cho Diệm. Mặc cho bọn lính thúc ép, dùng súng đe doạ, nhân dân vẫn “ù lì”. Nếu bọn lính bắt đồng bào tập trung ở từng xã để hỏi lý do thì bà con đều trả lời: “Hồi nào các ông nói Ngô Tổng thống tốt, không bắt thuế, bắt xâu, bây giờ Ngô Tổng thống nào lại bắt đi xâu, đóng thuế”.

---

(1) Ở Quảng Ngãi, Diệm đặt ra hàng chục thứ thuế hòng ép đồng bào phải nộp cho chúng, như: thuế trẻ mới sinh 20 đồng, thuế người chết 20 đồng, thuế cưới vợ 40 đồng, tiền “tu bổ học đường” 50 đồng, tấm không mặc quần lót phạt 5 đồng, ra khỏi làng không xin phép phạt 10 đồng, ... Ngoài ra, bọn chúng còn bắt nhân dân thường xuyên phải đi xâu và các thứ tạp dịch khác. Các loại đi xâu như: xâu đắp đường, xâu làm đồn bốt, xâu làm nhà thương, trường học, ... nhưng sự thật thì chẳng có nhà thương và trường học nào cả. Xem Báo Nhân dân, ngày 11-9-1959.

Nếu bọn lính hăm dọa bắn thì bà con đều nói: “Chúng tôi không sợ chết. Sống với các ông còn khổ hơn chết. Đóng thuế, chúng tôi không có tiền, đi xâu không có sức, thuê người đi thay không biết lấy gì để trả công”. Không những thế, nhiều nơi, chị em phụ nữ cùng với bà con còn tổ chức thành từng đoàn kéo nhau đến trụ sở chính quyền của địch ở địa phương đòi bãi bỏ các thứ thuế đã man, chấm dứt bắn giết để nhân dân yên ổn làm ăn<sup>(1)</sup>.

Phụ nữ Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi còn tham gia đấu tranh chống chính sách “cải cách điền địa” của chính quyền Diệm. Thực chất của chính sách này là nhằm bảo vệ và duy trì đặc quyền, đặc lợi của giai cấp địa chủ, cơ sở xã hội của chế độ Ngô Đình Diệm. Ở miền Nam Trung Bộ, chính quyền Diệm ra lệnh lấy lại công điền, diện tích ruộng mà cách mạng đã chia cho nông dân nghèo trong thời kỳ chống thực dân Pháp. Riêng ở Quảng Ngãi, viên Tỉnh trưởng viện cớ là ngân sách địa phương thiếu hụt, cần đấu giá công điền nên Hội đồng hương chính nhiều huyện trong tỉnh đã lấy đi 80 - 90% hoặc lấy tất cả công điền của nông dân. Biết được âm mưu đó, các mẹ, các chị đã kêu gọi bà con đấu tranh và đưa yêu sách đòi bãi bỏ chế độ đấu giá công điền và yêu cầu chế độ công điền phải được thi hành khế ước 3 năm. Nhờ đó, nhiều nơi Hội đồng hương chính xã phải hứa để báo cáo cấp trên xét lại nguyện vọng của bà con<sup>(2)</sup>.

Phụ nữ Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi còn tham gia phong trào đấu tranh chống “tố cộng”, “diệt cộng” của Mỹ-Diệm. Mục đích của “tố cộng”, “diệt cộng” là tìm bắt tiêu diệt các chiến sĩ cách mạng, những người kháng chiến cũ, thị uy nhân dân, bắt họ khai báo các chiến sĩ cộng sản và những người kháng chiến

---

(1) Báo Nhân dân, ngày 11-9-1959.

(2) Hồ sơ Đấu tranh chính trị 1955 - 1956. Tài liệu của Thông tấn xã Việt Nam.

cũ. Nhưng các biện pháp dọa nạt, khủng bố và mua chuộc của địch đều không khuất phục được họ. Cùng với nhân dân, các mẹ và chị em luôn tẩy chay các buổi “tố cộng” hoặc nếu có đi, thì bảo “không biết Việt cộng là ai”, “không tố Việt cộng”. Ngược lại, nhân dịp này, chị em họp nhau lại để tố cáo chính quyền Diệm đàn áp, bóc lột, lừa phản nhân dân. Nhiều cuộc mít tinh “tố cộng” của chị em đã biến thành những cuộc tranh luận về chế độ dân chủ cộng hoà; về công ơn của Cách mạng tháng Tám; về sự quan tâm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với các dân tộc miền núi... Không làm gì được, chính quyền Diệm kéo quân đàn áp nhưng chị em chấp nhận hy sinh, chứ nhất định không xé cờ Đảng, không bước qua ảnh Bác Hồ, không hô khẩu hiệu “tố cộng”. Thậm chí, khi các chị bị bắt, bị địch tra tấn rất dã man, các chị vẫn kiên quyết không khai, vẫn trung thành với Đảng, với cách mạng. Trường hợp của một phụ nữ ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi bị địch bắt, tra tấn, cưa cổ và định đem đi chôn, nhưng biết chị chưa chết, chúng đưa chị về để tra tấn tiếp, nhưng chị vẫn một mực “không tố cộng”<sup>(1)</sup> là một minh chứng cho sự gan dạ và tấm lòng trung thành của phụ nữ đối với cách mạng.

Đồng thời với các chiến dịch “tố cộng”, diệt cộng”, chính quyền Ngô Đình Diệm còn huy động lực lượng quân đội có trang bị vũ khí đến càn quét quy mô lớn vào các huyện Trà Bồng, Sơn Hà, Minh Long, v.v.. nhằm uy hiếp tinh thần đấu tranh của nhân dân<sup>(2)</sup>. Tuy nhiên, mọi hành động đó không làm

---

<sup>(1)</sup> Báo Nhân dân, ngày 12-9-1959, tr. 1.

<sup>(2)</sup> Theo thống kê chưa đầy đủ, tính đến giữa năm 1959, Mỹ-Diệm đã huy động lực lượng quân đội có vũ khí, trang bị hiện đại càn quét vào tất cả bốn huyện Trà Bồng, Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ làm chết gần 150 người, chúng bắt đi hơn 800 người, dồn 17.000 người dân ở huyện Sơn Hà, Trà Bồng, Đồng Ké vào trại tập trung và bắt giữ 123 người dân ở huyện Ba Tơ. Xem Báo Nhân dân, ngày 10-9-1959.

nản ý chí đấu tranh của đồng bào ta, mà trái lại, đồng bào ta đã biết vận dụng nhiều hình thức đấu tranh tự vệ để chống lại chúng. Trong thời gian này, ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi xuất hiện trở lại phong trào diệt ác của các nhóm “trả đầm”, bắt giết các quan chức địa phương tàn ác, có nợ máu với nhân dân để trả thù. Chị em phụ nữ cũng tham gia phong trào này. Ví dụ như chị Mí Lang ở xã Sơn Thuỷ (huyện Sơn Hà) bị địch bắt, đánh đập, tra tấn rồi đem chôn sống, nhưng tối đến chị moi đất chui lên cầm dao về làng tìm và chặt đầu tên Nha ác ôn trả thù cho đồng bào<sup>(1)</sup>. Về hình thức đấu tranh mang tính chất tự vệ này, tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ cũng thừa nhận: “Năm 1957 và đặc biệt là năm 1959, những cuộc nổi loạn ở nông thôn lại bắt đầu nổ ra. Số vụ giết người và bắt cóc các quan chức địa phương tăng lên rất nhiều”<sup>(2)</sup>.

Nhờ áp dụng một số hình thức đấu tranh vũ trang có tính chất tự vệ như trên nên đến cuối năm 1958 đầu năm 1959, phong trào cách mạng ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi không những được duy trì mà còn có bước phát triển. Năm bắt được tinh thần cách mạng địa phương, để đưa phong trào cách mạng tiếp tục phát triển, ngay từ năm 1958, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã bắt đầu công việc chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong toàn tỉnh. Các Hội nghị tháng 2 năm 1958, tháng 5 năm 1958 và Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng ngày 20 tháng 6 năm 1958 đều nhất trí rằng: *Chuyển hướng đấu tranh, cụ thể là áp dụng hình thức đấu tranh vũ trang tự vệ*. Các Hội nghị của Tỉnh ủy còn quyết định cụ thể phương châm đấu tranh giữa các vùng: miền

---

(1) *Quảng Ngãi- Lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945-1975)*. Nxb Tổng hợp Nghĩa Bình, Bộ chỉ huy quân sự Nghĩa Bình xuất bản 1988, tr. 172.

(2) *Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, tập 1, Thông tấn xã Việt Nam, 1971*, tr. 34.

núi, trung tâm căn cứ, vùng đệm, vùng có nguy quyền xã, thôn; xây dựng, đẩy mạnh phong trào đấu tranh ở các vùng giáp ranh, đồng bằng, vùng sâu và thành thị. Các Hội nghị cũng chú trọng đến một số công tác khác, như tích cực củng cố tổ chức Đảng, đoàn thể từ tỉnh, huyện đến xã, thôn, kể cả các xã thôn vùng cao; thành lập Ban Quân sự tỉnh; xây dựng căn cứ địa. Sau đó, nghị quyết của các Hội nghị được triển khai rộng rãi xuống các huyện, xã vùng cao, vùng xa.

Đến tháng 7 năm 1958, Tỉnh ủy Quảng Ngãi tổ chức Đại hội đại biểu nhân dân các dân tộc miền núi tại Gò Rô, xã Trà Phong, huyện Trà Bồng. Dự Đại hội có 200 đại biểu thuộc bốn dân tộc Hrê, Cà Dong, Cor và Kinh. Sau khi thảo luận và được sự nhất trí của các vị đại biểu, Đại hội đã quyết định một số nhiệm vụ chính là kêu gọi nhân dân chuẩn bị thực lực đủ ba năm để kháng chiến lâu dài; vận động binh lính trở về với cách mạng; đẩy mạnh sản xuất tiến tới giải phóng xóm làng... Nhân dịp này, Đại hội đã kêu gọi nhân dân các dân tộc hãy cùng đoàn kết tạo sức mạnh to lớn để đánh đổ chế độ Mỹ-Diệm, bảo vệ quê hương: “Các dân tộc anh em phải đoàn kết xung quanh Bác Hồ, đồng lòng hợp sức để đánh đổ Mỹ-Diệm. Mọi người không phân biệt dân tộc, già trẻ, gái trai phải tham gia lực lượng vũ trang, luyện tập quân sự, làm vũ khí,... sẵn sàng nổ dậy giành chính quyền”<sup>(1)</sup>.

Từ sau Đại hội Gò Rô, ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã dấy lên một không khí chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền sắp tới. Nhân dân hăng hái tham gia vào các tổ chức đoàn thể quần chúng và các nhóm vũ trang tự vệ, diệt ác, phá tề. Chị em phụ nữ cùng bà con cũng thi đua đào

---

(1) Theo Báo cáo về Đại hội Gò Rô, ngày 7-7-1958. Tài liệu lưu trữ Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Quảng Ngãi.

hầm, cắm chông, gài bẫy vây quanh các đồn địch, ngang dọc trên các rãy quế, rãy lúa, các thôn, nóc làm cho địch mỗi khi ra khỏi đồn đi lùng sục đều bị thương vong. Các chị còn đảm đương phần lớn công việc tăng gia sản xuất, chuẩn bị lương thực cho cuộc khởi nghĩa. Khắp các huyện đều tổ chức “rãy cách mạng” để nuôi cán bộ và lực lượng vũ trang. Chị em còn tham gia vào việc dự trữ muối, gạo, vải, nông cụ, vận chuyển lương thực lên vùng căn cứ,... để bảo đảm đủ thực lực cho bộ đội chiến đấu lâu dài. Các chị còn tham gia vận động binh lính người Cor đang làm trong bộ máy nguy quyền quay về với bà con để chuẩn bị tham gia khởi nghĩa.

Không khí chuẩn bị khởi nghĩa ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đang sục sôi thì Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng chuyển tới tỉnh. Nghị quyết 15 đã xác định con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là: “Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân”. Cụ thể là: “Lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân”<sup>(1)</sup>. Nghị quyết 15 đã đáp ứng nguyện vọng bức thiết của nhân dân, chỉ ra con đường để nhân dân miền Nam nói chung và nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi nói riêng nỗi dậy khởi nghĩa giành chính quyền đã tới.

Ngày 28-8-1959, nhân việc tẩy chay cuộc bầu cử Quốc hội bù nhìn của Mỹ-Diệm, 16.000 đồng bào và phụ nữ huyện Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương và được đơn vị vũ trang 339 của tỉnh hỗ trợ đã nỗi dậy

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 20 (1959). Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 82.

khởi nghĩa. Sau bốn ngày, ta đã quét sạch nguy quyền ở 16 xã, bức rút 7 đồn, diệt 161 tên địch, trừng trị 61 tên tể nguy ác ôn, lập chính quyền cách mạng ở 16 xã. Sau đó, cuộc khởi nghĩa đã lan sang một số xã lân cận thuộc ba huyện Sơn Hà, Minh Long và Ba Tơ. Đến cuối tháng 12 năm 1959, hơn 40 xã vùng cao miền Tây Quảng Ngãi đã hoàn toàn giải phóng. Chính quyền nhân dân tự quản ở các xã được thành lập.

Trong cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, chị em phụ nữ đã đóng góp một phần quan trọng. Các chị đã tham gia vào mạng lưới truyền tin, tiếp tế, phá đường, vận chuyển lương thực cho bộ đội đánh giặc. Nhiều chị còn trực tiếp đấu tranh với giặc, như chị Hồ Thị Non ở xã Trà Sơn, huyện Trà Bồng, đã dùng rựa chém bọn lính ngụy trong cuộc khởi nghĩa<sup>(1)</sup>. Đặc biệt là các chị đã góp phần châm ngòi cho cuộc khởi nghĩa. Trước khi nổ ra khởi nghĩa, chính quyền Ngô Đình Diệm cho quân đi càn quét vào các thôn, xóm, bắt nhân dân phải đi bỏ phiếu. Nhiều chị không chịu đi bỏ phiếu. Dịch bắt ép thì các chị đã tranh biện với chúng: “Chính phủ cho quân càn quét, đánh phá khắp nơi, cấm đi lại, cấm mua bán, trao đổi hàng hoá cho nên dân nghèo đói không có cơm ăn, áo mặc, không đi bỏ phiếu ở xa làng, xa rãy được”. Đuối lý bọn địch đành kéo nhau ra đồng, ra rãy bắt bà con quay về đi bỏ phiếu<sup>(2)</sup>. Trên đường đi bọn địch chặn bắt cụ già Lượm và nhiều người khác nhưng mọi người đã chống lại và hú lên báo hiệu cho nhân dân quanh vùng đến ứng cứu và nổi dậy chống lại chúng.

---

(1) Tài liệu của Bảo tàng Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, huyện Trà Bồng.

(2) Cao Văn Lượng, Phạm Quang Toản, Quỳnh Cư: *Tìm hiểu phong trào đồng khởi ở miền Nam Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981, tr. 176.

Sau thắng lợi cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, ngày 5-9-1959, Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp nhằm đánh giá, rút kinh nghiệm thắng lợi của cuộc khởi nghĩa và bàn biện pháp để đối phó với âm mưu địch đánh chiếm trở lại vùng này. Hội nghị chỉ đạo cho đồng bào người Kinh và Thượng ở các huyện miền Tây Quảng Ngãi phải tích cực tham gia bố phòng chống địch càn quét trở lại, bảo vệ căn cứ. Khắp các làng, xã chị em đều tích cực tham gia cùng với nhân dân bảo vệ và xây dựng chính quyền địa phương. Chị Hồ Thị Nhi (người dân tộc Cor), là người phụ nữ đầu tiên đại biểu cho chị em các dân tộc ít người, được bầu làm Phó chủ tịch Ủy ban cách mạng xã Trà Phong, huyện Trà Bồng.

Trong cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, phụ nữ có vai trò to lớn. Cùng với các tầng lớp nhân dân, họ tham gia đấu tranh chính trị, làm thất bại nhiều chính sách của Mỹ-Diệm áp đặt ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi. Đồng thời, họ cũng là lực lượng quan trọng tham gia giữ gìn, củng cố lực lượng, chuẩn bị chu đáo về mọi mặt cho cuộc khởi nghĩa nổ ra cũng như tham gia khởi nghĩa giành chính quyền, tham gia xây dựng chính quyền mới.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi thắng lợi là tiếng chuông báo hiệu sự thất bại của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ở miền Nam, đồng thời, nó đánh dấu sự phát triển của cách mạng miền Nam sang một giai đoạn mới - giai đoạn của cả một dân tộc đứng lên đánh Mỹ và lật đổ chính quyền tay sai Mỹ ở miền Nam. Nếu như cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi mở đầu cho phong trào đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang ở toàn miền Nam, thì sự tham gia của đồng bào phụ nữ các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi cũng đóng vai trò như một ngọn cờ tiên phong trong phong trào đấu tranh anh dũng

của những đội quân tóc dài ở miền Nam Việt Nam. Đánh giá về vai trò và cống hiến của phụ nữ miền Nam trong đó có phụ nữ Quảng Ngãi đối với cuộc kháng chiến của dân tộc, Luật sư Nguyễn Hữu Thọ viết: “Trong trận chiến đấu một mảnh, một cõi của toàn dân ta với kẻ thù, qua các thời kỳ phát triển của phong trào, phụ nữ miền Nam luôn luôn là lực lượng đấu tranh hăng hái, dũng cảm và đầy sáng tạo. Trong những năm đấu tranh cách mạng gặp khó khăn, chị em phụ nữ đã biểu hiện lòng trung thành vô hạn đối với cách mạng. Trong thời kỳ cách mạng chuyển lênh phụ nữ miền Nam đã có những cống hiến lớn lao trong cuộc kháng chiến cứu nước của toàn dân ta”<sup>(1)</sup>.

Ngày nay, đất nước được thống nhất, cùng đi lên xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, xây dựng và phát triển đất nước ngày càng giàu mạnh theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phụ nữ Quảng Ngãi nói riêng và phụ nữ Việt Nam nói chung đã và đang phát huy truyền thống “anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang”, tiếp tục góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam theo đường lối đổi mới, phát triển đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo./.

---

(1) Luật sư Nguyễn Hữu Thọ nói tại Đại hội Phụ nữ Giải phóng lần thứ nhất (3-1965). Trích theo Lê Thị Nhâm Tuyết: *Phụ nữ Việt Nam qua các thời đại*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973, tr. 286.

# VẤN ĐỀ ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI

NGUYỄN CÔNG MẠNH\*

Trong những ngày này cách đây vừa tròn 45 năm, nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi cùng với lực lượng vũ trang, du kích đã liên tục nổi dậy khởi nghĩa vũ trang với khí thế sôi nổi, hào hùng nhằm tiêu diệt bè lũ tay sai gian ác, đứng lên giành chính quyền, làm chủ quê hương của mình. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi cùng với phong trào Đồng khởi ở Bến Tre đã đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân miền Nam chuyển qua giai đoạn mới, giai đoạn “Ngụy quân, ngụy quyền lâm vào thế bị động lúng túng, khủng hoảng trầm trọng. Cách mạng miền Nam đã vượt qua thử thách nghiêm trọng nhất, từ thoái trào và thế giữ gìn lực lượng chuyển hẳn sang thế tiến công”<sup>(1)</sup>.

Một trong những yếu tố dẫn đến thắng lợi trên là nhân dân các dân tộc ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đoàn kết một lòng kiên quyết chiến đấu chống Mỹ, ngụy, vì độc lập tự do thống nhất đất nước. Từ đó tạo ra sức mạnh to lớn làm nhanh chóng tan rã chính quyền địch.

---

\* Thạc sỹ. Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ

<sup>1</sup> Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị, *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước - Thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.45-46.

Trải qua quá trình hình thành và phát triển, nước ta là một nước có nhiều dân tộc anh em sinh sống, phân bố rộng khắp từ đồng bằng đến miền rừng núi trung du. Mặc dù các dân tộc có những nét khác nhau về trình độ sản xuất, về văn hóa, nhưng các dân tộc trên đất nước Việt Nam là một thể thống nhất của nước Việt Nam thống nhất. Nước ta chiếm vị trí chiến lược quan trọng, vì vậy các thế lực thù địch luôn tìm cách xâm lược thống trị. Cho nên đoàn kết dân tộc là yếu tố sống còn đối với sự phát triển của đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “Đồng bào mình, hay Thổ, Mường hay Mán, Giarai hay Êđê, Xơđăng hay Bana và các dân tộc thiểu số khác đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt... Tất cả các dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn non nước ta”<sup>(2)</sup>.

Nhân dân các dân tộc ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã thực hiện lời dạy của Bác Hồ trong cuộc chiến đấu quyết liệt với Mỹ - ngụy vì độc lập tự do của đất nước. Quảng Ngãi là một tỉnh ven biển miền Trung, chiếm giữ vị trí quan trọng về giao thông vận tải, về an ninh quốc phòng, có quốc lộ 1 nối liền các tỉnh Trung Trung bộ với miền Đông Nam bộ, phía Tây giáp tỉnh Kon Tum, hành lang biên giới với nước Lào.

Miền Tây Quảng Ngãi, chiếm 2/3 diện tích toàn tỉnh, chủ yếu là núi rừng. Lúc bấy giờ miền núi Quảng Ngãi gồm 4 huyện là Trà Bồng, Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ, với tổng dân số trên 85.660 dân, trong đó người Hrê có 45.000 người chiếm 53% tập trung ở Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long. Người Cor có 16.000 dân chiếm 17% chủ yếu sinh sống ở Trà Bồng. Người Cà Dong có 6.000 người chiếm 7% ở phía tây huyện Sơn Hà. Người Kinh có

---

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 4, tr.207.

17.000 người chiếm 13%. Như vậy dân số người dân tộc chiếm 73% ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi. Đây là lực lượng cách mạng to lớn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của tỉnh Quảng Ngãi. Cũng như bao dân tộc khác, đồng bào người dân tộc ít người, bị thực dân Pháp chiếm đất và bóc lột thậm tệ bằng đủ mọi cách, làm cho đời sống đã nghèo khổ lại cơ cực hơn. Mâu thuẫn giữa đồng bào dân tộc ở miền Tây Quảng Ngãi với thực dân Pháp ngày càng sâu sắc. Họ đã liên tục nổi dậy chống Pháp. Cuộc đấu tranh của họ càng ngày càng gắt bó với cách mạng, với người Kinh, theo đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản, được thể hiện với những khẩu hiệu “Người Cor không giết hại người Cor”, “Người Cor không giết hại người Kinh”. Ngày 11.3.1945 dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi và Chi bộ Cảng an trí Ba Tơ, đồng bào dân tộc ở Châu lý Ba Tơ đứng lên khởi nghĩa, thiết lập chính quyền cách mạng. Tại đây Đội du kích Ba Tơ được thành lập, chiến khu kháng Nhật được xây dựng làm căn cứ địa phát triển ra khắp tỉnh, tích cực chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa. Ngày 15.8, nhân dân các huyện ở miền núi đã nổ dậy tiêu diệt đồn bốt Nhật thiết lập chính quyền nhân dân ở thôn xã.

Mặc dù các dân tộc thiểu số ở Quảng Ngãi còn lạc hậu về kinh tế, văn hóa lại bị chính sách cai trị thâm độc của kẻ thù “chia để trị”, gây thù hận và khoét sâu mâu thuẫn giữa các dân tộc Cor, Hrê, Cà Dong với người Kinh và giữa đồng bào các dân tộc thiểu số với nhau, song với truyền thống đấu tranh bất khuất, với chính sách đoàn kết, bình đẳng dân tộc, đồng bào các dân tộc ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã vượt qua khó khăn thử thách, từng bước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Nhằm biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới, đế quốc Mỹ đã hất cẳng Pháp, dựng lên chế độ tay sai Ngô Đình

Điệm vô cùng tàn bạo và phản động. Với chính sách chống cộng điên cuồng, chúng lê máy chém đi khắp miền Nam hòng giết hại, khủng bố những người yêu nước. Ở Quảng Ngãi cùng với chính sách “tố cộng”, “diệt cộng” thẳng tay đàn áp dã man những người yêu nước, chúng còn kết hợp chính sách “dùng người dân tộc trị người dân tộc”, “dùng người dân tộc chống lại cách mạng”. Mặt khác, chúng dùng thủ đoạn lừa bịp, dụ dỗ, mua chuộc đồng bào dân tộc để thiết lập nguy quyền thôn xã. Nhằm phá tan âm mưu thâm độc của kẻ thù và bảo toàn, phát triển lực lượng cách mạng, lãnh đạo tỉnh đã chỉ đạo “tăng cường công tác dân vận, đi sâu vào quần chúng... Đặc biệt quan tâm đến việc đoàn kết dân tộc, đoàn kết Kinh, Thượng, và việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ người dân tộc”. Cán bộ phải xuống tận buôn làng thực hiện chính sách 3 cùng: cùng ăn, cùng ở, cùng sản xuất đánh giặc giữ bản làng. Có như vậy mới hiểu tâm tư nguyện vọng của đồng bào dân tộc, khắc phục những mặt yếu kém, phát huy thế mạnh của đồng bào, truyền thống chống giặc ngoại xâm và tập quán cổ truyền để chống lại sự đàn áp khủng bố của địch.

Ngày 7.7.1958 đã diễn ra sự kiện quan trọng, đại hội nhân dân 4 dân tộc ở Trà Bồng gồm Cor, Hrê, Cà Dong và Kinh tại Gò Rô (Trà Phong, Trà Bồng) khẳng định ý chí đoàn kết chiến đấu của các dân tộc anh em ở đây. Trong hội nghị, các già làng có uy tín như cụ Tài, cụ Vinh, cụ Triều, cụ Kiếm, cụ Bung... đã thể hiện quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng, với ý thức không để một người con em nào của dân tộc còn lầm đường, lạc lối đi theo địch. Các già làng khẳng định: “có cách mạng, có Bác Hồ lãnh đạo, Kinh Thượng đoàn kết cùng đánh giặc thì nhất định thắng lợi”.

Nhiều già làng không sợ hy sinh gian khổ lặn lội tới các buôn làng tuyên truyền kêu gọi nhân dân đánh địch. Nhiều cụ đã

hy sinh anh dũng như cụ Triều ở Trà Bồng. Sự hy sinh của các già làng là những tấm gương sáng ngời cổ vũ động viên con cháu cùng mọi người trong buôn làng đứng lên đoàn kết đánh giặc.

Hội nghị thanh niên toàn huyện cũng được tổ chức nhằm đoàn kết thanh niên thành lực lượng xung kích bảo vệ buôn làng, sẵn sàng nổi dậy khởi nghĩa khi thời cơ cách mạng đến. Lực lượng phụ nữ Trà Bồng và miền Tây của tỉnh được tập hợp đoàn kết tham gia công tác đấu tranh chính trị, binh vận, sản xuất dự trữ lương thực, thực phẩm chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang.

Trước ngày cuộc khởi nghĩa ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi nổ ra, mặt trận đoàn kết dân tộc, đoàn kết nhân dân được phát triển, cách mạng đã nắm chắc được lực lượng thanh niên, đồng thời đoàn kết được tất cả các tầng lớp nhân dân. Đó là cơ sở quan trọng để nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đứng lên khởi nghĩa giành thắng lợi.

Trong lúc nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đang trong bầu không khí sôi sục khởi nghĩa, thì Nghị quyết 15 của Đảng đã đến với nhân dân Quảng Ngãi. Nghị quyết đã tăng thêm niềm tin và sức mạnh vào cuộc đấu tranh của mình. Đó là con đường bạo lực cách mạng, đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, kết hợp nổi dậy của quần chúng với tiến công của lực lượng vũ trang.

Ngày 28.8.1959 nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi từ các cụ già tới nam nữ thanh niên và trẻ em dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh đã đoàn kết một lòng liên tục nổi dậy khởi nghĩa với khí thế hào hùng. Từ xã Trà Quân, Trà Khê đã lan ra nhanh chóng tới Trà Phong, Trà Lãnh. Phối hợp với lực lượng vũ trang, nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi nổi dậy với nhiều hình thức đấu tranh phong phú, sáng tạo. Ở nhiều nơi các

cụ già mang cả chiêng, cồng, trống, phèng la được cất giấu từ lâu ra đánh nhầm cổ vũ con cháu vùng lèn giết giặc. Các nam nữ thanh niên, trẻ em đã tích cực tham gia cùng lực lượng vũ trang diệt ác ôn, truyền tin, tiếp tế lương thực, phá đường, vót chông làm bẫy, phá hòm phiếu, phá cuộc bầu cử của địch.

Sức mạnh đoàn kết của nhân dân các dân tộc đã làm cho kẻ thù hoang mang khiếp sợ. Đây là điều mà chúng không thể ngờ tới. Vì vậy, binh lính và chỉ huy phải bỏ đồn chạy trốn. Chỉ sau vài ngày khởi nghĩa, Trà Bồng được giải phóng. Từ Trà Bồng nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi đã liên tục nổi dậy giành quyền làm chủ trên mảnh đất quê hương mình.

Trong thời gian ngắn nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi dưới sự lãnh đạo của Đảng đã vùng dậy kết hợp đấu tranh chính trị, binh vận với đấu tranh vũ trang tiêu diệt ác ôn, phá ách kìm kẹp, giành quyền làm chủ thiết lập chính quyền nhân dân. Thắng lợi trên, trước hết là thắng lợi của đường lối đại đoàn kết dân tộc của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Với địa hình rừng núi và hơn 70% dân số là người dân tộc, vấn đề xây dựng Mặt trận Dân tộc Thống nhất chống Mỹ - ngụy là vấn đề quan trọng hàng đầu. Từ đó, cán bộ của Đảng đã đi sâu sát với các đồng bào ở các buôn, làng, thực hiện chính sách “ba cùng”, nhằm động viên giáo dục, tuyên truyền đường lối cách mạng của Đảng, khơi dậy truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của đồng bào. Trong đồng bào dân tộc, đặc biệt chú trọng tới các già làng, người có tiếng nói, uy tín và tập hợp được đồng bào dân tộc ở từng địa phương, từng vùng chống giặc. Cùng với các già làng là lớp thanh niên nam nữ, được tập hợp thống nhất trở thành lực lượng xung kích đi đầu trong quá trình khởi nghĩa và quá trình bảo vệ cách mạng sau khởi nghĩa. Giữ vững tinh thần đoàn kết, nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi phá tan âm

mưu chia rẽ thâm độc của Mỹ - ngụy, từ đó mở rộng mặt trận đoàn kết dân tộc kể cả những người dân tộc lầm đường lạc lối theo địch, nay trở về với buôn làng. Đoàn kết dân tộc là sức mạnh vượt qua khó khăn thử thách khi Mỹ ngụy tiến hành hàng chục cuộc càn quét với qui mô lớn và ác liệt, nhằm tiêu diệt lực lượng kháng chiến, nhưng thành quả cách mạng không những tồn tại mà phát triển vững chắc và lớn hơn, tạo tiền đề cho những thắng lợi tiếp theo.

Thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc gắn liền với chính sách bình đẳng dân tộc sau khi cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi ở các xã đều do cán bộ người dân tộc lãnh đạo. Người Hrê, người Cor đã tham gia lãnh đạo ở cấp tỉnh.

Ngày nay phát huy truyền thống đoàn kết, bình đẳng các dân tộc gắn liền với phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất của đồng bào các dân tộc ở Quảng Ngãi là góp phần xây dựng Quảng Ngãi trở thành tỉnh phát triển về kinh tế - xã hội ổn định về chính trị cùng cả nước xây dựng thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa./.

# **CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI - KẾT QUẢ CỦA QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ LIÊN TỤC, LÂU DÀI CỦA ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

**LƯU TUYẾT VÂN\***

**C**uộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi như một mốc son lịch sử quan trọng đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng, đấu tranh chính trị là chủ yếu sang thế tiến công, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang dưới sự lãnh đạo của Đảng, mở đầu cho cuộc nổi dậy đồng loạt ở miền Nam Việt Nam. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng nổ ra và thắng lợi là do quá trình chuẩn bị liên tục, lâu dài về mọi mặt của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Cuộc khởi nghĩa đã góp phần làm phong phú thêm lý luận cách mạng dân tộc dân chủ ở Việt Nam của Đảng ta.

Từ khi mới ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định rõ phương pháp cách mạng giải phóng dân tộc là cách mạng bạo lực với việc tiến hành khởi nghĩa từng phần đánh đổ chính quyền cơ sở của địch trong khi chính quyền trung ương của chúng còn mạnh, thành lập chính quyền cách mạng ở thôn xã, tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Quá trình cách mạng là quá trình xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa, kết hợp đấu tranh chính trị của quần chúng với đấu tranh vũ trang lật đổ chính quyền địch, thành lập

---

\* Tiến sĩ, Viện Sử học.

chính quyền cơ sở ở những nơi có điều kiện. Trước và trong thời kỳ Cách mạng tháng Tám, đã có những địa phương khởi nghĩa trước giành chính quyền và có những địa phương sau ngày 19 tháng Tám một thời gian mới giành được chính quyền. Đó là nét riêng biệt, nét độc đáo của cách mạng Việt Nam. Việc kết hợp đấu tranh vũ trang với nổi dậy của quần chúng cũng được áp dụng trong những điều kiện cụ thể và góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954. Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, việc xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và binh vận ở ba vùng chiến lược nông thôn miền núi, đồng bằng và đô thị được vận dụng ngày càng sáng tạo và hiệu quả. Những kinh nghiệm về khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng cũng được vận dụng hết sức khéo léo trong cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi. Đảng bộ và nhân dân ở đây đã liên tục đấu tranh tạo ra tình thế cách mạng và khi có tình thế cách mạng xuất hiện đã kịp thời chớp thời cơ tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi.

### *1. Sự chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức cho cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi.*

Như chúng ta đã biết, cho đến tháng 1-1959, với Nghị quyết 15, Đảng ta mới có chủ trương chuyển hướng đấu tranh đối với cách mạng miền Nam còn trước đó chưa đưa ra được phương pháp và hình thức thích hợp trong khi Mỹ - Diệm dùng đủ mọi chính sách và thủ đoạn dã man, tàn sát đẫm máu những người yêu nước và cán bộ cách mạng, gây cho cách mạng miền Nam vô vàn khó khăn và tổn thất. Quảng Ngãi cũng trong hoàn cảnh như vậy. Vào thời điểm giữa năm 1955, toàn bộ cán bộ huyện Mộ Đức bị bắt, 95% cán bộ huyện Tư Nghĩa, 80% cán bộ các huyện

Bình Sơn, Sơn Tịnh sa vào tay giặc, 20 % cán bộ miền núi bị bắt... Chưa bao giờ cán bộ hy sinh nhiều như thời kỳ này. Trong điều kiện vô cùng khắc nghiệt trước sự đàn áp của Mỹ – Diệm và mặc dù lúc đầu còn lúng túng trong việc chỉ đạo phong trào nhưng Đảng bộ Quảng Ngãi vẫn chủ động lãnh đạo nhân dân không ngừng chuẩn bị thực lực về mọi mặt mà trước hết là về tư tưởng và tổ chức.

Từ sau năm 1954, các huyện miền núi phía Tây tỉnh Quảng Ngãi như Sơn Hà, Trà Bồng, Minh Long, Ba Tơ thuộc về sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Đảng bộ Quảng Ngãi luôn chủ trương khởi nghĩa vũ trang giành lại chính quyền cơ sở bằng con đường bạo lực cách mạng. Nhưng trước thực tế khó khăn của phong trào cách mạng của tỉnh, Đảng bộ đã chủ động tìm tòi phương thức đấu tranh thích hợp để đề xuất với lãnh đạo Liên khu V, nhằm duy trì và phát triển phong trào, tích cực chuẩn bị mọi mặt đón thời cơ. Hội nghị Tỉnh ủy 25-10-1954 đã đề ra nhiệm vụ chuyển sang đấu tranh chính trị nhằm giữ gìn lực lượng, để đưa phong trào cách mạng tiếp tục tiến lên. Từ cuối năm 1956 đến đầu năm 1957, Mỹ – Diệm đàn áp dã man phong trào, cách mạng, phương châm đấu tranh chính trị không còn phù hợp, Đảng bộ Quảng Ngãi đã kiên quyết đề nghị cấp trên cho chuyển hướng đấu tranh. Đảng bộ đã chỉ thị kết hợp cả ba hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và bất hợp pháp và sử dụng cả vũ trang để tự vệ, diệt ác phá kìm. Hội nghị Tỉnh ủy tháng 2-1958 là hội nghị mở đầu cho vũ trang khởi nghĩa. Từ sau Hội nghị này vấn đề khởi nghĩa giành chính quyền đã được đẩy mạnh, các địa phương chuẩn bị mọi mặt để đón thời cơ khởi nghĩa.

Về tổ chức Đảng, các đoàn thể quần chúng, lực lượng vũ trang cũng đã được chuẩn bị chu đáo.

Nhân lúc địch tập trung đánh phá ở đồng bằng chưa bình định được miền núi, tỉnh Quảng Ngãi đã đưa một số cán bộ người Kinh lên hoạt động bí mật ở miền Tây. Nhiều cán bộ đã sống theo tập tục người Thượng như cà răng, xâu tai, đóng khố. Đảng bộ xác định phải dựa vào tinh thần yêu nước và sự trung thành của nhân dân các dân tộc để bảo vệ cán bộ và cơ sở cách mạng nên những cán bộ được đưa lên miền Tây đã không bị địch phát hiện và trở thành cán bộ chủ chốt ở địa phương. Nhờ đó, đội ngũ đảng viên (với gần 400 người) và cơ sở cách mạng đã được nhân dân che chở. Vai trò lãnh đạo của Đảng đã sớm được tăng cường ở miền núi. Từ tháng 2-1958 đến cuối năm 1958, phong trào cách mạng ở đồng bằng gặp nhiều khó khăn do bị đánh phá ác liệt nhưng ở các huyện miền núi phong trào vẫn được giữ vững và phát triển mạnh. Các cơ sở đảng và tổ chức quần chúng phát triển, hầu hết các huyện đều thành lập huyện uỷ và chi bộ đảng ở cơ sở. Nơi nào chưa có tổ chức đảng thì có ban cán sự quần chúng - tiền thân của chi bộ đảng. Hệ thống tổ chức của đảng từ tỉnh xuống cơ sở ở miền núi được thông suốt. Việc bảo đảm được hệ thống cơ sở đảng là những điều kiện thuận lợi cho Tỉnh uỷ Quảng Ngãi lãnh đạo thắng lợi khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi sau khi có Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng.

Lực lượng trẻ nòng cốt của các tổ chức vũ trang và các đoàn thể quần chúng đã sớm được bảo vệ. Từ sau năm 1954, thanh niên đã được tổ chức lánh ra rừng, ra rẫy. Phần đông trong số này được giác ngộ đã tự nguyện đi theo cán bộ sống bất hợp pháp. Các “Trại thanh niên thoát ly bí mật” được phát triển ở các huyện Trà Bồng, Sơn Trà, Ba Tơ và Minh Long. Họ hăng hái làm giao thông liên lạc, bảo vệ căn cứ, bảo vệ cán bộ, học văn hoá, chính trị và những kiến thức về quân sự. Họ cũng được trang bị vũ khí trở thành nòng cốt của lực lượng bối phòng của nhân dân - lực

lượng chủ yếu diệt ác trừ gian và tham gia các tổ chức vũ trang và bán vũ trang, lực lượng dân quân, du kích trong thôn xã. Đây là nhân tố quan trọng để chuyển phong trào đấu tranh của nhân dân miền núi Quảng Ngãi nhất là Trà Bồng sang đấu tranh vũ trang chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa khi có điều kiện...

Như vậy, việc chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức để tiến tới vũ trang khởi nghĩa ở Trà Bồng và miền Tây đã được Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi chuẩn bị sớm, được thống nhất trong hệ thống Đảng từ trên xuống cơ sở.

## 2. Về chuẩn bị lực lượng chính trị.

Ngay từ sau năm 1954, Đảng bộ Quảng Ngãi đã chú ý việc tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, đặc biệt là thực hiện tốt chính sách dân tộc nhằm tập hợp nhân dân thành một khối đoàn kết chống Mỹ - Diệm.

Các tổ chức quần chúng được phục hồi hoạt động và bố trí lại thành các tổ chức hợp pháp để dễ bề hoạt động như Đội Tuần sương, Hội vận công, đổi công, hội an táng ở nông thôn, hội săn bắn ở miền núi, các tổ chức nghiệp đoàn, phụ nữ, thanh niên, học sinh ở thị xã, thị trấn. Các tổ chức quần chúng đã tranh thủ lôi kéo thêm một số gia đình, cá nhân thuộc tầng lớp trên như các hoà mục, thân sĩ, cà rá, một số tổ chức tôn giáo ủng hộ, giúp đỡ cách mạng.

Đảng bộ Quảng Ngãi đã không ngừng giáo dục nhân dân tuyệt đối tin tưởng vào Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chính nghĩa chống Mỹ - Diệm. Bên cạnh việc giáo dục nhân dân, Đảng bộ còn lãnh đạo việc đẩy mạnh tăng gia sản xuất, tích trữ lương thực, thực phẩm, tổ chức giúp đỡ đồng bào miền núi và ven biển về tiền, gạo, muối, vải vóc, thuốc men để ổn định đời sống. Nhờ được giáo dục,

người dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã một lòng tin tưởng vào Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Như trong đợt một tổ công của địch, không một người nào ở Trà Bồng tố giác cán bộ. Không một cán bộ nào bị bắt bớ, không một đảng viên người dân tộc nào đầu hàng, đầu thú. Trong những năm 1955-1956, mặc dù bị địch khủng bố ác liệt, nhất là ở vùng căn cứ cách mạng ở miền núi như ở Trà Thuỷ (Trà Bồng), ở Sơn Hà, nhưng nhờ có sự lãnh đạo và sự che chở của quần chúng mà các cơ sở cách mạng và cơ quan bí mật vẫn được bảo vệ. Trừ một số thôn sát quận ly ở Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long và vùng người Kinh ở Trà Bồng bị ít nhiều tổn thất, còn nói chung các cơ quan lãnh đạo và tổ chức quần chúng vẫn được duy trì. Một số tổ chức không những không bị tổn thất mà còn mạnh hẳn lên như Trà Bồng và Sơn Hà do việc tăng cường cán bộ lãnh đạo người dân tộc và người Kinh đã trải qua thử thách.

Đến đầu năm 1957, các tổ chức lãnh đạo và cơ sở nòng cốt ngày càng hoạt động mạnh trong thanh niên và phụ nữ. Và đến cuối năm 1957, nhiều cơ sở cách mạng mới, nhiều tổ chức mới trong thanh niên và phụ nữ được thành lập và phát triển. Nhiều cuộc đấu tranh hợp pháp, bán hợp pháp đã xuất hiện

Các tổ chức quần chúng ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã được đưa ra đấu tranh với địch bằng các hình thức phong phú từ thấp đến cao. Từ sau Hội nghị tỉnh Đảng bộ tháng 10-1954, phong trào đấu tranh chính trị đòi thi hành Hiệp nghị Giơnevơ, đòi dân sinh, dân chủ, đòi cứu đói khẩn cấp cho đồng bào miền núi đã diễn ra liên tục. Một số người còn đứng lên cổ vũ con cháu lợi dụng phong tục tập quán bắt nhuốc, trả đầu để hù doạ bọn ác ôn hoặc thủ tiêu bọn mật thám. Các nhóm “trả đầu”, “đòi xương” thành lập, bắt Mỹ-Diệm phải trả nợ máu như nhóm của cụ Đinh Chiếu ở Sơn Hà, cụ già Triều ở Trà Bồng, cha Khênh ở Ba Tơ, như

lực lượng của Phó Mục Gia cũng như con cháu ông. Tại Trà Bồng, ngay từ đầu, nhân dân vùng thấp và vùng cao đã liên tục tiến công địch khiến chúng thất bại hoàn toàn trong âm mưu thiết lập bộ máy nguy quyền ở thôn xã. Nhiều xã địch không lập được chính quyền. Ở những nơi chính quyền địch đã lập thì bị ta cài người vào hoặc bị ta dùng áp lực của quần chúng khống chế bọn nguy quyền, cô lập bọn tay sai. Có nơi như khu 2, 100% người làm trong bộ máy nguy quyền là của ta hoặc làm theo sự hướng dẫn của ta. Từ tháng 8-1956, ta chủ trương xoá hẳn chính quyền địch ở đây. Ở khu 7 vùng cao Sơn Hà, đến giữa năm 1958 đã không còn nguy quyền. Nhân dân còn thắng địch trong âm mưu vũ trang cho người địa phương chống lại cách mạng. Người dân tộc Cor không có ai đi lính cho địch. Số dân vệ là người Cor bị bắt buộc đã làm cầm chừng và bỏ dần về với nhân dân...

Kết quả của phong trào đấu tranh chính trị đã làm cho địch không thể tạo ra cơ sở quần chúng, cơ sở chính trị trong các dân tộc ở miền Tây. Quảng Ngãi đã được cấp trên biểu dương là một trong những số rất ít tỉnh miền Nam Trung Bộ lúc bấy giờ đã duy trì được cơ sở và phong trào tương đối tốt và khá ở đồng bằng trong khoảng thời gian từ năm 1954-1959.

Ý chí đoàn kết của lực lượng chính trị lớn mạnh được thể hiện rõ nhất tại Đại hội đại biểu nhân dân các dân tộc miền Tây - “Hội nghị Diên Hồng”, cùng bàn việc chuẩn bị đánh Mỹ – Diệm, tổ chức ngày 7-7-1958, ở Gò Rô, Trà Phong, Trà Bồng. Tại đại hội, đại biểu nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi nhận cờ của lãnh đạo tỉnh mang dòng chữ “Suốt đời đi theo Bác Hồ làm cách mạng”. Sau hội nghị không khí chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang diễn ra sôi nổi ở miền Tây. Nhân dân các dân tộc khẩn trương củng cố, xây dựng các căn cứ, tích trữ vật chất, tìm đào vũ khí, sẵn sàng chờ lệnh khởi nghĩa.

Lực lượng chính trị hùng hậu được tôi luyện trong thực tế đấu tranh chống Mỹ – Diệm dưới nhiều hình thức là một trong những nhân tố quan trọng đưa cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đến thắng lợi.

### 3. Sự chuẩn bị về lực lượng vũ trang

Như chúng ta đã biết, từ năm 1954, ở miền Nam ta chủ trương chỉ đấu tranh chính trị. Tuy nhiên ở Quảng Ngãi, các cuộc bạo động vũ trang vẫn nổ ra như vụ đánh địch tại Tịnh Thiện (Sơn Tịnh) ngày 21-11-1954, cuộc chiến đấu của Đội Tuần sương cùng nhân dân nổi dậy diệt 8 tên địch sau đó loan tin nội bộ chúng đánh lẩn nhau để địch không có cơ đòn áp nhân dân. Vụ nhân dân Bình Dương (Bình Sơn) đẩy lùi cuộc vây ráp của một đại đội địch trong hai ngày 22 và 24 tháng 12-1954, v.v... Ở Sơn Hà và một số huyện miền núi, việc diệt ác ôn trở thành phổ biến trong những năm 1956 -1957. Từ cuối năm 1957-1958, xuất hiện các nhóm nửa vũ trang và vô trang (trả dầu, bảo vệ dân tộc, bảo vệ những người kháng chiến cũ) có tổ chức và lãnh đạo, tuyên bố theo tập tục địa phương, bắt Mỹ - Diệm và bọn tay sai dền nợ máu. Đó là những nhóm vũ trang và bán vũ trang đầu tiên xuất hiện để tăng cường sức mạnh đấu tranh của nhân dân. Nhân dân còn biến các hình thức như cắm chông gài bẫy chống thú rừng bảo vệ sản xuất, bảo vệ thôn nóc thành phuong tiện chống địch một cách hợp pháp.

Như vậy, trong khoảng từ tháng 3 -1959 cho đến khi cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi nổ ra, Quảng Ngãi mới thành lập được 5 đơn vị vũ trang tập trung nhưng trên thực tế từ năm 1954-1959, các lực lượng tự vệ vũ trang đã được tổ chức ở Quảng Ngãi. Có được các tổ chức vũ trang đó một mặt là do Đảng bộ Quảng Ngãi đã lãnh đạo nhân dân chủ động chuẩn

bị, mặt khác đã biết tập hợp các lực lượng vũ trang của các thủ lĩnh các dân tộc miền Tây vào mục đích chống Mỹ - Diệm. Các lực lượng tự vệ vũ trang đã liên tục diệt ác ôn, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng.

Đến tháng 7-1957, Hội nghị Tỉnh ủy chủ trương phải có đấu tranh vũ trang hỗ trợ thì phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng mới mạnh được và đã xin chỉ thị của Khu ủy. Sau khi xem xét tình hình Quảng Ngãi từ sau năm 1954, Khu ủy Khu V đã cho việc kết hợp đấu tranh vũ trang là hợp lý. Từ thời gian này, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã chủ trương xây dựng thực lực, xây dựng căn cứ địa, xây dựng lực lượng vũ trang.

Và như vậy đến giữa năm 1957, Quảng Ngãi chính thức có chủ trương xây dựng lực lượng vũ trang chính quy.

Đến cuối năm 1957, các đội vũ trang công tác ở 3 huyện miền núi Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ được chính thức tổ chức, bắt đầu tiến hành diệt ác, trừ gian, hạn chế hoạt động của tề, nguy.

Ngày 20-5-1958, Tỉnh ủy họp nghe ý kiến Khu ủy bàn về kế hoạch xây dựng lực lượng vũ trang. Ban Quân sự tỉnh được thành lập.

Trong khi chủ trương thành lập các đội vũ trang của tỉnh, các cuộc vũ trang nổi dậy của quần chúng vẫn nổ ra như cuộc nổi dậy diệt ác trừ gian nổ ra ở các nóc ông Vinh, thuộc xã Trà Lãnh, nóc ông Lùn, ông Chiêm thuộc xã Trà Khê. Tháng 12-1958, cuộc nổi dậy tương tự nổ ra ở nóc cụ Triều, ông Đinh, thuộc xã Trà Lãnh.

Các lực lượng vũ trang tiến hành diệt ác ôn và chống các cuộc vây ráp của địch đã động viên và hỗ trợ có hiệu quả các phong trào đấu tranh của quần chúng, làm cho quần chúng tin

tưởng vào thắng lợi của cách mạng. Tháng 8-1958, ta tổ chức diệt tên Võ Hoàng (xã Cẩm), Bí thư đảng Cần Lao nhân vị quận Ba Tơ tại nhà riêng ở Sơn Tịnh gây tiếng vang lớn ở Quảng Ngãi và toàn miền Trung. Tháng 9-1958, đội công tác huyện Bình Sơn lại diệt tên ác ôn Phạm Đình Trực (xã Cẩm). Tháng 11-1958, hai tên chỉ điểm ở Tịnh Giang và Tịnh Thọ cũng bị đội vũ trang công tác tiêu diệt.

Đến ngày 3-3-1959, đơn vị vũ trang chính quy đầu tiên của Quảng Ngãi thành lập tại một địa điểm giữa hai thôn Nước Xoay, Cà Nung, thuộc xã Trà Thọ, huyện Trà Bồng, phiên hiệu 339 với 33 cán bộ chiến sĩ, chủ yếu người dân tộc Cor (27 người Cor và người 6 người Kinh). Hôm sau, ngày 4-3-1959, có thêm 10 thanh niên từ các nơi đến gia nhập, nâng quân số lên 40 người. Đến 19-8-1959, tại huyện Sơn Hà, ta thành lập đơn vị vũ trang tập trung thứ hai, phiên hiệu 89 gồm 36 cán bộ và chiến sĩ, chủ yếu là người Hrê và Cà Dong. Trong khi cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây nổ ra, đơn vị vũ trang thứ 3 của tỉnh Quảng Ngãi thành lập tại huyện Ba Tơ, phiên hiệu 299. Cuối năm 1959, Quảng Ngãi thành lập thêm hai đơn vị vũ trang phiên hiệu V.9 và V.12, trong đó đơn vị V.12 có các cán bộ đại đội trưởng, trung đội trưởng, tiểu đội trưởng đặc công từ miền Bắc vào, là đơn vị đặc công đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi.

Như vậy, cho đến khi khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi nổ ra, tỉnh Quảng Ngãi chưa được chi viện bởi lực lượng vũ trang chính quy của miền Bắc hoặc của Khu V mà đã tự thành lập được 3 đơn vị vũ trang tập trung ở ba huyện miền Tây mà chủ yếu là con em các dân tộc miền núi. Trước ngày khởi nghĩa nổ ra, ngày 23-8-1959, tại Trà Bồng, địch cưỡng bức dân đi bầu cử, đã có sự đụng độ giữa ta và địch ở vài nơi. Đơn vị vũ

trang 339 đã được kịp thời điều động đến những nơi xung yếu để hỗ trợ nhân dân đấu tranh.

#### *4. Chuẩn bị về căn cứ địa*

Bên cạnh việc chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức, chuẩn bị về lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, Đảng bộ Quảng Ngãi còn chú ý xây dựng căn cứ địa, chỗ đứng chân, hậu phương của cách mạng. Tháng 1-1955, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi họp ở Tịnh Thiện và Bình Dương, uốn nắn phong trào đấu tranh và bàn xây dựng căn cứ địa ở miền núi.

Năm 1958, thực hiện gợi ý của đồng chí Lê Duẩn, Khu uỷ khu V chủ trương xây dựng căn cứ địa, tích cực phát triển cơ sở quần chúng tiến tới diệt ác ở đồng bằng.

Tại miền Tây Quảng Ngãi, ta đã xây dựng được nhiều căn cứ chính trị trong đó có 3 căn cứ lớn: Phía bắc gồm 22 xã vùng cao Sơn Hà và Trà Bồng; vùng ở giữa gồm 12 xã ở giáp 3 huyện Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà; vùng căn cứ phía nam Ba Tơ gồm 8 xã. Đó là chỗ dựa vững chắc để duy trì và phát triển phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi trong những năm gian khổ nhất. Trải qua một thời kỳ chuẩn bị tích cực, ta đã tạo ra được tương quan lực lượng ngày một có lợi cho phong trào cách mạng.

Tháng 2-1958, thực hiện chủ trương của Khu uỷ, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi quyết định chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang, đề ra việc chuẩn bị lực lượng ở miền núi, đẩy mạnh xây dựng căn cứ, tổ chức các đội tự vệ thôn, xã vùng cao khi có điều kiện và thời cơ thuận lợi thì xoá bỏ chính quyền địch, xây dựng chính quyền tự quản, và chia miền núi làm 8 khu để tiện cho việc chỉ đạo.

Cùng với xây dựng và củng cố căn cứ địa, nhân dân vùng núi miền Tây còn chuẩn bị về mặt kinh tế đủ để chiến đấu lâu

dài trong những điều kiện gian khổ nhất. Nhân dân đã chuẩn bị muối, vải, nông cụ để lực lượng vũ trang ăn và sản xuất trong ba năm. Họ cũng nghĩ đến việc trồng bông vải để tự túc việc mặc, tổ chức các xưởng rèn để làm nông cụ và vũ khí chống lại địch bao vây kinh tế.

\*

\* \* \*

Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi nổ ra thắng lợi là do sự chủ động, sáng tạo của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi. Cuộc khởi nghĩa đã được chuẩn bị liên tục, lâu dài và hết sức chu đáo về tất cả các mặt, đặc biệt là về lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang. Lực lượng chính trị và vũ trang đã được rèn luyện, thử lửa trong quá trình đấu tranh lâu dài từ 1954 đến 1959, đã thu hút được toàn dân, đặc biệt nhân dân các dân tộc kể cả các thủ lĩnh, già làng vào mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi chống Mỹ - Diệm. Căn cứ tình hình địa phương và đúc kết kinh nghiệm trong thời kỳ Cách mạng tháng Tám, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi đã tích cực chủ động, nhiều khi là trước cả chủ trương của Trung ương và do đó đã nhạy bén chớp thời cơ đưa cuộc khởi nghĩa đến thắng lợi, trong khi có địa phương khác ở miền Nam chưa làm được. Ngày nay nhìn lại cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, chúng ta càng thấy rõ tâm vóc, ý nghĩa to lớn của cuộc khởi nghĩa đối với toàn bộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Không giấy bút nào có thể viết hết được sự vĩ đại, lòng yêu nước, sự hy sinh của nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi trong quá trình chuẩn bị và tiến hành cuộc khởi nghĩa. Cũng có thể nói cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là một mốc son lịch sử và là mở đầu cho cuộc Đồng khởi toàn miền Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

# **KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI - MỐC MỞ ĐẦU TRANG SỨ ĐẦU TRANH CHÍNH TRỊ KẾT HỢP VỚI ĐẦU TRANH VŨ TRANG CỦA NHÂN DÂN QUẢNG NGÃI**

**ĐINH QUANG HẢI \***

## **1. *Bối cảnh tình hình miền Nam Việt Nam sau năm 1954***

Đúng 3 giờ 50 phút sáng ngày 21-7-1954, Hiệp định Giơnevơ về chiến tranh Đông Dương được ký kết. Cuộc chiến tranh Đông Dương kết thúc. Theo các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ, Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền trong khi chờ đợi thống nhất lại thông qua cuộc tổng tuyển cử dự định tiến hành vào năm 1956.

Nhưng ngay sau khi Hiệp định Giơnevơ vừa được ký kết, Mỹ - Diệm đã tìm mọi cách phá hoại Hiệp định, phá hoại công cuộc thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam. Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ viết: "... Các bí vong lục của Hội đồng An ninh Quốc gia và các bức điện của Bộ Ngoại giao cho thấy chính quyền Eisenhover muốn hoãn cuộc tuyển cử càng lâu càng tốt"<sup>(1)</sup>. Nhất là từ giữa năm 1955, khi Pháp tuyên bố chấm dứt chế độ Cao ủy ở miền Nam Việt Nam, chính quyền Ngô Đình Diệm đã đẩy mạnh việc thanh trừng nội bộ, trấn áp những lực

---

\* Tiến sĩ. Viện Sử học.

(1) Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, tập I. Thông tấn xã Việt Nam phát hành, 8-1971, tr. 33.

lượng chống đối, gạt bỏ những tướng lĩnh thân Pháp ra khỏi các vị trí chỉ huy quân đội, đưa người của Diệm vào chỉ huy quân đội Sài Gòn; đồng thời cho quân tấn công tiêu diệt lực lượng Bình Xuyên và làm tan rã lực lượng vũ trang của các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo.

Tháng 10-1955, Ngô Đình Diệm truất ngôi Bảo Đại và sau đó cắt đứt quan hệ kinh tế với Pháp, bỏ Liên hiệp Pháp và tuyên bố thành lập "Việt Nam Cộng hòa". Đến đây, những dấu tích chính thức của chế độ thuộc địa Pháp ở Việt Nam đã bị xóa sạch hoàn toàn.

Với sự ủng hộ của Mỹ, Ngô Đình Diệm đã củng cố trật tự chính trị theo một kiểu riêng bằng cách làm cho gia đình Diệm trở thành hạt nhân của cơ cấu chính trị, là trung tâm của quyền lực. Diệm và người thân trong gia đình nắm giữ các Bộ và các vị trí quan trọng trong chính quyền để dễ bề thao túng mọi chuyện.

Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ viết: "... *Diệm độc đoán, cứng nhắc và xa quần chúng*", rằng "*Diệm chỉ giao quyền hành cho những người thân trong gia đình ông ta, rằng ông ta đã tách rời với mọi người trong dân chúng do các chính sách đàn áp của ông*"<sup>(1)</sup>; đồng thời để tạo cơ sở về mặt tổ chức cho chế độ, năm 1956, Diệm tổ chức ra Đảng Cần lao nhân vị và các tổ chức Phong trào cách mạng Quốc gia, Thanh niên cộng hòa, Phụ nữ liên đới để tập hợp những phần tử phản động, những kẻ có hận thù với cách mạng.

Sau khi đã củng cố được sự kiểm soát đối với các giáo phái và quân đội, năm 1956 chính quyền Ngô Đình Diệm quyết định đánh vào đặc quyền đặc lợi dựa vào thực dân của cộng đồng

---

(1) *Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về xâm lược Việt Nam...* Sđd, tr. 72.

người Trung Quốc ở miền Nam Việt Nam để kiểm soát và chiếm lĩnh những hoạt động kinh tế nhằm thu vén quyền lợi cho mình.

Một khi hệ thống quyền lực của Diệm đã được củng cố thành một bộ máy chính trị cá nhân toàn diện, Diệm tiến hành đàn áp lực lượng cách mạng là lực lượng đối kháng lớn mạnh nhất đang tồn tại ở khắp miền Nam, nhất là ở các tỉnh vùng tự do Liên khu V, Tây Nguyên và các chiến khu, căn cứ kháng chiến ở Nam Bộ.

Từ giữa năm 1955 đến giữa năm 1956, Mỹ - Diệm phát động chiến dịch "Tố cộng" giai đoạn I với những khẩu hiệu hành động như: "Tiêu diệt cộng sản tận gốc", "Thà giết nhầm còn hơn bỏ sót", thực hiện chiến dịch "tát nước bắt cá"... với một lực lượng lớn quân đội, cảnh sát và những tay sai ác ôn khét tiếng tiến hành liên tiếp các cuộc hành quân càn quét để lùng bắt, tàn sát những người yêu nước kháng chiến cũ, những người có cảm tình với cách mạng và cả những người bị chúng tình nghi. Có tới 100 đoàn gồm 3.986 "cán bộ" chuyên nghiệp và hơn một vạn "cán bộ" không chuyên nghiệp ở các cấp huyện, xã, khu phố phục vụ cho việc tố cộng<sup>(1)</sup>. Khắp các tỉnh miền Nam ngập tràn không khí khủng bố, trong đó địa bàn các tỉnh Trung Bộ được chọn làm thí điểm để đánh phá với các chiến dịch tố cộng mang tên chiến dịch Phan Châu Trinh (đầu năm 1955), chiến dịch "Giải phóng" đánh phá Quảng Ngãi, bắc Bình Định (giữa năm 1955), chiến dịch Trịnh Minh Thế đánh phá toàn bộ các tỉnh Khu V... Hàng vạn cán bộ, đảng viên và những người yêu nước bị giết hại và bị giam cầm. Trong cuốn sách "*Nước Mỹ và Đông Dương từ Ph. Rudoven đến R. Níchxơn*", tác giả Pi-tơ A-Pu-lơ viết: "...

---

(1) Trích dẫn theo Trần Văn Giàu: *Miền Nam giữ vững thành đồng*, tập I. NXB Khoa học, Hà Nội, 1964, tr. 262.

Diệm đã mở một chiến dịch săn lùng những người lãnh đạo của Việt Minh - những người đã ở lại miền Nam sau khi hiệp ước ngừng bắn năm 1954 được ký kết. Khi chiến dịch kết thúc, rất nhiều người dân vô tội đã bị giết hại hoặc bị tống giam, trong lúc nhiều người khác nhà cửa bị phá hủy trong các trận "càn quét" tàn bạo của quân đội. Chính thức có khoảng 20.000 - 30.000 người "cộng sản" bị dồn vào các trại tập trung, mặc dù các nhà quan sát nước ngoài đến thăm các trại này đều đưa tin là hầu hết những người bị giam giữ đều không phải là cộng sản"<sup>(1)</sup>.

Do bị đàn áp, khủng bố và giết chóc, lại thêm việc thực hiện chương trình Cải cách điền địa của chính quyền Sài Gòn đã cướp không những ruộng đất do cách mạng chia cho nông dân trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, đã làm cho đời sống của người nông dân miền Nam vô cùng cực khổ. Ngay cả tài liệu mật của Mỹ cũng phải viết: "Chương trình cải cách điền địa của ông Diệm đã không phân chia lại ruộng đất cho người nghèo mà rút cục chỉ lấy lại những thứ mà Việt Minh đã chia cho họ rồi trả về cho địa chủ"<sup>(2)</sup>.

Từ tháng 7-1956 trở đi, Mỹ - Diệm tiếp tục chiến dịch "Tố cộng", "diệt cộng" giai đoạn II mở các cuộc bao vây càn quét đánh vào các vùng căn cứ cách mạng, tại các vùng trọng điểm, chúng chà đi xát lại nhiều lần. Ở Trung Bộ, địch chuyển hướng tố cộng lên vùng rừng núi Khu V và Tây Nguyên. Tại đây, chúng chia các làng xã thành từng ô, phân loại từng gia đình theo A, B, C để dễ bে kìm kẹp, khống chế, gây nên không khí khủng bố hết

---

(1) Pi-tơ A-Pu-lơ: *Nước Mỹ và Đông Dương từ Ph. Rudeven đến R. Níchxơn*. NXB Thông tin lý luận, Hà Nội, 1987, tr. 40.

(2) Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam... Sđd, tr. 74.

sức căng thẳng. Tiếp theo đó, từ giữa năm 1957, Diệm cho triển khai kế hoạch lập các khu dinh điền, khu trù mật, ban hành Luật đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật để thiết lập sự kiểm soát chặt chẽ và để tự do vu cáo, giam cầm, bắn giết những người chúng cho là cộng sản mà không cần điều tra xét xử.

Tháng 5-1958, chính quyền Ngô Đình Diệm ban hành Luật 10/59, lập Tòa án lưu động, lê máy chém đi "xét xử" những người yêu nước chỉ với hai mức án là tử hình và khổ sai chung thân.

Cuối năm 1958, nhất là sang năm 1959, địch bắt đầu càn quét quy mô, lâu dài. Chúng không từ một thủ đoạn nào để đánh phá ta cả về quân sự, chính trị và kinh tế. Có nơi chúng đưa ra khẩu hiệu "bắt, bắn, đốt phá sạch". Một khác, tận dụng mọi sơ hở của ta để chia rẽ nhân dân, mua chuộc, dụ dỗ, bao vây kinh tế. Qua các cuộc càn quét của địch đã gây cho ta một số tổn thất về tính mạng và tài sản của nhân dân. Giáo sư sử học người Mỹ Gabriel Kolko viết trong cuốn "*Giải phẫu một cuộc chiến tranh*" rằng: "Tuy con số chính xác không biết được, một ước tính dè dặt đưa ra con số có 40.000 tù chính trị vào cuối năm 1958 và 12.000 bị giết trong các năm 1955-1957. Các báo chí bị đóng cửa và coi đó như việc bình thường. Một lớp sơn hợp pháp cho việc đàn áp đã được Sắc luật 47 tháng 8-1956 đưa ra và được củng cố trong Luật 10/59 tháng 5-1959 lên án rằng "người cộng sản" hoặc làm việc với một người cộng sản là phạm tội vô cùng tai hại"<sup>(1)</sup>.

Do sự đàn áp, khủng bố hết sức dã man tàn bạo của Mỹ - Diệm, phong trào cách mạng miền Nam gặp rất nhiều khó khăn, cơ sở cách mạng ở nhiều nơi bị tan vỡ và tổn thất nặng nề. Đến cuối năm 1957, ở các tỉnh đồng bằng Khu V, có đến 70% cấp ủy

---

(1) Gabriel Kolko: *Giải phẫu một cuộc chiến tranh*. Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003, tr. 138.

xã, 60% huyện ủy viên, 40% tỉnh ủy viên bị địch bắt và giết hại, 12 huyện không còn cơ sở đảng viên<sup>(1)</sup>. Trong đó, huyện Trà Bồng cũng bị tổn thất khá nặng nề. Sự tổn thất ở Trà Bồng rất lớn là do địch huy động lực lượng lớn, nhất là dùng lính bảo an và những lực lượng khác chia nhỏ đi sâu đánh phá. Đặc biệt nguy hiểm nhất là các tên Đinh Ênh và Đinh Ngô là những kẻ phản động người địa phương, chúng rất gian ác và lăm thủ đoạn tàn bạo trong việc sử dụng lính người Hrê đi tàn sát, cướp bóc và phá hoại của cải và nhà cửa của nhân dân.

## ***2. Củng cố xây dựng lực lượng, từng bước chuyển hướng từ đấu tranh chính trị sang kết hợp song song đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang***

Trước những hành động khủng bố tàn bạo của Mỹ - Diệm, nhân dân ta đã không ngừng vùng lên đấu tranh ngày càng quyết liệt. Từ giữa năm 1953 đến năm 1955, phong trào chủ yếu sử dụng các hình thức đấu tranh chính trị như: đấu tranh đòi hiệp thương, chống trưng cầu dân ý, chống tổ cộng, chống bầu cử Quốc hội. Những cuộc đấu tranh về ruộng đất, về tự do dân chủ, về chống đói nghèo đã diễn ra nhưng không được chú ý bằng các cuộc đấu tranh chính trị.

Thậm chí, khi địch tập kết quân đến Quảng Ngãi, Đảng bộ các địa phương còn chủ trương "hạ phong trào xuống sát đáy, tránh gây không khí căng thẳng, tạo quan hệ bình thường, tích cực về mặt tranh thủ địch..."<sup>(2)</sup>. Quần chúng lúc này một mặt tiến hành công tác tranh thủ địch, mặt khác đưa ra những yêu sách về

---

(1) Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: *Lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)*, tập I. Nxb Sư thật, Hà Nội, 1990, tr. 29.

(2) *Báo cáo bổ sung về phong trào quần chúng ở Liên khu V năm 1959*. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng. Tài liệu đã dẫn, Đơn vị bảo quản 188.

dân sinh dân chủ, đấu tranh không cho địch giật lại công điền, chống thu lúa, đòi bầu cử dân chủ chính quyền thôn xã dưới hình thức nhẹ nhàng như kêu ca, xin xỏ, đề đạt nguyện vọng... Tuy về hình thức bên ngoài có vẻ êm dịu, nhưng thực chất bên trong quần chúng rất ấm ức, căng thẳng do địch đi sâu xây dựng cơ sở, bọn phản động địa phương ngóc đầu dậy, cán bộ, đảng viên cơ sở bị bắt, bị giết hại, do đó thỉnh thoảng có nơi quần chúng đã nổi dậy giết phản động.

Từ cuối năm 1956, dựa theo tinh thần chỉ thị của Trung ương, đấu tranh thống nhất nước nhà bằng phương pháp hòa bình, khéo léo bảo tồn lực lượng, trường kỳ tồn tại, Khu ủy Khu V chỉ đạo tỉnh Quảng Ngãi lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi quyền lợi dân sinh dân chủ dưới các hình thức hợp pháp, nửa hợp pháp, chủ yếu bằng hình thức hợp pháp. Khu ủy Khu V chủ trương chuyển thể chỉ đạo từ rừng núi về đóng ở đô thị và từ đô thị chỉ đạo nông thôn miền núi. Nhiều cán bộ, đảng viên ra hoạt động hợp pháp nhưng đã bị địch phát hiện bắt bớ, làm cho phong trào bị tổn thất. Trước tình hình đó, Khu ủy Khu V lại phải chỉ đạo rút những cán bộ, đảng viên trở lại căn cứ.

Nhìn chung phong trào đấu tranh chống phá các âm mưu, chính sách của địch đã diễn ra dưới nhiều hình thức, nhưng các cuộc đấu tranh chỉ thu được kết quả tạm thời, chưa trở thành một phong trào rộng rãi, mạnh mẽ và có sự lãnh đạo, càng về sau càng khó khăn, bế tắc. Nguyên nhân chủ yếu là do chưa thấy được đặc điểm tình hình miền Nam, tình hình thực tế tại Liên khu V, không nắm vững quy luật phát triển phong trào quần chúng, y lại tính pháp lý của Hiệp định Giơnevơ, sợ động chạm hòa bình thế giới và trong nước. Một điểm nữa là trong Liên khu V có 3 vùng: rừng núi, nông thôn, đồng bằng thành thị; thế của địch, thế của ta, vai trò khả năng đấu tranh với địch của quần

chúng ở 3 vùng khác nhau, nhưng ta lại không nhìn thấy hết thực tế đó mà chỉ coi trọng phong trào thành thị, xem nhẹ phong trào rừng núi và nông thôn, làm cho phong trào bị động, có nơi mất chỗ đứng chân.

Đứng trước tình hình khó khăn trên đây, quán triệt tinh thần chuyển hướng về đường lối và phương pháp cách mạng ở miền Nam của Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 6-1956 và chủ trương của Khu ủy Khu V, tháng 2-1958 Ban lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi họp tại trung tâm căn cứ Trà Bồng đã chủ trương gấp rút chuyển hướng phong trào, chuyển hướng các tổ chức lãnh đạo và tổ chức quần chúng cho phù hợp tình hình mới để đẩy mạnh đấu tranh chính trị, đẩy mạnh công tác dân vận, công tác binh vận, địch vận, tranh thủ những người tầng lớp trên trong chính quyền của địch ở cơ sở.

Thực hiện chủ trương trên, công tác binh vận, địch vận đã được thực hiện tốt. Trong số lực lượng dân vệ do địch lập ra từ năm 1956 ở các thôn trong các huyện Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long thì chỉ "trừ số ít tên lưu manh, hám tiền, trai gái... phá phách ở những nơi cơ sở ta yếu, còn đại bộ phận do ta nắm, nhiều nơi họ trở thành những người đi nắm tình hình địch, bảo vệ cách mạng, có nơi dân vệ mang cả súng chạy theo cách mạng"<sup>(1)</sup>.

Từ sau Nghị quyết tháng 5-1958 của Khu ủy Khu V, chủ trương xây dựng căn cứ địa miền núi, xúc tiến thành lập lực lượng vũ trang, những khu bất hợp pháp đã được chuẩn bị để tạo cơ sở cho cơ quan lãnh đạo và làm chỗ dựa cho phong trào quần chúng. Đến năm 1959, những khu bất hợp pháp ở Trà Bồng, Ba

---

(1) Báo cáo tình hình Liên khu V năm 1960. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng... Tài liệu đã dẫn. Đơn vị bảo quản 189.

Tơ, Sơn Hà được xây dựng thành những căn cứ cách mạng vững chắc đầu tiên của Khu V.

Ngày 7-7-1958, Đại hội nhân dân các dân tộc Cor, Hrê, Cà Dong, Kinh ở huyện Trà Bồng đã họp ở Gò Rô, xã Trà Phong với sự tham dự của gần 200 cán bộ và đại biểu của nhân dân huyện Trà Bồng. Đại hội đã thể hiện sự đoàn kết nhất trí của nhân dân các dân tộc trong huyện quyết tâm đánh thắng Mỹ - Diệm. Tiếp sau Đại hội Gò Rô, nhiều hội nghị của các già làng thôn nóc, của thanh niên và cả của những người làm trong bộ máy ngụy quyền cũng đã được triệu tập để củng cố và phát triển mặt trận đoàn kết dân tộc trong cuộc đấu tranh.

Từ sau Đại hội Gò Rô, những hình thức đấu tranh mới như tổ chức các Đội Tuần sương, tráng đoàn đã xuất hiện bên cạnh những hình thức đấu tranh có tính chất tự vệ của quần chúng. Dựa vào sức mạnh chính trị của quần chúng và lợi dụng phong tục tập quán cổ truyền của đồng bào dân tộc như "tục trả đầu"..., ta đã thẳng tay trừng trị những tên tai sai ác ôn có nhiều nợ máu với nhân dân, chống lại các hình thức đàn áp, khủng bố của địch làm cho bọn chúng phải run sợ, dè chừng. Các nhóm vũ trang tự vệ, đội vũ trang tuyên truyền tuy hình thức tổ chức khác nhau, nhưng đều do cấp ủy đảng ở từng địa phương lãnh đạo. Các nhóm vũ trang tự vệ mang tên các già làng có uy tín, các nhân vật yêu nước có tên tuổi như "nhóm vũ trang tự vệ Või Quýt, Phó Nía ở huyện Sơn Hà, nhóm vũ trang tự vệ Cả Trươm, Lang ở huyện Trà Bồng, nhóm vũ trang tự vệ Hoi, nhóm Chánh Khanh ở huyện Ba Tơ..."<sup>(1)</sup>.

---

(1) Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *Lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.....* Sđd, tr.30.

Từ khi các tổ chức bất hợp pháp có tính chất vũ trang hoạt động trong các thôn xã đã làm tăng thêm khí thế đấu tranh của quần chúng. Tại các vùng trung tâm căn cứ thuộc các huyện Trà Bồng, Sơn Hà, hoạt động của các nhóm vũ trang thanh niên được duy trì thường xuyên để canh gác thôn nóc, bảo vệ xóm làng, săn sàng tiêu diệt những tên ác ôn, thám báo, biệt kích xâm nhập vào căn cứ.

Như vậy, bên cạnh lực lượng chính trị của quần chúng đã xuất hiện các tổ chức bất hợp pháp có tính chất vũ trang là hình thức sơ khai của lực lượng vũ trang quần chúng. Điều đó đã làm tăng thêm sức mạnh đấu tranh bằng bạo lực của quần chúng, tăng thêm tính chất vừa đấu tranh chính trị, vừa có sự vũ trang tự vệ của phong trào. Đây chính là nhân tố quan trọng để chuyển phong trào từ đấu tranh chính trị sang kết hợp song song đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

Sự ra đời và hoạt động ngày càng mạnh mẽ của các nhóm vũ trang tự vệ là một trong những cơ sở quan trọng cho việc chuẩn bị xây dựng lực lượng vũ trang đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 3-3-1959, tại thôn Nước Xoay - Cà Nung, xã Trà Thọ, huyện Trà Bồng, đơn vị 339 là đơn vị vũ trang đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi được thành lập. Thành phần đơn vị gồm 33 người dân tộc Cor và 10 người dân tộc Kinh. Ngay sau khi thành lập, đơn vị 339 đã kết hợp việc xây dựng với việc phân tán lực lượng về các xã trọng điểm để phát động quần chúng đẩy mạnh công tác bảo vệ, từng bước chuẩn bị tiến lên khởi nghĩa vũ trang. Tiếp sau đơn vị 339 là đơn vị 89 và đơn vị 229 cũng đã được thành lập. Có thể nói đến mùa xuân năm 1959, tỉnh Quảng Ngãi đã hoàn thành căn bản về mọi mặt cho việc tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

### **3. Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi giành thắng lợi. Những bài học kinh nghiệm rút ra từ phong trào đấu tranh của quần chúng**

Trước những hoạt động mạnh mẽ của phong trào quần chúng đấu tranh và sự bao vây, uy hiếp của ta, chính quyền của địch ở các thôn xã thuộc các huyện miền Tây Quảng Ngãi buộc phải co lại trong thế phòng ngự bị động "... địch phải bỏ các đồn bốt lẻ đóng sâu trong các xã rút về tập trung thành một số đồn lớn, như ở Trà Bồng chúng chỉ còn đóng 7 đồn"<sup>(1)</sup>.

Ở các xã của các huyện miền Tây như Trà Bồng, Sơn Hà, một số người dân như anh Di Bờ Rún, ông Vinh, chị Mí Long... đã tự động nổi dậy tiêu diệt bọn ác ôn để trả thù cho gia đình. Khắp mọi nơi quần chúng hừng hực khí thế đấu tranh, sẵn sàng chiến đấu, quyết không cam chịu cuộc sống bị áp bức như trước. Các đội vũ trang tuyên truyền, vũ trang công tác, các nhóm vũ trang của quần chúng đi sâu vào các vùng địch kiểm soát, tiến công một số công sở của địch. Ở một số căn cứ cũ, quần chúng đã tự động nổi dậy phá khu đồn dân, chống địch càn quét, giành quyền làm chủ.

Tại các tỉnh Liên khu V, nhiều cuộc nổi dậy quyết liệt của quần chúng nhân dân với những quy mô khác nhau để phá kìm kẹp, giành quyền làm chủ đã nổ ra liên tiếp và ngày càng mạnh mẽ. Tiêu biểu là cuộc đấu tranh của nhân dân huyện Bắc Ái (tháng 2-1959) của nhân dân 11 làng trong hai xã Vĩnh Hiệp và Vĩnh Hảo, quận Vĩnh Thạnh, Bình Định (tháng 2-1959) và cuộc nổi dậy của nhân dân làng Tà Boóc, tỉnh Kon Tum (tháng 4-1959)... Các cuộc đấu tranh này đã góp phần quan trọng thúc đẩy

---

(1) Dẫn theo Phạm Thanh Biền - Nguyễn Hữu Nghĩa: *Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi*. Nxb Quân đội nhân dân., Hà Nội, 2004, tr. 66.

mạnh mẽ phong trào khởi nghĩa từng phần ở miền núi Liên khu V, mà nổi bật nhất là cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi.

Trong khi phong trào cách mạng miền Nam đang trên đà củng cố thế và lực, nhân dân một số nơi đã sẵn sàng nổi dậy, đảng viên, cán bộ nắm vùng nóng lòng chờ đợi ý kiến của Đảng. thì ngày 13-1-1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 15 xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới và vạch đường lối cách mạng miền Nam. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 đã xác định: "Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là con đường bạo lực. Lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu kết hợp với lực lượng vũ trang, đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân"<sup>(1)</sup>.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng có ý nghĩa lịch sử to lớn, mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên, làm xoay chuyển tình thế dẫn đến phong trào khởi nghĩa từng phần và phong trào Đồng khởi vào cuối năm 1959 đầu năm 1960 ở miền Trung và miền Nam.

Tuy nhiên phải mãi đến những tháng cuối năm 1959, Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng mới phổ biến đến các tỉnh Liên khu V và Nam Bộ, nhưng Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã sớm quán triệt chủ trương của Bộ Chính trị và Trung ương Đảng về đấu tranh chống địch khủng bố, giữ gìn lực lượng cách mạng, từng bước chuyển hướng đấu tranh để

---

<sup>(1)</sup> Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ cứu nước, tập I (1954-1975). Nxb Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 117.

chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Do đó, ngay từ giữa năm 1959 "Trà Bồng đã có tổ chức Đảng ở cơ sở và huyện, có lực lượng chính trị mạnh, có tự vệ du kích rộng khắp, có bộ đội địa phương và có kế hoạch sẵn sàng khởi nghĩa. Đó là những điều kiện quan trọng cho phép nhân dân Trà Bồng tiến hành cuộc khởi nghĩa từng phần".

Ngày 28-8-1959, nhân việc tẩy chay cuộc bầu cử Quốc hội bù nhìn của Mỹ - Diệm, 16.000 đồng bào các dân tộc huyện Trà Bồng dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Trà Bồng và Tỉnh ủy Quảng Ngãi, được đơn vị vũ trang 339 hỗ trợ đã nổ dậy phá chính quyền của địch, diệt trừ gian ác, vũ trang toàn dân, bố phòng bất hợp tác chống địch, xây dựng quyền làm chủ của nhân dân. Toàn bộ ngụy quyền ở 16 xã (trừ một xã ở sát huyện lỵ Trà Bồng) đều bị quét sạch, hàng trăm tên địch bị tiêu diệt, bị thương và bị bắt sống, 61 tên tè ngụy ác ôn bị đền tội. Chính quyền cách mạng ở thôn xã được thành lập. Từ Trà Bồng cuộc khởi nghĩa đã nhanh chóng lan rộng ra các huyện miền Tây Quảng Ngãi. Cuộc quật khởi vũ trang đó đã làm cho địch hết sức hoảng, dồn sức lại đối phó hòng tiêu diệt phong trào. Liên tiếp trong vòng 6 tháng, địch huy động hàng trung đoàn, có lúc cả sư đoàn đánh phá rất ác liệt, nhưng nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã anh dũng chống trả. Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ địa phương, nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã phát huy mọi khả năng sáng tạo của mình trong việc dùng vũ khí thô sơ, tận dụng địa hình thuận lợi để chiến đấu chống lại kẻ địch đông, mạnh, hết sức tàn bạo và đã đánh bại được quân địch, giữ vững thắng lợi, ổn định đời sống nhân dân.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã để lại tiếng vang lớn đối với phong trào trong toàn Liên khu V, không những đối với miền núi, mà còn tác động đến tư tưởng

quần chúng ở đồng bằng; đồng thời cũng là một bài học thực tiễn rất phong phú trong việc đánh giá địch, ta (nhược điểm của địch, khả năng chống địch quyết liệt của nhân dân ta) và vận dụng đường lối, phương châm đấu tranh cách mạng ở miền núi.

Cùng với cuộc khởi nghĩa Trà Bồng, nhân dân các huyện Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long... đã đứng lên đấu tranh vũ trang chống địch càn quét, dồn dân, giành quyền làm chủ ở nhiều thôn xã. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là một cuộc khởi nghĩa lớn nhất, là mốc lịch sử mở đầu trang sử đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, thể hiện sức mạnh quật khởi của đồng bào các dân tộc miền núi Liên khu V cuối năm 1959. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá về phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân. Đó là:

\* Dưới bất kỳ chế độ thống trị độc tài phát xít như thế nào, phong trào quần chúng cũng có thể tồn tại và phát triển được nếu có phương thức công tác đúng và biết thúc đẩy phong trào phát triển.

\* Trong đấu tranh chính trị, hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp có ý nghĩa rất quan trọng, có điều kiện lôi cuốn được đông đảo quần chúng tham gia, nhưng trong hoàn cảnh địch khủng bố, đàn áp phong trào quần chúng thì hình thức đấu tranh không hợp pháp đóng vai trò rất lớn. Nếu thiếu hình thức đấu tranh không hợp pháp thì không thể thúc đẩy phong trào đấu tranh hợp pháp và nửa hợp pháp phát triển và ngược lại nếu chỉ đấu tranh không hợp pháp mà không tận dụng các hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp thì phong trào quần chúng không thể rộng rãi và liên tục.

\* Trong điều kiện địch dùng vũ lực tàn sát quần chúng, tiêu diệt cách mạng thì cách mạng phải dùng vũ lực chống lại mới có

thể đưa phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng lên được. Nếu chỉ đấu tranh chính trị đơn thuần thì cách mạng sẽ gặp nhiều tổn thất, khó tồn tại. Nơi phong trào quần chúng bị sa sút phải có lực lượng vũ trang hoạt động mạnh, đánh địch, hạ uy thế địch, sau đó phải xây dựng thực lực chính trị, vũ trang của quần chúng cho mạnh, bám sát quần chúng, phát động tư tưởng quần chúng, tổ chức quần chúng, tiêu diệt những tên ác ôn ngốc đầu dậy mới có thể giữ vững và thúc đẩy phong trào phát triển.

\* Khi có đường lối đúng thì có thể động viên được quần chúng nổi dậy đấu tranh, mặc dầu nơi đó ta chưa có điều kiện phát động quần chúng nổi dậy.

\* Tập hợp được mặt trận đấu tranh rộng rãi của các dân tộc chống Mỹ - Diệm và làm cho phong trào ngày càng vững chắc là do có sách lược vận động đúng đắn: đó là dựa vào lực lượng quần chúng lao động đông đảo, tranh thủ đoàn kết với các nhân vật lớp trên, phân hóa, cô lập đánh đổ những tên đầu sỏ phản động tay sai của Mỹ - Diệm. Đường lối đó thể hiện sự vận dụng linh hoạt, đúng lập trường quan điểm của Đảng vào những đặc điểm của xã hội các dân tộc miền núi. Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi chính là nơi ta đã nắm vững và vận dụng đúng đường lối của Đảng vào mọi mặt công tác nên đã thu được thắng lợi to lớn./.

# MẤY Ý KIẾN NHỎ VỀ BỐI CẢNH LỊCH SỬ, QUY MÔ VÀ Ý NGHĨA CỦA CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI

TÙ TÂN VŨ<sup>\*</sup>

Bốn mươi lăm năm đã qua, cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã đi vào lịch sử, nhưng vẫn mãi mãi là một trong những mốc son chói lọi trong sự nghiệp chống ngoại xâm, giành độc lập tự do cho Tổ quốc, góp phần làm rạng rỡ truyền thống quê hương núi Ấn - sông Trà.

Đây là cuộc khởi nghĩa có quy mô rộng lớn, diễn ra khá sớm ngay sau khi có Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng về con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là con đường đấu tranh bạo lực, khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, trong thời điểm lịch sử đặc biệt: cuộc "*chiến tranh một phía*" của Mỹ - Diệm lên đỉnh cao với Luật 10/59 lê máy chém đi khắp miền Nam khủng bố và đàn áp những người yêu nước và cách mạng rất khốc liệt. Do đó cuộc khởi nghĩa thắng lợi có ý nghĩa lịch sử to lớn, mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, vượt ra ngoài không gian một địa phương và đã có sức cổ vũ, động viên cả miền Nam Trung Bộ.

Tuy nhiên, qua nhiều năm việc đánh giá tầm vóc và ý nghĩa lịch sử của nó chưa đầy đủ, chưa toàn diện, chưa đúng mức, thậm chí vì lẽ này, lẽ nọ, hoặc điều kiện không cho phép, nên có

---

\* Nguyên Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Quảng Ngãi.

những nhận định lầm lẫn, lệch lạc. Vì vậy, việc tổ chức một hội thảo khoa học để nghiên cứu, trao đổi về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi một cách khách quan, khoa học, toàn diện là cần thiết, mà đáng lẽ việc này phải làm sớm hơn.

Nhân cuộc Hội thảo khoa học này, tôi xin phép được góp thêm vài ý kiến nhỏ chung quanh những vấn đề lớn: Bối cảnh lịch sử, quy mô và ý nghĩa cuộc khởi nghĩa đó với mong muốn làm rõ thêm, nhấn mạnh thêm nhằm tạo được sự thống nhất cao hơn, đầy đủ và toàn diện hơn.

### I. Về bối cảnh lịch sử của cuộc khởi nghĩa

Nếu nói đến bối cảnh lịch sử cũng có nghĩa là nói đến cơ sở, nền tảng, điều kiện xuất hiện cuộc khởi nghĩa. Trên cơ sở đó tôi xin nêu lên 4 vấn đề lớn sau đây:

*1. Thứ nhất:* Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là vùng núi hiểm trở, các dân tộc ở đây vốn có truyền thống yêu nước cách mạng, kiên cường và đoàn kết một lòng chống ngoại xâm, áp bức.

- Hơn 80 năm thống trị, thực dân Pháp và Nam triều phong kiến không khuất phục được đồng bào các dân tộc miền Tây - Quảng Ngãi (bao gồm các dân tộc Hrê, Cor, Cà Dong và Kinh) lên sống ở đây, gắn bó thành một khối thống nhất. Nhân dân đã đoàn kết đấu tranh, làm chủ núi rừng, quê hương của mình. Phong trào chống Pháp xâm lược và sự thống trị hà khắc của đế quốc, phong kiến được duy trì và phát triển, tiêu biểu là phong trào “Nước xu đở” chống Pháp suốt 8 năm ròng do Phó Mục Gia (Đinh Gia), người con ưu tú ngoan cường của dân tộc Cor lãnh đạo. Từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, đồng bào các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi đoàn kết, tin tưởng một lòng theo

Đảng và Bác Hồ làm cách mạng đến cùng và có nhiều đóng góp to lớn cho cách mạng, cho kháng chiến thắng lợi. Nhiều người Cor ở Trà Bồng đổi họ Đinh thành họ Hồ của Bác và nhiều người Hrê ở Ba Tơ, Sơn Hà đổi thành họ Phạm của đồng chí Phạm Văn Đồng đã chứng minh quyết tâm theo con đường của Đảng, của Bác, của đồng bào các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi.

- Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ ngày 11.3.1945 thắng lợi và sự ra đời của Đội du kích Ba Tơ với lời thề "*Hy sinh vì Tổ quốc*" - tiền thân của lực lượng vũ trang cách mạng Nam Trung Bộ ngay sau khi Nhật đảo chính Pháp 2 ngày (9.3.1945) mở đầu và tạo điều kiện to lớn cho cuộc Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền toàn tỉnh Quảng Ngãi trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 diễn ra vào ngày 14.8.1945 sớm nhất ở miền Nam, cũng là một mốc son chói lọi trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta.

- Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp oanh liệt, đồng bào các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi cùng với quân và dân toàn tỉnh chiến đấu ngoan cường, bảo vệ vững chắc vùng tự do, làm tròn nhiệm vụ hậu phương, dốc sức người, sức của phục vụ tiền tuyến, góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

- Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, từ Vĩ tuyến 17 trở vào miền Nam tạm thời chuyển giao cho đối phuơng quản lý để sau hai năm (giữa năm 1956), hai miền tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử, thống nhất đất nước. Theo quy định của Hiệp định, vùng Bắc sông Trà Khúc tỉnh Quảng Ngãi, trong đó có huyện Trà Bồng, Sơn Tây, một phần huyện Sơn Hà là vùng chuyển giao cho đối phuơng tiếp quản sớm nhất, chỉ 80 ngày. Từ chỗ nhân dân làm chủ, có chính quyền cách

mạng, có quân đội, có các tổ chức chính trị quần chúng, có Đảng lãnh đạo, nhân dân được hưởng mọi quyền lợi về chính trị, tinh thần và vật chất do cách mạng đem lại và nhân dân tạo dựng nên; nay đột ngột thay đổi, mọi quyền lợi về dân sinh, dân chủ bị tước đoạt. Đó là bước ngoặt lớn, một đảo lộn lớn trong đời sống chính trị, xã hội của nhân dân miền Tây Quảng Ngãi cũng như của nhân dân Quảng Ngãi và nhân dân miền Nam lúc bấy giờ.

- Trong suốt 21 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là căn cứ địa cách mạng vững chắc của toàn tỉnh, là an toàn khu của cơ quan lãnh đạo của tỉnh và của các huyện đồng bằng lúc phong trào gập khó khăn. Riêng Trà Bồng là ATK vững chắc nhất của cơ quan Tỉnh ủy. Trong kháng chiến chống Mỹ có 2 lần Đại hội Đảng bộ tỉnh, 16 lần Hội nghị Tỉnh ủy; Đại hội Mặt trận và các đại hội khác phần lớn cũng tổ chức ở đây - nơi thành lập lực lượng vũ trang tập trung đầu tiên..., căn cứ Trà Bồng còn gắn liền với căn cứ đặt cơ quan chỉ đạo của Liên khu ủy V (Trà My - Hiên - Giồng). Ngay trước, trong và sau cuộc khởi nghĩa Trà Bồng, cơ quan Tỉnh ủy đóng ngay ở Trà Bồng là điều kiện rất thuận lợi cho việc chỉ đạo, chỉ huy cuộc khởi nghĩa.

Những điểm nêu trên quy tụ ở vùng đất Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, là cơ sở, nền tảng, là điểm xuất phát quan trọng tạo nên bối cảnh lịch sử trước tiên và cơ bản của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi thắng lợi.

**2. Thứ hai:** Sau khi Mỹ - Diệm tiếp quản vùng đất này ngay từ đâu chúng đã xác định đây là “Vùng đất bất trị”, là trọng điểm “tố cộng, diệt cộng” hòng đánh phủ đầu vào nơi nhân dân vốn có truyền thống yêu nước và cách mạng, kiên cường, bất khuất chống ngoại xâm.

Diệm đã dựa vào bọn tay sai phản động và bọn bất mãn ở địa phương, sử dụng lực lượng quân sự hùng hậu với những hành vi thủ đoạn thâm độc, dã man, tiến hành nhiều chiến dịch đàn áp, khủng bố, truy nã cộng sản, người kháng chiến, người thân gia đình tập kết và bắt cứ ai chống lại chúng một cách trắng trợn, và ngày càng khốc liệt. Đặc biệt từ sau khi chúng trắng trợn tuyên bố xóa bỏ Hiệp định Giơnevơ, cự tuyệt hiệp thương, tổng tuyển cử, hô hào “Lấp sông Bến Hải”, “Bắc tiến” nhất là khi chúng ngang ngược đặt ra Luật 10/59, lê máy chém đi khắp nơi, thẳng tay đàn áp khủng bố quần chúng cách mạng với khẩu hiệu man rợ: “*Giết nhầm hơn bỏ sót Việt cộng*” thì ngọn lửa căm thù Mỹ - Diệm bốc cao, tinh thần cách mạng đã đến điểm chín muồi. Theo quy luật tự nhiên: có áp bức thì có đấu tranh, áp bức càng lớn, thì sức bật càng mạnh. Và nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi đã từ đấu tranh chính trị chuyển lên hình thức vũ trang tự vệ bằng cách vận dụng phong tục “trả đầu” ngày xưa, hình thành các nhóm vũ trang trừu trị bọn ác ôn, chỉ điểm để bảo vệ cách mạng, bảo vệ tính mệnh và tài sản, quyền lợi của nhân dân. Phong trào vũ trang tự vệ, diệt ác, phá kẹp dưới hình thức trên diễn ra phổ biến ở miền Tây Quảng Ngãi từ năm 1957, lan dần xuống đồng bằng và không ngừng phát triển đúng quy luật và đúng như nhận định của Trung ương trong Nghị quyết 15 (01.1959): “Trong quá trình đấu tranh gay go, gian khổ, phức tạp đó, hình thức đấu tranh chính trị là chủ yếu, song quân thù quyết dìm cách mạng trong máu lửa, do nhu cầu phong trào cách mạng miền Nam nên trong chừng mực nhất định sẽ xuất hiện những lực lượng tự vệ và vũ trang tuyên truyền để hỗ trợ cho đấu tranh cách mạng...”.

Rõ ràng khi cuộc chiến tranh một phía do Mỹ - Diệm tiến hành đến đỉnh cao, nhất là khi chúng đẩy mạnh các chiến dịch “*Diệt cộng*” đồn dân, cưỡng bức nhân dân, tiến hành trò hè bàu

cử Quốc hội; đó cũng chính là đỉnh cao của tình thế cách mạng chín muồi nổ ra cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi (28.8.1959).

**3. Thứ ba:** Sự nhạy bén chính trị, sâu sát tình hình và sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, đúng đắn của Tỉnh ủy Quảng Ngãi là điều kiện quan trọng, có ý nghĩa bảo đảm cho cuộc khởi nghĩa nổ ra đúng thời cơ và giành thắng lợi nhanh chóng, giữ vững và phát huy được thắng lợi.

Theo lịch sử Đảng bộ tỉnh, một số nhận định của các sách đã viết và hồi ký của đồng chí Phạm Thanh Biền (lúc đó 1958 - 1959, là Phó bí thư Tỉnh ủy, Trưởng ban Cán sự miền Tây, Trưởng ban Quân sự tỉnh) - (đang trong tập I: *Nhớ lại thời kháng chiến*), chúng ta có thể rút ra một số điểm quan trọng về vấn đề này:

- Sau hơn 2 năm (1954 - 1956), Đảng bộ tỉnh lãnh đạo nhân dân Quảng Ngãi kiên trì cuộc đấu tranh chính trị, đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định Giơnevơ, nhưng đến giữa năm 1956, Mỹ - Diệm trấn trọng xóa bỏ Hiệp định, cự tuyệt Tổng tuyển cử, tiến hành kiểu chiến tranh một phía: Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã sớm chủ trương: “Từ đấu tranh chính trị, phong trào tiến lên kết hợp hình thức vũ trang tự vệ thích hợp. Trong thời gian này (giữa năm 1956), nhân dân miền núi đã vận dụng phong tục “trả đầm” ngày xưa để trừ tà trị bọn ác ôn, chỉ điểm, bảo vệ cơ sở cách mạng như các nhóm anh Lùn, anh Lang ở Trà Bồng; Või Quýt ở Sơn Hà, ông Hồi ở Ba Tơ... mang lại cho nhân dân nguồn sinh lực mới, làm cho kẻ thù hoang mang, dao động, không dám khủng bố như trước... Nhờ sự kết hợp các hoạt động tự vệ trên mà căn cứ địa cách mạng ở miền núi được giữ vững và mở rộng. Xu hướng đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang, tự vệ của quần chúng ngày càng thể hiện rõ”<sup>(1)</sup>.

---

<sup>(1)</sup> Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, sđd... tr. 150 - 151.

- Cuối năm 1956, khi Liên khu ủy V chủ trương đưa cán bộ ra sống hợp pháp, Tỉnh ủy Quảng Ngãi chưa thống nhất hoàn toàn với trên và đã kiến nghị với Liên khu ủy V hai vấn đề:

+ Chỉ đưa một bộ phận cán bộ ra hoạt động hợp pháp, còn đại bộ phận tiếp tục đấu tranh bất hợp pháp, phải coi trọng và giữ gìn lực lượng bất hợp pháp.

+ Đề nghị với Liên khu ủy V cho khôi phục lại bạo lực quân sự, thành lập lực lượng vũ trang. Liên khu ủy V tán thành ý kiến “*Tiếp tục đấu tranh bất hợp pháp của Quảng Ngãi, còn vấn đề bạo lực thì Tỉnh ủy cử người lên khu bàn thêm*”<sup>(1)</sup>.

- Đến tháng 6.1957 và tháng 10.1957, tại hai cuộc hội nghị Tỉnh ủy đều họp ở Nước Trút - Trà Trung - Trà Bồng, Tỉnh ủy Quảng Ngãi có nhận định quan trọng: “*Ở miền Nam hiện nay, địch dùng bạo lực phản cách mạng để tiêu diệt lực lượng cách mạng. Nếu ta vẫn theo đường lối hợp pháp một chiều thì tổn thất sẽ ngày một lớn. Do đó, phải dùng bạo lực cách mạng của quân chúng, phải có vũ trang chừng mực nào thì đấu tranh chính trị của quân chúng mới mạnh được, mới hạn chế được đánh phá của địch, mới duy trì được phong trào và chuẩn bị điều kiện giành thắng lợi sau này*”<sup>(2)</sup>.

“*Cũng trong thời gian này, tỉnh Quảng Ngãi nhận được cuốn sách “Bàn về cách mạng miền Nam” (tức Đề cương “Đường lối cách mạng miền Nam”) của đồng chí Lê Duẩn từ Nam Bộ gửi ra. Nghiên cứu kỹ những vấn đề con đường tiến lên của cách mạng miền Nam và đối chiếu với thực tế của tỉnh từ 1954 đến bây giờ. Tỉnh ủy thấy như vậy là hợp lý. Từ đó, Tỉnh ủy xác định*

<sup>(1)</sup> Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, sđd... tr. 151.

<sup>(2)</sup> Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, sđd... tr. 152.

*nhiệm vụ của Quảng Ngãi là ra sức xây dựng thực lực, xây dựng căn cứ địa cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị tiến hành vũ trang khởi nghĩa”<sup>(1)</sup>.*

Tháng 2.1958, tại Di Ngâu, Trà Trung, Trà Bồng, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp bàn vấn đề chuẩn bị xây dựng lực lượng vũ trang. Hội nghị phán khởi nhất trí: “Chỉ có con đường vũ trang khởi nghĩa mới giành được độc lập, chứ không có con đường nào khác”. Và Tỉnh ủy đã cử đồng chí Phạm Thanh Biền, Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Cán sự miền Tây và đồng chí Đinh Mô, Phó ban Cán sự miền Tây về Khu ủy xin ý kiến.

Được Thường trực Liên khu ủy (đồng chí Trần Nam Trung - Bí thư) đồng ý, nhất trí thông qua phương án chuẩn bị tích cực cho khởi nghĩa vũ trang, cho phép Quảng Ngãi nỗi dậy khởi nghĩa từng phần ở cơ sở thôn xã. Còn cấp huyện và xây dựng lực lượng vũ trang khi nào có ý kiến Khu ủy mới thực hiện.

- Cuộc họp Tỉnh ủy lần thứ 11 khai mạc ngày 25.5.1958 tại chân núi Cà Đam, sau khi phổ biến ý kiến của Liên khu ủy V, Hội nghị đã thông qua phương án tích cực chuẩn bị để tiến hành khởi nghĩa ở miền Tây Quảng Ngãi khi có điều kiện. Hội nghị quyết định thành lập Ban Quân sự tỉnh, cử đồng chí Phạm Thanh Biền, Phó bí thư Tỉnh ủy, Trưởng ban Cán sự miền Tây làm Trưởng ban Quân sự tỉnh.

- Sau Hội nghị, Tỉnh ủy nhấn mạnh công tác chuẩn bị khởi nghĩa. Một mặt tích cực xây dựng căn cứ, đẩy mạnh sản xuất, tự cấp, tự túc, mua dự trữ muối, vải, công cụ, thuốc chữa bệnh, giấy bút, lương thực; khẩn trương bố phòng, xây dựng làng chiến đấu, xây dựng các đội vũ trang tuyên truyền đưa về bám ở cơ sở kể cả

---

<sup>(1)</sup> Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, sđd..., tr. 152.

ở đồng bằng, chuẩn bị xây dựng lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh. Mặt khác, Tỉnh ủy đã phân công tỉnh ủy viên, cán bộ đứng ở từng địa bàn, triển khai Nghị quyết Tỉnh ủy và kế hoạch xuống cấp dưới và tiến hành công tác chính trị, tư tưởng, phát động quần chúng.

Riêng ở miền Tây, Tỉnh ủy tổ chức 2 cuộc Hội nghị quan trọng:

+ Trong lãnh đạo, Tỉnh ủy đã tổ chức cuộc Hội nghị cán bộ chủ chốt của huyện, để nghiên cứu học tập Nghị quyết Tỉnh ủy, nghiên cứu bàn bạc thực hiện phương án chuẩn bị khởi nghĩa ở miền Tây, thành lập tổ chức chỉ đạo, chỉ huy ở từng huyện (lúc đó gọi là khu).

+ Trong nhân dân, Tỉnh ủy tổ chức Đại hội Gò Rô lịch sử bàn về khởi nghĩa vũ trang, đánh đổ Mỹ - Diệm, thành lập chính quyền nhân dân ở cơ sở. Đại hội diễn ra 4 ngày: khai mạc 7.7.1958 tại Gò Rô, xã Trà Phong, huyện Trà Bồng với trên 200 đại biểu dự Đại hội đã ký quyết thư gửi lên Tỉnh ủy, Liên khu ủy và Trung ương, ra lời kêu gọi nhân dân đoàn kết đánh đổ Mỹ - Diệm, có đậm trâu làm lễ ăn thề. Đại diện Tỉnh ủy đã trao cờ Quyết chiến Quyết thắng với dòng chữ: "*Suốt đời đi theo Bác Hồ làm cách mạng*". Đại hội Gò Rô được coi là Hội nghị "*Điên Hồng chống Mỹ*" của nhân dân miền Tây Quảng Ngãi, mở đầu cao trào kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở Quảng Ngãi.

- Để hỗ trợ bạo lực chính trị và bạo lực vũ trang của quần chúng trong khởi nghĩa, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã sớm xây dựng lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh. Ngày 3.3.1959, đơn vị vũ trang tập trung đầu tiên của tỉnh ra đời trước khởi nghĩa lấy tên đơn vị 339 với 43 cán bộ chiến sĩ. Trước khởi nghĩa 10 hôm, nhân kỷ niệm Cách mạng tháng Tám 1945, ngày 19.8.1959, Tỉnh ủy đã lập tiếp đơn vị thứ hai lấy tên là Đơn vị 89 gồm 36 cán bộ,

chiến sĩ và ngay trong khởi nghĩa đang ở đỉnh cao, nhân Quốc khánh 2.9, Tỉnh ủy lại thành lập tiếp đơn vị vũ trang tập trung thứ 3 lấy tên là đơn vị 299. Sang năm 1960, tỉnh đã thành lập thêm ba đại đội mới 607, 608, 609 chuẩn bị tiến lên thành lập các tiểu đoàn 83, 48 đại đội đặc công trinh sát vũ trang...

Rõ ràng Tỉnh ủy Quảng Ngãi rất coi trọng xây dựng và phát triển bạo lực cách mạng trước, trong và sau khởi nghĩa, cả bạo lực chính trị và bạo lực vũ trang, trong đó lực lượng vũ trang tập trung đóng vai trò nòng cốt.

- Ngày 15.6.1959, Tỉnh ủy tiến hành Hội nghị học tập Nghị quyết 15 của Trung ương. Như "*Nắng hạn gấp mưa rào*" Nghị quyết 15 của Trung ương đã thổi luồng gió mới, tạo nên niềm phấn khởi, tin tưởng và quyết tâm vô hạn cho Tỉnh ủy, Đảng bộ và nhân dân tỉnh nhà. Tại Hội nghị này, Tỉnh ủy đã tiếp tục bàn bạc, hoàn chỉnh phương án khởi nghĩa ở miền Tây và kế hoạch lãnh đạo nhân dân ba vùng đẩy mạnh đấu tranh chống cuộc bầu cử của Mỹ - Diệm, hỗ trợ cho cuộc khởi nghĩa ở miền Tây thắng lợi.

**4. Thứ tư:** Sự lãnh đạo của Trung ương và Liên khu ủy V là nhân tố quyết định, là điều kiện cơ bản để cổ vũ, động viên và soi đường cho Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi, trước hết là đối với Tỉnh ủy, làm cho cuộc khởi nghĩa tiến hành thuận lợi, bảo đảm thành công và có hướng phát triển vững chắc sau khi giành thắng lợi.

Ngoài 3 yếu tố “nội tại” của Đảng bộ và nhân dân tỉnh nhà, nếu không có sự gợi ý, hướng dẫn của lãnh đạo, sự chỉ đạo của Liên khu ủy V và đặc biệt là Nghị quyết 15 của Trung ương soi sáng, thì 3 yếu tố “nội tại” cũng bị hạn chế và có thể không giành được thắng lợi như vậy.

- Việc khi chưa có chủ trương sử dụng bạo lực vũ trang hỗ trợ đấu tranh chính trị của Trung ương, nhưng với thực tế tình hình xuất hiện những nhóm “trả đầu”, diệt ác ở các huyện miền núi và việc đề xuất của Tỉnh ủy Quảng Ngãi xây dựng lực lượng vũ trang để tự vệ được một số đồng chí chủ chốt ở Liên khu ủy V đồng tình và bật đèn xanh cho thực hiện; việc gợi ý, hướng dẫn của đồng chí Lê Duẩn trong Đề cương “Con đường cách mạng miền Nam”, tuy chưa phải là Nghị quyết của Đảng, nhưng là cảm nang quan trọng để Tỉnh ủy vững tin ở chủ trương, quyết tâm của mình.

- Sau này khi có sự nhất trí của Thường trực Liên khu ủy V về phương án khởi nghĩa và tiếp theo là Nghị quyết 15 của Trung ương chỉ rõ phương hướng: “*Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là con đường khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân*” và chỉ ra các hình thức đấu tranh: từ vũ trang tự vệ, vũ trang tuyên truyền hỗ trợ cho đấu tranh chính trị, tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền và cuối cùng chuyển lên thành cuộc “Kháng chiến trường kỳ giữa ta và địch, thắng lợi cuối cùng nhất định về ta” (Trích Nghị quyết Trung ương 15) làm cho sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy Quảng Ngãi thêm vững vàng, càng tin tưởng và quyết tâm cao, là nhân tố quyết định bùng nổ cuộc khởi nghĩa và giành thắng lợi, phát huy thắng lợi và phát triển phong trào chống Mỹ cứu nước của tỉnh nhà theo đường lối Nghị quyết 15 của Đảng.

Bốn vấn đề nêu trên vừa là điều kiện tạo nên bối cảnh lịch sử của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, vừa là nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc khởi nghĩa và phát huy được tác dụng to lớn, vượt ra ngoài phạm vi một tỉnh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta.

## II. Về quy mô và kết quả cuộc khởi nghĩa

Điều này đã được *Lịch sử Đảng bộ tỉnh*, được các sách báo và tại cuộc Hội thảo này, nhiều đồng chí đã nêu rõ. Ở đây, tôi chỉ xin nêu thêm vài khía cạnh, làm rõ thêm vấn đề.

Đặt trong thời điểm lịch sử đó, chúng ta có thể khẳng định: Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi nổ ra sớm nhất, có quy mô lớn nhất và có tác dụng quan trọng vượt cả không gian một địa phương, mở ra một thời kỳ mới trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước; kết hợp bạo lực vũ trang và bạo lực chính trị, đánh trả kiểu chiến tranh một phía của Mỹ - Diệm, mở đầu cuộc kháng chiến trường kỳ như Nghị quyết 15 của Trung ương đã dự kiến.

### Về kết quả, thắng lợi của cuộc khởi nghĩa

+ Thứ nhất, cuộc khởi nghĩa đầu tiên nổ ra ở toàn huyện Trà Bồng chỉ trong bốn ngày đêm (từ 28 đến 31.8.1959) giành thắng lợi to lớn: “Trước khí thế cách mạng, các tên Quận trưởng, Quận phó Trà Bồng trốn chạy về tỉnh lỵ Quảng Ngãi. Bộ máy ngụy quyền ở Trà Bồng hoàn toàn bị tê liệt. Toàn huyện Trà Bồng được giải phóng, chính quyền tự quản của nhân dân ở cơ sở được thành lập”<sup>(1)</sup>.

+ Thứ hai, cuộc khởi nghĩa Trà Bồng đã lan nhanh, biến thành cuộc khởi nghĩa ở cả miền Tây Quảng Ngãi. Chỉ trong vòng 9 ngày đêm, từ 28.8 đến 5.9.1959, cuộc khởi nghĩa đã giành thắng lợi to lớn: “16 xã toàn huyện Trà Bồng và hàng chục xã ở các huyện Ba Tơ, Sơn Hà, Minh Long, Sơn Tây được giải phóng, đập tan bộ máy kìm kẹp của địch, xây dựng chính quyền cách mạng tự quản của nhân dân ở cơ sở”<sup>(2)</sup>.

---

<sup>(1)</sup> *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi*, sđd...tr. 170 - 172.

<sup>(2)</sup> *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi*, sđd...tr. 170 - 172.

+ Thứ ba, sau cuộc khởi nghĩa thắng lợi, dưới sự chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy, Đảng bộ và nhân dân Trà Bồng và các huyện miền Tây tỉnh đã kịp thời phát huy thắng lợi, khẩn trương xây dựng, củng cố chính quyền tự quản, xây dựng làng chiến đấu, hình thành thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang, lực lượng đấu tranh chính trị của quần chúng, kiên quyết đánh bại nhiều cuộc càn quét của địch, bảo vệ thành quả cách mạng vừa giành được. Nhờ đó sau hơn một tháng chiến đấu giằng co quyết liệt với địch: “Đến giữa tháng 10.1959, có 40 xã các huyện miền Tây được hoàn toàn giải phóng, tạo nên thế vững chắc cho cách mạng trên địa bàn miền núi hiểm trở, rộng lớn để phát triển thế tấn công xuống đồng bằng, duyên hải”<sup>(1)</sup>.

+ Thứ tư: Đồng thời với cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các huyện đồng bằng đẩy mạnh phong trào vũ trang tuyên truyền, diệt ác, phá kìm hổ trợ cho đồng bào đấu tranh chống trò hề bầu cử của Mỹ - Diệm và phát huy ảnh hưởng thắng lợi của khởi nghĩa Trà Bồng, đưa phong trào đấu tranh toàn tỉnh lên bước phát triển mới, mở ra thời kỳ đồng khởi, giành quyền làm chủ trong toàn tỉnh.

### III. Về ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa

*Lịch sử Đảng bộ Quảng Ngãi và các sách Khu V - 30 năm chiến tranh giải phóng; Nam Trung Bộ kháng chiến* đều có đánh giá ý nghĩa và tác động lịch sử của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi. Ở cuộc Hội thảo khoa học này, tôi chỉ xin dựa vào đánh giá khái quát của đồng chí Võ Chí Công, Bí thư

---

<sup>(1)</sup> *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi*, sđd... tr. 170 - 172.

Liên khu ủy V phát biểu tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ nhất (tháng 2.1960) để nêu những ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi. Đồng chí Võ Chí Công đã kết luận: “Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã nổ ra kịp thời, có chuẩn bị, có lãnh đạo và chỉ huy chặt chẽ, đi đúng đường lối cách mạng, thực hiện đúng Nghị quyết 15, đóng góp những kinh nghiệm quý báu cho việc thực hiện Nghị quyết 15 ở Nam Trung Bộ”. Từ kết luận trên, chúng ta có thể rút ra 5 điểm, thể hiện rõ ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi:

+ Một là cuộc khởi nghĩa đã nổ ra kịp thời.

Như trên đã trình bày, tình thế cách mạng đã chín muồi, kẻ thù đã bộc lộ tất cả sự tàn bạo, dã man, quyết định cách mạng vào máu lửa của “kiểu chiến tranh một phía” và Luật phát xít 10/59, nhân dân bị đàn áp, khủng bố, căm thù bốc cao đã đến lúc bùng nổ: tổ chức Đảng, lãnh đạo, Tỉnh ủy và các cấp đã có bước chuẩn bị sẵn sàng, quyết tâm cao; Đảng đã có đường lối, chủ trương, có Nghị quyết 15 của Trung ương soi sáng và đã được Đảng bộ và nhân dân đón nhận với lòng tin tưởng, nhất trí và quyết tâm cao. Chính trong tình thế chín muồi đó, cuộc khởi nghĩa đã nổ ra kịp thời, đúng lúc, đúng thời cơ thuận lợi; lại khai thác được thời cơ trực tiếp là địch dùng bạo lực, cưỡng bức đồng bào đi bỏ phiếu bầu Quốc hội bù nhìn, gây đổ máu đã châm ngòi cho cuộc khởi nghĩa bùng nổ và lan rộng nhanh chóng. Chính chọn thời cơ đúng là một yếu tố quan trọng bảo đảm cho cuộc khởi nghĩa nổ ra mãnh liệt, lan tỏa nhanh chóng và giành thắng lợi to lớn.

+ Hai là có chuẩn bị chu đáo, sẵn sàng.

Để cuộc khởi nghĩa nổ ra đúng lúc và giành thắng lợi, ngoài yếu tố lãnh đạo chỉ đạo đúng đắn, việc chuẩn bị chu đáo các mặt

cho cuộc khởi nghĩa có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Như phần bối cảnh đã nêu, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã nắm bắt kịp thời tình thế cách mạng ngay từ những năm 1956 - 1957 khi chưa có chủ trương của trên, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã đề ra việc xây dựng lực lượng vũ trang tuyên truyền, vũ trang tự vệ diệt ác, phá tề hỗ trợ cho đấu tranh chính trị và kiên trì chủ trương này, kể cả kiên trì kiến nghị với Liên khu ủy V. Và khi được Thường trực Khu ủy nhất trí, thông qua phương án khởi nghĩa, tiếp theo được Nghị quyết 15 của Trung ương soi sáng, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã tích cực khẩn trương ra sức chuẩn bị khởi nghĩa: đẩy mạnh xây dựng căn cứ cách mạng, xây dựng phát triển thực lực cách mạng, chuẩn bị các điều kiện vật chất và tinh thần cho khởi nghĩa, giành chính quyền. Đặc biệt, Tỉnh ủy rất coi trọng việc xây dựng phương án khởi nghĩa và chỉ đạo tổ chức thực hiện rất chu đáo, tỉ mỉ, công phu; thảo luận bổ sung nhiều lần phương án, tổ chức lấy ý kiến cán bộ và nhân dân, biến thành quyết tâm hành động của toàn Đảng bộ, toàn dân, trong đó có Đại hội Gò Rô lịch sử, được coi như Hội nghị Diên Hồng đoàn kết toàn dân đánh Mỹ, khởi nghĩa giành chính quyền.

Việc chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa được tiến hành chu đáo, chặt chẽ trong một thời gian dài, từ khi nảy sinh ra ý định khởi nghĩa cho đến khi nổ ra cuộc khởi nghĩa gần 3 năm trời là một sự chuẩn bị rất công phu, chu đáo. Chính điều đó đã đảm bảo cho khởi nghĩa thắng lợi to lớn, đúng như nhận định của đồng chí Võ Chí Công.

+ Ba là có lãnh đạo, chỉ huy chặt chẽ.

Cùng với việc chuẩn bị chu đáo về mặt tổ chức lực lượng, về vật chất và tinh thần cho cuộc khởi nghĩa, việc lãnh đạo, chỉ huy sâu sát, cụ thể, chặt chẽ từ khâu đề ra phương án, kế hoạch

đến chỉ đạo tổ chức thực hiện phương án và chỉ đạo chỉ huy trước, trong và sau khởi nghĩa của Tỉnh ủy là yếu tố quyết định thắng lợi. Như phần bối cảnh đã nêu, sau khi hình thành ý định, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã tích cực xây dựng bạo lực cách mạng, dùng bạo lực vũ trang để diệt ác, phá kìm, tuyên truyền, vận động, hỗ trợ cho đấu tranh chính trị và tích cực xây dựng thực lực cách mạng cho khởi nghĩa rất sớm từ những năm 1956 - 1958. Khi phương án khởi nghĩa được Thường trực Khu ủy V duyệt và khi có Nghị quyết 15 của Trung ương soi sáng, công tác chuẩn bị khởi nghĩa được đẩy mạnh. Phương án được thảo luận, bàn bạc, bổ sung nhiều lần, được phân công chỉ đạo, chỉ huy cụ thể; đặc biệt Tỉnh ủy rất coi trọng khẩu hiệu triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện. Việc tổ chức Hội nghị hơn 60 cán bộ chủ chốt cấp huyện học tập, bàn bạc phương án khởi nghĩa trong 7 ngày đầu tháng 6.1958 và tổ chức Đại hội Gò Rô lịch sử bàn về khởi nghĩa vũ trang, đánh đổ Mỹ - Diệm, thành lập chính quyền nhân dân tự quản ở cơ sở là thể hiện sự chỉ đạo, chỉ huy chặt chẽ đó.

+ Bốn là cuộc khởi nghĩa đi đúng đường lối cách mạng, thực hiện đúng Nghị quyết 15.

Đây là nhận định rất quan trọng, nêu bật ý nghĩa cơ bản của cuộc khởi nghĩa. Vì khi chưa có Nghị quyết 15 của Trung ương, từ thực tế tình hình cụ thể của địa phương, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã sớm đề ra chủ trương: Phải vũ trang tự vệ và vũ trang tuyên truyền để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị từ những năm 1956 - 1957 đúng như Nghị quyết 15 đã nêu: “Trong quá trình đấu tranh gay go gian khổ, phức tạp đó, hình thức đấu tranh chính trị là chủ yếu, song vì quân thù quyết tâm dìm cách mạng trong máu lửa, do nhu cầu phong trào cách mạng của miền Nam, nên trong một

chứng mực nhất định sẽ xuất hiện những lực lượng tự vệ và vũ trang tuyên truyền để hỗ trợ cho đấu tranh cách mạng”.

Khi tiếp thu được đề cương “Đường lối cách mạng miền Nam” của đồng chí Lê Duẩn, từ đầu năm 1958, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã đề xuất với Liên khu ủy V và quyết tâm xây dựng bạo lực cách mạng (cả bạo lực vũ trang và bạo lực chính trị), chuẩn bị phương án vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền. Và khi được Thường trực Liên khu ủy V đồng ý, thông qua phương án khởi nghĩa, cuộc họp Tỉnh ủy tháng 5.1958 đã thông qua phương án chuẩn bị khởi nghĩa và phương án khởi nghĩa ở miền Tây Quảng Ngãi.

Sau khi có Nghị quyết 15 của Trung ương soi sáng, phương án khởi nghĩa được bổ sung hoàn chỉnh và khẩn trương thực hiện với niềm tin tưởng và quyết tâm rất cao. Phương án khởi nghĩa đó đúng như phương hướng cơ bản và phương thức đấu tranh của Nghị quyết 15 đã nêu:

Về phương hướng, Nghị quyết 15 đã vạch ra: “Con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng nên chính quyền cách mạng của nhân dân”.

Về phương thức đấu tranh, Nghị quyết 15 của Trung ương nêu rõ ba hình thức đấu tranh từ thấp lên cao: Lúc đầu là vũ trang tự vệ, vũ trang tuyên truyền để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị của quần chúng; Tiến lên khởi nghĩa bằng bạo lực chính trị và bạo lực vũ trang đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm, xây dựng chính

quyền cách mạng của nhân dân; Cuối cùng là tiến hành cuộc kháng chiến trường kỳ cho đến thắng lợi hoàn toàn như Nghị quyết 15 đã vạch rõ: “Nhưng đế quốc Mỹ là đế quốc hiếu chiến nhất, cho nên trong những điều kiện nào đó, cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ. Trong quá trình đó, cuộc đấu tranh sẽ chuyển sang một cục diện mới: Đó là chiến tranh trường kỳ giữa ta và địch và thắng lợi cuối cùng nhất định về ta”.

Như vậy, cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi diễn ra đúng đường lối cách mạng miền Nam, thực hiện đúng Nghị quyết 15 của Trung ương như đồng chí Bí thư Liên khu ủy V đánh giá.

Năm là cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã đóng góp những kinh nghiệm quý báu cho việc thực hiện Nghị quyết 15 ở Nam Trung Bộ.

Những kinh nghiệm quý báu đó thể hiện ở bốn điểm chủ yếu sau đây:

1. Để khởi nghĩa thắng lợi, Tỉnh ủy Quảng Ngãi và cấp ủy các huyện miền Tây đã có bước chuẩn bị rất chu đáo, toàn diện, từ việc vạch phương án, kế hoạch, tổ chức quán triệt, hạ quyết tâm đến tổ chức thực hiện, chuẩn bị mọi mặt, phát động tư tưởng trong Đảng ra quần chúng, tạo nên sức mạnh tổng hợp và khí thế cách mạng mạnh mẽ.

2. Tỉnh ủy có quyết tâm tin tưởng rất cao, dám làm, dám chịu trách nhiệm: nhạy bén, sáng tạo và tích cực trong việc vận dụng chủ trương, nghị quyết của trên, nhất là Nghị quyết 15, bảo đảm cho cuộc khởi nghĩa đi đúng đường lối, nghị quyết của Đảng và hợp lòng dân.

3. Chọn đúng thời cơ và tạo được thời cơ trực tiếp để châm ngòi cho cuộc khởi nghĩa bùng nổ ở trọng điểm mạnh mẽ, quyết liệt và kịp thời phát huy thắng lợi ở điểm mở rộng nhanh ra diện, thúc đẩy mạnh hơn phong trào toàn tỉnh.

4. Tỉnh ủy phân công trách nhiệm rõ ràng, bám sát địa bàn, theo dõi sát diễn biến tình hình, chỉ đạo chỉ huy chặt chẽ nhạy bén xử lý kịp thời các tình huống; đặc biệt là kịp thời phát huy thắng lợi ở điểm Trà Bồng, mở rộng nhanh ra diện toàn miền Tây Quảng Ngãi và phát triển nhanh xuống đồng bằng, hình thành thế và lực mới, tạo được sức mạnh tổng hợp, làm cho địch phải phân tán lực lượng, bị động đối phó và bị động tác động dây chuyền gây hoang mang suy sụp trong hàng ngũ địch.

Rõ ràng là sau cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi không những phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi chuyển sang bước ngoặt mới mà cả miền Nam Trung Bộ cuộc kháng chiến chống Mỹ cũng chuyển sang thời kỳ mới: Tiến công địch bằng kết hợp bạo lực chính trị và bạo lực vũ trang, mở ra thời kỳ đồng khởi toàn miền Nam Trung Bộ.

.

# CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI TRONG TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC, CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN QUẢNG NGÃI

PHAN NGỌC LIÊN\*

Những dấu tích về các nền văn hóa thời đại đồ đá cũ, thời kỳ đồng thau và đồ sắt sớm ở nhiều nơi trong tỉnh chứng tỏ rằng, Quảng Ngãi là vùng đất có cư dân sinh sống từ lâu đời. Trải qua nhiều biến đổi lịch sử, xã hội, Quảng Ngãi trở thành một bộ phận máu thịt của đất nước Việt Nam thống nhất, của dân tộc Việt Nam anh hùng.

Truyền thống dân tộc, được hình thành và phát triển trong quá trình dựng nước và giữ nước, thể hiện ở đồng bào Quảng Ngãi cũng mang những nét đặc thù địa phương, làm cho truyền thống chung thêm đa dạng và phong phú. Người ta thường nói đến “dân Quảng Ngãi hay co” để chỉ tinh thần cần cù thông minh, sáng tạo trong lao động sản xuất và ý chí chiến đấu bất khuất, anh dũng trong đấu tranh chống áp bức xã hội và chống ngoại xâm để bảo vệ Tổ quốc, giải phóng dân tộc. Không phải theo thuyết duy vật địa lý để khẳng định hoàn cảnh tự nhiên quyết định tính chất, tâm lý con người, song cũng không thể phủ nhận yếu tố địa lý, điều kiện xã hội có tác động, ảnh hưởng đến tinh thần, lối sống của người dân địa phương.

Quảng Ngãi là vùng đất hẹp ở “khúc ruột miền Trung”, nằm kẹp giữa biển Đông và miền Tây Nguyên, khí hậu khắc

---

\* Giáo sư, Tiến sĩ. Đại học Sư phạm Hà Nội.

nghiệt với nắng hạn, lũ lụt. Điều kiện tự nhiên không mấy ưu đãi khiến cho người dân muôn tồn tại và phát triển phải lao động cần mẫn. Họ phải đào giếng sâu, dùng cần vọt kéo từng gầu nước, hay tát nước qua chín bậc đỗ vào ruộng. Chính trong lao động gian khổ ấy, những sáng tạo được nảy sinh, thể hiện ở những bồ xe nước 9 – 10 bánh, ở những sản phẩm đường nổi tiếng từ thời Đàng Trong đến nay. Gian khổ lao động để có miếng cơm ăn, manh áo mặc, người dân Quảng Ngãi biết chất chiu, tần tiện trong cuộc sống và quyết bảo vệ những thành phẩm lao động của mình đã đổ mồ hôi và máu để gặt hái được.

Đất nước Việt Nam có vị trí chiến lược quan trọng về địa lý kinh tế trên đường giao thông từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây. Vì vậy nhân dân đã tiếp nhận nhiều nền văn hóa để làm phong phú nền văn hóa dân tộc; đồng thời Việt Nam cũng là đối tượng xâm lược của kẻ thù từ nhiều phương diện. Chỉ kể từ cuộc xâm lược của quân Tần từ năm 221 (TCN) đến nay, nhân dân ta đã trải qua hàng nghìn cuộc nổi dậy đấu tranh để bảo vệ Tổ quốc giải phóng dân tộc. Từ sau chiến thắng Bạch Đằng năm 938 đến Chiến dịch Hồ Chí Minh đại thắng năm 1975, nhân dân Việt Nam đã tiến hành hơn 10 cuộc kháng chiến chống ngoại xâm để ngày nay cả nước được thống nhất, cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Quảng Ngãi lại nằm ở vị trí chiến lược quan trọng của đất nước. Các thế kỷ XV, XVI là thời kỳ mà vùng đất và cư dân Quảng Ngãi ngày nay được dần dần ổn định, hình thành từng bước ý thức, tâm lý, tập quán, tính cách và xác lập mối giao lưu văn hóa ở khu vực trong sự phát triển chung của dân tộc. Ở vào thời điểm lịch sử này vùng đất Quảng Ngãi là cầu nối giữa hai miền Nam, Bắc của đất nước. Người Việt đã từ Quảng Ngãi, nằm trong vùng Ngũ Quảng, tiến vào Nam cùng nhân dân bản địa

khai phá đất hoang, mở mang bờ cõi thành một lãnh thổ hoàn chỉnh, thống nhất như ngày nay.

Điều kiện tự nhiên, lịch sử - xã hội như vậy đã rèn đúc những con người Quảng Ngãi “hay co”. Ngoài sức lao động, tinh thần chiến đấu chống áp bức xã hội, đấu tranh bảo vệ quê hương, đất nước của người dân Quảng Ngãi được thể hiện rất rõ qua các thời đại. Sử cũ còn ghi: năm 1695, cuộc khởi nghĩa của nông dân Quảng Ngãi, do một người tên là Linh chỉ huy nổ ra mạnh mẽ<sup>(1)</sup>. Tiếp đó, vào thế kỷ XVIII, cuộc đấu tranh của người Chăm roi ở miền núi cũng nổ ra dữ dội<sup>(2)</sup>. Truyền thống chống áp bức, yêu nước của dân tộc được thể hiện trong cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, trong phong trào đấu tranh của các dân tộc vùng Thạch Bích (Đá Vách), trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đỡ hộ, trong Cách mạng tháng Tám 1945, trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ (1945 - 1975).

Một điểm nổi bật trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ đất nước của nhân dân Quảng Ngãi từ thời kỳ Cân Vương đến kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là phong trào liên tiếp nổ ra, dường như không dứt. Trong những thời điểm nhất định, nhiều sự kiện lớn diễn ra sớm. Người võ tướng chiến đấu hy sinh đầu tiên trong cuộc chiến đấu bảo vệ thành Gia Định chống Pháp năm 1859 là Võ Duy Ninh. Người anh hùng chỉ huy cuộc khởi nghĩa chống Pháp đầu tiên ở Nam Kỳ là Trương Định. Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và việc thành lập chính quyền cách mạng và Đội du kích Ba Tơ diễn ra ngay sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9.3.1945). Cách mạng tháng Tám 1945 cũng sớm nổ ra ở Quảng Ngãi vào ngày 14.8, khi Nhật vừa

---

<sup>(1)(2)</sup> Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam: *Lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr.331, 333.

tuyên bố đầu hàng Đồng minh. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi cũng diễn ra ngay khi Nghị quyết 15 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa II vừa được phổ biến đến cán bộ Khu V (tháng 5.1959).

Tất cả những sự kiện nêu trên chỉ có thể giải thích bằng truyền thống yêu nước, cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi trong truyền thống chung của dân tộc, bằng sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng, trực tiếp là Đảng bộ Quảng Ngãi. Có thể nói truyền thống yêu nước, cách mạng của địa phương kết hợp chặt chẽ với sự lãnh đạo của Đảng đã tạo nên sức mạnh đấu tranh, làm bùng nổ các cuộc khởi nghĩa lớn, sớm, kịp thời, đúng thời cơ.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi (28.8.1959) nổ ra ở vùng căn cứ cách mạng mà ngay từ năm 1955, Hội nghị Tỉnh ủy đã quyết định lấy nơi đây làm trung tâm căn cứ của tỉnh<sup>(1)</sup>. Điều này không phải vì Trà Bồng là nơi rừng núi hiểm trở mà chủ yếu vì nhân dân giàu lòng yêu nước, hết mực trung thành với cách mạng, tin yêu Đảng, Bác Hồ. “Địa lợi” kết hợp với “nhân hòa” để khi có “thiên thời” thì cuộc khởi nghĩa nổ ra, yếu tố “nhân hòa” là yếu tố quan trọng bậc nhất. “Nhân hòa” ở đây là truyền thống yêu nước, tinh thần cách mạng.

Trong “phong trào Đá Vách”, Trà Bồng là một cứ điểm mà quan quân nhà Nguyễn phải hoảng sợ. Cuộc đấu tranh của dân tộc Cor, Hrê ở vùng Đá Vách chỉ đâu nổ ra vào khoảng giữa thế kỷ XVIII được Nguyễn Cư Trinh, Tuần phủ Quảng Ngãi mô tả trong “Truyện Sái Vải”:

---

<sup>(1)</sup> Ban Chấp hành Đảng bộ Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr.144.

“Những sợ nhiều quân Đá Vách

Tưởng đâu lạc phách, nhớ đến kinh hồn”<sup>(1)</sup>.

Nó còn kéo dài trong nửa đầu thế kỷ XIX dưới thời các vua Nguyễn, và tồn tại trong thời kỳ Pháp đô hộ. Trong phong trào “Nước xu đỏ” của các dân tộc Tây Nguyên chống Pháp (1935 - 1939), đồng bào Cor ở Trà Bồng và Trà Mi (Quảng Nam) đã hưởng ứng lời kêu gọi của Săm Brăm - người lãnh đạo phong trào - đứng dậy đấu tranh. Lợi dụng vùng núi hiểm trở, nhân dân lập làng chiến đấu, gài bẫy, đặt chông khắp các nẻo đường, bảo vệ vùng đất tự do của mình. Các thủ lĩnh nghĩa quân, như cụ Phó Mục Gia, ông Tài, ông Chân, ông Vinh, ông Tựu, ông Triều... là những “cà rá” (tù trưởng, già làng, chủ làng) dũng cảm, đầy mưu trí trong phong trào “Nước xu đỏ”.

Truyền thống đấu tranh của đồng bào Cor Trà Bồng cũng như các dân tộc anh em ở miền Tây Quảng Ngãi đã đưa họ đến với Đảng, giúp đỡ cách mạng hoạt động bí mật, vùng lên đấu tranh trong Cách mạng tháng Tám 1945, giữ vững quê hương, đóng góp mọi mặt trong 9 năm kháng chiến, chống thực dân Pháp, giữ vững vùng tự do tinh nhà. Vì vậy, nhân dân Trà Bồng, miền Tây Quảng Ngãi cũng như đồng bào cả tỉnh, cả miền Nam không chịu nhận “sự quản lý của đối phương” khi mà cán bộ, bộ đội cụ Hồ, trong đó có con em họ tập kết ra Bắc. Tuy nhiên tin theo lời của Đảng, của Bác Hồ họ chờ đợi 2 năm sau sẽ có hiệp thương, tổng tuyển cử, thống nhất nước nhà. Song Mỹ - ngụy đã phá bỏ Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương, gieo tang tóc trên quê hương Quảng Ngãi, trên khắp

---

<sup>(1)</sup> Nguyễn Cư Trinh: *Truyện Sái Vải*, trích theo Nguyễn Phan Quang: *Phong trào nông dân Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1986, tr.233.

miền Nam. Một lần nữa, Trà Bồng trở thành căn cứ cách mạng của tỉnh nhà, của Khu V. Cơ quan Tỉnh ủy ngay từ 1955 đã chuyển lên vùng phía nam Trà Bồng và bắc Sơn Hà. Lòng dân Trà Bồng và đồng bào miền Tây Quảng Ngãi là thành lũy che chở cho cách mạng tồn tại và phát triển.

Cuộc hội nghị Tỉnh ủy Quảng Ngãi ở nóc ông Tơ tại chân núi Cà Đam, xã Trà Bùi (Trà Bồng) ngày 25.10.1955 đã quyết định: “phát động toàn dân đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định Giơnevơ, đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, đòi cứu đói khẩn cấp cho đồng bào miền núi; củng cố các tổ chức quần chúng bí mật, xây dựng chi bộ bí mật, cơ quan bí mật, phục hồi và phát triển các tổ chức biến tướng hợp pháp, đẩy mạnh công tác binh địch vận, lợi dụng các đảng phái chống Diệm để hạn chế các hành động chống phá cách mạng của chúng”.

Hội nghị cũng quyết định “lấy các xã người Cor ở phía nam huyện Trà Bồng như Trà Xinh, Trà Thọ, Trà Trung, Trà Tây, Trà Bùi, Trà Tân, Trà Nham, Trà Lanh làm trung tâm căn cứ của tỉnh”<sup>(1)</sup>.

Như vậy, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị của Bộ Chính trị ngày 6 tháng 9 năm 1954 về tình hình mới và nhiệm vụ công tác mới của miền Nam. Đó là “Chuyển hướng công tác cho thích hợp với điều kiện hòa bình: học tập nhiệm vụ, phương châm, chính sách mới của Trung ương; sắp xếp cán bộ, bố trí lực lượng; đảm bảo vừa che dấu được lực lượng vừa lợi dụng được những khả năng thuận lợi mới mà hoạt động để thực hiện chủ trương chính sách, khẩu hiệu mới của Đảng”.<sup>(2)</sup>

---

<sup>(1)</sup> Ban Chấp hành Đảng bộ Quảng Ngãi: *Lịch Sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, sđd, tr.144.

<sup>(2)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 15, 1954, Nxb Chính trị quốc gia, sđd, tr.144.

Xây dựng cơ sở cách mạng ở vùng đồng bào dân tộc ít người, Đảng bộ cũng đã làm tốt công tác vận động quần chúng mà Chỉ thị của Bộ Chính trị nêu trên đã chỉ rõ:

- “Cần chú trọng vận động đồng bào thiểu số”
- Thi hành những chính sách dân tộc đối với đồng bào thiểu số, chống tư tưởng dân tộc đàn anh.
- Chú ý đào tạo cán bộ người thiểu số.
- Vùng Tây Nguyên Liên khu V cần được đặc biệt chú ý”<sup>(1)</sup>.

Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy đã ra sức lãnh đạo quần chúng trong tỉnh nói chung, các huyện miền núi nói riêng đấu tranh chống địch khủng bố, đàn áp, đòi quyền dân sinh, dân chủ. Nhân dân các huyện trung châu chống việc “cải cách địa chính” của Mỹ - Diệm để giữ nguyên canh, không ký bản “khế ước lanh canh” của địa chủ. Ở các huyện miền núi, đồng bào đấu tranh không cho địch lấy lại ruộng đất của bọn Việt gian, phản động mà chính quyền cách mạng đã chia cho dân nghèo thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Trong lúc địch tập trung đánh phá cơ sở cách mạng ở đồng bằng thì các huyện miền núi của tỉnh, phong trào đấu tranh vẫn được duy trì và từ đấu tranh chính trị tiến lên kết hợp hình thức vũ trang tự vệ thích hợp. Ở Trà Bồng cũng như các huyện miền núi khác, nhân dân đã lợi dụng tục “trả đầu” lập các nhóm hoạt động vũ trang để trừu trị bọn ác ôn chỉ điểm, bảo vệ cơ sở cách mạng, “như nhóm anh Lùng, anh Lang ở Trà Bồng; Phó Nía, Vối Quýt ở Sơn Hà, ông Hồi, Chánh Khanh ở Ba Tơ... mang lại cho

---

<sup>(1)</sup> Sđd, tr.282.

nhân dân nguồn sinh lực mới, làm cho kẻ thù hoang mang, dao động, không dám khủng bố như trước”<sup>(1)</sup>.

Sự hoang mang lo sợ của địch được thể hiện các “tờ trình” hàng tháng của Tỉnh trưởng Quảng Ngãi cho “Chính phủ Việt Nam Cộng hòa” của Mỹ - Diệm. Hầu như trong tờ trình nào cũng có các phần:

### **“I. Phần chính trị”**

1. “Tình hình Việt Cộng”
2. “Tình hình các đảng phái đối lập khác”
3. “Tình hình các đoàn thể ta” (tức của Ngụy quyền Sài Gòn)

Khi nói về “Hoạt động của đối phương” các tờ trình đều nói đến miền núi. Ví như “Tờ trình” về tháng 2 năm 1957 có đoạn viết? “Tại miền núi, chúng tích cực xây dựng lực lượng quân sự, lập mật khu và thường cho những đơn vị vũ trang lẩn mò về những vùng hẻo lánh để uy hiếp đồng bào Thượng, hăm dọa cán bộ ta, tuyên truyền xuyên tạc và vận động tiếp tế, bắt liên lạc để nắm tình hình ta”<sup>(2)</sup>.

“Tờ trình” về tháng 8 năm 1959 (từ 21.7.1959 đến 20.8.1959) tức gần sát ngày khởi nghĩa Trà Bồng, ngụy quyền Quảng Ngãi nhận thấy:

#### a) - “Tại miền Thượng

- Tổ chức phá hoại đường giao thông lẻ tẻ ở các nơi xa xôi hẻo lánh;

---

<sup>(1)</sup> Ban Chấp hành Đảng bộ Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, sđd, tr.150.

<sup>(2)</sup> Tài liệu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia 2, kí hiệu Đ.I.CH – 103.

- Dự định thành lập các đội du kích phá rối các vị trí lẻ tẻ của ta để gây hoang mang trong dân chúng.

- Lừa gạt đồng bào ta và tuyên truyền xuyên tạc rằng bộ đội quốc gia sẽ đi lùng ráp, xúi giục dân chúng bỏ chạy theo chúng.

- Tìm mọi cách khủng bố để ngăn cản đồng bào không cho đi bỏ phiếu”<sup>(1)</sup>.

Ngày 28.8.1959 cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi thể hiện tinh thần đoàn kết dân tộc, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ của Đại hội đại biểu nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi họp ở Gò Rô (Trà Phong, Trà Bồng) ngày 7.7.1958. Đây là một cuộc khởi nghĩa lớn đầu tiên sau khi Nghị quyết 15 của Đảng ra đời và được phổ biến trong nhân dân. Khởi nghĩa Trà Bồng có thể xem là pháo hiệu cho phong trào Đồng khởi của nhân dân miền Nam, đánh dấu sự thất bại của chiến lược “chiến tranh một phía” của chúng và chuyển sang chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” để rồi cùng thất bại và cuối cùng nhân dân ta đã thực hiện lời dạy của Bác Hồ “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đi vào lịch sử tỉnh nhà, lịch sử dân tộc như một mốc quan trọng thể hiện truyền thống dân tộc, truyền thống địa phương, được phát huy cao độ dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tinh thần quật khởi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng 45 năm trước đang sống trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương, Tổ quốc. Nhiều “chiến thắng Trà Bồng” đang chờ đợi nhân dân Quảng Ngãi!

---

<sup>(1)</sup> Tài liệu dân trên, ký hiệu Đ.I.CH - 283.

# VẬN DỤNG NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA CUỘC KHỐI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

PHẠM THANH MAI\*

Sau Hiệp định Giơnevơ, đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam, chúng dựng lên chế độ độc tài sai Ngô Đình Diệm, chống phá cách mạng quyết liệt. Dưới sự chỉ đạo của đế quốc Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm thực hiện chủ trương “tố cộng”, “diệt cộng” được coi là “quốc sách”. Hàng loạt chính sách phản động, luật pháp phát xít được ban hành, điển hình là “Luật 10-59” ban hành ngày 6 tháng 5 năm 1959, nội dung chủ yếu là loại cộng sản ra ngoài vòng pháp luật, áp dụng hai hình phạt tử hình và tù chung thân đối với những người theo cộng sản. “Đụ 21” cho phép địch lê máy chém đi giết người tại chỗ. Thực hiện phương châm “tố cộng lâu dài, từng bước, kiên quyết, triệt để” với khẩu hiệu “giết nhầm hơn bỏ sót” chúng đã huy động mọi lực lượng quân sự, chính trị, kinh tế, an ninh, tình báo, thông tin tuyên truyền, toàn bộ cảnh sát mật vụ và phần lớn quân đội kết hợp nhiều biện pháp, thủ đoạn tàn bạo, hiểm độc để đàn áp, đánh phá phong trào cách mạng, liên tục càn quét khắp nơi nhằm tiêu diệt các tổ chức Đảng, đảng viên, cơ sở chính trị và lực lượng vũ trang (LLVT) kháng chiến còn lại ở miền Nam không di tập kết. Chỉ tính trong

---

\* Đại tá, Trưởng phòng Khoa học công nghệ và môi trường Quân khu V.

vòng 4 năm (1955 – 1958) miền Nam tổn thất 9 phần 10 số cán bộ đảng viên. Riêng Khu V (gồm cả Trị Thiên và cực Nam Trung Bộ) khoảng 40% Tỉnh ủy viên, 60% Huyện ủy viên, 70% Chi ủy viên bị địch giết, có tỉnh chỉ còn 2-3 chi bộ; 12 huyện đồng bằng không còn cơ sở Đảng<sup>(1)</sup>. Hàng vạn người dân yêu nước bị tra tấn, tù đày. Miền Nam chìm trong đau thương và tang tóc. Song song với việc đàn áp phong trào cách mạng của quần chúng, tiêu diệt cán bộ đảng viên, cơ sở chính trị và LLVT ta, địch ra sức bắt lính, đồn quân, phát triển lực lượng quân sự, củng cố bộ máy chính quyền từ trung ương đến cơ sở. Nhiều vụ tàn sát điển hình man rợ xảy ra như Chợ Được, Vĩnh Trinh (Quảng Nam), Hương Điền (Quảng Trị) ngay trong thời gian ta nghiêm chỉnh thực hiện Hiệp định Giơnevơ, chuyển quân tập kết ra Bắc, chuẩn bị cho tổng tuyển cử đã bộc lộ rõ âm mưu, bản chất phản động của đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm trong việc phá hoại Hiệp định, tìm mọi cách thôn tính miền Nam Việt Nam, càng làm cho nhân dân thêm căm thù bọn cướp nước và tay sai bán nước, mong muốn được vùng lên, khởi nghĩa, giải phóng quê hương, đất nước thoát khỏi xích xiềng nô lệ. .

Trong bối cảnh đó, ngày 9 tháng 6 năm 1956, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) họp ra Nghị quyết 64/NQTW về “Tính chất nhiệm vụ phương châm cách mạng và phương châm củng cố Đảng ở miền Nam”, trong đó có phương hướng củng cố các LLVT và bán vũ trang nhân dân để bảo vệ cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân chống Mỹ - ngụy. Những tháng cuối năm 1957 nhiều đơn vị vũ trang

---

<sup>(1)</sup> Chiến tranh nhân dân địa phương trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1996, trang 371.

nhân dân đã ra đời từ phong trào quần chúng. Tại vùng rừng núi các tỉnh Khu V và Tây Nguyên trong thời gian này đã hình thành các nhóm vũ trang tự vệ và một số tổ, đội vũ trang tuyên truyền để hỗ trợ quần chúng đấu tranh chính trị chống địch khủng bố và bảo vệ căn bộ cách mạng. Tháng 5 năm 1958 Liên khu ủy V ra nghị quyết xây dựng căn cứ địa cách mạng và LLVT Liên khu. Tháng 1 năm 1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II họp ra Nghị quyết 15 xác định: “*Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân... Con đường đó là lấy sức mạnh quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với LLVT để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân*”<sup>(1)</sup>. Nghị quyết 15 đã đáp ứng khát vọng cháy bỏng của nhân dân, nhanh chóng chuyển thành sức mạnh quật khởi khắp mọi nơi trên toàn miền Nam. Ở Liên khu V, đầu tháng 2 năm 1959, đồng bào Bana ở 9 làng của 2 xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định đã nổi dậy cắm chông rào làng, bố trí vũ khí thô sơ tự tạo chống địch càn quét, đưa người già, phụ nữ, trẻ em và tài sản vào nơi bí mật. Cũng thời gian này, hơn 6.000 đồng bào huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận nổi dậy phá bỏ 2 khu đồn Bờ Râu và Tâm Ngân, trở về làng cũ. Đây là những cuộc khởi nghĩa từng phần đầu tiên ở các huyện miền núi, tạo tiền đề cho các cuộc khởi nghĩa tiếp sau trên địa bàn Khu V. Ngày 28 tháng 8 năm 1959, trong không khí sôi sục căm thù quân đội ngụy Sài Gòn khủng bố nhân dân, bắt buộc phải đi học tập bầu cử Quốc hội bù nhìn, đồng bào các dân tộc Cor, Hrê, Cà Dong, Kinh ở 22

---

<sup>(1)</sup> Biên niên sự kiện CTD, CTCTLVT QK5, tập 2, quyển 1, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, năm 2002, trang 111.

xã thuộc huyện Trà Bồng, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Ban Cán sự miền Tây tỉnh Quảng Ngãi và Huyện ủy Trà Bồng đã phối hợp cùng bộ đội, du kích bao vây, tiến công các đồn bốt cảnh sát, bảo an và trụ sở ngụy quyền diệt và bức rút 5 đồn, bắt hơn 100 lính, thu hàng chục súng các loại, xóa bỏ chính quyền cơ sở của địch. Đến ngày 01 tháng 9 toàn huyện Trà Bồng được giải phóng (trừ quận lỵ). Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng đã giành được thắng lợi rực rỡ, khí thế tiến công và nổi dậy của nhân dân đã nhanh chóng lan ra khắp các huyện miền Tây Quảng Ngãi làm ngụy quân, ngụy quyền nhanh chóng bị tan rã, chính quyền cách mạng ở thôn, xã nhiều nơi được thành lập. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã khẳng định con đường đấu tranh giành độc lập tự do cho Tổ quốc, mở ra trang sử vẻ vang của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước - là niềm tự hào của nhân dân Khu V nói chung và Quảng Ngãi nói riêng. Nhiều bài học kinh nghiệm về công tác chuẩn bị thực lực và chỉ đạo thực hành khởi nghĩa. Nổi lên 3 bài học chủ yếu sau:

### **1. Muốn khởi nghĩa giành thắng lợi Đảng phải biết dựa vào dân, xây dựng niềm tin cho nhân dân, lãnh đạo tổ chức nhân dân đấu tranh bằng nhiều hình thức, phương pháp thích hợp**

Chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đã chỉ rõ “*Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng*”. Sau Hiệp định Giơnevơ, Mỹ - Diệm tăng cường đàn áp những người liên quan đến kháng chiến, tìm mọi cách chia rẽ giữa nhân dân với Đảng bằng các thủ đoạn tàn bạo, thâm độc như sám hối, tố cộng, bắt ly khai cộng sản. Tổ chức Đảng ở cơ sở hầu như bị tan rã nhưng trung thành với lý tưởng cách mạng, nhiều đảng

viên trung kiên đã biết dựa vào dân để hoạt động, nhen nhóm, gây dựng cơ sở, tuyên truyền giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng, tạo được niềm tin trong nhân dân trong những ngày đen tối nhất. Bên cạnh đó thông qua phong trào đấu tranh của quần chúng đòi thi hành Hiệp định, cán bộ, đảng viên đã hướng dẫn nhân dân đấu tranh chính trị trực diện với địch nhằm hạn chế khủng bố, càn quét. Ở Trà Bồng, để mở đầu cho việc phát động nhân dân từng bước tiến tới vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền, Tỉnh ủy đã mở Đại hội nhân dân 4 dân tộc Cor, Hrê, Cà Dong, Kinh gồm 200 đại biểu như một "*Hội nghị Diên Hồng*" ở Gò Rô ngày 07 tháng 7 năm 1958 để kêu gọi toàn dân vùng lên đấu tranh chống Mỹ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, khẳng định lời thề "*Suốt đời theo Bác Hồ làm cách mạng*". Sau Đại hội này, ở vùng cao Trà Bồng còn mở nhiều hội nghị khác như Hội nghị các già làng, thôn, nóc ở từng xã hay từng khu, Hội nghị những người tham gia bộ máy ngụy quyền địch nhằm làm cho họ hiểu đường lối cách mạng để đứng hẳn về phía nhân dân. Trà Bồng cũng mở Đại hội thanh niên toàn huyện, cổ vũ thanh niên dẫn đầu trong việc bảo vệ thôn, xã, sẵn sàng tham gia các tổ chức vũ trang và tham gia vận động làm tan rã tổ chức dân vệ, đưa những người thanh niên có dính líu với địch tham gia cách mạng, v.v... Từ đó, tạo sự đoàn kết, thống nhất trong các tầng lớp nhân dân, làm cho thế và lực của cách mạng ngày càng được tăng lên. Thực tế trong cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã chứng minh sức mạnh của quần chúng nhân dân các dân tộc khi có sự lãnh đạo của Đảng đã tự giác đứng lên đấu tranh chống giặc với khí thế áp đảo, làm thay đổi tương quan lực lượng giữa ta và địch, buộc địch phải bị động đối phó mọi lúc, mọi nơi.

## **2. Công tác chuẩn bị khởi nghĩa phải chu đáo**

Để chuẩn bị cho khởi nghĩa, song song với việc chuẩn bị lực lượng quần chúng đấu tranh chính trị, tháng 3 năm 1959, Đơn vị vũ trang tập trung 339 – đơn vị vũ trang đầu tiên của tỉnh được thành lập gồm 33 cán bộ, chiến sĩ người Cor và 10 cán bộ, chiến sĩ người Kinh, tất cả đều được rèn luyện và trưởng thành trong phong trào đấu tranh của quần chúng. Sau khi thành lập đơn vị 339 được 5 tháng thì 2 đơn vị vũ trang của tỉnh là đơn vị 89 và 229 cũng được thành lập. Cũng từ sau Đại hội Gò Rô, tỉnh đã chỉ đạo thành lập các nhóm vũ trang dưới hình thức “trả dầu” có tổ chức và lãnh đạo chặt chẽ, vừa tranh thủ sự đồng tình của đồng đảo nhân dân, vừa lợi dụng được thế hợp pháp để hạn chế sự phản ứng của địch. Các nhóm này đã trường tri bọn ác ôn, hỗ trợ quần chúng đấu tranh, bảo vệ cán bộ cách mạng. Do tập quán cổ truyền của các dân tộc miền núi, đi đâu nhân dân cũng mang vũ khí phòng thân, làng, thôn nào cũng tổ chức bố trí chông, thò để chống thú rừng và chống địch càn quét, cướp phá hoa màu, tài sản, vì vậy việc đấu tranh chính trị vô hình trung đã gắn liền với tính chất vũ trang tự vệ. Việc chuẩn bị chu đáo cả hai lực lượng đấu tranh chính trị và lực lượng đấu tranh vũ trang đã tạo điều kiện cho khởi nghĩa giành thắng lợi và bảo vệ chính quyền cách mạng sau khởi nghĩa. Bên cạnh đó, lãnh đạo tỉnh, huyện cũng đã chỉ đạo công tác xây dựng căn cứ địa cách mạng ở những địa hình hiểm trở để tích lũy lực lượng, vật chất, làm chỗ dựa cho kháng chiến lâu dài.

## **3. Kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị với tiến công quân sự và binh dịch vận**

Sau khi học tập Nghị quyết 15, căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Ban lãnh đạo tỉnh nhất trí chủ trương phá tan cuộc

bầu cử Quốc hội của địch và bằng mọi cách phát triển cơ sở, đẩy mạnh các hoạt động đấu tranh của quần chúng, khẩn trương chuẩn bị mọi mặt để tiến tới vũ trang khởi nghĩa. Chủ trương của lãnh đạo tỉnh trong cuộc chống phá bầu cử ở Trà Bồng là toàn huyện không một ai đi bỏ phiếu và tất cả lực lượng quân sự, chính trị phải chuẩn bị sẵn sàng đánh trả nếu địch khủng bố. Thực hiện chủ trương trên ngày 13 tháng 8, 400 đồng bào ở 2 xã Trà Giang và Trà Thủy biểu tình tuần hành kéo xuống quận lỵ phản đối trò hè bầu cử. Nhân dân nêu cao những khẩu hiệu chống càn quét khủng bố, đòi được tự do đi lại, đòi cải thiện đời sống. Ngày 28 tháng 8 địch tổ chức bầu cử sớm hơn kế hoạch 2 ngày so với toàn miền Nam. Để đấu tranh chống bầu cử, toàn thể đồng bào ở vùng cao kéo ra rừng, ra rẫy né tránh và chuẩn bị đánh lại nếu bị địch đàn áp. Ở các thôn, ấp chỉ có các cụ già, phụ nữ và trẻ em tổ chức đấu tranh trực diện với địch. Khi bị địch đánh đậm, hành hung đồng bào kiên quyết vạch mặt chúng bằng những lời lẽ sắc bén. Để hỗ trợ cho nhân dân đấu tranh và làm nòng cốt cho nhân dân nổi dậy khởi nghĩa, dưới sự chỉ đạo của Ban Quân sự tỉnh, đơn vị 339 phân tán thành nhiều tiểu đội đi về các xã xung yếu phối hợp với các nhóm vũ trang của huyện, xã sẵn sàng đánh địch. Các đội vũ trang tuyên truyền, du kích liên tục răn đe, trấn áp, tiêu diệt những tên ác ôn đầu sỏ, phục kích, tập kích tiêu diệt từng tổ, toán địch lùng sục, càn quét.

Quá trình khởi nghĩa, nhờ biết kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị với tiến công vũ trang và làm công tác vận động binh lính địch nên ta đã nhanh chóng làm tan rã quân địch, buộc địch phải bỏ đồn bốt, trụ sở tháo chạy. Khi địch tập trung quân kéo đến đàn áp, bao vây lực lượng khởi nghĩa, nhân dân và LLVT đá tổ chức bối phòng, kiên quyết đánh địch bằng mọi lực lượng, vũ khí, phương tiện hiện có, bảo vệ thành quả cách mạng.

Nhiều người trong bộ máy ngụy quyền, ngụy quân được nhân dân vận động đã giác ngộ, quay về với chính nghĩa.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là cuộc khởi nghĩa lớn nhất đầu tiên ở miền núi Khu V từ khi có Nghị quyết Trung ương 15 – mở đầu cho phong trào cách mạng chuyển sang thế tấn công và khẳng định con đường bạo lực cách mạng là duy nhất đúng đắn để đánh thắng kẻ thù, giành chính quyền về tay nhân dân.

45 năm đã trôi qua, cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá có thể nghiên cứu, vận dụng, phát triển trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đánh thắng kẻ thù xâm lược có ưu thế hơn ta về lực lượng và phương tiện trong điều kiện chiến tranh công nghệ cao. Ở bất cứ tình huống nào, dù kẻ thù có mạnh đến đâu, thì Đảng phải luôn luôn thấm nhuần bài học lấy dân làm gốc, xây dựng niềm tin cho nhân dân. Bởi vì, không có thế trận nào vững chắc hơn thế trận lòng dân. Chỉ có dựa vào dân, phát huy sức mạnh của toàn dân thì mới có thể giành thắng lợi. Quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc cũng đã chứng minh sức mạnh của nhân dân là vô địch. Ngày nay, khi chính quyền đã về tay nhân dân, Đảng, Nhà nước phải hết sức quan tâm chăm lo lợi ích thiết thực hàng ngày của nhân dân như lời Hồ Chủ tịch đã dạy: “*Làm cho dân có ăn, làm cho dân có mặc, làm cho dân có chỗ ở, làm cho dân được học hành*”<sup>(1)</sup>. Phải làm cho dân tin, dân yêu mến, che chở, dùm bọc đảng viên, cán bộ như trong những ngày kháng chiến giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước trước đây. Khi mục tiêu độc lập dân tộc, CNDH ăn sâu bám rễ trong lòng mọi người

---

<sup>(1)</sup> Sđd, tập 4, trang 152.

thì kẻ thù sẽ không dễ gì khuất phục được. Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực có những diễn biến phức tạp khó lường, chúng ta vẫn phải vừa ra sức xây dựng đất nước đồng thời phải chuẩn bị mọi mặt để đối phó với chiến tranh. Vì thế, việc xây dựng các tiềm lực chính trị, tinh thần, kinh tế - xã hội, quân sự - an ninh của khu vực phòng thủ phải không ngừng được tăng cường. Trường hợp chiến tranh xảy ra, để bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ chế độ XHCN, Đảng vẫn sẽ lãnh đạo nhân dân và LLVT đánh địch bằng sức mạnh của cả dân tộc, bằng cả hai phương thức tiến hành chiến tranh du kích và chính quy, kết hợp chặt chẽ đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao và binh địch vận để giành thắng lợi. Những bài học kinh nghiệm của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi sẽ mãi mãi tồn tại với thời gian.

# CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI TRONG PHONG TRÀO CÁCH MẠNG MIỀN NAM NHỮNG NĂM 1954 - 1959

BÙI THỊ THU HÀ \*

**S**áng ngày 28.8.1959, cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi nổ ra. Đây là một trong số ít cuộc khởi nghĩa đầu tiên ở miền Nam chống Mỹ. Các cuộc khởi nghĩa này không phải là những cuộc đấu tranh bột phát, không có tổ chức, không được lãnh đạo mà là hệ quả tất yếu sự thống trị của chính quyền Mỹ - Diệm, thể hiện truyền thống anh hùng, bất khuất của nhân dân Việt Nam, diễn ra theo đường lối chung của Đảng.

Các cuộc khởi nghĩa vũ trang chống Mỹ xâm lược báo hiệu một tình thế cách mạng đã chín muồi, khi mà đế quốc Mỹ và tay sai không thể tiếp tục thống trị bằng đàn áp, khủng bố dã man, lê máy chém đi khắp nơi để trả thù những người kháng chiến cũ và giết hại những chiến sĩ cộng sản, những người yêu nước kiên cường, bất khuất. Các cuộc khởi nghĩa vũ trang nổ ra sớm đã báo hiệu sự chịu đựng của đồng bào miền Nam bị dồn nén từ lâu trong cuộc đấu tranh hòa bình, buộc Mỹ - ngụy phải thi hành Hiệp định Giơnevơ, tiến hành hiệp thương, tổ chức Tổng tuyển cử thống nhất Tổ quốc đã bùng nổ. Đồng bào miền Nam không thể sống mãi dưới ách thống trị phát xít và cam chịu cảnh đất nước bị chia cắt.

---

\* Tiến sĩ- Phân viện Hà Nội - Học viện Chính trị hành chính quốc gia.

Ngay sau khi kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp, chuyển sang giai đoạn cách mạng mới, Đảng ta đã chủ trương “chuyển hướng công tác thích hợp với điều kiện hòa bình: học tập nhiệm vụ, phương châm, chính sách mới của Trung ương sắp xếp cán bộ, bố trí lực lượng; đảm bảo vừa che dấu được lực lượng, vừa lợi dụng được những khả năng thuận lợi mới mà hoạt động để thực hiện chủ trương, chính sách và khẩu hiệu mới của Đảng”<sup>(1)</sup>. Như vậy, để phù hợp với tình hình và mục tiêu cách mạng trước mắt, Đảng chủ trương đấu tranh hòa bình, song không có nghĩa là không chuẩn bị lực lượng vũ trang. Bởi vì, nếu bằng phương pháp hòa bình mà giành được mục tiêu chiến lược thì Đảng ta vẫn sử dụng để không phải hy sinh nhiều xương máu. Song, nếu kẻ thù dùng bạo lực phản cách mạng thì chúng ta phải vũ trang đấu tranh. Phương thức đấu tranh hòa bình hay vũ trang là do thái độ của kẻ thù. Vì vậy, trong khi chuyển quân tập kết ra Bắc, các tỉnh ở miền Nam đều bố trí và giữ phong trào đấu tranh của nhân dân<sup>(2)</sup>. Một số vũ khí, vật dụng cũng được cất giấu để phòng khi dùng đến.

Ngày 6.7.1956 trong bức điện “Về tình hình, nhiệm vụ và công tác miền Nam” (Nghị quyết của Bộ Chính trị ngày 8 - 9 tháng 6 năm 1956) Đảng cũng đặt ra ba khả năng:

- “a) Có hiệp thương và tổng tuyển cử, do đó thực hiện được thống nhất bằng phương pháp hòa bình.
- b) Giằng co, kéo dài tình trạng chia cắt;

---

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng*, Toàn tập, tập 15, 1954, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.274.

<sup>(2)</sup> Ở Quảng Ngãi số cán bộ được chỉ định ở lại hoạt động tính đến tháng 3.1955 là 396 người (Theo số liệu trong “Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước”, tập II: “Chuyển hướng chiến lược”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996).

### c) Chiến tranh trở lại”<sup>(1)</sup>.

Trước những khả năng ấy, Đảng vẫn kiên trì “đấu tranh chính trị, không phải đấu tranh vũ trang”. Tuy nhiên “nói như thế không có nghĩa là tuyệt đối không dùng vũ trang tự vệ trong những hoàn cảnh nhất định hoặc không tận dụng những lực lượng vũ trang của các giáo phái chống Diệm. Chúng ta chủ trương duy trì và phát triển các lực lượng vũ trang đó đến một mức độ nhất định, nhưng nó phải do Đảng lãnh đạo thì nó mới có thể duy trì và phát triển được”<sup>(2)</sup>.

Nhận định và chủ trương của Đảng lúc bấy giờ thể hiện trình độ tư duy biện chứng cao, tỏ ra rất linh hoạt và đảm bảo nguyên tắc, mang tính sáng tạo và khéo thi. Các Đảng bộ miền Nam đã thực hiện nghị quyết trên có hiệu quả. Ngay trong cuộc xung đột quân sự giữa chính quyền Ngô Đình Diệm với lực lượng vũ trang Bình Xuyên và giáo phái Hòa Hảo, Cao Đài, Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định, một số tỉnh Nam Bộ, đã luôn vào hàng ngũ lực lượng vũ trang giáo phái, nấp dưới danh nghĩa giáo phái để tổ chức lực lượng vũ trang cách mạng, tiến hành vũ trang tuyên truyền diệt tề, trừ gian, bảo vệ cơ sở và cản cứ cách mạng, gìn giữ lực lượng lãnh đạo. Từ năm 1956 - 1957, nhiều đơn vị vũ trang, các đội diệt tề trừ gian đã ra đời ở các tỉnh Nam Bộ và Liên khu V.

Ở Quảng Ngãi, nhân dân các dân tộc ít người đã dùng tục “trả đầu” ngày xưa, đã bị xóa bỏ sau Cách mạng tháng Tám 1945 (một người bị giết thì gia đình, dòng họ phải bão thù để trả nợ máu) nhằm trừng trị bọn ác ôn, chỉ điểm cho Mỹ - ngụy giết

---

<sup>(1)(2)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, sđd, tập 17, 1957, tr. 224 và 225.

hại cán bộ cách mạng. Một nhóm nhỏ được tổ chức để thực hiện hình thức đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.

Trước tình hình phát triển của phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam, vì sự ngoan cố của Mỹ - nguy phá hoại Hiệp định Giơnevơ 1954 và quyết chí tiêu diệt cách mạng miền Nam, vào cuối năm 1956 đầu năm 1957, Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ, họp ở Phnôm Pênh, đã nghiên cứu và thảo luận “*Dường lối cách mạng miền Nam*” của đồng chí Lê Duẩn. Khi nhận thức về “*Yêu cầu của nhân dân và mâu thuẫn giữa nhân dân và chính quyền Mỹ - Diệm*”, đồng chí đã khẳng định: “Nhất định nhân dân miền Nam phải đứng lên tranh đấu đập tan chính sách chia rẽ, gây chiến của đế quốc phong kiến Mỹ - Diệm để thực hiện nguyện vọng của mình về hòa bình, độc lập, thống nhất là yêu cầu bức thiết của nhân dân, nó là kết quả của biết bao gian nan, biết bao xương máu trong chín năm chiến đấu anh dũng của nhân dân, vì đó là cái lẽ sinh tồn tất nhiên của một dân tộc, không thể thoát được”<sup>(1)</sup>.

Bước sang năm 1959, phong trào đấu tranh của đồng bào miền Nam càng trở nên sôi sục, vì chính quyền Mỹ - Diệm ngang nhiên thách thức nhân dân. Chúng thi hành luật 10/59, lập tòa án quân sự đặc biệt, lê máy chém khắp nơi, tiến hành các cuộc hành quân lớn đánh phá vùng căn cứ, đẩy mạnh việc “tố cộng” để tăng cường kìm kẹp, khống chế nhân dân. Ninh Thuận, Quảng Ngãi là những vùng trọng điểm đánh phá của Mỹ - ngụy. Cuộc khởi nghĩa Bắc Ái (1958) thể hiện sự bức xúc, nguyện vọng của nhân dân miền Nam đứng lên cầm vũ khí đánh trả kẻ thù.

---

<sup>(1)</sup> *Văn kiện Đảng*, tập 17, sđd, tr. 788.

Trong không khí ấy, tháng 1.1959, Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương khóa II đã thông qua Nghị quyết quan trọng mở ra một giai đoạn mới cho cách mạng miền Nam, cũng là nhiệm vụ của cả nước để giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất Tổ quốc. Sau khi phân tích “*Đặc điểm của tình hình Việt Nam từ khi hòa bình được lập lại*” và đề ra “*Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam hiện nay*”, Hội nghị đã xác định “*Dường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam*” và xác định “*Phương hướng phát triển của cách mạng miền Nam*”: “Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là *lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân*”<sup>(1)</sup>. Do tính chất hiếu chiến, ngoan cố, cực kì hung ác của đế quốc Mỹ và tay sai, “cho nên trong những điều kiện nào đó, cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ”<sup>(2)</sup>.

Nhân dân Quảng Ngãi trong quá trình đấu tranh chống Mỹ - Diệm từ 1954 - 1958 đã đóng góp thực tiễn vào việc ra đời Nghị quyết 15 của Đảng. Trong những năm này, Tỉnh ủy Quảng Ngãi trên cơ sở phong trào cách mạng của quần chúng đã nhận thức rằng: “... phải dùng bạo lực cách mạng của quần chúng, phải có vũ trang ở chừng mực, thì đấu tranh chính trị của quần chúng mới mạnh được, mới hạn chế sự đánh phá của địch, mới duy trì được phong trào và chuẩn bị điều kiện giành

---

<sup>(1)</sup> *Văn kiện Đảng*, sđd, tập 20, 1959, tr. 84.

<sup>(2)</sup> Sđd. tr. 85.

thắng lợi sau này”<sup>(1)</sup>. Chính vì vậy, lãnh đạo tỉnh đã tiến hành xây dựng trung tâm căn cứ của tỉnh ở các xã phía nam Trà Bồng, nơi người Cơ sinh sống, đã hướng dẫn cán bộ đào hầm lấp vũ khí đã cất giữ khi bộ đội, cán bộ tập kết ra Bắc. Ở Ba Tơ lấy được 42 khẩu súng trường và tiểu liên, 3 trung liên và 1 khẩu súng ngắn. Số vũ khí trên được trang bị cho lực lượng vũ trang của tỉnh khi thành lập”<sup>(2)</sup>.

Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II nhanh chóng đi sâu vào quần chúng nhân dân, biến thành phong trào cách mạng mạnh mẽ, trở thành những cuộc khởi nghĩa từng phần trong phong trào Đồng khởi, bắt đầu từ đầu năm 1960. Tuy nhiên cuộc khởi nghĩa Trà Bồng (28.8.1959), cuộc nổi dậy ở nhiều địa phương của Nam Bộ, cuộc chặn đánh, tiêu diệt một tiểu đoàn ngụy ở Gò Quần Cung, tỉnh Kiến Phong (nay thuộc Đồng Tháp) ngày 16.9.1959, được xem là những sự kiện quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết 15 và dẫn tới phong trào Đồng khởi ở Bến Tre ngày 17.1.1960.

Tháng 5.1959, Nghị quyết 15 mới được truyền đạt cho cán bộ các tỉnh Khu V, nhưng trước đó ngày 3.3.1959, được sự đồng ý của Khu ủy Khu V, một đơn vị vũ trang tập trung của Quảng Ngãi được thành lập ở xã Trà Thọ (Trà Bồng) với phiên hiệu 339. Nhiều đơn vị tự vệ khác cũng thành lập ở các làng, xã để bảo vệ cuộc đấu tranh của nhân dân, chống lại các cuộc càn quét, lùng bắt cán bộ, những người yêu nước. Được Nghị quyết 15 của Trung ương soi sáng, phong trào đấu tranh của nhân dân Quảng Ngãi cùng phong trào cách mạng của đồng bào miền Nam ngày

---

<sup>(1)(2)</sup> Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr. 152 và 156.

càng lớn mạnh. Trong sự phát triển của phong trào cách mạng miền Nam, phong trào đấu tranh của nhân dân Quảng Ngãi vừa chịu ảnh hưởng, tác động, vừa đóng góp vào cuộc đấu tranh này. Trong phong trào chung của miền Nam, đêm 24.9.1959, tức gần 1 tháng sau cuộc khởi nghĩa Trà Bồng, Khu ủy Khu VIII (Trung Nam Bộ) quyết định phát động quần chúng nhân dân đứng lên khởi nghĩa đồng loạt, theo tinh thần Nghị quyết 15. Tuần lễ “Toàn dân đồng khởi” bắt đầu ở Bến Tre với cuộc nổi dậy của nhân dân huyện Mỏ Cày, ngày 17.1.1960.

Từ cuộc Đồng khởi ở Bến Tre, phong trào lan nhanh khắp các tỉnh Nam Bộ, vùng rừng núi miền Trung, thúc đẩy cuộc đấu tranh chính trị ở các đô thị, trong hàng ngũ binh lính địch. Trong năm 1960 có 10 triệu lượt người tham gia đấu tranh chính trị.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã hòa chung vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân miền Nam, “đã nổ ra kịp thời, có chuẩn bị, có lãnh đạo và chỉ huy chặt chẽ, đi đúng đường lối cách mạng, thực hiện đúng Nghị quyết 15, đóng góp những kinh nghiệm quý báu cho việc thực hiện Nghị quyết 15 ở Nam Trung Bộ”<sup>(1)</sup>.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi mở ra một giai đoạn mới trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, không chỉ có tác động đến phong trào cách mạng trong tỉnh mà còn góp phần thúc đẩy cuộc đấu tranh chung ở Khu V và toàn miền Nam. Sau cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, nhân dân Quảng Ngãi hòa chung vào phong trào “Đồng khởi” của đồng bào miền Nam, đưa cách mạng miền Nam từ thế gìn giữ lực lượng

---

<sup>(1)</sup> Kết luận của đồng chí Võ Chí Công, Bí thư Khu ủy Khu V, dẫn theo “Nam Trung Bộ kháng chiến”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 267 - 268.

chuyển sang tiến công, làm cho ngụy quyền Sài Gòn rơi vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc. Trước tình hình ấy, Mỹ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” và cũng lại thất bại.

Với khí thế khởi nghĩa Trà Bồng, với truyền thống đoàn kết được thể hiện ở Đại hội đại biểu nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi, tổ chức ở Gò Rô (Trà Phong, Trà Bồng) ngày 7.7.1958, nhân dân Quảng Ngãi cùng đồng bào cả nước trải qua nhiều gian khổ, hy sinh hoàn thành cuộc trường chinh kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thực hiện lời dạy của Bác Hồ “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”.

Tìm hiểu cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi trong phong trào cách mạng chung của đồng bào miền Nam thực hiện nhiệm vụ chiến lược chung giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, được sự chỉ viện của miền Bắc, chúng ta nhận thức sâu sắc mối quan hệ biện chứng giữa các vùng, miền cùng đánh Mỹ, dưới sự lãnh đạo của Đảng và phát huy sức mạnh truyền thống của địa phương, trong truyền thống của cả dân tộc. Bài học đoàn kết chống Mỹ của đồng bào trong tỉnh, ở miền Nam và nhân dân cả nước có ý nghĩa to lớn đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay. Đánh thắng “nghèo đói, lạc hậu”, giữ vững độc lập, chủ quyền khi hòa nhập vào khu vực và thế giới đòi hỏi sự đoàn kết của nhân dân mỗi địa phương, của đồng bào cả nước giúp đỡ nhau.

Tinh thần Trà Bồng, Chiến thắng Trà Bồng mãi mãi ghi vào sử sách của Quảng Ngãi, của lịch sử Đảng, lịch sử dân tộc và được phát huy trong hiện tại và tương lai để viết tiếp các trang sử oanh liệt trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**TÍNH CHỦ ĐỘNG, SÁNG TẠO CỦA TỈNH ỦY  
QUẢNG NGÃI TRONG QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO  
CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ  
MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI**

**CAO VĂN LUỢNG\***

**C**ách đây 45 năm, vào ngày 28.8.1959, một sự kiện lớn, quan trọng trong phong trào cách mạng ở miền Nam đã diễn ra - Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng bùng nổ. Từ vùng cao Trà Bồng, cuộc khởi nghĩa lan nhanh ra các huyện miền Tây Quảng Ngãi.

*Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là một cuộc khởi nghĩa lớn nhất ở miền núi và cũng là cuộc khởi nghĩa lớn nhất ở Liên khu V vào cuối năm 1959. Nó đánh dấu một bước nhảy vọt quan trọng trong tiến trình phát triển của phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi, góp phần chuyển phong trào cách mạng ở Liên khu V sang thế tiến công, mở đầu sự kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang. Đánh giá về vai trò, vị trí của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, trong bài phát biểu của đồng chí Bí thư Khu ủy Khu V tại Đại hội Đảng bộ Quảng Ngãi (tháng 2.1960) đã khẳng định: "... Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng mở đầu trang sử đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang song song, đó là đỉnh cao nhất của phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi trong thời kỳ bấy giờ, nó là thắng lợi đầu lòng và đột xuất cổ vũ phong trào chung trong tỉnh,*

---

\* Phó giáo sư, Viện Sử học.

trong khu phát triển mạnh mẽ... Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng có giá trị lớn vì đã cung cấp được nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc vận dụng Nghị quyết 15 không những ở Quảng Ngãi mà ở trong toàn khu”<sup>(1)</sup>.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi bắt nguồn từ nhiều nhân tố. Trong bài viết này, tôi muốn đề cập tới một trong những nhân tố quan trọng đưa tới thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi - Tinh chủ động, sáng tạo của Tỉnh ủy Quảng Ngãi trong quá trình lãnh đạo cuộc khởi nghĩa này.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là điển hình về một cuộc khởi nghĩa vũ trang ở miền núi Khu V, là kết quả tất yếu của quá trình đấu tranh gay go, quyết liệt chống Mỹ - Diệm của nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi từ 1954 - 1959, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã sớm nhận thức được rằng: cuộc đấu tranh chống Mỹ - Diệm sẽ hết sức gay go, quyết liệt; để giành thắng lợi trong cuộc đấu này, phải dựa vào quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang của quần chúng để đánh đổ chính quyền địch, lập chính quyền cách mạng. Từ nhận thức này, ngay từ khi Mỹ - Diệm bắt đầu đặt ách thống trị của chúng ở miền núi Trà Bồng, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc dựa vào địa thế hiểm trở và sử dụng các hình thức bạo lực theo phong tục để chống lại địch, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng. Từ thực tiễn: lực lượng cách mạng và nhân dân miền Tây Quảng Ngãi đã dùng vũ khí để chống lại kẻ thù ngay từ khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết trong khi các nơi

---

<sup>(1)</sup> Tạp chí Cờ hồng, Nxb Giải phóng, Quảng Ngãi, 10.1968, tr. 15.

khác không được sử dụng, Hội nghị đầu tiên của Tỉnh ủy Quảng Ngãi tháng 10.1954 đã xác định: *Con đường đấu tranh để giải phóng Quảng Ngãi là con đường bạo lực cách mạng<sup>(1)</sup>*. Từ sau Hội nghị này, Tỉnh ủy Quảng Ngãi còn tổ chức nhiều cuộc hội nghị khác, nhằm khẳng định chủ trương nhất quán của Tỉnh ủy là: Con đường phát triển phong trào cách mạng trong tỉnh là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang của quần chúng để đánh đổ chính quyền địch, lập chính quyền cách mạng<sup>(2)</sup>. Để chỉ đạo sát hợp với tình hình thực tế của địa phương, tháng 1.1955, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp nhằm rút kinh nghiệm các cuộc đấu tranh vừa qua, uốn nắn những lách lạc và bàn công tác trước mắt. Để chống địch lâu dài, Hội nghị cũng đã bàn đến việc xây dựng một số căn cứ, như căn cứ Đá Sơn, căn cứ Phổ Cường, nhất là căn cứ Cà Đam (Trà Bồng) và vũng giữa Minh Long - Ba Tơ. Để giữ vững và phát triển phong trào cách mạng trong tỉnh trước sự khủng bố diên cuồng của địch, ngày 25.10.1955, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã họp ở khu căn cứ Nam Trà Bồng, chân núi Cà Đam. Hội nghị khẳng định lại một số chủ trương công tác lớn: Duy trì và giữ vững phong trào cách mạng ở 3 vùng, phát động nhân dân đấu tranh chống bầu cử Quốc hội bù nhìn, đòi hiệp thương tổng tuyển cử để thống nhất đất nước, đòi tự do dân chủ; Củng cố các tổ chức quần chúng bí mật, phục hồi các tổ chức biến tướng, hợp pháp; Đẩy mạnh công tác binh vận, bố trí cán bộ, đảng viên, quần chúng cách mạng vào hàng ngũ của địch; Xác định việc xây dựng căn cứ cách mạng ở miền Tây

---

<sup>(1)</sup> Dẫn theo *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)*, tập I, Nxb Sự thật, H, 1990, tr. 51 - 52.

<sup>(2)</sup> Dẫn theo *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)*, tập I, sđd, tr. 52.

và các căn cứ lõm ở đồng bằng, quyết định lập các xã phía nam huyện Trà Bồng làm trung tâm căn cứ của tỉnh.

Ngay sau Hội nghị của Tỉnh ủy, các cán bộ, đảng viên tỏa về các huyện hoạt động, lăn lộn với phong trào, bám sát nhân dân, hướng dẫn nhân dân đấu tranh. Nhờ có chủ trương đúng đắn và chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy; tinh thần chiến đấu kiên cường, mưu trí của cán bộ, đảng viên và được nhân dân đồng tình, ủng hộ, phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi trong những năm 1954 - 1956 được giữ vững và phát triển.

Từ cuối năm 1956, đầu năm 1957, trước tình hình Mỹ - Diệm đánh phá ác liệt phong trào cách mạng, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã nhanh chóng và kịp thời chuyển hướng đấu tranh, chỉ thị cho các huyện, xã phải vận dụng và kết hợp chặt chẽ cả ba hình thức đấu tranh: hợp pháp, nửa hợp pháp, bất hợp pháp đồng thời sử dụng đúng mức một số hình thức đấu tranh vũ trang tự vệ đã có, như diệt ác, trừ gian. Để dần dần từng bước đưa phong trào lên theo hướng đấu tranh vũ trang mạnh mẽ, Tỉnh ủy còn chủ trương vận động thanh niên thoát ly thôn xóm vừa để bảo vệ họ, chống giặc bắt lính vừa sử dụng lực lượng đó làm nòng cốt xây dựng lực lượng vũ trang.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, một số nơi ở các huyện miền núi đã thành lập các đội vũ trang dưới hình thức đồi trả đầu nhằm diệt một số tên ác ôn. Việc áp dụng một số hình thức đấu tranh vũ trang có tính chất tự vệ đã khiến cho phong trào cách mạng ở các huyện miền núi Quảng Ngãi không những được duy trì mà còn có bước phát triển.

Thực tiễn hai năm đấu tranh đồi thi hành Hiệp định Giơnevơ ở Quảng Ngãi nói riêng, ở toàn miền Nam nói chung đã chỉ ra rằng, đối với chế độ độc tài, phát xít Ngô Đình Diệm thì

không thể đấu tranh chính trị đơn thuần mà phải dùng bạo lực cách mạng. Nghị quyết của Bộ Chính trị, tháng 6.1956 về “*Tinh hình và nhiệm vụ cách mạng miền Nam*” đã nhấn mạnh: “Hình thức đấu tranh của ta trong toàn quốc hiện nay là đấu tranh chính trị, không phải là đấu tranh vũ trang. Nói như thế không có nghĩa là tuyệt đối không dùng hình thức tự vệ trong những hoàn cảnh nhất định hoặc không tận dụng những lực lượng vũ trang của các giáo phái chống Diệm”. Bộ Chính trị chủ trương phải: “Tổ chức tự vệ trong quần chúng, nhằm bảo vệ các cuộc đấu tranh và giải thoát cán bộ khi cần thiết”, “phải củng cố các lực lượng vũ trang và bán vũ trang hiện có và xây dựng căn cứ làm chỗ dựa, đồng thời xây dựng cơ sở quần chúng vững mạnh, làm điều kiện căn bản để duy trì và phát triển lực lượng vũ trang”, muốn vậy phải coi việc củng cố Đảng ở miền Nam là một trọng tâm công tác có tính chất quyết định”. Cùng với Nghị quyết của Bộ Chính trị, bản “*Đề cương cách mạng miền Nam*” do đồng chí Lê Duẩn soạn thảo (8.1956) đã làm rõ thêm phương thức đấu tranh chống Mỹ - Diệm ở miền Nam. Bản *Đề cương* khẳng định: “Nhân dân ta ở miền Nam chỉ có một con đường là vùng lên chống lại Mỹ - Diệm để cứu nước và tự cứu mình. Đó là con đường cách mạng. Ngoài con đường đó, không còn con đường nào khác”.

Nghị quyết Bộ Chính trị, tháng 6.1956 và bản “*Đề cương cách mạng miền Nam*” (tháng 8.1956) do đồng chí Lê Duẩn soạn thảo đã soi sáng con đường phát triển của cách mạng miền Nam, cung cấp cho Tỉnh ủy Quảng Ngãi cơ sở để xem xét tình hình và đề ra phương hướng tiến lên của phong trào cách mạng trong tỉnh. Khi chưa nhận được các văn bản, Nghị quyết của Đảng, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã căn cứ vào tình hình cụ thể của Quảng Ngãi mà chủ động đề ra phương thức đấu tranh thích hợp. Và, sau khi nhận được Nghị quyết của Bộ Chính trị, tháng 6.1956 và

bản “Đề cương cách mạng miền Nam” do đồng chí Lê Duẩn soạn thảo (8.1956), Tỉnh ủy Quảng Ngãi lại vận dụng một cách sáng tạo Nghị quyết của Đảng vào điều kiện cụ thể của Quảng Ngãi, nhằm đưa phong trào cách mạng ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi tiến lên một bước mới.

Năm vũng quan điểm bạo lực cách mạng của Đảng và căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương, từ 1958, Tỉnh ủy Quảng Ngãi bắt đầu xúc tiến việc chuẩn bị tiến tới vũ trang khởi nghĩa ở Quảng Ngãi. Tháng 2.1958, đúng vào dịp Tết âm lịch, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp tại Trung tâm căn cứ Trà Bồng để kiểm điểm, đánh giá tình hình sau khi áp dụng một số hình thức đấu tranh vũ trang có tính chất tự vệ và đề ra phương hướng đấu tranh mới. Hội nghị nhận định rằng, khi địch tập trung đánh phá các vùng căn cứ, nếu không sử dụng các hình thức vũ trang tự vệ thì không thể bảo toàn được cơ sở, thúc đẩy phong trào tiến lên. Từ nhận thức này và sau khi nghe đồng chí Bí thư Tỉnh ủy truyền đạt ý kiến của Trung ương Đảng về phương hướng cách mạng miền Nam, Hội nghị đã đề ra phương hướng chuẩn bị tiến tới vũ trang khởi nghĩa ở Quảng Ngãi khi có điều kiện.

- Đối với miền núi, đẩy mạnh việc xây dựng vùng căn cứ du kích mà trung tâm là Trà Bồng, Ba Tơ, Sơn Hà; tổ chức các đội vũ trang ở các xã; kết hợp ba hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp, bất hợp pháp...

- Đồng ý cho các địa phương thành lập lực lượng vũ trang; tổ chức thêm các tổ vũ trang diệt ác, trừ gian với danh nghĩa hợp pháp ở vùng sâu, vùng núi, vùng giáp ranh đồng bằng...

- Đối với đồng bằng: ra sức xây dựng, phục hồi các cơ sở cách mạng; xây dựng căn cứ lõm ở đồng bằng; đưa thanh niên lên núi bổ sung cho lực lượng vũ trang.

- Đối với vùng địch tạm chiếm: đưa người vào nắm chính quyền địch nhằm giữ thế hợp pháp cho quần chúng, đẩy mạnh đấu tranh chính trị.

- Thực hiện kinh tế tự cấp, tự túc, dự trữ lương thực (muối, gạo, vải, thuốc) lâu dài, ít nhất là 3 năm.

Như vậy, có thể coi Hội nghị Tỉnh ủy tháng 2.1958 là *hội nghị mở đầu cho việc chuẩn bị điều kiện để tiến tới vũ trang khởi nghĩa ở Quảng Ngãi*. Ngay sau Hội nghị này, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã cử một đoàn cán bộ về khu báo cáo chủ trương của tỉnh và xin ý kiến chỉ đạo của cấp trên. Sau khi nghe báo cáo tình hình và những đề nghị của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, đồng chí Trần Nam Trung (Trần Lương), ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Khu ủy đã chỉ rõ: "Nhận định của tỉnh là đúng. Đứng trước kẻ thù tàn bạo đang quyết liệt dùng bạo lực để tiêu diệt cách mạng, không tiến hành đấu tranh bằng bạo lực cách mạng của quần chúng, không từng bước kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, thì không thể giữ vững và phát triển phong trào. Ban lãnh đạo miền Nam Trung Bộ, ban lãnh đạo toàn miền Nam và cả Trung ương cũng đã nhất trí như vậy. Bây giờ phải ra sức chuẩn bị, tình thế đã đặt ra rồi. Có ra sức chuẩn bị thì mới tranh thủ được thời cơ. Phải chú ý vận dụng cả hai hình thức đấu tranh chính trị và vũ trang, phải mở rộng căn cứ địa hơn nữa đến vùng thấp, vùng giáp ranh và đồng bằng, đồng thời chú ý tranh thủ sự khủng hoảng của địch để tiếp tục chuẩn bị đầy đủ mọi mặt. Đối với vùng cao, khi có điều kiện cho phép thì tỉnh có thể phát động quần chúng nổi dậy diệt ác ôn, xóa nguy quyền, thiết lập chính quyền nhân dân cách mạng. Nhưng phải tiến hành một cách hết sức khôn khéo, không kích thích địch có những phản ứng quyết liệt, gây tổn thất cho phong trào chung. Đây là vấn đề nghệ thuật lãnh đạo... Đối với vùng thấp

và vùng đồng bằng, phải hết sức thận trọng, khi nào có chỉ thị của cấp trên, mới cho nổi dậy khởi nghĩa”<sup>(1)</sup>.

Qua ý kiến chỉ đạo trên đây của Khu ủy, chúng ta càng thấy rõ những chủ trương của Tỉnh ủy Quảng Ngãi trong quá trình lãnh đạo nhân dân trong tỉnh chống Mỹ - Diệm từ 1954 - 1958 là đúng, sáng tạo, phù hợp với quan điểm của Đảng và tình hình cụ thể của địa phương. Phương hướng chuẩn bị tiến tới vũ trang khởi nghĩa ở Quảng Ngãi được đưa ra tại Hội nghị Tỉnh ủy tháng 2.1958 đã tranh thủ được sự nhất trí của Khu ủy. Sự đồng tâm, nhất trí giữa Tỉnh ủy Quảng Ngãi và Khu ủy khu V cả về quan điểm, tư tưởng và phương pháp cách mạng đã tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi mau chín muồi.

Ngày 25.5.1958, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp ở xã Trà Bùi (Trà Bồng) để thảo luận chỉ thị của cấp trên và đề ra chủ trương mới. Vận dụng chỉ thị của cấp trên vào điều kiện cụ thể của địa phương, Hội nghị chú trọng đến một số công tác sau đây: Phát động tư tưởng của cán bộ nhân dân nhằm tạo nên sự nhất trí cao về chính trị tư tưởng, uốn nắn những lệch lạc trong đấu tranh; Củng cố các tổ chức Đảng, đoàn thể từ tỉnh đến xã, thành lập Ban Quân sự tỉnh; Xây dựng các căn cứ, phát động đấu tranh vũ trang, áp dụng phương châm đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, kể cả việc phát động quần chúng tiến hành chiến tranh du kích ở miền núi và vùng giáp ranh; Kết hợp việc đẩy mạnh chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền với việc thực hiện các chính sách dân tộc, đại đoàn kết dân tộc của Đảng và việc đào tạo

---

<sup>(1)</sup> Dẫn theo *Tìm hiểu phong trào đồng khởi ở miền Nam Việt Nam*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1980, tr. 154 - 155.

bồi dưỡng cán bộ người dân tộc. Hội nghị cũng đã thảo luận và quyết định phương châm đấu tranh cụ thể của ba vùng ở miền núi: trung tâm căn cứ, vùng đệm, vùng có nguy quyền xã thôn và phương châm xây dựng, đẩy mạnh phong trào đấu tranh ở các vùng giáp ranh và đồng bằng, vùng sâu và thành thị.

Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Sự nghiệp cách mạng nếu không có nhân dân tham gia, thì không thể thành công. Quán triệt quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng và để tập hợp quần chúng, phát động toàn dân chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền, ngày 7.7.1958, Tỉnh ủy Quảng Ngãi tổ chức *Đại hội nhân dân các dân tộc Trà Bồng tại Gò Rô* thuộc xã Trà Phong. Tham dự Đại hội có 200 đại biểu thuộc 4 dân tộc: Cor, Hrê, Cà Dong và Kinh của bốn huyện miền Tây. Họ là những già làng yêu nước, có uy tín trong dân; những lãnh tụ nghĩa quân trước Cách mạng tháng Tám, khi Diệm đến đã rút vào rừng sâu, sống bất hợp tác với quân thù, xây dựng căn cứ, chờ ngày kháng chiến. Họ là những cán bộ lãnh đạo tiêu biểu trong huyện và các cán bộ trưởng thành trong phong trào cách mạng ở các thôn, xã. Họ còn là người giàu có nhất nhưng suốt đời chống ngoại xâm và theo cách mạng... Tất cả đều đem đến Đại hội nguyện vọng của dân tộc mình là trung thành với cách mạng và Bác Hồ, tình đoàn kết keo sơn giữa các dân tộc và quyết tâm đánh Mỹ - Diệm đến cùng. Tại Đại hội, ban lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi đã trao cho Đại hội lá cờ mang dòng chữ: "Suốt đời đi theo Bác Hồ làm cách mạng". Nêu cao tinh thần đoàn kết chống Mỹ cứu nước, Đại hội ra lời kêu gọi: "Các dân tộc anh em phải đoàn kết xung quanh Bác Hồ, đồng lòng hợp sức để đánh đổ Mỹ - Diệm. Mọi người không phân biệt dân tộc, già, trẻ, gái, trai phải tham gia lực lượng vũ trang, luyện tập quân sự, làm vũ khí... sẵn sàng nổi dậy giành

chính quyền”<sup>(1)</sup>. Đại hội cũng đã gửi một lá thư tới những người lâm đường nhằm phân hóa hàng ngũ địch.

Có thể nói, Đại hội Gò Rô là “Hội nghị Diên Hồng” chống Mỹ cứu nước, biểu tượng của tinh thần đoàn kết, ý chí và quyết tâm chống Mỹ - Diệm của nhân dân các dân tộc ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi. Thành công của Đại hội là kết quả của một quá trình Tỉnh ủy Quảng Ngãi vận dụng sáng tạo chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng vào điều kiện của địa phương.

Từ sau Đại hội Gò Rô, công việc chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa vũ trang ở Quảng Ngãi được xúc tiến mạnh mẽ. Để tập hợp rộng rãi lực lượng chống Mỹ - Diệm, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Trà Bồng tiếp tục mở nhiều hội nghị, như hội nghị các già làng thôn, nốc ở từng xã hay từng khu; hội nghị những người làm trong chính quyền địch, nhằm làm cho họ hiểu rõ đường lối cách mạng và kêu gọi họ đứng hẳn về phía nhân dân. Đặc biệt, Trà Bồng còn mở hội nghị thanh niên toàn huyện, nhằm thống nhất về tổ chức lực lượng thanh niên toàn huyện, cổ vũ, động viên thanh niên các tộc người phát huy vai trò xung kích, đi đầu trong việc bảo vệ thôn, xã, sẵn sàng tham gia các lực lượng vũ trang. Hoạt động của các tổ chức phụ nữ ở thôn, nốc nhằm tập hợp lực lượng, đẩy mạnh sản xuất tự túc, đấu tranh chính trị chống địch càn quét và làm công tác binh vận, cũng được đẩy mạnh. Mặt trận đoàn kết dân tộc, đoàn kết nhân dân ngày càng phát triển và củng cố. Đi đôi với việc xây dựng lực lượng chính trị, việc xây dựng căn cứ miền núi, xây dựng lực lượng vũ trang, đẩy mạnh các hoạt động vũ trang tuyên truyền, vũ trang tự vệ, tích trữ lương

---

<sup>(1)</sup> Theo Báo cáo về Đại hội Gò Rô ngày 7.7.1958, Tài liệu lưu trữ của Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng và Bảo tàng Quảng Ngãi.

thực, dụng cụ sản xuất, thuốc chữa bệnh... cũng được Tỉnh ủy Quảng Ngãi quan tâm.

Bước sang năm 1959, cả Trà Bồng sôi động khí thế chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền. Để chuẩn bị cho phong trào khởi nghĩa vũ trang đang chín muồi ở miền núi, ngày 3.3.1959, tại một địa điểm giữa hai thôn Nước Xoay và Cà Nung, xã Trà Thọ, huyện Trà Bồng, đơn vị vũ trang tập trung đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi mang tên 339 ra đời.

Cuộc Đại hội nhân dân các dân tộc Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi tại Gò Rô (7.7.1958) và việc thành lập đơn vị vũ trang tập trung đầu tiên của tỉnh mang tên 339 đã thúc đẩy mạnh mẽ phong trào cách mạng trong toàn huyện. Những hoạt động diệt ác, trừ gian, những cuộc nổi dậy giành quyền làm chủ và “chạy làng” chống địch càn quét đã làm tê liệt phần lớn ngụy quyền xã và chúng rất hoang mang dao động.

Chính trong lúc phong trào cách mạng ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đang đứng trước bước ngoặt quan trọng, đòi hỏi Tỉnh ủy Quảng Ngãi phải có những chủ trương và đối sách kịp thời, thì Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 đã đến với nhân dân Quảng Ngãi (tháng 6.1959)<sup>(1)</sup>. Nghị quyết 15 xác định: “Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân” và “theo tinh thần cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng, thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ chính quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân”.

---

<sup>(1)</sup> Theo *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)*, tập I, sđd, tr. 53.

Ngay sau khi nhận được Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Quảng Ngãi liền triệu tập Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng vào tháng 6.1959 để học tập Nghị quyết Trung ương và bàn cách thực hiện. Qua học tập, các đồng chí lãnh đạo Quảng Ngãi thấy rằng chủ trương của Tỉnh ủy về nội dung và phương thức tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng ở Quảng Ngãi về cơ bản là đi đúng đường lối của Trung ương. Tuy chậm nhận được Nghị quyết 15 của Trung ương, nhưng tinh thần chuyển thể cách mạng của Trung ương và Bộ Chính trị đã được Tỉnh ủy Quảng Ngãi nhạy bén tiếp nhận và biến thành hành động cách mạng. Nghị quyết 15 soi sáng thêm con đường cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi, giúp cho Tỉnh ủy nhận thức sâu sắc hơn về thời cơ cách mạng, về nhiệm vụ và phương hướng trước mắt, nhằm đẩy mạnh việc chuẩn bị tiến tới vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền ở Quảng Ngãi.

Quán triệt và vận dụng sáng tạo quan điểm bạo lực cách mạng của Đảng và Nghị quyết 15 vào điều kiện cụ thể của địa phương, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đề ra phương châm đấu tranh ba vùng, đồng thời phát động phong trào vũ trang tuyên truyền, vũ trang tự vệ trong toàn tỉnh:

- Đối với vùng cao và các vùng xa địch, thì kiên quyết tẩy chay bầu cử, vận động nhân dân không đi bỏ phiếu, đồng thời chuẩn bị lực lượng để nếu địch ra mặt khống bố thì lãnh đạo nhân dân nổi dậy lật đổ ngụy quyền, thành lập chính quyền nhân dân, phát động chiến tranh du kích, kiên quyết bảo vệ chính quyền cách mạng.

- Đối với vùng thấp thì tăng cường đấu tranh chính trị, có lực lượng vũ trang hỗ trợ diệt ác, tạo điều kiện cho nhân dân phá tan cuộc bầu cử tại các thị xã, quận lỵ.

- Đối với vùng đồng bằng, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, lãnh đạo nhân dân nếu phải đi bầu cử thì bỏ phiếu trắng, đồng thời kiên quyết vạch mặt bọn ác ôn, đòi tự do bầu cử, chấm dứt khủng bố, đòi tự do đi lại làm ăn, cứu tế cho nhân dân.

Tỉnh ủy còn nhấn mạnh: Không loại trừ khả năng sử dụng các tổ vũ trang diệt ác, tấn công các trụ sở bầu cử, tịch thu thùng phiếu, nổ súng gây rối, tạo điều kiện cho nhân dân tẩy chay bầu cử<sup>(1)</sup>.

Chủ trương của Tỉnh ủy Quảng Ngãi được Khu ủy Khu V nhất trí. Nghị quyết 15 của Trung ương và chủ trương trên đây của Tỉnh ủy Quảng Ngãi được phổ biến, học tập sâu rộng đến cơ sở, làm bùng lên khí thế cách mạng, sẵn sàng đứng lên tiến hành cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền của đồng bào các dân tộc ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi. Tình hình ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi biến chuyển mau lẹ. Tỉnh ủy Quảng Ngãi và Ban Cán sự miền Tây đưa đơn vị 339 và các nhóm vũ trang tự vệ xuống các vùng xung yếu hoạt động, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy đồng thời gấp rút thành lập đơn vị vũ trang tập trung thứ hai, lấy phiên hiệu 89 và chuẩn bị lập đơn vị vũ trang thứ ba với phiên hiệu 229<sup>(2)</sup>. Tình hình hết sức khẩn trương và mau lẹ đòi hỏi sự chỉ đạo của Tỉnh ủy phải kịp thời, sát sao. Ngày 25.8.1959, Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi chủ trương: Tìm đủ mọi cách tổ chức cho nhân dân tránh né không đi bầu cử và tránh xô xát với địch, chờ cơ hội chuẩn bị đầy đủ hơn cho cuộc khởi nghĩa vũ trang rộng lớn. Nếu địch khủng bố thì

---

<sup>(1)</sup> *Tìm hiểu phong trào Đồng khởi ở miền Nam*, sđd, tr. 169.

<sup>(2)</sup> *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)*, tập I, sđd, tr. 55.

kiên quyết lãnh đạo nhân dân đánh trả để bảo vệ cán bộ, bảo vệ cơ sở, giữ vững khí thế của quần chúng. Riêng đối với Khu II, vùng trung tâm căn cứ, thì bất luận thế nào cũng không cho địch xâm nhập và phải trừng trị ngay từ khi chúng mới đặt chân đến<sup>(1)</sup>.

Nhờ chủ động tích cực chuẩn bị về mọi mặt nên đến cuối tháng 8 năm 1959, Trà Bồng đã có tổ chức Đảng ở cơ sở và huyện, có lực lượng chính trị mạnh, có tự vệ du kích rộng khắp, có bộ đội địa phương và có kế hoạch sẵn sàng khởi nghĩa. Đó là những điều quan trọng cho phép nhân dân Trà Bồng tiến hành cuộc khởi nghĩa từng phần. Ngày 28.8.1959, nhân việc tẩy chay cuộc bầu cử Quốc hội bù nhìn của Mỹ - Diệm, 16.000 đồng bào các dân tộc huyện Trà Bồng dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy và Tỉnh ủy, được đơn vị vũ trang 339 của tỉnh hỗ trợ đã nỗi dậy đánh đổ chính quyền địch, xây dựng quyền làm chủ của mình. Từ vùng cao Trà Bồng, cuộc khởi nghĩa lan nhanh đến các huyện miền Tây Quảng Ngãi. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là một cuộc khởi nghĩa toàn dân, thu hút đông đảo nhân dân các dân tộc tham gia. Phụ nữ, trẻ em tham gia vào mạng lưới truyền tin, tiếp tế, phá đường. Một số những người Cor làm trong bộ máy ngụy quyền cũng tham gia vào cuộc khởi nghĩa. Cuộc khởi nghĩa diễn ra nhanh trên một địa bàn rộng bằng những phương thức đấu tranh thích hợp với điều kiện của địa phương: kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, nỗi dậy của quần chúng với các mũi tiến công của lực lượng vũ trang; kết hợp khởi nghĩa giành chính quyền với đấu tranh bảo vệ chính quyền, bảo vệ thành quả của cuộc khởi nghĩa. Cuộc khởi nghĩa mau giành được thắng lợi. Ngày 3.9.1959, tại Gò Rô, nhân dân xã Trà Phong, huyện Trà Bồng đã mở đại hội bầu ra

---

<sup>(1)</sup> *Tìm hiểu phong trào Đồng khởi ở miền Nam*, sđd, tr. 172 - 173.

Ủy ban nhân dân tự quản, gồm 5 người, trong đó có một phụ nữ người dân tộc Cor, do một già làng làm Chủ tịch. Sau đó, 16 xã vùng cao cũng đã bầu ra Ủy ban nhân dân tự quản.

Nhận thức rõ cuộc đấu tranh để bảo vệ, duy trì và phát triển thắng lợi của cuộc khởi nghĩa là gay go, quyết liệt, ngày 6.9.1959, Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Cán sự miền Tây và các đồng chí lãnh đạo địa phương họp để đề ra những biện pháp củng cố và phát triển thành quả của cuộc khởi nghĩa và sẵn sàng đánh bại các cuộc càn quét, khủng bố của địch. Đúng như dự đoán của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, từ ngày 7.9.1959, Mỹ - Diệm đã huy động một lực lượng lớn, từ 4 mặt tiến công vào Trà Bồng và vùng cao Sơn Hà nhằm nhanh chóng tiêu diệt các lực lượng vũ trang khởi nghĩa. Cuộc chiến đấu của nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi nhằm chống địch càn quét, chiếm đóng, bảo vệ thành quả của cuộc khởi nghĩa đã diễn ra gay go, quyết liệt và kéo dài đến cuối năm 1959. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, nhân dân Trà Bồng tiếp tục vận dụng ba mặt đấu tranh: quân sự, chính trị và binh vận để đánh bại cuộc càn quét, chiếm đóng này. Trước tinh thần chiến đấu kiên cường của quân dân Quảng Ngãi, địch phải rút một số đồn bốt nằm sâu trong vùng căn cứ của ta, 40 xã thuộc các huyện miền Tây Quảng Ngãi được giải phóng.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi gắn liền với quá trình Tỉnh ủy Quảng Ngãi vận dụng sáng tạo quan điểm bạo lực cách mạng của Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương, để đề ra phương thức đấu tranh thích hợp. Từ việc sớm sử dụng tốt các hình thức vũ trang tự vệ, phát huy các tập quán tự vệ của nhân dân các dân tộc, để làm hậu thuẫn cho đấu tranh chính trị đến việc kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, thực hiện ba mặt đấu tranh: quân sự,

chính trị, binh vận trong khởi nghĩa giành chính quyền, cũng như trong cuộc chiến đấu chống địch càn quét, khẩn bối bảo vệ thành quả của cuộc khởi nghĩa, đó là quá trình tìm tòi, vận dụng và phát triển phương thức đấu tranh cách mạng chống Mỹ - Diệm của Tỉnh ủy Quảng Ngãi từ 1954 - 1959.

Chủ động, sáng tạo trong quá trình vận dụng Nghị quyết, quan điểm của Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương, để đề ra phương thức đấu tranh thích hợp và đưa phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi vượt qua giai đoạn khó khăn nhất (1954 - 1959), đó là một trong những ưu điểm, thành công nổi bật của Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Đó cũng còn là một trong những bài học không những có giá trị trong quá khứ, mà còn rất bổ ích đối với Tỉnh ủy Quảng Ngãi trong sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay.

**NHỮNG DẤU SON CỦA CÁCH MẠNG QUẢNG NGÃI,  
TỪ KINH NGHIỆM VÀ Ý NGHĨA CỦA KHỞI NGHĨA  
TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI ĐẾN  
CUỘC TỔNG TẤN CÔNG VÀ NỔI DẬY  
MÙA XUÂN NĂM 1975**

**NGUYỄN VĂN NHẬT\***

**D**ến nay đã có nhiều công trình và cùng với nó là những nhận xét, đánh giá về ý nghĩa lớn lao của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi tháng 8 năm 1959. Có thể tụt chung lại bằng lời nhận xét của đồng chí Võ Chí Công, Bí thư Khu ủy Khu V như sau: “Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã nổ ra kịp thời, có chuẩn bị, có lãnh đạo và chỉ huy chặt chẽ, đi đúng đường lối cách mạng... Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi mở đầu trang sử đấu tranh chính trị và vũ trang song song, là đỉnh cao nhất của phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi lúc bấy giờ.... Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng có giá trị lớn vì đã cung cấp được nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc vận dụng Nghị quyết 15 không chỉ ở Quảng Ngãi mà ở trong toàn Khu<sup>(1)</sup>

Như vậy, ý nghĩa lớn nhất của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là mở đầu trang sử đấu tranh chính trị và

---

\* Phó giáo sư, Tiến sĩ, Viện Sử học.

<sup>(1)</sup> Bài phát biểu tại Hội nghị sơ kết cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và tổng kết tình hình đấu tranh 1954-1960 của Quảng Ngãi, tháng 2 năm 1962. Theo *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975*, tập II. Nxb. Chính trị quốc gia H, 1996, tr.253.

vũ trang song song và cuộc khởi nghĩa này đã cung cấp nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc vận dụng Nghị quyết 15 không chỉ cho tỉnh Quảng Ngãi mà cho cả Khu V trong những thời kỳ tiếp theo của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Như chúng ta đã biết, đường lối cách mạng miền Nam mà Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng nêu ra là: “Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân”.

Từ kết quả và qua kinh nghiệm của khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, phong trào cách mạng miền Nam chuyển sang thời kỳ mới: thời kỳ “đồng khởi” trên toàn miền Nam, thời kỳ cách mạng miền Nam chuyển sang thế tiến công, phát triển ra khắp miền với sự kết hợp của hai hình thức đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự.

Đối với Khu V và Quảng Ngãi, thắng lợi của khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã chứng minh sự lãnh đạo kịp thời, đúng đắn và sáng tạo của Tỉnh uỷ nói riêng, của Khu ủy Khu V nói chung.

Đường lối sáng tạo và đúng đắn đó đã được Tỉnh uỷ phát huy trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và với truyền thống cách mạng vốn có được thử thách từ khởi nghĩa Ba Tơ tháng 3 năm 1945, đến khởi nghĩa Trà Bồng tháng 8 năm 1959, nhân dân Quảng Ngãi đã liên tiếp lập được chiến công, ghi nhiều dấu son trong lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của dân tộc.

Từ thực tế đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, chúng

ta có thể rút ra ba dấu ấn mang tính đặc trưng của cách mạng Quảng Ngãi là: Liên tục nổi dậy giành quyền làm chủ từ miền núi đến đồng bằng; Chú trọng đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang, kết hợp chặt chẽ giữa nổi dậy của quần chúng với tiến công quân sự; Coi trọng đoàn kết giữa các dân tộc, xây dựng vững chắc căn cứ địa cách mạng miền núi. Những đặc trưng này thể hiện sự sáng tạo của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi, và đó cũng là những đường lối mang tính chiến lược của cách mạng miền Nam trong suốt thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta.

### ***1. Liên tục nổi dậy giành quyền làm chủ từ miền núi đến đồng bằng***

Từ thực tế lịch sử, chúng ta có thể khẳng định rằng: Quảng Ngãi là một trong những tỉnh có phong trào nổi dậy liên tục, mạnh mẽ và đều khắp trong suốt chiều dài lịch kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Ngay trong phong trào “Đồng khởi” 1959-1960 của quân và dân miền Nam, ngọn lửa cách mạng Trà Bồng và các huyện miền Tây Quảng Ngãi tháng 8 năm 1959 đã nhanh chóng lan xuống các tỉnh đồng bằng. Đồng bào các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ... đã liên tiếp nổi dậy đấu tranh chống địch khủng bố, tổ cộng, phản đối luật phát xít 10/59, chống địch thu hồi công điền và cướp đoạt ruộng đất của nông dân. Nhân dân thị xã Quảng Ngãi đấu tranh chống bắt lính, đôn quân, chống thuế, phản đối sự đàn áp của chính quyền Ngô Đình Diệm...

Đến cuối năm 1960, vùng giải phóng của tỉnh Quảng Ngãi được mở rộng với 52 xã ở miền Tây, bao gồm 19 xã thuộc huyện Trà Bồng, 16 xã thuộc huyện Sơn Hà, 13 xã thuộc huyện Ba Tơ và 4 xã thuộc huyện Minh Long.

Trên cơ sở thắng lợi của phong trào khởi nghĩa ở miền núi và việc mở rộng vùng giải phóng, tháng 11 năm 1960, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi họp quyết định phát động khởi nghĩa vũ trang ở đồng bằng, giành quyền làm chủ ở các huyện này.

Từ năm 1961, thực hiện chiến lược "chiến tranh đặc biệt" mà xương sống của nó là quốc sách "áp chiến lược", Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm xây dựng tỉnh Quảng Ngãi thành "Đặc khu quân sự" trực thuộc Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn và chọn Quảng Ngãi là một tỉnh trọng điểm xây dựng "áp chiến lược".

Trước tình hình đó, vào tháng 3 và tháng 6 năm 1961, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đã họp Hội nghị triển khai Nghị quyết của Khu uỷ Khu V về việc tiếp tục đẩy mạnh củng cố, xây dựng miền núi thành căn cứ địa cách mạng, giành lại nông thôn, đồng bằng. Hội nghị phát động toàn Đảng, toàn dân nổi dậy phá áp chiến lược, diệt ác, phá kìm, giành quyền làm chủ; đẩy mạnh đồng khởi, mở rộng vùng giải phóng ở đồng bằng, củng cố căn cứ địa miền núi.

Đến cuối năm 1961, vùng giải phóng Quảng Ngãi mở rộng tới 60 xã, hình thành một vùng căn cứ liên hoàn từ Trà Bồng qua Sơn Hà đến Ba Tơ, trong đó cả huyện Sơn Hà được giải phóng. Tại các huyện đồng bằng, vùng giải phóng bao gồm 8 xã thuộc Tây Bình Sơn, Tây Sơn Tịnh và 2 xã thuộc huyện Nghĩa Hành.

Tháng 12 năm 1961, trên đà thắng lợi của phong trào nổi dậy, Hội nghị Thường vụ Tỉnh uỷ mở rộng đã ra nghị quyết nêu rõ: "Kiên quyết giành lại nông thôn đồng bằng" bằng việc kết hợp chặt chẽ "hai chân, ba mũi". Với chủ trương trên, Quảng Ngãi là tỉnh đầu tiên trong Khu V thực hiện việc tiến xuống đồng bằng, dẫn tới cuộc đồng khởi ở đồng bằng lần thứ nhất năm 1962. Tháng 2 năm 1962, tại Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi tiếp tục đề ra mục tiêu: "Giành lại nông thôn đồng bằng, mở rộng căn cứ".

Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ, mặc dù địch đánh phá ác liệt trong chiến dịch bình định, lập ấp chiến lược, đến cuối năm 1962, hơn 200.000 lượt quần chúng nhân dân ở các huyện đồng bằng đã nổi dậy diệt ác, phá kìm, đập tan chính quyền địch ở 136 thôn của 28 xã, giải phóng 151.220 dân, trong đó huyện Đức Phổ là huyện có phong trào nổi dậy mạnh mẽ nhất trong năm 1962.

Sang năm 1963, thực hiện Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 9 (12-1963) về việc "kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang" và Nghị quyết của Khu uỷ về nhiệm vụ mấu chốt của Khu trong năm 1964-1965 là "phát triển phong trào giành dân, giải phóng và làm chủ nông thôn đồng bằng", Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (tháng 4 năm 1964) chủ trương đẩy mạnh phong trào phá ấp chiến lược, phá thế kìm kẹp, giành dân ở đồng bằng. Từ quyết tâm trên, Hội nghị chủ trương phát động nhân dân nổi dậy ở đồng bằng lần thứ hai, từ tháng 7 đến hết năm 1964.

Trên mặt trận đấu tranh chính trị, từ ngọn cờ đầu ở Đức Phổ (xã 223 - Phố Hiệp), nhiều cuộc biểu tình của nhân dân đấu tranh trực diện với địch diễn ra đều khắp, mạnh mẽ. Trong năm 1964 có hơn 1 triệu lượt người tham gia, đặc biệt trong tháng 7 năm 1964 có 4 cuộc nhập thị lớn vào thị xã Quảng Ngãi và 15 cuộc nhập thị vào các huyện lỵ với hơn 200 nghìn người tham gia<sup>(1)</sup>.

Được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, cuộc nổi dậy ở đồng bằng lần thứ hai của quân và dân Quảng Ngãi đã phá banh 202 ấp chiến lược, giải phóng 334.500 đồng bào khỏi ách kìm kẹp của Mỹ-nghỵ, mở rộng vùng giải phóng từ vùng giáp ranh miền núi đến sát ven biển, làm chủ 177 thôn với 278.570 dân<sup>(2)</sup>.

---

<sup>(1)</sup> <sup>(2)</sup> Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945-1975)*. Nxb. Chính trị quốc gia, H., 1999, tr, 206, 207.

Tháng 1 năm 1965, Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ hai tiếp tục hạ quyết tâm "giải phóng toàn bộ vùng nông thôn (cả đồng bằng và miền núi), bao vây thị xã và thị trấn, tiến đến giải phóng toàn tỉnh, xây dựng Quảng Ngãi thành hậu phương vững chắc<sup>(1)</sup>. Điển hình cho hoạt động quân sự và nổi dậy của quân dân Quảng Ngãi là chiến thắng Ba Gia - một chiến thắng có ý nghĩa to lớn, góp phần cùng quân và dân miền Nam đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ. Tính đến năm 1965, ở đồng bằng Quảng Ngãi ta đã giải phóng và làm chủ 29 xã, 90 thôn với gần 443.665 dân. Nếu tính cả số dân được giải phóng ở miền núi (76.840 người), thì số dân vùng giải phóng và làm chủ lên tới hơn 520.500 người. Đây là thời kỳ làm chủ, giành dân cao nhất ở Quảng Ngãi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước<sup>(2)</sup>.

Từ giữa năm 1965, đế quốc Mỹ đưa quân đội Mỹ và chư hầu vào miền Nam, tiến hành cuộc chiến tranh cục bộ, gây cho cách mạng miền Nam nhiều khó khăn. Mặc dù vậy, quân và dân Quảng Ngãi liên tục đấu tranh, chống địch càn quét, giữ vững vùng giải phóng và vùng căn cứ cách mạng của tỉnh. Chiến thắng Vạn Tường ngày 18 tháng 8 năm 1965 của quân và dân Quảng Ngãi đã thúc đẩy cao trào đấu tranh chính trị, vũ trang và binh vận ở Quảng Ngãi tiến lên bước mới.

Trong cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, với truyền thống nổi dậy giành quyền làm chủ, hàng nghìn người dân Quảng Ngãi đã kéo vào các đô thị đấu tranh với địch và đánh chiếm các quận lỵ. Điển hình là cuộc đấu tranh của hơn 15.000 nhân dân thị xã Quảng Ngãi và vùng lân cận, 7.000 người

---

<sup>(1)(2)</sup> Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi. sđd, tr.212,221.

ở quận Tư Nghĩa, 5.000 người ở quận Mộ Đức, 2.000 ở quận Nghĩa Hành, v.v...

Từ năm 1969, sau khi bị thất bại trong chiến lược "chiến tranh cục bộ" đế quốc Mỹ thực hiện chính sách "Việt Nam hoá chiến tranh" thâm độc và tàn bạo. Mặc dù cuộc chiến tranh "giành dân" của Mỹ đã gây cho cách mạng nhiều khó khăn, song Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi đã vượt qua khó khăn, giữ vững cơ sở và phong trào cách mạng trong tỉnh. Nhân dân ở các huyện lỵ, thị xã và các vùng lân cận đã tham gia tích cực vào cuộc tiến công chiến lược năm 1972, tiêu diệt và làm thiệt hại nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch.

Trong cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Mùa Xuân năm 1975, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi luôn coi trọng vấn đề khởi nghĩa của quần chúng nhân dân. Trong Chỉ thị ngày 23-3-1975, Tỉnh uỷ nhấn mạnh: "Đẩy mạnh công kích và khởi nghĩa toàn tỉnh, đánh đổ toàn bộ địch, giải phóng toàn bộ nông thôn, giải phóng thị trấn, thị xã, giành chính quyền về tay nhân dân, hoàn thành nhiệm vụ lịch sử giải phóng tỉnh"<sup>(1)</sup>.

Nhờ truyền thống cách mạng và sự chỉ đạo kịp thời của Tỉnh uỷ, chỉ trong vòng 1 ngày từ 7 giờ 40 phút đến 20 giờ ngày 24 tháng 3 năm 1975, quân và dân Quảng Ngãi đã liên tục tấn công và nổi dậy, làm tan rã toàn bộ nguy quân, nguy quyền, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân. Quảng Ngãi là tỉnh thứ hai của Khu V được giải phóng sau tỉnh Quảng Nam.

Như vậy, từ thực tế đấu tranh chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Quảng Ngãi, chúng ta có thể khẳng định rằng: Phát huy tinh thần và kinh nghiệm của khởi nghĩa Trà Bồng, Quảng Ngãi là

---

<sup>(1)</sup> Như trên, tr. 438,

một trong những tỉnh ở miền Nam có phong trào nổi dậy diễn ra liên tục, đều khắp trong suốt chiều dài của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhất là trong những năm từ 1959 đến năm 1965. Đây có thể coi là một trong những nét đặc trưng nhất trong lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi.

## **2. Tích cực xây dựng lực lượng vũ trang, kết hợp chặt chẽ đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị giành chính quyền về tay nhân dân**

Như chúng ta đã biết, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Khu V nói chung và Quảng Ngãi nói riêng là một trong những căn cứ địa cách mạng của cả nước. Trong cuộc vận động Cách mạng tháng Tám, Đảng bộ Quảng Ngãi lãnh đạo thành công cuộc khởi nghĩa Ba Tơ lịch sử, và trên cơ sở đó, Đội du kích Ba Tơ - tiền thân của lực lượng vũ trang miền Nam Trung Bộ, lực lượng nòng cốt trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 trên quê hương Quảng Ngãi và miền Nam Trung Bộ đã được thành lập.

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, với tinh thần cách mạng tiến công, với ý chí tự lực, tự cường và với truyền thống Ba Tơ quật khởi, quân và dân Quảng Ngãi đã đánh thắng mọi âm mưu lấn chiếm và đánh phá của địch, bảo vệ vững chắc vùng tự do, cung cấp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Quảng Ngãi và các tỉnh Liên khu V.

Bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhờ sớm xây dựng lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, nhân dân Quảng Ngãi đã làm nên cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và các huyện miền Tây, lật đổ chính quyền tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập chính quyền cách mạng ở cơ sở trên vùng giải phóng rộng lớn ở miền Tây của tỉnh.

Từ thực tế sáng tạo và qua kinh nghiệm rút ra từ khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, Đảng bộ tỉnh luôn chăm lo việc xây dựng lực lượng vũ trang và kết hợp có hiệu quả giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị giành quyền làm chủ, tiến tới giải phóng quê hương, đất nước.

Ngay từ năm 1956, trước sự đàm áp khốc liệt của kẻ thù và với truyền thống đấu tranh cách mạng vốn có cũng như căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đã có chủ trương khôi phục lực lượng vũ trang, song chủ trương trên chưa được Khu và Trung ương đồng ý. Tháng 5 năm 1957, Hội nghị Tỉnh uỷ quyết định bắt đầu tổ chức các đội vũ trang công tác ở 3 huyện miền núi để tiến tới xây dựng lực lượng vũ trang. Tiếp đó, tháng 2 năm 1958, Tỉnh uỷ đã họp tại Trà Bồng bàn vấn đề chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang và việc xây dựng lực lượng vũ trang được bàn cụ thể trong Hội nghị Tỉnh uỷ ngày 20 tháng 5 năm 1958.

Việc xây dựng lực lượng vũ trang và khởi nghĩa vũ trang đã được chính thức hoá trong Đại hội Đại biểu nhân dân các dân tộc miền Tây ngày 7 tháng 7 năm 1958 với lời kêu gọi toàn dân tham gia lực lượng vũ trang, luyện tập quân sự, sắm sửa vũ khí, sẵn sàng nổi dậy giành chính quyền. Ngày 19 tháng 12 năm 1958, đội vũ trang huyện Bình Sơn - đội vũ trang đầu tiên được thành lập, và tiếp đó các đội vũ trang lần lượt được thành lập ở các huyện Sơn Tịnh, Đức Phổ ...

Sau khi Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng được phổ biến tới địa phương, việc xây dựng lực lượng vũ trang được hợp thức hoá và ngay sau đó, ngày 3 tháng 3 năm 1959, đơn vị vũ trang tập trung đầu tiên của Quảng Ngãi được thành lập với phiên hiệu 339 gồm 33 cán bộ, chiến sĩ và ngày hôm sau, số cán bộ, chiến sĩ

đã tăng lên tới 43 người. Ngày 19 tháng 8 năm 1959, đơn vị vũ trang tập trung thứ hai của tỉnh được thành lập gồm 36 cán bộ, chiến sĩ (phiên hiệu 89). Khi cuộc khởi nghĩa Trà Bồng nổ ra, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi thành lập thêm đơn vị vũ trang thứ 3 phiên hiệu 229, và cuối năm 1959, hai đơn vị vũ trang nữa được thành lập với phiên hiệu V.9 và V.12. Và như chúng ta đã biết, thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là kết quả của sự kết hợp giữa tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng, là kết quả của quá trình xây dựng lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị của nhân dân.

Từ kinh nghiệm và thực tiễn đó, việc xây dựng lực lượng vũ trang và kết hợp giữa đấu tranh vũ trang với nổi dậy của quần chúng được Đảng bộ Quảng Ngãi quán triệt và thực hiện một cách hài hoà và linh hoạt. Tính đến năm 1972, toàn tỉnh Quảng Ngãi đã xây dựng được 160 đại đội vũ trang với hơn 18.000 người, lực lượng vũ trang tỉnh được biên chế thành cấp tiểu đoàn, các huyện đều xây dựng từ 1 đến 2 đại đội tập trung<sup>(1)</sup>. Riêng huyện Mộ Đức, đại đội nữ tập trung mang tên Lê Thị Hồng Gấm đã được thành lập. Các cơ quan tỉnh đội, huyện đội, xã đội được xây dựng và kiện toàn. Về lực lượng du kích, đến giữa năm 1970, toàn tỉnh Quảng Ngãi có 9.283 du kích, trong đó ở đồng bằng có 3.517 người và ở miền núi có 5.763 người<sup>(2)</sup>. Kết quả của sự phối hợp giữa hai lực lượng chính trị và vũ trang, đánh địch trên cả 3 vùng chiến lược đã tạo điều kiện cho phong trào đồng khởi giải phóng nông thôn đồng bằng (1961-1965); phong trào phá ấp chiến lược, xây dựng vành đai diệt Mỹ và thắng Mỹ (1965-1968); đánh tan âm mưu và chính sách bình định nông thôn có trọng điểm của địch (1969-1972), xây dựng chính quyền cách

---

<sup>(1)</sup><sup>(2)</sup> Như trên, tr. 383, 343.

mạng, tiến tới cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, giải phóng quê hương đất nước. Những chiến công của quân và dân Quảng Ngãi trong phong trào nổi dậy giải phóng đồng bằng trong những năm 1961-1965, chiến thắng Ba Gia, Vạn Tường (1965), chiến thắng giải phóng Ba Tơ (1972), giải phóng Minh Long, Sông Hre (1974), không khí quật khởi trong những ngày ra quân thần tốc giải phóng quê hương tháng 4 năm 1975 không chỉ là niềm tự hào của nhân dân Quảng Ngãi mà còn là dấu son trong trang sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta.

### *3. Chú trọng xây dựng khối đoàn kết giữa các dân tộc, xây dựng căn cứ địa ở miền núi - chỗ dựa vững chắc cho cách mạng Quảng Ngãi và Khu V*

Như chúng ta đã biết, Quảng Ngãi là tỉnh có nhiều dân tộc sinh sống, do vậy nhận thức và thực hiện đúng chính sách đoàn kết giữa các dân tộc là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt. Quảng Ngãi có vùng núi rộng lớn chiếm gần 2/3 diện tích của tỉnh bao gồm 4 huyện Trà Bồng, Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ. Miền Tây Quảng Ngãi là nơi sinh sống chủ yếu của các dân tộc Hrê, Cor, Xơ Đăng và Kinh. Khi thực dân Pháp đặt ách thống trị lên vùng đất này, nhân dân các dân tộc vùng cao Quảng Ngãi đã sớm đoàn kết đấu tranh chống ngoại xâm. . Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của Đinh Đoàn, Đinh Đàm năm 1890, của Đinh Ó năm 1915 tại Ba Tơ; cuộc khởi nghĩa của đồng bào Hrê kéo dài 12 năm (1900-1912) tại Minh Long; cuộc tấn công quận lỵ Trà Bồng năm 1938 và năm 1942; trận đánh Gò Rô nổi tiếng năm 1939; cuộc đấu tranh của đồng bào Xơ Đăng dưới sự chỉ huy của Cà Reo năm 1935-1936. Đáng chú ý là sự tham gia của nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi vào phong trào “Nước Xu Đỏ” mà nội dung chủ yếu là chống xâu, chống thuế nổ ra suốt hai năm trời trên

khắp rừng núi Tây Nguyên. Phong trào lan rộng sang đồng bào Cor ở Trà Bồng và phát triển thành cuộc nổi dậy của nhân dân trong huyện, tấn công quận lỵ, đốt phá nhà lao, diệt những tên tay sai của địch.

Đỉnh cao của phong trào đấu tranh của nhân dân các dân tộc vùng cao Quảng Ngãi trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp và phát xít Nhật là cuộc khởi nghĩa Ba Tơ ngày 11 tháng 3 năm 1945 và tiếp đó là cuộc khởi nghĩa Trà Bồng ngày 28 tháng 8 năm 1959 mở đầu cho cuộc nổi dậy vũ trang chống Mỹ cứu nước trên toàn miền Nam.

Có thể nói việc coi trọng công tác miền núi, coi trọng chính sách đoàn kết dân tộc là quan điểm nhất quán và xuyên suốt của Đảng bộ Quảng Ngãi trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Và việc thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng bộ Quảng Ngãi gắn chặt với việc đẩy mạnh xây dựng căn cứ địa cách mạng ở miền núi.

Ngay từ tháng 2 năm 1958, thực hiện chủ trương của Khu ủy Khu V, cuộc họp của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi tại huyện vùng cao Trà Bồng bàn vấn đề chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang đã quyết định đẩy mạnh xây dựng căn cứ ở miền núi, và nhất là trong Hội nghị Tỉnh uỷ ngày 20 tháng 5 năm 1958 cụ thể hoá kế hoạch xây dựng căn cứ địa, Hội nghị quyết định chia miền Tây Quảng Ngãi thành 8 khu để xây dựng thành căn cứ địa cách mạng của tỉnh.

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng căn cứ địa, tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, ngày 22 tháng 6 năm 1958, cuộc họp cán bộ toàn miền Tây tại làng Búp, Trà Phong, Trà Bồng để triển khai tinh thần của Hội nghị Tỉnh uỷ. Đặc biệt một sự kiện có ý nghĩa lớn đối cách mạng Quảng Ngãi là Đại hội đại biểu nhân dân các dân tộc miền Tây được tổ chức ngày 7 tháng 7 năm 1958 tại Gò Rô, Trà Phong, Trà Bồng bàn về việc

đoàn kết dân tộc, chuẩn bị đánh Mỹ. Hơn 200 đại biểu đại diện cho các dân tộc Cor, Hrê, Cà Dong và Kinh đã đồng tâm nhất trí kêu gọi các dân tộc đoàn kết xung quanh Bác Hồ, đồng tâm hiệp sức đánh đổ Mỹ - Diệm. Đại diện lãnh đạo tỉnh đã trao cho Đại hội lá cờ mang dòng chữ "Suốt đời đi theo Bác Hồ làm cách mạng". Đây được coi là "Hội nghị Diên Hồng" chống Mỹ cứu nước của nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi và cũng là biểu hiện sự năng động, sáng tạo của Đảng bộ Quảng Ngãi trong những năm gay go, khốc liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi tháng 8 năm 1959 chứng minh sự đúng đắn và sáng tạo của Đảng bộ Quảng Ngãi trong việc thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc và xây dựng căn cứ địa cách mạng. Sau khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, một vùng căn cứ rộng lớn gồm 52 xã ở các huyện miền núi Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long được xây dựng liên hoàn và vững chắc. Liên tục trong các kỳ đại hội, Tỉnh ủy Quảng Ngãi luôn coi trọng việc xây dựng và củng cố căn cứ địa, coi căn cứ địa là hậu phương của cuộc kháng chiến, là cơ sở để xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng.

Tại căn cứ địa cách mạng miền Tây, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc đẩy mạnh tăng gia sản xuất, phát triển văn hoá, giáo dục. Trong suốt những năm tháng chống Mỹ, căn cứ địa cách mạng Quảng Ngãi không chỉ là nơi đóng của các cơ quan đầu não của tỉnh và khu V, mà còn là nơi cung cấp nhân lực, vật lực cho cuộc kháng chiến của tỉnh và của khu.

Tuy vậy, việc xây dựng và bảo vệ vùng căn cứ cách mạng Quảng Ngãi là một quá trình đấu tranh gay go, quyết liệt. Sau Đồng khởi năm 1960, vùng giải phóng miền Tây Quảng Ngãi có

52 xã (bao gồm 19 xã thuộc huyện Thu Bồn, 16 xã thuộc huyện Sơn Hà, 13 xã huyện Ba Tơ và 4 xã huyện Minh Long). Từ năm 1961, để thực hiện chương trình “Bình định nông thôn”, Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm xây dựng tỉnh Quảng Ngãi thành “đặc khu quân sự” và chọn Quảng Ngãi là trọng điểm để xây dựng “áp chiến lược”. Mặc dù gặp khó khăn như vậy, song lực lượng cách mạng Quảng Ngãi vẫn phát triển và đến cuối 1961, vùng giải phóng không những không bị thu hẹp mà còn mở rộng tới 60 xã, trong đó cả huyện Sơn Trà được giải phóng. Chính có chỗ dựa vững chắc này, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi liên tục chỉ đạo mở các cuộc tấn công và nổi dậy giải phóng đồng bằng và đến năm 1965 số dân được giải phóng và làm chủ trong tỉnh lên tới 520.500 người.

Như vậy, từ sau khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, căn cứ địa cách mạng của tỉnh được mở rộng và củng cố. Vùng giải phóng miền Tây Quảng Ngãi đã trở thành vùng căn cứ liên hoàn, vững chắc của cách mạng Quảng Ngãi và các tỉnh Khu V. Căn cứ địa miền Tây Quảng Ngãi cũng là nơi cung cấp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến của quân và dân Quảng Ngãi nói riêng, của miền Nam Trung Bộ nói chung, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã trở thành dấu son trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta, mở đầu cho phong trào Đồng khởi trên toàn miền Nam, đưa cách mạng miền Nam sang một thời kỳ mới - thời kỳ khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.

Kinh nghiệm, sự sáng tạo và thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng đã được Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi phát huy trong suốt những năm tháng chống Mỹ cứu nước khó khăn và gian khổ. Đó là vấn đề đoàn kết giữa các dân tộc; vấn đề xây

dựng và củng cố căn cứ địa cách mạng; vấn đề kết hợp giữa đấu tranh quân sự với đấu tranh vũ trang, liên tục tấn công và nổi dậy giành chính quyền về tay nhân dân. Chính nhờ vận dụng linh hoạt và sáng tạo chủ trương và phương châm đó, trong những năm tháng khó khăn, ác liệt của cuộc kháng chiến, căn cứ địa cách mạng và vùng giải phóng miền Tây Quảng Ngãi luôn được giữ vững và mở rộng theo tình thế chung của cách mạng miền Nam. Miền Tây Quảng Ngãi luôn trở thành chỗ dựa vững chắc của cách mạng Khu V, và Quảng Ngãi đã đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ. Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi cùng với những trận thắng lịch sử Ba Gia, Vạn Tường... mãi mãi là những mốc son trong lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta.

# CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI - BƯỚC NGOẶT CHIẾN LƯỢC CỦA CÁCH MẠNG MIỀN NAM TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC

NGUYỄN CHÍ TRUNG\*

T

rước hết, tôi xin được phép bày tỏ lòng kính trọng và biết ơn mãi mãi đến đồng bào Quảng Ngãi và các đồng chí đã ở lại tại Quảng Ngãi sau Hiệp định Giơnevơ (20.7.1954). Chính thế hệ ấy cùng với một số rất ít anh chị tập kết ra Bắc trở về miền Nam đã làm nên cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi với quy mô 4 huyện, 40 xã trên một diện tích 3.600 km<sup>2</sup>, chiếm 2/3 diện tích tỉnh Quảng Ngãi là cuộc khởi nghĩa có quy mô cấp huyện đầu tiên ở miền Nam và là một trong các ngọn cờ đầu của cao trào Đồng khởi 1959 – 1960 ở miền Nam. Đó là một cuộc đột phá có tính chất chiến lược quan trọng của cách mạng miền Nam trong cuộc chống Mỹ cứu nước.

Các ý kiến phát biểu ở hội thảo này rất phong phú và đã giúp cho tôi học tập được những điều bổ ích.

Tôi xin phát biểu một vài suy nghĩ về đôi bài học rút ra từ cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi.

Trong nhiệm kỳ Khóa 8 (1996 – 2001), Bộ Chính trị đã dành một phiên họp nghiên cứu về quá trình hình thành Nghị

---

\* Thiếu tướng, Nhà văn.

quyết Trung ương 15 (Khóa II). Tại cuộc họp ấy Bộ Chính trị đã đi đến kết luận: Quá trình hình thành Nghị quyết Trung ương 15 trước hết là do công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức và nhận thức đúng về âm mưu của đế quốc Mỹ. Đó là đế quốc Mỹ đã trở thành kẻ thù chủ yếu của cách mạng Việt Nam kể từ sau Hiệp định Giơnevơ; Thứ hai là công lao đấu tranh và hy sinh xương máu của nhân dân và các Đảng bộ miền Nam bao gồm Đảng bộ Nam Bộ và Đảng bộ Khu V; Thứ ba là sự khởi thảo Đề cương *Dường lối cách mạng miền Nam* của đồng chí Lê Duẩn; Thứ tư là công lao tập thể của các đồng chí Bộ Chính trị, tập thể Ban Chấp hành Trung ương.

Từ kết luận ấy, phải chăng chúng ta có thể rút ra một số bài học về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi như sau:

*Thứ nhất là:* Mọi chủ trương đường lối của Đảng đều xuất phát từ thực tiễn. Thực tiễn là cơ sở của đường lối, là căn cứ để kiểm nghiệm đường lối, là tiền đề khách quan để phát triển đường lối. Chính thực tiễn khách quan của cuộc đấu tranh mất còn giữa Đảng ta, nhân dân ta, và Mỹ Diệm từ sau ngày 20/7/1954 là cơ sở, là tiền đề, là căn cứ để có Nghị quyết Trung ương 15. Nói rằng Nghị quyết Trung ương 15 đã làm cho nhân dân miền Nam và các Đảng bộ miền Nam “mở cờ” vì Nghị quyết ấy đã đáp ứng được nguyện vọng, lợi ích sống còn, lâu dài của nhân dân, đáp ứng được những đòi hỏi khách quan, tất yếu của tình hình sôi sục, bức bách lúc bấy giờ. Trước đó, Đảng ta đã không kịp thời nhận thức đúng tình hình miền Nam và nguyện vọng của nhân dân miền Nam. Lúc ấy, đã có chiều hướng cho rằng đấu tranh bằng phương pháp hòa bình là duy nhất đúng, thi đua hòa bình giữa hai miền là duy nhất đúng...

Khi đã không nhận thức đúng thực tiễn thì không thể nào có phương hướng đúng đắn.

Cuộc đấu tranh đòi hỏi Đảng ta nói chung và từng Đảng bộ nói riêng phải đi sâu nghiên cứu thực tiễn, hàng ngày bám sát thực tiễn, tổng kết thực tiễn, chăm chú lắng nghe ý kiến quần chúng nhân dân và cán bộ, đảng viên. Vì không phải ai khác mà chính quần chúng nhân dân và cán bộ, đảng viên là người sáng tạo ra thực tiễn.

Khi có Nghị quyết Trung ương 15, dân phấn khởi nói: “Đảng cho đánh rồi” có nghĩa là trước đó Đảng không cho hoặc chưa cho đánh. Nhân dân ta đánh giá rất cao Đề cương *Dường lối cách mạng miền Nam* và Nghị quyết Trung ương 15 (Khóa II). Nhưng ý *dân có trước, ý Đảng có sau*, điều đó cũng thường tình, có sao đâu, bởi lẽ hành động của nhân dân, nguyện vọng của nhân dân chính là thực tiễn. Chúng ta đặc biệt coi trọng vai trò quan trọng của lý luận. Nhưng thực tiễn nhiều lúc mở đường đi trước, rồi mới đến sự nhận thức thực tiễn.

Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ nổ ra khi chi bộ Ba Tơ chưa nhận được chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Trong cuộc họp chi bộ Ba Tơ để quyết định khởi nghĩa có đồng chí bắn khoăn: chúng ta chưa nhận được chỉ thị của cấp trên, chúng ta chưa bắt được liên lạc, vậy có nên khởi nghĩa không? Đồng chí bí thư chi bộ lúc ấy là đồng chí Trương Quang Giao đã có ý kiến: tình hình hiện nay đòi hỏi khởi nghĩa, khởi nghĩa thì sẽ bắt được liên lạc.

Anh Vũ Tùng Vi có lý khi nói rằng: Đề cương *Dường lối cách mạng miền Nam* của đồng chí Lê Duẩn đã củng cố thêm quan điểm bạo lực cách mạng của Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Quan điểm bạo lực cách mạng ở Quảng Ngãi đã có sẵn, nung nấu và

can trường trước khi có Đề cương *Dường lối cách mạng miền Nam*. Quan điểm bạo lực cách mạng ở Quảng Ngãi có từ truyền thống, từ ý tưởng “nếu chúng ta không trở về được bằng ngọn cờ hòa bình thì chính chúng ta sẽ trở về bằng ngọn cờ quyết chiến quyết thắng” vang vang trên khu tập kết 300 ngày làm rung động lòng người. Ban Chấp hành Trung ương (Khóa II) không phải không bất ngờ khi được tin cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi nổ ra, chỉ sau ngày có Nghị quyết Trung ương 15 một tháng rưỡi (vì Nghị quyết 15 của Trung ương mãi đến giữa năm 1959 mới vào đến Nam Bộ). Làm sao trong một tháng rưỡi mà chuẩn bị được một cuộc khởi nghĩa lùng lẫy và vĩ đại như thế?

Bài học đi sâu vào thực tiễn, bám sát thực tiễn, tổng kết thực tiễn, chăm chú lắng nghe ý kiến của quần chúng nhân dân và cán bộ đảng viên, đánh bại những tư tưởng quan liêu, trì trệ trong Đảng vẫn là bài học nóng hổi cho ngày hôm nay, khi chúng ta đang khai phá sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa nước nhà theo con đường xã hội chủ nghĩa, khi chúng ta tham gia vào nền kinh tế thế giới, hợp tác quốc tế có lợi cho ta, tích cực xâm nhập vào thị trường thế giới trong hoàn cảnh chủ nghĩa đế quốc mà kẻ cầm đầu là đế quốc Mỹ đang ráo riết thúc đẩy toàn cầu hóa theo quỹ đạo tư bản chủ nghĩa.

*Thứ hai* là từ thực tiễn mà đề ra đường lối đòi hỏi tinh thần độc lập tự chủ rất cao. Độc lập tự chủ là một chấm son chói lọi của tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ năm 1925, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói với các đồng chí Quốc tế cộng sản khi các đồng chí Quốc tế cộng sản muốn làm cách mạng giải phóng dân tộc rằng: làm như vậy là các đồng chí đánh rắn đằng đuôi. Tháng 8 năm 1945, khi các nước thuộc địa và phụ thuộc làm theo quyết định của các nước Đồng minh thì Hồ Chí Minh kêu

gọi “lấy sức ta mà giải phóng cho ta”, phải giành lấy chính quyền trước khi quân Đồng minh vào.

Những năm đầu của thập kỷ 60 thế kỷ trước, trong khi người ta hòa hoãn với Mỹ, thi đua hòa bình, sợ “một đám lửa có thể làm cháy cả cánh đồng”, thì Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đề xướng “vừa gìn giữ hòa bình vừa đẩy mạnh cách mạng”.

Chính cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã gan gốc tuyệt vời nêu cao tinh thần độc lập tự chủ.

Khi đã nhận ra chân lý, nhận ra thực tiễn, nhận ra nguyện vọng của nhân dân thì kiên quyết đột phá, mặc cho mọi sự cản trở, “không chao nghiêng dù gió giật tự phương nào”. Cho nên dù cho Nam Bộ có đơn vị cấp tiểu đoàn sớm, dù cho một số các đồng chí lãnh đạo Khu V và một số Đảng bộ dè dặt, băn khoăn, “không cho phép”, cản trở, phê phán là khởi nghĩa non, dù cho ban đầu chỉ là chống bầu cử Quốc hội của Mỹ - Diệm, dù cho có đồng chí bị kỷ luật hay không bị kỷ luật, v.v... thì cuộc Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên giá trị của nó.

Bởi lẽ khởi nghĩa thường diễn ra trong hai tình huống: chủ động tấn công và chủ động phản công. Có khi trong chủ động phản công, như khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, chỉ ước đoán được đại thể mà chưa có thể ấn định được cụ thể thời gian và địa điểm mở đầu.

Bởi lẽ, như mọi cuộc đột phá, khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi không chỉ giáng một đòn có tính chất chiến lược vào bọn Mỹ - Diệm mà còn đánh một đòn có ý nghĩa quyết định đối với những quan điểm mơ hồ, những xu hướng cơ hội hữu khuynh trong Đảng lúc bấy giờ.

*Thứ ba là: Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi* là vĩ đại, bởi chính nó là một hành động nhận thức vĩ đại, hành động nhận thức vĩ đại ấy đã nhận thức bằng hành động một cách sâu sắc nhất, gốc gác nhất, bản chất nhất chủ nghĩa đế quốc Mỹ. *Bản chất đó là Mỹ - Diệm muốn tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản ở miền Nam, bằng biện pháp bạo lực, chiến tranh một phía.* Ngày nay đế quốc Mỹ muốn làm kẻ bá chủ toàn cầu, làm kẻ lãnh đạo duy nhất toàn cầu. Điều đó đồng nghĩa là *phải tiêu diệt trên toàn cầu lực lượng cộng sản và lực lượng xã hội chủ nghĩa.* Đơn giản là thế, nôm na là thế, lật đến tận cùng gốc rễ là thế.

Qua các vụ Ngân Sơn, Chợ Được, Chiên Đàm, Cây Cốc, Vĩnh Trinh, qua những hành động “giết lâm hơn bỏ sót”, tố cộng, sám hối, ly khai, xé cờ, từ con, từ chồng, từ cha, cô lập những gia đình có người đi tập kết, qua những tổn thất khủng khiếp và đau đớn không lường trước được, có lúc ta chưa hiểu rõ cái gốc gác, cái căn nguyên, cái bản chất nhất ấy của đế quốc Mỹ.

Ngày nay, qua các hành động của Mỹ, phải chăng có lúc ta cũng chưa hiểu rõ căn nguyên, bản chất, gốc gác nhất của chính nó. Chủ nghĩa đế quốc nói chung và đế quốc Mỹ nói riêng gắn liền với chiến tranh và khủng hoảng.

Nhìn lại thế kỷ XX, lúc đó chủ nghĩa tư bản đã phát triển thành chủ nghĩa đế quốc, ngay từ năm đầu, đế quốc Anh đổ bộ lên vùng đất của người Bô E ở cực Nam châu Phi để chiếm đoạt cao su và các thứ quặng còn vùi sâu trong lòng đất. Nếu lấy năm 1999 là năm cuối cùng của thế kỷ XX, thì trong năm cuối cùng đó, ngày 25 tháng 3 Mỹ và mấy nước NATO tiến công Nam Tư. Người đương thời khó mà quên 79 ngày đêm dữ dội ấy, tiếng khóc thét của trẻ con, hình ảnh những đoàn người Nam Tư đứng trên chiếc cầu ở trung tâm thành phố để nói với

bom đạn Mỹ: Đây là Tổ Quốc của chúng ta, chúng ta sẽ cùng chết với chiếc cầu này.

Giữa hai cuộc chiến tranh mở đầu và khép đuôi của thế kỷ XX là hai cuộc đại chiến thế giới. Người ta đã tính bình quân sau khi chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc cho đến cuối thập kỷ thứ 9 của thế kỷ XX, hàng năm có 4,3 cuộc xung đột vũ trang. Trong thập kỷ cuối cùng, chỉ tính từ 1990 đến 1996, sau khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu tan rã, trong 7 năm, mỗi năm thế giới nổ ra 13 cuộc chiến tranh với qui mô khác nhau.

Còn khủng hoảng? Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 1929 – 1933, cuộc khủng hoảng mà ký ức tuổi thơ còn đọng lại một đoạn văn miêu tả: nước biển Đại Tây Dương từ màu lục biển đã biến thành màu sữa nhạt. Bởi khủng hoảng thừa, bọn tư bản độc quyền đã phải đục các lon sữa hộp xuống biển. Chỉ tính từ năm 1973 cho đến cuối thế kỷ, trong vòng hơn 25 năm, đã xảy ra tám cuộc khủng hoảng lớn. Khủng hoảng dầu lửa 1973 – 1974 và 1979 – 1982, suy thoái kinh tế năm 1981 – 1983, khủng hoảng nợ Mỹ Latinh năm 1982 – 1986, khủng hoảng thị trường chứng khoán năm 1987, khủng hoảng tiền tệ ở châu Âu năm 1992 – 1993, khủng hoảng tài chính ở Mêhicô năm 1994 và khủng hoảng tài chính – tiền tệ ở Đông Nam Á và Đông Á năm 1997.

Cuộc khủng hoảng 1997 xảy ra giữa lúc dài và báo các nước đang liên tiếp đăng những bài ngợi ca không tiếc lời những con rồng châu Á, về con đường và cách đi “kỳ diệu” của các nước này, nước nọ. Bởi thế mà cuộc khủng hoảng ấy là cuộc khủng hoảng bất ngờ nhất, ít ai dự báo được, và là cuộc khủng hoảng lớn nhất 50 năm qua, thiệt hại ước tính 2.000 tỷ USD.

Còn cái năm đầu tiên của thế kỷ XXI? Chậm hơn một chút, so với thế kỷ XX, không phải là sau 9 ngày, mà sau 9 tháng, thế kỷ XXI lại bắt đầu với một cuộc chiến tranh, mà người đương thời gọi nó bằng nhiều tên, do tầm nhìn khác nhau, ý tưởng khác nhau, lợi ích sống còn khác nhau, suy cho cùng, do đại diện cho lợi ích của những giai cấp đối kháng khác nhau. Chiến tranh trả đũa, chiến tranh chống khủng bố, chiến tranh lật đổ, chiến tranh xâm lược, chiến tranh của một liên minh “đồng sàng dị mộng”, chiến tranh nhằm để mở rộng chiến tranh, chiến tranh thực hiện quyền uy của kẻ tham vọng đóng vai siêu cường duy nhất thế giới.

Các bậc tiên tri đương đại mang tên “những nhà dự báo” là những tài năng lớn. Nhưng không một ai dự báo cái xảy ra trong năm đầu tiên của thế kỷ lại là một cuộc chiến tranh, một kiểu chiến tranh mà sức khoan, phạm vi phát quang và chiều cao của các cột khói bom hạng nặng của Mỹ đội xuồng ở Ápganixtan, không một cuộc không kích bằng vũ khí thông thường nào trước đó so sánh bằng. Tri thức, khoa học và kỹ thuật do con người tạo ra. Nhưng, quái ác thay, trong xã hội còn giai cấp và đối kháng giai cấp, cái khoa học – kỹ thuật ấy, do những lợi ích giai cấp khác nhau vừa có thể mang lại cái thiện, cái hạnh phúc vô ngần, lại có thể đem đến cái ác và quẫn quại, không hề bớt đi, ngược lại ngày càng tăng thêm cùng với khoa học – kỹ thuật.

Thế kỷ XXI dài dằng dặc này, còn hơn 90 năm nữa. Cuộc đấu tranh của loài người tìm đến hạnh phúc, mong được sống tốt đẹp và sung sướng đã và đang sinh ra những vĩ nhân, cùng vô số những con người lương thiện “lấy lòng thương người dung làm của cải”. Cùng một lúc, sự chống trả đối với cuộc chiến mất còn ấy cũng sinh ra những quái vật. Đó là chủ nghĩa đế quốc và đế quốc Mỹ, với một số ít người qua các công ty độc quyền siêu

quốc gia, chiếm hữu một phần lớn tài sản của thế giới và hưởng lợi tối đa so với những người lao động bần hàn.

Vì vậy, chiêm nghiệm lịch sử về khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, phải chăng, trong khi làm vô số cái gọi là sách lược, cần nhận ra một cách sâu sắc nhất, gốc gác nhất, *cái bản chất của đế quốc Mỹ* và cuộc đấu tranh tất yếu mất còn giữa chủ nghĩa đế quốc và độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, hạnh phúc của nhân dân, trên phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội và quân sự. Thắng thắn chỉ rõ mọi nhân tố và chiều hướng mơ hồ, ảo tưởng, mất cảnh giác về bản chất đế quốc Mỹ là vì như thế. Âu cũng là để nhớ lại lời của Nguyễn Mộng Tuân dạy vua Lê Thánh Tông: khi qua sông rồi phải nhớ nỗi lo khi chưa qua sông.

# **CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI - NGỌN CỜ ĐẦU, MỘT ĐIỂN HÌNH SÁNG TẠO VỀ SỬ DỤNG PHƯƠNG THỨC BẠO LỰC TRONG CAO TRÀO KHỞI NGHĨA TÙNG PHẦN Ở MIỀN NAM 1959-1960**

**LÊ MẬU HÂN\***

**1** Phong trào “đồng khởi” - những cuộc khởi nghĩa từng phần, giành quyền làm chủ ở cơ sở lần lượt nổ ra ở nhiều vùng rừng núi Nam Trung Bộ và đồng bằng Nam Bộ năm 1959-1960 đã đánh dấu một bước phát triển lịch sử nhảy vọt, chuyển cách mạng miền Nam sang tiến công.

Từ tháng 7.1954 trở đi, trải qua những năm tháng đấu tranh chính trị quyết liệt, bằng tay không chống lại bạo lực cực kỳ man rợ của đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm, nhân dân yêu nước ở miền Nam càng có cơ sở thực tiễn để nhận thức bức thiết rằng muốn bảo vệ được quyền sống, quyền tự do, quyền làm chủ, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng. Đó là con đường cứu nước và tự cứu mình. Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam nhằm mục đích “đánh đổ chính quyền độc tài, phát xít Mỹ - Diệm, thực hiện một chính quyền liên hiệp dân chủ có tính chất dân tộc độc lập, để giải phóng nhân dân miền Nam ra khỏi ách đế quốc và phong kiến độc tài phát xít Mỹ - Diệm để cùng với toàn quốc thực hiện hòa bình, thống nhất,

---

\* Phó giáo sư. Đại học Quốc gia Hà Nội.

độc lập dân tộc”<sup>(1)</sup>. Để tiến lên thực hiện mục đích đó, nhân dân miền Nam dưới sự lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng ở các địa phương đã dùng các hình thức đấu tranh thích hợp, đi từ đấu tranh chính trị tiến lên kết hợp với đấu tranh vũ trang tự vệ và khi tình thế cách mạng xuất hiện đã nổi dậy giành quyền làm chủ từng bộ phận, tạo lực, tạo thế để tiến lên đấu tranh bằng phương thức khởi nghĩa và chiến tranh cách mạng.

Tháng 6.1956, Bộ Chính trị Trung ương Đảng chỉ rõ, lúc bấy giờ hình thức đấu tranh của nhân dân ta trong toàn quốc là đấu tranh chính trị, không phải đấu tranh vũ trang, song không có nghĩa là tuyệt đối không dùng vũ trang tự vệ trong những hoàn cảnh nhất định hoặc không tận dụng những lực lượng vũ trang của các giáo phái chống Diệm. Bộ Chính trị chủ trương: “Cần củng cố các lực lượng vũ trang và bán vũ trang hiện có, xây dựng căn cứ làm chỗ dựa. Đồng thời xây dựng cơ sở quần chúng vững mạnh làm điều kiện căn bản để duy trì và phát triển lực lượng vũ trang”<sup>(2)</sup>.

Theo chủ trương trên của Bộ Chính trị, căn cứ vào tình hình khách quan và chủ quan của các địa phương ở miền Nam, bên cạnh việc xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng, các Đảng bộ đã tích cực vượt qua mọi khó khăn gian khổ để xây dựng các đơn vị vũ trang, xây dựng căn cứ cách mạng và tiến hành đấu tranh vũ trang cần thiết khi có điều kiện.

Ở các tỉnh miền Nam Trung Bộ, lực lượng vũ trang cách mạng được tổ chức ở những địa bàn trọng yếu để bảo vệ các cơ quan lãnh đạo cách mạng của địa phương. Và vào khoảng năm

---

<sup>(1)</sup> Đường lối cách mạng miền Nam (8-1956).. Xem *Văn kiện Đảng toàn tập - tập 17*. Nxb Chính trị quốc gia, H.2002, tr.787.

<sup>(2)</sup> *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 17. Nxb Chính trị quốc gia, H.2002, tr.228.

1958, Liên khu V đã ra sức xây dựng căn cứ cách mạng ở miền núi các tỉnh ven biển và ở vùng Tây Nguyên. Lực lượng vũ trang và bán vũ trang lần lượt được thành lập và bước đầu kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang chống lại chính sách gom dân lập ấp, phá khu tập trung của Mỹ - Diệm, để nhân dân trở về quê hương giữ quyền làm chủ buôn làng của mình.

Ở vùng rừng núi miền Nam Trung Bộ, phong trào nổi dậy của nhân dân giành quyền làm chủ buôn làng ở các mức độ khác nhau đã diễn ra ở nhiều nơi. Đó là cuộc nổi dậy của nhân dân các dân tộc Raglai, Chu Ru (Bắc Ái); của nhân dân làng Tà Lốc, Tà Lết, Hà Ri (Vĩnh Thạnh); nhân dân Chăm và Hrê (Thò Lò).

Các cuộc nổi dậy diệt ác, phá khu tập trung kéo về buôn làng cũ, tổ chức rào làng chiến đấu chống trả các cuộc bao vây, càn quét của địch, giữ quyền làm chủ của nhân dân Bắc Ái, Tà Lốc, Tà Lết, Hà Ri, Thò Lò... là những đốm lửa đầu tiên trong phong trào nổi dậy giành quyền để làm chủ từng phần nhỏ ở miền rừng núi Trường Sơn thuộc các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ, góp phần tạo tiền đề cho cuộc khởi nghĩa từng phần rộng lớn về sau ở đây.

Trong phong trào nổi dậy giành quyền làm chủ của nhân dân Nam Trung Bộ, cuộc khởi nghĩa ở Trà Bồng và các huyện ở miền Tây Quảng Ngãi là tiêu biểu nhất.

Quảng Ngãi là một tỉnh có truyền thống cách mạng rất kiên cường. Miền Tây Quảng Ngãi là một địa bàn chiến lược trọng yếu của tỉnh và cũng là nơi kẻ thù tập trung lực lượng đánh phá ác liệt. Do nhu cầu bức thiết của phong trào, bên cạnh lực lượng quần chúng, lãnh đạo Đảng ở địa phương đã sớm xây dựng lực lượng vũ trang dưới các hình thức tổ chức khác nhau ở cơ sở và

tiến lên thành lập các đơn vị vũ trang tập trung. Tháng 3.1959, đơn vị vũ trang tập trung có khoảng 40 chiến sĩ, trong đó phần lớn chiến sĩ là người Cor đã ra đời và các đơn vị khác cũng tiếp tục được thành lập về sau.

Vào giữa năm 1959, ở miền Tây Quảng Ngãi, mà trung tâm là Trà Bồng đã có một thực lực cách mạng bao gồm lực lượng chính trị quần chúng có lực lượng vũ trang tập trung làm nòng cốt do Đảng bộ địa phương tổ chức và lãnh đạo đã trải qua một quá trình rèn luyện trong đấu tranh, quyết tâm chiến đấu để giành và giữ quyền làm chủ quê hương.

Cuối tháng 8.1959, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, nhân dân Trà Bồng có lực lượng du kích làm nòng cốt, đặc biệt có đội vũ trang tập trung 339 hỗ trợ, phối hợp đã nổi dậy, xóa bỏ bộ máy chính quyền của Mỹ - Diệm ở cơ sở, trừu trị bọn ác ôn, lập chính quyền cách mạng trong nhiều thôn, xã. Từ Trà Bồng, phong trào khởi nghĩa đã nhanh chóng nổ ra ở các huyện Sơn Hà, Sơn Tây, Minh Long, Ba Tơ. Các Ủy ban tự quản của nhân dân được thành lập để thay thế bộ máy chính quyền của Mỹ - Diệm đã bị quần chúng xóa bỏ.

2. Từ thực tiễn của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và các huyện ở miền Tây Quảng Ngãi giúp chúng ta nhận diện một số vấn đề sau:

- Trà Bồng, Sơn Hà, Sơn Tây, Minh Long, Ba Tơ... là những huyện ở miền Tây Quảng Ngãi, một địa bàn quan trọng, vùng cản cứ miền Tây của tỉnh, nhân dân có truyền thống cách mạng, sớm xây dựng thực lực cách mạng của quần chúng bao gồm lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, đã trải qua cuộc chiến tranh gian khổ chống lại âm mưu tàn sát, khủng bố của kẻ thù, có quyết tâm chống lại chính quyền của Mỹ - Diệm, giành lại quyền làm chủ buôn làng, giành lại độc lập tự do. Cuộc khởi

nghĩa Trà Bồng ở đây nổ ra sớm, có qui mô tương đối lớn trên địa bàn một số tỉnh, giành thắng lợi và tiếp tục bảo vệ quyền làm chủ của mình diễn ra trong một tình thế chung của cuộc khởi nghĩa từng phần đã được chuẩn bị và nhen nhóm ở nhiều địa phương, dẫn đến cao trào đồng khởi năm 1959-1960. Vì vậy, kẻ thù không thể tập trung lực lượng để đàn áp cuộc khởi nghĩa Trà Bồng được. Nói một cách khác, cuộc khởi nghĩa ở Trà Bồng không diễn ra riêng lẻ, cô lập, mà diễn ra trong xu thế cao trào đồng khởi đang bùng phát trên nhiều vùng rộng lớn ở miền Nam. Hơn thế nữa, cuộc khởi nghĩa được chuẩn bị và nổ ra theo đúng phương hướng chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được đề cập trong nhiều văn kiện quan trọng như Nghị quyết của Bộ Chính trị từ tháng 6.1956, Đường lối cách mạng miền Nam tháng 8.1956, Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 1.1959 và nhiều ý kiến chỉ đạo khác của Bộ Chính trị, v.v... Xét về mặt lãnh đạo, đây là yếu tố quyết định thành công của khởi nghĩa Trà Bồng tháng 8.1959 và sự phát triển của cuộc khởi nghĩa thành chiến tranh cách mạng trong thời kỳ 1961-1965.

- Muốn cho cách mạng có thể nổ ra thắng lợi phải có tình thế cách mạng. Tình thế cách mạng bao giờ cũng là sản phẩm của sự kết hợp các nhân tố khách quan và chủ quan.

Từ năm 1954 trở đi, mặc dù đã dùng chiêu bài “độc lập”, “dân chủ”, “cộng hòa”, “nhân vị” với các biện pháp chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa của chủ nghĩa thực dân mới, song Mỹ - Diệm không thể lừa bịp được nhân dân miền Nam. Vì thế chúng đã dùng đến bạo lực phản cách mạng để thống trị nhân dân miền Nam. Năm 1959, Ngô Đình Diệm tuyên bố đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh, huy động hàng sư đoàn quân mở các cuộc càn quét vào các vùng căn cứ cách mạng ở Nam Bộ, miền Tây

Khu V, Tây Nguyên; ban hành luật 10/59, lê máy chém đi khắp miền Nam để chặt đầu những người cách mạng. Điều này nói lên rằng chế độ chính trị hà khắc của Mỹ - Diệm ở miền Nam không thể tồn tại được nữa. Đây là một thất bại cơ bản về chính trị của chế độ thực dân mới của Mỹ - Diệm ở miền Nam. Trong khi đó, cuộc đấu tranh anh dũng và kiên cường của nhân dân miền Nam trong suốt 5 năm liền đã tạo nên một lực lượng cách mạng hùng hậu ở cả nông thôn, miền núi và đô thị, đang đụng đầu quyết liệt với chế độ Mỹ - Diệm, có lực lượng vũ trang làm nòng cốt. Quần chúng đã sục sôi muôn đứng lên chống lại ách thống trị của Mỹ - Diệm để giành quyền làm chủ. Điều đó chứng tỏ quần chúng bên dưới không tiếp tục sống như trước được nữa. Đây chính là lúc khởi nghĩa nổ ra có thể thắng lợi. Trong điều kiện đó, Trà Bồng đã kết hợp thời cơ, chủ động và kiên quyết tấn công và tiến công dồn dập, từ Trà Bồng đã mở rộng đến các huyện Sơn Hà, Sơn Tây, Minh Long, Ba Tơ làm chủ cuộc khởi nghĩa có qui mô tương đối lớn, có thể trận vũng mạnh và thắng lợi lớn, trở thành ngọn cờ đầu thắng lợi của phong trào khởi nghĩa từng phần năm 1959-1960.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi trong cao trào đồng khởi năm 1959-1960 là một bước phát triển cao và quyết liệt của nhân dân ta để giành quyền làm chủ. Trong bối cảnh chủ nghĩa thực dân Mỹ thực thi ở miền Nam đã thất bại cơ bản về chính trị, song bộ máy quân sự của chúng có một đội quân lớn gồm hàng chục vạn người. Vì thế, việc giành quyền làm chủ ở miền núi, nông thôn - nơi địch có nhiều sơ hở và yếu song nhất thiết phải dùng bạo lực cách mạng mới đánh bại chính quyền thống trị của kẻ thù. Bạo lực cách mạng để lật đổ kẻ thù nhất thiết phải là bạo lực của quần chúng, phải kết hợp sử dụng lực lượng chính trị quần chúng với lực lượng vũ trang, kết hợp

đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự ở những mức độ khác nhau. Đồng chí Lê Duẩn nói: “Một phương pháp nào đó có khả năng sáng tạo và tổ chức nên các hình thức bạo lực thích hợp nhất với hoàn cảnh cụ thể, cho phép huy động đến mức cao nhất sức mạnh của quần chúng tấn công vào giai cấp thống trị, đem lại thắng lợi cho cách mạng trong những điều kiện có lợi nhất, thì đó là phương pháp tốt nhất, cách mạng nhất”<sup>(1)</sup>.

Thực tiễn khởi nghĩa ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi cho thấy nét nổi bật ở đây là sự kết hợp giữa lực lượng chính trị của quần chúng với lực lượng vũ trang tập trung, kết hợp cuộc tấn công quân sự của lực lượng vũ trang và sự nổ dậy của quần chúng để xóa bỏ chính quyền cơ sở của địch, tiêu diệt một số lực lượng vũ trang, vây đồn buộc địch phải rút chạy; thành lập chính quyền cách mạng và tiếp tục phát huy thành quả của khởi nghĩa. Đây là một trong ba điển hình về sử dụng các hình thức bạo lực cách mạng trong đồng khởi ở miền Nam năm 1959-1960 so với cuộc đồng khởi ở Bến Tre, khởi nghĩa ở Tây Ninh, Đồng Tháp, Kon Tum, v.v...

Tóm lại, phác nhìn qua tiến trình đồng khởi thì khởi nghĩa ở Trà Bồng và các huyện Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ ở Quảng Ngãi thực sự là ngọn cờ đầu của một cuộc khởi nghĩa từng phần sớm nổ ra ở qui mô tương đối lớn, được chuẩn bị sẵn sàng, nổ ra đúng thời cơ và sáng tạo trong việc sử dụng kết hợp các hình thức bạo lực cách mạng phù hợp với thực tiễn trên địa bàn miền Tây của tỉnh. Sự sáng tạo của cuộc khởi nghĩa ở Trà Bồng, của các huyện miền Tây Quảng Ngãi đã góp phần làm phong phú thêm về phương thức và nghệ thuật khởi nghĩa từng phần ở cơ sở của một dân tộc vùng lõi chống lại chính quyền thống trị của chủ nghĩa thực dân mới.

---

<sup>(1)</sup> Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng*. Nxb Sự thật, H.1976, tr.52.

# NHÌN LẠI CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI SAU 45 NĂM

NGUYỄN THÙY DƯƠNG\*

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi nổ ra cách đây 45 năm song tiếng vang và niềm tự hào về cuộc khởi nghĩa này vẫn sống mãi trong lòng nhân dân miền Trung nói riêng và cả nước nói chung. Tìm hiểu và đánh giá đúng cuộc khởi nghĩa này là trách nhiệm của các nhà sử học, trong bài viết này chúng tôi chỉ xin góp thêm một cái nhìn về cuộc khởi nghĩa ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi diễn ra ngày 28.8.1959 trong phong trào đồng khởi của toàn miền Nam sau Nghị quyết 15 (1.1959) của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trước khởi nghĩa Trà Bồng, các cuộc nổi dậy có sự kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị cũng đã diễn ra nhiều nơi ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên và Nam Bộ. Theo tài liệu sử học, ngay ngày 6.2.1959 ở Bình Định, 2 xã Vĩnh Hiệp, Vĩnh Hảo thuộc huyện Vĩnh Thạnh, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đã nhất tề nổi dậy, đồng bào dân tộc Bana ở đây đã tổ chức đội thanh niên tự vệ ở mỗi làng, trang bị cung tên, ná, nỏ đánh địch càn quét để giành quyền làm chủ. Cuộc chiến đấu của nhân dân chống lực lượng càn quét của Ngô Đình Diệm đã diễn ra giằng co, quyết liệt.

---

\* Tiến sĩ. Chi hội Sử học 20-10 Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 7 tháng 2 năm 1959 tại huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận, trong các khu tập trung đồn dân của địch, các chiến sĩ cộng sản tổ chức cho nhân dân nổi dậy phá khu tập trung, bung về căn cứ, địch dùng lực lượng vũ trang càn quét hốt dân trở lại nhưng không thành công. Từ tháng 4 đến tháng 5 năm 1959, nhân dân huyện Bắc Ái (Ninh Thuận) đã giành thêm quyền làm chủ, trong đó có lần tiêu diệt 300 tên địch làm thất bại cuộc càn quét với qui mô lớn của chúng.

Tháng 4 năm 1959, nhân dân làng Tà Bóc, tỉnh Kon Tum đã nổi dậy đấu tranh vũ trang chống địch.

Ngày 25.8.1959 cùng thời điểm với khởi nghĩa Trà Bồng, phong trào đấu tranh vũ trang ở tỉnh Cà Mau cũng phát triển mạnh.

Như vậy, cuộc khởi nghĩa ở Trà Bồng, Quảng Ngãi nằm trong làn sóng đấu tranh chung của nhân dân miền Nam trước sự phản bội trắng trợn đối với Hiệp định Giơnevơ và trước tham vọng nấm dân, kiểm soát dân bằng bạo lực phản cách mạng của chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm. Song, trong làn sóng đấu tranh sôi nổi của nhân dân miền Nam lúc bấy giờ, khởi nghĩa Trà Bồng đã nhô lên như một ngọn sóng lớn và đặc sắc, để lại nhiều ấn tượng và tình cảm trong nhân dân. Tính tiêu biểu của khởi nghĩa Trà Bồng thể hiện qua những đặc điểm sau:

*Thứ nhất:* Về qui mô, đây là cuộc khởi nghĩa có qui mô lớn nhất của miền Nam - tính đến thời điểm cuối tháng 8.1959. Trong cuộc khởi nghĩa này, nhân dân Trà Bồng đã quét sạch ngụy quyền ở 16 xã, buộc địch phải rút quân ra khỏi 7 đồn bốt, xóa chính quyền địch ở cả 6 xã vùng thấp, giải phóng gần như toàn bộ huyện Trà Bồng, một huyện có diện tích xấp xỉ 760 km<sup>2</sup> của tỉnh Quảng Ngãi. Cuộc khởi nghĩa đã trở thành một mồi lửa mạnh mẽ và lan tỏa nhanh chóng sang các huyện Sơn Hà, Ba Tơ,

Sơn Tây, Minh Long thuộc tỉnh này. Điều quan trọng hơn là thành quả của cuộc khởi nghĩa được giữ vững và bảo vệ cho đến năm 1975. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Trà Bồng của Quảng Ngãi vẫn là căn cứ địa cách mạng và là địa bàn quan trọng của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

*Thứ hai:* Lực lượng tham gia trong cuộc khởi nghĩa Trà Bồng trước hết là người dân của các dân tộc thiểu số ở miền núi. Năm 1958, đã có một Đại hội chống Mỹ được tổ chức ở đây, dự Đại hội này có đến 200 người, ngoài cán bộ đảng viên, còn có các già làng của các dân tộc thiểu số - đại biểu của Đảng bộ Trà Bồng và các đảng bộ khác trong tỉnh. Tại Đại hội này các đại biểu thể hiện quyết tâm đoàn kết chống Mỹ đến ngày thắng lợi cuối cùng. Việc chuẩn bị cho công tác hậu cần, công tác dân vận, binh vận cũng được thảo luận cặn kẽ tại Đại hội. Đại hội này được người dân địa phương đánh giá là "Hội nghị Diên Hồng" của các dân tộc anh em trong tỉnh Quảng Ngãi. Tinh thần của đại hội lan tỏa nhanh chóng. Đặc biệt ở Trà Bồng, Huyện ủy mở hội nghị già làng tới từng xã, thôn. Đây là một hoạt động độc đáo hầu như chỉ có ở Quảng Ngãi trong phong trào đồng khởi của toàn miền Nam.

*Thứ ba:* Tham gia lực lượng vũ trang tập trung đầu tiên của Quảng Ngãi sau Hiệp định Giơnevơ trước hết cũng là các thanh niên người dân tộc thiểu số, đơn vị vũ trang đầu tiên mang phiên hiệu 339 được thành lập ngày 3.3.1959 của tỉnh Quảng Ngãi có 33 cán bộ và chiến sĩ thì đã có 27 thanh niên người dân tộc Cor, còn 6 thanh niên còn lại là người Kinh. Trong đơn vị vũ trang thứ 2 phiên hiệu 89 gồm 36 cán bộ và chiến sĩ thì đông nhất là người dân tộc Hrê và Cà Dong..., đây là điểm độc đáo của khởi nghĩa Trà Bồng so với cuộc khởi nghĩa khác trong phong trào đồng khởi.

Rõ ràng ý thức chính trị của người dân miền núi đã giúp việc thành lập lực lượng vũ trang cách mạng của người dân miền núi diễn ra nhanh chóng. Lực lượng vũ trang từ nhân dân mà ra khiến cho sự gắn bó giữa quân và dân rất chặt chẽ, điều này tạo ra sức bền bỉ và linh hoạt trong việc sử dụng các hình thức, các phương tiện đấu tranh. Người dân Trà Bồng vốn là người làm chủ rừng núi Trà Bồng từ ngàn năm nay họ có bản lĩnh và sự chủ động trong cách đấu tranh, trong cách bảo toàn và phát triển lực lượng. Họ sẵn sàng bỏ nhà, bỏ làng lập làng mới, sẵn sàng dưa vào địa thế rừng núi để ngăn cản, đánh trả, tấn công kẻ thù bằng những phương tiện và bằng những kinh nghiệm mà họ có được và tích lũy được. Ví dụ như họ dùng bàn chông, thò, bẫy, ná, cung tên, mā tấu, súng đạn để chiến đấu chống kẻ thù. Họ uy hiếp kẻ thù bằng âm thanh của chiêng, cồng, trống, mõ. Họ dùng lửa để đốt đồn lũy, doanh trại, triệt tiêu nguồn nước của kẻ thù để giành lại quyền làm chủ. Sự sáng tạo và linh hoạt trong việc lựa chọn hình thức chống kẻ thù của khởi nghĩa Trà Bồng đã làm nên một cuộc khởi nghĩa với màu sắc riêng khác với các cuộc khởi nghĩa ở những nơi khác.

*Thứ tư:* Cuộc khởi nghĩa của nhân dân Trà Bồng được lãnh đạo và chỉ đạo bởi những cán bộ đảng viên dày dạn kinh nghiệm tổ chức và luôn luôn bám sát nhân dân.

Truyền thống của Đảng bộ Quảng Ngãi từ khi thành lập vốn là truyền thống gắn bó máu thịt với nhân dân. Truyền thống này đã làm nên cách mạng tháng 8.1945, đã làm nên cuộc kháng chiến chống Pháp 1945-1954 tại địa phương này. Sau năm 1954 khi Hiệp định Giơnevơ bị Mỹ - Diệm tráng trộn phá hoại và việc chống phá các tổ chức cộng sản trở thành một quốc sách hàng đầu của chính quyền Ngô Đình Diệm thì hoạt động của các chiến sĩ cộng sản ở địa phương trở nên vô cùng khó khăn. Dù vậy, cán bộ

và đảng viên của Quảng Ngãi - vẫn giữ vững tổ chức, kiên trì bám trụ, ngoan cường lãnh đạo nhân dân giữ vững tương quan lực lượng giữa ta và địch để chống lại chính sách phản động của kẻ thù. Ngày 20.7.1956, Đảng bộ huyện Trà Bồng đã lãnh đạo đồng bào các dân tộc biểu tình ở quận lỵ Trà Bồng đòi hiệp thương với miền Bắc để thống nhất đất nước. Từ sau cuộc biểu tình này địch tăng cường càn quét và đàn áp dữ dội, chúng kiên quyết đánh phá sạch các tổ chức đảng ở Trà Bồng. Phong trào tố cộng, diệt cộng được dấy lên, 13 đồn bốt lớn được xây dựng. Nhà tù, trại giam được thiết lập nhanh nhảm ở Trà Bồng. Để tránh sự kìm kẹp, thanh niên Trà Bồng đã thành lập các trại bí mật trong rừng núi, thoát ly gia đình theo Đảng chống chính quyền Ngô Đình Diệm. Từ tháng 2.1958, các hội nghị Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã tiếp thu và hiện thực hóa chủ trương của Khu ủy Khu V, quyết tâm xây dựng lực lượng ở các vùng cao của tỉnh Quảng Ngãi như Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ để tạo thành vùng căn cứ của cách mạng. Tháng 5.1958 Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã chia Trà Bồng thành 3 khu, khu I gồm 7 xã, khu II gồm 8 xã, khu III gồm 5 xã. Chính ở khu II tại Gò Rô xã Trà Phong, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã tổ chức được Đại hội đoàn kết chống Mỹ nổi tiếng trên. Đặc biệt trong huyện Trà Bồng, Huyện ủy Trà Bồng đã xây dựng được chi bộ Đảng xuống tận cơ sở. Hệ thống tổ chức Đảng liên lạc từ các khu xuống cấp tỉnh rồi cấp huyện, cấp xã đã giúp cho lãnh đạo từ cấp trên xuống cấp dưới thông suốt nhanh chóng. Đồng thời những diễn tiến từ cơ sở cũng được các cấp Đảng nắm bắt để chỉ đạo được sát sao. Sự gắn bó giữa dân và Đảng đã giúp Huyện ủy Trà Bồng tạo dựng được các điều kiện cho sự chiến đấu lâu dài ở huyện Trà Bồng. Do dựa được vào dân nên đến đầu năm 1959, hầu hết các xã của huyện Trà Bồng đã thành lập được đội du kích mật, nhân dân trong xã tìm mọi cách cung cấp vận chuyển lương thực, thực phẩm, thuốc men để xây dựng hậu cần cho lực lượng vũ trang.

Những hoạt động của tổ chức Đảng ở Trà Bồng trong giai đoạn tiền khởi nghĩa đã cho thấy những cán bộ và đảng viên ở đây đã bám sát thực tiễn cuộc sống, dày dạn kinh nghiệm tổ chức thực tiễn, xử lý tốt thông tin và đánh giá đúng tương quan lực lượng giữa ta và địch trên địa bàn hoạt động của mình. Sự chuẩn bị lý tưởng này của Trà Bồng đã tạo điều kiện cho việc tiếp nhận Nghị quyết 15 (1.1959) của Trung ương Đảng một cách nhanh chóng, hiệu quả và hết sức sáng tạo. Sự lãnh đạo đầy bản lĩnh đó đã làm nên một cuộc khởi nghĩa Trà Bồng độc đáo và quật cường.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã đi vào lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ và đã trôi qua 45 năm tròn. Song những bài học rút ra cho các cấp Đảng vẫn còn rất nhiều ý nghĩa. Đó là bài học về niềm tin vào tấm lòng người dân miền núi đối với sự nghiệp cách mạng. Đó là bài học thân dân, gần dân, hiểu rõ nguyện vọng nhu cầu của nhân dân. Đó là bài học phải bám sát thực tiễn cuộc sống để tổ chức và lãnh đạo phù hợp. Đó là bài học về phân tích tình huống và sự tận tụy hy sinh cho sự nghiệp cách mạng. Đó là bài học về việc quán triệt sự lãnh đạo và chỉ đạo của cấp trên và vận dụng đúng đắn, sáng tạo vào thực tế của địa phương mình. Những bài học này của khởi nghĩa Trà Bồng vẫn sáng tỏa cùng thời gian, nó còn nguyên những giá trị trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở các địa bàn miền núi ngày nay.

# MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI TỪ TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG ĐẾN NHỮNG THÀNH TỰU KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI HIỆN NAY

TRẦN THỊ TƯỜNG VÂN\*

## I. *Vài nét về truyền thống yêu nước, cách mạng của nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi*

Tỉnh Quảng Ngãi nằm ở vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Bắc giáp tỉnh Quảng Nam, Nam giáp Bình Định, Tây Nam ngăn cách tỉnh Kon Tum bởi dãy núi Trường Sơn, Đông giáp biển Đông. Quảng Ngãi có diện tích tự nhiên 5.131 km<sup>2</sup>. Theo Tổng điều tra dân số toàn quốc 1-4-1999, dân số Quảng Ngãi trên 1.200.000 người, với sự hiện diện của 17 dân tộc anh em, đông nhất là dân tộc Kinh: 1.052.184 người, Hrê: 102.960 người, Cor: 22.760 người, Xơ Đăng: 11.696 người, sau đó đến dân tộc Hoa, Tày, Mường, v.v... Riêng miền núi thường được gọi là miền Tây Quảng Ngãi gồm 5 huyện là Trà Bồng, Minh Long, Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây (Nghị định số 83 của Chính phủ ngày 6-8-1994) huyện Sơn Hà chia làm hai là Sơn Hà và Sơn Tây) chiếm hai phần ba diện tích (khoảng 3.225,3 km<sup>2</sup>). Đến năm 2002, dân số miền Tây Quảng Ngãi là 175.153 người, chủ yếu là các dân tộc bản địa Hrê, Cor, Xơ Đăng và người Kinh; mật độ dân số trung bình 55 người/km<sup>2</sup> <sup>(1)</sup>.

---

\* Tiến sĩ. Viện Sử học.

<sup>(1)</sup> Tổng cục Thống kê, Trần Hoàng Kim chủ biên. *Tư liệu kinh tế-xã hội 631 huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Việt Nam*. NXB Thống kê, Hà Nội, 2002. tr.1375-1407.

Miền Tây Quảng Ngãi có địa thế vô cùng hiểm trở, lưng tựa vào dãy núi Trường Sơn, núi non trùng điệp, trải dài và bao quanh như thành lũy. Đây là nơi đầu nguồn và cũng là nơi giao hội của các con sông Trà Bồng, Trà Khúc, sông Vệ và sông Trà Câu. Miền Tây Quảng Ngãi trong lịch sử luôn là địa bàn có tính chiến lược về chính trị, kinh tế, văn hóa, an ninh quốc phòng. Thiên nhiên nơi đây cũng rất khắc nghiệt: nắng mưa, úng, hạn thất thường. Người dân tộc thiểu số Tây Quảng Ngãi có nguồn sống chủ yếu là nông nghiệp, với các nghề dốt rẫy tía ngô, lúa, trồng khoai, săn, chăn nuôi, săn bắn, hái lượm... Nền kinh tế của miền Tây Quảng Ngãi chủ yếu là nền kinh tế tự nhiên, tự cấp tự túc với trình độ kỹ thuật sản xuất lạc hậu, nặng tính quảng canh. Miền đất này còn có hai loại cây đặc sản là cây chè lá Minh Long và cây quế Trà Bồng chất lượng nổi tiếng. Tây Quảng Ngãi có một số mỏ khoáng sản (mỏ granít, đồng ở Ba Tơ, Trà Bồng; mỏ vàng ở Trà Bồng, Sơn Hà; nguồn suối khoáng Thạch Bích ở Trà Bồng).

Ba dân tộc bản địa: Hrê, Cor, Xơ Đăng luôn giữ được nếp sinh hoạt cổ truyền, ít chịu sự tác động từ bên ngoài. Làng, nóc như một xã hội thu nhỏ, khép kín. Mỗi làng, nóc đều có già làng, đứng đầu và tồn tại thiết chế tự quản với sự chi phối hoàn toàn của luật tục. Nơi đây có sự đan xen giữa các tập tục xấu, tốt, lạc hậu, tiến bộ. Tuy nhiên nét chủ đạo xuyên suốt, đó là sự cố kết dân tộc, tình thần đùm bọc nhau đầy tình tương thân, tương ái trong cùng cộng đồng hoặc giữa các cộng đồng với nhau rất mạnh. Với nhiều phong tục tập quán đẹp, các giá trị văn hóa, tình thần đậm tính nhân bản đã thật sự là truyền thống quý báu đã được phát huy cao độ trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ và xây dựng đất nước.

Ở Miền Tây Quảng Ngãi, dưới ách thống trị hà khắc của chế độ phong kiến, nông dân là những người chịu cực khổ trăm bề với nhiều sự bất công nhất, nhưng họ cũng là những người luôn nêu cao tinh thần bất khuất chống áp bức, chống ngoại xâm. Đặc biệt, dưới ngọn cờ khởi nghĩa của anh em Tây Sơn-Nguyễn Huệ, nhiều cuộc đấu tranh của đồng bào các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi đã bền bỉ nổ ra dưới nhiều hình thức, quy mô khác nhau.

Bước sang cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, chính quyền thực dân Pháp sau khi xây dựng, củng cố xong bộ máy thống trị ở đồng bằng Quảng Ngãi, chúng bắt đầu xâm nhập vào miền Tây của tỉnh. Không chỉ duy trì chế độ cai trị tàn bạo của chế độ phong kiến trước đây, mà chúng còn tăng cường hơn sự vơ vét, cướp bóc của cải, áp bức đồng bào các dân tộc. Ngoài việc chịu sưu cao, thuế nặng (thuế thân, thuế ruộng, thuế công ích..) và phải đi xâu không chỉ 15 ngày mỗi năm theo lệ, người dân hết ngày này qua tháng khác còn bị huy động đi làm đường, xây dựng đồn, trại lính, phục dịch cho bọn quan quân, hào lý. Không những thế, nạn thu tô, vay nặng lãi... làm cho người dân vốn nghèo khổ lại càng điêu đứng, nghèo khổ hơn. Trong hoàn cảnh một cổ nhiều tròng áp bức, nhiều cuộc vũ trang nổi dậy chống thực dân Pháp của nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi đã liên tiếp nổ ra. Dưới đây là một số sự kiện tiêu biểu trong phong trào đấu tranh đó.

Tại Ba Tơ, năm 1900 nổ ra cuộc khởi nghĩa của Đinh Đoàn, Đinh Đàm chống lại việc địch bắt xâu, xây đồn làng Sếu. Năm 1908, đồng bào dân tộc cùng nhau tấn công đồn Đức Phổ. Năm 1915, Đinh Ó dẫn đầu cuộc nổi dậy của dân bản địa trong huyện Ba Tơ.

Tại Minh Long, đồng bào Hrê kiên cường chống Pháp suốt 12 năm (1900-1912), dưới sự lãnh đạo của Đinh Tôm, Đinh Mút, Đinh Vân.

Tại Trà Bồng, năm 1938, các già làng có uy tín là Gia, Châu, Phú, Tài đã tập hợp và chỉ huy 4 đội quân được trang bị bằng vũ khí tự tạo, tiến đánh quận lỵ Trà Bồng. Mặc dù bị thất bại do tổ chức kém lại mang đậm màu sắc tôn giáo, nhưng lực lượng chiến đấu vẫn được duy trì. Hàng chục làng nóc đồng bào Cor kêu gọi kéo nhau lên núi Cà Đam, xây dựng căn cứ, tiếp tục chiến đấu lâu dài. Trận đánh Gò Rô (1-1939) là trận đánh nổi tiếng, một biểu tượng của tinh thần chiến đấu bất khuất của dân tộc Cor. Năm 1942, lợi dụng sự sơ hở, chủ quan của địch khi đem quân lên đánh phá vùng cao - từ núi Cà Đam, quân khởi nghĩa bất ngờ tiến đánh quận lỵ Trà Bồng - tuy nhiên trận đánh đã không thành công.

Tại Sơn Hà, năm 1935-1936, ở các làng thuộc tổng Kê (huyện Sơn Hà), đồng bào Xơ Đăng do ông Cà Reo chỉ huy đã nổi dậy chống việc đắp đường từ Di Lăng đi Kom Plong, khiến trong một thời gian dài đế quốc Pháp không triển khai được. Cuối năm 1936, dưới sự chỉ huy của các ông Đinh Ó, Đinh Ru, Đinh Xo, nghĩa quân kéo xuống đánh đồn Di Lăng.

Đặc biệt, từ năm 1937 nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi đã tham gia phong trào "Nước Xu Đỏ" của các dân tộc ít người Bắc Tây Nguyên, mà nội dung chính của phong trào là chống xâu, chống thuế, chống áp bức của đế quốc Pháp, để nhân dân làm chủ núi rừng. Phong trào đã lan nhanh về phía Tây Quảng Ngãi theo hai hướng. Riêng hướng thứ hai phát triển sang đồng bào Cor ở Trà Bồng, mà trọng tâm là vùng núi Đam. Hè năm 1938 nhân dân các dân tộc Trà Bồng đã nổi dậy dưới sự chỉ

huy của Đinh Gia, Đinh Hốt, kéo về chầu ly, đốt phá nhà lao, giết Chánh Tam tay sai gian ác của địch và đánh đồn Trà Bồng.

Đánh giá cao cuộc kháng chiến chống Pháp của đồng bào Cor, năm 1940, ban lãnh đạo tỉnh ủy Quảng Ngãi đã mở Hội nghị đại biểu ở ngay chầu ly Trà Bồng bàn việc khôi phục tổ chức, đẩy mạnh phong trào cách mạng của tỉnh. Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã bắt liên lạc với căn cứ kháng chiến của đồng bào Cor<sup>(1)</sup>.

Đáng chú ý là phong trào chống Pháp của nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi sớm được Đảng quan tâm chỉ đạo. Với sự kiện thực dân Pháp mang các chiến sĩ cách mạng người Kinh lên giam cầm ở nhà lao Trà Bồng và Cảng an trí Ba Tơ, các tấm gương yêu nước cách mạng cùng lý tưởng cộng sản của những đảng viên trung kiên này đã thấm dần, ảnh hưởng sang người dân địa phương.

Ngày 11-3-1945, dưới sự chỉ đạo của tỉnh Đảng bộ lâm thời Quảng Ngãi và chi bộ Cảng an trí Ba Tơ, các chiến sĩ cách mạng và nhân dân quanh chầu ly Ba Tơ đã đứng lên khởi nghĩa, chiếm được chầu ly, đập tan bộ máy thống trị của thực dân Pháp, thiết lập chính quyền cách mạng, thành lập Đội du kích Ba Tơ - lực lượng vũ trang đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi. Cuộc khởi nghĩa mau chóng giành được thắng lợi do được chuẩn bị chu đáo về mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Khởi nghĩa Ba Tơ thắng lợi cùng với việc Đội du kích Ba Tơ ra đời đã gây tiếng vang lớn, tạo thành một nhân tố quan trọng cho phong trào cách mạng tỉnh Quảng Ngãi xông lên giành những thắng lợi mới trong cao trào kháng Nhật cứu nước và Cách mạng tháng Tám.

---

<sup>(1)</sup> Cao Văn Lượng, Phạm Quang Toàn, Trần Quỳnh Cư. *Tìm hiểu phong trào đồng khởi ở miền Nam Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981, tr.129.

Như vậy, cho đến khi Cách mạng tháng Tám 1945 thắng lợi ở Quảng Ngãi (14-8-1945), hầu hết những cuộc nổi dậy, khởi nghĩa ở miền Tây trước đó đều mang tính tự phát, lẻ tẻ, cuối cùng đã bị địch đàn áp. Nhưng với truyền thống yêu nước, truyền thống dân tộc, bất khuất, đồng bào các dân tộc biết dựa vào thế núi rừng hiểm trở dũng cảm kháng cự lại sự áp đặt ách thống trị của kẻ thù, khiến địch không còn kiểm soát được vùng đất miền Tây. Đồng bào các dân tộc đã làm chủ được núi rừng.

Từ khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, nhân dân các dân tộc Trà Bồng và Tây Quảng Ngãi tiếp tục cùng cả nước tham gia đấu tranh giải phóng dân tộc. Các cơ sở Đảng đã phát triển mạnh trong các dân tộc ít người. Tại Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, nhiều chi bộ Đảng đã được thành lập. Từ đây đã trưởng thành lên một lớp cán bộ các dân tộc có uy tín, trung thành với cách mạng. Có sự lãnh đạo của Đảng, các cuộc đấu tranh chuyển từ tự phát sang tự giác và có tổ chức chặt chẽ. Các phong trào đấu tranh chống đế quốc, phong kiến, từ đơn lẻ đã hòa nhập chung vào cuộc đấu tranh của vùng, miền và cả dân tộc.

Trong khi lãnh đạo cả nước tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, lần đầu tiên Đảng và Nhà nước đề ra chính sách dân tộc khá toàn diện bằng Nghị quyết của Bộ Chính trị (tháng 8-1952) về *Chính sách dân tộc thiểu số của Đảng hiện nay*. Ngoài việc cần thực hiện đầy đủ ba nguyên tắc "đoàn kết, bình đẳng, tương trợ" giữa các dân tộc, những đường lối, chủ trương chính sách cụ thể đối với dân tộc thiểu số phù hợp với từng giai đoạn của cách mạng, của từng địa phương cũng được đề cập đến, kể cả những việc cụ thể nhất. Ví dụ, nghị quyết đã góp ý với huyện Sơn Hà "làm việc gì thường không kiên nhẫn giác ngộ quần chúng, không phát động quần chúng để họ tự giác, tự nguyện thi hành chính sách; trái lại thường dùng lối mệnh lệnh, ép buộc ...; áp

dụng máy móc kinh nghiệm công tác của vùng thiểu số khá vào vùng thiểu số còn kém, kinh nghiệm của miền xuôi lên miền ngược”<sup>(1)</sup> - Đây cũng là sự chỉ giáo quý báu giúp chính quyền cách mạng huyện Sơn Hà sớm khắc phục những yếu kém trong công tác giác ngộ, vận động quần chúng những năm kháng chiến chống Pháp tiếp theo.

Được sự quan tâm của cách mạng, của Đảng cuộc sống của đồng bào các dân tộc có những thay đổi lớn về các mặt chính trị, kinh tế, xã hội. Chính sách dân tộc của Đảng được thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ, có ảnh hưởng tốt đến đời sống các dân tộc. Bởi vậy, suốt 9 năm kháng chiến, Tây Quảng Ngãi thật sự là vùng địch bất khả xâm phạm, đồng bào tích cực tham gia kháng chiến, đồng thời ra sức xây dựng, củng cố miền Tây thành căn cứ kháng chiến mạnh cả về quân sự, chính trị, kinh tế.

Tháng 7-1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết. Tháng 10-1954, Diệm núp dưới lá cờ Liên hiệp Pháp tiếp quản Quảng Ngãi. Từ đấy, Mỹ - Diệm tiến hành một loạt chiến dịch tống cộng, diệt cộng đẫm máu nhằm tiêu diệt, đàn áp, làm nhụt ý chí của những người kháng chiến, yêu nước, trọng tâm là vùng tự do và căn cứ kháng chiến cũ. Trong bối cảnh đó, Quảng Ngãi - một tỉnh thuộc vùng tự do, căn cứ địa cách mạng trong kháng chiến chống Pháp đã trở thành một trong những mục tiêu đánh phá hàng đầu. Thời gian đầu phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi gặp nhiều khó khăn, có nơi tạm lánh xuống, một số cơ sở cũ bị vỡ hoặc đứt liên lạc, nhiều cán bộ nòng cốt bị hy sinh. Tuy vậy những cán bộ, đảng viên còn lại vẫn kiên cường bám trụ, giữ vững khí tiết cách mạng, trực tiếp tác động đến tinh thần của

---

<sup>(1)</sup> Hội đồng dân tộc Quốc hội khóa X. *Chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về dân tộc*. Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2000, tr.38.

nhân dân. Các cơ sở cách mạng chủ yếu vẫn tồn tại ở Quảng Ngãi, đặc biệt là ở các huyện miền Tây như Trà Bồng, Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ.

Từ năm 1957, xu thế chung của phong trào các địa phương tỉnh Quảng Ngãi là chuyển dần từ đấu tranh chính trị sang đấu tranh chính trị có kết hợp vũ trang tự vệ. Tại các huyện miền Tây Quảng Ngãi, nơi có truyền thống vũ trang chống ngoại xâm, cùng với địa thế hiểm trở và có nhiều hình thức đấu tranh tự vệ, thì xu hướng đó càng thể hiện rõ rệt. Các tổ chức lãnh đạo cách mạng và cơ sở nòng cốt trong quần chúng bắt đầu phát triển mạnh vào đội ngũ thanh niên, phụ nữ. Đông đảo thanh niên đã thoát ly gia đình đi tham gia các trại thanh niên, các tổ chức tự vệ bí mật bất hợp pháp. Nhờ có đường lối đúng đắn, nhất là chính sách dân tộc cho nên dần dần cách mạng đã thu hút, nấm chắc được tất cả các lực lượng quần chúng, kể cả những người đang làm trong ngụy quyền thôn xã.

Luôn chủ động đánh phủ đầu địch, nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi còn biến các thủ đoạn mị dân của địch thành những đòn chống lại chúng. Ở Trà Bồng cùng một số nơi, ngay từ đầu nhân dân đã mạnh mẽ tiến công, khiến cho địch bị thất bại hoàn toàn trong âm mưu thiết lập bộ máy ngụy quyền và tổ chức kìm kẹp trong thôn xã. Địch không thể tạo ra cơ sở quần chúng, cơ sở chính trị trong các dân tộc miền Tây.

Đặc biệt, nhân dân đang sống hợp pháp triệt để lợi dụng phong tục, tập quán cổ truyền của dân tộc mình, đó là dùng các tục "bắt nhuốc", "trả đầu", "đòi xương" để hù dọa bọn ác ôn hoặc thủ tiêu bí mật bọn gian ác mà kẻ thù vẫn không làm gì được.

Trong những năm 1957-1958, để chống lại âm mưu tiêu diệt lực lượng cách mạng của địch, nhiều nơi ở miền núi Liên khu V đã

xuất hiện hình thức đấu tranh tự vệ, tiêu diệt ác ôn, trừng trị bọn phản động. Nhiều buôn làng tổ chức bố phòng bằng chông mìn, cạm bẫy và tự vũ trang bằng giáo mác, tên nỏ đã hạn chế được địch càn quét. Trong quá trình đấu tranh một mât, một còn, một số buôn làng hình thành những khu "bất hợp pháp". "Khu bất hợp pháp" lúc đầu gồm những thanh niên lánh ra rừng để tránh sự lùng sục, khống bối của địch, dần dần tổ chức thành những căn cứ chống lại các cuộc càn quét của địch. Đây cũng là chỗ đứng chân đầu tiên của cán bộ, đảng viên trong những vùng bị địch kiểm soát. Miền Tây Quảng Ngãi là nơi có nhiều "khu bất hợp pháp". Đến cuối 1958, các "khu bất hợp pháp" Trà Bồng, Ba Tơ, Sơn Hà đã phát triển thành những căn cứ đứng chân vững chắc của cách mạng. Tại đây đồng bào đều hăng hái, tranh thủ tăng gia, sản xuất thêm nhiều lúa gạo, hoa màu, ngoài phần tự túc, còn tích lũy để cung cấp cho cán bộ và các lực lượng vũ trang.

Năm 1959 trở đi, cách mạng miền Nam lại đứng trước thử thách lớn. Mỹ - Diệm dùng "chiến tranh một phía", dùng những thủ đoạn chính trị, quân sự, gián điệp tàn sát dã man những người cộng sản, những người yêu nước, đánh phá ác liệt các cơ sở cách mạng ở miền Nam. Cách mạng ở miền Nam có nguy cơ bị đe dọa. Tình hình cách mạng miền Nam lúc này đặt ra cho Đảng ta phải lựa chọn một trong hai con đường: hoặc dùng bạo lực cách mạng của quần chúng để tiến hành những cuộc khởi nghĩa từng phần ở nông thôn, nhằm đập tan bộ máy chính quyền ở cơ sở, giành chính quyền về tay nhân dân, đưa cách mạng tiến lên cao trào, hoặc là "trường kỳ mai phục", thực chất là thủ tiêu đấu tranh cách mạng, mặc cho Mỹ - Diệm thả sức đàn áp nhân dân miền Nam. Đảng ta đã quyết định chọn con đường bạo lực cách mạng giành chính quyền. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 (mở rộng) tháng 1-1959 đã khẳng định con

đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là *con đường bạo lực*. Nhưng hình thức bạo lực lúc này chủ yếu là gì, đấu tranh chính trị hay đấu tranh vũ trang? Đảng ta đã chỉ rõ đường lối bạo lực thích hợp với tình hình miền Nam lúc đó là: "lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân"<sup>(1)</sup>. Phương châm đấu tranh của ta ở miền Nam lúc này là: kết hợp hình thức đấu tranh hợp pháp, kết hợp chặt chẽ phong trào ở đô thị với phong trào nông thôn ở vùng căn cứ<sup>(2)</sup>.

Để có thể đánh giặc lâu dài và có hiệu quả, vấn đề xây dựng căn cứ kháng chiến luôn luôn có tầm quan trọng hàng đầu, vì thế, trước những khó khăn thử thách mới, miền Tây Quảng Ngãi một lần nữa trở thành căn cứ địa cách mạng. Các căn cứ kháng chiến xây dựng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp ở Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ được duy trì, củng cố, xây dựng, phát triển. Ngoài ra, ba khu căn cứ chính trị mới cũng đã hình thành, đó là:

- Vùng trung tâm căn cứ phía Bắc gồm 22 xã ở vùng cao Sơn Hà, Trà Bồng.- Vùng căn cứ giữa gồm 12 xã ở giáp 3 huyện: Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà. - Vùng căn cứ phía nam Ba Tơ gồm 8 xã.

Những căn cứ này là chỗ dựa vững chắc để duy trì và phát triển phong trào của Quảng Ngãi trong những năm gian khổ nhất chống lại chế độ Mỹ-Diệm. Mặc dù địch tìm trăm phương, ngàn

---

<sup>(1) (2)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam. *Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành trung ương lần thứ 15 (mở rộng) họp từ ngày 12 đến 22-1-1959 Về tăng cường đoàn kết, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà*. Trong *Văn kiện Đảng toàn tập*. Tập 20, 1959. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.82.

kế để đánh phá, có nơi chúng dùng những thủ đoạn tàn bạo nhất như ở huyện Sơn Hà, Trà Bồng. Nhưng các tổ chức lãnh đạo, các tổ chức quần chúng cách mạng không những được duy trì, củng cố về chất lượng mà còn được phát triển về chất lượng và số lượng. Phong trào đấu tranh ở miền Tây luôn diễn ra không ngừng và đều khắp, lực lượng cách mạng ít bị tổn thất.

Quan điểm của Đảng ta trong việc chỉ đạo xây dựng căn cứ địa, được thể hiện cụ thể, sâu sắc, toàn diện qua Chỉ thị của Bộ Chính trị "Về việc xây dựng căn cứ địa cách mạng ở Tây Nguyên" tháng 3-1959 (Tây Nguyên kể cả các tỉnh miền núi Liên khu V - trong đó có Tây Quảng Ngãi). Chỉ thị chỉ rõ nhiệm vụ cách mạng ở Tây Nguyên là: nỗ lực xây dựng Tây Nguyên thành căn cứ cách mạng chính ở miền Nam..., tích cực phá kế xây dựng trung tâm căn cứ quân sự của Mỹ - Diệm... tạo thế mạnh cho cách mạng ở miền Nam tiến lên tấn công địch, gây hỗn loạn ở trung tâm hậu phương chúng, góp phần tích cực phòng ngự, bảo vệ miền Bắc kiến thiết xã hội chủ nghĩa<sup>(1)</sup>. Chỉ thị nêu lên phương châm, phương hướng và những công tác chính trong việc xây dựng căn cứ địa, với nguyên tắc là:

- Củng cố và phát triển các tổ chức cơ sở Đảng.
- Làm tốt công tác dân vận, binh vận, thực hiện khối công-nông-binh, Kinh-Thương liên hiệp.
- Xây dựng, củng cố tổ chức nhân dân tự quản, mở rộng phạm vi của chính quyền hai mặt.
- Phát triển kinh tế tự túc, chăm lo đời sống nhân dân.

---

<sup>(1)(2)</sup> Chỉ thị của Bộ Chính trị tháng 3-1959 Về nhiệm vụ xây dựng căn cứ cách mạng Tây Nguyên trong *Văn kiện Đảng toàn tập*. Tập 20, 1959. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2002, tr. 247.

- Phát triển tự vệ nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhằm hỗ trợ cho đấu tranh chính trị và chuẩn bị cho việc đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm toàn miền Nam<sup>(1)</sup>.

Tháng 1 và tháng 5-1958, Hội nghị cán bộ lãnh đạo của Quảng Ngãi được triệu tập để phổ biến phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch và chương trình hành động trước mắt. Sau đó, những người lãnh đạo Quảng Ngãi đã triệu tập Hội nghị các dân tộc ở Trà Bồng, với 200 đại biểu đủ thành phần các dân tộc (Cor, Hrê, Cà Dong, Kinh) để trưng cầu dân ý và chuẩn bị phát động đấu tranh vũ trang. Tiếp theo là Hội nghị những già làng, cà rá tham gia nguy quyền nhưng lại trung thành hay có cảm tình với cách mạng, cùng với một số có thái độ lưỡng chừng. Với mục đích chỉ cho họ thấy rõ tội ác của địch, chủ trương đúng đắn của cách mạng để tranh thủ, lôi kéo họ theo cách mạng. Sau đó, Đại hội thanh niên toàn Trà Bồng cũng đã được triệu tập để động viên thanh niên chuẩn bị tinh thần vũ trang khởi nghĩa.

Sau các hội nghị nói trên, khí thế của toàn vùng khá sôi nổi. Đặc biệt tại huyện Trà Bồng - một trong những huyện có phong trào cao và vững chắc nhất và cũng là nơi địch tập trung đánh phá và thực hiện những thủ đoạn thảm độc nhất như bắt dân tố cộng, ly khai Đảng, thành lập ngụy quyền thôn xã... mà người dân vẫn một lòng trung kiên với Đảng, với cách mạng, được chọn làm nơi châm ngòi lửa cách mạng.

Quán triệt và vận dụng sáng tạo Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng và Chỉ thị của Bộ Chính trị vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương. Khu ủy cũng như Tỉnh ủy các tỉnh Khu V đã quan tâm đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng, phát triển phong trào

---

<sup>(1)</sup> Chỉ thị của Bộ Chính trị tháng 3-1959 về nhiệm vụ xây dựng căn cứ cách mạng Tây Nguyên trong *Văn kiện Đảng toàn tập*. Tập 20, 1959. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 24.

cách mạng nói chung, đặc biệt là tăng cường xây dựng, củng cố căn cứ địa miền núi làm chỗ dựa lâu dài cho cách mạng, đồng thời tạo ra những địa bàn đứng chân ở đồng bằng để tiến hành khôi phục cơ sở, xây dựng lực lượng ở đồng bằng. Đặc biệt, với sự chuẩn bị lâu dài, khá chu đáo và đầy đủ về cả ba mặt chính trị, quân sự và kinh tế. Ngày 28-8 cuộc khởi nghĩa Trà Bồng bùng nổ. Quân cách mạng vây diệt bọn cảnh sát ác ôn, tấn công các trụ sở ngụy quyền, xóa bỏ các hình thức kìm kẹp của địch. Từ Trà Bồng, cuộc khởi nghĩa lan nhanh đến các huyện Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long. Liên tục 8 ngày đêm, nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đồng loạt vùng dậy, kết hợp khá nhuần nhuyễn giữa đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và binh vận. Kết quả là bộ máy ngụy quyền thôn xã bị đập tan, các đồn bốt địch bị quét sạch, một vùng đất đai rộng lớn được giải phóng, chính quyền nhân dân cách mạng được thiết lập.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã "mở đầu trang sử đấu tranh chính trị và vũ trang song song, là đỉnh cao nhất của phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi lúc bấy giờ... Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng có giá trị lớn, vì đã cung cấp được nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc vận dụng Nghị quyết 15 không chỉ ở trong Quảng Ngãi mà trong toàn khu"<sup>(1)</sup>. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi nổ ra ngày 28-8-1959 được xem là cuộc *đồng khởi sớm* và có quy mô lớn ở miền Nam, trước khi có đồng khởi Bến Tre. Cuộc khởi nghĩa không chỉ được ta đánh giá cao mà còn có tiếng vang lớn. G.Sappha trong cuốn "*Hai cuộc chiến tranh Việt Nam từ Valuy đến Oét-mo-len*" đã viết: "Mọi việc khởi đầu vào tháng 8-1959

---

<sup>(1)</sup> Bộ Quốc phòng-Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam. *Lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975, tập 2: Chuyển hướng chiến lược*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.253.

tại tỉnh Quảng Ngãi. Dân tộc Cor chính là những người đầu tiên khởi "loạn". Họ đã san bằng cả một đồn binh quốc gia tại quận Trà Bồng và đoạt 54 khẩu súng. Sôi sục trước tấm gương của dân tộc Cor, các dân tộc lân cận đã liên kết với những người khởi nghĩa. Một cuộc chiến tranh du kích đã thật sự diễn ra. Tin về cuộc biến động ở Quảng Ngãi đã truyền đến Nam Kỳ. Hành vi chống đối vũ trang đầu tiên này đã có tác động và được coi như là một sự khích lệ"<sup>(1)</sup>

Để giữ vững thành quả cuộc khởi nghĩa, ngày 6-9-1959, Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Cán sự miền Tây họp hội nghị bất thường, đánh giá toàn bộ tình hình và chủ trương: - Đối với Trà Bồng, kiên quyết phát động chiến tranh du kích, giữ vững các xã có điều kiện, đánh bại địch càn quét, xây dựng thành căn cứ địa vững chắc. Ra sức phá chủ trương cấy lại ngụy quyền của địch, củng cố dân quân du kích. - Đối với Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ phải nhanh chóng đưa phong trào lên mạnh hơn nữa, trực tiếp hỗ trợ cho Trà Bồng ... - Đối với vùng thấp của 4 huyện miền Tây thì lãnh đạo nhân dân kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự, binh vận, phá thế kìm kẹp của địch.

Do vậy, nhiệm vụ tiếp theo của Khu V là tập trung chỉ đạo lực lượng, chỉ đạo phong trào đồng khởi - khởi nghĩa từng phần ở miền núi (bao gồm Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh đồng bằng). Có thể nói, ở hầu khắp miền núi khu V đã nổ ra hàng loạt các cuộc nổi dậy giành quyền làm chủ của nhân dân. Tuy mức độ giành quyền làm chủ khác nhau nhưng tất cả các địa phương đều đã xây dựng và củng cố được lực lượng cách mạng, củng cố và mở rộng căn cứ địa.

---

<sup>(1)</sup> Trích lại: Bộ Quốc phòng-Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam. *Lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975, tập 2: Chuyển hướng chiến lược*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 253-254.

Đến những năm 60, Tây Quảng Ngãi cũng như Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ vẫn "là nơi địch ngày càng ra sức xây dựng thành trung tâm căn cứ quân sự ở miền Nam, làm chỗ dựa tấn công của cách mạng miền Nam và chuẩn bị gây chiến; cũng là nơi ta có nhiều điều kiện thuận lợi để ra sức xây dựng thành căn cứ địa cách mạng vững chắc nối liền với miền Bắc và vùng rừng Đông Bắc Nam Bộ, làm trở lực và tạo thế mạnh cho đồng bằng Liên khu, tạo thế mạnh chung cho cách mạng ở miền Nam, tích cực chống và phá âm mưu xây dựng căn cứ của địch, đồng thời là chỗ dừng chân và dự trữ lực lượng của ta để đón thời cơ đánh đổ địch"<sup>(1)</sup>.

Trong việc xây dựng lực lượng vũ trang ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, địa phương đã coi trọng đặc điểm và bản sắc của các dân tộc bản địa, đồng thời cũng kế thừa truyền thống cách mạng và kinh nghiệm xây dựng Đội du kích Ba Tơ. Ngày 3-9-1959, tại xã Trà Thọ (Trà Bồng), đơn vị vũ trang 339 được thành lập với 33 cán bộ chiến sĩ (trong đó có 27 thanh niên người Cor). Đây là đơn vị vũ trang đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 19-8, đơn vị vũ trang thứ hai (phiên hiệu 89) được thành lập tại thôn Tà Ngam, xã Sơn Lập, Sơn Hà - có 36 người (đông nhất là người Hrê và Xơ Đăng). Hầu hết các huyện, kể cả miền núi đều có từ 1 đến 3 tiểu đội. Cũng trong thời gian này ở Trà Bồng, lực lượng vũ trang đã tiến công các vị trí của địch, hỗ trợ cho đồng bào nổi dậy giành quyền làm chủ.

Cuối 1959 đầu 1960 những cuộc khởi nghĩa từng phần đã tạo ra nhiều vùng giải phóng ở Tây Quảng Ngãi cũng như vùng miền núi Khu V và hình thái cài rãng lược: vùng giải phóng-vùng

---

<sup>(1)</sup> Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy V (mở rộng), ngày 4 tháng 5 năm 1960. Trong Văn kiện Đảng toàn tập. Tập 21-1960. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.1096.

căn cứ cách mạng, ngày càng mở rộng. Phạm vi chiếm đóng, kìm kẹp của địch ngày càng bị thu hẹp. Sau đó Hội nghị Khu ủy khu V tháng 4-1960 đề ra những nhiệm vụ trước mắt cho toàn Khu, Khu ủy ra chỉ thị về củng cố và mở rộng căn cứ địa miền núi. Để tạo ra một chuyển biến mới, đẩy mạnh phong trào toàn Khu và đẩy mạnh xây dựng căn cứ địa, tháng 9-1960, Khu ủy phát động một phong trào đấu tranh vũ trang kết hợp với sự nổi dậy của quần chúng ở khắp miền núi Khu V, Tây Nguyên trong đó có miền Tây Quảng Ngãi.

Trên thực tế, cuộc chiến đấu chống địch, bảo vệ thành quả cách mạng diễn ra hết sức gay go, quyết liệt. Sau thời gian ngắn, chính quyền Mỹ-Diệm tập trung quân, mở nhiều cuộc càn quét quy mô lớn lên vùng đất Trà Bồng-Tây Quảng Ngãi, chúng chà đi, xát lại, gom dân, lập vành đai trống, và địch đã đốt trụi cả một vùng Trà Bồng, Sơn Hà. Do có sự chủ động, chỉ đạo ứng phó từ cấp trên, nhân dân Tây Quảng Ngãi vẫn ngoan cường, bền gan, sát cánh chiến đấu bên nhau. Họ tiếp tục vận dụng, kết hợp đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và bất hợp pháp cũng như kết hợp phương pháp đấu tranh chính trị với quân sự và binh vận. Kết quả, căn cứ địa và vùng giải phóng được giữ vững và mở rộng. Miền núi Tây Quảng Ngãi đã thực sự trở thành căn cứ địa vững chắc của phong trào kháng chiến trong toàn tỉnh và Khu V, địa bàn đứng chân cho lãnh đạo Khu V và tỉnh Quảng Ngãi, ủng hộ tích cực cho phong trào đấu tranh chung của nhân dân miền núi Trung Bộ đến khi cuộc kháng chiến chống Mỹ thắng lợi hoàn toàn.

Truyền thống yêu nước, cách mạng của cán bộ và nhân dân các huyện miền Tây Quảng Ngãi đã được Đảng và Chính phủ ghi nhận qua việc 19 đơn vị, tổ chức, rất nhiều cá nhân, Bà mẹ được phong tặng danh hiệu cao quý anh hùng lực lượng vũ trang

nhân dân và Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Có thể khẳng định, cuộc kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ trở thành lò lửa tôi luyện, thử thách, thể hiện sự bền bỉ, lòng kiên trung, bất khuất, dũng cảm, tình đoàn kết gắn bó giữa các dân tộc anh em cùng chung sống ở miền Tây Quảng Ngãi. Truyền thống yêu nước cách mạng đó đã và sẽ được phát huy tiếp tục trong công cuộc bảo vệ, xây dựng đất nước hiện nay.

## *II. Miền Tây Quảng Ngãi trong công cuộc Đổi mới phát triển hiện nay*

Sau khi đất nước thống nhất, nhân dân cả nước tập trung thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đảng và Nhà nước rất chú trọng đến việc giải quyết chính sách dân tộc. Hệ thống chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng dần được hoàn thiện.

Thực hiện quyền bình đẳng mọi mặt giữa các dân tộc, tạo điều kiện cần thiết để xóa bỏ tận gốc sự chênh lệch về trình độ kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc ít người với dân tộc Kinh, đưa miền núi phát triển toàn diện, các dân tộc tiến bộ có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Một số chính sách về miền núi như bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, chính sách định canh, định cư, chính sách ưu tiên cho đồng bào dân tộc thiểu số... được ban hành và thực hiện khá hiệu quả.

Trải qua hai cuộc chiến tranh, miền núi Quảng Ngãi bị tàn phá nặng nề bởi bom đạn, chất độc hóa học của địch. Xuất phát điểm của nền kinh tế hết sức thấp kém. Các dân tộc ít người vẫn chưa thay đổi được tập quán canh tác lạc hậu, một số hủ tục trước kia đã xóa bỏ nay lại phục hồi lại.... Trước 1986 là giai đoạn địa phương dồn sức người, sức của khắc phục hậu quả chiến tranh;

tiến hành khai hoang, phục hóa nương rẫy, khôi phục lại sản xuất. Với sự ưu việt của chế độ hợp tác hóa, cơ sở hạ tầng cơ bản vùng núi (thủy lợi, cầu cống, đường sá...) bước đầu được Nhà nước quan tâm đầu tư, khôi phục, xây dựng mới. Toàn bộ hệ thống bờ xe nước dọc hệ thống sông Trà Khúc, sông Vê, bị địch phá nát trong chiến tranh, đã được khôi phục lại, phục vụ kịp thời cho sản xuất nông nghiệp. Nhà máy thủy điện Cà Dú (Trà Bồng), Di Lăng (Sơn Hà) đã được đầu tư xây dựng, nhằm cung cấp điện cho sản xuất, sinh hoạt của nhân dân trong vùng. Nghề trồng quế có điều kiện khôi phục, phát triển và trên thực tế đã mang lại lợi ích kinh tế lớn cho người dân địa phương.

Về mặt xã hội, người dân chuyển dần từ tập quán du cư sang định cư ở vùng đất bằng. Cuộc vận động xây dựng nếp sống mới được triển khai, nhiều tập tục lạc hậu được vận động thay đổi như tục cà răng, cẳng tai, tảo hôn... Trung tâm các huyện lỵ cùng một vài thị tứ dần hình thành. Tuy chưa thật khang trang, hiện đại nhưng đây là các trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện hoặc của cụm xã. Nhìn chung, trước khi cùng cả nước bước vào công cuộc Đổi mới xây dựng đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, kinh tế-xã hội miền Tây Quảng Ngãi đạt được những thành tựu cơ bản về nhiều mặt, song do hạn chế của cơ chế quản lý hành chính, quan liêu, bao cấp cùng những khó khăn khách quan không dễ khắc phục. Đó là những khó khăn về điều kiện tự nhiên, như: vị trí địa lý, địa hình, địa mạo, đất đai, giao thông không thuận lợi; lại ở vùng có thời tiết, khí hậu khắc nghiệt, v.v... Công nghiệp hầu như không có, kinh tế chủ yếu là nông nghiệp lại phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên. Chưa nhận được sự đầu tư lớn của Nhà nước. Vì vậy nền kinh tế của địa phương chậm phát triển. Nhiều nơi đồng bào vẫn còn rất nghèo, cảnh đói cơm, thiếu muối hàng năm thường xảy ra trên diện rộng, nhất là

ở những xã, bản ở vùng sâu, vùng xa. Nhiều trẻ em vẫn chịu cảnh thất học. Một số nghè cổ truyền dần mai một.

Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1986), đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Riêng đối với vùng dân tộc, miền núi, Đảng, Nhà nước từng bước định ra nhiều chủ trương, chính sách lớn, kèm theo các giải pháp cụ thể cho sự phát triển kinh tế-xã hội của từng vùng. Trong đó, quan trọng nhất là Nghị quyết số 22-NQ/TU của Bộ Chính trị, ngày 27-11-1989 *Về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế-xã hội miền núi*, Quyết định số 72-HĐBT, ngày 13-3-1990, Nghị quyết số 05-NQ-HNTW, ngày 10-6-1993 của Hội nghị lần thứ 5 BCHTW Đảng khóa VII, *Tiếp tục đổi mới, phát triển kinh tế, xã hội nông thôn*, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ số 525 TTg, ngày 2-11-1993 về *Một số chủ trương, biện pháp tiếp tục phát triển kinh tế-xã hội miền núi*, Nghị định số 02/CP, ngày 15-1-1994 quy định *Về việc giao đất làm nghiệp cho tổ chức, gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp*, Quyết định 133/1998/TTg, ngày 13-7-1998 của Thủ tướng Chính phủ về *Chương trình mục tiêu xóa đói, giảm nghèo trong giai đoạn 1998-2000...*

Những chủ trương, chính sách, giải pháp phát triển kinh tế-xã hội cho vùng dân tộc và miền núi mà Đảng và Nhà nước ban hành hơn mươi năm qua, tập trung vào một số nội dung chủ yếu như: Xác định phương hướng phát triển kinh tế-xã hội miền núi trong giai đoạn đổi mới với tư tưởng chủ đạo là: xây dựng cơ cấu kinh tế miền núi theo hướng phát triển kinh tế hàng hóa, liên kết chặt chẽ với các tỉnh đồng bằng, ra sức phát huy thế mạnh của từng vùng. Đảng và Nhà nước ta cũng đã đưa ra chủ trương như: nhanh chóng hoàn thành việc xác định quyền làm chủ đất đai, gắn với môi trường sống của đồng bào dân tộc, thông qua chủ trương giao đất, giao rừng, định canh, định cư để ổn định phát triển sản xuất; Khắc

phục căn bản tình trạng tranh chấp đất đai, bảo vệ và phát triển vốn rừng cùng tình trạng di cư tự do ở vùng dân tộc và miền núi; Từng bước đổi mới cơ cấu kinh tế, tập trung phát triển cây, con có lợi thế thành những vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả, lương thực, chăn nuôi đại gia súc, gia cầm; Gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Thúc đẩy sự giao lưu hàng hóa giữa các vùng; Phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế, khuyến khích kinh tế hộ gia đình, tạo điều kiện thuận lợi và động viên các tổ chức kinh tế, tư nhân đầu tư phát triển và kinh doanh ở vùng dân tộc miền núi; Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào các dân tộc ở miền núi, đưa miền núi thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, chậm phát triển để hòa nhập với sự nghiệp phát triển chung của cả nước, góp phần bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh quốc phòng...

Thông qua các chương trình, dự án, Nhà nước dành nhiều nguồn lực ưu tiên đầu tư vốn, vật tư, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội nông thôn miền núi. Bước đầu đã gắn tăng trưởng kinh tế với bảo vệ an ninh, chính trị, quốc phòng; giải quyết những nhu cầu bức xúc về mặt xã hội của đồng bào các dân tộc ít người.

Năm vững và vận dụng sáng tạo, linh hoạt đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước, Đảng bộ và chính quyền các cấp tỉnh Quảng Ngãi cùng các huyện Tây Quảng Ngãi đã lãnh đạo nhân dân địa phương triển khai, thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế-xã hội. Đặc biệt trong các Nghị quyết các Đại hội lần thứ 14 (1991), 15 (1996) và 16 (2001) của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi đều nhấn mạnh đến nhiệm vụ, chương trình phát triển miền núi và dân tộc ít người. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi đã đồng lòng tranh thủ tận dụng cơ hội mới, bằng cách phát huy truyền thống cách

mạng, tinh thần bền bỉ, chịu thương chịu khó, quyết vượt qua mọi khó khăn thử thách, vươn lên làm chủ cuộc sống mới. Nhìn vào sự phát triển của kinh tế các huyện Tây Quảng ngai từ những năm 90 đến nay, có thể thấy những thành tựu cơ bản trên những lĩnh vực sau:

Sản xuất nông nghiệp đã có bước phát triển mới. Trong 10 năm từ 1990 đến 2000, sản lượng lương thực quy thóc ở miền núi tăng từ 34.000 tấn lên 40.881 tấn, bình quân lương thực đạt 227 kg/người, người dân đã đủ ăn. Chăn nuôi cũng được quan tâm phát triển, với số lượng đại gia súc, gia cầm năm sau tăng hơn năm trước. Việc khai thác rừng phát triển song song với việc trồng và chăm sóc rừng, cụ thể: năm 2001 đã trồng được 1.683 ha rừng tập trung (năm 2000: 1.399 ha); khoanh nuôi được 26.388 ha rừng (năm 2000: 23.111 ha). Sản lượng gỗ hàng hóa khai thác đạt  $7.599 m^3$ <sup>(1)</sup>. Một số nghề cổ truyền như dệt thổ cẩm, rèn sắt khôi phục và phát triển. Công nghiệp chủ yếu có các ngành: điện, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến gỗ, chế biến lương thực, cơ khí nhỏ... góp phần đưa giá trị sản phẩm tiêu thủ công nghiệp chiếm khoảng 20% cơ cấu kinh tế vùng.

Trong lĩnh vực kinh tế tư nhân, đặc biệt từ khi Luật Doanh nghiệp ra đời, số lượng doanh nghiệp công nghiệp tư nhân đã tăng lên nhanh chóng. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, đến năm 2000, 5 huyện miền Tây Quảng Ngai có 1.275 cơ sở công nghiệp ngoài quốc doanh, sang năm 2001 phát triển lên 1.445 doanh nghiệp. Số người làm kinh doanh dịch vụ cá thể cũng tăng nhanh, từ 1.702 người của năm 2000, đến năm 2001 có tới 2.042

---

<sup>(1), (2)</sup> Tổng cục Thống kê, Trần Hoàng Kim (chủ biên). *Tư liệu kinh tế-xã hội 631 huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Việt Nam*. Nxb Thống kê, Hà Nội, 2002. tr.1375-1407.

người tham gia vào các nghề thương mại dịch vụ khác nhau, chủ yếu tập trung làm dịch vụ chế biến gỗ, chế biến lương thực, thực phẩm, thu mua quế, chè..., hoặc trong các ngành tiểu thủ công nghiệp như sản xuất vật liệu xây dựng, may mặc, làm đồ mộc...<sup>(1)</sup>. Thực tế cho thấy, kinh tế tư nhân như một động lực thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển trong nền kinh tế thị trường đang manh nha hình thành ở địa phương.

Do có chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp chính quyền địa phương, cùng với sự quyết tâm hưởng ứng của nhân dân. Đến nay, các huyện miền Tây Quảng Ngãi đã được Nhà nước đầu tư, xây dựng được hệ thống giao thông nông thôn-miền núi liên hoàn, được kết nối từ trung tâm xã tới các trục quốc lộ, tỉnh lộ, trung tâm hành chính huyện. Trong tổng số 63 xã, phường thuộc Tây Quảng Ngãi thì có 57 xã có đường ô tô vào đến trung tâm, 26 xã có điện đến tận thôn, bản, 59 xã có điện thoại, một số xã có nhà Bưu điện văn hóa xã, góp phần nâng cao dân trí cho nhân dân. Tuy vậy đường giao thông nông thôn miền núi chưa vội đến tận thôn, nóc vùng cao, vùng xa - những nơi ở hẻo lánh.

Sự nghiệp giáo dục có bước tiến khá. 59 xã miền Tây có trường tiểu học, 35 xã có trường trung học cơ sở, mỗi huyện đều có trường dân tộc nội trú cho con em các dân tộc. Số học sinh phổ thông các cấp (năm học 2000-2001) đạt tới 40.689 học sinh<sup>(2)</sup>, số học sinh thất học giảm nhiều. Điều đáng quý là địa phương có sự quan tâm, ưu ái đến lứa tuổi mầm non. Riêng 3 huyện Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ đã có 89 lớp mẫu giáo và Ba Tơ cũng có 13 trường mẫu giáo. Số học sinh mẫu giáo của

---

<sup>(1), (2)</sup> Tổng cục Thống kê, Trần Hoàng Kim (Chủ biên). *Tư liệu kinh tế - xã hội 631 huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Việt Nam*. Nxb Thống kê, Hà Nội, 2002, tr. 1375 - 1407.

năm 2000, là 5.117 học sinh, năm 2001 tăng lên 6.244 học sinh. Trong lĩnh vực y tế, miền Tây Quảng Ngãi đã nhận được sự quan tâm rất lớn của Đảng, Chính phủ và chính quyền sở tại. Hiện nay địa phương đã xây dựng được 65 cơ sở khám chữa bệnh, với 433 giường bệnh. Người dân tộc được động viên, khuyến khích đến khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế. Tuy vậy vẫn còn 4 xã chưa có trạm y tế đã ít nhiều khó khăn cho nhân dân, nhất là những người nghèo.

Ngoài ra, nhân dân các dân tộc thiểu số được hưởng những chính sách ưu đãi rất lớn của Nhà nước. Đó là chính sách trợ giá, trợ cước vận chuyển một số mặt hàng thiết yếu và vật tư sản xuất. Cho vay vốn để phát triển sản xuất. Đối với các hộ nghèo vay vốn qua ngân hàng được giảm lãi suất từ 15 - 30%; cấp phát không thu tiền 4 mặt hàng thiết yếu là muối i ốt, thuốc chữa bệnh, dầu thắp sáng và tập viết cho học sinh. Học sinh đi học không phải đóng học phí, được trợ cấp tiền trợ, tiền tàu xe đi về, thanh niên các dân tộc ít người được học nghề miễn phí... Những chính sách thiết thực đó đã giúp cho bà con dân tộc thêm điều kiện vượt qua những khó khăn trước mắt.

Cuộc vận động định canh, định cư vùng đồng bào dân tộc ít người đạt được một số kết quả nhất định. Ở miền Tây Quảng Ngãi, nhiều diện tích khai hoang trở thành ruộng nước, ruộng bậc thang, ruộng cạn phát triển theo hướng thâm canh, tăng năng suất. Mô hình định canh, định cư của địa phương rất phong phú, có thể định canh, định cư tại chỗ, hoặc chuyển đến vùng đất bằng phẳng, thuận tiện để sinh sống, phát triển kinh tế hộ gia đình, xây dựng vùng kinh tế mới gắn với xây dựng bản, nóc. Đến năm 2000, miền núi Quảng Ngãi đã xây dựng được 11 khu dân cư tập trung với 5 cụm xã và có 6 tiểu vùng kinh tế được hình thành, góp phần hỗ trợ và thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển.

Đảng và Nhà nước ta luôn luôn xác định xóa đói, giảm nghèo ở vùng dân tộc ít người là một nhiệm vụ có tầm chiến lược về kinh tế-xã hội-chính trị, mục tiêu nâng cao nhanh chóng đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc ở các xã đặc biệt khó khăn, miền núi và vùng sâu, vùng xa, tạo điều kiện để đưa nông thôn các vùng này thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, chậm phát triển, hòa nhập với sự phát triển chung của cả nước, góp phần bảo đảm trật tự an toàn xã hội, an ninh quốc phòng. Trong từng thời kỳ, Đảng và Nhà nước đã có chủ trương, chính sách xóa đói, giảm nghèo phù hợp. Từ 1992, Đảng và Nhà nước đã tập trung đầu tư cho vùng đồng bào các dân tộc thiểu số. Đã có nhiều dự án đầu tư của quốc tế về xóa đói, giảm nghèo ở 49 tỉnh có đồng bào ít người. Trong đó ở Quảng Ngãi, các xã miền Tây đã nhận được nhiều sự hỗ trợ trực tiếp về vật chất.

Trong quá trình triển khai chương trình 135/1998/QĐ-TTg, ngày 31-7-1998 về "Phát triển kinh tế-xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa" của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Quảng Ngãi có 2 huyện là Sơn Tây (4 xã, 2.128 hộ, 13.600 nhân khẩu) và Trà Bồng (15 xã, 3.696 hộ, 20.057 nhân khẩu) được duyệt thuộc các huyện trọng điểm đặc biệt khó khăn, được nhận sự đầu tư của chương trình. Hy vọng trong thời gian ngắn các xã này sẽ thu ngắn sự cách biệt với các huyện đồng bằng.

Tuy vậy, do những điều kiện riêng biệt, miền núi Tây Quảng Ngãi vẫn là khu vực phát triển chậm nên tỷ lệ hộ đói nghèo vẫn còn cao hơn so với các huyện đồng bằng (còn gần 10.000 dân trong diện đói và trên 30.000 người trong diện nghèo).

Có thể khẳng định, trong giai đoạn đầu của công cuộc đổi mới, miền Tây Quảng Ngãi đạt được những bước tiến quan trọng về các mặt kinh tế-xã hội. Tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn

dang cản trở con đường đi lên công nghiệp hóa-hiện đại hóa của địa phương. Ngành công nghiệp hầu như không có điều kiện phát triển (ngoài hai nhà máy thủy điện). Địa phương cũng chỉ có một vài ngành công nghiệp chế biến, tiểu thủ công nghiệp tạo ra giá trị hàng hóa thấp. Quá trình đô thị hóa còn yếu. Tiềm năng rừng đang bị cạn kiệt. Kết cấu hạ tầng phục vụ kinh tế-xã hội cho đồng bào miền núi phát triển chưa đạt yêu cầu, đường sá chông bị xuống cấp do địa hình hiểm trở, lũ lụt hàng năm tàn phá. Việc chuyển giao tiến bộ khoa học trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp cũng như chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo nhu cầu thị trường, phục vụ cho nền sản xuất hàng hóa gặp nhiều khó khăn và còn rất chậm chạp, thiếu sự năng động và quyết đoán.

Đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào dân tộc ít người ở vùng sâu, vùng xa nói chung vẫn nghèo nàn, thấp kém, nhiều tập tục lạc hậu vẫn tồn tại. Nguồn cán bộ địa phương (tại chỗ và tăng cường) vẫn còn thiếu; một số còn yếu về trình độ quản lý, tổ chức, triển khai nhiệm vụ kinh tế-xã hội của địa phương. Nói chung miền Tây Quảng Ngãi còn phải đối diện với rất nhiều khó khăn, thách thức trên bước đường công nghiệp hóa-hiện đại hóa, để hội nhập và phát triển cùng với vùng miền khác của đất nước.

Nguyên nhân do xuất phát điểm từ một nền kinh tế thấp kém, người dân mặc dù có tinh thần cách mạng ít nơi sánh nổi, nhưng trong buổi đầu tập làm quen với sản xuất hàng hóa theo cơ chế kinh tế thị trường, đã gặp rất nhiều khó khăn. Có lẽ bởi tâm lý, thói quen phụ thuộc nền kinh tế tự nhiên, phương thức sản xuất thì lạc hậu và nặng tính tự cấp tự túc đã ăn sâu vào tiềm thức của người dân bản địa. Trên thực tế, truyền thống ngoài yếu tố tích cực, đôi khi còn là sự cản trở khi muốn đến với cái mới, hiện đại. Ngoài ra, Quảng Ngãi là một tỉnh còn nghèo, tiềm năng

không nhiều, nội lực chưa đủ mạnh để xúc tiến tập trung nhân tài, vật lực cho Tây Quảng Ngãi.

Tuy vậy, với truyền thống yêu nước, bất khuất, kiên cường thể hiện từ trong các cuộc Khởi nghĩa Ba Tơ, Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, truyền thống lao động cần cù, tinh thần vượt khó khăn gian khổ, được sự quan tâm hơn nữa của Đảng và Chính phủ bằng những quyết sách táo bạo và đầy tính thực tiễn, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi cùng với nhân dân toàn tỉnh, nhân dân cả nước tiếp tục bước đi những bước vững chắc trong tiến trình thực hiện công cuộc đổi mới và phát triển cùng đất nước.

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HỘI THẢO  
CỦA PGS. TS. TRẦN ĐỨC CƯỜNG - VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN SỬ HỌC**

**TRẦN ĐỨC CƯỜNG\***

**V**ới âm mưu chia cắt lâu dài nước ta, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự nhằm bao vây miền Bắc, ngăn chặn phong trào cách mạng của nhân dân các nước, Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã phá hoại một cách hệ thống Hiệp định Giơnevơ trong đó có điều khoản về việc tổ chức tổng tuyển cử nhằm hòa bình, thống nhất đất nước Việt Nam. Để đối phó với phong trào đấu tranh của nhân dân đòi tự do, dân chủ, hòa bình và thống nhất đất nước, Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã thi hành chính sách đàn áp và khủng bố vô cùng dã man đối với nhân dân miền Nam. Chúng thi hành chính sách "tố cộng", "diệt cộng" hết sức man rợ nhằm vào những cán bộ, chiến sĩ ta, những người kháng chiến cũ. Chúng liên tiếp mở các cuộc hành quân, càn quét lớn vào các vùng nông thôn, nhất là vùng nông thôn Nam Bộ và Khu V vốn là các vùng tự do trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Chúng càn đi quét lại nhiều lần các vùng kháng chiến cũ, thực hiện việc bắt bớ, bắn giết, đốt nhà, cướp của với mục tiêu diệt tận gốc lực lượng cách mạng.

---

\* Phó giáo sư, Tiến sĩ, Viện Sử học.

Chính sách độc tài, phát xít của Mỹ và chính quyền Sài Gòn khiến cuộc sống của nhân dân miền Nam vô cùng cực khổ. Một không khí chết chóc, đau thương và hết sức súc súc ngọt ngạt bao trùm khắp nơi.

Là một địa phương mà trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp là vùng tự do, là trung tâm cách mạng của cả vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, Quảng Ngãi là một trong những nơi bị chính quyền và quân đội Sài Gòn tập trung đàn áp, khủng bố dã man nhất, đặc biệt là trong các năm 1956, 1957, 1958. Nhiều cán bộ, đảng viên bị địch bắt bớ, sát hại. Một số không ít đồng chí phải chạy dạt lên miền núi để bảo toàn lực lượng và xây dựng phong trào. Mặc dù bị địch đàn áp, cán bộ, đảng viên ở các huyện miền Tây Quảng Ngãi vẫn bám sát quần chúng, lãnh đạo họ đấu tranh chống các âm mưu thâm độc của kẻ thù. Tổ chức Đảng ở đây không những được giữ vững mà còn được tăng cường một số đồng chí từ đồng bằng lên. Cho đến cuối năm 1958, nhiều cơ sở Đảng ở các huyện đồng bằng Quảng Ngãi cũng dần được phục hồi sau các đợt khủng bố trống của địch. Ở các huyện miền núi, toàn bộ 20 xã của Trà Bồng, 10 xã của Sơn Hà và hầu hết các xã của Ba Tơ, Minh Long đều có chi bộ Đảng.

Việc giữ gìn, phát triển được lực lượng theo chủ trương dựa vào quần chúng, tin tưởng vào sức mạnh của quần chúng để chống lại sự tàn bạo của kẻ thù theo *phương châm đấu tranh ba vùng ở miền núi là vùng cao, vùng thấp, vùng giáp ranh đồng bằng và phương pháp đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang* của Tỉnh ủy Quảng Ngãi (được xác định tại Hội nghị Gò Rô, tháng 7-1958) là điều kiện quan

trọng để phong trào cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi tiếp tục phát triển và dẫn đến cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi tháng 8 năm 1959.

Một điều kiện nữa hết sức quan trọng dẫn đến khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là chủ trương đúng đắn của Đảng thể hiện qua bản *Đề cương đường lối cách mạng miền Nam* (được Tỉnh ủy Quảng Ngãi thảo luận trong cuộc họp tại Trà Trung, Trà Bồng vào tháng 2-1958) và *Nghị quyết 15* của Trung ương Đảng (về tới Quảng Ngãi tháng 6-1959), chủ trương của Đảng ta lúc này là: Trước âm mưu thâm độc của đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai chia cắt lâu dài nước ta và trước sự tàn bạo của kẻ thù, nhân dân ta không còn con đường nào khác là đứng lên chiến đấu vì độc lập và thống nhất cho đất nước và vì hạnh phúc của nhân dân.

Trong không khí sôi sục của những ngày chống các cuộc hành quân càn quét của địch, lại được ánh sáng của Nghị quyết 15 soi sáng, ngày 28-8-1959, khởi nghĩa Trà Bồng bùng nổ. Hàng chục ngàn đồng bào các dân tộc ở đây, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Trà Bồng và Tỉnh ủy Quảng Ngãi, được các lực lượng vũ trang hỗ trợ đã nổi dậy đánh đổ chính quyền địch ở địa phương, xây dựng quyền làm chủ của mình. Trong cuộc khởi nghĩa này, nhân dân Trà Bồng đã quét sạch ngụy quyền ở 16 xã, bức rút 7 đồn, diệt 161 tên địch, làm bị thương hàng trăm tên khác, trừng trị nhiều tên ác ôn có nợ máu với nhân dân.

Từ sau ngày 28-8-1959, làn sóng khởi nghĩa lan nhanh ra các huyện miền núi Tây Quảng Ngãi như Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long. Đồng bào các dân tộc trên khắp các địa bàn nhất tề nổi

dậy với sự hỗ trợ kịp thời của các đơn vị vũ trang cách mạng của tỉnh gồm các đơn vị 89, 299, 339... và các đơn vị vũ trang của các huyện, đã bao vây, bức hàng, bức rút hàng loạt đòn bốt của địch và làm tan rã hệ thống chính quyền địch ở địa phương. Chính quyền cách mạng dưới hình thức nhân dân tự quản được thành lập ở các xã, huyện. Hơn 40 xã được giải phóng đã tạo ra chỗ đứng vững chắc của lực lượng cách mạng trên một địa bàn hiểm yếu ở phía Tây Quảng Ngãi nối liền với các khu căn cứ đang hình thành ở Bắc Tây Nguyên.

Qua việc tìm hiểu về bối cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, các bản báo cáo và các ý kiến phát biểu trong Hội thảo đã thống nhất đánh giá: Đây là cuộc khởi nghĩa lớn nhất, tiêu biểu cho tinh thần quật khởi của nhân dân ta ở miền núi Khu V vào cuối năm 1959. Thắng lợi của khởi nghĩa Trà Bồng và các huyện miền Tây Quảng Ngãi đánh dấu bước phát triển mới của cách mạng miền Nam, là sự mở đầu của thời kỳ đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang nhằm lật đổ ách thống trị tàn bạo của Mỹ và chính quyền Sài Gòn vì mục tiêu độc lập cho dân tộc và thống nhất cho Tổ quốc. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi góp phần thúc đẩy cao trào khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận của nhân dân miền Nam trong những năm 1959-1960.

Thắng lợi của các cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và các huyện miền Tây Quảng Ngãi đã cung cấp nhiều kinh nghiệm quý báu cho việc vận dụng Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng vào thực tiễn phong trào cách mạng ở toàn Khu V và các địa phương khác thuộc miền Nam.

45 năm đã trôi qua kể từ ngày cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi giành được thắng lợi, nhưng tinh thần cách mạng tiến công của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi trong cuộc khởi nghĩa ấy còn mãi đến ngày nay và vẫn có ý nghĩa to lớn động viên nhân dân Quảng Ngãi và nhân dân cả nước trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay.



Bảo tàng khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi



Bàn đá dùng trong Đại hội Gò Rô lịch sử ngày 07/7/1958  
tại Gò Rô, xã Trà Phong, huyện Trà Bồng



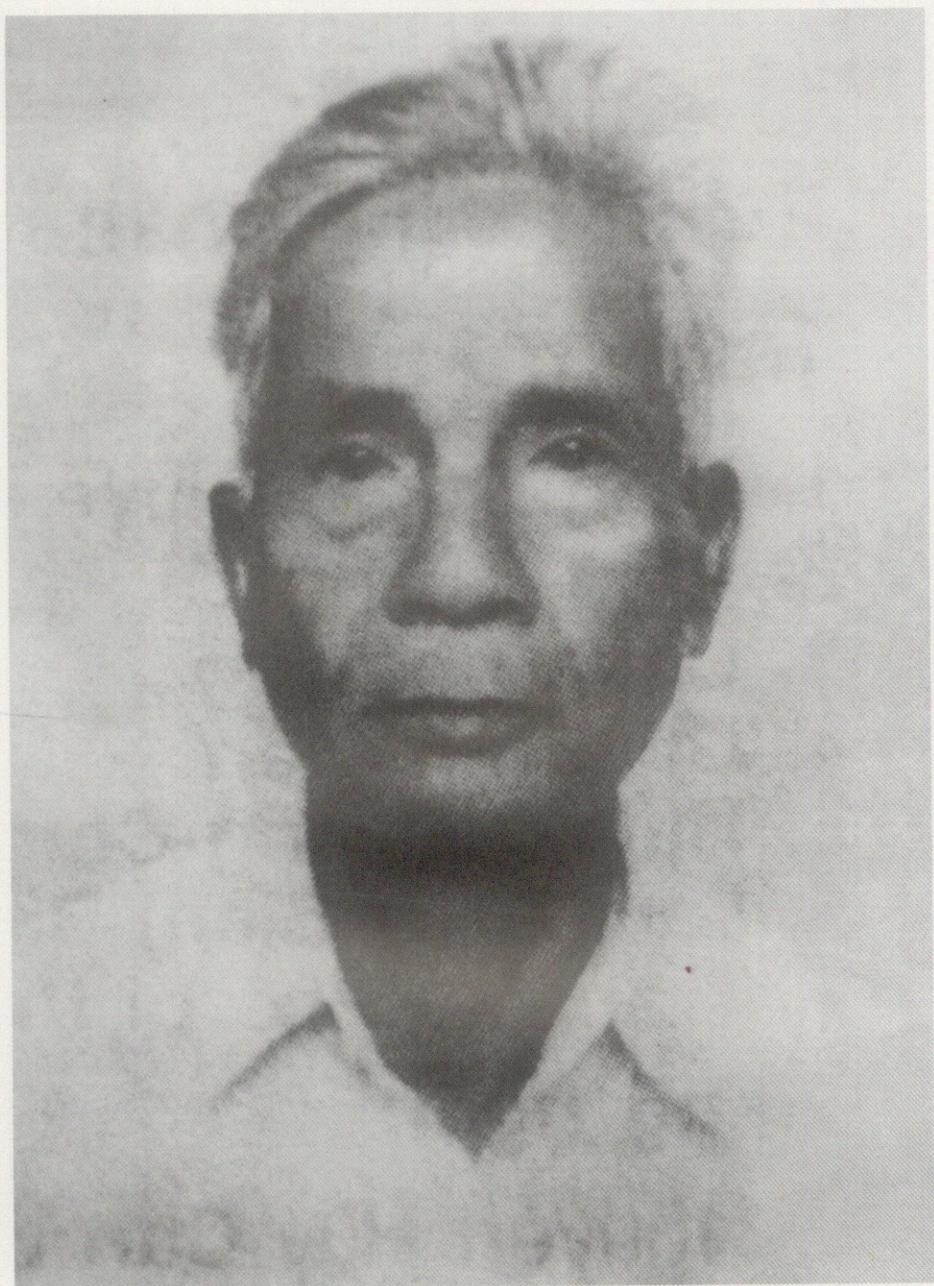
Đồng chí Phạm Thành Biên - Phó bí thư Tỉnh ủy, Bí thư Ban Cán sự  
miền Tây Quang Ngãi trao lá cờ Tổ quốc cho Đại hội Gò Rô



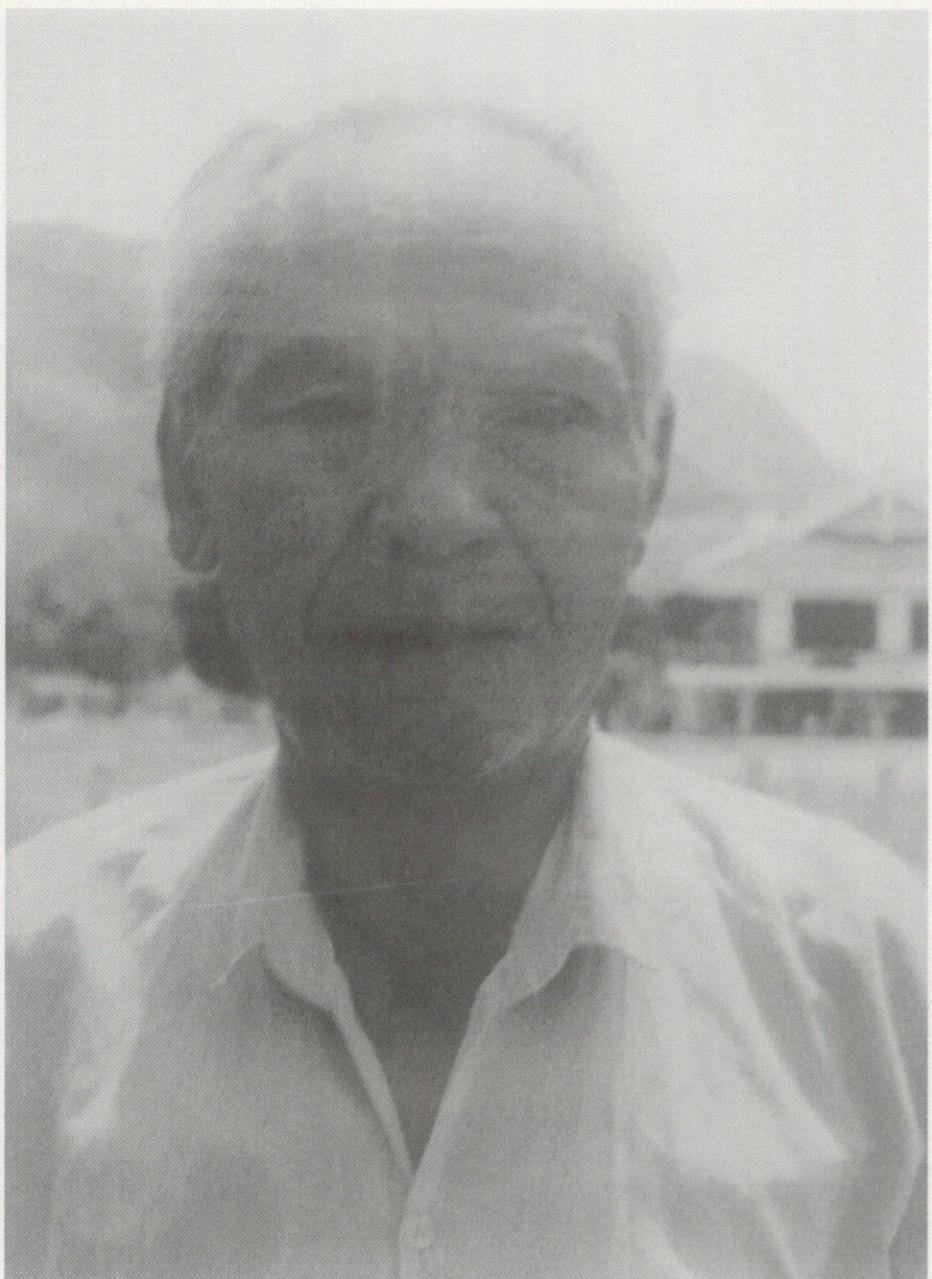
Đồng chí Trương Quang Giao - Bí thư Khu ủy Khu V (1954 - 1955),  
người chỉ đạo xây dựng phong trào cách mạng ở Khu V, trong đó có Trà  
Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, tạo tiền đề tiến tới khởi nghĩa Trà Bồng  
và miền Tây Quảng Ngãi 28/8/1959



Đồng chí Nguyễn Quang Lâm (Tamtu), Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi (1955-1960), một trong những đồng chí lãnh đạo cuộc khởi nghĩa.



Đồng chí Đinh Mô (Muời Mô), Tỉnh ủy viên, Phó bí thư Ban Cán sự miền Tây Quảng Ngãi, một trong những đồng chí lãnh đạo cuộc khởi nghĩa



Đồng chí Truong Ngoc Khang - Tỉnh ủy viên, Ủy viên thường trực Ban Cán sự miền Tây Quảng Ngãi, một trong những đồng chí lãnh đạo cuộc khởi nghĩa



Các già làng người Cor ở Trà Bồng tham gia khởi nghĩa



Đồng bào dân tộc Cor -  
Trà Bồng tham gia khởi nghĩa



Đồng bào dân tộc Cor - Trà Bồng tham gia khởi nghĩa



Nhân dân các xã miền Tây Quàng Ngãi đấu tranh chống Mỹ Diệm



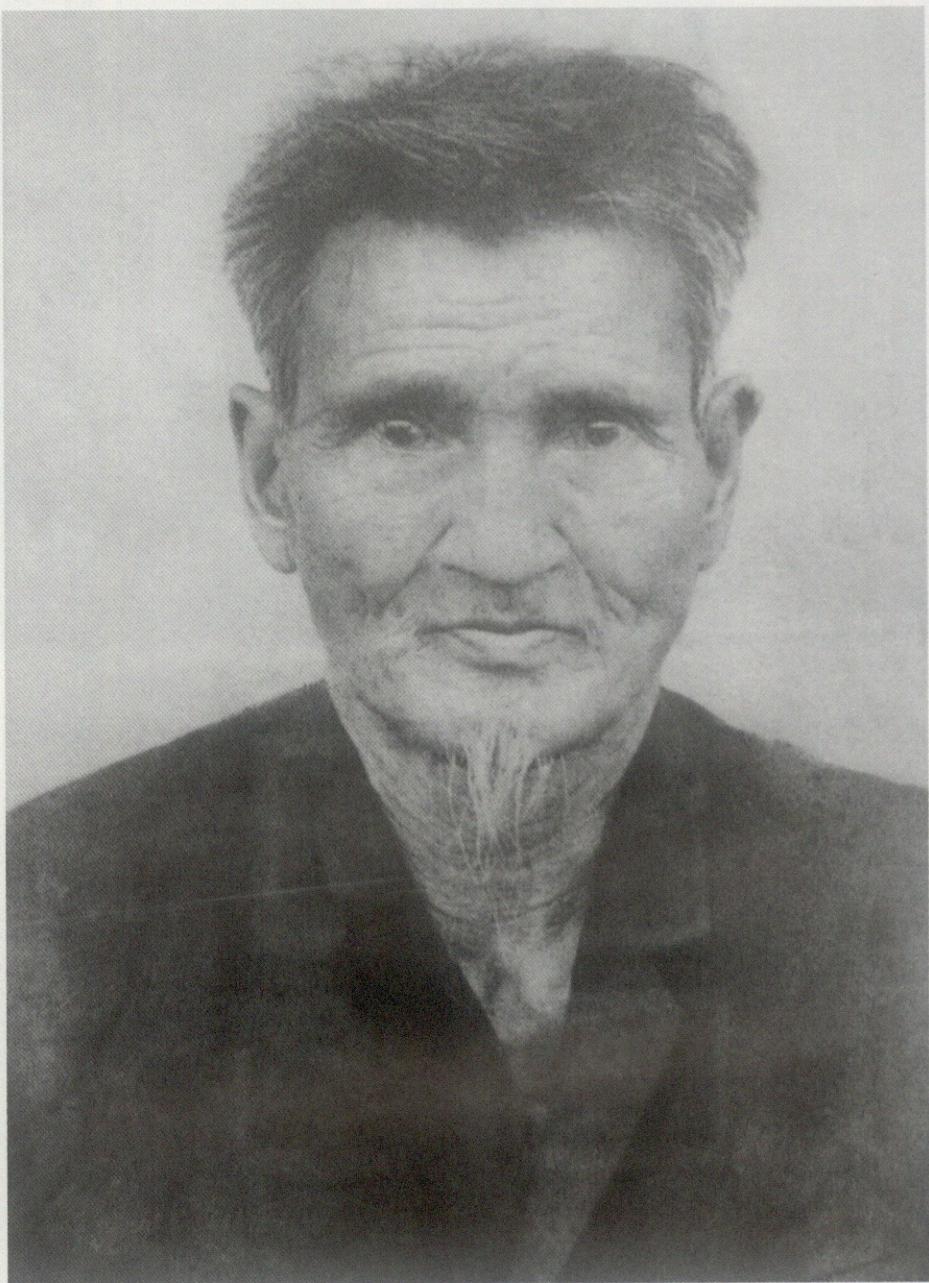
Đông bào Cor - Trà Bồng trở về làng sau khởi nghĩa



Cán bộ chiến sĩ đơn vị 339 hướng dẫn cho du kích  
các xã huyện Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi cách làm bẫy chông.



Tổ chức mít tinh thành lập Ủy ban nhân dân tự quản tại xã Trà Tho  
(Trà Bồng) trong cuộc khởi nghĩa.



Già Bung - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tự quản xã Trà Phong (tháng 9/1959)



Phù điêu Di tích chiến thắng Đòn Eo Chim (Trà Bồng)



Nhà ở của đồng bào Cor - Trà Bồng.



Quang cảnh lễ mít tinh kỷ niệm 40 năm khởi nghĩa Trà Bồng  
và miền Tây Quảng Ngãi.



Đồng chí Hồ Nghĩa Dũng - Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi phát biểu khai mạc Hội thảo khoa học về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi (tại Quảng Ngãi ngày 25, 26/8/2004).



Quang cảnh cuộc Hội thảo khoa học  
về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng về miền Tây Quảng Ngãi



Đồng chí Phạm Thanh Biên, một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa phát biểu tham luận tại Hội thảo khoa học về Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi



Phó Giáo sư - Tiến sĩ Trần Đức Cường - Viện trưởng Viện Sử học Việt Nam  
kết luận cuộc Hội thảo khoa học về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng  
và miền Tây Quảng Ngãi

# MỤC LỤC

Trang

Lời Nhà xuất bản.....	5
Lời giới thiệu.....	7
<i>Phát biểu chào mừng của đồng chí Hồ Nghĩa Dũng, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi tại Hội thảo khoa học "Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi" .....</i>	11
<i>TS. Nguyễn Kim Hiệu - Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, Báo cáo để dẫn Hội thảo khoa học về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi .....</i>	15
<i>TS. Nguyễn Đức Nhuệ, Miền đất và con người Quảng Ngãi trong lịch sử - Một số sự kiện tiêu biểu.....</i>	19
<i>Phạm Thanh Biền, Suy nghĩ về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi .....</i>	38
<i>PGS. TS. Phùng Đức Thắng, TS. Trần Minh Trường, Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi trong mối quan hệ phức tạp Việt Nam và quốc tế .....</i>	57
<i>Phạm Đình Khối – Để cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi mãi mãi là di sản quý báu của Đảng bộ, quân và dân Quảng Ngãi.....</i>	74
<i>Đương Quốc Đông, Vài nét về tổ chức bộ máy chính quyền Ngô Đình Diệm ở tỉnh Quảng Ngãi trong những năm 1954 – 1959 .....</i>	80
<i>PGS. TS. Đinh Thị Thu Cúc, Bức xúc chính trị - xã hội dồn nén dẫn đến cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi .....</i>	89
<i>TS. Vũ Quang Hiếu, Ths. Lê Quỳnh Nga, Điều kiện bùng nổ của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi .....</i>	95
<i>Hồng Nhân, Những yếu tố cơ bản tạo nên cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi .....</i>	112
<i>Đại tá Huỳnh Minh Giữ, Xây dựng lực lượng chính trị - lực lượng vũ trang vững mạnh làm nòng cốt cho khởi nghĩa giành thắng lợi .....</i>	124

<b>VŨ TÙNG VI, Vai trò của ba đơn vị vũ trang trong cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi .....</b>	139
<b>Trung tá, TS. Đinh Thu Xuân, Đại hội Gò Rô - "Hội nghị Diên Hồng" của đồng bào các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi.....</b>	157
<b>TS. Nguyễn Hữu Nguyên, TS. Lê Sơn, Từ Ba Tơ đến Trà Bồng - truyền thống tiên phong trong đấu tranh vũ trang của Quảng Ngãi .....</b>	167
<b>TS. Đỗ Thị Nguyệt Quang, Yếu tố căn cứ địa cách mạng trong cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi.....</b>	179
<b>TS. Nguyễn Tuân Triết, Chiến thắng Trà Bồng và phong trào đồng khởi ở miền Tây Quảng Ngãi và Bắc Tây Nguyên .....</b>	200
<b>Đại tá Nguyễn Văn Minh, Tầm vóc cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi và tác động của nó trong cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta ở miền Nam .....</b>	206
<b>Lê Tân Toả, Sự kết hợp giữa lực lượng quần chúng và vũ trang khởi nghĩa trong cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi .....</b>	215
<b>Phạm Nhớ, Một số vấn đề về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi .....</b>	228
<b>Nguyễn Hữu Đạo, Vai trò của quần chúng trong cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi .....</b>	240
<b>Duy Thị Hải Hường, Vai trò của phụ nữ trong cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi .....</b>	250
<b>Ths. Nguyễn Công Mạnh, Vấn đề đoàn kết dân tộc trong cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi .....</b>	262
<b>TS. Lưu Tuyết Vân, Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi - kết quả của quá trình chuẩn bị liên tục, lâu dài của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi .....</b>	269
<b>TS. Đinh Quang Hải, Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi - mốc mở đầu trang sử đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang của nhân dân Quảng Ngãi .....</b>	281
<b>Tù Tân Vũ, Mấy ý kiến nhỏ về bối cảnh lịch sử, quy mô và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi.....</b>	296

<b>GS. TS. Phan Ngọc Liên, Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền</b>	
<b>Tây Quảng Ngãi trong truyền thống yêu nước, cách mạng của</b>	
<b>nhân dân Quảng Ngãi .....</b>	<b>315</b>
<b>Đại tá Phạm Thanh Mai, Vận dụng những bài học kinh nghiệm</b>	
<b>của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi trong sự</b>	
<b>nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa.....</b>	<b>324</b>
<b>TS. Bùi Thị Thu Hà, Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây</b>	
<b>Quảng Ngãi trong phong trào cách mạng miền Nam những năm</b>	
<b>1954 – 1959.....</b>	<b>333</b>
<b>PGS. Cao Văn Lượng, Tinh thần động, sáng tạo của Tỉnh ủy</b>	
<b>Quảng Ngãi trong quá trình lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Trà Bồng</b>	
<b>và miền Tây Quảng Ngãi .....</b>	<b>341</b>
<b>PGS. TS. Nguyễn Văn Nhật, Những dấu son của cách mạng</b>	
<b>Quảng Ngãi, từ kinh nghiệm và ý nghĩa của khởi nghĩa Trà</b>	
<b>Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đến cuộc Tổng tấn công và nổi</b>	
<b>dậy mùa Xuân năm 1975.....</b>	<b>357</b>
<b>Thiếu tướng, Nhà văn Nguyễn Chí Trung, Cuộc khởi nghĩa</b>	
<b>Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi - bước ngoặt chiến lược của</b>	
<b>cách mạng miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước .....</b>	<b>372</b>
<b>PGS. Lê Mậu Hãn, Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây</b>	
<b>Quảng Ngãi – ngọn cờ đầu, một điển hình sáng tạo về sử dụng</b>	
<b>phương thức bạo lực trong cao trào khởi nghĩa từng phần ở</b>	
<b>miền Nam 1959 – 1960 .....</b>	<b>381</b>
<b>TS. Nguyễn Thuỷ Dương, Nhìn lại cuộc khởi nghĩa Trà</b>	
<b>Bồng và miền Tây Quảng Ngãi sau 45 năm .....</b>	<b>388</b>
<b>TS. Trần Thị Tường Vân, Miền Tây Quảng Ngãi từ truyền</b>	
<b>thống cách mạng đến những thành tựu kinh tế - xã hội trong sự</b>	
<b>nghiệp đổi mới hiện nay .....</b>	<b>394</b>
<b>PGS.TS. Trần Đức Cường, Báo cáo Tổng kết hội thảo .....</b>	<b>420</b>

**NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI**

36 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội

ĐT: 04.39719073 - Fax: 04. 39719071

Website: [http://www.vass.gov.vn/nhaxuatban\\_khxh](http://www.vass.gov.vn/nhaxuatban_khxh)

Email: nxbkhxh@gmail.com

---

**KHÔI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI  
SỰ KIỆN VÀ Ý NGHĨA**

*Chịu trách nhiệm xuất bản*

**TS. NGUYỄN XUÂN DŨNG**

Biên tập nội dung: **NGUYỄN BẠCH LY**

Kỹ thuật vi tính: **TRẦN THU HÀ**

Sửa bản in: **NGUYỄN BẠCH LY**

Trình bày bìa: **STAR BOOKS**

---

In 1.000cuốn, khổ 16 x 24cm tại Công ty In và Văn hóa phẩ'n.

Số đăng ký KHXB: 629-2009/CXB/21-38/KHXH.

Số QĐXB: 115/QĐ-NXB KHXH, ngày 03 tháng 8 năm 2009.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2009.



Thư viện tỉnh Quảng Ngãi



DCV.000036

# KHỐI NGHĨA TRÀ BÔNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI SỰ KIỆN VÀ Ý NGHĨA

NUỚI NƠI NÀO TRỜI ĐẤU NƯỚC HÀ NHÌU TÀU QUỐC HỘ QUỐC

GIÁ: 86.000 ₫